

醫畧解音雜症

Y LƯỢC GIẢI ÂM

TẬP CHỨNG

Lịch ~~Y~~ : TẠ-~~PHÚC~~-HẢI, soạn thuật

Trưởng-Nam : TẠ ĐỨC-HẢO, thẩm-định

Tôn : ĐỨC-CƠ, ĐỨC-MY, biên, ~~thảo~~

IN LẦN THỨ NHẤT

Soạn-giả giữ bản-quyền

Giá tiền một bộ là : 2 \$ 60



1931

NHA IN NGŨ - TỬ - HIA

25-36, Phố Nhà Tho

HANOI

31100

BÀI TỰA

Đời xưa vua Thần-Nóng nếm các cây thuốc, chia ra những tinh nóng, lạnh, ôn bình. Vua Hoàng-Đế hỏi ông Kỳ-Bá các thứ bệnh, ông Kỳ-Bá đáp lại các phép chữa; từ đó mới sinh ra đạo thuốc. Đến đời nhà Tần nhà Hán về sau lại có cả ông Hiên-Y nài lên phép tắc mỗi ngày càng tinh; sách vở mỗi ngày càng nhiều, nhưng mà nhà-nước không mở khoa thuốc cho nên học-trò chẳng cần học tập chỉ những nhà làm thuốc cứ nhân sao cũ mà làm, hoặc có người biếng lười ngại những sự tra xét, cũng có người thật thà vụng chẳng biết biến thông. Đến khi xem bệnh thời trong bụng hồ đồ; thuốc men lắm nhầm, thường có bệnh nhẹ hóa nặng bệnh nặng thành nguy; thực tại nghề thuốc không tinh, sao gọi là nhân thuật được?

Ngày nay vua ta trị vì bốn phương yên lặng, phong hóa mở mang, văn-minh lấn tới. Vừa gặp khi nhà-nước Bảo-hộ rộng mở học-đường; lại có tràng thuốc; thế thời sách thuốc của ta sao nên bỏ mà không học du!

Tôi những muốn hết lòng tra xét để thay những thói biếng lười, hết sức biến thông để đổi những lòng cầu nệ khiến cho ai ai đều hiểu nghề thuốc không mắc phải những sự nhầm nhỡ.

Vậy nên đem các pho sách thuốc, hơn hai mươi bộ, liệt kê cả ra đếm ngày tra xét bỏ bớt những nhời xa xối, chọn lấy những phép chuẩn dịch dịch ra tiếng nôm để cho dễ đọc. Khi sách đã làm xong gọi tên là: « Y-Lược Giải-Âm » để giúp cho những bậc sơ-học, lại nghĩ rằng: soạn sách một mình còn là nông nổi tháo lược những mong rằng các ông Cao-minh sửa soạn lại cho tường.

Thực là mong lắm lắm.

Kính tấu

Lý-Thái, TẠ ĐỨC-HÀO

Hanoi, le 4 Janvier 1921

Phàm - lệ

Điều thứ nhất. — Quyển sách này kinh theo phép pho Bản-thảo của Vua Thần-Nông biên các tính thuốc. Pho Nội-kinh của vua Hoàng-Đế bàn luận các bệnh và các phép chữa, nghĩa lý sâu xa, thực là vua thánh lâm ông tổ đạo thuốc.

Điều thứ hai. — Lại kinh theo phép các pho sách thuốc của các ông Tiên-hiền biên luận bệnh chứng đặt thêm các bài thuốc chia làm 6 phép gọi rằng: Hàn, nhiệt, bổ, hòa, công, tán, lại có 8 trận phương mới thêm ra 2 trận cổ, nhân, thực là thần diệu lắm.

Điều thứ ba. — Trong sách thuốc những các tên bệnh thời bực sơ-học chưa biết cho hết, vậy nên phải tường nói đáng bệnh thế nào, như là vẽ ra, để xem thời biết ngay không phải tra cứu nữa.

Điều thứ tư. — Những các bài thuốc hoặc có nhiều vị mãnh liệt, hoặc có vị nóng quá, lạnh quá, bởi vì người đời xưa tâm tính khác, bằng nay có dùng thời phải nên cho ít, hoặc là dảm đi hoặc sợ khi dùng có nhảm, mà không vớt lại được chăng?

Điều thứ năm. — Những các vị thuốc có thật có giả, dùng vị thật thì hay, dùng vị giả thời không ích lợi gì hoặc lại có tổn phải hỏi những người kinh lịch đã lâu thì mới biện được, như vị thực-địa phải phơi nấu đủ 9 ngày thời mới thật là chín, như vị trần-bì, bán-hạ chỉ-thực, chỉ-xác phải để lâu năm thời mới dùng được, còn những vị khí bạc phải dùng ngay, để lâu thì hỏng.

Điều thứ sáu. — Trong một bệnh, có hai ba bài thuốc, là để xét xem bài nào có vị ưa nên dùng, hoặc có vị không ưa, để mà kén chọn, lại còn phương dẫn dụ, một bệnh, dùng năm, bảy phương, là để cho tùy tiện dễ tìm, hoặc có ưa hay là không ưa chẳng.

Điều thứ bảy. — Các bài thuốc, lập thành, là để làm phép, nhưng mà xét bệnh tình các thứ, hoặc là ngoại nhân hay là nội nhân, bệnh ở thượng tiêu hay là ở hạ tiêu, và xem nóng lạnh nhiều ít nhường nào, thời gia dảm quyền nghi, phép ở tại mình, mỗi lúc một khác, chớ có câu nệ chấp phương khiến cưỡng mà lạm dùng.

Điều thứ tám. — Trong sách này có vị pháp-hạ, bởi hàng bảo chế hiệu khách có chế vị bán-hạ y như phép trong sách dạy mà làm gọi là pháp-hạ lại đem tằm dầu sữa bò gọi là tồ-hạ.

目錄

MỤC - LỤC

1 經絡	Kinh lạc	6 望聞問切	Vọng văn vấn thiết
2 臟腑	Tạng phủ	7 表裏寒熱虛實	Biểu lý hàn nhiệt hư thực
3 陰陽	Âm dương	8 內傷外感辨	Nội thương ngoại cảm biện
4 水火	Thủy hỏa	9 傷風傷寒辨	Thương phong thương hàn biện
5 氣血	Khí huyết	10 諸虛症辨	Chư hư chứng biện

1 內傷	Nội thương Trong mình nhọc mệt	11 寒厥	Hàn quyết Bệnh hàn chân tay lạnh
2 傷風	Thương phong Cảm gió	12 熱厥	Nhiệt quyết Bệnh nhiệt chân tay lạnh
3 傷寒	Thương hàn Cảm lạnh	13 氣厥	Khí quyết Tức giận ngất đi
4 中風	Trúng phong Phải gió ngã ra	14 血厥	Huyết quyết Bệnh huyết ngất đi
5 中寒	Trúng hàn Phải khí lạnh ngã ra	15 痰厥	Đàm quyết Bệnh đờm ngất đi
6 中暑	Trúng thử Trúng nắng ngã ra	16 酒厥	Tửu quyết Bệnh rượu ngất đi
7 傷暑	Thương thử Cảm nắng	17 色厥	Sắc quyết Bệnh dâm dục ngất đi
8 傷濕	Thương thấp Bị ẩm ướt	18 食厥	Thực quyết Ăn no quá ngất đi
9 燥症	Táo chứng Bệnh khô ráo	19 臟厥	Tạng quyết Tạng lạnh ngất đi
10 火症	Hỏa chứng Bệnh lửa nóng		

- 20 蝮厥 Hồi quyết
Bệnh run làm ngất đi
- 21 尸厥 Thi quyết
Quỷ đánh ngất đi
- 22 邪祟 Tà tỳ
Bệnh ma làm
- 23 瘟疫 Ôn dịch
Bệnh thời khí
- 24 瘴氣 Trướng khí
Bệnh ngả nước
- 25 瘧疾 Ngược tật
Bệnh sốt rét
- 26 寒熱 Hàn nhiệt
Bệnh lạnh và bệnh
nóng
- 27 瘕病 Kinh bệnh
Bệnh kinh trộn mắt
uốn lưng
- 28 痰飲 Đàm ẩm
Bệnh đờm rãi
- 29 停飲 Đình ẩm
Nước ứ ách trong
bụng
- 30 咳嗽 Khái hầu
Ho hắng
- 31 喘促 Suyễn súc
Thở gấp
- 32 哮吼 Hào hống
Kéo hen
- 33 癆瘵 Lao sai
Ho lao
- 34 肺癰 Phế ung
Buồng phổi mọc
đọt
- 35 肺痿 Phế nuy
Buồng phổi khô
héo

- 36 吐血 Thỗ huyết
Nôn ra máu
- 37 衄血 Nục huyết
Đổ máu cam
- 38 咳血 Khái huyết
Ho ra máu
- 39 咯血 Khắc huyết
Khạc ra máu
- 40 溺血 Niệu huyết
Đái ra máu
- 41 便血 Tiện huyết
Ỉa ra máu
- 42 齒衄 Sĩ nục
Khe răng chảy
máu
- 43 舌衄 Thiệt nục
Lưỡi chảy máu
- 44 膿衄 Cơ nục
Da thịt chảy máu
- 45 汗症 Hãn chứng
Bệnh đổ mồ-hôi
- 46 飲食 Ẩm thực
Ăn uống sinh bệnh
- 47 脾胃 Tỳ vị
Bệnh tỳ vị hư
- 48 胃風 Vị phong
Bệnh gió vào dạ-
dầy
- 49 惡心 Ổ tâm
Lợm nôn
- 50 噯氣 Ái khí
Ợ hơi
- 51 吞酸 Thôn toan
Nuốt chua
- 52 饑雜 Tào tạp
Tưởng trong bụng
không có gì

- 53 呃逆 Ách nghịch
Bệnh nấc
- 54 嘔吐 Âu thổ
Nôn mửa
- 55 吐水 Thở thủy
Nôn ra nước trong
- 56 吐衄 Thở vưu
Nôn ra run
- 57 噦氣 Uế khí
Bệnh ọc và nôn
khan
- 58 反胃 Phiên vị
Nôn mửa mãi
không thôi
- 59 噎膈 Ế cách
Bệnh nghẹn
- 60 闕格 Quan cách
Trong bụng ngấu
cách
- 61 痞滿 Bĩ mãn
Bụng tức đầy
- 62 積聚 Tích tụ
Bệnh hòn trong
bụng
- 63 水腫 Thủy sưng
Bệnh phù nước
- 64 氣腫 Khí sưng
Bệnh phù hơi
- 65 鼓脹 Cổ trương
Bệnh cổ bụng to
- 66 黃癰 Hoàng dân
Da búng vàng
- 67 眩暈 Huyên vãng
Sầm tối mắt
- 68 虛煩 Hư phiền
Buồn bực
- 69 不寐 Bất寐
Không ngủ được

- 70 健忘 Kiện vong
Hay quên
- 71 怔忡 Chỉnh sung
Hoảng hốt
- 72 驚悸 Kinh qui
Khấp sợ
- 73 消渴 Tiêu khát
Khát nước đi dái
nhiều
- 74 鬱病 Uất bệnh
Bệnh uất
- 75 癲狂 Diên cuồng
Dồ dại
- 76 癡獸 Si ngại
Ngớ ngẩn
- 77 癰症 Dãn chứng
Bệnh động kinh
- 78 頭痛 Đầu thống
Đức đầu
- 79 頭風 Đầu phong
Đầu ù như sấm
- 80 須髮 Tu phát
Đầu tóc sớm bạc
rụng
- 81 面病 Diện bệnh
Mặt có bệnh
- 82 目痛 Mục thống
Đau mắt
- 83 眉病 Mi bệnh
Lông mày đau
- 84 耳病 Nhĩ bệnh
Đau tai
- 85 鼻病 Tị bệnh
Đau mũi
- 86 口舌 Khẩu thiệt
Đau trong mồm,
lưỡi
- 87 唇病 Thần bệnh
Đau môi

- | | | | |
|--------|---------------------------------------|--------|--|
| 88 齒痛 | Sĩ thống
Đau răng | 105 吐瀉 | Thổ tả
Miệng nôn, trôn tháo. |
| 89 頰車 | Giáp sa
Sưng quai hàm | 106 霍亂 | Hoắc loạn
Bụng đau hoắc loạn. |
| 90 咽喉 | Yết hầu
Đau trong cổ | 107 膝腫 | Tất sưng
Xưng đầu gối |
| 91 梅核 | Mai hạch
Trong cổ như có
hột mơ | 108 脚氣 | Cước khí
Xưng bàn chân |
| 92 咽硬 | Yết ngạnh
Bệnh hóc xương | 109 風痺 | Phong tý
Bệnh ốm tê |
| 93 頸項 | Cảnh hạng
Đau ngoài cổ | 110 足痿 | Túc nuy
Chân héo rũ |
| 94 結核 | Kết hạch
Bệnh mọc hạch | 111 陽痿 | Dương nuy
Ngọc-hành héo rũ |
| 95 聲瘖 | Thanh ảm
Tiếng nói khản | 112 陽強 | Dương cường
Ngọc-hành cứng
mãi |
| 96 肩背 | Kiên bối
Đau vai và lưng | 113 疝氣 | Sán khí
Đau âm-nang |
| 97 臂痛 | Tý thống
Đau cánh tay | 114 房室 | Phòng thất
Bệnh phạm phòng |
| 98 腋臭 | Dịch xú
Bệnh hôi nách | 115 遺精 | Di tinh
Chảy tinh khí ra |
| 99 胸脇 | Hung hiếp
Đau ngực và đau
xườn | 116 白濁 | Bạch trọc
Nước tiểu đục như
nước cơm |
| 100 心痛 | Tâm thống
Đau quả tim | 117 溺白 | Niệu bạch
Nước tiểu trắng
như vôi |
| 101 腰痛 | Yêu thống
Đau ngang thắt
lưng | 118 淋病 | Lâm bệnh
Bệnh đi dái buốt |
| 102 腹痛 | Phúc thống
Đau bụng | 119 遺溺 | Di niệu
Són dái ra |
| 103 腹鳴 | Phúc minh
Sôi bụng | 120 癃閉 | Long bế
Bi tiểu tiện |
| 104 腹狹 | Phúc hiệp
Trống bụng quắt lại | 121 秘結 | Bí kết
Bí đại tiện |

- 122 泄瀉 Tiết tả
Bệnh đi tả
- 123 痢疾 Lý tật
Bệnh đi lý
- 124 腸風 Trường phong
Đi tả ra máu
- 125 交腸 Giao tràng
Đại tiện, tiểu tiện
lẫn lộn
(đái ra đường lã, lã ra
đường đái).
- 126 脫肛 Thoát sang
Bệnh lòi tử
- 127 虫病 Trùng bệnh
Trong bụng có trùng

- 128 詐病 Trá bệnh
Bệnh giả cách
- 129 反畏 Phản uý
Vị thuốc phản
nhau, sợ nhau
- 130 藥性
泡製 Dược tính bảo chế
lĩnh các vị thuốc
sao tẩm
- 131 臟腑 Tạng phủ yếu dược
要藥 Thuốc hợp tạng phủ
- 132 南藥 Nam dược
Thuốc nam

經絡

1. — Kinh-Lạc

十二經脉

Mười hai đường mạch đi dọc

Kinh-thái-âm ở tay thuộc về huồng phổi. Sáng ngày từ ba giờ ở huyết Chung-phủ bên trên vũ cách ba cái xương đi ra cánh tay xuống đến bên trong đầu ngón tay cái huyết Thiếu-thương thì thôi.

Kinh-dương-minh ở tay thuộc về ruột già, từ năm giờ sáng ở huyết Thiếu-thương giao sang bên trong đầu ngón tay chỗ huyết Thương-dương nơi cánh tay đi lên qua vai đến bên mũi huyết Nghênh-hương thời thôi.

Kinh-dương-minh ở chân thuộc về dạ-dầy từ bảy giờ sáng ở huyết Nghênh-hương giao sang ở dưới con mắt bảy phần huyết Thừa-khấp đi lên trán lại quanh xuống cổ qua ngực bụng xuống đùi đến bàn chân bên trong đầu ngón chân thứ hai huyết Lệ-doái thời thôi.

Kinh-thái-âm ở chân thuộc về lá-lách từ chín giờ sáng ở huyết Lệ-doái giao sang bên trong đầu ngón chân cái huyết Ân-bạch nơi qua đùi đi lên bụng đến dưới nách ba tắc huyết Đại-bao thời thôi.

Kinh-thiếu-âm ở tay thuộc về quả tim từ mười một giờ trưa ở huyết Đại-bao giao sang dưới nách hai tắc huyết Cực-toàn nơi qua cánh tay đến bên trong đầu ngón tay út huyết Thiếu-sung thì thôi.

Kinh-thái-dương ở tay thuộc về ruột non từ một giờ chiều ở huyết Thiếu-sung giao sang đầu ngón tay út bên ngoài huyết Thiếu chạch nơi qua cánh tay đi lên qua vai đến mặt, trên lỗ tai huyết Thỉnh-cung thì thôi.

Kinh-thái-dương ở chân thuộc về bong bóng từ ba giờ chiều ở huyết Thỉnh-cung giao sang bên trong đầu con mắt huyết Tĩnh-minh nơi qua đầu xuống lưng lại qua đùi xuống bên ngoài đầu ngón chân út huyết Chí-âm thời thôi.

Kinh-thiếu-âm ở chân thuộc về trái-cật từ năm giờ chiều ở huyết Chí-âm giao sang gan bàn chân huyết Dũng-toàn nơi

qua đầu gối lên bụng đến ngực dưới xương nhón huyết Du phủ thì thôi.

Kinh-quyết-âm ở tay thuộc về mạng bọc quả tim từ bảy giờ chiều ở huyết Du phủ giao sang bên dưới vú hai tấc, huyết Thiên-chỉ nơi qua cánh tay đến bàn tay, đầu ngón tay giữa huyết Chung-sung thì thôi.

Kinh-thiếu-dương ở tay thuộc về bọc tam tiêu từ chín giờ đêm ở huyết Chung sung giao sang bên ngoài đầu ngón tay thứ tư huyết Quan-sung nơi qua cánh tay đi lên đến mặt, trước cửa tai huyết Nhĩ-môn thì thôi.

Kinh-thiếu-dương ở chân thuộc về trái mặt từ mười một giờ đêm ở huyết Nhĩ môn giao sang con mắt huyết Đồng-tử-liên qua bên tai xuống vạng sườn qua đùi đến bên ngoài đầu ngón chân thứ tư huyết Khiếu-âm thì thôi.

Kinh-quyết-âm ở chân thuộc về buồng gan từ một giờ đêm ở huyết Khiếu-âm giao sang đầu ngón chân cái huyết Đại-đôn nơi qua đầu gối đi lên đến bụng dưới vú, đầu xương sườn thứ hai huyết Kỳ-môn thì thôi.

Đến ba giờ lại bắt đầu lại.

十 五 絡 脉

Mười lăm đường mạch đi rẽ ngang

Kinh-thái-âm	ở tay	dây lạc tên là <i>Liệt-khuyết</i>
Kinh-thiếu-âm	ở tay	dây lạc tên là <i>Thông-lý</i> .
Kinh-quyết-âm	ở tay	dây lạc tên là <i>Nội-quan</i> .
Kinh-thái dương	ở tay	dây lạc tên là <i>Chi-chính</i> .
Kinh-dương-minh	ở tay	dây lạc tên là <i>Thiên-lịch</i> .
Kinh-thiếu dương	ở tay	dây lạc tên là <i>Ngoại-quan</i> .
Kinh-thái dương	ở chân	dây lạc tên là <i>Phi-dương</i> .
Kinh-dương minh	ở chân	dây lạc tên là <i>Phong-long</i> .
Kinh-thiếu-dương	ở chân	dây lạc tên là <i>Quang-minh</i> .
Kinh-thái âm	ở chân	dây lạc tên là <i>Cống-lôn</i> .
Kinh thiếu âm	ở chân	dây lạc tên là <i>Thái-trung</i>
Kinh-quyết-âm	ở chân	dây lạc tên là <i>Lãi-câu</i> .
Mạch-dương-dốc		dây lạc tên là <i>Tràng-cương</i>
Mạch-âm-nhâm		dây lạc tên là <i>Ấm-hội</i>
Kinh-tý		dây lạc nhón tên là <i>Đại-bao</i> .

奇經八脉

Tám mạch kỳ kinh

Mạch đốc từ huyết Trảng-cường ở xương cùng chỗ trứng noi xương sống lưng đi lên qua đầu óc, xuống mũi vào huyết Ngận-rao ở khe răng cửa trên.

Mạch-nhâm từ huyết Âm-bội ở trước Đàng-môn noi qua bụng đi lên đến huyết Thừa-tương ở giữa môi dưới.

Mạch-sung từ huyết Khí-sung ở gần Tiền-âm qua bẹn noi sống lưng sang bụng đến trong cổ quanh mồm mép.

Mạch-dương-kiêu từ trong gót chân noi mắt cá ngoài đi lên đến huyết Phong-tri ở sau tai, mạch này đi ở sau lưng gọi là Dương.

Mạch-âm-kiêu từ mắt cá trong noi bụng đi lên đến trong cổ, mạch này đi ở bụng gọi là Âm.

Mạch-dương duy từ huyết Kim-môn ở kinh thái-dương dưới mắt cá ngoài chỗ trứng dằng buộc các mạch dương thuộc ở ngoài.

Mạch-âm duy từ huyết Chúc-tán ở kinh thiếu-âm trên mắt cá trong dằng buộc các mạch âm thuộc ở trong.

Mạch-đài từ huyết Quý-lặc ở dưới xương sườn cụt tiếp xương lưng quấn quanh khắp mình tóm các mạch như buộc đai lưng.

臟 腑

2. — Tạng-Phù

十二官

Mười hai quan

Quả tim là ngôi vua chúa.

Sự thông minh bởi đó mà ra.

Buồng phổi là chức Tề-tướng.

Quan văn coi việc cai trị trong nước

Buồng gan là chức Tướng-quân.
 Quan võ nghĩ việc mưu lược binh cơ.
 Trái mật là quan Trung-chính.
 Ngay thẳng quyết đoán mọi việc trong ngoài.
 Trong mỗ-ác là quan nội đình.
 Những sự vui vẻ bởi đó mà ra.
 Lá-lách là chức can ngăn.
 Chủ việc khuyên giải thông hiểu các nhẽ.
 Dạ-dầy là chức chủ kho tàng.
 Chứa chất thóc gạo các vị.
 Quả bồ-dục là chức chủ kho.
 Tạo tác sinh ra những việc khôn khéo.
 Ruột non là chức coi máy lọc.
 Chia ra làm hai thứ : trong, đục.
 Ruột già chuyên việc vận tải.
 Các vật cho hết không để lưu lại.
 Bọng tam-tiểu chủ việc khai sông.
 Từ thượng nguồn đến hạ lưu cho thuận, rồng nước chảy.
 Bong-bóng là chức giữ cửa sông.
 Tự hội hể đầy thì mới phóng ra.

五 臟 所 屬 Ngũ-tạng sở thuộc

Buồng gan thuộc hành-mộc là cây ở phương đông chủ các gân màng thông tia ra mắt những các sắc xanh, các mùi chua và khi gào thét, dạ dầy đều thuộc về buồng gan.

Quả tim thuộc hành-hỏa là lửa ở phương nam, chủ các mạch máu thông tia ra lưỡi những các sắc đỏ, các vị đắng, những khi vui cười mừng rỡ đều thuộc ở tim,

Lá-lách thuộc hành-thổ là đất ở khu giữa chủ các thớ thịt thông tia ra miệng những các sắc vàng các vị ngọt và khi ngậm bát nghĩ ngợi đều thuộc lá-lách.

Buồng-phổi thuộc hành-kim là vàng ở phương tây chủ ngoài da chân lông thông tia ra mũi, những các sắc trắng các vị cay và khi than khóc thương lo đều thuộc buồng phổi,

Trái-cật thuộc hành-thủy là nước ở phương bắc chủ các xương tủy thông tia ra tai những các sắc đen, các vị mặn và khi rên rỉ sợ hãi đều thuộc về trái-cật,

五 臟 見 症 Ngũ-tạng-hiện-chứng

Quả-tim nhân lửa uất thì hay hăm hừ.
 Buồng gan nhân gió động thì hay nói.
 Buồng-phổi nhân khí sung ngược hóa ra ho.
 Trái cật nhân khí không nạp xuống hóa ra thổ.
 Con tỳ nhân hư tổn nên hay nhai nuốt.
 Lửa nóng thì thần hỏa mê, quả tim chứa thần ghét
 sự nóng.
 Lạnh thì tổn khí, buồng phổi chủ khí ghét sự lạnh.
 Gió thì máu khô, buồng gan chủ huyết ghét sự gió.
 Âm thấp thì đất nát, con tỳ thuộc thổ ghét sự ướt.
 Giời hanh thì khô ráo. Trái cật ưa nhuận ghét sự ráo
 Quả tim chứa thần, sốt sa lo nghĩ thì thương tổn tinh thần.
 Lá lách chứa ý tứ, sầu khổ lắm thì tổn hại ý tứ.
 Buồng gan chứa hồn, khóc lóc thồn thừc thì thương hồn.
 Buồng phổi chứa vía, vui mừng quá sức thì hại vía.
 Trái cật chứa tinh và chứa trí, dạn dĩ lắm thì hại trí,
 sợ hãi quá thì tổn tinh.

陰 陽 3. — Âm Dương

Giời là dương, đất là âm.
 Mặt giời là dương, mặt giếng là âm.
 Ban ngày là dương, ban đêm là âm.
 Cha là dương, mẹ là âm.
 Lửa là dương, nước là âm.
 Nóng là dương, lạnh là âm.
 Dương chủ động cự, âm chủ yên lặng.
 Dương chủ ở ngoài, âm chủ ở trong.
 Dương chủ lên trên, âm chủ xuống dưới.
 Dương hóa ra khí, âm thành ra hình.
 Dương là giống đực, âm là giống cái.

Nhẹ nhàng là dương, nặng nề là âm.
 Mạnh khỏe là dương, yếu đuối là âm.
 Nhanh chóng là dương, chậm chạp là âm.
 Vui mừng là dương, buồn rầu là âm.
 Quả-tim, buồng-phổi là dương.
 Ruồng-gan, trái-cật là âm.
 Dạ-dầy thuộc dương, lá-lách thuộc âm.

Bệnh thuộc âm phát ra chậm mà lâu khỏi. Bệnh thuộc dương phát ra chóng mà mau khỏi. Khi dương hư thì ngoài da lạnh. Khi âm hư thì trong bụng nóng. Khi âm ít, khí dương nhiều hơn cho nên mình nóng mà bụng đầy. Khi dương ít, khí âm nhiều cho nên mình lạnh như ngâm nước. Khi dương thoát mất thì mắt mờ. Khi âm thoát mất thì trông thấy ma quỷ. Tà khí cảm vào dương phận thì lửa bùng lên hóa ra bệnh cuồng. Tà khí cảm vào âm phận thì máu tụ lại hóa ra bệnh tê. Khi lạnh cảm ở ngoài dương phận thì phát sốt mà sợ lạnh. Khi lạnh cảm vào âm phận thì không sốt mà sợ lạnh.

水 火

4. — Thủy Hỏa

Quả-tim là Quân-hỏa. Minh-môn là Tướng-hỏa. Bàng-quang là Dân-hỏa. Ba thứ ấy gọi là : Tam-muội-chân-hỏa. Như Long-hỏa, Thiếu-hỏa cũng là Tướng-hỏa. Lôi-hỏa là Can-hỏa. Tráng-hỏa là Tà-hỏa. Còn những Phế-hỏa, Vị-hỏa, Tam-tiên-hỏa trong tạng phủ đều có hỏa cả. Nhưng mà Thiếu-hỏa thì sinh ra khí, Tráng-hỏa thì tiêu mất khí đi.

Hết thấy cả như: máu, mủ, mồ-hôi, nước-bọt, nước-mắt, nước mũi, dờm, rãi, nước tiểu và tinh khí đều thuộc về thủy cả.

Minh-môn-hỏa là gốc các thứ lửa, thận thủy là nguồn các dòng nước. Bồ-dục thuộc nước, tinh nước là trí cho nên bồ-dục chứa trí-khôn.

Quả-tim là lửa, tinh lửa là thần cho nên quả-tim chứa thần thiêng. quả-tim là lửa có hình thì thận thủy khắc phạt. Minh-môn là lửa không hình thì thận thủy sinh nuôi. Lửa

động thì nóng, lửa tắt thì lạnh, lạnh quá hóa ra nóng; nóng quá hóa ra lạnh.

Lửa quả-tim đã suy thì lửa mệnh-môn cũng kém, ấy là nơi có hình khuy tổn đến cả chỗ không hình.

Lửa Mệnh-môn đã bùng thì lửa quả tim cũng cháy, thế là chốn không hình sung động đến cả nơi có hình.

Lửa dương rễ cứu, nước âm khó cầu, vì như một tí lửa đốt được cả muôn khoảnh đồi núi. Một gáo nước khó lòng tưới được cả một xe lửa.

Lửa có hình thuộc dương phải chính trị lấy thuốc lạnh chữa nóng.

Lửa không hình thuộc âm phải tòng trị lấy thuốc nóng chữa bệnh nóng.

Dùng thuốc lạnh không thấy mát bởi vì thận thủy hư; dùng thuốc nóng không thấy nóng bởi vì tướng hỏa suy.

Những nơi lửa nấp dấu chẳng qua ở trong tỷ thổ, thận thủy mà thôi.

Lửa yên ở ngôi. Nước thuận dòng chảy thì các bộ vị trong mình người ta đều sung sướng cả.

命門論

Mệnh-môn luận

Pho nội-kinh đức Hoàng-dế có nói: bên cạnh đốt xương sống thứ bảy trong ấy có quả-tim con là ám chỉ ngôi huyết Mệnh-môn. Kinh-dịch nói: phương Bắc thuộc quẻ khảm, một hào dương ở giữa hai hào âm ở hai bên thực là huyết Mệnh-môn ở đó. Tên Mệnh-môn từ ông Biền-Thước mới đặt ra trong pho Nạn-kinh đến nạn thứ ba mươi sáu có nói: hai quả bồ-đục bên tả là thận, bên hữu là Mệnh-môn, đến nay chữa ai hiểu được nghĩa ấy. Ông Triệu-dưỡng-Quỳ làm pho Y-quán có vẽ đồ huyết Mệnh-môn hai bên lại thêm có lỗ đen trắng, bảo rằng: lỗ trắng là tướng hỏa, lỗ đen là chân thủy. Như thế thì Mệnh-môn đã là hỏa mà bên cạnh lại thêm tướng hỏa nữa, có như đầu một kinh thận mà kiêm hai hỏa ru. Ông Cẩu-Nhạc thường nói: không phải sách ông thành thì không nên học, cho nên Phương-bát-trận có đặt bài tả-quy, hữu-quy

là muốn theo ý pho Nạn-kinh. Nay tôi cứ theo ý pho Nội-kinh và tượng quẻ-khảm thì hai bờ-dục là chân thủy, Minh-môn ở giữa là chân hỏa, còn đến như hai lỗ đen trắng chỉ làm đối hoặc cho người ta không lấy gì làm bằng cứ.

氣 血

5. — Khí Huyết

Vinh là huyết, vinh là óa da thịt người. Vệ là khí, hộ vệ gân xương người.

Buồng-phổi chủ khí thở hơi ra, bờ-dục nạp hơi xuống, buồng-gan chủ huyết chứa máu. Con tý sinh ra máu, quả-tim tóm cả các mạch máu.

Khí thuộc dương chủ động cự làm khơi đường cho huyết. Huyết thuộc âm chủ yên lặng phải nương vào khí.

Khí không được huyết phụ vào thì tan ra mà không tóm lại được.

Huyết không có khí dẫn đi thì đọng lại mà không lưu thông được.

Khí hư thì ngoài da tẻ như gãi ngoài áo huyết hư thì gân mạch cứng như gỗ.

Trong huyết phận mà không có khí thì chân tay rời rã ra.

Trong khí phận mà không có huyết thì gân mạch co quắp lại.

Khí thực thì nóng, khí hư thì lạnh, bệnh thực ưa thuốc mát, bệnh hư ưa thuốc nóng. Khí phận nhiều lắm hóa ra lửa nóng vì bằng ít ỏi thì lạnh lẽo. Phần huyết dồi dào thì hay dạn dữ, nếu mà vơi cạn thì sợ hãi.

Khí như lửa nóng nhiều thì máu dễ theo lên.

Huyết như nước lạnh ít nước nên lửa càng cháy.

Phần huyết thịnh vượng hơn khí thì người béo mà yếu.

Phần khí mà bội hơn huyết thì người gầy mà thọ.

Vị khí hư không liễm được nguyên-dương ở trung cung.

Âm huyết ít không nạp được long hỏa ở hạ tiêu.

Bệnh thương hàn thì khí uất ở trong mà mình lạnh.

Chứng thương thử thì khí tán ra ngoài mà mình nóng.

Bệnh nôn mửa thì tổn dương khí, khí hư thì sợ hãi.

Chứng đi tả thì hao âm huyết, huyết hư thì kinh hoang. Bệnh đã thất huyết rồi lại nhân ngoại cảm, dùng phát hãn cũng không có bờ-hỏi.

Chứng thổ huyết dùng thanh hỏa không khỏi, phải phát hãn mới được.

Người ta khi ngủ thì máu vào trong buồng gan, nếu mà huyết hư can khí tiết ra thì không ngủ được lại hay đi tiểu. Khí huyết chẳng được đều hòa thì lưu đọng hóa ra ung cái. Khí huyết người ta ví như nguồn xuôi nhiều thì lưu thông, ít thì đọng lại.

望 聞 問 切

6. — Vọng vấn vàn thiết

望 法

Vọng-pháp

Phép vọng đề xem hình sắc

Mặt đỏ là nhiệt. Mặt tối lăm là hàn. Mặt trắng bạch là khí hư. Mặt xanh là gan uất. Mặt đen là thận bại. Mặt vàng là tỳ hư.

Mắt đỏ là nhiệt. Mắt lim rim là hàn. Lưỡi không có rêu tả còn ở ngoài. Lưỡi có rêu trắng tả đã vào trong. Lưỡi trắng chuyển vàng tả đã thành lửa nóng. Lưỡi đen và ráp là vị hỏa nóng quá. Lưỡi đỏ mà có gai là can tâm nhiệt. Lưỡi đen mà mềm là thận hư. Môi khô nứt là âm hư. Môi sưng đỏ là nhiệt độc. Môi xám là hàn. Môi đỏ trong bụng có dun.

Mũi ngạt nước đặc là phong nhiệt. Mũi chảy nước trong là phế hàn.

Cau lòng mày là rức đầu.

Tay sờ bụng là đau vị oản. Nói thời lắc đầu là đau trong bụng. Muốn quạt là nhiệt uất. Cầm cập môi là trong bụng lạnh. Nhược hăng tay bắt chuồn-chuồn, vuốt áo, sờ giường là bệnh nguy.

Còn như là nhân-trung sưng sưng, mũi như ống khói, quầng mắt trũng, mặt đen, môi xám, mắt mờ, răng khô, tóc

dựng, bá mồm thở ra, quanh mồm đen xám, thở như kéo cưa, bờ-hôi như dầu, bờ-hôi trán như hạt châu, móng tay xanh xám, lưỡi rụt, nói ngọng, đại, tiểu, són ra đều là bệnh nguy lắm cả

聞 法

Vấn-pháp

Phép vấn là đề nghe liếng lăm

Hay cười là tâm hỏa thịnh, Kêu khóc là xương tủy đau, dận dữ hay mắng chửi là bệnh ở buồng gan; thường thổi hơi ra là bệnh uất, hơi không đủ thở là tỳ khí hư, muốn nói không nói, nói sẽ cũng sợ là thận bệnh, nói nhỏ mà run là nội-thương, hay rên-rĩ là trong mình đau âm ỷ, vụt chốc nói khàn là nhân-phong-hỏa, Ốm đau mắt tiếng là hư hỏa hun lên phổi. Tiếng nói khỏe mạnh còn là ngoại-cảm, vì mà nói nhảm không thôi, người có hơi thổi đều là bệnh nguy.

問 法

Vấn-pháp

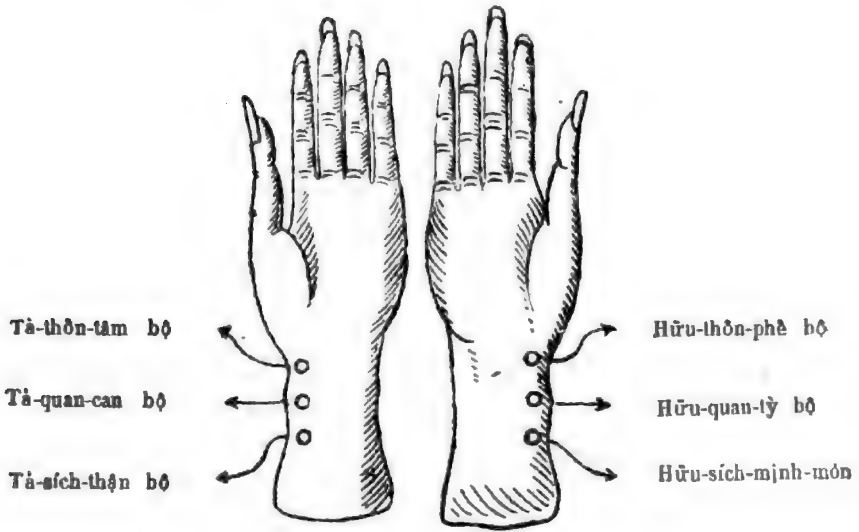
Phép vấn đề hỏi bệnh tình

Bệnh phải từ bao giờ? Đã uống thuốc đâu chưa? Trong mình nóng lạnh thế nào? Có đồ bờ-hôi không? Có rức đâu không? Tai có ù không? Minh mắt có đau không? Ăn uống thế nào? Mồm có biết ngon không? Trong cổ có đau không? Có nôn mửa không? Vai lưng có đau không? Ngực có đầy không? Bụng có đau không? Có ngủ được không? Khi đêm có nặng hơn không? Đi tiểu có được trong không? Đại tiện có lợi không?

Đàn bà phải hỏi: kinh-nguyệt có đều không? có mang tháng nào không?

切 法 Thiết-pháp

Phép thiết để xem sáu bộ mạch



Tay chiếu ba bộ mạch gì ?

Tả thốn tâm bộ cùng thì ruột non.

Tả quan trái mật buồng-gan,

Tả tích thận thủy bàng quang cũng tùy.

Ba cung tay mặt lại suy,

Hữu thốn buồng phổi kiêm chi ruột già.

Hữu quan tỳ vị hai nhà,

Hữu tích mệnh hỏa cùng là tam tiêu.

Một tay không mạch lạ điều,

Gọi là đan-phục khác chiều người ta.

Hai tay mạch bằng hiện ra,

Gọi là song-phục dễ hòa tìm đây.

Phản quan mạch ở sau tay,

Bởi vì gân chuyển vật ngay ra ngoài.

Người đau mạch khỏe kia ai!

Nội-hư tên gọi những người lạ thay.

Mạch bệnh người chẳng sao đây,

Hành-thi tên gọi dễ nay biết cùng

七表八裏九道脉各

Thất-biểu bát-lý cửu-đạo mạch danh

Phù, khu, hoạt, thực, huyền, hồng,
Mạch-khẩn là bảy, dương cung bệnh ngoài.
Trầm, vi, tri, hoãn, mấy nơi;
Sắc, phục, nhu, nhược, tám loài bệnh trong.
Tế, sắc, hư, động, bốn cung;
Súc, kết, tán, dợi cách chung chín đường.
Còn ba mạch: đại, đoản trường,
Sách kinh đã chép phải tường xem qua.

諸脉形狀

Chư mạch hình trạng

Mạch phù nổi ở ngoài da,
Mạch trầm ẩn nặng ấy là bệnh âm.
Mạch tri ba chỉ chớ nhầm,
Mạch sắc sáu chỉ vừa tầm một hơi.
Hoạt trơn như chuỗi hạt trai,
Mạch sắc rin rít cạo ngoài cật tre.
Mạch đại to hơn chĩnh ghè,
Mạch hoãn bốn chỉ đến kỳ bình yên.
Hồng như nước cả tung lên,
Mạch thực chắc chắn vững bền không chi.
Huyền như cung cứng cực kỳ,
Mạch khẩn năm chỉ bằng thì lời dầy.
Mạch trường vượt quá ngón tay,
Mạch khu lép kẹp có dây dáu ư.
Mạch vi như rện vương tơ
Mạch tế rầu nhỏ còn sờ thấy tằm.
Mạch nhu yếu sức khôn cầm,
Mạch nhược muốn mất dễ tầm được nao.
Mạch hư rỗng tếch có dáu,
Mạch cách như thể trống châu mới bưng.

Động như hạt đậu từng từng.
Mạch tán tan tác nhẹ chừng thấy hơi
Mạch phục nấp ở miền khơi.
Mạch tuyệt đứt mất đầy chơi chẳng còn.
Đoản thời ngắn ngủi còn con.
Súc thì chạy chóng lon xon lại dừng.
Kết thời thông thả cũng chừng,
Mạch đợi hồi chỉ đếm bằng như nhau.

諸脉主病

Chư mạch chủ bệnh

Trải xem các bệnh cơ mầu,
Mạch tinh phải xét nông sâu mới làm.
Phù phong khu huyết hoạt đàm,
Huyền lao thực nhiệt, vi hàn khăn đau.
Hồng như lửa đốt càng mau,
Trầm nhân khí uất hoãn hầu bì tê
Nhược thời xương tỷ đau ê.
Mạch nhu đa hãn giả thì không sao.
Sắc thời tinh huyết tổn hao,
Phục thì quan cách trì bao lạnh lòng.
Mạch trường khí huyết doanh sung,
Tế là khí thiếu đợi cùng khi suy.
Súc sắc dương thịnh nhiệt di.
Đoản trệ kết tích đại thì bệnh lên.
Hư kinh động thoát chẳng yên,
Cách là quái mạch hư hàn biến thiên.

七死脉

Thất tử mạch

Lại xem bảy mạch thành tiên.
Chìm sề lộp bộp mờ liền năm ba.
Nhà đột thánh thốt đột xa,
Gầy hòn đá cuội bật ra khôn tìm.

Bọn dây rối rít chẳng êm.
Thung thăng cá lội chọt liềm vẩy đuôi.
Cóc di nhầy cái lại ngồi,
Lăm lăm nổi bọt nước sôi tuôn rào.

人迎氣口脉 Nhân nghênh khí khẩu mạch

Nhân nghênh ngoại cảm xem sao.
Tay chiêu bộ thốn phong trào thất nghi.
Nội thương khí khẩu tường suy,
Thốn cung tay phải dò khi thất linh.

冲陽太溪脉 Sung dương thái Khê mạch

Sung dương trên huyết nội đình,
Khe ngón chân trở mạch hình động lên.
Thái Khê mắt cá trong bên,
Khe gàn gót mạch động liền ứng tay.
Những người bệnh dã nguy đây,
Xem sung-khe-mạch còn nay lại bồi.
Sung-dương, tý vị hai ngôi,
Thái-khe thận mạch là nơi gốc nguồn.

表裏虛實寒熱

7.— Biểu lý hư thực hàn nhiệt

Biểu chứng là ngoại cảm; khi gió, rét, nắng, mưa, khô, nóng gọi là lục dâm.

Lý-chứng là nội-thương, lúc mừng, lúc giận, lo, nghĩ, thương, kinh, sợ gọi là Thất-tinh. Còn như đói, no, mỗi một cũng là nội-thương.

Hư-chứng như là hơi thở thì ngắn, hình thể thời yếu, thường đồ bỏ-hỏi, tinh-thần hoảng hốt, ưa nóng ghét lạnh, tay thường ôm bụng, mạch chạy thời yếu; lại còn có âm hư, dương hư, khí hư, huyết hư, thủy hư, hỏa hư không giống nhau, phải xét cho phân minh mà dùng thuốc bổ.

Thực-chứng như là bệnh không có bỏ-hỏi, dờm rãi nhiều quá, đồ đại trong lòng uất giận, bụng chướng móm vào đau, bụng có trùng tích, đại tiểu bế kết, mạch chạy khỏe lắm, xét xem chứng ấy phải dùng thứ thuốc tả ngay đi.

Hàn-chứng như môi trắng nhợt, miệng không khát, chân tay lạnh, nước tiểu trong, đại tiện lỏng, bụng thì lạnh, mạch trầm nên dùng thuốc nóng.

Nhiệt-chứng thì mặt đỏ, khát lại thích nước lạnh, tiểu tiện vàng đỏ, đại tiện táo kết, môi se, lưỡi khô, mạch thời hồng sắc có sức, phải dùng thuốc mát. Lại còn dương hư nóng ở ngoài, phải bổ tỳ cho thu dương vào. Âm hư nóng ở trong, phải bổ âm cho lửa xuống.

Giả-hàn chứng, là nóng quá hóa ra lạnh, lại hay sợ lạnh, đắp áo trùm chăn, chân tay lạnh giá, mà tay lạnh không đến khuỷu, chân lạnh không quá đầu gối, mạch chạy thì khỏe thứ cho uống nước lạnh thì mát ruột lắm.

Giả-nhiệt chứng là lạnh quá hóa ra nóng, lại sinh những sự bệnh phiền táo; cổ khô, miệng khát mạch nhỏ mà chạy chậm, thứ cho uống nước lạnh uống vào lại nôn ra.

內傷外感辨

8. — Nội-thương ngoại-cảm biện

Ông Lý-dòng-Viên nói rằng: « những khi người ta ăn uống thất thường và khó nhọc quá sức là bệnh nội-thương. Những khi cảm gió lạnh vào xương thịt là bệnh ngoại cảm; hai chứng ấy tựa tựa giống nhau; mà thuốc chữa thì khác, vì bằng không biện bạch ra, dùng thuốc nhầm lỗi thời thêm tổn hại lắm.

Bệnh nội-thương phát sốt lúc nóng, lúc khỏi, hoặc cổi trần ra cũng thấy mát mẻ.

Bệnh ngoại-cảm phát sốt chẳng lúc nào không, hễ ra được mồ-hôi thời mới khỏi sốt.

Bệnh nội-thương sợ lạnh, được vào hơi ấm áp thời thôi.

Bệnh ngoại-cảm sợ lạnh dầu đắp chần đốt lửa cũng không khỏi.

Bệnh nội-thương sợ gió; thời không sợ gió to, chỉ sợ gió lò khe cửa.

Bệnh ngoại-cảm sợ gió dù gió nhơn, gió nhỏ cũng không chịu được.

Bệnh nội-thương rức đầu, chợt đau chợt khỏi.

Bệnh ngoại-cảm rức đầu phải dùng thuốc phát tán mới khỏi, hay là tà khí truyền vào trong thời cũng khỏi.

Bệnh nội-thương trong bụng có thấp khí thì miệng không khát hoặc là tâm hỏa khắc phế-kim thời cũng khát nước.

Bệnh ngoại-cảm hoặc hai ba ngày tà truyền vào trong bấy giờ mới khát.

Bệnh nội-thương thì chân tay rời rã mỗi mệt hay nằm.

Bệnh ngoại-cảm khắp trong mình gân xương đau đờn.

Bệnh nội-thương nguyên khí suy thì người yếu, mà nói năng biếng lười.

Bệnh ngoại-cảm tà khí thịnh thì người khỏe, mà tiếng nói dần dỗi.

Bệnh nội-thương thì gan bàn tay nóng, mà lưng bàn tay lạnh.

Bệnh ngoại-cảm thì gan bàn tay mát, mà lưng bàn tay nóng.

Bệnh nội-thương dù ăn được như miệng không biết ngon, nước tiểu thì vàng, đại tiện hoặc táo hoặc lỏng.

Bệnh ngoại-cảm miệng biết ngon mà không muốn ăn, đại tiện như thường.

傷風傷寒辨

9. — Thương-phong thương-hàn biện

Chứng thương-phong cảm gió lạnh, nhẹ mà nóng chỉ phạm ngoài da chân lỏng.

Chứng thương-hàn cảm gió lạnh nặng mà sâu truyền vào trong các mạch máu.

Chứng thương-phong thuộc dương, mau phát sốt mà mũi sờ chảy nước.

Chứng thương-hàn thuộc âm, chậm phát sốt mà mũi ngạt khô ráo.

Chứng thương-phong phát sốt sợ gió dầm dấp bờ-hôi mạch phù mà hoãn.

Chứng thương-hàn phát sốt sợ lạnh không có bờ-hôi mạch phù mà khắn

Chứng thương-phong thời hắt hơi luôn, trên trán bấp sốt.

Chứng thương-hàn thì mình mảy đau rừ trên đầu vàng rức.

Chứng thương-phong thời phát sốt ho hằng hoặc có mũi ngạt tắc, tiếng nói khè.

Chứng thương-hàn thời sốt rừ phát xuyên hoặc có đau gân cổ, cứng xương lưng.

Chứng thương-phong thời mặt mũi sáng sủa chân tay hơi nóng.

Chứng thương-hàn thời mặt mũi ầu sầu chân tay hơi lạnh.

Chứng thương-phong tười rức đầu từng lúc mà hơi nặng hơi vàng.

Chứng thương-hàn thời rức đầu luôn luôn mà như búa bồ như dùi xiên.

Chứng thương-phong là nhẹ cho nên đi lại như thường, ăn uống biết ngon.

Chứng thương-hàn là nặng vậy thời nằm ngồi mỗi mệt, gân xương đau rức.

諸虛症辨

10. — Chư hư chứng biện

Ôi! nước với lửa thuộc về tiên thiên. Khí cùng huyết thuộc về hậu thiên. Âm và dương là tóm cả tiên, hậu thiên mà nói. Nước là mẹ máu Lửa là gốc khí. Âm dương là gọi tên không. Nước lửa là có hình thực. Tiên thiên là thai nguyên khi còn ở trong bụng. Hậu thiên là từ lúc sinh ra cho đến khi nhón.

Bệnh khí hư thời da thịt mát lạnh, ăn không ngon miệng, lười biếng hay nằm, làm lụng hay thở dùng thang *Tứ-quân-tử* bội nhân-sâm gia hoàng-kỳ : 2 đồng

Bệnh khí hư hạ hãm. Sự hạ hãm là hư tổn quá lắm thời con mắt lim rím mê man không tỉnh, tinh thần mỗi mệt, muốn nằm không dậy dùng thang *Bổ-trung ích-khí*.

Bệnh huyết hư thời da thịt gầy đen, lông; tóc khô cứng, gân mạch co quắp, đại-tiên táo sấp dùng bài *Đại-doanh-tiên*, bài *Tiểu-doanh-tiên*.

Bệnh dương hư thời sắc mặt trắng bệch, chân tay giá ngắt việc dương chẳng dậy lên, đại-tiên lỏng nát dùng thang *Phụ-tử-lý-trung* và *Tứ-vị-hồi-dương ẩm*.

Bệnh âm hư thời cổ khô, miệng ráo, đêm thường ít ngủ nước thời khát, xương thời nóng, hễ quá trưa lại phát sốt, dùng bài *Nhất âm tiên*, bài *Gia-giảm-nhất âm-tiên*.

Bệnh thủy hư thời nước bọt khan khô thường hay khát nước, trong bụng nóng nẩy, phân như cứt dê, dùng bài *Lục-vị hoản* bài *Tả-quy-ẩm*.

Bệnh hỏa hư thời ưa nóng sợ lạnh, ăn uống không tiêu, đầu gối lạnh đến bàn chân, sớm ngày nào cũng đi tả dùng bài *Bát-vị-hoản*, bài *Hữu-quy-ẩm*.

Bệnh phế hư thời nói thở hần hển, ho hen nhiều dờm, chân lỏng rã, nhiều mồ-hôi, tiếng nói khàn hoặc rè rè dùng thang *Ninh-phế*, bài *Lục-vị-hoản* gia a-giao 2 đồng mạch môn 2 đồng.

Bệnh tâm hư thời hoảng hốt không ngủ được hay dật mình, sợ hãi đánh trống ngực, nói trước quên sau, dãi vãi không biết, dùng bài *Bổ-lâm-thần-lệu* thang *Quy-tỳ*.

Bệnh vị hư thời ăn uống đình tích, ợ thường chua cở, lợm dọng nôn mửa, đau bụng đi rữa, dùng bài *Hương-sa-lục quân*, bài *Ngũ-vị-dị-cống*.

Bệnh tỳ hư thời ăn uống kém ít, trong bụng thường đầy, chân tay mỗi yếu, đại-tiên không thực, dùng bài *Dưỡng-trung-tiên*, bài *Ngũ-âm-tiên*.

Bệnh can hư thời chuột rút thường co gân, nằm ngủ hay bồng dè, đau bên cạnh sườn và đau bụng dưới, đàn bà thì huyết ít kinh chậm dùng thang *Tứ-vật*, bài *Tam-âm-tiên*.

Bệnh thận hư thời mắt hoa, tai ù, lưng đau, gối mỏi, đầu bạc, răng long, đi tiểu không nhịn được dùng bài *Quy-thận-hoản*, thang *Thập-bổ hoản*.

脾 陰 虛 辨

Tỳ âm hư biện

Hai kinh tỳ vị hư tổn mà sinh bệnh điều có tức đầy, nhưng mà vị dương hư mà tức đầy bởi nhân ăn uống chậm tiêu thời còn dễ biết, bằng như tỳ âm hư tổn cũng sinh tức đầy, thời khó biết được.

Ông Lý-dòng-Viên dùng huyết được trị tức đầy, ít người biết nhẽ ấy; mà cũng không phân biệt cho: thế nào là tỳ, thế nào là vị, há có dùng thuốc tiêu không khỏi mà đổi ra huyết được sao cho đành. Nay tôi xin biện cho rõ ràng, dễ dễ hiểu.

Một thứ kinh dương-minh vị hư, thời mạch bộ quan bên hữu thấy nhu, hoãn hoặc trì, tế; Chứng thời thấy: ăn uống chẳng ngon, trong bụng thường lạnh, hoặc có nuốt chua cở, ợ hơi, bởi vì chậm tiêu sinh ra tức đầy, miệng thường không khát, ấy là dương hư, mà khí lạnh phải dùng Sâm. Truật ôn bổ cho khỏi tức đầy.

Một thứ kinh thái-âm, tỳ hư thời mạch hộ quan bên hữu thấy trầm mà khắn, ăn uống vẫn điều hòa, trong bụng không lạnh, mà lại không có ợ chua nuốt chua chỉ những khi ăn cơm lâu rồi thời mới thấy tức đầy, hoặc có khát nước thế là tỳ âm hư mà phần máu ít, nên dùng nước tươi thời đất khỏi khô, lấy Quy, Thục mà bổ âm thời mới khỏi.

諸 火 症

Chư hỏa chứng

Phế hỏa thịnh quá thời ho ra máu hoặc đỏ máu cam, đờm rãi nhiều, nói mất tiếng.

Tâm hỏa vượng hơn thời đỏ đại nói nhảm, lưỡi thời đỏ tiếng nói như thét.

Can hỏa mạnh lắm thời ăn buồng miệng lại dôi ngay hay đau mắt đỏ.

Vị-hỏa xung lên thời chân răng chảy máu, lưỡi mọc rêu trắng rêu vàng.

Long-hỏa bốc lên thời khát nước như tát, cuống lưỡi mọc rêu đen, phải tường các môn mà chữa.

列 方

Liệt các bài thuốc

四 君 子 湯

Tứ-quân-tử thang

党参五リ姜炒	白朮三リ土炒	茯苓三リ
Đảng-sâm 5 đồng	Bạch-truật 3 đồng	Phục-linh 3 đồng
炙草二リ半	紅棗三枚	生姜五片
Chích-thảo 1 đồng rưỡi	Hồng-táo 3 quả	Sinh-khương 5 nhát

補 中 益 氣 湯

Bổ-trung ích-khí thang

黃芪二リ炙	党参三リ姜炒	白朮二リ土炒
Hoàng-kỳ 2 đồng	Đảng-sâm 3 đồng	Bạch-truật 2 đồng
當歸二リ	炙艸一リ	陳皮五分炒
Đương-quy 2 đồng	Chích-thảo 1 đồng	Trần-bì 5 phân
升麻五分	柴胡五分	生姜三片
Thăng-ma 5 phân	Sài-hồ 5 phân	Sinh-khương 3 nhát
大棗二枚		
Đại-táo 2 quả.		

大營煎

Đại-doanh-tiên

熟地六リ

Thục địa 6 đồng

杞子二リ

Khởi tử 2 đồng

肉桂五分

Nhục-quế 5 phân.

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

牛必二リ

Ngưu-tất 2 đồng

杜仲二リ

Đỗ-trọng 2 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng

小營煎

Tiểu-doanh-tiên

熟地五リ

Thục-địa 5 đồng

淮山二リ炒

Hoài-sơn 2 đồng

當歸二リ

Đương-quy 2 đồng

杞子二リ

Khởi tử 2 đồng

白芍二リ

Bạch-thược 2 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng

附子理中湯

Phụ tử lý-trung thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

製附五分或一リ

Chế-phụ 5 phân hoặc 1 đồng.

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

四味回陽飲

Tứ vị hồi dương ẩm

洋参五リ姜炒

Đương-sâm 5 đồng

製附一リ

Chế-phụ 1 đồng.

乾姜三リ炒

Can-khương 3 đồng

炙草二リ

Chích-thảo 2 đồng

一 陰 煎

Nhất-âm-tiên

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng.

生地二リ

Sinh-dịa 2 đồng

丹参二リ

Đan-sâm 2 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

牛必二リ

Ngưu-tất 2 đồng

加 減 一 陰 煎

Gia giảm nhất-âm-tiên

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

地骨皮一リ

Địa-cốt-bì 1 đồng.

生地二リ

Sinh-dịa 2 đồng

知母一リ炒

Tri-mẫu 1 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

炙艸七分

Chích-thảo 7 phân

六 味 丸

Lục-vị hoàn

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

牡丹三リ酒炒

Mẫu-đơn 3 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

山茱二リ酒炒

Sơn-thù 2 đồng

澤瀉一リ鹽炒

Trạch-tả 1 đồng.

左 歸 飲

Tả-quy âm

熟 地 八 リ

Thục-dịa 8 đồng

茯 苓 三 リ

Phục-linh 3 đồng

淮 山 四 リ 炒

Hoài-sơn 4 đồng

杞 子 二 リ

Khởi-tử 2 đồng

山 茱 二 リ 酒 炒

Sơn-thù 2 đồng

炙 草 一 リ 半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

八 味 丸

Bát-vị hoàn

即 六 味 丸 加

Là bài Lục-vị-hoàn gia

肉 桂 一 リ

Nhục-quế 1 đồng

製 附 五 分

Chế-phụ 5 phân.

右 歸 飲

Hữu-quy âm

熟 地 八 リ

Thục-dịa 8 đồng

杜 仲 三 リ 鹽 炒

Đỗ-trọng 3 đồng

肉 桂 一 リ

Nhục-quế 1 đồng

淮 山 四 リ 炒

Hoài-sơn 4 đồng

杞 子 二 リ

Khởi-tử 2 đồng

製 附 五 分

Chế-phụ 5 phân.

山 茱 二 リ 酒 炒

Sơn-thù 2 đồng

炙 草 一 リ 半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

寧肺湯

Ninh-phế thang

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

川芎五分

Suyền-khung 5 phân

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

五味十粒炒

Ngũ-vị 10 hột

當歸二リ

Đương-quy 2 đồng

沙參三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

炙草七分

Chích-thảo 7 phân

桑白皮二リ炒

Tang-bạch-bì 2 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

麥門二リ炒

Mạch-môn 2 đồng

阿膠二リ炒

A-giao 2 đồng.

補心神效丸

Bổ-tâm-thần-hiệu hoàn

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

茯神二リ

Phục-thần 2 đồng

五味十粒炒

Ngũ-vị 10 hột

沙參三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

棗仁二リ炒黑

Tảo-nhân 2 đồng

硃砂一リ另研

Chu-sa 1 đồng.

黃芪二リ炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

栝子仁一リ去油

Bách-tử-nhân 1 đồng

歸脾湯

Quy-tỳ thang

党參三リ姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

遠志一リ製

Viễn-chí 1 đồng

木香五分煨

Mộc-hương 5 phân

黃芪二リ炙

Hoàng kỳ 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

茯神二リ

Phục-thần 2 đồng

紅棗二枚

Hồng-tảo 2 quả

當歸二リ

Đương quy 2 đồng

棗仁二リ炒黑

Tảo-nhân 2 đồng

龍眼二リ

Long-nhân 2 đồng

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát

香砂六君湯

Hương-sa-lục-quân thang

党参三リ姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

炙草七分

Chích-thảo 7 phân

陳皮一リ

Trần-bì 1 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

藿香一リ

Hoắc-hương 1 đồng

法夏一リ姜炒

Pháp-hạ 1 đồng.

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

沙仁一リ炒

Sa-nhân 1 đồng

五味異功散

Ngũ-vị-dị-công tán

郎四君子湯加

Là thang Tứ-quân gia

陳皮二リ炒

Trần-bì 2 đồng.

養中煎

Dưỡng-trung tiên

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

淮山三リ炒

Hoài-sơn 3 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

扁豆三リ炒

Biên-dậu 3 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

五陰煎

Ngũ-âm tiên

党参三リ姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

扁豆三リ炒

Biên-dậu 3 đồng

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

淮山三リ炒

Hoài sơn 3 đồng

五味十粒炒

Ngũ vị 10 hạt.

歸腎丸

Quy-thận hoàn

熟地八兩

Thục-dịa 8 lượng

茯苓三兩

Phục-linh 3 lượng

杜仲四兩鹽炒

Đỗ-trọng 4 lượng

淮山四兩炒

Hoài-sơn 4 lượng

當歸三兩

Đương quy 3 lượng

兒絲四兩製

Thô-ty 4 lượng

山茱二兩酒炒

Sơn-thù 2 lượng

杞子四兩

Khởi-tử 4 lượng

共末煉蜜丸

每服三リ

Tán nhỏ luyện mật, viên. Mỗi bữa uống 3 đồng.

十補丸

Thập-bổ hoàn

熟地八兩

Thục-dịa 8 lượng

茯苓三兩

Phục-linh 3 lượng

兒絲四兩製

Thô-ty 4 lượng

鹿茸二兩炙

Lộc-nhung 2 lượng

淮山四兩炒

Hoài sơn 4 lượng

杞子三兩

Khởi-tử 3 lượng

牛必三兩

Ngưu-tất 3 lượng

或代用鹿膠四兩炒

Hoặc thay Lộc-giao 4 lượng.

山茱二兩酒炒

Sơn-thù 2 lượng

杜仲三兩鹽炒

Đỗ-trọng 3 lượng

破故二兩炒

Phá-cố 2 lượng

共末煉蜜丸

每服三リ

Tán nhỏ luyện mật, viên. Mỗi bữa uống 3 đồng.

內 傷

1. — Nội-thương

Hết thấy những bệnh nội thương bởi vì no đói thất thường và công việc khó nhọc; như sự no, đói thời con tý con vị bị thương; sự khó nhọc thời huyết hư phát sốt. Chứng này có hai thứ phải chia ra mà chữa

Một thứ nhọc mệt mà không ngoại cảm thời đầu hơi vàng, mình hơi nóng, mạch chạy chậm, mỗi mệt lắm, biếng nói hay nằm, thở hơi thời ngắn hoặc trong mình thường có bở-bởi phải dùng thuốc bổ làm chủ.

Như nguyên khí hư tổn lắm dùng bài *Đại-bồ-nguyên* và bài *Ngũ-phúc-âm*. bài *Thất-phúc-âm* bằng như khí huyết đều hư cả dùng thang *Bát-trân*, thang *Quy-tỳ*. Như chân tay sợ lạnh dùng thang *Thập-toàn-đại-bồ* bằng như âm hư hễ quá trưa thời phát sốt dùng bài *Lục-vị-hoàn* gia *Đương-quy 2* đồng, *Bạch-thược 2* đồng.

Một thứ nhọc mệt có hiệp ngoại cảm thời phát sốt sợ lạnh ngạt mũi, rức đầu mình mảy thì đau, hoặc ghê sốt ghê rét, mỗi mệt, nằm không muốn dậy, như khí hư hạ hãm không thăng phát lên được dùng thang *Bổ-trung-tch-khi* nhược bằng khí hư hãm lại thêm âm huyết hư không ra được bổ-hồi dùng bài *Bổ-âm-tch-khi*

Đến những sự thất tình nội thương như khi vui mừng thương sót, lo nghĩ thời thương tâm, bỏ quả tim dùng bài *Thiên vương-bồ-tâm* hoặc quả tim nóng dùng thang *Nhị-âm-tiên*. Sự uất nộ thời thương can, giải can uất dùng bài *Tiêu-giao-tán* bỏ can huyết dùng bài *Tam-âm* thang *Tứ-vật*. Việc ăn uống thất thường thì thương tỳ, bổ tỳ dùng thang *Tứ-quân-tứ* hoặc con tý lạnh dùng bài *Lý-trung* thang *Ngũ-quân-tứ* tiêu thực tích dùng bài *Đại-hòa-trung*, bài *Tiểu-hòa-trung*. Lúc nói to quát tháo thời thương phế, bổ phế dùng bài *Tứ-âm-tiên* bài *Tam-tài-hoàn*.

Khi sợ hãi và sự dâm dục thời thương thận, bổ thận, thủy dùng bài *Lục-vị-hoàn* bài *Tả-quy-âm* bài *Tả-quy-hoàn*, bổ thận hỏa dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-âm*, bài *Hữu-quy-hoàn*

列 方

Liệt các bài thuốc

大 補 元 煎

Đại-bổ-nguyên tiên

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

淮山 二リ 炒

Hoài-sơn 2 đồng

山茱 一リ 酒 炒

Sơn thù 1 đồng

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

杞子 二リ

Khôi-tử 2 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng.

党参 三リ 姜 炒

Đảng-sâm 3 đồng

杜仲 二リ 鹽 炒

Đỗ-trọng 2 đồng

五 福 飲

Ngũ-phúc-âm

熟地 六リ

Thục-dịa 6 đồng

白朮 二リ 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

党参 四リ 姜 炒

Đảng-sâm 4 đồng

炙艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

生薑 三片

Sinh-khương 3 nhát

七 福 飲

Thất-phúc-âm

即五福飲加

Là bài Ngũ-phúc-âm gia

棗仁 二リ 炒 黑

Tào nhân 2 đồng

遠志 五分 製

Viễn-chi 5 phân.

八珍湯

Bát-trân thang

党参三リ姜炒 白朮二リ土炒 茯苓一リ半
Đảng-sâm 3 đồng Bạch-truật 2 đồng Phục-linh 1 đồng rưỡi
炙草七分 熟地三リ 當歸二リ
Chích-thảo 7 phân Thục-dịa 3 đồng Đương-quy 2 đồng
川芎五分 白芍一リ半
Suyên-khung 5 phân Bạch-thược 1 đồng rưỡi.

十全大補湯

Thập-toàn-dại-bổ thang

即八珍湯加

Là thang Bát-trân gia

黃芪二リ炙 肉桂一リ
Hoàng-kỳ 2 đồng Nhục-quế 1 đồng.

補陰益氣煎

Bổ-âm ích-khí tiên

熟地五リ	當歸二リ	党参三リ姜炒
Thục-dịa 5 đồng	Đương-quy 2 đồng	Đảng-sâm 3 đồng
淮山二リ炒	升麻七分	柴胡一リ
Hoài-sơn 2 đồng	Thăng-ma 7 phân	Sài-hồ 1 đồng
陳皮一リ炒	炙艸七分	
Trần-bì 1 đồng	Chích-thảo 7 phân.	

天王補心丹

Thiên-vương-bổ-tâm-dan

熟地五リ Thục-dịa 5 đồng	党参三リ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng	玄参二リ Huyền-sâm 2 đồng
丹参二リ Đan-sâm 2 đồng	遠志五分製 Viễn-chí 5 phân	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
桔梗一リ Kê-cảnh 1 đồng	五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hạt	當歸二リ Đương-quy 2 đồng
麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng	天門二リ炒 Thiên-môn 2 đồng	棗仁二リ炒黑 Táo-nhân 2 đồng
栝子仁一リ去油 Bách-tử-nhân 1 đồng.		

二陰煎

Nhị-âm-tiên

生地三リ Sinh-dịa 3 đồng	麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng	棗仁二リ炒黑 Táo-nhân 2 đồng
黃連一リ Hoàng-liên 1 đồng	木通一リ Mộc-thông 1 đồng	炙草七分 Chích-thảo 7 phân.
玄参一リ半 Huyền-sâm 1 đồng rưỡi	茯苓一リ半 Phục-linh 1 đồng rưỡi	

逍遙散

Tiêu-dao-tán

當歸三リ Đương-quy 3 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng
茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	柴胡一リ Sai-hồ 1 đồng	薄荷五分 Bạc-hà 5 phân
炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	生姜三片 Sinh-khương 3 nhát.	

四物湯

Tứ - vật thang

熟地 六リ

Thục-dịa 6 đồng

川芎 一リ炒

Xuyên-khung 1 đồng.

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

白芍 二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

三陰煎

Tam-âm tiên

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

党参 三リ 姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

棗仁 二リ炒 黑

Tảo-nhân 2 đồng

白芍 二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

炙艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng.

理中湯

Lý - trung thang

党参 五リ 姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

乾姜 二リ炒

Can-khương 2 đồng

白朮 三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

炙草 一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

五君子煎

Ngũ - quân-tử tiên

党参 五リ 姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

白朮 三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜 二リ炒

Can-khương 2 đồng.

茯苓 二リ

Phục-linh 2 đồng

大和中飲

Đại hòa trung ẩm

山查二リ炒黒

Sơn-tra 2 đồng

厚樸一リ半姜炒

Hậu-phác 1 đồng rượu

澤左一リ半盞炒

Trạch-tả 1 đồng rượu

沙仁一リ炒

Sa-nhân 1 đồng

麥芽二リ炒黒

Mạch-m芽 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

枳寔一リ炒

Chỉ-thực 1 đồng

生姜五片

Sinh-khương 5 nhát.

小和中飲

Tiểu hòa trung ẩm

山查二リ炒黒

Sơn-tra 2 đồng

扁豆三リ炒

Biên-dậu 3 đồng

厚樸一リ半姜炒

Hậu-phác 1 đồng rượu

炙草五分

Chích-thảo 5 phân

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rượu

生姜五片

Sinh-khương 5 nhát

四陰煎

Tứ âm tiên

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

沙参四リ姜炒

Sa-sâm 4 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

百合二リ炒

Bách-hợp 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng.

三才丸

Tam-tài hoàn

熟地 八リ
Thục-dịa 8 đồng

沙参 六リ 姜 炒
Sa-sâm 6 đồng

麥門 五リ 炒
Mạch-môn 5 đồng.

左歸丸

Tả-qui hoàn

熟地 四兩
Thục-dịa 4 lượng

山茱 一兩 酒 炒
Sơn-thù 1 lượng

鹿膠 二兩
Lộc-giao 2 lượng

共末煉蜜丸

Tán nhỏ luyện mật, viên ; mỗi bần uống 3 đồng.

淮山 二兩 炒
Hoài sơn 2 lượng

牛必 一兩半
Ngưu tất 1 lượng rưỡi

龜膠 一兩
Quy-giao 1 lượng.

每服 三リ

杞子 二兩

Khởi-tử 2 lượng

兎絲 二兩 製
Thỏ-ty 2 lượng

右歸丸

Hữu-qui hoàn

熟地 四兩
Thục địa 4 lượng

杞子 二兩
Khởi-tử 2 lượng

杜仲 二兩 鹽 炒
Đỗ-trọng 2 lượng

製附 五リ
Chế phụ 5 đồng

散末煉蜜丸

Tán nhỏ luyện mật, viên ; mỗi bần uống 3 đồng.

淮山 二兩 炒
Hoài-sơn 2 lượng

鹿膠 二兩
Lộc-giao 2 lượng

當歸 二兩
Đương-quy 2 lượng

每服 三リ

山茱 一兩 酒 炒
Sơn-thù 1 lượng

兎絲 二兩 製
Thỏ ty 2 lượng

肉桂 五リ
Nhục-quế 5 đồng

歸脾湯

Quy-tỳ thang

補中益氣

Bổ-trung-ích-khi

左歸飲

Tả-quy âm

右歸飲

Hữu-quy âm

六味丸

Lục-vị hoàn

四君子湯

Tứ-quân-tử thang

八味丸

Bát-vị hoàn

俱在上十效

諸虛症辨

Đều ở trên số 10: Chư-hư-chứng-biện

傷風

2. — Thương-phong

Ông Cảnh-Nhạc nói rằng: • cái gió là quan thầy cho cái rét. Gió đưa rét lại. Rét theo gió vào thấu trong thịt xương vốn là một giống, cho nên khi lạnh cảm vào nóng là chứng thương phong. Hơi gió cảm vào sâu là chứng thương hàn. Bằng như chẳng nóng chẳng sâu nửa trong nửa ngoài là bệnh sốt rét.

Những chứng thương phong thời hiện ra phát sốt sợ gió ho hắng rức đầu, hắt hơi sổ mũi, có dâm-dấp bờ-hôi, mạch phù mà hoãn.

Như người khí hư, hình thể yếu đuối, sắc mặt trắng bệch, đau bụng di đởa, mà hiệp ngoại-cảm, dùng bài *Gia-giảm-hương-sa-lục-quân thang*.

Như người huyết hư, hình thể gầy đen, đại tiện thường táo, mà hiệp ngoại cảm, dùng bài *Gia-giảm-liêu-giao tán*.

加減香砂六君湯

Gia giảm hương-sa-lục-quân thang

党参 三リ 姜炒 枯	砂仁 一リ	淮山 二リ 炒 黄
Đảng-sâm 3 đồng	Sa-nhân 1 đồng	Hoài-sơn 2 đồng
扁豆 二リ 炒 黄	法夏 一リ	藿香 一リ
Biển-dậu 2 đồng	Pháp hạ 1 đồng	Hoắc-hương 1 đồng
姜活 一リ	甘草 一リ	厚樸 一リ 半
Khương-hoạt 1 đồng	Cam-thảo 1 đồng	Hậu-phác 1 đồng rưỡi
獨活 一リ 半	茯苓 二リ	柴胡 一リ 半
Độc-hoạt 1 đồng rưỡi	Phục-linh 2 đồng	Sài hồ 1 đồng rưỡi
蒼朮 一リ 半 製	陳皮 一リ 炒	生姜 三片
Sương-truật 1 đồng rưỡi	Trần-bì 1 đồng	Gừng sống 3 nhát.

加減逍遙散

Gia giảm tiêu - dao tán

生地 三リ	當歸 三リ	白芍 二リ
Sinh-dịa 3 đồng	Đương-quy 3 đồng	Bạch-thược 2 đồng
茯苓 二リ	玄參 二リ	牡丹 二リ
Phục-linh 2 đồng	Huyền-sâm 2 đồng	Mẫu-dơn 2 đồng
梔子 二リ 炒 焦	柴胡 一リ 半	姜活 一リ
Chi-tử 2 đồng	Sài-hồ 1 đồng rưỡi	Khương-hoạt 1 đồng
薄荷 一リ	甘草 五分	
Bạc-hồ 1 đồng	Cam-thảo 5 phân.	

Những người tạng-bình phải dùng thuốc bình tán. Như bài *Gia-giảm bại độc-tán* hoặc bài *Chính-sai-hồ âm*, bằng như ho lâm, dờm nhiều dùng bài *Sâm-thổ-âm* hoặc bài *Hòa-giải-tán*.

Như người tạng-nhiệt mạch phù mà khản phải cho thuốc hơi mát dùng thang *Cửu-vị khương-hoạt*.

Như người tạng hàn thời mạch phù mà hoãn phải cho thuốc hơi nóng dùng bài *Ngũ-tích-tán*.

列 方

Liệt các bài thuốc

加減敗毒散

Gia giảm bại - độc - tán

沙参三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

柴胡一リ

Sài-hồ 1 đồng

獨活一リ

Độc-hoạt 1 đồng

桔梗一リ半

Kết-cánh 1 đồng rưỡi

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

前胡一リ

Tiền-hồ 1 đồng

蘇葉一リ

Tô-diệp 1 đồng

炙草五分

Chích-thảo 5 phân

川芎五分

Xuyên-khung 5 phân

姜活一リ

Khương-hoạt 1 đồng

防風一リ

Phòng-phong 1 đồng

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát

或散末每服一匙

Hoặc tán bột, mỗi bữa uống 1 thìa.

生姜湯下

Thang bằng nước gừng.

正柴胡飲

Chính-sài-hồ ẩm

柴胡二リ

Sài-hồ 2 đồng

陳皮一リ

Trần-bì 1 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

艸炙七分

Chích-thảo 7 phân

防風一リ半

Phòng-phong 1 đồng rưỡi

加：

Gia：

當歸二リ

Đương-quy 2 đồng

姜活一リ

Khương-hoạt 1 đồng.

參蘇飲

Sâm-tô ẩm

沙參三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

前胡一リ半

Tiền-hồ 1 đồng rưỡi

木香三分

Mộc-hương 3 phân

土貝牡二リ姜炒

Thổ-bối-mẫu 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

蘇葉一リ

Tô-diệp 1 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

炙草五分

Chích-thảo 5 phân

葛根二リ

Cát-căn 2 đồng

枳壳五分炒

Chỉ-sắc 5 phân

桔梗二リ

Kết-cánh 2 đồng

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát.

和鮮散

Hòa-giải tán

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

桔梗二リ

Kết-cánh 2 đồng

葛根二リ

Cát-căn 2 đồng

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát.

蘇葉一リ

Tô-diệp 1 đồng

炙草七分

Chích-thảo 7 phân

前胡一リ半

Tiền-hồ 1 đồng rưỡi

杏仁十粒

Hạnh-nhân 10 hạt

桑白皮二リ蜜炒

Tang-bạch-bì 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

或散末爲散藥

Hoặc tán nhỏ làm thuốc bột; mỗi lần uống 1 thìa.

生姜湯下

Thang bằng nước gừng.

每服一匙

九味姜活湯

Cửu-vị-khương-hoạt thang

生地三リ

Sinh-dịa 3 đồng

黃芩一リ炒

Hoàng-cầm 1 đồng

蒼朮一リ製

Xương-truật 1 đồng

川芎一リ

Xuyên-khung 1 đồng

細辛七分

Tế-tân 7 phân

白芷一リ

Bạch-chí 1 đồng

姜活一リ

Khương-hoạt 1 đồng

炙甘草五分

Chích-thảo 5 phân

防風一リ

Phòng-phong 1 đồng.

五積散

Ngũ-tích-tán

當歸二リ

Đương-quy 2 đồng

党参三リ姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

桂枝一リ

Quế-chí 1 đồng

枳壳五分炒

Chí-xác 5 phân

桔梗一リ半

Kết-cánh 1 đồng rưỡi

柴胡一リ

Sài-hồ 1 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

茯苓二リ

Phục linh 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần bì 1 đồng

白芷一リ

Bạch-chí 1 đồng

蒼朮一リ製

Xương-truật 1 đồng

川芎一リ

Xuyên-khung 1 đồng

炙甘草七分

Chích-thảo 7 phân

法夏一リ姜炒

Pháp-hạ 1 đồng

厚樸二リ姜炒

Hậu-phác 2 đồng

乾姜一リ炒

Cần-khương 1 đồng

如頭痛加

Như rức đầu, gia:

川芎一リ

Xuyên-khung 1 đồng

蔓荊二リ

Màn-kinh 2 đồng

白芷一リ

Bạch-chí 1 đồng

細辛五分

Tế-tân 5 phân.

身痛加

Đau mình, gia:

蒼朮一リ製

Xương-truật 1 đồng

獨活二リ

Độc-hoạt 2 đồng

腹脹食不消加

Đầy bụng ăn không tiêu, gia :

厚樸 二リ 姜 炒

Hậu-phác 2 đồng

神曲 一リ 姜 炒

Thần-khúc 1 đồng

山楂 一リ 半 炒 黑

Sơn-tra 1 đồng rưỡi

麥芽 一リ 黑 炒

Mạch-nha 1 đồng

如嘔吐加

Như nôn mửa, gia :

藿香 一リ

Hoắc-hương 1 đồng

沙仁 一リ 炒

Sa-nhân 1 đồng

如泄瀉加

Như đi rửa lỏng, gia :

車前 一リ 炒

Xa-tiền 1 đồng

澤瀉 一リ 半 盞 炒

Trạch-lả 1 đồng rưỡi

如大便燥加

Như đại-tiên táo, gia :

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

牛必 二リ

Ngưu-tất 2 đồng

肉蓯蓉 二リ 製

Nhục-thong-dong 2 đồng.

傷 寒

3. — Thương-hàn

Những chứng thương hàn thời hiện ra phát sốt sợ lạnh, rừc dầu, đau mình, ngạt mũi, tiếng nói khô, không có mồ-hôi, mạch phù mà khẩn sắc, trị chứng thương hàn này có sáu phép gọi là : hãn, tả, hạ, ôn, thanh, bổ.

汗 法

Phép hãn là cho thuốc phát tán để ra mồ-hôi. Như phát sốt không khỏi phải dùng phép hãn. Phép hãn này có chia làm ba thứ :

一 曰 溫 散

Một là phát tán dùng thuốc nóng như gặp khi giới rét mà tạng người lại lạnh xét trong bụng không có chứng gì nóng nẩy chi cả. dấu thấy phát sốt phải dùng thuốc nóng mới được. Như cảm hàn nặng quá tà khí quẩn quít không thôi nóng lắm sợ lạnh đắp áo trùm chăn muốn đốt than lửa, lại ư nước nóng; mạch thời trầm mà khản.

Những người khỏe mạnh dùng bài *Nhị-sái-hồ* gia dương-quy, khương-hoạt, phòng-phong, quế-chí.

Những người yếu đuối hoặc dương bình, hoặc bình hậu dùng bài *Đại-ôn-trung* khứ ma-hoàng.

Như cảm hàn không uặng lắm nóng sốt chưa khỏi. Những người phần âm huyết hư dùng bài *Lý-âm-tiên* gia sái-hồ, quế-chí.

Những người phần dương khí hư dùng thang *Lý-trung* gia dương-quy, sái-hồ. Bằng như dương hư hạ hãm hàn tà không giải được dùng thang *Bồ-trung-ích-khi* gia can-khương 2 đồng ấy thể là: đem khí dương lên thời mới dễ bỏ-bôi được.

二 曰 涼 散

Hai là phát tán dùng thuốc lạnh vì gặp lúc giới nực mà người lại tỉnh nhiệt xét trong mình không có chứng gì lạnh hề thấy phát sốt phải dùng thuốc mát mới được.

Như kinh dương-minh trong dạ-dầy nóng mà ngoài sốt không khỏi bởi vì hàn uất hóa nóng cho nên ghét nóng mà yêu mát, mạch thời hồng sắc, khát nước lưỡi mọc rêu trắng dùng bài *Sái-hồ-bạch-hồ* gia trúc-diệp 20 lá, nhược bằng lưỡi trắng chuyển vàng gia Hoàng-cầm 1 đồng, Thạch-hộc 2 đồng như lưỡi có mọc gai gia Hoàng-liên 1 đồng, Mạch-môn 2 đồng. Như lưỡi vàng hóa đen gia Sinh-địa 3 đồng, Mạch-môn 2 đồng. Như lưỡi đen rêu dày gia *Đại-hoàng* 1 đồng, hoặc dùng thang *Tiểu-thừa-khi* cho hạ đi. Như lưỡi đen dày mà mạch trầm lại muốn uống nước nóng dùng thang *Lý-trung* hoặc bài *Lý-âm* đều gia Phụ-tử chế 1 đồng.

Bằng như trong ngoài đều nóng phiền khát muốn cho mát lại kiêm chứng tiết-tả dùng bài *Sái-cầm-tiên*.

Như trong ngoài đều nóng mà không nóng lắm dùng bài *Nhất-sái-hồ* hoặc dùng thang *Sái-cát-giải-cơ*.

Như ngoài nóng quá gia Phòng phong 2 đồng.

Trong nóng hơn gia Liên-kiều 2 đồng.

Khát nước gia Hoa-phấn 2 đồng, Cát-cần 2 đồng, Khát lắm gia thạch-cao 2 đồng, chi-mẫu 2 đồng.

Bằng như âm hư huyết ít không ra được bồ-hôi dùng thang *Tứ-vật* hợp mới bài *Tiểu-sái-hồ* hoặc dùng bài *Lục-vị gia* *Đương-quy* 2 đồng, *Bạch-thược* 2 đồng, *Sái-hồ* 1 đồng, ấy thể là bồ âm huyết mới ra được bồ-hôi đó.

三 日 平 散

Ba là phát tán dùng thuốc bình như gặp khi khí giới mát mẻ mà tạng người cũng hòa bình chẳng nóng chẳng lạnh hoặc có ngoại cảm chỉ dùng thuốc bình-tán ấy là khí lạnh cảm vào nóng gọi là chứng thương phong đó.

吐 法

Phép thổ là cho thuốc để nôn ra. Những khi triếp cảm phát sốt trên ngực tức đầy là tà khí ở thượng tiêu tắc hơi khó thở hoặc có nhiều đờm hoặc ăn không tiêu phải dùng phép thổ để tống cái hàn tà trong ngực ra cũng là có ý phát tán đó.

Phép dời xưa dùng bài *Qua-đế-tán* phương bát-trận: dùng hạt lú-bú tán nhỏ hòa nước sôi uống một thìa, một chốc lâu lâu thời nôn ra, hoặc dùng một dấm muối sao cho đỏ bỏ vào ấm cho một bát nước đun sấp sôi lấy đũa quấy đều, nếm hơi nhạt nhạt mới uống được, trước uống nửa chén, rồi dần dần uống hơn lên tự nhiên lợm giọng nôn ra.

Lại còn một phép dùng thuốc nào cũng thổ được, nhưng phải tùy bệnh chứng mà dùng thuốc thang uống rồi một chốc lấy ngón tay móc trong cổ cho nôn ra. Như nhiều đờm dùng thang *Nhị-trần*; ăn không tiêu dùng bài *Bình-vị* còn bệnh khác phỏng như thế.

下 法

Phép hạ là cho thuốc để thông đại-tiện, những chứng ngoại tà đã vào trong, thời bụng phát chương dục lên phải dùng thuốc hạ, phép hạ này cũng có ba thứ:

一 曰 熱 結

Một rằng chứng nhiệt kết: Nguyên người vốn tính nhiệt, vẫn kiêng những vị cay nóng, khi ngộ phải thương hàn, phát sốt hóa ra diễn cuồng nói nhảm, ráo khát, cổ khô sốt nóng từng cơn, bụng thời phát chương, ấn vào thời đau; đại-tiện táo kết năm sáu ngày không đi; mạch chạy thì mạnh lắm phải dùng hạ bằng thuốc lạnh.

Như những người khỏe mạnh dùng thang *Tiểu-thừa-khi* bằng chưa hạ được phải dùng thang *Đại-thừa-khi*.

Như những người yếu hoặc dương bệnh, hoặc bệnh hậu, khi huyết đều hư dùng thang *Đào-thị-hoàng-long* nếu phải đàn bà kinh huyết không thông mà bụng chướng đau dùng bài *Ngọc-chức-tán*, bằng như tích huyết mà bụng dưới tức đau đại-tiện sắc đen không thông dùng thang *Đào-nhân-thừa-khi*.

Còn như những người ngoài da nóng sốt chưa khỏi, trong bụng lại phát chướng lên phải kiêm cả hai phép: hãm hạ vào một bài thuốc dùng thang *Đại-sái-hỗ* hoặc thang *Lục-nhất-thuận-khi*.

Bằng như chứng nhiệt kết không quá lắm mà khi huyết đều hư cả dùng thang *Thánh-dũ* gia *Đại-hoàng* 1 đồng, *Chi-xác* 7 phân.

Vì bằng những người yếu đuối quá, không chịu được thuốc công phạt, phải lấy thuốc bổ làm tiêu dùng bài *Nhận-tràng thang*.

二日寒凝

Hai rằng chứng hàn-ngưng: Nguyên người bản tạng hàn, không ăn được những vật sống lạnh, nhân phải chứng thương hàn, phát sốt ngực bụng tức đầy; ấn vào không đau, đại-tiện bế sấp, hoặc mười hôm không đi. Mạch trầm mà yếu, phải dùng hạ bằng thuốc nóng.

Những người khỏe mạnh, dùng bài *Bị-cập-hoàn* gia *Mộc-hương* 1 đồng.

Như những người yếu dùng bài *Ngũ-quân-tử* gia *Đương-quy* 3 đồng; *ba-dậu* 3 hột. Còn như những người bạc nhược quá, bụng thời lúc chướng, lúc không, ấy là chứng hư bĩ hư mãn không chịu được thuốc công phạt phải dùng thuốc bổ làm tiêu, ấy là phép tặc nhân, tặc dụng, dùng bài *Bạch-truật-tiên* gia *Đương-sâm* 3 đồng.

三日幽門閉

Ba rằng chứng u-môn bế: Chứng này nhân thương-hàn, bụng phát chướng, cao uống thuốc hạ, không đi bởi vì cái dạ-dày cửa dưới ủng tắc, chẳng thông, không truyền xuống tiêu tràng được, uống thuốc hạ càng dục lên, dùng phép thông-quan lại không lên, đến lúc bấy giờ bụng càng chướng quá, thực là nguy cấp lắm phải dùng bài *Thông-u-phương* mới hạ được.

溫 法

Phép ôn là cho thuốc nóng để ấm trong bụng. Những chứng khí lạnh đã vào trong tạng phải dùng thuốc nóng để tán hàn-tà bởi khí hư thời hóa ra lạnh ngoài nóng giả mà trong lạnh thực, chân tay giá ngắt, mạch thời trầm tế, mình mảy đau lại đi dữa lỏng dùng bài *Phụ-tử-lý-trung* hoặc bài *Tứ-nghịch gia nhân-sâm*, bằng như khí lạnh vừa vừa dùng thang *Ly-trung* bài *Ngũ-quân-tử*.

清 法

Phép thanh là cho thuốc mát để giải phiền nhiệt.

Những chứng nóng sốt mà bụng không chướng đại-tiện không kết có nhẽ nào dùng thuốc hạ, vì bằng không thanh giải thời khí nóng sao tan được, hoặc có khi phát sốt uống nhầm phải thuốc hạ thời trong bụng không hư, cái tà-khi nhân hư mà vào, đến nỗi bụng phát chướng cũng phải dùng thuốc thanh giải nhẽ đầu lại hạ nữa.

Như những chứng hỏa tả chứa chất ở trong, mạch thời hồng sắc, trong bụng nóng lắm, dùng bài *Trừu-tán-âm*, trong bụng nóng vừa dùng bài *Tỷ-lân-âm*.

Như kinh-dương-minh trong dạ-dầy nóng quá mà khát nước lắm dùng thang *Bạch-hồ* hoặc bài *Ngọc-toàn-tán* như nóng khát lại kiêm phần âm hư dùng bài *Ngọc-nữ-tiên*.

Như dương thịnh âm hư mà nóng sốt không lui dùng bài *Nhật-âm-tiên*, bằng như dương hỏa nóng bởi quá dùng bài *Gia-giảm-nhật-âm*, như hạ tiêu thấp nhiệt thịnh quá dùng bài *Tư-âm-bát-vị*.

補 法

Phép bổ là dùng thuốc bổ cho những người yếu bệnh hư.

Như chính khí trong hình thể người đã yếu đuối thời ngoại tà gió mây càng mạnh hơn cho nên quần quít mãi không khỏi, bổ chính khí thời tà khí phải lui, quan tướng khỏe mạnh mới đuổi được giặc.

Những người yếu ớt lắm phải dùng thuốc đại bổ như bài *Đại-bổ-nguyên-tiên*, bài *Đại-doanh-tiên*, bài *Thập-toàn-dại-bổ*, bài *Lục-vị-hồ-dương*.

Những người yếu vừa nên dùng bình bổ, như phần khí hư dùng bài *Gia-vị Tứ-quân-tử*, bài *Sâm-linh-bạch-truật-tán*, bài *Dưỡng-trung-tiên* như phần huyết hư dùng thang *Tứ-vật* hoặc bài *Tam-âm*, bài *Lục-vị gia quy, thực*.

Xét trong sáu phép, thời phép hãn, thổ, hạ, thanh bốn phép ấy đều dùng thuốc công phạt hề thấy khỏi bệnh thời thời không nên uống quá. Còn hai phép ôn bổ thực là có ích uống nhiều càng hay.

列方

Liệt các bài thuốc

二柴胡飲

Nhị - sài - hồ - ẩm

陳皮 一リ 半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

厚樸 一リ 半姜炒

Hậu-phác 1 đồng rưỡi

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

細辛 二リ

Tế-tân 2 đồng

柴胡 三リ

Sài-hồ 3 đồng

乾姜 二リ 炒

Cạn-kương 2 đồng

法夏 一リ 半

Pháp-hạ 1 đồng rưỡi

加

Gia :

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

桂枝 二リ

Quế-chí 2 đồng

姜活 一リ

Khương-hoạt 1 đồng

防風 二リ

Phòng-phong 2 đồng.

大溫中飲

Đại-ôn-trung-ẩm

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

党参 三リ 姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

肉桂 一リ

Nhục-quế 1 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

柴胡 三リ

Sài-hồ 3 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng.

冬朮 三リ 土炒

Đông-truật 3 đồng

乾姜 二リ 炒

Cạn-kương 2 đồng

理陰煎

Lý - âm - tiên

當歸四リ

Đương-quy 4 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng.

加

Gia:

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

柴胡二リ

Sài-hồ 2 đồng.

理中湯

(Ở số 1)

Lý - trung thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒

Can khương 2 đồng.

加

Gia:

柴胡二リ

Sài-hồ 2 đồng

當歸二リ

Đương-quy 2 đồng

柴胡白虎煎

Sài - hồ bạch - hồ tiên

柴胡二リ

Sài-hồ 2 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

石膏三リ煨

Thạch-cao 3 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng.

黃芩一リ炒

Hoàng-cầm 1 đồng

加

Gia:

竹葉廿片

Trúc-diệp 20 lá.

柴芩煎

Sài - cầm tiên

柴胡三リ

Sài-hồ 3 đồng

澤左二リ盪炒

Trạch-tả 2 đồng

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

木通二リ

Mộc-thông 2 đồng

梔子二リ炒黑

Chi-tử 2 đồng

枳壳一リ炒

Chỉ-xác 1 đồng.

一 柴 胡 飲

Nhất-sài-hồ ẩm

柴 胡 三 升
Sài-hồ 3 đồng

白 芍 二 升 炒
Bạch-thược 2 đồng

黃 芩 二 升 炒
Hoàng-cầm 2 đồng

陳 皮 一 升 半 炒
Trần-bì 1 đồng rưỡi

生 地 三 升
Sinh-dịa 3 đồng

生 朮 一 升
Sinh-thảo 1 đồng

柴 葛 鮮 朮 湯

Sài-cát-giải-cơ thang

柴 胡 二 升
Sài-hồ 2 đồng

白 芍 三 升 炒
Bạch-thược 3 đồng

桔 梗 二 升
Kê-thực 2 đồng

葛 根 三 升
Cát căn 3 đồng

白 芷 一 升 半
Bạch-chí 1 đồng rưỡi

姜 活 一 升
Khương-hoạt 1 đồng.

黃 芩 一 升 炒
Hoàng-cầm 1 đồng

生 草 一 升
Sinh-thảo 1 đồng

四 物 合 小 柴 胡 湯

Tứ-vật-hợp-tiểu-sài-hồ thang

熟 地 五 升
Thục-dịa 5 đồng

党 参 三 升 姜 炒
Đảng-sâm 3 đồng

柴 胡 二 升
Sài-hồ 2 đồng

當 歸 二 升
Đương-quy 2 đồng

川 芎 一 升
Xuyên-khung 1 đồng

法 夏 一 升 半
Pháp-hạ 1 đồng rưỡi

白 芍 二 升 炒
Bạch-thược 2 đồng

黃 芩 一 升 炒
Hoàng-cầm 1 đồng

生 朮 一 升
Sinh-thảo 1 đồng

瓜 蒂 散

Qua-đề tán

瓜 蒂 三 升
Qua-đề 3 đồng

赤 小 豆 三 升
Xích-tiểu-đậu 3 đồng.

共 末 每 服 一 匙 調 溫 水 下

Tán bột, uống 1 thìa, hòa nước sôi.

小承氣湯

Tiểu-thừa-khí thang

川大黃五リ煨 厚樸一リ姜炒 枳壳二リ炒
Xuyên-dại-hoàng 5 đồng Hậu-phác 1 lạng Chỉ-xác 2 đồng.

大承氣湯

Đại-thừa-khí thang

厚樸一リ姜炒 枳寔三リ炒 芒硝三リ
Hậu-phác 1 lạng Chỉ-thực 3 đồng Mang-tiêu 3 đồng
川大黃五リ煨
Xuyên-dại-hoàng 5 đồng.

二陳湯

Nhị-trần thang

茯苓五リ 陳皮二リ炒 法夏二リ姜炒
Phục-linh 5 đồng Trần-bì 2 đồng Pháp-hạ 2 đồng.
炙草一リ半
Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

平胃散

Bình-vị tán

厚樸五リ姜炒 蒼朮三リ製 陳皮二リ炒
Hậu-phác 5 đồng Xương-truật 3 đồng Trần-bì 2 đồng.
炙草一リ半
Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

陶氏黃龍湯

Đào-thị - hoàng - long thang

當歸三リ 厚樸五リ姜炒 枳壳二リ炒
Đương-quy 3 đồng Hậu-phác 5 đồng Chỉ-xác 2 đồng
芒硝二リ 生艸一リ 洋參三リ姜炒
Mang-tiêu 2 đồng Sinh-thảo 1 đồng Dương-sâm 3 đồng
川大黃三リ
Xuyên-dại-hoàng 3 đồng.

玉 燭 散

Ngọc - chước tán

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

川芎一リ

Xuyên-khung 1 đồng

川大黃三リ煨

Xuyên-dại-hoàng 3 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

芒硝二リ

Mang-tiêu 2 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

桃 仁 承 氣 湯

Đào-nhân-thừa-khí thang

生草二リ

Sinh-thảo 2 đồng

桃仁三リ

Đào-nhân 3 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

芒硝二リ

Mang-tiêu 2 đồng

川大黃五リ煨

Xuyên-dại hoàng 5 đồng.

大 柴 胡 湯

Đại-sài-hồ thang

黃芩一リ半

Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi

法夏二リ姜炒

Pháp-hạ 2 đồng

生姜七片

Sinh-khương 7 nhát

柴胡三リ

Sài-hồ 3 đồng

大棗三枚

Đại-lão 3 quả

川大黃五リ煨

Xuyên-dại-hoàng 5 đồng.

枳實二リ炒

Chỉ-thực 2 đồng

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

六 一 順 氣 湯

Lục - nhất - thuận - khí thang

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

芒硝二リ

Mang-tiêu 2 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

柴胡三リ

Sài hồ 3 đồng

枳實二リ炒

Chỉ-thực 2 đồng

川大黃五リ煨

Xuyên-dại-hoàng 5 đồng.

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

厚樸五リ姜炒

Hậu-phác 5 đồng

聖愈湯

Thánh-dũ thang

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

加 枳壳 一リ炒

gia: Chỉ-xác 1 đồng

白芍 二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

黃芪 二リ炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

川大黃 二リ

Xuyên-dại-hoàng 2 đồng.

洋參 三リ姜炒

Dương-sâm 3 đồng

川芎 一リ

Xuyên-khung 1 đồng

潤腸湯

Nhuận-tràng thang

當歸 五リ

Đương-quy 5 đồng

牛必 二リ

Ngưu-tất 2 đồng

肉蓯蓉 二リ製

Nhục thông-dong 2 đồng.

熟地 三リ

Thục-dịa 3 đồng

枳壳 一リ炒

Chỉ-xác 1 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

桃仁 廿粒

Đào-nhân 30 hạt

備急丸

Bị-cấp hoàn

川大黃 三リ煨

Xuyên-dại-hoàng 3 đồng

加 木香 三リ

gia: Mộc-hương 3 đồng.

巴豆 三リ去油

Ba-dậu 3 đồng

乾姜 三リ姜

Can-khương 3 đồng

共末蜜丸如綠豆大每服一二丸

Tán bột luyến mật viên bằng hạt đậu xanh : mỗi bữa uống 1, 2 viên.

五君子煎

Ngũ-quân-tử tiên

党参 五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

茯苓 二リ

Phục linh 2 đồng

白朮 三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

炙草 一リ
Chích-thảo 1 đồng
乾姜 二リ 炒
Can-khương 2 đồng.

加
Gia:

當歸 三リ
Đương-quy 3 đồng
巴豆 三粒 去油
Ba-dậu 3 hạt.

白朮煎

Bạch - truật tiên

冬朮 一 朮土 炒
Đông-truật 1 lượng
乾姜 三リ 炒
Can-khương 3 đồng

陳皮 二リ 炒
Trần-bì 2 đồng
肉桂 一リ
Nhục-quế 1 đồng.

加
Gia:
洋參 三リ 姜炒
Dương-sâm 3 đồng

通幽方

Thông - u - phương

水銀 一 朮 (或五六リ)
Thủy-ngân 1 lượng, (hoặc 5, 6 đồng).

吞下即挹起坐定少頃即下
Uống rồi ẩm ngồi lên, một chốc thời hạ được.

四逆加人參湯

Tứ - nghịch gia nhân - sâm thang

洋參 五リ 姜炒
Dương sâm 5 đồng
炙草 一リ
Chích-thảo 1 đồng.

製附 一リ
Chế-phụ 1 đồng

乾姜 三リ 炒
Can-khương 3 đồng

抽薪飲

Trừu - tân ẩm

黃芩 二リ
Hoàng-cầm 2 đồng
梔子 二リ 炒黑
Chi-tử 2 đồng
澤左 二リ 鹽炒
Trạch-tả 2 đồng

石膏 二リ 煨
Thạch-cao 2 đồng
黃柏 一リ 炙
Hoàng-bá 1 đồng
生艸 一リ
Sinh-thảo 1 đồng

木通 一リ
Mộc thông 1 đồng
枳壳 一リ 半炒
Chỉ-xác 1 đồng rưỡi.

徙薪飲

Tỷ-tân ẩm

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng.

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

牡丹二リ炒

Mẫu-dơn 2 đồng

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

黃伯一リ炙

Hoàng-bá 1 đồng.

白虎湯

Bạch-hồ thang

石膏一升生用

Thạch-cao 1 lượng

知母四リ

Tri-mẫu 4 đồng

生草二リ

Sinh-thảo 2 đồng

糯米二撮

Nhu-mê 2 dùm.

玉泉散

Ngọc-toàn tán

石膏一升煨

Thạch-cao 1 lượng

粉草二リ

Phấn-tảo 2 đồng.

加神砂五分

gia : Thần-sa 5 phân.

共末每服三リ溫水調下

Tán bột ; mỗi bận uống 3 đồng, hòa nước sôi.

玉女煎

Ngọc-nữ tiên

石膏三リ煨

Thạch-cao 3 đồng

熟地五リ

Thục-địa 5 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

知母二リ

Tri-mẫu 2 đồng

牛膝二リ

Ngưu-tất 2 đồng.

滋陰八味煎

Tur-âm-bát-vị tiên

即六味丸加

Là bài Lục-vị-hoàn gia :

知母 二リ

Tri mẫu 2 đồng

夢伯 一リ 炙

Hoàng-bá 1 đồng.

六味回陽飲

Lục-vị-hồi-dương ẩm

洋參 五リ 姜炒

Dương-sâm 5 đồng

乾姜 二リ 炒

Can-khương 2 đồng

製附 一リ

Chế phụ 1 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng.

加味四君湯

Gia-vị-tứ-quân thang

党參 五リ 姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮 三リ 土炒

Bạch truật 3 đồng

茯苓 二リ

Phục-linh 2 đồng

炙草 一リ

Chích thảo 1 đồng

扁豆 三リ 炒

Biên-dậu 3 đồng

黃芪 二リ 炙

Hoàng-kỳ 2 đồng.

參苓白朮散

Sâm-linh-bạch-truật tán

党參 三リ 姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

淮山 二リ 炒

Hoài sơn 2 đồng

扁豆 二リ 炒

Biên-dậu 2 đồng

蓮肉 二リ 炒

Liên-nhục 2 đồng

白朮 二リ 土炒

Bạch-truật 2 đồng

茯苓 二リ

Phục-linh 2 đồng

桔梗 二リ

Kết-cánh 2 đồng

薏苡 二リ 炒

Y-dĩ 2 đồng

沙仁 一リ 炒

Sa-nhân 1 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng.

一陰煎

Nhất-âm tiên

加減一陰煎

Giảm-giảm nhất-âm tiên

附子理中湯

Phụ-tử-lý-trung thang

大營煎

Đại-doanh tiên

俱在上十效諸虛症辨

Đều ở trên số 10, mục CHƯ-HƯ-CHỨNG

補中益氣湯

Bổ-trung-ích-khi thang

六味丸

Lục-vị hoàn

大補元煎 (Số 10)

Đại-bổ-nguyên tiên

四物湯 (Số 10)

Tứ-vật thang

十全大補湯

Thập toàn-đại-bổ thang.

三陰煎

Tam-âm tiên

俱在第一數目內傷

Đều ở số 1, mục NỘI-THƯƠNG

辨不可汗

Biện bất khả hãn

Những người mạch hiện ra: trầm, trì, vi, nhược, chạy không có sức là chứng hư hàn dầu có phát sốt không nên dùng thuốc phát tán phải dùng thuốc ôn trung thời hàn tà mới tán được. Những chứng hiện ra cổ khô miệng ráo, đại tiện bế kết hoặc đi tả lỵ, những bệnh nhọt, ghẻ; những chứng ngũ tạng không nên phát hãn sợ mất tân dịch đi.

辨不可下

Biện bất khả hạ

Những người mạch hiện ra: phù, khẩn, nhu, tế mà không có thần là chứng hư bí, dầu thấy bụng phát chương không nên dùng thuốc hạ phải hòa chung thời bụng đầy mới bớt. Những chứng hiện ra trong cổ bế tắc ngực đầy khó thở, ghê sốt, ghê rét, lợm giọng, nôn khan, sợ nước lạnh bụng đầy ầu vào dễ bị, những chứng ấy không nên dùng thuốc hạ.

辨汗下俱不可

Biện hãn hạ câu bất khả

Những chứng đồ, bồ-hôi nhiều và khi vong huyết, hay khi nhọt đã vỡ mủ rồi, tuổi nhiều bệnh lâu và chứng sản hậu, chân tay mát lạnh là bệnh âm hư không nên dùng thuốc phát tán và thuốc hạ.

祛風薰法

Khư-phong-huân pháp

Phép hun trừ gió độc, dùng vị khương-hoạt, độc-hoạt tễ-tân, bạc-hà, kinh-giới mỗi vị và đồng cân đốt khói mà hun.

散風蒸法

Tán-phong-chưng pháp

Phép xông tán gió độc dùng vị phòng-phong, tử-tô, bạc-hà khương-hoạt, độc-hoạt mỗi vị 1, 2 lạng bỏ vào nồi đun sôi bắc ghế ngồi trên mà xông, ngoài trùm cho kín.

蛋熨法

Đản-uất pháp

Phép đánh gió dùng 4, 5 cái trứng gà luộc chín để cả vỏ chia ba cắt một đầu để hai phần lại dương lúc nóng để trên rốn người bệnh, dùng cái trâm bằng bạc cắm suốt ngang cái trứng, một chốc lâu rút ra rửa sạch đen đi, trứng nguội lại thay cái khác, bao giờ cái trâm không thấy đen nữa thôi khỏi.

蘿蔔熨法

La-bạc-uất pháp

Trị chứng thương hàn kết hung dùng củ-cải 6 lạng, không có củ cải dùng hạt lú-bú; 3 lạng củ hành, 3 lạng gừng sống cùng băm cho nhỏ xào nóng lên, lấy khăn vải chia làm hai bọc mà chườm nguội thời lại thay.

紫蘇熨法

Tử - tô - uất pháp

Trị chứng thương hàn trong bụng có thực tích, bụng dưới kết dẫn, đại, tiểu tiện không thông dùng lá tía-tô ba lạng bỏ nồi đun sôi lấy khăn mặt dẫn vào nước nóng rồi vắt ráo nước đi nhân nóng xát vào trên rốn người bệnh cả vào bụng dưới nữa nhưng mà bàn tay phải ở trên khăn xát đi xát lại nguội thời lại thay như thế ba, bốn lần thời thông được cả. Nhược bằng đại, tiểu chưa thông phải dùng phép thông khoan mới được.

傷寒雜症

Thương hàn tạp chứng

傷寒結胸 Một thứ thương hàn kết hung, bụng dẫn chắc đại-tiện bí, trong phải dùng *phép hạ*, ngoài dùng *La-bặc-uất-pháp*.

傷寒發斑 Một thứ thương hàn phát ban, bệnh nhẹ thời như muỗi đốt, dùng *Thanh-nhiệt-hóa-ban thang*; bệnh nặng thời từng đám như vẽ gấm, dùng *Tế-dắc-địa-hoàng thang*.

傷寒發狂 Một thứ thương hàn phát cuồng, bụng chướng, đại tiện táo, dùng *Đại-thừa-khi thang*, nhược bằng không chướng không kết dùng *Trừu tân âm Bạch-hồ thang*.

傷寒衄血 Một chứng thương hàn nục huyết, đỏ máu mũi dùng *Sài cát-tiên*.

傷寒戰汗 Một thứ thương hàn chiến hãn là đổ mồ hôi mà run rét, ấy là chính khi với tà khí tranh nhau dùng *Lục-vị-hồi-duơng-âm*.

傷寒吐衄 Một thứ thương hàn thổ vư, dẫn có nóng sốt kỳ dùng thuốc mát, dùng *Lý-trung thang* gia ô-mai 2 quả, Xuyên-liêu 20 hột.

傷寒夾食 Một thứ thương hàn giáp thực là nhân cảm mà ăn no hoặc ăn no rồi mà cảm phải dùng *Thỏ-pháp* mới khỏi.

傷寒夾色 Một thứ thương hàn giáp sắc là nhân cảm mà phạm sự dâm dục, ngoài phải gió lạnh, trong bụng đau đờn; con giai thời thận-nang co vào, đàn bà thời đầu vú rút vào dùng *Hoa đà cứu thoát phương*.

列方

Liệt các bài thuốc

清熱化斑湯

Thanh - nhiệt - hóa - ban thang

玄參 三リ	當歸 二リ	花粉 二リ
Huyền-sâm 3 đồng	Đương quy 2 đồng	Hoa phấn 2 đồng
升麻 一リ	荊芥 一リ	黃連 一リ
Thăng-ma 1 đồng	Kinh-giới 1 đồng	Hoàng-liên 1 đồng
茯苓 二リ	生艸 一リ	
Phục-linh 2 đồng	Sinh-thảo 1 đồng.	

犀角地黄湯

Tê - giác - địa - hoàng thang

生地 五リ	白芍 三リ	牡丹 三リ
Sinh-địa 5 đồng	Bạch-thược 3 đồng	Mẫu-đơn 3 đồng
犀角 一リ另磨		
Tê-gác 1 đồng. (mài riêng)		

柴葛煎

Sài - cát tiên

葛根 三リ	白芍 三リ	柴胡 二リ
Cát-căn 3 đồng	Bạch-thược 3 đồng	Sài-hồ 2 đồng
連翹 二リ	黃芩 一リ	生草 一リ
Liên-kiêu 2 đồng	Hoàng-cầm 1 đồng	Sinh-thảo 1 đồng.

華陀救脫方

Hoa - đà - cứu - thoát phương

Dùng hành sống 8 lạng (dầm nhỏ sao nóng lấy khăn vải bọc chườm dưới rốn làm bai bọc thay đổi. Trong uống:

製附 三リ	乾姜 三リ	白朮 三リ炒
Chế-phụ 3 đồng	Can-khương 3 đồng	Bạch-tuật 3 đồng
木香 一リ半		
Mộc-hương 1 đồng rưỡi.		

Còn các bài thuốc đều ở mục trên.

傷寒六經傳變

Thương - hàn lục - kinh truyền biến

Chứng thương hàn tà khí cảm vào kinh thái-dương thời đầu cổ đau, vai lưng cứng, mình mảy đau, phát sốt sợ lạnh, không có mồ-hôi, mạch phù mà khản.

Truyền sang kinh dương-minh, thời mình nóng, mắt đau, mũi khô mồm ráo, môi se không ngủ, lưỡi có rêu trắng, ăn không biết ngon, mạch hồng mà trường.

Truyền sang kinh thiếu-dương thời bụng ngực đau, tai ù, phát sốt, phát rét, cổ khô, mắt mờ, nôn mà miệng đắng, hoặc nôn khan, không ăn được, không có mồ-hôi, mạch huyền mà xác, ấy là chứng bán biểu, bán lý, (nửa trong nửa ngoài).

Truyền vào kinh thái-âm thời bụng đầy mà mửa, ăn không được, cổ khô, chân tay nóng, hoặc có di rữa bụng đau, không khát nước, mạch trầm mà tế.

Truyền vào kinh thiếu-âm thời lưỡi khô miệng ráo, hoặc khát nước, ngực đau, bụng đầy, đại tiện bế kết, không muốn đắp chăn, mạch trầm mà thực.

Truyền vào kinh quyết-âm thời phát phiền, tai điếc hoặc khi nghịch sung tâm, trong bụng đau nóng, khát nước, đói không muốn ăn, ăn thời nôn ra đen, nhược bằng cho uống thuốc hạ thời đi rữa mãi không thôi, mạch trầm mà huyền.

中 風

4. — Trúng - phong

Bệnh trúng phong, tuy rằng thuộc về sự gió, thực là người ấy nguyên khí hư lắm, tinh thần hư bại cho nên đứng ngồi ở chỗ thông phong thấy hơi gió thoảng, tự nhiên ngã ra như chim phải đạn cho nên gọi là trúng phong kịp dùng bài *Thông-quan-tán*, thổi vào hai lỗ mũi cho bắt hơi, lại dùng nước gừng hòa nước tiêu trẻ con cho uống. Chứng này phải chia ra làm hai thứ: bế-chứng và thoát-chứng.

Một thứ: bế-chứng thời hàm răng cắn chặt, hai tay nắm lại: ấy là chứng bế phải dùng móng tay bấm vào huyệt nhân-trung và bấm hai ngón chân cái chỗ giáp thĩ

giáp móng bao giờ tỉnh mới buông ra, lại nhai nhỏ gừng sống xát vào trên trán, lấy nước gừng giở vào hai đầu con mắt thì tỉnh ngay. Như hàm răng cắn chặt dùng bài *Khai-nha-lân* xát vào chân răng hàm hoặc dùng *Từ-phong-biêm-pháp* châm chảy máu cho giải ra.

Như tắc hơi khó thở dùng một viên *Tô-hợp* hòa nước gừng nóng cho uống, nhược bằng dờm nhiều dùng một viên *Bão-long* hòa nước sôi cho uống, bằng như bơi thở nhỏ, sắc mặt thì trắng, mạch chạy trầm yếu, nguyên khi muốn thoát kịp dùng bài *Độc-sâm-thang* cho uống mới khỏi được.

Một thứ: thoát chứng thời hà miệng, nhắm mắt, bàn tay duỗi, vĩ dài ra, miệng dùn bọt cưa, mắt trực thị, thở như ngủ ngáy, tiếng dờm rong-róc; mạch chạy thông thả thời sống, mạch chạy nhanh thời chết, kịp dùng bài *Phụ-từ-lý-trung* một tễ lớn cho uống, lại dùng *1 hép-cửu*, buyệt quan-nguyên-cách dưới rốn một tắc cửu năm bảy mỗi, nhược bằng uống nhằm phải viên *tô-hợp* và *bão-long* thời không cứu được.

Bằng như cấm khẩu không nói được dùng sạ-can 1 đồng giã nhỏ, trúc-diệp 1 nắm vỏ ra, đồng tiền 1 chén đun nóng cho uống. Nhược bằng co gân dùng lá-hệ 1 nắm sao nóng cho tì muối mà chườm.

Như dờm rãi nhiều dùng bồ-kết 2 quả, sao cháy đen, phèn-phi 5 đồng cùng tán bột hòa nước sôi uống 2 đồng, lại dùng nhân ba-đậu bọc giấy đập lấy dầu quăn giấy làm mồi, châm lửa thồi tắt lấy khói hun vào lỗ mũi.

Bằng như miệng méo, mắt xèch dùng hột thầu-dầu-tía 3 đồng, bằng-phiến 5-phân, cùng dấm nhỏ dịt vào xương quai-hàm lệch về bên tả thì dịt bên hữu, lệch về bên hữu thì dịt bên tả, hễ trông thấy ngay rồi, rửa đi lập tức, nếu dễ chậm nó lại lệch sang bên kia.

Lại còn bài dùng hạt thầu-dầu-tía 36 hột bọc giấy đập bỏ dầu đi dùng máu lợn hòa vào bôi lên mép và bôi xương quai -bàn và bôi gan bàn tay, lệch bên tả bôi bên hữu, lệch bên hữu bôi bên tả, lại dùng lá-vòng hồ nóng ấn giáy vào bên lệch, lạnh thời lại nướng rồi lại giáy trong 15 phút thời khỏi.

Lại còn bài nữa dùng nam-tinh 1 củ, thảo-ô 1 củ, khương-tam 7 con, bạch-cập 2 đồng cùng nghiền nhỏ hòa máu con lợn thành cao mà bôi, phép bôi cũng như trên.

Như khi trúng phong mê mầu không biết việc gì, chân tay đều lạnh dùng thang *Tiêu-tục-mệnh*.

Bằng như đại, tiểu-tiện chẳng thông dùng thang Tam-hóa, nhược bằng chân tay không cất lên được dùng thang Đại-lần-dao, và bài Cửu-lịch-đm hoặc bài Hy-dồng-hoàn, nhược bằng chân tay tê đại, bán thân bất toại trong uống bài Hoán-cốt-dan ngoài dùng bài Huân-dược-pháp.

Đời xưa nhà Đường bà thái-hậu phải bệnh trúng phong, mạch trầm sắp chết, không kịp uống thuốc, ông Hứa-Dận-Tôn lấy phòng-phong, hoàng-kỳ mỗi thứ vài cân, sắc vài nồi nước để xuống dưới giường mà xông, đêm hôm ấy nói được; rồi dùng thuốc uống mà khỏi.

Lại còn ông Vương-Thủ-Đạo phải bệnh trúng phong, không nói được, ông Vương-Khắc-Minh đến chữa, lấy than lửa đốt đất cho nóng, lấy những vị phong-dược sắc nước tưới vào để người bệnh nằm gác lên trên, một chốc thời tỉnh ra.

Hai phép ấy, bình nguy không kịp uống thuốc thực là có tài quyền biến được lắm.

列方

Liệt các bài thuốc

通關散

Thông-quan-tán

皂角二リ 炙焦

Tạo-dác 2 đồng

細辛一リ

Tế-tân 1 đồng

或加 生半夏一リ

Hoặc Gia: Sinh-bán-hạ 1 đồng.

共末取少許吹两鼻孔或用皂角一珠亦可

Tán bột lấy một ít thổi vào 2 lỗ mũi, hoặc dùng một vị bồ-kết cũng được.

開牙散

Khai-nha tán

細辛一リ

Tế-tân 1 đồng

南星一リ

Nam-tinh 1 đồng

礞硝一リ

Phác-tiêu 1 đồng

全蝎五个炒

Toàn-yết 5 con

龍腦五分

Long-não 5 phần

姜蚕五个炒

Khương-tằm 5 con

共末每用一リ

Cùng tán bột, mỗi bận xát lấy 1 đồng,

烏梅一个水磨又加射香少許和末藥擦兩邊

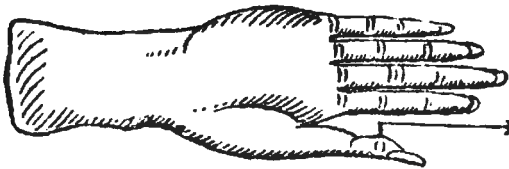
Ô-mai 1 quả mài với nước, thêm một tí xạ-hương hòa thuốc bột xát chân

大牙根 或用一味烏梅磨水擦亦可

răng hàm. Hoặc dùng một thứ ô-mai hòa nước xát cũng được.

磁鋒砭法

Từ-phong - biêm pháp



穴少傷

Huyệt Thiếu-thương

Dùng mũi kim châm huyệt thiếu-thương cho chảy máu ra thì khỏi, huyệt ấy ở hai đầu ngón tay cái bên trong cạnh móng, trước phải tuốt từ trên cánh tay cho máu chạy xuống rồi mới châm kim cả hai ngón tay.

獨参湯

Độc - sâm thang

洋参一兩姜炒

Dương-sâm 1 lượng

大棗三枚

Đại-táo 3 quả

生姜十片

Sinh-khương 10 nhát

水煎服

Xác nước uống.

附子理中湯

Phụ - tử - lý - trung thang (ở số 10)

洋参五リ姜炒

Dương-sâm 5 đồng

製附二リ

Chế-phụ 2 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒焦

Can-khương 2 đồng

炙甘草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

小續命湯

Tiểu - tục - mệnh thang

洋參二リ姜炒

Dương-sâm 2 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

生薑五片

Sinh-khương 5 nhát

炙艸五分

Chích-thảo 5 phần

防風一リ半

Phòng-phong 1 đồng rưỡi.

麻黃一リ

Ma-hoàng 1 đồng

防己一リ

Phòng-kỷ 1 đồng

製附一リ

Chế-phụ 1 đồng

川芎一リ

Xuyên-khung 1 đồng

黃芩一リ炒

Hoàng-cầm 1 đồng

杏仁十粒

Hạnh-nhân 10 hột

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

三化湯

Tam - hóa thang

厚樸四リ姜炒

Hậu-phác 4 đồng

川大黃二リ

Xuyên-dại-hoàng 2 đồng.

枳實一リ炒

Chỉ-thực 1 đồng

姜活一リ

Khương-hoạt 1 đồng

大秦茺湯

Đại - tân - giao thang

秦茺二リ

Tân-giao 2 đồng

川芎一リ

Xuyên-khung 1 đồng

生地三リ

Sinh-địa 3 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

黃芩一リ

Hoàng-cầm 1 đồng

防風二リ

Phòng-phong 2 đồng

石羔一リ煨

Thạch-cao 1 đồng

當歸二リ

Đương-quy 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

熟地五リ

Thục-địa 5 đồng

細辛一リ

Tế-tân 1 đồng

生草五分

Sinh-thảo 5 phần

姜活一リ

Khương-hoạt 1 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

白芷一リ

Bạch-chỉ 1 đồng

獨活一リ

Độc-hoạt 1 đồng.

狗脊飲

Cầu-tích ẩm

木瓜 二リ

Hộc-quả 2 đồng

桑枝 一リ 炒

Tang-chi 1 đồng

秦艽 一リ

Tần-giào 1 đồng

歸尾 一リ

Quy-vĩ 1 lượng

金毛狗脊 三リ

Kim-mao-cầu-tích 3 đồng.

牛膝 二リ

Ngưu-tất 2 đồng

杜仲 二リ 鹽炒

Đỗ-trong 2 đồng

桂枝 一リ

Quế-chi 1 đồng

海風藤 一リ

Hải-phong-dăng 1 đồng

松節 一リ

Tông-tiết 1 đồng

續斷 一リ

Tục-đoạn 1 đồng

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

水煎服 冲酒 一盃

Sắc nước uống, hòa 1 chén rượu.

蓐桐丸

Hi-dồng hoàn

地梧桐 即木芙蓉 連花葉枝 八リ 晒乾

Địa-ngô-dồng, (là cây phù-dung) lấy cả hoa lá cành 8 lượng

phơi khô.

蓐荻草 芎藭 狂蟻 四リ 炒

Hi-thiêm-thảo, (là lá chó đẻ) 4 lượng sao

共末煉蜜丸 早夕各服 四リ

Tán nhỏ luyện mật, viên, sớm tối mỗi bữa uống 4 đồng.

換骨丹

Hoán - cốt - đan

麻黃煮成膏 另外

Ma-hoàng nấu thành cao, đề ngoài.

杜仲

Đỗ-trong,

白芷

Bạch-chỉ,

何首烏 製

Hà-thủ-ô,

槐角子

Hồi-gác-tử,

藏靈仙

Uy-linh-tiên,

蔓荊

Mạn-kinh;

桑白皮

Tang-bạch-bì,

洋參 姜炒

Dương-sâm

每味各 一リ

Mỗi vị đều 1 lượng.

川芎

Xuyên-khung,

防風

Phòng-phong,

苦参五リ

Khô-sâm 5 đồng

木香五リ

Mộc-hương 5 đồng

龍腦五分

Long-não 5 phân

射香一分

Sạ-hương 1 phân

共末和高麻黄煉爲丸搗一萬五千杵

Cùng tán bột, hòa cao ma-hoàng, luyện làm viên, đấm 15.000 chày

毎月分爲十丸用辰砂爲衣每臨臥服一丸

mỗi lạng chia làm 10 viên, lấy thần-sa làm áo. Mỗi tối uống 1 viên

酒送下

với rượu.

薰藥法

Huân - dược pháp

眞降香

Trân-dâng-hương

千年健

Thiên-niên-kiện

關羊花 (1)

Não-dương-hoa

生川烏

Sinh-xuyên-ô

陳艾葉

Trần-ngải-diệp

鑽地風

Toàn-dịa-phong

百草霜

Bách-thảo-xương; Mỗi vị đều 2 đồng.

每味各二リ

射香一分

Sạ-hương 1 phân

共末散紙上捲作筒點火薰之漸

Cùng tán bột rắc trên mảnh giấy, quấn làm mỗi đốt lửa hun, càng

薰漸痛越痛越好何處不痛則多薰

hun càng đau, càng đau càng hay; chỗ nào không đau thôi hun

之用一料全愈

nhieu vào làm 1 liều thời khỏi.

中寒

5. — Trúng - hàn

Bệnh trúng hàn bởi khi mùa đông rét lắm lại nhân mưa phùn gió bắc, những người tạng hàn hoặc có ăn đồ sống lạnh cho nên khi lạnh trúng vào âm kinh tự nhiên ngã ra cứng bầm rỏ rã, chân tay cứng thẳng hoặc có tiếng ngáy; hoặc bụng đau như đâm vào, trước phải dùng bài Thông-quan-tán thổi vào lỗ mũi cho hắt hơi, lại dùng rượu nóng hòa với nước gừng đồ vào mồm hoặc là nước tiểu hòa với nước gừng cho uống ngoài dùng than lửa đốt nhiều để cho nóng lên, nhược bằng vội vàng chữa kịp thuốc men gì, hãy dùng phép Thông-ủi-pháp hoặc dùng Ngô-thui-ủi-pháp.

(1) Hoa cà độc-dược.

Một thứ trùng hàn đau bụng đau cả da lưng và vạng sườn đau quá tưởng chết; dùng một nắm lá ngải to bằng cái trứng, ba đồng nhục-quế, mười nhát gừng sống sắc nước uống hòa một chén rượu, phải trùm chăn cho ra mồ-hôi thời khỏi.

Một thứ hàn tà trực trùng âm-kinh chân tay co quắp, cứng hàm không nói được dùng thang *Hồi-dương-cấp-cứu* hoặc bài *Đại-ôn-trung*, như con vị lạnh, đau bụng đi tả dùng bài *Ôn-vị-âm*, thang *Phụ-tử-lý-trung*. Bằng như mạch trầm chân tay lạnh đi rửa; không khát nước dùng thang *Tứ-nghịch gia nhân-sâm*. Như rức đầu, đau mình trong ngoài đều cảm hàn tà dùng bài *Ngũ-tích-tán*.

Một thứ trùng hàn môi thời xám xanh, thận-păng rụt lại; dân-bà đầu vú rụt lại, hai tay không có mạch dùng phép *Thông-uất-pháp* lại dùng hồ-tiêu nghiền nhỏ hòa rượu nóng cho uống.

Những khi hàn tà trùng vào thái-âm tý - kinh thời vị oản đau dùng thang *Phụ-tử-lý-trung*, bài *Ôn-vị-âm*. Như trùng vào thiếu âm thận - kinh thời bụng, rốn đau đờn dùng bài *Quy-khi-âm*, bài *Ngũ-tích-tán* gia ngô-thù 2 đồng. Như trùng vào quyết-âm can-kinh thời bụng dưới đau dùng thang *Tứ-nghịch*, bài *Quy-khi-âm*, bài *Noãn-can-tiến*. Nhược bằng hàn tà trùng cả ba kinh thời đầy tức, đau lắm không chịu được dùng thang *Bài-khi-âm*, thang *Hàn-thị-ôn-trung*, thang *Ngũ-vị-trầm-phụ*.

列 方

Liệt các bài thuốc

葱 熨 法

Thông - uất pháp

Trước dùng hành củ 4 lạng (đám nhỏ dùng khăn vải chia làm 2 bọc đốt hơ nóng, để lên trên hành tằm lại rồi chườm vào bụng trên, bụng dưới nguội rồi lại thay). *Lại dùng:*

生附子一兩	白朮五兩	土炒	乾姜五兩	炒
Sinh-phụ-tử 1 lạng	Bạch-truật 5 đồng		Can-khương 5 đồng	

木香二兩

Mộc-hương 2 đồng.

煎湯冷服

Sắc nước để nguội uống.

吳茱萸法

Ngô - thù - uất - pháp

Dùng ngô-thù nửa cân ngâm nhỏ tầm rượu chia làm hai bọc đốt hòn lốc để vào, túm lại chườm vào trên bụng và hai gan bàn chân lạnh thời lại đổi, đợi thấy hơi nóng thấm vào trong bụng, chân tay ấm áp mới thôi, hoặc thêm hành và muối càng hay.

回陽救急湯

Hồi - dương cứu - cấp thang

洋参三リ姜炒	白朮二リ土炒	茯苓二リ
Dương-sâm 3 đồng	Bạch-truật 2 đồng	Phục-linh 2 đồng
陳皮一リ炒	法夏一リ	乾姜一リ炒
Trần-bì 1 đồng	Pháp-hạ 1 đồng	Can-khương 1 đồng
製附一リ	五味十粒	肉桂一リ
Chế-phụ 1 đồng	Ngũ-vị 10 hạt	Nhục-quế 1 đồng
炙草五分		
Chích-thảo 5 phân.		

大溫中飲

Đại - ôn - trung ẩm

熟地五リ	當歸三リ	白朮三リ土炒
Thục-địa 5 đồng	Đương-quy 3 đồng	Bạch-truật 3 đồng
洋参三リ姜炒	炙草一リ	柴胡二リ
Dương-sâm 3 đồng	Chích-thảo 1 đồng	Sài-hồ 2 đồng
麻黄一リ	肉桂一リ	乾姜二リ炒
Ma-hoàng 1 đồng	Nhục-quế 1 đồng	Can-khương 2 đồng

溫胃飲

Ôn - vị ẩm

党参五リ姜炒	白朮三リ土炒	扁豆三リ炒
Đảng-sâm 5 đồng	Bạch-truật 3 đồng	Biên-đậu 3 đồng
陳皮二リ炒	炙草一リ	乾姜二リ炒
Trần-bì 2 đồng	Chích-thảo 1 đồng	Can-khương 2 đồng

歸氣飲

Quy - khí ẩm

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

藿香二リ

Hoắc-hương 2 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

陳皮二リ炒

Trần-bì 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng.

扁豆三リ炒

Biên-dậu 3 đồng

丁香一リ

Đinh-hương 1 đồng

煖肝煎

Noãn - can tiên

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

小茴二リ

Tiểu-hồi 2 đồng

沉香五分

Trầm-hương 5 phân

杞子二リ

Kỷ-tử 2 đồng

烏藥二リ

Ô-dược 2 đồng

或代用

Hoặc thay

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

木香一リ

Mộc-hương 1 đồng

四逆湯

Tứ - nghịch thang

乾姜三リ炒

Can-khương 3 đồng

製附二リ

Chế-phụ 2 đồng

炙草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

排氣飲

Bài - khí ẩm

香附二リ炒

Hương-phụ 2 đồng

藿香二リ

Hoắc-hương 2 đồng

厚樸二リ姜炒

Hậu-phác 2 đồng

澤左二リ盞炒

Trạch-tả 2 đồng

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

木香一リ煨

Mộc-hương 1 đồng.

烏藥二リ

Ô-dược 2 đồng

枳壳一リ炒

Chỉ-xác 1 đồng

韓氏溫中湯

Hàn - thị - ôn - trung thang

厚樸二リ姜炒	陳皮二リ炒	乾姜二リ炒
Hậu-phác 2 đồng	Trần-bì 2 đồng	Can-khương 2 đồng
白朮二リ土炒	木香一リ煨	丁香一リ
Bạch-truật 2 đồng	Mộc-hương 1 đồng	Đinh-hương 1 đồng
加	葱白二リ	荊芥一リ
Gia :	Thông-bạch 2 đồng	Kinh-giới 1 đồng

五味洗附湯

Ngũ - vị - trâm - phụ thang

白朮三リ土炒	製附一リ	乾姜二リ炒
Bạch-truật 3 đồng	Chế-phụ 1 đồng	Can-khương 2 đồng
炙草一リ	沉香五分	
Chích-thảo 1 đồng	Trâm hương 5 phân.	
或代用	木香一リ	生姜五片
Hoặc thay :	Mộc-hương 1 đồng,	Sinh-khương 5 nhát.

四逆加人參湯

Tứ - nghịch - gia - nhân - sâm thang

洋參五リ姜炒	製附二リ	乾姜三リ炒
Dương-sâm 5 đồng	Chế-phụ 2 đồng	Can-khương 3 đồng
炙草一リ		
Chích-thảo 1 đồng		

五積散

Ngũ - tích - tán (ở số 2)

當歸二リ	白芍二リ炒	党參三リ姜炒
Đương-quy 2 đồng	Bạch-thược 2 đồng	Đảng-sâm 3 đồng
川芎一リ	茯苓二リ	蒼朮一リ製
Xuyên-khung 1 đồng	Phục-linh 2 đồng	Xương-truật 1 đồng
炙艸五分	厚樸一リ姜炒	乾姜一リ炒
Chích-thảo 5 phân	Hậu-phác 1 đồng	Can-khương 1 đồng
蘇黃五分	白芷一リ	桂枝一リ
Ma-hoàng 5 phân	Bạch-chỉ 1 đồng	Quế chi 1 đồng
法夏一リ	陳皮一リ炒	桔梗一リ
Pháp-hạ 1 đồng	Trần-bì 1 đồng	Kết-cánh 1 đồng
枳殼一リ炒	加	吳茱二リ酒炒
Chí-xác 1 đồng	Gia :	Ngô-tàu 2 đồng

中 暑

6. — Trúng - thử

Bệnh trúng nắng. — Những người đi đường xa và người làm ruộng ; đương khi nắng cháy, buổi trưa, làm khó nhọc không nghỉ, tự nhiên ngã ra, rức đầu, da thịt nóng như lửa, khát nước đồ hồ-hồi nhiều, mạch thời phù, hơi thở to, không vận động được ; kịp dùng vài củ tỏi, một hòn đất khô, đâm ra hòa nước cho uống, nếu hàm cứng thì cậy răng đồ vào. Hoặc là dùng nước gừng hòa nước tiêu cho uống, hoặc dùng giấy quấn lại châm lửa hơ vào mồm ; lại phép dùng dóm cỏ kết lại đồ vây chung quanh rốn, lấy đất bóp nhỏ rắc chung quanh bên trong cỏ, mượn người dúi vào rốn một chốc khi nóng vào bụng thì khỏi.

Lại còn phép dùng : lấy hai cái khăn vải dấm nước nóng chườm vào rốn nguội rồi lại đồi. Lại cho uống nước nóng. Bằng như cho uống nước lã thì chết. Rồi dùng thang *Dương-trung* ở số 10 *CHU-HƯ-CHỨNG-BIỆN*, thang *Lý-trung* ở số 1 *NỘI-THƯƠNG*, sắc cho uống. Nhược bằng khi hư mội mội lắm cho uống thang *Độc-sâm* ở số 4 *TRÚNG-PHONG*.

傷 暑

7. — Thương - thử

Chứng cảm thử nhân khi mùa hạ, cảm khí mặt giới, nóng quá cho nên mình nóng, rức đầu, khát nước, đồ hồ-hồi muốn uống nước lã mạch thời hồng hoạt, đi tiêu đồ mà đau, đại tiện táo thế là ngoài da trong bụng đều nóng phải dùng thuốc mát đồ giải thử độc ; nhược bằng khi không hư lắm mà chỉ có chứng nóng dùng thang *Bạch-hồ* bài *Ngọc-toàn-tán*, bài *Hoàng-liên-hương-nhu* ; nhược bằng phiền khát đồ

bồ-hôi, mạch thời phù mà khí hư dùng bài *Bạch-hồ-giã-nhân-sâm*, thang *Trúc-diệp-thạch-cao*. Nhược bằng phiền khát mà không nóng lắm dùng bài *Sinh-mạch-tán* bài *Tam-tài*. Nhược bằng cảm thử mà nôn mửa quá, cơm, thuốc không chịu, bệnh nguy quá dùng *Dương-sâm* 1 đồng, xuyên-hoàng-liên 3 phân gạo nếp một nắm sắc cho uống ti một thời khỏi nôn.

Nhược bằng đau hoắc-loạn, thổ tả mà phiền khát lắm dùng bài *Súc-ti-đm*, bài *Tứ-vị-hương-nhu* có chuột rút gân thì thêm mộc-quả 3 đồng.

Nhược bằng thổ-tả mà đầu nặng hôn-mê thân-thể mỗi một lẫn dùng bài *Thập-vị-hương-nhu-đm*.

Nhược bằng mình-mảy thời nóng chân tay mỗi-một đồ bồ-hôi, khát nước không muốn ăn uống gì đi dãi rất mà vàng, đi rửa lỏng dùng bài *Thanh-thử tch-khi*

Nhược bằng nóng sốt phiền táo, tiểu-tiện không lợi dùng bài *Quê-linh-cam-lộ*.

陰 暑 症

Âm - thử chứng

Những khi tránh nắng cầu rợp, ở nhà rộng nơi nhiều gió chỗ bóng cây phải khí lạnh ngăn trở; thử khí không tiết ra được hóa ra phát sốt, rức đầu phiền táo không yên hễ xem dưới nách có bồ-hôi là chứng thương-thủ dùng bài *Gia-vị-hương-nhu*. Nhược bằng nóng sốt không khỏi, rức đầu sợ lạnh hễ xem dưới nách không có bồ-hôi ấy là chứng thương-hàn mùa hạ, phải theo mục *Thương-hàn* số 3 các phép chữa bệnh.

Nhược bằng chứng âm thử lại ăn những đồ sống lạnh, hóa ra đau bụng nôn mửa, đi rửa thể là trong ngoài đều lạnh; dùng bài *Ưc-phô-tiên*, bài *Ngũ-dức-hoàn*. Nhược bằng ti vị hư lắm dùng bài *Ôn-vị-đm*, bài *Lý-trung-thang*. Nhược bằng thổ-tả quá lắm, con tý con thận đều bị thương, đau cả đến bụng dưới dùng bài *Vị quan-tiên*, bài *Cửu-khi* đan.

列 方

Liệt các bài thuốc

黃 連 香 薷 飲

Hoàng - liên hương - nhu ẩm

川黃連一リ半 厚樸二リ姜炒 香薷四リ
Hoàng-liên 1 đồng rưỡi Hậu-phác 2 đồng Hương-nhu 4 đồng

竹 葉 石 羔 湯

Trúc - diệp thạch - cao thang

竹葉廿片 石羔六リ煨 生草一リ
Trúc-diệp 20 lá Thạch-cao 6 đồng Sinh-thảo 1 đồng
麥門三リ炒 沙參三リ姜炒 粳米二撮
Mạch-môn 3 đồng Sa-sâm 3 đồng Cánh-mễ 2 dùm

生 脉 散

Sinh - mạch - tán

沙參一兩姜炒 麥門六リ炒 五味十五粒炒
Sa-sâm 1 lượng Mạch-môn 6 đồng Ngũ-vị 15 hạt

縮 脾 飲

Súc - tỳ - ẩm

扁豆五リ炒 葛根三リ 烏梅三个
Biên-dậu 5 đồng Cát-căn 3 đồng Ô-mai 3 quả
炙艸一リ半 沙仁一リ炒 草果五分
Chích-thảo 1 đồng rưỡi Sa-nhân 1 đồng Thảo-quả 5 phân

四 味 香 薷 飲

Tứ - vị hương - nhu ẩm

生草一リ半 扁豆五リ炒 香薷三リ
Sinh-thảo 1 đồng rưỡi Biên-dậu 5 đồng Hương-nhu 3 đồng
厚樸三リ姜炒
Hậu-phác 3 đồng

十味香薷飲

Thập - vị hương - nhu ẩm

香薷二リ

Hương-nhu 2 đồng

厚樸一リ 半姜炒

Hậu-phác 1 đồng rưỡi

陳皮五分炒

Trần-bì 5 phân

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

沙参三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

淮山二リ炒

Hoài-sơn 2 đồng

扁豆三リ炒

Biền-dậu 3 đồng

黃芪二リ炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

木瓜二リ

Mộc-qua 2 đồng

清暑益氣湯

Thanh - thử ích - khí thang

沙参三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

神曲一リ姜炒

Thần-khúc 1 đồng

炙艸五分

Chích-thảo 5 phân

麥門二リ炒

Mạch-môn 2 đồng

澤左一リ盪炒

Trạch-tả 1 đồng

黃芪二リ炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

蒼朮五分製

Xương-truật 5 phân

淮山二リ炒

Hoài-sơn 2 đồng

當歸二リ

Đương-qui 2 đồng

青皮五分炒

Thanh-bì 5 phân

升麻一リ

Thăng-ma 1 đồng

陳皮五分炒

Trần-bì 5 phân

黃伯五分炙

Hoàng-bá 5 phân

葛根二リ

Cát-căn 2 đồng

五味十粒炒

Ngũ-vị 10 hạt

加味香薷飲

Gia-vị hương - nhu ẩm

香薷二リ

Hương-nhu 2 đồng

厚樸二リ姜炒

Hậu-phác 2 đồng

知母二リ

Tri-mẫu 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

石膏四リ煨

Thạch-cao 4 đồng

扁豆三リ炒

Biền-dậu 3 đồng

青蒿二リ炒

Thanh-hao 2 đồng

抑扶煎

Ức-phù tiên

厚樸 二リ 姜 炒

Hậu-phác 2 đồng

烏藥 一リ 半

Ô-dược 1 đồng rưỡi

乾姜 二リ 炒

Can-kương 2 đồng

陳皮 一リ 炒

Trần-bì 1 đồng

澤左 二リ 盞 炒

Trạch-tả 2 đồng

吳茱 一リ 酒 炒

Ngô-thù 1 đồng

猪苓 二リ

Chư-linh 2 đồng

炙艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

五德丸

Ngũ-đức hoàn

破故 二リ 炒

Phá-cổ 2 lạng

乾姜 二リ 炒

Can-kương 2 lạng

吳茱 一リ 酒 炒

Ngô-thù 1 lạng

烏藥 一リ

Ô-dược 1 lạng

木香 一リ 煨

Mộc-hương 1 lạng

共末糊丸 每服 三リ 姜湯下

Tán bột luyện hồ, viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng gừng.

胃關煎

Vị-quan-tiên

熟地 五リ 姜 炙

Thục-địa 5 đồng

扁豆 三リ 炒

Biên-dậu 3 đồng

炙草 七分

Chích-thảo 7 phân

白朮 二リ 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

乾姜 一リ 炒

Can-kương 1 đồng

淮山 三リ 炒

Hoài-sơn 3 đồng

吳茱 七分 酒 炒

Ngô-thù 7 phân

九炁丹

Cửu-khí-dan

熟地 四リ 炙

Thục-địa 4 lạng

肉豆蔻 一リ 煨 去油

Nhục-dậu-khẩu 1 lạng

藜蘆 一リ 醋 炒

Tất-bát 1 lạng

製附 二リ

Chế-phụ 2 lạng

吳茱 一リ 酒 炒

Ngô-thù 1 lạng

五味 五リ 炒

Ngũ-vị 5 đồng

乾姜 一リ 炒

Can-kương 1 lạng

破故 一リ 炒

Phá-cổ 1 lạng

炙草 五リ

Chích-thảo 5 đồng.

共末糊丸 每服 三リ 姜湯下

Tán bột luyện hồ, viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng gừng.

桂苓甘露飲

Quế-linh cam-lộ âm

滑石八リ

Hoạt-thạch 8 đồng

寒水石四リ煨

Hàn-thủy-thạch 4 đồng

猪苓一リ

Chư-linh 1 đồng

石薷四リ煨

Thạch-cao 4 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

澤左二リ 鹽炒

Trạch-tả 2 đồng

共末每服三リ 溫水調下

Tán bột, mỗi bữa uống 3 đồng, hòa nước sôi

養中煎

Dưỡng-trung tiên (ở số 10, CHƯ-HƯ-CHỨNG)

理中湯

Lý-trung thang

白虎湯

Bạch-hổ thang

溫胃飲

Ôn-vị ẩm

(在十數諸虛症辨)

三才丸

Tam-tài-hoàn

玉泉散

Ngọc-toàn tán

(在五數中寒)

(ở số 5, TRÚNG-HÀN)

(俱在一數內傷)

(Đều ở số 1, NỘI-THƯƠNG)

(俱在三數傷寒)

(Đều ở số 3, THƯƠNG-HÀN)

傷 濕

8. — Thương - thấp

Chứng thương thấp có hai thứ: nội nhân và ngoại nhân không giống nhau, như là khi đi bị mưa ướt; nằm ở chốn ẩm thấp hoặc mặc mãi áo có mồ-hôi không cởi ra đều là chứng ngoại nhân đó. Như là: hay ăn những các thứ hoa quả, nhất là quả dưa; hay là uống rượu, uống nước và ăn các đồ sống lạnh đều là chứng nội nhân. Đến khi bị bệnh trong mình phần dương thịnh nóng nhiều hóa ra chứng thấp nhiệt, phần âm thịnh lạnh hơn hóa ra chứng hàn thấp. Chứng hiện ra phát sốt, sợ lạnh mình thời nặng, lưng thì đau gân xương đều nhức, hoặc là đầy, khó thở dờm rãi nhiều hoặc phù sưng, da vàng, nước tiểu ít mà đỏ, đại tiện lỏng và các chứng tê thấp đau chân. Phép chữa phải bỏ ti, tiêu cơm làm dầu, chứng ngoại nhân phải cho ra mồ-hôi, chứng nội nhân phải cho lợi tiểu tiện. Bệnh thấp nhiệt phải dùng thuốc mát.

Bình hàn thấp phải dùng thuốc nóng lại phải kiêm dùng phong dược bởi vì gió hay khô được chỗ ướt.

Một thứ: chứng thấp nhiệt thời có phiền khát dĩ tiêu ít mà đỏ, đại tiện thì lỏng, mạch thời hồng sắc, nóng vừa dùng bài *Tứ-linh-tán*, bài *Tiểu-phân-thanh*; nóng lắm dùng bài *Nhân-trần-âm*, bài *Đại-phân-thanh*. Nhược bằng đại tiện táo kết thời phải bổ huyết tư âm; nhẹ thời dùng thang *Tứ-vật* gia tri-mẫu, hoàng-bá, xương-truật đều 1 đồng; nặng thời dùng bài *Tư-âm-bát-vị* bội phục-linh, trạch-tả, gia xương-truật 1 đồng.

Một thứ hàn thấp thuộc nội nhân ắt có đờm rãi, nồn mửa, đầy bụng, đi rửa, mạch thời trầm tri bình nhẹ thì dùng bài *Ngũ-linh-tán*, bài *Bình-vị-tán*; nặng thì dùng bài *Lý-trung-thang* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, bài *Thánh-truật-liên*.

Một thứ hàn thấp thuộc về ngoại nhân thời có phát sốt, sợ lạnh rức đầu, đau mình, mạch thời phù khẩn, phải nên dùng thuốc nóng mà kiêm tán dùng bài *Ngũ-tích-tán* ở số 2 THƯƠNG-PHONG, bài *Gia-vị-ngũ-linh*, bài *Bất hoàn-kim-chính-khi-tán*.

列方

Liệt các bài thuốc

四苓散

Tứ-linh tán

猪苓二リ

Chư-linh 2 đồng

澤左四リ炒

Trạch-tả 4 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

小分清飲

Tiểu-phân-thanh ẩm

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

澤左三リ炒

Trạch-tả 3 đồng

猪苓二リ

Chư-linh 2 đồng

薏苡二リ炒

Ý-dĩ 2 đồng

枳壳一リ炒

Chỉ-xác 1 đồng

厚樸一リ姜炒

Hậu-phác 1 đồng

大分清飲

Đại - phân - thanh - âm

茯苓ニリ

Phục-lin 2 đồng

梔子ニリ炒黒

Chi-tử 2 đồng

車前一リ炒

Xa-tiên 1 đồng

澤左ニリ炒

Trạch-lã 2 đồng

猪苓ニリ

Chư-linh 2 đồng

木通ニリ

Mộc-thông 2 đồng

枳壳一リ炒

Chi-xác 1 đồng

茵陳飲

Nhân - trần âm

茵陳三リ

Nhân-trần 3 đồng

菊花ニリ

Cúc-hoa 2 đồng

梔子三リ炒黒

Chi-tử 3 đồng

青皮一リ炒

Thanh-bì 1 đồng

澤左三リ炒

Trạch-lã 3 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

四物湯

Tứ - vật thang (ở số 1)

生地五リ酒炒

Sinh-địa 5 đồng

川芎一リ

Kuyền-khung 1 đồng.

當歸三リ

Đương-qui 3 đồng

白芍二リ酒炒

Bạch-thược 2 đồng

加 知母ニリ

Gia: Tri-mẫu 2 đồng, Hoàng-bá 1 đồng, Xương-truật 1 đồng rưỡi.

滋陰八味煎

Tư - âm - bát - vị tiên (ở số 8)

熟地八リ

Thục-địa 8 đồng

牡丹三リ酒炒

Mẫu-dơn 3 đồng

黃伯一リ炒

Hoàng-bá 1 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

澤左四リ炒

Trạch-lã 4 đồng

山茱ニリ酒炒

Sơn-thú 2 đồng

茯苓五リ

Phục-linh 5 đồng

知母ニリ

Tri-mẫu 2 đồng

加 蒼朮ニリ製

Gia: Xương-truật 2 đồng

五苓散

Ngũ - linh tán

澤左四リ炒

Trạch-tả 4 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

猪苓二リ

Chư-linh 2 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng.

加 沉香五分

Gia: Trầm-hương 5 phân

平胃散

Bình - vị tán

厚樸五リ姜炒

Hậu-phác 5 đồng

蒼朮三リ製

Xương-truật 3 đồng

陳皮二リ炒

Trần-bì 2 đồng

炙草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

聖朮煎

Thánh - truật tiên

冬朮一兩土炒

Đông-truật 1 lượng

陳皮二リ炒

Trần-bì 2 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

加味五苓散

Gia - vị ngũ - linh tán

即五苓散加

Là bài NGŨ-LINH gia :

姜活二リ

Khương-hoạt 2 đồng

不換金正氣散

Bất - hoán - kim - chính - khí - tán

蒼朮二リ製

Xương-luật 2 đồng

橘紅皮二リ炒

Quất-hồng-bì 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

厚樸三リ姜炒

Hậu-phác 3 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

木香七升煨

Mộc hương 7 phân

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

霍香一リ

Hoắc-hương 1 đồng

燥 症

9. — Táo - chứng

Bệnh táo là khô ráo khi mùa thu, mùa đông những lúc không mưa, gió tây-bắc thổi, tre, gỗ đều khô nẻ, da thịt người ta khô cứng, dầm dẫm không mềm mà nẻ ra ấy là chứng táo thuộc về ngoại nhân dùng Đào-nhân 1 lạng nghiền nhỏ hòa mỡ lợn bôi. Nhược bằng mũi khô, mắt đỏ, cổ khô, miệng ráo phiền khát; đại-tiện bí kết là chứng táo nội nhân bởi vì hay ăn đồ sào rán, uống rượu nhiều, hoặc đồ bỏ-hôi nhiều mất cả tân-dịch cho nên huyết ráo, âm hư sinh ra chứng táo nhiệt nên dùng thuốc bổ huyết tư âm như bài *Tư-thủy-nhuận táo*, bài *Địa-hoàng âm-tứ* lại còn chứng hàn táo cũng thấy trong cổ khô đại-tiện táo phải dùng thuốc ôn nhuận như bài *Thải-cai phương Trị-hàn-táo*.

列 方

Liệt các bài thuốc

滋水潤燥方

Tư - thủy - nhuận - táo - phương

熟地二升

Thục địa 2 lạng

牛必五リ

Ngưu-tất 5 đồng

天門五リ炒

Thiên-môn 5 đồng

麥門五リ炒

Mạch-môn 5 đồng

煎湯和牛乳一碗

Sắc nước hòa sữa bò 1 chén.

地黃飲子

Địa - hoàng - âm - tử

生地三リ
Sinh-dịa 3 đồng

熟地三リ
Thục-dịa 3 đồng

天門二リ炒
Thiên-môn 2 đồng

麥門二リ炒
Mạch-môn 2 đồng

沙參二リ炒
Sa-sâm 2 đồng

石斛一リ
Thạch-hộc 1 đồng

石羔一リ燉
Thạch-cao 1 đồng

生草五分
Sinh-thảo 5 phân

豕膏

Thỉ - cao

當歸八月 煮成膠 豕膏八月 白蜜一斤
Đương-qui 8 lượng, (sắc thành cao). Mỡ-nước 8 lượng, Mật-ong 1 cân

混入再煮 服三五匙

Hợp vào nấu lại: uống 5, 3 thìa.

治寒燥方

Trị - hàn - táo - phương

當歸八リ
Đương-qui 8 đồng

杏仁三リ搗
Hạnh-nhân 3 đồng

鹿膠三リ
Lộc-giao 3 đồng

炙草二リ
Chích-thảo 2 đồng

肉桂一リ
Nhục-quế 1 đồng

木香五分
Mộc-hương 5 phân

滋陰潤燥之品

Những vị tư-âm-nhuận-táo

生地
Sinh-dịa,

熟地
Thục-dịa,

肉蓯蓉製
Thong-dong,

當歸
Đương-qui,

牛必
Ngưu-lất,

天門炒
Thiên-môn

麥門炒
Mạch-môn,

鹿膠
Lộc-giao,

龜膠
Qui-giao,

丹參
Đan-sâm

沙參炒
Sa-sâm,

胡桃
Hồ-dào,

杞子
Khởi-tử,

蜂蜜
Phong-mật,

牛乳
Ngưu-nhũ

清火抑燥之品

Những vị thanh - hỏa - ức - táo

黃芩炒	黃伯炙	黃連	石斛	石羔
Hoàng-cầm,	Hoàng-bá,	Hoàng-liên,	Thạch-hộc,	Thạch-cao,
滑石	丹皮炒	知母	梔子炒黑	花粉
Hoạt-thạch,	Đan-bì,	Tri-mẫu,	Chi-tử	Hoa-phấn,
葛根	藕汁	玄參	梨漿	大黃煨
Cát-căn	Ngâu-trấp,	Huyền-sâm,	Lê-tương,	Đại-hoàng.

火 症

10. — Hòa - chứng

Ồi ! Lửa nóng là khí lục dâm ở trong giới đất. Đời xưa vua Toại-nhân dúi cây lấy lửa ; muốn dân được ăn đồ chín. Những khi sao thuốc nhiễm nhiều hơi lửa, phải đồ xuống đất cho tả hỏa độc ; những khi nấu cao thường nhiều hơi lửa, phải dùng cách thủy để tránh hỏa độc.

Những người âm hư táo nhiệt nhân khi vào bếp thổi nấu phạm phải khí lửa độc, tự nhiên ngã ra gọi là bệnh trúng hỏa kịp dùng bài *Thông-quan-tán* ở số 4 TRÚNG-PHONG thổi vào lỗ mũi cho tỉnh ra, lại dùng đồng tiện cho uống.

Những chứng hỏa độc mà phiền táo đi tiểu ra huyết phải dùng thuốc mát cho thanh giải đi như bài *Ngọc-toàn-tán* và bài *Bạch - hổ - thang* đều ở số 3 THƯƠNG - HÂN hoặc dùng thang *Hoàng-liên-giải-độc*.

Còn như tạng phủ trong mình người ta đều có phục hỏa, lặng đó thì yên, quấy đó thì động cho nên có tên rằng : quân hỏa, tướng hỏa, long hỏa, lôi hỏa. Những phép trị bệnh hỏa dùng thuốc lạnh để tả hỏa như bài *Trừu-tán-đm* ở số 3 THƯƠNG-HÂN, bài *Tam-bồ*, bài *Đại-thanh-đm* dùng thuốc bổ âm cho lửa xuống như bài *Lục-vị-hoàn*, *Tả-quy-đm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN. Nhược bằng long hỏa dấy lên, đốt cháy tam-tiêu thì nóng dữ quá phải theo tình nó mà đem về gốc dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hàn-quy-đm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Lại còn phép bổ tì thổ để thu dương hỏa vào dùng bài *Ngũ-quần-tứ* bài *Lý-trung thang* đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

黃連鮮毒湯

Hoàng-liên giải-độc thang

川黃連 黃芩炒 黃伯炎 梔子炒黑 各二リ
Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Chi-tử. (Đều 2 đồng)

三補丸

Tam-bổ-hoàn

黃芩炒 黃伯炎 川黃連 各二リ
Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Hoàng-liên. (Đều 2 đồng)

大清飲

Đại-thanh-âm

木通 知母 石膏煨 石斛 各三リ
Mộc-thông, Tri-mẫu, Thạch-cao, Thạch-hộc. (Đều 3 đồng)
加 麥門三リ炒
gia: Mạch-môn 3 đồng.

寒厥

11. — Hàn-quyết

Chứng hàn-quyết thuộc âm, mạch thì trầm vi, không có sức sợ lạnh, muốn nóng đắp áo, trùm chăn, miệng không khát nước, tiểu-tiện thời trong, đại-tiện thời lỏng, tay chân lạnh giá, tay lạnh lên quá trên khủy, chân lạnh lên quá đầu gối, xét xem mạch cùng các chứng không có nóng nảy chi cả thực là chứng hàn-quyết không sai đó, dùng thang *Phụ-tứ lý-trung* và bài *Tứ-vị-hồi-dương* đều ở số 10 *CHU-HƯ-CHỨNG-BIỆN* hoặc dùng *Cứu-thoát phương* bằng như dương vong lại kiểm âm thoát dùng thang *Lục-vị-hồi-dương*.

救 脫 方

Cứu - thoát phương

洋参 一 两 姜 炒 白朮 五 两 土 炒 製附三 两
Dương-sâm 1 lượng Bạch-truật 5 đồng Chế-phụ 3 đồng

六 味 回 陽 飲

Lục - vị hồi - dương ẩm

地 熟 五 两	當 歸 三 两	洋 参 三 两 姜 炒
Thục-dịa 5 đồng	Đương-quy 3 đồng	Dương-sâm 3 đồng
乾 姜 二 两 炒	製附 一 两	炙 草 一 两
Can-khương 2 đồng	Chế-phụ 1 đồng	Chích-thảo 1 đồng

熱 厥

42. — Nhiệt - quyết

Chứng nhiệt-quyết thuộc dương, mạch thời trầm sắc, có sức khỏe, ghét nóng muốn mát, giơ tay đập chân, nóng nảy không yên, đại-tiện táo kết, tiểu-tiện đỏ ít, khát nước uống nhiều chân tay lạnh giá, nhưng mà tay lạnh không đến khuỷu, chân lạnh không đến đầu gối, ấy là dương cực cũng phát quyết đó, nóng vừa dùng bài *Tỷ-lân*, nóng lắm dùng bài *Trừu-lân* và thang *Bạch-hồ* đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Như tại âm hư mà hóa nóng dùng bài *Nhất-âm-tiên*, nóng lắm dùng bài *Gia-dâm nhất-âm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG-BIỆN 4, 5 ngày không đi đại-tiện dùng thang *Tiền-thừa-khi* ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

氣 厥

43. — Khí - quyết

Chứng khí-quyết bởi những người hiếu thắng, tài trí không bằng người nói khích một câu thời tức giận mà ngã ra hoặc là tranh cạnh sự gì tức giận mà ngất đi, hàm răng nghiêng lại, máu theo khí đưa lên, hoặc có thổ huyết. Bằng như những người thuần hòa khiêm thuận thời không có bệnh ấy.

chứng này không như bịnh trùng-phong. Bịnh trùng-phong thời mạch phù minh nóng mà có dờm. Bịnh khí quyết thời mạch trầm minh lạnh mà không có dờm. Kíp dùng nước gừng hòa đồng tiện cho uống, bằng như chưa tỉnh phải bấm huyết nhân-trung và bấm hai ngón chân cái chỗ giáp móng giáp thịt lại dùng bài *Thống-quan-tán* thổi vào lỗ mũi cho tỉnh như hăm răng nghiêng lại dùng *Khai-nha-tán* xát chân răng hàm, 2 bài ấy đều ở số 4 TRÚNG-PHONG. Như người khỏe, nguyên khí thịnh vượng sắc mặt đỏ là chứng khí thực dùng thang *Bài-khi-âm*, bài *Bát-vị-thuận-khi-tán*, *Tứ-ma-âm*, *Tô-hợp-hoàn* ở hiệu khách có bán, như nguyên khí hư dùng bài *Đại-bổ-nguyên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, bài *Lục-vị-hồi-dương* ở 11 HÀN-QUYẾT và bài *Độc-sâm-thang* ở số 4 TRÚNG-PHONG.

排氣飲

Bài - khí âm

香附二リ炒
Hương-phụ 2 đồng

藿香一リ半
Hoắc-hương 1 đồng rưỡi

厚樸一リ半姜炒
Hậu-phác 1 đồng rưỡi

澤左二リ炒
Trạch-tả 2 đồng

陳皮一リ半炒
Trần-bì 1 đồng rưỡi

木香五分煨
Mộc-hương 5 phân.

烏藥二リ
Ô-dược 2 đồng

枳壳一リ炒
Chỉ-xác 1 đồng

八味順氣散

Bát - vị thuận - khí tán

党参姜炒
Đảng-sâm.

白朮土炒
Bạch truật,

茯苓
Phục-linh,

青皮炒
Thanh-bì,

陳皮炒
Trần-bì,

白芷
Bạch-chi,

烏藥
Ô-dược.

各二リ
(Đều 2 đồng).

炙草五分
Chích-thảo 5 phân.

四磨飲

Tứ - ma âm

沉香
Trầm-hương.

烏藥
Ô-dược,

枳壳
Chỉ xác,

檳榔
Binh-lang

各水磨煮溫服

Mài với nước, hãm nóng uống.

加木香

名五磨飲

Gia: Mộc-hương.

(Gọi là Ngũ-ma-âm).

血 厥

14. — Huyét - quyết

Bệnh huyết-quyết có hai thứ: một thứ huyết thoát, một thứ huyết nghịch đều ngất di cả.

Một thứ huyết thoát như khi thổ huyết nhiều lắm, băng huyết nhiều lắm, hoặc là sản hậu, huyết ra nhiều lắm thời bệnh sấm tối mặt tự nhiên ngã ra, mắt nhắm miệng cam, người nhà phải im chớ có kêu khóc, nhược bằng động tiếng lên thời sợ người bệnh hồn vía nhân hư mà bất mất thì không cứu được kịp bấm vào huyết Nhân-trung và bấm 2 ngón chân cái chỗ giáp thịt giáp móng, lại đốt than, tước dấm thanh cho người khới để thu khí vào lấy Dương-sâm một hai lạng sắc thang cho uống để khí không thoát được khi đã tỉnh rồi tùy chứng hàn nhiệt mà điều bổ, cấm không được dùng thuốc lạnh và những vị chỉ huyết.

Một thứ huyết nghịch bởi vì dận dữ quá máu theo khí ngược lên, máu uất mà sấm tối mặt thời cũng ngã ra; hoặc có huyết chảy ra mồm mũi, trước phải thuận khí thời huyết mới xuống dùng bài *Thông-ứ-tiên*, bài *Hóa-can-tiên* đợi cho khí huyết điều hòa rồi sau tùy chứng điều trị.

通 瘀 煎

Thông - ứ tiên

歸尾五リ

Quy-vĩ 5 đồng

青皮一リ半炒

Ti-anh-bì 1 đồng rưỡi

澤左一リ半炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

山查二リ炒黑

Sơn-tra 2 đồng

紅花二リ

Hồng-hoa 2 đồng

木香七分

Mộc-hương 7 phân.

香附二リ炒

Hương-phụ 2 đồng

烏藥二リ

Ô-dược 2 đồng

化 肝 煎

Hóa - can tiên

青皮炒

Thanh bì,

陳皮炒

Trần-bì,

白芍酒炒

Bạch thược,

土貝母

Thổ bối-mẫu

各二リ (Mỗi vị đều 2 đồng.)

牡丹酒炒

Mẫu-dơn,

梔子炒黑

Chi tử,

澤左炒

Trạch-tả,

各一リ半

(Đều 1 đồng rưỡi).

痰厥

15. — Đàm - quyết

Chứng đàm-quyết bởi vì nhân hỏa nhân phong cho nên đờm rãi ủng tắc khí không thông được, sấm tối ngất di, mắt mờ, răng cắn chặt, chân tay co quắp và lạnh ngắt, kịp dùng phép đề nòn đờm ra cho chóng khỏi. Những người khỏe mạnh phải dùng thuốc mạnh cho thổ đờm ra, uống bài *Hy-duyên-tán* bài *Trà-diễn-tán*. Những người yếu đuối dùng vị Thuần-hòa cho khai đờm ra lấy thang gừng muối nhân nhát cho uống dần dần, lại lấy ngón tay móc cổ đề nòn ra hoặc dùng *Bão-long-hoàn*, *Ngưu-hoàng-hoàn* hòa nước sôi cho uống, nhược bằng hàm răng còn cắn chặt dùng *Khai-nha-tán* ở số 4 TRÚNG-PHONG xát hàm răng. Như đờm nhiều lại dùng nhân ba đậu bọc giấy đập lấy dầu vào giấy, cuốn giấy làm mỗi châm lửa đốt, thồi tắt lấy khói hun hai lỗ mũi, lại dùng *Sinh-bán-hạ tán* bột lấy một ít thồi vào hai lỗ mũi hoặc dùng *Trúc-lich* một chén, 10 giọt nước gừng hòa cho uống. Nhược bằng đờm chưa hết phải dùng *Côn-dâm-hoàn* cho tiêu đi.

Như thấy bệnh đờm đã bớt phải xét bệnh căn mà chữa.

Bệnh thuộc về phần hỏa thịnh phải thanh giáng đi, dùng bài *Thanh-cách-tiên* hoặc bởi tại về nhân gió lạnh phải ôn tán đi, dùng bài *Lục-an tiên* bởi tại âm thấp phải tiêu tán đi, dùng bài *Linh-truật-nhi-trần*.

Như tý hư phải bổ tý dùng thang *Lục-quân-tử*, thận thủy hư mà nước ứa thành đờm dùng bài *Lục-vị-hoàn*.

列方

Liệt các bài thuốc

糴涎散

Hy - duyên tán

皂角二葉炙焦

Tạo-dác 2 quả sao cháy

礬五片

Phèn-phi 5 đồng

共末和溫水服二リ

Tán bột, hòa nước sôi, uống 2 đồng.

茶調散

Trà - điều tán

瓜蒂ニリ

Qua-đế 2 đồng

蓮心茶一リ

Liên-tâm-trà 1 đồng

共末毎服一リ温水調下

Tán nhỏ hòa nước sôi, uống 1 đồng.

抱龍丸

Bảo-long-hoàn.

牛黃丸

Ngưu-hoàng-hoàn,

滾痰丸

Cồn-dàm-hoàn.

俱在客號發賣

Ở hiệu khách có bán.

取竹瀝法

Phép lấy trúc-lịch

Dùng trúc non năm bảy gióng để trên hỏa lò dốt thời nước chảy ra.

清膈煎

Thanh - cách - tiên

土貝母三リ姜炒

Thổ-bối-mẫu 3 đồng

胆星二リ

Đảm tinh 2 đồng

海石二リ

Hải-thạch 2 đồng

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

木通一リ

Mộc-thông 1 đồng

白芥子七分炒

Bạch-giới-tử 7 phần.

六安煎

Lục - an tiên

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

杏仁二リ搗

Hạnh-nhân 2 đồng

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

白芥子七分炒

Bạch-giới-tử 7 phần.

苓朮二陳煎

Linh - truật nhị - trần tiên

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

猪苓二リ

Chư-linh 2 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

澤左一リ半炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

乾姜一リ炒

Can-kương 1 đồng

炙草七分

Chích-thảo 7 phân

六君子湯

Lục - quân - tử thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng.

六味丸

Lục - vị hoàn

熟地八リ

Thục-địa 8 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

牡丹三リ酒炒

Mẫu-đơn 3 đồng

山茱二リ酒炒

Sơn-thú 2 đồng

澤左一リ鹽炒

Trạch-tả 1 đồng

酒 厥

16. — Tửu - quyết

Bệnh tửu-quyết : bởi vì uống rượu nhiều quá không có chừng. Đương lúc trẻ trung, khỏe mạnh thì không sao. Đến khi già yếu, không vận hóa được mà sinh bệnh ra, bệnh ấy cũng như bệnh trúng phong. Nhẹ thời tai còn nghe tiếng, mắt còn trông thấy. Nặng thời mê mẩn, ngất đi, không nói được ;

hoặc dờm rãi nhiều, phát suyễn phát sốt, ho hắng hoặc có thổ huyết kíp dùng bài *Thống-quan-lân* ở số 4 TRÚNG-PHONG thời 2 lỗ mũi cho tỉnh ra, rồi mới chia ra hàn nhiệt mà dùng thuốc. Như mạch chạy khỏe muốn những sự mát, đại-tiện can tào dùng bài *Trừu-tân-đm* ở số 3 THƯƠNG-HÀN; bài *Lục-đậu-đm*, bài *Lê-tương-đm* Như mạch chạy yếu muốn những sự nóng, đại-tiện thì lỏng dùng thang *Lục-quân-tứ*, bài *Linh-truật-nhị* *trần* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT, bài *Cát-hoa-giải-tĩnh*.

Nhược bằng tại rượu hao tổn âm huyết, cho nên con tỳ con thận đều suy bại thành ra chứng quyết thoát âm dương đều kiệt dùng bài *Lục-vị-hồi-dương* ở số 11 HÀN-QUYẾT.

縹豆飲

Lục - đậu - ẩm

Dùng đậu xanh vài ba lẻ đun cho rừ mà ăn tùy ý muốn cho muối cho đường cũng được.

梨漿飲

Lê - tương - ẩm

Dùng quả lê gọt vỏ dăm nhỏ vắt lấy nước uống. Thứ nhất lê đen ở Vân-nam (Yunnan) thứ nhì lê trắng ở Thượng-hải, thứ ba lê đỏ ở Lạng-son.

葛花解醒湯

Cát - hoa - giải - tĩnh thang

党参 三ツ 姜炒 白朮 土炒 茯苓 砂仁 炒
Đảng-sâm 3 đồng Bạch-truật, Phục-linh, Sa-nhân,

白豆蔻 炒 葛花
Bạch-dậu-khẩu, Cát-hoa

每味各一ツ半

Mỗi vị đều 1 đồng rưỡi.

青皮 炒 陳皮 炒 猪苓 澤左 炒
Thanh-bì, Trần-bì, Chư-linh, Trạch-tả

每味各一ツ

Mỗi vị đều 1 đồng.

神曲 七分 姜炒 木香 七分
Thần-khúc 7 phân Mộc-hương 7 phân

色 厥

17. — Sắc-quyết

Chứng sắc-quyết bởi vì người vốn yếu đuối, nhân gặp được duyên kỳ-ngộ mà cổ sức; hoặc là tưởng nhớ đã lâu mà yêu đương quá cho nên tinh khí thoát hết, hóa ra ngắt di lạnh cả chân tay; kịp bấm vào huyết nhân-trung lại khiến người đàn bà ôm lấy hà hơi vào miệng người bệnh để dẫn hơi nóng vào, phải dùng ngay 1 lạng dương-sâm sắc cho uống lại dùng phương *Hoa-dà-cứu-dương-thoát* may ra mới khỏi, nếu mà hoảng hốt bối rối thời không cứu được. Khi tỉnh rồi dùng bài *Đại-bồ-nguyên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG bài *Lục-vị-hồi-dương* ở số 11 HÀN-QUYẾT cho uống.

Lại còn có tình dục động quá, không được thỏa chí, dục hỏa bốc lên huyết cũng theo lên; hoặc mượn chén rượu để át đi, thành ra chứng thổ huyết không khỏi hoặc đổ mồ-hôi nhiều, hơi thở mạnh, chân tay lạnh bởi vì âm hỏa xung lên hóa ra thế.

Phép chữa phải nén hỏa xuống dùng bài *Thanh-hóa-âm*, bài *Giã-dâm-nhất-âm* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Nhược bằng âm hư quá, lửa không đem xuống mà thổ huyết không khỏi, chân tay lạnh quá mạch thời trầm vì dùng bài *Trấn-âm* cứu lấy. Hễ thấy bệnh đã yên thì tùy chứng mà dùng thuốc.

華 陀 救 陽 脫 方

Hoa - đà - cứu - dương - thoát phương

Trước dùng phép chườm hành, chườm trên bụng cả bụng dưới; lại dùng:

生附子一兩

Sinh-phụ-tử 1 lạng

乾姜五兩

Can-khương 5 đồng

水煎冷服

Sắc thang đồ nguội uống,

白朮五兩

Bạch-truật 5 đồng

木香二兩

Mộc-hương 2 đồng

清化飲

Thanh - hóa - ẩm

生地五リ

Sinh-dịa 5 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

石斛二リ

Thạch-hộc 2 đồng

牡丹三リ炒

Mẫu-đơn 3 đồng

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

鎮陰煎

Trấn - âm - tiên

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

牛必三リ

Ngưu-tất 3 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

澤左二リ鹽炒

Trạch-tả 2 đồng

加 洋參三リ 養炒 乾姜一リ 炒

Gia : Dương-sâm 3 đồng Can-khương 1 đồng.

食厥

18. — Thực - quyết

Những chứng thực-quyết bởi vì ăn uống bội thực no quá con tỳ vị bị thương không vận hóa được lại nhân gió lạnh; hoặc có tức dạn vệt chốc mé mẩn ngất di chân tay rời rã và lạnh lẽo, bụng thời phát chương, miệng không nói được, mắt không trông thấy gì lập tức dùng thang gừng muối đồ vào mồm lấy tay móc cổ cho nôn ra rồi dùng bài Đại-hòa-trung hoặc bài Bình-vị-tán để tiêu đi sau lại dùng bài Ngũ-quản-tứ để uống cho bỏ.

大和中飲

Đại - hòa - trung ẩm

山楂三リ炒黑

Sơn-tra 3 đồng

厚樸一リ半姜炒

Hậu-phác 1 đồng rưỡi

砂仁七分炒

Sa-nhân 7 phân.

麥芽二リ炒黑

Mạch-nha 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

澤左一リ炒

Trạch-tả 1 đồng

枳壳一リ炒

Chỉ-xác 1 đồng

平胃散

Bình-vị tán

在凡數傷濕

(ở số 8, THƯƠNG-THẤP)

五君子煎

Ngũ - quân - tử tiên

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮三リ土炒 茯苓三リ

Bạch-truật 3 đồng Phục-linh 3 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng

乾姜一リ半炒

Cần-khương 1 đồng rưỡi.

臟厥

19. — Tạng-quyết

Chứng tạng-quyết bởi nhân có chứng thương-hàn, sáu bộ mạch trầm vi, bốn chân tay lạnh ngắt, da thịt đều lạnh, mà giờ tay đập chân, nằm ngồi không yên, chẳng lúc nào nghỉ. Nội-kinh nói: chứng tạng-quyết thời chết bởi vì dương khí tuyệt mất. Bệnh này nguy quá kíp dùng thang *Phụ-tử-lý-trung*, bài *Tứ-vị-hồi-dương* đều ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHỨNG*. Bệnh đã bớt dùng bài *Bát-vị-hoàn*.

八味丸

Bát - vị hoàn

熟地四両

Thục-địa 4 lạng

淮山二両炒

Hoài-sơn 2 lạng

牡丹一両炒

Mẫu-dơn 1 lạng

茯苓一両半

Phục-linh 1 lạng rưỡi

山茱一両酒炒

Sơn-thù 1 lạng

澤左五リ盞炒

Trạch-lả 5 đồng

肉桂五リ

Nhục-quế 5 đồng

製附五リ

Chế-phụ 5 đồng.

共末煉蜜丸

每服三リ

煎洋参湯下

Tán bột luyện mật, viên. Mỗi bữa uống 3 đồng. Sắc dương-sâm làm thang.

蛔 厥

20. — Hồi - quyết

Chứng hồi-quyết bởi vì trẻ con ăn nhiều cá, thịt con tỳ vị yếu lạnh, không vận hóa được mà sinh ra dun, quấy động trong bụng đau quá, hôn mê mà ngất đi, chân tay lạnh lẽo, hễ xem môi đỏ mới thực là bệnh dun kip dùng thang *Lý-trung* gia xuyên tiêu, bình-lang bởi dun thấy xuyên-tiêu thời đầu nép xuống; dùng 1 vị xuyên-tiêu 2 đồng tán bột hòa nước sôi uống và dùng xuyên-tiêu ngâm trong mồm thời kiến hiệu lắm. Khi đã bớt dùng *Ô-mai-hoàn* hoặc *Ôn-tạng-hoàn* để trừ bệnh dun.

理 中 湯

Lý-trung thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

炙甘草一リ

Chích-thảo 1 đồng

加

川椒二リ炒

Gia: Xuyên-tiên 2 đồng

棋榔二リ

Bình-lang 2 đồng.

烏 梅 丸

Ô - mai - hoàn

烏梅三十果

Ô-mai 30 quả,

党参六リ姜炒

Đảng-sâm 6 đồng

黄柏六リ炙

Hoàng-bá 6 đồng

細辛六リ

Tế-tán 6 đồng

製附六リ

Chế-phụ 6 đồng

桂枝六リ

Quế-chi 6 đồng

乾姜一両炒

Can-khương 1 lượng

川椒四リ炒

Xuyên-tiên 4 đồng

當歸四リ

Đương-quy 4 đồng

川黃連一両六リ

Hoàng-liên 1 lượng 6 đồng.

共末搗烏梅加蜜煉烏丸如綵豆大

Tán bột, đấm ô-mai gia mật ong. Luyện làm viên bằng hạt đậu xanh.

每服十五丸

Mỗi bận uống 15 viên.

溫 臟 丸 Ôn - tạng hoàn

党参二两姜炒
Đảng-sâm 2 lượng

白朮二两土炒
Bạch-truật 2 lượng

當歸二两
Đương-quy 2 lượng

白芍酒炒
Bạch-thược,

茯苓
Phục-linh,

川椒炒
Xuyên-tiêu,

芡君子
Sử-quân-tử,

檳榔
Binh-lang,

樞肉
Phủ-nhục,

(各一兩)
(Đều 1 lượng).

乾姜五兩炒
Can-khương 5 đồng

吳茱五兩酒炒
Ngô-thú 5 đồng.

其末煮神曲糊煉爲丸每服二三

Tán bột quấy hồ thần-khúc, luyện làm viên. Mỗi bữa uống 2, 3 đồng.

如臟寒 加
N hư tạng hàn, gia :

製附五兩
Chế-phụ 5 đồng

臟熱 加
Tạng nhiệt, gia :

川黃連五兩
Hoàng-liên 5 đồng.

尸 厥

21. — Thi - quyết

Chứng thi quyết là phải ma quỷ đánh, bởi những khi đi thăm người chết, viếng đám-ma và vào đền miếu thiêng, tự nhiên chóng mặt quay ra, chân tay lạnh đá, da thịt rét run, mặt mũi xanh xám hoặc hàm răng cắn chặt, đờm rãi kéo lên, không biết sự gì cả kịp dùng bài *Thông-quan-tán* ở số ba (3) *TRƯNG-PHONG* thổi 2 lỗ mũi cho tỉnh ra rồi cho uống bài *Tứ-vị-hồi-dương*, hoặc thang *Phụ-tử-lý-trung* ở số 10 *CHƯ-NH*. Nhược bằng tà khí còn ủng tắc; trong ngực không được khoan khoái dùng *Tô hợp* 1 viên hòa nước sôi uống hoặc dùng bài *Bất-hoàn-kim-chính-khi-tán* ở số 8 *THƯƠNG-THẮP*.

Hoặc như quỷ đánh mà chóng mặt quay ra, mặt đỏ, môi đỏ nói nhảm những việc ma quỷ, mồm mũi chảy máu là chứng thuộc dương dùng thang *Tê dác-địa hoàng* hoặc thang *Bạch-hồ* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Khi đã bớt rồi dùng bài *Lục-vị-hoàn* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG, bài *Nhật-âm-tiên* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Lại có một người con giai phải quỷ đánh mình có gần xanh dau lăm dùng hoa kim-ngân 5 đồng sắc nước uống thời khỏi.

犀角地黃湯

Tê-giác địa - hoàng thang

生地六リ

Sinh-địa 6 đồng

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

牡丹三リ炒

Mẫu-dơn 3 đồng

犀角一リ

Tê-giác 1 đồng (mài riêng ra).

Tô-hợp-hoàn (Hiệu Bào chế có bán)

邪 祟

22. — Tà - tý

Tà-tý là bệnh ma làm, những chỗ cây cồ-thụ sầm uất, hay có yêu ma ẩn bóng. Những các nhà cửa lâu năm cũng có Thạch-tinh, cốt-khí cho nên những người khỏe mạnh quỷ quái không dám làm, những người yếu bóng vía thời tà ma dễ trêu quở đến khi phải bệnh, hóa ra nói năng mê hoảng, hoặc như đồ dại hoặc nằm mười hôm không ăn uống gì mà hình sắc vẫn thể không sút. Hoặc khi bệnh đã nguy gần chết mà một chốc tự nhiên khỏe mạnh như xưa. Chữa bệnh này dùng thuốc bổ hư an thần làm chủ như bài *Chu-sa-an-thần-hoàn*, bài *Viễn-chí-hoàn*, *Quy-tý* thang dùng phương khu tà trục quỷ như bài *Tịch-lá-dan* phép ông *Tân-thừa-lỗ cứu quỷ* chớ có dùng thuốc công phạt thời khi huyết hư tổn rồi ra khó chữa

列 方

Liệt các bài thuốc

硃砂安神丸

Chu - sa - yên - thần hoàn

生地 八リ

Sinh-dịa 8 đồng

當歸 四リ

Đương-quy 4 đồng

川黃連 三リ

Hoàng-liên 3 đồng

生草 二リ

Sinh-thảo 2 đồng

硃砂 三リ

Chu-sa 3 đồng

共末煉糊丸

每服 二リ

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.)

達志丸

Viễn - chí hoàn

沙參 一兩炒

Sa-sâm 1 lượng

茯神 一兩

Phục-thần 1 lượng

茯苓 一兩

Phục-linh 1 lượng

石昌蒲 六リ

Thạch-xương-bồ 6 đồng

龍齒 六リ

Long-xỉ 6 đồng

達志 五リ製

Viễn-chí 5 đồng

共末蜜丸 每服 二リ

Tán bột luyện mật viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

歸脾湯 (在一數內傷)

Quy-tỳ thang (ở số 1 NỘI-THƯƠNG)

辟邪丹

Tịch - tà đan

黨參 炒

Đảng-sâm,

茯神

Phục-thần,

達志製

Viễn-chí,

鬼箭羽

Quý-tiến-vũ,

石昌蒲

Thạch-xương-bồ, Bạch-truật,

白朮土炒

蒼朮炒

Xương-truật,

當歸

Đương-quy

每味各 三リ (Mỗi vị đều 3 đồng)

桃奴 二リ

Đào-nô 2 đồng (là quả đào khô ở trên cây)

共爲末

Cùng tán bột.

雄黃 一リ

Hùng-hoàng 1 đồng

辰沙 一リ

Thần-sa 1 đồng

牛黃 三分

Ngưu-hoàng 3 phần

射香 一分

Sạ-hương 1 phần

另研末 又和與前末藥 煮酒糊搗

Nghiền riêng ra, rồi hòa lẫn với bột trước, quấy hồ bằng rượu

爲丸 如竜眼大 又用金箔十五片爲衣

luyện làm viên, bằng quả nhãn, lại dùng vàng lá 15 mảnh làm áo,

晒乾 臨臥辰研一丸 磨木香湯調服 又用

phơi khô. Lúc đi ngủ nghiền 1 viên, uống thang bằng mộc-hương, lại may

囊盛五七丸 掛帳中 或帶身邊 尤妙

túi bỏ vào độ 5, 7 viên, treo trong màn hoặc đeo bên mình càng hay.

除鬼丹

Trừ - quỷ - đan

虎頭骨 四リ 或代用牛頭骨

Hồ-dầu-cốt 4 đồng, (hoặc thay xương đầu trâu)

硃砂 雄黃 雌黃 鬼臼 皂角炒 蕪荑

Chu-sa, Hùng-hoàng, Thù-hoàng, Quỷ-cửu, Tào-dác, Vu-di,

鬼箭羽 藜蘆

Quỷ-tiến-vũ, Lê-lư

各 二リ (Đều 2 đồng)

共末煉糊 丸 硃子大 囊盛一丸 繫臂上

Tán bột luyện hồ viên bằng hòn đạn, may túi đựng 1 viên, buộc trên

男左女右 或以數丸 於病人房

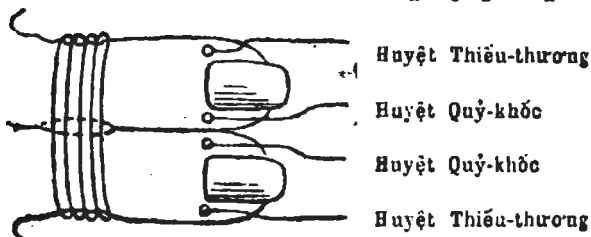
cánh tay: gái tay trái gái tay phải. Hoặc đốt vài viên đốt trong buồng

燒之

người bệnh.

秦承祖灸鬼法

Tần - thừa - tổ - cứu - quỷ pháp



Dùng dây gai buộc hai ngón tay cái người bệnh. Vê mồi ngải-cứu bằng hột gạo nhỏ dẽ-vào hai huyết thiếu-thương, hai huyết quý-khắc ở đầu ngón tay cái chỗ giáp móng giáp thết. 4 huyết đều châm lửa đốt nếu thiếu một huyết thời không hiệu làm bầy hạn mới khỏi.

瘟 · 疫

23. — Ôn - dịch

Chứng ôn dịch các pho sách thuốc đều theo như chứng thương-hàn chỉ có pho Tung-nhai bảo rằng : chứng ôn-dịch là lệ khi giới đất cắm vào mồm mũi người ta, trong không ở ruột gan, ngoài không ở mạch máu ở vào chỗ giáp xương sống, gần ngang dạ-dầy, là nửa trong nửa ngoài chỗ hoành-cách-mô đó vậy. Khi bệnh mới phát thời ghê mình sợ lạnh hoặc chân tay lạnh một chốc uất lên lại bóa ra nóng thời trong ngoài đều nóng, ấy thể là trước ghê mình sợ lạnh, rồi sau mới phát sốt không như chứng Thương-hàn phát sốt mà gồm cả sợ lạnh.

Những chứng ôn-dịch này khi mới phải trước sợ lạnh sau phát sốt rức đầu, đau mình xem mạch thời chẳng phù chẳng trầm mà chạy nhanh bởi vì tà khí ở hoành-cách-mô ; dùng có nhận là chứng thương-hàn thấy sốt mà dùng thuốc phát hãn cũng không ích gì, lại không nên dùng thuốc hạ, tà khí không ở tràng-vị ; hạ thì chỉ nhọc mệt phải trước dùng bài *Đại-nguyên-âm* cho khai thông ra bằng như sốt chẳng khỏi mà phát ban ngoài da lấm tẩm đỏ dùng bài *Cử-ban-thang*. Bằng như bờ-hôi đã ra mà nóng không khỏi dùng bài *Bạch-hồ-thang* như ngoài da đã mát mà trong bụng còn nóng lấm dùng bài *Tam-tiểu-âm*, còn như thêm các chứng khác hoặc nên ôn, nên lương, nên thổ, nên hạ thời chiếu mục *Thương-hàn* số 3 mà chữa bệnh.

Một thứ chứng ôn-dịch phát sốt đầu mặt sưng sưng mắt nhảm miệng rạo gọi là chứng *Đại-dầu-ôn* dùng bài *Phổ-tế-tiểu-độc*,

Một thứ chứng ôn-dịch mình mẩy mọc như nốt đậu nốt sởi giống như da cóc gọi là chứng Hà-mô-ôn dùng bài *Kinh-phóng-bại-độc*.

Còn như chứng thời khí phát sốt sợ lạnh mà mạch hồng dùng bài *Cầm-liên-tiểu-độc*. Như đầy bụng đi tả dùng bài *Thân-truật-tán*. Như dịch tả vào trong phiên muộn phát cuồng nói nhảm dùng bài *Trị-dịch-thanh-lương-tán*.

列 方

Liệt các bài thuốc

達 原 飲

Đạt - nguyên ẩm

檳榔 三ツ	厚樸 二ツ 炒	知母 二ツ
Bình-lang 3 đồng	Hậu-phác 2 đồng	Chi-mẫu 2 đồng
白芍 二ツ 炒	黃芩 一ツ 炒	草果 七分
Bạch-thược 2 đồng	Hoàng-cầm 1 đồng	Thảo-quả 7 phân
炙草 七分		
Chích-thảo 7 phân		

Như đau lưng, rức đầu, đau cổ là tà lẩn ra kinh Thái-dương gia *Khương-hoạt* 1 đồng.

Như mắt đau, mũi khô không ngủ được là tà khí lẩn ra kinh dương-minh gia *Cát-căn* 2 đồng.

Như đau vạng sườn, ù tai, ghê sốt, ghê rét, nôn mửa, mồm đắng là tà khí lẩn ra kinh thiếu dương gia *Sái-hồ* 2 đồng.

羣 癍 湯

Cử - ban thang

穿山甲 二ツ 炙焦	白芍 三ツ 炒	柴胡 二ツ
Xuyên-sơn-giáp 2 đồng	Bạch-thược 3 đồng	Sái-hồ 2 đồng
白芷 一ツ 半	升麻 一ツ	當歸 三ツ
Bạch-chỉ 1 đồng rưỡi	Thăng-ma 1 đồng	Đương quy 3 đồng

白虎湯

Bạch - hổ thang

石膏一升煨

Thạch-caô 1 lượng

糯米二撮

Gạo-nếp 2 dùm.

知母四リ

Tri-mẫu 4 đồng

生芍二リ

Sinh-thảo 2 đồng

三消飲

Tam - tiêu ẩm

即達原飲加

là bài ĐẠT-NGUYỄN gia:

姜活一リ

Khương-hoạt 1 đồng

大黃二リ煨

Đại-hoàng 2 đồng

葛根二リ

Cát-căn 2 đồng

柴胡二リ

Sài-hồ 2 đồng

普濟消毒飲

Phổ - tế tiêu - độc ẩm

黃芩二リ

Hoàng-cầm 2 đồng

玄參一リ半

Huyền-sâm 1 đồng rưỡi

連翹一リ

Liên-kiêu 1 đồng

馬勃一リ

Mã-bột 1 đồng

升麻五分

Thăng-ma 5 phân

川黃連二リ

Hoàng-liên 2 đồng

橘紅皮一リ

Quất-hồng-bì 1 đồng

板藍根一リ

Bản-lam-căn 1 đồng

生草五分

Sinh thảo 5 phân

薄荷五分

Bạc-hà 5 phân

沙參一リ半炒

Sa-sâm 1 đồng rưỡi

桔梗一リ

Kết-cánh 1 đồng

牛旁一リ

Ngưu-bàng 1 đồng

姜蚕五分炒

Khương-tàn 5 phân

或加 防風

Hoặc gia: Phòng-phong,

當歸

Đương-quy,

川芎

Xuyên-khung,

細辛

Tế-lưu

各一リ

Đều 1 đồng.

如大便燥 加

Như đại-tiên táo gia:

川大黃二リ煨

Đại-hoàng 2 đồng

荊防敗毒散

Kinh-phòng bại-độc tán

荊芥	防風	柴胡	姜活	獨活
Kinh-giới,	Phòng-phong,	Sài-hồ,	Khương-hoạt,	Độc-hoạt
前胡	川芎	枳殼炒	砂參炒	茯苓
Triền-hồ,	Xuyên-khung,	Chỉ-xác,	Sa-sâm,	Phục-linh,
桔梗	甘草	各一リ		
Kết-cánh,	Cam-thảo.	Đều 1 đồng.		

用薄荷煎湯

Lấy bạc-hà sắc nước làm thang.

芩連消毒飲

Cầm-liên tiêu-độc ẩm

藁芩二リ炒	川黃連一リ	連翹二リ
Hoàng-cầm 2 đồng	Hoàng-liên 1 đồng	Liên-kiêu 2 đồng
枳殼一リ炒	柴胡二リ	桔梗二リ
Chỉ-xác 1 đồng	Sài-hồ 2 đồng	Kết-cánh 2 đồng
防風二リ	姜活一リ	荊芥一リ
Phòng-phong 2 đồng	Khương-hoạt 1 đồng	Kinh-giới 1 đồng
白芷一リ	川芎一リ	射干一リ
Bạch-chỉ 1 đồng	Xuyên-khung 1 đồng	Sạ-can 1 đồng
生草七分		
Sinh-thảo 7 phân.		

神朮散

Thần-truật tán

蒼朮二兩製	陳皮二兩炒	厚樸二兩炒
Xương-truật 2 lượng	Trần-bì 2 lượng	Hậu-phác 2 lượng
炙草五リ	藿香五リ	沙仁五リ炒
Chích-thảo 5 đồng	Hoắc-hương 5 đồng	Sa-nhân 5 đồng

共末每服二三リ生姜湯下

Tán bột, mỗi bữa uống 2, 3 đồng. Thang bằng gừng.

治疫清凉散

Tri - dịch - thanh - lương tán

秦艽 一リ

Tần-dao 1 đồng

土貝母 一リ 姜炒

Thổ-bối-mẫu 1 đồng

柴胡 一リ 半

Sài-hồ 1 đồng rưỡi

赤芍 一リ

Xích-thược 1 đồng

蓮翹 一リ

Liên-kiêu 1 đồng

丹參 五リ

Đan-sâm 5 đồng

知母 一リ

Tri-mẫu 1 đồng

薄荷 七分

Bạc-hà 7 phân

石膏 二リ 煨

Thạch-cao 2 đồng.

瘴氣

24. —Chướng - khí

Bệnh chướng khí là bệnh ngã nước bởi vì rừng, núi, cỏ, cây có nhiều khí độc; những người làm quan và người buôn bán di lại đó, thủy thổ bất phục, đất, nước không quen đều có bệnh ấy. Bệnh này có 3 thứ gọi là : Lạnh-chướng, Nhiệt-chướng, Á-chướng.

1) Bệnh Lạnh-chướng như âm khí âm thấp thời mình mây nặng nề, bụng đầy, đi tiểu không lợi dùng bài *Ngũ-linh-tán* ở số 8 THƯƠNG-THẤP. Nhược bằng sốt rét dùng bài *Bất-hoán-kim-chính-khi* cũng ở số 8 THƯƠNG-THẤP hoặc bài *Tiểu-sài-hồ*. Như nguyên-khí suy yếu dùng *Phụ-tử thang* như bụng tức đầy, nôn mửa dùng bài *Gia-hòa-tán*. Như bụng đầy buồn bực, mê mẩn trên nóng dưới lạnh dùng bài *Sinh-kương-phụ-tử-thang*.

2) Bệnh nhiệt-chướng thời nóng sốt lim lim đêm ngày như nằm trong than lửa phải dùng phép *Khiêu-thảo-tử* lại dùng đậu-xanh, bột sắn uống cho mát để giải độc không nên dùng thuốc hàn-lương công hạ. Khi đã bớt nên dùng thang *Lý-tỳ-khuốc-chướng* để thường uống cho khỏi.

3) Bệnh Á-chướng là nhiệt-chướng nặng quá hóa ra cấm khẩu, mặt đỏ, bụng nóng, lưỡi nứt đỏ máu cam phải dùng phép *Khiêu-thảo-tử* rồi cho uống bài *Cục-phương-hắc-thần-tán* thời khỏi.

列方

Liệt các bài thuốc

小柴胡湯

Tiểu-sài-hồ thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

黄芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

大棗二枚

Đại-tảo 2 quả.

柴胡三リ

Sài-hồ 3 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

生姜五片

Sinh-khương 5 nhát

附子湯

Phụ-tử thang

洋参三リ姜炒

Dương-sâm 3 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

製附五分

Chế-phụ 5 phân

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

嘉禾散

Gia-hòa tán

党参姜炒

Đảng-sâm,

白朮土炒

Bạch-truật,

茯苓

Phục-linh

炙草

Chích-thảo

薤白炒

Ý-dĩ,

桑白皮炒

Tang-bạch-bì,

大腹皮炒

Đại-phúc-bì,

石斛

Tbach-hộc,

槟榔

Bình-lang,

法夏

Pháp-hạ,

神曲炒

Thần-khúc,

杜仲盞炒

Đỗ-trọng,

麥牙炒

Mạch-nha,

黑霍香

Hoắc-hương,

枇杷葉

Tỳ-bà-diệp

各一リ (đều 1 đồng)

沙仁炒

Sa-nhân,

沉香

Trầm-hương,

五味炒

Ngũ-vị,

白豆蔻炒

Bạch-dậu-khẩu,

丁香

木香

青皮炒

Thanh-bì,

陳皮炒

Trần-bì,

隨風子

Tùy-phong-tử

各六分 (đều 6 phân)

共末每服一匙約二リ

Tán bột, mỗi bữa uống 1 thìa. chừng 2 đồng.

生 姜 附 子 湯

Sinh - khương phụ - tử thang

生 附 子 一 兩

Sinh-phụ-tử 1 lượng

生 姜 十 片

Sinh-khương 10 nhát

Sắc thang để nguội uống.

挑 草 子 法

Khiêu - thảo - tử pháp

Dùng mũi kim nhể trên trán và môi trên môi dưới 5, 3 mũi, nặn cho chảy máu, lại dùng lá dương xát vào lưỡi cho chảy máu ra.

理 脾 却 瘴 湯

Lý - tỳ khước - chướng thang

意 以 五 兩 炒

Ý dĩ 5 đồng

梔 子 二 兩 炒

Chi tử 2 đồng

陳 皮 一 兩 炒

Trần bì 1 đồng

川 黃 蓮 一 兩

Hoàng-liên 1 đồng

茯 神 三 兩

Phục-thần 3 đồng

神 曲 二 兩 炒

Thần-khúc 2 đồng

法 夏 一 兩

Pháp-hạ 1 đồng

黃 芩 一 兩 炒

Hoàng-cầm 1 đồng

蒼 朮 二 兩 製

Xương-truật 2 đồng

山 查 二 兩 炒 黑

Sơn-tra 2 đồng

前 胡 一 兩

Tiền-hồ 1 đồng

生 草 七 分

Sinh-thảo 7 phân.

局 方 黑 神 散

Cục - phương hắc - thần tán

黑 豆 一 兩 炒

Hắc-dậu 1 lượng

白 芍 三 兩 炒

Bạch-thược 3 đồng

肉 桂 三 分

Nhục-quế 3 phân.

熟 地 六 兩

Thục-dịa 6 đồng

蒲 黃 二 兩 炒

Bồ-hoàng 2 đồng

當 歸 二 兩

Đương-quy 2 đồng

生 草 一 兩

Sinh-thảo 1 đồng

水 煎 服

Sắc nước uống.

瘧疾

25. — Ngược-tật

Ngược-tật là bệnh sốt rét, vì cảm gió lạnh mà hóa ra. Khi mới phải dùng mình sờn gai ốc, đau lưng cứng xương sống, vừa sốt vừa rét ; hoặc sốt trước rét sau, hoặc rét trước sốt sau, khi sốt khỏi rồi khát nước chứng ấy thuộc về kinh-thiếu-dương, trái mặt là chứng nửa trong nửa ngoài.

Một thứ rét hơn sốt dùng bài *Nhị-sài-hồ*. Nhược bằng rét lắm buốt đến xương dùng bài *Đại-ôn-trung*, hai bài này đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Như tỷ vị hư hàn bụng đầy ăn không tiêu dùng bài *Ngũ-quân-tử* ở số 18 THỰC-QUYẾT, như khi hư nhược mệt quá dùng bài *Bổ-trung-ích-khi* ở số 10 CHƯ-HƯ, bằng khi hư lại kiêm âm huyết hư dùng bài *Bổ-âm-ích-khi* ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Một thứ sốt hơn rét dùng bài *Nhất-sài-hồ*, bằng nóng lắm khát nước nhiều dùng bài *Sài-hồ-Bạch-hồ* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Nhược bằng âm hư huyết ít dùng thang *Tứ-vật gia Sài hồ* hoặc bài *Tam-âm-tiến*, hai bài này đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG, như khi sốt rét lạnh như nước đá, nóng như hòn than, mặt đỏ, khát nước, lúc khỏi sốt rồi, không khát nước nữa dùng bài *Hòa-can-tư-thận gia Sài-hồ*. Hoặc như yếu đuối mà giả cả nguyên khí hư lắm dùng bài *Đại-bổ-nguyên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

一 柴胡飲

Nhất - sài - hồ ẩm

柴胡二リ

Sài-hồ 2 đồng

生地三リ

Sinh-dịa 3 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

黄芩一リ半炒

陳皮一リ半炒

生薑一リ

Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi

Trần-bì 1 đồng rưỡi

Sinh-thảo 1 đồng

和肝滋腎湯

Hòa-can tư-thận thang

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

牡丹三リ炒

Mẫu-dơn 3 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

澤左一リ 鹽炒

Trạch-lả 1 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

白芍二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

加 柴胡二リ

Gia : Sài-hồ 2 đồng

經驗方

Kinh - nghiệm phương

休癆飲

Hưu - ngược ẩm

洋參三リ 姜炒

Dương-sâm 3 đồng

白朮三リ 土炒

Bạch-truật 3 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

何首烏五リ 製

Hà-thủ-ô 5 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

何人飲

Hà - nhân ẩm

何首烏五リ 製

Hà-thủ-ô 5 đồng

洋參三リ 姜炒

Dương-sâm 3 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

陳皮二リ 炒

Trần-bì 2 đồng

煨姜五片

Ồi-khương 5 nhát

追癆飲

Truy - ngược ẩm

何首烏一リ 製

Hà-thủ-ô 1 lượng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

柴胡三リ

Sài-hồ 3 đồng

陳皮二リ 炒

Trần-bì 2 đồng

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

青皮一リ 炒

Thanh-bì 1 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

木賊煎

Mộc-tặc tiên

木賊 三リ

Mộc-tặc 3 đồng

檳榔 二リ

Bình-lang 2 đồng

厚樸 三リ 炒

Hậu-phác 3 đồng

青皮 一リ 炒

Thanh-bì 1 đồng

法夏 二リ

Pháp-hạ 2 đồng

蒼朮 一リ 製

Xương-truật 1 đồng

鯢甲飲子

Biết-giáp-âm-tử

鯢甲 二リ 醋炙

Biết giáp 2 đồng

草果 一リ

Thảo-quả 1 đồng

橘紅皮 一リ 炒

Quất-hồng-bì 1 đồng

厚樸 一リ 炒

Hậu-phác 1 đồng

川芎 一リ

Xuyên-khung 1 đồng

檳榔 一リ

Bình-lang 1 đồng

白芍 一リ 炒

Bạch-thược 1 đồng

大棗 一枚

Đại-táo 1 quả

黃芪 一リ 炙

Hoàng-kỳ 1 đồng

白朮 一リ 土炒

Bạch-truật 1 đồng

炙艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

生薑 三片

Sinh-kương 3 nhát

Xét xem vị thường-sơn trị sốt rét như thánh dược, không biết phép chế thời hay nôn mửa, phải dùng giấm thanh tẩm 3 bận phơi khô lại sao nhỏ lửa cho chín; không cứ bài gì nên thêm vào một hai đồng, khát nước gia Thạch-cao 2 đồng, ghê rét gia Thảo-quả 1 đồng, Bình-lang 2 đồng.

寒 熱

26. — Hàn - nhiệt

Bệnh hàn nhiệt bởi tại khí âm khí dương hơn kém nhau.

Lấy âm dương mà bàn: phần dương hơn thì nóng, phần âm hơn thì lạnh, phát sốt sợ lạnh là dương, không sốt mà sợ lạnh là thuộc âm.

Lấy sự trong ngoài mà bàn: cái khí lạnh, nóng ở ngoài lại là chứng ngoại cảm, khí lạnh nóng ở trong tạng phủ sinh ra là chứng Nội-thương.

Lấy sự chân giả mà bàn thời lạnh quá hóa nóng, nóng quá hóa lạnh.

Lấy việc hư thực mà bàn: dương thịnh sinh ngoài nóng, dương hư sinh ngoài lạnh. Âm thịnh sinh ngoài lạnh, âm hư sinh trong nóng.

Một thứ bệnh hàn bởi ở trong như bầm sinh yếu đuối, hoặc là tửu sắc tổn tinh thần hóa ra bệnh hàn, chân tay thường mát con ti vị không khỏe nên dùng thuốc ôn bổ bằng yếu vừa dùng bài *Ngũ-quần-tứ*, bài *Ôn-vị-âm*. Bằng yếu lắm dùng bài *Đại-bồ-nguyên*, bài *Lục-vị-hồi-dương*.

Một thứ bệnh hàn bởi ở ngoài như là gió lạnh thương hình thể ăn uống đồ sống lạnh, thương trong tạng phủ thời hóa ra chứng nôn mửa, chứng đầy bụng, chứng tiết tả, thời theo các môn ấy mà chữa.

Một thứ bệnh nhiệt bởi ở ngoài như là chứng phong hàn, truyền hóa ra nóng, và chứng thời khí, hỏa thịnh nhiệt độc phải theo các môn mà chữa.

Một thứ bệnh nhiệt bởi ở trong hoặc nhân ăn uống, no, dôi quá; hoặc nhân nhọc mệt quá; hoặc nhân sự tửu sắc; hoặc nhân uống thuốc men mà hóa ra chứng nội nhiệt Nóng vừa dùng bài *Tỉ-lân-đm* nóng lắm dùng bài *Trừu-lân-đm*, bài *Tam-bồ-hoàn*.

Chứng nhiệt uất nên sơ thông ra dùng bài *Hóa-can-tiên*, bài *Gia-vị-tiểu-đao-tán*.

Chứng nhiệt kết nên thông lợi đi dùng bài *Tiểu thừa-khí*, *Đại thừa-khí*. Bệnh nhiệt bởi tại âm hư dùng bài *Lục-vị-hoàn*. Bệnh nhiệt bởi tại hỏa hư dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu quy-âm*.

Còn như bệnh nhiệt thuộc về tạng phủ xét xem nóng lắm nóng vừa mà chữa.

Quả tim nóng vừa dùng bài *Nhị-âm-tiên* nóng lắm dùng bài *Hoàng-liên-giải-độc*.

Buồng phổi nóng vừa dùng bài *Mạch-môn-đông* thang, nóng lắm dùng bài *Hoàng-cầm thanh-phế*.

Buồng gan nóng vừa dùng bài *Hóa-can*, nóng lắm dùng bài *Long-dâm-tả-can*.

Con tỳ nóng vừa dùng bài *Thanh-hóa*. Con vị nóng lắm dùng bài *Bạch-kỷ*, bài *Đại-thanh*. Bồ dục nóng vừa dùng bài *Nhất âm* nóng lắm dùng thang *Chinh-khí*, bài *Đan-khê bổ-âm*. Bong-bóng nóng vừa dùng bài *Ngũ-lâm-tán* nóng lắm dùng thang *Đại-phân-thanh*.

Bọc-tam-tiểu nóng vừa dùng bài *Tỉ-lân* nóng lắm dùng thang *Trừu-lân*.

Ruột già nóng vừa dùng bài *Tư-âm bát vị*, nóng lắm dùng thang *Đại, tiểu thừa-khí*.

Một thứ chứng hàn nhiệt vắng lai ghê nóng ghê lạnh tựa như sốt rét mà không phải bệnh sốt rét, lại chia làm hai thứ: một thứ ngoại tà bất giải; một thứ dương thịnh âm hư. Hàn tà phục ở mạch máu mà ghê nóng ghê lạnh, huyết hư thì dùng bài *Tam-sái-hồ*, bài *Bồ-âm-tch-khi*. Nhược bằng khí hư dùng bài *Ngũ-sái-hồ*, bài *Bồ-trung-tch-khi*. Âm hư dương thịnh mà ghê nóng ghê lạnh dùng bài *Nhất-âm*, bài *Lục-vị*, như nóng lắm dùng bài *Gia-giảm-nhất-âm*. Nhược bằng âm dương điều hư dùng bài *Bát-trần*, bài *Ngũ-phúc*, bài *Thập-loãn*; nhược bằng tý thổ hư không nạp được dương khí hóa ra nóng dùng bài *Ngũ-quần-tử* bài *Ôn-vị*, bài *Lý-trung*.

列 方

Liệt các bài thuốc

五 君 子 煎

Ngũ-quân-tử tiên

党参 五リ 姜 炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮 三リ 土 炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜 二リ 炒

Can-khương 2 đồng

炙 草 一リ 半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

茯苓 三リ

Phục-linh 3 đồng

溫 胃 飲

Ôn-vị ẩm

党参 四リ 姜 炒

Đảng-sâm 4 đồng

扁豆 三リ 炒

Biên đậu 3 đồng

白朮 二リ 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

乾姜 一リ 半 炒

Can-khương 1 đồng rưỡi

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

炙 草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

大 補 元 煎

Đại-bổ-nguyên tiên

党参 三リ 姜 炒

Đảng-sâm 3 đồng

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

淮山 三リ 炒

Hoài-sơn 3 đồng

杜仲 二リ 鹽 炒

Đỗ-trọng 2 đồng

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

山茱 二リ 酒 炒

Sơn-thú 1 đồng

杞子 二リ

Khởi-tử 2 đồng

炙 草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

六味回陽飲

Lục - vị hồi - dương ẩm

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

饗附一リ

Chế-phụ 1 đồng

洋參三リ姜炒

Dương-sâm 3 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

徙薪飲

Tỷ - tân ẩm

黃芩二リ

Hoàng-cầm 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

黃伯一リ炙

Hoàng-bá 1 đồng

麥門二リ炒

Mạch-môn 2 đồng

牡丹一リ半炒

Mẫu-đơn 1 đồng rưỡi

白芍二リ

Bạch-thược 2 đồng

陳皮八分炒

Trần-bì 8 phân

三補丸

Tam - bổ hoàn

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

黃伯二リ炙

Hoàng-bá 2 đồng

川黃連二リ

Hoàng-liên 2 đồng

抽薪飲

Trừu - tân ẩm

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

梔子二リ炒

Chi-tử 2 đồng

澤左一リ半炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

石斛二リ

Thạch-hộc 2 đồng

黃伯二リ炙

Hoàng-bá 2 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

木通二リ

Mộc-thông 2 đồng

枳壳一リ半炒

Chi-xác 1 đồng rưỡi

化肝煎

Hóa - can tiên

土貝母二リ炒

Thổ-bối-mẫu 2 đồng

澤左一リ半炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

丹皮二リ

Đan-bì 2 đồng

梔子一リ半炒

Chi-tử 1 đồng rưỡi

白芍二リ

Bạch-thược 2 đồng

青皮一リ炒

Thanh-bì 1 đồng

加味逍遙散

Gia vị tiêu - dao tán

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

薄荷七分

Bạc-hà 7 phân

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

柴胡一リ

Sài-hồ 1 đồng.

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

加 丹皮一リ半

Gia : Đan-bì 1 đồng rưỡi

梔子一リ半炒

Chi-tử 1 đồng rưỡi

大承氣湯

Đại - thừa - khí thang

大黃五リ煨

Đại-hoàng 5 đồng

芒硝三リ

Mang-tiêu 3 đồng

厚樸八リ炒

Hậu-phác 8 đồng

枳實二リ炒

Chỉ-thực 2 đồng

小承氣湯

Tiểu - thừa - khí thang

即大承氣湯 去芒硝

Là bài ĐẠI-THỪA-KHÍ bỏ vị mang-tiêu đi).

六味丸

Lục - vị hoàn

熟地八リ

Thục-địa 8 đồng

澤左一リ半盪炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

牡丹三リ炒

Mẫu-dơn 3 đồng

山茱二リ酒炒

Sơn-thù 2 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

八味丸

Bát - vị hoàn

即六味丸 加

Là bài LỤC-VỊ-HOÀN gia :

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

製附一リ

Chế-phụ 1 đồng

右 歸 飲

Hữu-quy ẩm

熟地 八リ
Thục-dịa 8 đồng

杞子 二リ
Khởi-tử 2 đồng

肉桂 一リ
Nhục-quế 1 đồng

淮山 四リ 炒
Hoài-sơn 4 đồng

杜仲 三リ 鹽 炒
Đỗ-trọng 3 đồng

製附 一リ
Chế-phụ 1 đồng

山茱 二リ 酒 炒
Sơn-thù 2 đồng

炙 草 一リ
Chích-thảo 1 đồng

二 陰 煎

Nhị-âm tiên

生地 五リ
Sinh-dịa 5 đồng

棗仁 二リ 炒 黑
Tảo-nhân 2 đồng

黃連 一リ 半
Hoàng-liên 1 đồng rưỡi

麥門 三リ 炒
Mạch-môn 3 đồng

茯苓 二リ
Phục linh 2 đồng

木通 一リ 半
Mộc-thông 1 đồng rưỡi.

玄參 二リ
Huyền-sâm 2 đồng

生草 一リ
Sinh-thảo 1 đồng

黃 連 鮮 毒 湯

Hoàng-liên giải-độc thang

黃芩 芩 麥 伯 炙 黃連 杞子 炒 各 二リ
Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Hoàng-liên, Chi-tử (Đều 2 đồng)

麥 門 冬 湯

Mạch-môn-đông thang

桑白皮 二リ 炒
Tang-bạch bì 2 đồng

土貝母 一リ 半
Thổ-bối-mẫu 1 đồng rưỡi

桔梗 一リ 半
Kê-cánh 1 đồng rưỡi

五味 七粒 炒
Ngũ-vị 7 hạt

天門 二リ 炒
Thiên-môn 2 đồng

紫苑 一リ 半
Tử-uyên 1 đồng rưỡi

竹葉 廿片
Trúc-diệp 20 lá

麥門 二リ 炒
Mạch-môn 2 đồng

生地 三リ
Sinh-dịa 3 đồng

生草 五分
Sinh-thảo 5 phân

黃芩清肺飲

Hoàng - cầm thanh - phế ẩm

黃芩 二リ 半炒

Hoàng-cầm 2 đồng rưỡi

梔子 五リ 炒

Chi-tử 5 đồng

龍膽瀉肝湯

Long - đả - tả - can thang

生地 五リ

Sinh-dịa 5 đồng

車前 二リ 炒

Xa-tiền 2 đồng

澤左 一リ 炒

Trạch-tả 1 đồng

歸尾 三リ

Quy-vĩ 3 đồng

梔子 二リ 炒

Chi-tử 2 đồng

黃芩 一リ 炒

Hoàng-cầm 1 đồng

龍胆 二リ

Long-dả 2 đồng

木通 一リ

Mộc-thông 1 đồng

生草 一リ

Sinh-thảo 1 đồng

清化飲

Thanh - hóa ẩm

白芍 二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

茯苓 二リ

Phục-linh 2 đồng

石斛 一リ

Thạch-hộc 1 đồng

麥門 二リ 炒

Mạch-môn 2 đồng

生地 四リ

Sinh-dịa 4 đồng

牡丹 二リ

Mẫu-dơn 2 đồng

黃芩 一リ 炒

Hoàng-cầm 1 đồng

白虎湯

Bạch - hổ thang

生草 一リ 半

Sinh-thảo 1 đồng rưỡi

糯米 一撮

Gạo-nếp 1 dùm

石膏 八リ 煨

Thạch-cao 8 đồng

知母 三リ

Tri-mẫu 3 đồng

大清飲

Đại - thanh ẩm

石膏 七リ 煨

Thạch-cao 7 đồng

木通 二リ

Mộc-thông 2 đồng

知母 三リ

Tri-mẫu 3 đồng

石斛 二リ

Thạch-hộc 2 đồng

正氣湯

Chính - khí thang

生 艸 一 リ 半

Sinh-thảo 1 đồng rưỡi

知 母 五 リ

Tri-mẫu 5 đồng

黃 伯 二 リ 炙

Hoàng-bá 2 đồng

一 陰 煎

Nhất - âm tiên

熟 地 六 リ

Thục-dịa 6 đồng

生 地 二 リ

Sinh-dịa 2 đồng

白 芍 二 リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

麥 門 二 リ 炒

Mạch-môn 2 đồng

丹 參 二 リ

Đan-sâm 2 đồng

牛 必 二 リ

Ngưu-tất 2 đồng

炙 草 一 リ

Chích-thảo 1 đồng

丹 溪 補 陰 丸

Đan - khô bổ - âm hoàn

熟 地 三 月

Thục-dịa 3 lạng

龜 板 三 月 炙

Quy-bản 3 lạng

知 母 二 月

Tri-mẫu 2 lạng

黃 伯 二 月 炙

Hoàng-bá 2 lạng

(Tán bột luyện mật viên, mỗi bận uống 3 đồng.)

五 淋 散

Ngũ - lâm tán

赤 苓 二 リ

Xích-phục-linh 2 đồng

梔 子 二 リ 炒

Chi-tử 2 đồng

赤 芍 二 リ

Xích-thược 2 đồng

木 通 一 リ 半

Mộc-thông 1 đồng rưỡi

生 葦 一 リ 半

Sinh-thảo 1 đồng rưỡi

茵 陳 一 リ

Nhân-trần 1 đồng

滑 石 一 リ 半

Hoạt-thạch 1 đồng rưỡi

竹 葉 一 リ

Trúc-diệp 1 đồng

大 分 清 飲

Đại - phân-thanh âm

茯 苓 二 リ

Phục-linh 2 đồng

澤 左 二 リ 炒

Trạch-tả 2 đồng

木 通 二 リ

Mộc-thông 2 đồng

猪苓一リ
Chư-linh 1 đồng
車前一リ炒
Xa-tiên 1 đồng

梔子一リ炒
Chi-tử 1 đồng

枳壳一リ炒
Chi-xác 1 đồng

滋陰八味煎

Tư - âm bát - vị tiên

即六味丸加
Là bài LỤC-VỊ-HOÀN gia :

知母二リ
Tri-mẫu 2 đồng

黃伯二リ炙
Hoàng-bá 2 đồng

三柴胡飲

Tam - sài - hồ ẩm

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng
陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

柴胡二リ
Sài-hồ 2 đồng
炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

白芍二リ炒
Bạch-thược 2 đồng
生薑五片
Sinh-khương 5 nhát

補陰益氣煎

Bổ - âm ích - khí tiên

熟地五リ
Thục-dịa 5 đồng
淮山三リ炒
Hoài-sơn 3 đồng
陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

党参三リ姜炒
Đảng-sâm 3 đồng
升麻一リ
Thăng-ma 1 đồng
炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng
柴胡一リ
Sài-hồ 1 đồng

五柴胡飲

Ngũ - sài - hồ ẩm

熟地五リ
Thục-dịa 5 đồng
白芍二リ炒
Bạch-thược 2 đồng
炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng
柴胡二リ
Sài-hồ 2 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng
陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

補中益氣湯

Bồ-trung ích-khí thang

党参 四リ 姜 炒

Đảng-sâm 4 đồng

黄芩 二リ 炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

白朮 二リ 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

升麻 一リ

Thăng-ma 1 đồng

柴胡 一リ

Sài-hồ 1 đồng

陳皮 一リ 炒

Trần-bì 1 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

加減一陰煎

Gia-giảm nhất-âm tiên

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

生地 二リ

Sinh-dịa 2 đồng

白芍 二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

麥門 二リ 炒

Mạch-môn 2 đồng

知母 一リ 半

Tri-mẫu 1 đồng rưỡi

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

地骨皮 一リ 半

Địa-cốt-bì 1 đồng rưỡi

八珍湯

Bát-trân thang

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

党参 四リ 姜 炒

Đảng-sâm 4 đồng

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

白朮 二リ 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

茯苓 二リ

Phục-linh 2 đồng

白芍 二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

川芎 一リ

Xuyên-khung 1 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

十全大補湯

Thập-toàn-dại-bổ thang

即 八珍湯 加

Là bài BÁT-TRÂN gia:

黄芩 二リ 炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

肉桂 一リ

Nhục-quế 1 đồng

五福飲

Ngũ-phúc ẩm

熟地 六リ
Thục-dịa 6 đồng

白朮三リ土炒
Bạch-truật 3 đồng

党参四リ姜炒
Đảng-sâm 4 đồng

炙草一リ半
Chích-thảo 1 đồng rưỡi

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng

理中湯

Lý-trung thang

党参五リ姜炒
Đảng-sâm 5 đồng

炙草一リ半
Chích-thảo 1 đồng rưỡi

白朮三リ土炒
Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒
Cau-khương 2 đồng

痙病

27. — Kinh-bệnh

Bệnh kinh nhân tại gió máy, hoặc có ra nhiều mồ-hôi, hoặc cho hạ nhiều và chứng thất huyết mất cả tân dịch, âm hư, huyết ráo hóa ra cứng gân, uốn lưng như uốn ván, lắc đầu cầm khẩu mắt trợn lên, gân cổ cứng đờ, chân tay co quắp, sốt không có mồ-hôi mà sợ lạnh gọi là cương-kinh. Nóng sốt có mồ-hôi không sợ lạnh gọi là nhu-kinh.

Chữa bệnh này phải dùng bồ khí huyết làm chủ, nếu mà quá dùng thuốc phát tán, thời khô ráo tân dịch đi mà bệnh khó khỏi được.

Một thứ bệnh cương-kinh không có mồ-hôi, sợ lạnh dùng thang *Cát-căn*, thang *Qua-lâu quế chi*, bằng có âm thấp dùng bài *Thần-truật thang* gia *Khương-hoạt*, *Độc-hoạt*.

Một thứ bệnh nhu-kinh nóng sốt dâm dấp mồ-hôi không sợ lạnh dùng thang *Quế-chi-cát-căn*, thang *Quế-chi-phòng-khung*, nhược bằng kiêm âm thấp dùng thang *Bạch truật* gia *Hoàng-kỳ* *Quế-tám*.

Một thứ nhân ra nhiều mồ-hôi hoặc cho hạ quá, thành ra bệnh kinh thời âm huyết hư dùng bài *Tam-âm-tiên*, bài *Lục-vị-quy-thược*. Nhược bằng yếu quá mà mạch trầm tẻ, dùng bài *Đài-deanh-tiên*, thang *Thập-toàn-dại* bỏ ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Một thứ bệnh kinh mà lại ra nhiều mồ-hôi dùng thang *Sâm-quy*, thang *Nhân-sâm-kiên-trung*, nhược bằng dương khí hư lắm mà mồ-hôi ra, hoặc là vong dương chân tay lạnh dùng thang *Sâm-phụ*, bài *Kỳ-phụ* hoặc thang *Tứ-vị-hồi-dương*.

Một thứ bệnh kinh lại kèm lửa nóng mạch thời hồng hoạt, bệnh thêm phiền nhiệt dùng bài *Nhất-âm*, bài *Gia-dâm-nhất-âm*; hai bài này đều ở số 26 HẠN-NHIỆT.

Một thứ bệnh kinh nhiều dờm mà nóng sốt dùng bài *Thanh-cách-tiên*, hoặc dùng *Bảo-long-hoàn* ở hiệu khách có bán.

列 方

Liệt các bài thuốc

葛 根 湯

Cát-cần thang

葛根 四リ

Cát-cần 4 đồng

白芍 二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

生姜 七片

Sinh-kương 7 nhát

麻黄 一リ

Ma-hoàng 1 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

桂枝 二リ

Quế-chi 2 đồng

大枣 二枚

Đại-tảo 2 quả

瓜 蒌 桂 枝 湯

Qua-lâu quế-chi thang

花粉 四リ

Hoa-phấn 4 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

桂枝 一リ 半

Quế-chi 1 đồng rưỡi

大枣 二枚

Đại-tảo 2 quả

白芍 三リ 炒

Bạch-thược 3 đồng

生姜 七片

Sinh-kương 7 nhát

神 朮 湯

Thần-truật thang

藁本 一リ 半

Cảo-bản 1 đồng rưỡi

川芎 一リ

Xuyên-khung 1 đồng

獨活 一リ 半

Độc-hoạt 1 đồng rưỡi

姜活 一リ

Kương-hoạt 1 đồng

蒼朮 二リ 製

Xương-truật 2 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

桂枝葛根湯

Quế-chi cát-căn thang

葛根 三ツ

Cát-căn 3 đồng

桂枝 一ツ半

Quế-chi 1 đồng rưỡi

白芍 二ツ炒

Bạch-thược 2 đồng

炙草 一ツ

Chích-thảo 1 đồng

大棗 二枚

Đại-tảo 2 quả

生姜 七片

Sinh-khuong 7 nhát

桂枝防芍湯

Quế-chi phòng-khung thang

桂枝 二ツ

Quế-chi 2 đồng

白芍 三ツ炒

Bạch-thược 3 đồng

防風 二ツ

Phòng-phong 2 đồng

大棗 二枚

Đại-tảo 2 quả

炙草 一ツ

Chích-thảo 1 đồng

生姜 七片

Sinh-khuong 7 nhát

川芎 一ツ半

Xuyên-khung 1 đồng rưỡi

白朮湯

Bạch-truật thang

白朮 三ツ土炒

Bạch-truật 3 đồng

防風 二ツ

Phòng-phong 2 đồng

黃芪 二ツ炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

桂心 一ツ

Quế-tâm 1 đồng

炙草 一ツ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

三陰煎

Tam - âm tiên

熟地 六ツ

Thục-dịa 6 đồng

當歸 三ツ

Đương-quy 3 đồng

白芍 二ツ炒

Bạch-thược 2 đồng

党参 三ツ姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

棗仁 二ツ炒黑

Tảo-nhân 2 đồng

炙草 一ツ

Chích-thảo 1 đồng

六味歸芍湯

Lục-vị quy-thược thang

熟地 八ツ

Thục-dịa 8 đồng

山茱 二ツ酒炒

Sơn-thù 2 đồng

淮山 四ツ炒

Hoài-sơn 4 đồng

茯苓 三ツ

Phục-linh 3 đồng

牡丹 三ツ炒

Mẫu-dơn 3 đồng

當歸 三ツ

Đương-quy 3 đồng

白芍 二ツ炒

Bạch-thược 2 đồng

澤左 一ツ半盞炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

大營煎

Đại - doanh tiên

熟地六リ
Thục-dịa 6 đồng

杞子二リ
Khởi-tử 2 đồng

肉桂一リ
Nhục-quế 1 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng

牛必二リ
Ngưu-tất 2 đồng

杜仲二リ 鹽炒
Đỗ-trọng 2 đồng

炙艸一リ
Chích-thảo 1 đồng

人參建中湯

Nhân - sâm kiến - trung thang

党参三リ 姜炒
Đảng-sâm 3 đồng

炙艸一リ
Chích-thảo 1 đồng

膠飴五リ
Keo-mạch-nha 5 đồng

桂枝一リ 半
Quế-chí 1 đồng rưỡi

大棗二枚
Đại-táo 2 quả

白芍六リ 炒
Bạch-thược 6 đồng

生姜七片
Sinh-khương 7 nhát

参附湯

Sâm - phụ thang

洋参八リ 姜炒
Dương-sâm 8 đồng

製附二リ
Chế-phụ 2 đồng

芪附湯

Kỳ - phụ thang

黃芪八リ 炙
Hoàng-kỳ 8 đồng

製附二リ
Chế-phụ 2 đồng

四味回陽飲

Tứ - vị hồi - dương ẩm

洋参五リ 姜炒
Dương-sâm 5 đồng

炙草一リ 半
Chích-thảo 1 đồng rưỡi

乾姜三リ 炒
Can-khương 3 đồng

製附一リ
Chế-phụ 1 đồng

清 膈 煎

Thanh - cách - tiên

土貝母三リ 菱炒

Thổ-bối-mẫu 3 đồng

陳皮二リ 炒

Trần-bì 2 đồng

胆星二リ

Đảm-tinh 2 đồng

海石二リ

Hải-thạch 2 đồng

白芥子一リ 炒

Bạch-giới-tử 1 đồng

木通一リ

Mộc-thông 1 đồng

痰 飲

28. — Đàm - ẩm

Bệnh đàm ẩm, đờm đặc như hồ là đàm, loãng như nước là ẩm đều là tàn-dịch trong mình người ta, có khi huyết thì có đàm duyên dễ tẩm nhuận cho xương thịt, nhược bằng dùng thuốc tiêu hết đờm đi thời hao tổn khí huyết mà hình thể gầy gò.

Ông Cảnh-Nhạc nói rằng: đờm không sinh ra bệnh nhân có bệnh sinh ra đờm. Nhược bằng chỉ biết trị đàm mà không biết bởi tại đâu sinh ra đàm thời đờm càng nhiều, xét xem chỉ ở hai kinh: tý, thận mà thôi.

Một thứ đờm ở tý-vị thời có hư có thực như là tý thổ phần ẩm thấp hơn, hoặc ăn uống quá thường, không có bệnh khác hư tổn mà sinh đờm thế là bệnh ở con tý ẩm thấp dùng thang *Nhị-trần*, bài *Bình-vị*, bằng như con vị hàn mà sinh đờm thời phải có đầy bụng dùng bài *Hòa-vị-nhị-trần*, bài *Linh-truật-nhị-trần*. Nhược bằng con tý-vị yếu, không hay vận hóa mà sinh nhiều đờm thời ăn uống kém ít và tinh thần mỗi mệt dùng thang *Lục-quán-tử*, bài *Lục vị-di-công*. Nhược bằng tý-vị hư tổn quá mà có nôn mửa nhiều đờm dùng thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị*.

Một thứ đờm ở kinh thận bởi vì nhọc mệt hóa ra đờm. Con thận hư không áp chế được thủy mà nước ứ lên hóa ra đờm thời đờm loãng mà nhiều bọt trắng, dùng bài *Bát-vị*, bài *Lý-âm*. Nhược bằng âm hư hỏa động mà nước sôi thành đờm thời đờm đặc mà đục; hoặc có dải huyết dùng bài *Lục-vị*, bài *Nhất-âm-tiên*.

Một thứ đờm ở kinh phế ho hắng có đờm bởi vì ngoại cảm gió lạnh dùng bài *Lục-an-tiên*. Nhược bằng cảm nặng khí lạnh vào sâu đờm nhiều dùng thang *Tiểu-thanh-long*.

Một thứ đờm ở trên hoành-cách đờm đặc dính như keo phải cho thổ ra dùng bài *Hy duyên-tán*, *Trà điều-tán*.

Một thứ đờm ở trong ruột phải cho hạ đi dùng bài *Cồn-dâm-hoàn*. Như đờm cần ở bên vạng sườn phải thêm vị *Bạch-giới-lử* 2 đồng (白芥子二リ炒)

Như đờm ở màng mỡ dùng nước Trúc-lich 1 chén (竹瀝一盃) hòa nước gừng nửa chén.

如 熱 痰 用

Như Nệt-dâm dùng

風 痰 用

Phong-dâm dùng

寒 痰 用

Hàn-dâm dùng

燥 痰 用

Táo-dâm dùng

鬱 痰 用

Uất-dâm dùng

老 痰 用

Lão-dâm dùng

痰 帶 血 用

Đàm-dải-huyết dùng

黃 芩

Hoàng-cầm,

南 星

Nam-tinh,

肉 桂

Nhục-quế,

麥 門

Mạch-môn,

丹 皮

Đan-bì,

土 貝 母 炒

Thổ-bối-mẫu,

阿 膠

A đao.

知 母

Tri-mẫu

白 附

Bạch-phụ

龍 涎 香

Long-duyên-hương

花 粉

Hoa-phấn

梔 子

Chi-tử

青 礞 石 煨

Thanh mông-thạch

韭 汁

Cửu-trấp

一 次 消 痰 降 火 用

硝 石

青 礞 石 煨

Một thứ tiêu đàm đáng hòa dùng *tiêu-thạch*, *Thanh mông-thạch*

Mỗi vị đều và phân, cùng tán bột, hòa với đường cát trắng đủ gan bàn tay lấy lưỡi nếm rất hiệu lắm.

列 方

Liệt các bài thuốc

二 陳 湯

Nhị-trần thang

茯苓四リ

Phục-linh 4 đồng

法 夏 二リ

Pháp-hạ 2 đồng

陳 皮 二リ 炒

Trần-bì 2 đồng

大 棗 二枚

Đại-tảo 2 quả

炙 草 一リ

Chích thảo 1 đồng

生 姜 五 片

Sinh-khương 5 nhát

和胃二陳煎

Hòa-vị nhị-trần煎

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

法夏一リ半

Pháp-hạ 1 đồng rưỡi

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

炙草七分

Can-khương 1 đồng

Chích-thảo 7 phân

Sa-nhân 7 phân

六味異功散

Lục-vị dị-công tán

党参三リ姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

乾姜一リ炒

Can-khương 1 đồng

理陰煎

Lý-âm煎

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

炙草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

六安煎

Lục-an煎

杏仁二リ

Hạnh-nhân 2 đồng

陳皮一リ半

Trần-bì 1 đồng rưỡi

白芥子一リ炒

Bạch-giới-tử 1 đồng

法夏一リ半

Pháp-hạ 1 đồng rưỡi

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

炙甘草一リ

Chích-thảo 1 đồng

Còn bài Hy-duyên-tán, Trà-diệu tán, Linh-truật-nhị-trần, Lục-quân-lữ đều ở số 15 ĐAM-QUYẾT, Lý-trung-thang, Ôn-vị-âm, Bát-vị-hoàn, Nhất-âm-tiên đều ở số 26 HẠN-NHIỆT.

Bình-vị-tán ở số 18 THỰC-QUYẾT.

小青龍湯

Tiểu - thanh - long thang

麻黃五分

Ma-hoàng 5 phân

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

桂枝二リ

Quế-chí 2 đồng

細辛一リ

Tế-tân 1 đồng

五味七粒炒

Ngũ-vị 7 hạt

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

法夏一リ

Pháp-hạ 1 đồng

CỒN-ĐÀM-HOÀN (hiệu khách có bán)

停飲

29. — Đình - ẩm

Chứng đình-ẩm là nước óc ách trong bụng như có túi đựng, bởi vì con tỳ vị hư hàn, ăn uống đồ sống lạnh không tiêu hóa được và rượu chè quá sức cho nên đình tích lại phải dùng thuốc bỏ tỳ cho lợi tiêu tiện dùng thang Ngũ-linh-tán.

或用 白朮一兩土炒 澤左二兩盞炒

Hoặc dùng Bạch-truật 1 lượng Trạch-tả 2 lượng

(Sắc nước cho uống.)

或用 白朮一兩土炒 桂心五リ 乾姜五リ炒

Hoặc dùng Bạch-truật 1 lượng Quế-tâm 5 đồng Can-khương 5 đồng

(Tán bột luyện mật viên, mỗi bữa uống 2 đồng.)

Một thứ chứng đình ẩm hóa ra nôn khan hoặc nôn dờm rãi, hoặc khi đau mà có sôi bụng dùng thang Tiểu-bán-hạ gia Phục-linh.

五苓散

Ngũ - linh tán

澤左五リ炒

Trạch-tả 5 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

猪苓三リ

Chư-linh 3 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

小半夏加茯苓湯

Tiểu-bán-hạ gia phục-linh thang

法夏五リ

Pháp-hạ 5 đồng

生姜二リ

Sinh-khuương 2 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

再加蒼朮二リ製

名倒蒼法

Lại gia: Xương-truật 2 đồng (Gọi là phép Đảo-xương)

咳 嗽

30. — Khái-thấu

Khái-thấu là bệnh ho hắng thuộc về buồng phổi, tiếng ho không dờm gọi là khái, tiếng ho có dờm gọi là thấu. Chứng này có hai thứ: một là Ngoại-cảm hai là Nội-thương.

Chứng ho Ngoại-cảm, từ chân lòng vào phổi là dương tà dùng thuốc cay nóng phát tán mới khỏi.

Chứng ho Nội-thương ở các tạng mà chuyển vào phổi ấy là bệnh âm dùng thuốc cam-bình bổ âm thời mới khỏi.

Một thứ nhân Ngoại-cảm phát sốt mà ho dùng bài *Sâm-lô-đm*, bài *Lục-an-tiên*, nhược bằng âm hư dùng bài *Kim-thủy-lục-quán*, hoặc bài *Tam-tài-hoàn* gia Sinh-thảo, Kết-cánh, Tử-tô bằng như ho mà nôn ra là trong dạ dày có phục hỏa dùng bài *Thanh-vị-đm*, bài *Từ-âm-tiên*.

Một thứ nhân Nội-thương mà ho, buồng phổi hư thời thổ có tiếng dùng thang *Bồ-phế*, thang *Ninh-phế*; phế nhiệt gia Hoàng-cầm 1 đồng. Nhược bằng tỳ hư ăn uống chẳng tiêu mà ho dùng thang *Lục-quán-từ*.

Một thứ là hỏa thịnh khắc kim mà ho, tâm hỏa thịnh thời lúc ho trong ngực đau và cổ đau dùng bài *Nhị-âm-tiên* gia Kết-cánh 2 đồng. Can hỏa thịnh thời lúc ho hai bên vạng sườn đau và nôn ra, mặt xanh dùng bài *Tam-âm-tiên* gia Mẫu-dơn, Chi-tử, Hoàng-cầm đều 2 đồng. Nhược bằng ho lâu mà đau đến xương sống lưng hoặc có són dái, phải bổ kinh thận, âm hư dùng bài *Lục-vị*, chân dương hư dùng bài *Bát-vị-hoàn* đều gia A-giao, Mạch-môn, ngư-tất, ngũ-vị; hoặc dùng thang *Toàn-chấn-nhất-khi*.

Một thứ ho mất tiếng khi mới cảm phải thanh hỏa dùng bài *Sâm-lô-đm* gia Hoàng-cầm, Hoàng-liên. Bằng như ho lâu mà mất tiếng dùng bài *Thông-âm-tiên* hoặc bài *Lục-vị-hoàn*

cho Thục-địa gấp hai gia A-giao, Mạch-môn, Ngưu-tất; nhược bằng hòa hũ sợ lạnh gia Nhục-quế.

Một thứ ho ra máu dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhật-âm-liên* đều gia A-giao Bạch-thược sao đen đều 2 đồng, nước ngó sen một chén.

Một thứ ho khan không có đờm dùng bài *Nhuận-phê-âm*, bài *Tam-tài-hoàn* phải thêm sữa người, nước quả lê, nhân Hồ-đào, mật ong, A-giao những vị ấy.

Một thứ ho lâu không khỏi lúc dới thời trong bụng đau quá xem môi trên có nốt trắng như mốc là có con trùng cắn buồng phổi thời khiến người bệnh ho mãi mà tiếng khàn dùng 1 cân *Bách-bộ* nấu cao thêm Ô-mai, Bình-lang mỗi thứ 3 lạng ngày uống ba lần, mỗi lần 2 thìa thời con trùng hạ xuống mới khỏi. Như người vẫn có bệnh ho đến mùa đông lại phát dùng phép *Thấu-yên-dông*.

列 方

Liệt các bài thuốc

金 水 六 君 煎

Kim-thủy lục-quân tiên

當 歸 二 兩 半

Đương-quy 2 đồng rưỡi

熟 地 六 兩

Thục-địa 6 đồng

茯 苓 三 兩

Phục-linh 3 đồng

陳 皮 二 兩 炒

Trần-bì 2 đồng

法 夏 一 兩 半

Pháp-hạ 1 đồng rưỡi

炙 草 一 兩

Chích-thảo 1 đồng

三 才 丸

Tam-tài hoàn

熟 地 八 兩

Thục-địa 8 đồng

沙 參 六 兩 姜 炒

Sa-sâm 6 đồng

麥 門 四 兩 炒

Mạch-môn 4 đồng

加 桔 更 二 兩 蘇 葉 一 兩

Gia: Kết-cánh 2 đồng Tô-diệp 1 đồng

炙 甘草 一 兩

Chích-thảo 1 đồng

清 胃 飲

Thanh-vị ẩm

生 地 三 兩

Sinh-địa 3 đồng

牡 丹 二 兩

Mẫu-dơn 2 đồng

白 芍 二 兩 炒

Bạch-thược 2 đồng

石羔一リ儼
Thạch-cao 1 đồng

黃芩一リ
Hoàng-cầm 1 đồng

生草一リ
Sinh-thảo 1 đồng

補肺湯

Bổ-phế thang

沙参六リ姜炒
Sa-sâm 6 đồng

熟地五リ
Thục-dịa 5 đồng

黄芩三リ炙
Hoàng-kỳ 3 đồng

桑白皮二リ炒
Tang-bạch-bì 2 đồng

紫苑二リ
Tử-uyên 2 đồng

五味十粒炒
Ngũ-vị 10 hột

寧肺湯

Ninh-phế thang

熟地五リ
Thục-dịa 5 đồng

沙参四リ姜炒
Sa-sâm 4 đồng

當歸二リ
Đương-quy 2 đồng

白芍二リ炒
Bạch-thược 2 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng

茯苓二リ
Phục-linh 2 đồng

麥門二リ炒
Mạch-môn 2 đồng

桑皮二リ炒
Tang-bì 2 đồng

阿膠二リ炒
A-giao 2 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

五味十粒炒
Ngũ-vị 10 hột

全真一氣湯

Toàn-chân-nhất-khí thang

熟地一朊
Thục-dịa 1 lạng

党参五リ姜炒
Đảng-sâm 5 đồng

白朮三リ土炒
Bạch-truật 3 đồng

麥門三リ炒
Mạch-môn 3 đồng

牛必二リ
Ngưu-tất 2 đồng

製附一リ
Chế-phụ 1 đồng

五味十粒炒
Ngũ-vị 10 hột

通音煎

Thông-âm tiên

款冬花一朊
Khoản-dông-hoa 1 lạng

土貝母一朊姜炒
Thồ-bối-mẫu 1 lạng

胡桃一朊
Hồ đào 1 lạng

Tán bột hòa mật ong 8 lạng, hấp cơm cho chín rồi ngậm.

潤肺飲

Nhuận - phế âm

生地三リ

Sinh-dịa 3 đồng

橘紅皮一リ

Quất-hồng-bì 1 đồng

茯苓一リ

Phục-linh 1 đồng

土貝母二リ 姜炒

Thổ-bối-mẫu 2 đồng

花粉一リ

Hoa-phấn 1 đồng

知母一リ

Tri-mẫu 1 đồng

麥門二リ 炒

Mạch-môn 2 đồng

桔梗一リ

Kết-cánh 1 đồng

炙草七分

Chích-thảo 7 phân

Nhất-âm-tiên ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG

Tứ-âm-tiên, Tam-âm-tiên, Nhị-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Lục-quân-tử ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Lục-an-tiên ở số 28 ĐÀM-ÂM

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn đều ở số 26 HÀN-NHIỆT

嗽煙筒

Thấu - yên - đồng

款冬花二リ

Khoản-dông-hoa 2 đồng

鸞管石二リ

Nga-quản-thạch 2 đồng

雄黃二リ

Hùng-hoàng 2 đồng

Cùng tán bột, lấy 1 nắm lá ngải-cứu vò nát ra; dùng 1 mảnh giấy, dán 1 mỗi ngải-cứu rắc thuốc bột lên, châm lửa hút nuốt khói vào, uống 1 hùm nước để hãm lại.

Lại còn phương nữa

佛耳草二リ

Phật-nhĩ-thảo 2 đồng

款冬花二リ

Khoản-dông-hoa 2 đồng

雄黃五分

Hùng-hoàng 5 phân

鸞管石五分

Nga-quản-thạch 5 phân

Cùng tán bột, hòa lòng trắng trứng gà phết vào tờ giấy phơi khô, quần lại châm lửa hút nuốt khói, hãm bằng nước chè.

喘促

31. — Suyễn - súc

Chứng suyễn-súc thở ra hút vào đều ngắn. Nhiệt suyễn phát về mùa hạ. Hàn-suyễn phát về mùa đông.

Những khi làm lưng khó nhọc thời càng thử lắm; ngồi im thời bớt; trong ngực tức đầy, ăn no thời khó chịu bởi vì nguyên khí suy hư hóa ra bệnh ấy khi mới phát dùng *Hấp-yên-phương* dễ thông hơi trong buồng phổi rồi sau tùy chứng mà cho thuốc.

Một thứ nhiệt suyễn phải cho thuốc mát dùng bài *Nhân-sâm-cáp-giới*, *Nhân-sâm-bại-độc*.

Một thứ hàn suyễn phải cho thuốc nóng dùng bài *Gia-vị-quê-chi*.

Một thứ âm hư phát suyễn dùng bài *Trình-nguyên-âm*

Một thứ dương hư phát suyễn dùng bài *Toàn-chán-nhất-khí* ở số 30.

Một thứ khí hư phát suyễn dùng *Dương-sâm 2 đồng* tán bột hòa 1 cái lòng trắng trứng gà, 1 chén nước lã rồi uống.

列 方

Liệt các bài thuốc

吸 煙 方

Hấp-yên-phương

Hột cà độc-được 4 đồng. Da vàng trong mẽ-gà 2 đồng, xương-truật 1 đồng cùng tán bột, lại dùng hoa cà độc-được phơi khô thái nhỏ lấy mảnh giấy rải hoa cà rắc thuốc bột cuốn lại châm lửa mà hút, hoặc dùng cái điều thuốc lảo, lấy hoa cà dẹt vào nõ rắc thuốc bột lên trên châm lửa mà hút nuốt khói vào, uống hùm nước chè để hãm thời khỏi ngay.

Hoặc dùng một thứ hoa cà hút cũng được.

人 參 蛤 蚧 散

Nhân-sâm cáp-giới tán

蛤蚧一對酒炙

Cáp-giới 1 đôi, (bỏ đầu chân)

杏仁五リ

Hạnh-nhân 5 đồng

桑皮五リ炒

Tang-bì 5 đồng

土貝母五リ姜炒

Thổ-bối-mẫu 5 đồng

茯苓五リ

Phục-linh 5 đồng

沙參一兩姜炒

Sa-sâm 1 lượng

知母五リ

Tri-mẫu 5 đồng

炙甘草二リ

Chích-thảo 2 đồng

Tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, thang bằng nước chè.

人參敗毒散

Nhân - sâm bại - độc tán

沙參姜炒	茯苓	川芎	柴胡	前胡
Sa-sâm,	Phục-linh,	Xuyên-khung,	Sài-hồ,	Tiền-hồ
獨活	枳殼炒	姜活	桔梗	甘艸
Độc-hoạt,	Chỉ-xác,	Khương-hoạt,	Kết-cánh	Cam-thảo
加 黃芩炒	(各 一 リ)			
Gia : Hoàng-cầm	(Đều 1 đồng).			

Tán bột, mỗi bận uống 8 đồng; thang bằng gừng.

加味桂枝湯

Gia vị quế - chi thang

桂枝 二 リ	白芍 三 リ 炒	杏仁 二 リ
Quế-chi 2 đồng	Bạch-thược 3 đồng	Hạnh-nhân 2 đồng
防風 二 リ	川芎 一 リ	炙草 一 リ
Phòng-phong 2 đồng	Xuyên-khung 1 đồng	Chích-thảo 1 đồng
大棗 二 枚	生姜 七 片	
Đại-tảo 2 quả	Sinh-kương 7 nhát	

貞元飲

Trinh - nguyên âm

炙艸 一 リ 半	熟地 一 月	當歸 三 リ
Chích-thảo 1 đồng rưỡi	Thục-dịa 1 lượng	Đương-quy 3 đồng
氣虛 加	洋參 三 リ 姜炒	
Khí-hư gia :	Dương-sâm 3 đồng	
火虛 加	肉桂 一 リ	
Hỏa-hư gia :	Nhục-quế 1 đồng	

定喘驗方

Định - suyễn - nghiệm phương

人乳 一 碗	童便 半 碗
Sữa-người 1 chén	Đồng-tiên 5 phần chén
姜汁 甘 滴	橙汁 十 滴
Nước-gừng 3 phần chén	Nước-quả-chanh 1 phần chén
Hâm nóng uống, 2, 3 bận thời khởi.	

又方

Lại bài nữa

Cắt dê trắng phơi khô, rêu cây cau. Lấy 3 dóng tre non bỏ vào cho nước ngâm một đêm bỏ bã đi lấy nước thổi cơm nếp mà ăn thời khỏi.

哮吼

32. — Háo-hồng

Háo-hống là bệnh kéo hen; trong cổ hẹp nhỏ thở có tiếng dờm. Mỗi khi phát bệnh ba ngày mới khỏi, không nằm được, không ăn được thở như kéo cưa, so vai mờ mắt, bụng lóm, ngực lồi, những người nhân xương hàn mà phát còn dễ chữa, những người thành cổ lật thời khó chữa.

Những khi mới phát dùng bài *Hấp-yên-phương* hoặc bài *Chỉ-suyễn-hoàn* đều là thần hiệu cả, hoặc là có ngoại cảm phát sốt dùng bài *Định-suyễn-thang*. Khi khỏi rồi tùy bệnh mà dùng thuốc bổ. Như dương hư dùng thang *Lục-quán từ-tiên* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT, thang *Lý-trung* ở số 26 HÀN-NHIỆT. Âm hư dùng bài *Nhất-âm-tiên* ở số 26 HÀN-NHIỆT hoặc bài *Lục-vị-quy-thực-thang* ở số 27 KÍNH-BÌNH.

Một thứ trong hoành-cách có ngoan đàm gấp khi lạnh thời học nóng ở trong nên trước khi chưa lạnh; tháng tám tháng chín nên uống nhiều bài *Cồn-dâm hoàn* ở số 28 ĐÀM-ÂM gia *Huyền-minh-phấn* 3 đồng; hoặc thang *Tiểu-thừa-khi* ở số 3 THƯƠNG-HÀN cho hạ cái nhiệt dần đi. Đến mùa đông không có nhiệt dần mà bao được thời bệnh hen không phát lên nữa.

Một phép chữa bệnh hen thần hiệu lắm: khi bệnh sắp phát trước 1 giờ dùng cây hoa móng-nước cả lá dễ bỏ vào nồi sắc nước cho đặc, lấy cái khăn vải chấm nước ấy xát vào xương sống lưng chỗ gần vai lạnh thì lại chấm nước nóng. Xát mãi bao giờ thấy nóng quá mới thôi. Lại dùng:

白芥子三升

Bạch-giới-tử 3 lạng

輕粉三升

Kính-phấn 3 đồng

白芷三升

Bạch-chi 3 đồng

cùng nghiền nhỏ hòa mật ong làm bánh như đồng bạc độ 4,5 cái hơi lửa nóng dán vào đốt xương sống thứ ba nguội lại dán miếng khác, phải cố sức chịu nóng, bệnh nhẹ dán một hai ngày, bệnh nặng dán bốn năm ngày. Bánh khó lại cho

mật luyện lại không cứ là bình tân cực, lâu chóng, hàn, nhiệt đều khỏi cả thật là thần diệu phương thứ nhất. Những vị thuốc phải y như thế không được thêm vào bớt ra.

止喘丸

Chỉ-suyễn hoàn

Thạch-tín 1 lạng tán bột, thịt thăn lợn 4 lạng đã nhỏ trộn vào với thạch-tín, bỏ vào nồi đất dày vung, lấy bùn trát vào cho kỹ đốt lửa nung đỏ, bao giờ thấy hết khói đen thời,thời, lấy ra để nguội thêm 4 lạng đậu-xanh cùng tán cho nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt đậu. Người nhơn mỗi bận uống 4 viên; 10 tuổi 2 viên 5 tuổi 1 viên, từ 3 tuổi giờ xuống không được uống.

定喘湯

Định-suyễn thang

白果廿一枚炒

Bạch-quả 21 quả (sao vàng)

桑皮三リ炒

Tang-bì 3 đồng

款冬花二リ

Khoản-dông-hoa 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

蘇子二リ炒

Tô-tử 2 đồng

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

麻黄一リ

Ma-hoàng 1 đồng

杏仁二リ

Hạnh-nhân 2 đồng

黄芩一リ

Hoàng-cầm 1 đồng

癆 瘵

33. — Lao-sái

Chứng lao-sái các sách gọi là hư lao, hư tổn, hư khiếp, lao thương các tên ấy đều bởi là lao tâm, lao lực và sự tửu sắc quá đà, hao tổn tinh huyết mà âm hư hỏa động, bệnh hóa ra nhiều thứ, nhưng mà hỏa thịnh khắc phế kim, ho lâu chẳng khỏi gọi là bệnh ho lao. Lâu ngày sinh trùng, cũng có chứng lao truyền. Chứng này có năm bệnh lao, sáu bệnh cực, bảy bệnh thương.

Chứng Ngũ-lao. — Phế lao thời thở ngắn, ho dờm, ho ra huyết, tiếng nói khàn, mũi không ngửi thấy gì. Chứng can lao thời mặt mũi khô đen, mắt hoa, tai ù. Chứng tâm lao thời hoảng hốt hay quên, không ngủ được, dễ bồn-bội trộm. Chứng tý lao thời ăn uống không tiêu, da thịt gầy mòn. Chứng thận lao thời phiền táo khát nước, đi tiểu vàng đỏ, hoặc lại trắng đục và di-tinh.

Chứng Lục-cực. — Một là khí cực thời người yếu đuối, trong bụng hư tổn nguyên khí kém, rễ cảm phong hàn. Hai là huyết cực thời người nhàn sắc xấu xa, lông tóc hay rụng. Ba là can cực hay có chuột rút, móng chân tay đều đau. Bốn là cốt cực thời người ốm yếu hay đau răng, rức xương không đứng được lâu. Năm là cơ cực thời người gầy mòn, ăn nhiều không thấy béo. Sáu là tinh cực thời người ít hơi sức, trong ngũ tạng đều suy cả.

Chứng Thất-thương. — No dôi thương tý dân dữ thương can, cổ sức thương thận, khí lạnh thương phế, lo nghĩ thương tâm, sợ hãi thương trí, rét nực thương hình.

Phép chữa bệnh này phải bồi thận thủy, dưỡng tâm huyết, phù nguyên khí, kiện tý vị làm chủ như bài *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị-hoàn*, *Đại-bồ-nguyên*, *Ngũ-phúc-đam*, *Quy-tỳ-thai-g*, *Thập-toàn-đại-bồ* và những vị *Lộc-nhung*, *Lộc-giao*, sửa người, sửa bò. Muốn dùng cho đáng hóa nhuận phế, tiêu đàm như bài *Lao-khái-tư-cao*, bài *Bồi-dưỡng-vinh-vệ-cao*.

Chỉ có chứng ho lao âm hư, đi rửa lồng thực là khó chữa, phải dùng pho Lãn-ông bài *Bồ-dương-tiếp-âm*, bài *Bồ-âm-tiếp-dương*. Xét xem chứng lao-sái này mỗi ngày dần dần tăng lên, không phải ngày một ngày hai hóa nên bệnh ấy, cho nên dùng thuốc không nên dán đoạn, mà chữa không chóng khỏi được. Duy người bệnh phải kiên tâm tiếc lấy tính mệnh, phải tuyệt đường dâm dục ăn uống phải kiêng khem, nhịn sự dạn dữ, bỏ sự phiền não, cẩn thận khi gió lạnh, tỉnh dưỡng vài ba năm phải uống nhiều thuốc đề bồi căn bản, nhược bằng một tí gì bất cẩn thời các bệnh nổi lên.

Bằng đến chứng thanh á nói khàn trong cổ đau ra nhiều dờm, đi rửa lồng, đồ nhiều bồn-bội và thoát-nhục, dầu có thuốc tiên cũng không chữa được. Như thế thì có nên cẩn thận không ???

列 方

Liệt các bài thuốc

Lục-vị-hoàn. Bát-vị-hoàn. Đại-bồ-nguyên, Quy-tỳ-thang. Thập toàn-đại-bồ-thang (đều ở số 1 NỘI-THƯỜNG).
Ngũ-phúc âm (ở số 26 HÀN-NHIỆT).

勞 咳 滋 膏

Lao - khái - tư - cao

熟地十兩	生地四兩炒	薏苡六兩炒
Thục-dịa 10 lượng	Sinh-dịa 4 lượng	Ý-dĩ 6 lượng
麥門五兩	丹參三兩	牛必三兩
Mạch-môn 5 lượng	Đan-sâm 3 lượng	Ngưu-tất 3 lượng
款冬花	地骨皮	紫宛 (每味二兩)
Khoản-dông-hoa, Địa-cốt-bì, Tử-uyên, (mỗi vị 2 lượng)		
乾姜六兩		
Can-khương 6 đồng		

Sắc 3 nước cách thủy đúc thành cao nếu mà không cách thủy thời có hỏa độc uống thời ho lên phải vắt thuốc đi.

Lại dùng:

茯苓二兩	土貝母二兩姜炒
Phục-linh 2 lượng	Thổ-bối-mẫu 2 lượng

Cùng tán bột, lại thêm mật ong 8 lượng hòa lẫn vào, mỗi lần dùng 1, 2 thìa, hòa nước sôi uống.

培 養 榮 衛 膏

Bồi - dưỡng - vinh - vệ cao

熟地十二兩	生地六兩	麥門五兩炒
Thục-dịa 12 lượng	Sinh-dịa 6 lượng	Mạch-môn 5 lượng
天門三兩炒	牡丹三兩	白芍三兩炒
Thiên-môn 3 lượng	Mẫu-dơn 3 lượng	Bạch-thược 3 lượng
地骨皮二兩	牛必二兩	
Địa-cốt-bì 2 lượng	Ngưu-tất 2 lượng	

煎 三 汁 隔 水 煮 膏

Sắc 3 nước cách thủy, đúc thành cao

又加 薏苡六兩炒 党参姜炒 茯苓 茯神
Lại gia : Ý-dĩ 6 lượng Đảng-sâm, Phục-linh, Phục-thần,
阿膠炒 各三兩
A-giao (Đều 3 lượng)

Tán bột, mật-ong 6 lượng, luyện làm viên mỗi bận uống 3 đồng,
nhai nhỏ.

補陽接陰方

Bổ-dương tiếp-âm phương

布正参五兩姜炒 冬朮五兩土炒 熟地五兩炙
Bổ-chính-sâm 5 đồng Đông-truật 5 đồng Thục-dịa 5 đồng
炙草一兩 製附五分
Chích-thảo 1 đồng. Phụ-tử-chế 5 phân.

補陰接陽方

Bổ-âm tiếp-dương phương

熟地一兩 布正参五兩姜炒 冬朮五兩土炒
Thục-dịa 1 lượng Bổ-chính-sâm 5 đồng Đông-truật 5 đồng
白芍三兩 乾姜一兩炒
Bạch-thược 3 đồng Can-khương 1 đồng

二方加減法

Phép gia giảm hai bài

汗多加

Bồ-hôi nhiều thời gia :

黃芪二兩 防風一兩 五味七粒炒
Hoàng-kỳ 2 đồng Phòng-phong 1 đồng Ngũ-vị 7 hạt.

泄瀉多加

Đi-rửa nhiều gia :

淮山四兩 肉豆蔻五分煨
Hoài-sơn 4 đồng Nhục-dậu-khẩu 5 phân

不寐加

Không ngủ được gia :

棗仁二兩炒黑 大棗二枚
Táo-nhân 2 đồng Đại-táo 2 quả

咳血加 側柏葉三リ炒 阿膠三リ炒

Ho có máu gia: Trắc-bách-diệp 3 đồng A-dao 3 đồng

渴多加 麥門三リ炒

Khát nước nhiều gia: Mạch-môn 3 đồng

火虛加 肉桂一リ磨

Hỏa hư gia: Nhục-quế 1 đồng

驗勞重法

Phép nghiệm lao - trùng

Dùng 1 vị Nhũ-hương (乳香) đốt khói hun lưng bàn tay người bệnh, gài tay trái, gài tay phải; lấy khăn mặt lụa trùm trên lòng bàn tay, hun chừng nửa giờ có lông mọc trong bàn tay, sắc trắng rẽ chữa; lông đỏ khó chữa, lông đen không chữa được. Không có lông thời không có trùng.

灸勞重法

Phép cứu lao - trùng

Lấy giấy bản giấp nước dán vào suốt xương sống xem chỗ nào khô trước thời trùng ở đó lấy mực đánh dấu cắt miếng tỏi dán vào về mỗi ngải-cứu bằng bột đậu để lên trên, châm lửa đốt 20 bận tỏi nát rồi lại thay miếng khác Phải để sẵn cái hỏa lò lửa, khi lao trùng ra lấy kim cặp bỏ vào lò lửa hoặc đem chôn đi không sợ bay vào mồm mũi người khác.

除勞重法

Phép trừ lao - trùng

雄黃一リ

Hùng-hoàng 1 đồng

硃砂一リ

Chu-sa 1 đồng

硫黃一リ

Lưu-hoàng 1 đồng

射香一分

Xạ-hương 1 phân

Cùng tán bột hòa với rượu dùng củ tỏi nhón cắt bỏ dễ đi chấm thuốc xát vào xương sống từ dưới sát lên trên phải lần từng đốt một như có chỗ nào đau lắm hoặc chỗ nào sưng lên thời trùng ở chỗ ấy, chấm thuốc xát mãi vào cho đến khi hết thuốc thời con lao trùng chết.

童子癆

Trẻ con lao

Dùng củt mèo ở trên mái nhà đã mọc ra lấy đất bao lại đốt ra than, đem ra lấy bát úp lại để nguội bỏ đất đi rồi tán bột hòa đường cát làm viên mỗi bận uống 3 đồng.

Một thứ lao truyền khi mới phải dùng bài **Thần - thụ tán** (神授散) Xuyên-liệu 3 lạng 川椒三兩炒) sao cho chảy dụa.

Tán bột: mỗi bận uống 2 đồng hoặc lấy rượu quấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh mỗi bận uống 20 viên thêm lên đến 40 viên, thang bằng rượu.

肺癰

34. — Phế - ung

Bệnh phế ung là trong phổi mọc nhọt bởi khi cảm gió lạnh vào trong phổi, hoặc là làm lung khó nhọc hóa ho, tiếng nặng trong ngực hơi đau, cổ khô miệng khát. Bệnh ấy rức xương ống cả hai chân hoặc không rức, như mà ở dưới lưỡi mọc một nốt bằng hạt đậu thể là trong phổi mọc nhọt đó, dùng **Kết-cánh** 3 đồng (桔梗三兩) Sinh-thảo 3 đồng (生草三兩) sắc cho uống bằng như bình bột thời là chứng phế ung không sai nữa dùng một liều thuốc **Tê-hoàng-hoàn** thời khỏi ấy là biết ngay mà chữa đi, một trăm người đều khỏi cả, thường có chứng phế ung dữ vũ thổ ra mủ trắng cũng dùng bài **Tê-hoàng-hoàn** được khỏi cả. Nhược bằng nhà nghèo thời dùng nước dừa cái đã cũ lâu năm cặng hay. Mỗi sớm ngày uống nửa chén thêm nước đậu hủ lẫn vào, uống năm bảy hôm thời trong ngực có một cục dừa lên dừa xuống vài ba bận rồi nôn ra mủ độc, độ vài ngày nôn hết thời khỏi.

驗肺癰法

Phép nghiệm phế - ung

Như chứng phế ung cùng chứng tràng ung đều thổ ra đờm thối dùng bông cuốn vào đầu mảnh gỗ tằm dầu chắm lửa

đốt để người bệnh trông, như chứng phế ung thời trông thấy hóa ra hai ngọn lửa, nhược bằng chứng tràng ung thời chỉ thấy một ngọn lửa thôi.

Như chứng phế ung đã vỡ, ho nhỏ dờm mũi tanh hơi, trong ngực đau ngằm, cổ khô, sưng mà khát nước gân cổ cứng không chuyển được phải dùng thuốc bồi khí huyết mà kiêm bài nung dùng thang *Kết-cánh*, bài *Tứ-uyên-tán*. *Tạo-dác-hoàn*

犀黃丸

Tê - hoàng hoàn

乳香一兩炒

Nhũ-hương 1 lạng

牛黃三分

Ngưu-hoàng 3 phân

沒藥一兩炒

Một-dược 1 lạng

射香三分

Xạ-hương 3 phân

Tán bột luyện cơm, viên. Mỗi bữa uống 2 đồng, thang bằng rượu.

桔更湯

Kết - cánh thang

桔更

Kết-cánh,

桑皮炒

Tang-bì,

黃蘗炙

Hoàng-kỳ,

土貝母姜炒

Bối-mẫu,

防風

Phòng-p ong,

枳殼炒

Chỉ-xác,

當歸

Đương-quy,

杏仁

Hạnh-nhân,

意苡炒

Ý-dĩ,

瓜蒌仁

Qua-lâu-nhân

百合炒

Bách-hợp,

生草

Sinh-thảo

(各二リ)

(Đều 2 đồng)

加 白芷二リ

Gia : Bạch-chỉ 2 đồng

紫苑散

Tứ - uyên tán

沙參三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

阿膠二リ炒

A-dao 2 đồng

土貝母一リ半姜炒

Bối-mẫu 1 đồng rưỡi

桔更三リ

Kết-cánh 3 đồng

生草二リ

Sinh-thảo 2 đồng

五味十粒炒

Ngũ-vị 10 hạt

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

紫苑二リ

Tứ-uyên 2 đồng

知母一リ半

Tri-mẫu 1 đồng rưỡi

加 白芷二リ

Gia : Bạch-chỉ 2 đồng

皂角丸

Tạo - dác hoàn

Tạo-dác 2 lạng sao cháy (皂角二兩炒焦)

Tán bột luyện mật viên bằng bột đậu nhỏ. Mỗi bận uống 3 viên. Thang bằng táo-tàu sắc nước.

肺癰神方

Phế - ung thần phương

蛤蚧一双酒炙 阿膠炒 鹿膠炒 犀角磨

Cáp-dôi 1 đôi (bỏ đầu chân) A-dao, Lộc-dao, Tê-dác,

羚羊角磨 (各二リ半)

Linh-dương-dác. (Hều 2 đồng rưỡi)

Sắc bằng nước sông; hai thứ sừng phải mài.

又方

Lại bài nữa

玄参八リ

Huyền-sâm 8 đồng

天明四リ炒

Thiên-môn 4 đồng

桔梗二リ

Kết-cánh 2 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng

Đồ nước dày đun cạn một nửa thêm:

蒲公英二リ

Bồ-công-anh 2 đồng

金銀花二リ

Kim-ngân-hoa 2 đồng

Lại cùng sắc nước uống. Như mới phải thời tiêu vỡ rồi thời khỏi.

又方

Lại bài nữa

黄芪一リ炙

Hoàng-kỳ 1 đồng

白朮一リ

Bạch-cập 1 đồng

金礞一リ

Kim-ngân 1 đồng

陳皮一リ二分炒

Trần-bì 1 đồng 2 phần

桔梗一リ

Kết-cánh 1 đồng

薏苡五リ炒

Ỗ-dĩ 5 đồng

甘草節一リ二分

Cam-thảo-tiết 1 đồng 2 phân

七貝母一リ六分姜炒

Thỏ-bối-mẫu 1 đồng 6 phân

亭 藎 八 分

Đình-lich 8 phân

生 姜 三 片

Sinh-khương 3 nhát

Mới phải bỏ Hoàng-kỳ (黃 芪).

Đã vỡ, gia : Dương-sâm 2 đồng (洋 参 二 リ 姜 炒).

Lâu không khỏi, gia : Vỏ cây Hồng-bụt 1 đồng (檳 榔 皮 一 リ)
hoặc dùng vỏ cây Dạ-hợp cũng được (夜 合 樹 皮)

又 方

Lại bài nữa

Ý-dĩ 4 lạng tán bột, sắc gạo nếp làm thang hòa uống. Hoặc nấu cháo Ý-dĩ mà ăn.

又 方

Lại bài nữa

Vỏ cây Dạ-hợp (夜 合 樹 皮) Bạch - liễm (白 欬)

Hai vị bằng nhau sắc nước uống.

肺 痿

35. — Phế - nuy

Chứng phế nuy là buồng phổi khô héo, bởi vì phế ung vỡ rồi, lâu mãi không khỏi, ho ra máu mủ tanh hôi trong ngực chừng đầy hóa ra thở lảm, ăn uống kém đi, không ngủ được, đồ nhiều mồ-hôi, ghê sốt, ghê rét, hình thể gầy mòn cổ đau, mất tiếng là chứng nguy lắm dùng Qua-lâu-nhân 20 hột, (瓜 蒌 仁 廿 粒) Hạnh-nhân 20 hột (杏 仁 廿 粒). Bao đất ngoài nung đỏ cho hết khói lấy ra để nguội bỏ đất ngoài đi thêm Xuyên-bối-mẫu 20 hột (川 貝 母 廿 粒).

Cùng tán bột, mỗi bận uống 2 đồng hòa mật ong, thang bằng bắc.

薏苡散

Ý - dĩ tán

當歸

Đương-quy

黃芩

Hoàng-cầm

百部

Bách-bộ

五味九粒炒

Ngũ-vị 9 hột

白芍炒

Bạch-thược

麥門炒

Mạch-môn

(各二リ)

(Đều 2 đồng).

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát

沙參炒

Sa-sâm

桑皮炒

Tang-bì

黃芪炙

Hoàng-kỳ

薏苡炒

Ý-dĩ

人參養肺湯

Nhân - sâm dưỡng phế thang

沙參三リ炒

Sa-sâm 3 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

杏仁二リ

Hạnh-nhân 2 đồng

枳寔五分炒

Chỉ-thực 5 phân

阿膠二リ炒

A-dao 2 đồng

五味九粒炒

Ngũ-vị 9 hột

前胡一リ

Tiền-hồ 1 đồng

土貝母二リ姜炒

Bối-mẫu 2 đồng

桑皮二リ炒

Tang-bì 2 đồng

桔梗二リ

Kết-cánh 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

Một thứ phế nuy thuộc hàn, mạch thời trầm yếu, chóng mặt mà không khát nước dùng thang *Lý-trung*.

理中湯

Lý - trung thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

炙草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

血 症 論 治

Huyết chứng luận trị

Hết thầy các chứng thất huyết thời không giống nhau mà phép chữa cũng chẳng khác. Khi huyết động lên mà đi trái đường kinh mạch là nhân tại hỏa cùng khí mà thôi. Song mà hỏa có thịnh suy khí có hư thực phải xét kỹ mà dùng thuốc bổ tả. Khi mới phải bởi vì nhọc mệt động hỏa khí nghịch huyết theo trước phải dùng thuốc thanh giáng để chấn áp rồi lại xét xem như âm hư thì phải bổ dùng những vị thuần hòa, khí hư thời phải bổ dùng những vị cam ôn, còn những vị cay đắng quá thời không nên dùng như thế mới là ổn đáng.

吐 血

36. — Thở - huyết

Chứng thở huyết đều bởi hỏa thịnh mà bức máu đưa ngược lên; hỏa thịnh vừa dùng thang *Tê-dác địa-hoàng* ở số 21 TỬ-QUYẾT hoặc bài *Thanh-hóa-âm* ở số 26 HÀN-NHIỆT; hỏa thịnh lắm dùng bài *Trừu tân-âm* cũng ở số 26, bài *Hoàng-liên-giải-độc* cũng ở số 26 nhưng bằng vị hỏa nóng lắm, thì khát nước, rức đầu dùng thang *Bạch-hồ* ở số 26 HÀN-NHIỆT bài *Ngọc-nữ-tiên* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Nhược bằng thở huyết nhiều quá ra cả mũi, chảy như nước suối thì nguy lắm dùng *Độc-sâm-thang* ở số 4 TRUNG-PHONG, hoặc là dùng *Dương-sâm* 1 lượng tâu nhỏ thêm bột ngô - sen 3 đồng, hoặc là bột sắn 3 đồng quấy như hồ loãng cho uống nhược bằng thở huyết mãi không thôi cho uống nước tiểu trẻ con 1 chén, hoặc dùng bài *Hoa-nhĩ thạch-tán*; hoặc dùng lá Trắc-bách-diệp cho đồng tiện vắt lấy nước, thêm 3 giọt rượu cho uống.

Một thứ thở huyết phiền táo muốn mát, lại khát nước, đau cổ tiểu-tiện đỏ, đại-tiện rắn dùng bài *Nhĩ-âm-tiên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, bài *Gia-giảm-nhất-âm* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

Một thứ thở huyết nhân có lao thương không phải hỏa động, không phải khí nghịch ấy là chân âm hư dùng bài *Nhất-âm-tiên*, bài *Lục-vị-hoàn* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

Một thứ uống rượu nhiều quá mà thở huyết dùng thang *Tĩ-tân-âm* ở số 26 HÀN-NHIỆT, bài *Cát-hoa-giải-tĩnh* gia Hoàng-liên 2 đồng Mẫu-đơn 2 đồng ở số 16 TỬ-QUYẾT.

Một thứ dạn uất thương can mà thổ huyết dùng bài *Hóa-can-tiên*, bài *Thanh-hóa-âm* gia *Chi-tử* 2 đồng ; hai bài này đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Một thứ lo nghĩ quá sức thương tổn tâm tỳ mà thổ huyết dùng bài *Ngũ-âm-tiên*, thang *Quy-tỳ* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Một thứ dâm dục quá lắm âm thịnh cách dương mà thổ huyết, mạch trầm, chân tay lạnh dùng bài *Chấn-âm-tiên* ở số 17 SẮC-QUYẾT bài *Bát-vị-hoàn* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Một thứ nhân nắng lắm mà thổ huyết dùng bài *Sinh-mạch-tán*, bài *Hoàng-liên-hương-nhu* ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

Một thứ thổ ra huyết đen, tỳ dương hư dùng thang *Lý-trung* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, tỳ âm hư dùng bài *Lý-âm-tiên* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Nước bằng huyết đen thành cục dùng thang *Từ-vật* ở số 1 NỘI-THƯƠNG gia *Hương-phụ*, *Nhục-quế*, *Tô-mộc*, *Hồng-hoa*. Những chứng thổ huyết lâu không khỏi dùng bài *Ngẫu-tiết-tán*, *Thập-hối-tán*, bài *Hoa-nhị-thạch-tán*, bài *Huyết-chứng-thần-phương*.

列 方

Liệt các bài thuốc

花 蕊 石 散

Hoa - nhị - thạch tán

花蕊石三月煨

Hoa-nhị-thạch 3 lạng, nung cho đỏ dễ nguội, tán bột mỗi bữa uống 3 đồng ; hòa đồng tiện (là nước tiểu trẻ con) hâm nóng uống. Đạn ông thêm 5 giọt rượu. Đạn bà thêm 10 giọt giấm thanh.

藕 節 散

Ngẫu - tiết tán

藕汁 生地汁 大蓯汁 各一碗

Nước ngó-sen, nước sinh-dịa, nước đại-kế (Đều 1 chén (3 vị ấy đun ra cho thêm nước vào vắt lấy nước) Mật ong 5 lạng, hòa lẫn hâm nóng, mỗi bữa uống 1 chén nhỏ.

十 灰 散

Thập-hôi tán

大薊 小薊 栢葉 荷葉 茅根 茜根

Đại-kế, Tiểu-kế, Bách-diệp, Hà-diệp, Mao-căn, Thiến-căn,

梔子 牡丹 川大黃 棕 櫚 皮

Chi-tử, Mẫu-dơn, Đại-hoàng, Tung-lư-bì

Các vị bằng nhau sao cháy tán bột, mỗi bận uống 2 đồng dùng Ngẫu trấp (là nước ngó sen), La-bặc-trấp là nước củ cải) và nước mực tàu hòa lẫn mà uống. Mùa không củ cải, lấy bột dầm ra cho nước vào vắt lấy nước.

血 症 神 方

Huyết chứng thần phương

Lá hẹ tươi, ngó sen, lá sen tươi, lá trắng-bách điệp tươi, củ sinh-địa 5 thứ bằng nhau dã cho nhỏ, thêm nước vào rồi vắt lấy nước, hâm nóng cho thêm hai ba mươi giọt nước mực tàu, uống độ 1 chén.

Như khi thổ huyết sắc thuốc chữa kịp dùng quy-thân 3 đồng nhai nhỏ mà nuốt, thời cũng chỉ được huyết.

衄 血

37. — Nục-huyết

Chứng nục huyết là chứng đồ máu mũi thường gọi là đồ máu cam bởi vì trong bụng lửa nóng phần nhiều ở kinh dương-minh (dạ-dầy) phải giáng hỏa thanh nhiệt làm chủ, nưư nóng ít dùng bài Thanh-hóa-âm, thang Tế-dác-địa-hoàng nóng lắm dùng bài Trừu tân-âm, bài Thiến-căn-thang, bằng có rức đầu khát nước dùng thang Bạch hổ, bài Ngọc-nữ-tiên hoặc nóng quá mà đại tiện táo kết dùng thang Bạt-tụy-tế-dác-địa-hoàng.

Một thứ máu cam nhân ngoại cảm thời có phát sốt tà ở kinh thái-dương dùng thuốc phát tán cho ra mồ-hôi thời máu cam khỏi, phải theo mục Thương-hàn số 3 mà chữa.

Một thứ máu cam nhân nội-thương bởi vì nhọc mệt quá và sự tửu sắc điều là chứng âm hư dùng bài Nhất-âm-tiên, bài Lục-vị-hoàn.

止衄法 Phép chỉ nục

Như máu cam ra nhiều quá dùng củ tỏi đâm ra nặn bằng đồng tiền dày 1 phân, dán vào gan bàn chân. Lỗ mũi bên tả chảy máu thì dán vào bên hữu; lỗ mũi bên hữu chảy máu thì dán bên tả. Hai lỗ cùng chảy dán cả vào hai bên.

Lại dùng hoa thạch lựu và rêu tường, nút lỗ mũi, nước ngó sen hoặc nước củ cải, nước lá xa-tiên rửa vào lỗ mũi, vị long-cốt nung đỏ, hương sen khô đốt cháy đều tán bột thổi vào lỗ mũi; hoa cỏ danh sắc nước uống; than nhọ chảo hòa nước uống.

Hoặc dùng sợi chỉ buộc ngón tay giữa, đốt thứ hai chỗ khớp, lỗ mũi bên tả buộc tay bên hữu lỗ mũi bên hữu buộc tay bên tả. Hai bên cùng chảy thì buộc cả hai. Hoặc dùng một nắm rêu tường dặt vào trên thóp, ấn thóp vào vách một chỗc thời khỏi ngay.

Hoặc lấy máu cam người bệnh, vẽ giấy chấm máu rồi chấm vào đầu con mắt tả lưu điểm hữu, hữu lưu điểm tả, hai bên điểm cả hai.

Hoặc dùng lá hẹ một nắm đâm vắt lấy nước, hâm nóng cho uống.

Hoặc dùng nồi đất cũ hơ lửa cho ngửi.

衄血不止 Nục huyết bất chỉ

Như chứng đổ máu mũi mãi không cầm được dùng một sợi bấc tẩm dầu chắm lửa đốt vào huyết. *Thiều-thương* cầm lập tức. Huyết ấy ở bên trong đầu ngón tay cái chỗ cạnh móng. Bên tả chảy đốt tay bên tả; bên hữu chảy đốt tay bên hữu phép này bên nào đốt bên ấy. Hai bên cùng chảy đốt cả hai. Nhược bằng nửa giờ lại chảy lại cứ huyết ấy đốt lại, nhược bằng nồi phồng bọc nước, nhể nước ra lại đốt sau cho uống bài *Ngái-bách-đm*; bài này uống 2, 3 thang khỏi tiết hẳn không bao giờ phát nữa, thực là hiệu nghiệm lắm; hoặc dùng bài *Tứ-sinh-hoán* cũng hiệu lắm.

七竅出血

Thất khiếu xuất huyết

Như tai, mắt, mồm, mũi đều chảy máu cả, bệnh ấy gọi là: thượng hư hạ kiệt, một chốc thời nguy, không kịp dùng thuốc; lấy nước lã phun vào mặt vài ba hớp, lại rẽ tóc ra phun vào đầu, nhước bằng không có tóc lấy giấy dóm đắp nước đắp vào thóp, khỏi rồi cho uống bài *Bồ-huyết-thang*, nhước bằng trúng độc mà thất khiếu xuất huyết dùng *Thích-vị-bì* (刺蝟皮) là da con dím đốt cháy tán bột hòa rượu uống 3 đồng.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tê-dác địa-hoàng ở số 21 THI-QUYẾT.

Thanh-hóa âm Bạch-hồ thang, Nhất-âm tiên, Lục-vị hoàn đều ở số 26 HÀN-NHIỆT

Ngọc-nữ tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

茜 根 散

Thiến - căn tán

茜 根 二リ

Thiến-căn 2 đồng

栝 葉 二リ

Trắc-bách-diệp 2 đồng

阿 膠 二リ 炒

A-dao 2 đồng

黃 芩 二リ 炒

Hoàng-cầm 2 đồng

生 地 二リ

Sinh-địa 2 đồng

生 草 七 分

Sinh-thảo 7 phân

援 萃 犀 角 地 黃 湯

Bạt tụy tê - dác - địa - hoàng thang

犀 角 二リ 磨

Tê-dác 2 đồng

川 黃 連 一リ

Hoàng-liên 1 đồng

生 地 三リ

Sinh-địa 3 đồng

川 大 黃 三リ 煨

Đại-hoàng 3 đồng

黃 芩 一リ

Hoàng-cầm 1 đồng

艾 栢 飲

Ngải - bách ẩm

艾 葉 一 升 半	淮 山 二 升 炒	生 地 五 升
Ngải-diệp 1 đồng rưỡi	Hoài-sơn 2 đồng	Sinh-địa 5 đồng
牡 丹 一 升 半 炒	山 茱 一 升 半 酒 炒	蓮 肉 二 升 炒
Mẫu-đơn 1 đồng rưỡi	Sơn-thù 1 đồng rưỡi	Liên-nhục 2 đồng
栢 子 仁 一 升 半 去 油	澤 左 一 升 盞 炒	
Bách-tử-nhân 1 đồng rưỡi	Trạch-tả 1 đồng	
生 荷 葉 一 張 (枯 不 用)		
Lá-sen-tươi 1 tàu (Khô không dùng)		

四 生 丸

Tứ - sinh hoàn

生 地	生 艾 葉	生 栢 葉	生 荷 葉
Sinh-địa,	Lá-ngải tươi,	Lá-trắc-bách-diệp tươi,	Lá-sen tươi
(各 五 升)			
(Đều 5 đồng)	Đâm làm viên, mỗi bận uống 3 đồng.		

補 血 湯

Bồ - huyết thang

黃 芪 一 兩 炙	當 歸 五 升	沒 香 五 分 磨
Hoàng-kỳ 1 lượng	Đương-quy 5 đồng	Trầm-hương 5 phân
水 煎 服	如 童 便 一 盃	
Sắc nước uống,	hòa đồng tiện 1 chén	

咳 血

38. -- Khái - huyết

Chứng khái-huyết là ho ra máu, máu ấy ở trong tạng cho nên ho mãi mới ra máu. thực là bệnh nội-thương đã quá lắm. Song mà chứng khái huyết với thẩu huyết thực không giống nhau phải chia ra làm hai thứ mà chữa.

Một thứ khai huyết ít dờm bởi vì tân dịch khô mà ho lâu mới thấy huyết nên bổ thận nhuận phế dùng bài *Tứ-âm-tiên*, bài *Lục-vị-hoàn* cho uống.

Một thứ thiếu huyết dờm nhiều bởi vì nước ứ lên thời ho chóng thấy huyết ngay. Phải ôn thận bổ tỳ dùng bài *Song-bồ-tỳ-thận-hoàn*, thang *Toàn-châu-nhất-khi*.

Xét xem chứng khai huyết cũng là bệnh lao bởi vì sự tửu sắc quá lắm cho nên dờm có khai huyết, phải nên khi mới ho trị trước đi như dùng bài *Nhất-âm-tiên*, *Tam-lai-hoàn*, bài *Tứ-âm-tiên*, bài *Lục-vị-hoàn*. Hoặc như có lửa nóng thời thêm một ít Hoàng-cầm, Hoàng-liên ; phải ăn uống kiêng khem cần thận mới khỏi được

列 方

Liệt các bài thuốc

四 陰 煎

Tứ - âm tiên

熟地五リ

Thực-dịa 5 đồng

白芍二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

加 牛 必

Gia : Ngưu-tất

麥門三リ 炒

Mạch-môn 3 đồng

百合二リ 炒

bách-hợp 2 đồng

沙参三リ 姜 炒

Sa-sâm 3 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

桑皮 炒

Tang-bì

阿 膠

A-dao

(各二リ)

(Đều 2 đồng).

六 味 丸

Lục - vị hoàn

熟地八リ

Thực-dịa 8 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

淮山四リ 炒

Hoài sơn 4 đồng

澤左一リ 鹽 炒

Trạch-tả 1 đồng

牡丹三リ 炒

Mẫu đơn 3 đồng

(去 山 茱)

(bỏ Sơn-thù đi)

加 麥門三リ 炒 牛 必

Gia : Mạch-môn 3 đồng Ngưu-tất

白芍炒 黑 阿 膠 炒

Bạch-thược A-dao

(各二リ)

(Đều 2 đồng)

双補脾腎丸

Song bổ tỳ thận hoàn

熟地六リ

Thục-dịa 6 đồng

牡丹二リ炒

Mẫu-dơn 2 đồng

兜絲三リ製

Thỏ ty 3 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

破故一リ炒

Phá-cổ 1 đồng

山茱五分炒

Sơn-thù 5 phần

澤左一リ盞炒

Trạch-tả 1 đồng

加 杜仲三リ盞炒 續斷二リ炒 阿膠二リ炒

Gia Đỗ-trọng 3 đồng Tục-đoạn 2 đồng A-dao 2 đồng

全真一氣湯

Toàn-chân - nhất - khí thang

熟地六リ

Thục-dịa 6 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

五味十粒

Ngũ-vị 10 hạt

白朮三リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

牛必二リ

Ngưu tất 2 đồng

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

製附五分

Chế-phụ 5 phần

加 破故一リ炒 栝葉二リ炒

Gia Phá-cổ 1 đồng Trắc-bách-diệp 2 đồng

一陰煎

Nhất âm tiên

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

麥門二リ炒

Mạch-môn 2 đồng

天草一リ

Chích-thảo 1 đồng

生地二リ

Sinh-dịa 2 đồng

丹参二リ

Đan-sâm 2 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

牛必二リ

Ngưu-tất 2 đồng

三才丸

Tam - tài hoàn

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

加 梨漿一盃

Gia Lê-trương 1 chén

沙参六リ姜炒

Sa-sâm 6 đồng

藕汁一盃

Ngẫu-trấp 1 chén

麥門四リ炒

Mạch môn 4 đồng

咯 血

39. — Khắc - huyết

Chứng khắc huyết là khắc ra máu bởi máu ở trong cồ khắc một cái ra ngay, không có sự ho thổ nóng sốt thời là bệnh nhẹ.

Một thứ nhân lửa nóng mà khắc ra máu nên thanh tỳ phế dùng bài *Thanh-hóa-âm*, hoặc bài *Tứ-âm-tiên* thêm hoàng-cầm hoàng-liên đều 1 đồng. Nhược bằng mỗi một mà khắc ra huyết dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiên* gián phục thang *Quy-tỳ* thêm những vị chỉ huyết.

Một thứ sáng ngày mới dậy có nhò ra máu, hoặc thành hòn, thành cục, bởi vì lo nghĩ uất kết hoặc tửu sắc quá độ, như mà không ho hắng thời không sợ, dùng bài *Thiên-vương-bồ-tâm* hoặc bài *Nhị-âm-tiên* sắc cho uống.

Quy-tỳ thang ở số 10 *CHƯ-RU-CHỨNG*.

Nhị-âm tiên, *Thiên-vương-bồ-tâm* ở số 1 *NỘI-THƯƠNG*.

Thanh-hóa âm ở số 26 *HÀN-NHIỆT*.

Nhất-âm tiên, *Tứ-âm tiên*, *Lục-vị* hoàn đều ở số 38 *KHÁI-HUYẾT*.

止 血 藥

Chỉ huyết dược

阿膠炒 白芍炒黑 地榆 荆芥炒黑 續斷 栝葉
白芨 蓮藕

A-dao, Hắc-thược, Địa-du, Kinh-giới, Tục-đoạn, Bạch-diệp,
Bạch-cập, Liên-ngẫu

溺 血

40. — Niện - huyết

Chứng niện-huyết là di tiểu ra máu, huyết ấy ra có ba thứ :
hai thứ ở niện không ra, một thứ ở tinh không ra

Một thứ huyết ở niệu-không từ bong-bóng mà ra thì gần lúc đi tiểu thì tức mà đau, nước tiểu đỏ có máu ấy là hạ tiểu hỏa thịnh hóa ra thể phải thanh lỏa ở bàng-quang dùng bài *Thanh-niêu tán* hoặc dùng bài *Thất-chính tán*, bài *Đại-phân-thanh ẩm*, bài *Ngũ-lâm tán*.

Một thứ huyết ở niệu - không từ ruột non mà xuống thì xa khi đi tiểu không đau mà máu theo nước tiểu ra hoặc có đau âm ỷ ở trên rốn hoặc có nóng ở trong tạng phủ dùng bài *Lục-đầu ẩm* hoặc bài *Trừu - tán ẩm* bỏ hoàng-bá, thêm hoàng-liên hoặc dùng bài *Bát-chính tán*.

Một thứ huyết ở tinh-không, từ tinh cung huyết hải mà ra, gốc ở mệnh-môn bởi vì lao thương mà động huyết thời huyết ở tinh-không mà ra, phải biện bạch rõ Bệnh ở bàng-quang thì huyết theo niệu-không mà ra, đau ở ngọc-hành là đau ở ngoài, bệnh ở mệnh-môn thời huyết theo tinh-không mà ra đau ở bụng dưới chỗ tinh xuất là đau ở trong. Nhược bằng hỏa thịnh dùng bài *Tư-âm bát-vị* gia thiển-căn, hòe-hoa, cốt-bì, sinh-địa đều 2 đồng Nhược bằng hỏa suy thời sợ lạnh mà đi rữa lỏng dùng bài *Bát-vị hoàn* hoặc bài *Hữu-quy-ẩm* đều thêm tục-doạn, bạch-diệp đều 2 đồng, ngũ-vị 10 hột.

列 方

Liệt các bài thuốc

清 濁 散

Thanh - niệu tán

生地三リ 白芍二リ炒 牛必二リ 梔子二リ炒
知母二リ 麥牙二リ炒 竜胆一リ 黄伯一リ 炙
水通一リ 左澤一リ炒

加 防 己 二リ

Sinh-địa 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Tri-mẫu 2 đồng, Mạch-nha 2 đồng, Long-dõm 1 đồng, Hoàng-bá 1 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Trạch-tả 1 đồng.

Gia: Phòng-ký 2 đồng

七 正 散

Thất-chính-tán

車前 木通 赤苓 梔子炒 龍胆 扁蓄 生草稍

(各二リ) 加 燈心一束 竹葉十片

Xa-tiên, Mộc-thông, Xích-linh, Chi tử, Long-dõm, Biền-súc, Sinh-thảo sao (Đều 2 đồng).

Thêm 1 con bắc, 10 lá Trúc-diệp

五 淋 散

Ngũ-lâm-tán

赤苓二リ 赤苓二リ 梔子二リ炒黑 木通一リ半

滑石一リ半 生草一リ半 茵陳一リ 竹葉十片

Xích-thược 2 đồng, Xích-linh 2 đồng, Chi tử 2 đồng, Mộc-thông 1 đồng rưỡi, Hoạt-thạch 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng rưỡi, Nhân-trần 1 đồng, Trúc-diệp 10 lá.

八 正 散

Bát-chính-tán

車前炒 木通 活石 梔子炒黑 麥芽炒黑 扁蓄

生草 大黃煨 (各二リ)

Xa-tiên, Mộc-thông, Hoạt-thạch, Chi tử, Mạc-nha, Biền-súc, Sinh-thảo, Đại-hoàng (Đều 2 đồng).

Đại-phân thanh, Trừu-tân-âm, Hữu-quy-âm, Tư-âm-bát-vị đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Lục-đậu-âm : (luộc đậu xanh mà ăn).

便 血

41. — Tiện-huyết

Chứng tiện-huyết là đi đại-tiên ra huyết; phần nhiều lửa nóng ở trong ruột huyết ra trước gọi là tràng-phong, huyết ra sau gọi là tạng-dộc.

Những chứng huyết vọng hành phần nhiều thuộc về hỏa, cũng có tý, vị hư tổn mà không nhiếp được huyết, lại có khí hư hãm mà huyết cũng hãm, cũng có bệnh di đường tiết mãi không khỏi mà động đến huyết, cũng có phong-tà kết vào âm-phận mà tiện-huyết, phải xét xem các chứng hư thực thể nào mà dùng thuốc.

Một thứ nhân lửa nóng mà hạ huyết, dùng bài *Ước-doanh-tên* hoặc bài *Địa-du tán*, bài *Hỏa-hoa tán*; nhược bằng nóng quá dùng bài *Triều-tân ẩm*, bài *Hoàng-liễn giải độc thang*.

Một thứ đại tràng phong nhiệt mà hạ huyết không khỏi dùng bài *Phòng-phong hoàng-ẩm*, nhược bằng chứng tạng độc mà hạ huyết lâu không khỏi dùng bài *Tạng-liễn hoàn*, bài *Chư-tạng hoàn*.

Một thứ tý, vị khí hư mà hạ huyết, hoặc có lợm động nôn mửa dùng bài *Thọ-tỳ tiên*, bài *Dưỡng-trung-tiên*, nhược bằng khí hư hạ hãm mà huyết không khỏi, dùng thang *Bồ-trung-ích-khi* bài *Cử-nguyên tiên*.

Một thứ đau ốm đã lâu, già cả yếu đuối mà hạ huyết không khỏi dùng bài *Thắng-kim hoàn*, bài *Hương-mai hoàn*.

Một thứ kết âm mà tiện - huyết bởi cảm gió lạnh kết vào âm-phận không phải như chứng thương hàn dùng bài *Bình-vị-địa-du*.

Một thứ nhân uất nộ thương can mà tiện-huyết dùng bài *Hóa-can tiên* thang *Hoàng-cầm thực-dược*.

Một thứ nhân tửu độc thấp nhiệt kết vào đại-tràng mà tiện huyết dùng bài *Tụ-kim hoàn*, bài *Hỏa-giác hoàn*, nhược bằng hàn thấp trong bụng lạnh mà tiện huyết dùng bài *Nhị-truật-tiên* hoặc thang *Tứ-quán-tự* hay là thang *Cát - hoa - giải - linh* càng tốt lắm.

Một thứ nhân nội - thương nhọc mệt mà tiện huyết thời có nôn mửa, đau bụng đi rửa, ghê sốt ghê rét, ăn uống chẳng ngon, hoặc uống nhầm thuốc hàn lương thời nguyên khí hư mà hạ huyết đen thời nguy lắm phải cho ôn bổ dùng thang *Tứ-vị-hồi-dương* hoặc bài *Lục-vị hồi-dương* đề cứu đó.

列 方

Liệt các bài thuốc

約 營 煎

Ước - doanh - tiên

生地三リ 白芍二リ 續斷二リ炒 地榆二リ
槐花一リ半 荊芥一リ炒黑 黃芩一リ半
生草八分 烏梅二葉

Sinh-địa 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Tục-đoạn 2 đồng, Địa-du 2 đồng, Hòe-hoa 1 đồng rưỡi, Kinh-giới 1 đồng Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 8 phân, Ô-mai 2 quả.

地 榆 散

Địa - du tán

地榆 黃連 茜根 黃芩炒 茯苓 梔子炒黑
(各二リ)

Địa-du, Hoàng-liên, Thiến-căn, Hoàng-cầm, Phục-linh, Chi-tử đều 2 đồng.

槐 花 散

Hòe - hoa tán

槐花炒 栝蘂炒 荊芥炒黑 枳壳炒 (各三リ)
Hòe-hoa, Bạch-diệp, Kinh-giới, Chi-xác (đều 3 đồng).

Tán bột mỗi bận uống 2 đồng.

防 風 黃 芩 丸

Phòng - phong hoàng cầm hoàn

防風二兩 黃芩二兩

Phòng-phong 2 lượng Hoàng-cầm 2 lượng

Tán bột luyện hồ làm viên mỗi bận uống 3 đồng.

臙 連 丸

Tạng-liên hoàn

黃連四兩 槐花一兩 枳壳五リ炒 防風 粉甘艸
槐角炙 牙皂角燒 木香 (各二リ半)

Hoàng-liên 4 lạng, Hòe-hoa 1 lạng, Chi-xác 5 đồng, Phòng-phong, Cam-thảo, Hòe-dác, Nha-tạo-dác, Mộc-hương (đều 2 đồng rưỡi).

Cùng tán bột để riêng ra; Lại dùng gạo trần-mễ 2 lạng, Hương-phụ 3 đồng (陳米二合炒 香附三リ炒)
Đều tán bột, dùng ruột già lợn 1 thước rửa sạch bỏ trần-mễ, hương-phụ vào thắt chặt lại, bỏ nồi ninh rừ đem ra giã nhỏ hợp với các vị kia, luyện làm viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng nước cơm.

猪 膽 丸

Chư - tạng hoàn

Dùng một khúc ruột già lợn thồi phồng lên rồi phơi khô; lấy hòe-hoa 4 lạng (槐花四兩) sao vàng tán bột bỏ vào cái ruột già ấy rồi thắt hai đầu lại cho vào nồi đồ giấm thanh vào ninh rừ đem ra giã nhỏ luyện bột bánh khảo làm viên, mỗi bận uống 3 đồng.

壽 脾 煎

Thọ - tỳ tiên

党参三リ姜炒 白朮二リ土炒 當歸二リ
淮山二リ炒 棗仁一リ半炒黑 乾姜一リ炒
炙朮一リ 建志五分製 蓮肉十粒炒

加 烏梅二果 地榆二リ

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Tảo-nhân 1 đồng rưỡi, Can-khương 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Viễn-chí 5 phân, Liên-nhục 10 hạt.

Gia: Ô-mai 2 quả, Địa-du 2 đồng.

攀 元 煎

Cử - nguyên tiên

党参五リ姜炒 黃芪三リ炙 白朮二リ土炒
升麻一リ 炙草一リ

Đảng-sâm 5 đồng, Hoàng-kỳ 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

勝金丸

Thắng - kim hoàn

Bách-dược-tiên 3 lạng (百藥煎三兩) 1 lạng dễ sống, 1 lạng sao vàng, 1 lạng sao đen. Tán bột luyện hồ làm viên, mỗi bận uống 3 đồng. Sắc Dương-sâm 3 đồng làm thang.

香梅丸

Hương - mai hoàn

百藥煎炒焦 烏梅 白芷 (各一兩)

Bách-dược-tiên, Ô-mai, Bạch-chỉ (đều 1 lạng)

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 3 đồng. Sắc Dương-sâm 3 đồng làm thang.

平胃地榆湯

Bình - vị - địa - du thang

蒼朮製 厚樸炒 陳皮炒 炙艸 兗參姜炒

白朮土炒 茯苓 白芍炒 當歸 升麻 葛根

神曲 乾姜炒 香附 (各一兩) 地榆二兩 生薑三片

Xương-truật, Hậu-phác, Trần-bì, Chích-thảo, Đẳng-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Bạch-thược, Đương-quy, Thăng-ma, Cát-căn, Thâm-khúc, Can-khương, Hương-phụ (đều 1 đồng). Địa-du 2 đồng, Sinh-khương 3 nhát. (Sắc nước uống)

二朮煎

Nhị-truật tiên

白朮三兩土炒 蒼朮製 白芍炒 茯苓 (各二兩)

陳皮一兩半炒 澤左一兩半盞炒 厚樸 一兩

乾姜一兩炒 炙草一兩 木香五分

Bạch-truật 3 đồng, Xương-truật, Bạch-thược, Phục-linh (đều 2 đồng), Trần-bì 1 đồng rưỡi, Trạch-tả 1 đồng rưỡi, Hậu-phác 1 đồng Can-khương 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Mộc-hương 5 phân. (Sắc nước uống)

黃芩芍藥湯

Hoàng-cầm thược - dược thang

黃芩二リ炒 白芍六リ 生草一リ
Hoàng-cầm 2 đồng, Bạch-thược 6 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

聚金丸

Tụ - kim hoàn

黃芩二兩 防風二兩 黃連四兩
Hoàng-cầm 2 lạng Phòng-phong 2 lạng, Hoàng-liên 4 lạng (2 lạng dễ sống, 2 lạng tẩm rượu sao vàng).
Cùng tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

槐角丸

Hòe-dác hoàn

槐角炙 黃芩 地榆 當歸 防風 枳殼炒 (各五リ)
Hòe-dác, Hoàng-cầm, Địa-du, Đương-quy, Phòng-phong, Chi-xác (đều 5 đồng).
Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

Dương trung-tiên, Bồ-trung-ích-khi, Tứ-quân-tử-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Cát-hoa giải tỉnh ở số 16 TỬU-QUYẾT.

Hóa-can-tiên, Lục-vị-hồi dương đều ở số 26 HÀN-NHIỆT

Tứ-vị-hồi dương ở số 27 KÍNH-BỊNH.

齒 齲

42. — Xi-nục

Chứng xỉ nục là chân răng chảy máu, lại gọi là nha-luyên, chứng này có phong ủng, vị nhiệt, thậm hư 3 thứ:

Một thứ phong-ủng thời máu ra ít dùng bài *Tiểu-phong-tán* ngoài lấy Tế-tân, Ngũ-bội dầm-phèn đều 3 phân (細辛, 五倍胆礬 (各三分) Tán bột xát vào.

Một thứ vị nhiệt thời huyết ra nhiều quá, chỉ người hay uống rượu thường có bệnh ấy dùng bài *Thanh-vị-tán*.

Một thứ thận hư thời thỉnh-thoảng huyết ra một vài giọt mà răng thì đau. Những người nhiều dâm dục hay có bệnh ấy dùng bài *An-thận-hoàn*, nhược bằng âm hư cực nhiệt, máu ra mãi không thôi, bằng không trị ngay thời nguy dùng bài *Lục-vị-hoàn* khứ Sơn-thù, thật là thần phương, ngoài dùng bã-đậu-phu đắp vào.

Một thứ tất cả hai hàm răng cùng chảy máu, — 3 chứng trước chỉ có một hai cái răng chảy máu mà thôi, chứng này là mẩn sàng xuất huyết, lúc có lúc không, phải dùng Cam-châu Khởi-tử (甘州杞子)

Tán bột sắc làm thang, súc miệng rồi nuốt đi, nhược bằng chưa khỏi lại dùng bã-đậu đắp vào. Hoặc dùng củ cải ngâm vào mồm nhai, nóng thời lại nhổ ra thay miếng khác.

消風散

Tiêu phong tán

沙参姜炒 炙草 防风 川芎 姜活 荆芥
薄荷 蝉蜕 姜蚕 茯苓 (各二リ)

皮陳一リ炒 厚樸一リ炒

Sa-sâm, Chích-thảo, Phòng-phong, Xuyên-khung, Khương-hoạt, Kinh-giới. Bạc-hà, Thuyền-thuế, Khương-tâm Phục linh (đều 2 đồng) Trần-bì 1 đồng, Hậu-phác 1 đồng.

清胃散

Thanh-vị tán

生地三リ 川黃連二リ 升麻一リ 當歸一リ
牡丹一リ炒

加 白芍 梔子炒黑 石羔燉 (各二リ)

Sinh-dịa 3 đồng, Hoàng-liên 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng Đương-quy 1 đồng, mẫu-dơn 1 đồng.

Gia; Bạch-thược, Chi-tử, Thạch-cao (đều 2 đồng)

安 腎 丸

An - thận hoàn

淮山三リ炒 白朮三リ土炒 茯苓三リ 肉桂
川烏 茯苓製 巴戟 破故炒 萆薢 石斛
白茯苓 (各一リ) 桃仁十粒

Hoài-sơn 3 đồng Bạch-truật 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế, Xuyên ô, Thong-dong, Ba-kịch, Phá-cổ, Tỳ-giải, Thạch-hộc, Bạch-tật-lê (đều 1 đồng), Đào-nhân 10 hạt.

Tán bột luyện làm viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng nước muối.

Lục vị hoàn ở số 26 HÀN-NHIỆT.

舌 衄

43. — Thiệt-nục

Chứng thiệt-nục là lưỡi chảy máu, trên lưỡi tự nhiên chảy máu như sợi chỉ hoặc như lỗ dùi dùng Hương-nhu tươi đâm vắt lấy 1 chén nước ngày uống ba bận, không có tươi dùng Hương-nhu khô 5 đồng sắc lấy 4 chén.

Bằng như trên lưỡi chảy máu phun ra nhiều, bôi tẩm-hỏa bốc lên dùng bài Lục-vị-hoàn, khứ Sơn-thủ, gia Hòe-hoa 3 đồng, bài này ở số 26 HÀN-NHIỆT. Ngoài dùng nhọ chảo nghiền nhỏ bôi vào. Hoặc dùng Mao-căn (茅根), Xa-tiền (車前), Loạn-phát (亂髮) đốt cháy, cùng tán bột xát vào. Hoặc dùng Hoa-hòe sao khô tán bột rắc vào, hay dùng tóc rối đốt cháy tán bột hòa dấm thanh bôi vào.

癰 疽

44. Cơ-nục

Chứng cơ-nục là ngoài da thịt có chảy máu, những chỗ chân lông chảy máu bởi vì lửa nóng uất ở trong nên khai uất thanh nhiệt, tư âm giáng hỏa dùng bài Gia-giảm-nhất-âm

thêm Hoàng-cầm, Hoàng-liên đều 1 đồng, bài này ở số 10 CHƯ-NH-CHUNG-BIỆN; ngoài dùng miếng thịt lợn nạc dán vào, bì lợn cũng được, hoặc dùng vẩy tê-tê sao vàng, tán bột rắc vào lấy vải buộc lại, rồi lại uống bài BỒ-HUYẾT ở số 37 NỤC-HUYẾT. Hoặc dùng giấy bít hũ rượu xé nhỏ đắp vào, hay dùng giấy rơm đốt ra than rắc vào.

Một thứ trước ngực có một lỗ thường chảy máu gọi là tâm-lậu dúng: Lộc-nhung 1 lạng 鹿茸一月酒炙 Phụ-tử-chế 3 đồng (製附三リ)

Cùng tán bột, thêm tí muối, đâm táo-tàu luyện lặt viên, mỗi bận uống 3 đồng.

Một thứ trong tai chảy máu gọi là nhĩ huyết, dùng Long-cốt (龍骨) nung đỏ tán bột rắc vào hoặc là xác rắn đốt cháy tán bột rắc vào.

Một thứ trong rốn chảy máu dùng bài Lục-vị hoàn ở số 26 HÂN-NHIỆT khứ Sơn-thù (去山茱, gia Cốt-toái 2 đồng (加骨碎二リ蜜炙) Lại dùng bắc tằm dầu đốt huyết thiếu-thương.

Một thứ đánh đập hoặc ngã chảy máu bị thương quá phải uống ngay một chén đồng tiện, ngoài dùng thịt lợn, vẩy tê-tê hai phương ấy. Nhược bằng trong mồm có thò huyết ra, dùng lá sen khô tán bột thang bằng nước chè, uống 1 đồng; lại dùng 1 bát nước đường trắng uống vào càng hay lắm, rồi lại dùng Tứ-vật-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG; Gia: Hồng-hoa, Đào-nhân, Tô mộc (đều 1 đồng).

加 紅花 桃仁 蘇木 (各一リ)

汗 症

45. — Hân-chứng

Hân chứng là đổ mồ-hôi. Mồ-hôi là nước trong quả tim cũng là huyết đó. Những khi thức mà ra mồ-hôi gọi là tự-hân, những khi ngủ mà ra mồ-hôi gọi là đạo hân (mồ-hôi trộm).

Tự hân thuộc dương hư, đạo hân thuộc âm hư ấy là phép dạy đại khái, đến như bệnh biến thời không nhất định phải xét xem trong mình hỏa thịnh đồ nhiều mồ-hôi là âm hư, trong mình lạnh mà có mồ-hôi là dương hư, như thế mới phải.

Một thứ chứng âm hư tự hân hoặc đạo hân có bệnh nóng sốt phiền khát hoặc đại-tiên táo, yếu lạnh, ghét nóng dùng

bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiến*, Nhược bằng tâm hỏa động mà phiền táo dùng bài *Chu-sa-an-thần hoàn* bài *Thiên-vương-bồ tâm*.

Một thứ dưỡng hư đạo hãn hoặc tự hãn trong mình không có chứng gì nhiệt mà mạch cũng không hồng xác dùng :
 Dương-sâm 3 đồng Hoàng-kỳ 2 đồng, Bạch-truật 3 đồng
 Ngũ-vị 10 hột.

洋參三リ姜炒 黄芪二リ炙 白朮三リ土炒
 五味十粒炒

Nhược bằng lạnh lắm thêm Chế-phụ 5 phân (製附五分)
 hoặc dùng thang *Hoàng-kỳ-kiến-trung*. Nhược bằng khi hư hỏa suy dùng bài *Đại-bồ-nguyên* bài *Lục-vị-hồi-dương*.

Một thứ tâm khí bất túc, tý khí cũng hư, nằm ngủ chẳng yên, ăn uống nhạt nhẽo thường đổ mồ hôi dùng thang *Quy-tỳ bổ Mộc-hương*, (木香) gia Ngũ-vị 10 hột (五味十粒炒).

Một thứ vệ khí hư chân lòng rã mà mồ hôi rễ đổ cũng là Âm hư dùng thang *Hoàng-kỳ-lục-nhất*, bài *Ngọc-bình-phong-tán*, thang *Đương-quy-lục-hoàng*, thang *Kỳ-phụ*, bài *Chỉ-hãn-tán*, phương *Phác-hãn*, bài *Độc-thắng-tán*, chọn lấy mà dùng.

止汗諸味

Các vị chỉ hãn

麻黄根 烏梅 浮小麦 五味 龍骨 牡蠣
 黄芪 防風 肉桂

Ma-hoàng-căn, Ô-mai, Phù-tiểu-mạch, Ngũ-vị, Long-cốt, Mấu-lệ, Hoàng-kỳ, Phòng-phong, Nhục-quế.

Những bệnh gần nguy đổ mồ hôi mà thở lắm : mồ hôi như dầu, mồ hôi trán như hạt châu đều là chứng bất trị.

列方

Liệt các bài thuốc

黃芪建中湯

Hoàng - kỳ kiến trung thang

黃芪三リ炙 桂枝二リ 白芍六リ炒 大棗二枚
炙草一リ 生姜十片 膠飴五リ

Hoàng-kỳ 3 đồng, Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 6 đồng, Đại-táo 2 quả, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-khương 10 nhát, Kẹo mạch-nha 5 đồng.

黃芪六一湯

Hoàng - kỳ lục nhất thang

黃芪六リ炙 炙草一リ

Hoàng-kỳ 6 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

玉屏風散

Ngọc - bình - phong tán

黃芪五リ炙 白朮三リ土炒 防風三リ

Hoàng-kỳ 5 đồng, Bạch-truật 3 đồng, Phòng-phong. 3 đồng

當歸六黃湯

Đương-quy lục - hoàng thang

當歸二リ 黃芪二リ炙 生地 熟地 麥冬炒

黃柏炙 川黃連 (各一リ)

Đương quy 2 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng Sinh-dịa, Thục địa
Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Hoàng-liên (đều 1 đồng).

止汗散

Chỉ hãn tán

炙草一リ 党参姜炒 白朮土炒 茯苓 黃芪炙
當歸 (各二リ)

Chích-thảo 1 đồng, Đảng-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Hoàng-kỳ, Đương quy, (đều 2 đồng).

撲汗方

Phác - hãn phương

牡蠣煨 麻黃根 赤石脂煨 竜骨煨 糯米粉
(各二リ)

Mẫu-lệ, Ma-hoàng-căn, Xích-thạch chi, Long-cốt, Cám gạo-nếp (đều 2 đồng).

Tán bột, bọc lụa đập vào soa vào.

獨勝散

Độc - thắng tán

五倍二リ炒 加 枯礬五分

Ngũ-bội 2 đồng, (tán bột) gia Khô-phèn 5 phần.

Hòa nước bột đắp vào rốn, lấy thắt lưng buộc vào cho khỏi rơi.

Lục-vị-hoàn, Nhất-âm-tiên Lục-vị-hồi-dương đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Kỳ-phụ-thang ở số 27 KINH BÌNH.

Chu-sa-an-thần-hoàn ở số 22 TÀ-TỴ.

Đại-bổ-nguyên, Thiên-vương-bổ-tâm, Quy-tỳ-thang đều ở số 1 NỘI THƯƠNG.

飲食

46. — Âm - thực

Sự ăn uống mà sinh bệnh bởi ăn cho thích khẩu, chẳng biết kiêng khem cho nên con tý, vị thụ thương, những thương về các vị nóng thành ra hỏa chứng, thương về các vị lạnh hóa ra ngưng trệ, chữa bệnh này xem mới phải hay là đã lâu và hư thực thể nào mà dùng thuốc.

Một thứ dinh trệ ở trung tiêu phát chương mà dau ấn vào càng dau lắm là chứng thực dùng bài Đại-hòa trung cho tiêu đi hoặc thang Đại-khí-âm cũng hay lắm. Nhược bằng ngưng

ở thượng tiêu phải dùng *Thổ-pháp* cho nôn ra như bài *Trà-diều-tán*. Nhược bằng ở hạ tiêu bụng dưới đau mà tức lăm phải cho hạ đi. Như trong bụng nóng dùng bài *Tiểu-thừa-khi*, trong bụng lạnh dùng thang *Cẩm-ứng-hoàn* hoặc *Bị-cấp-hoàn*.

Một thứ thương về những vị sống lạnh hóa ra đau bụng nôn mửa, đi rửa lỏng dùng bài *Ưu-phù-tiên* hoặc bài *Hòa-vị-đm*, nhược bằng tức đầy mà đau lăm dùng bài *Thần-hương-tán*.

Một thứ vị thực tích đã tiêu hết mà tý vị hãy còn thụ thương, hoặc có nôn oẹ dùng bài *Hương-sa-lục-quản* hoặc thang *Lý-trung*.

Một thứ ăn nhiều mà đói luôn là can mộc thái quá lảng khắc tý thổ phải dùng vẩy sắt là vị *Sinh-thiết-lạc* 1, 2 đấu (生鐵落) đun lấy nước để mà sắc thuốc dùng bài *Ngũ-vị-dị-công*, thang *Tứ-quản-tứ*. Nhược bằng ăn nhiều mà gầy là vị hỏa xát cổ dùng bài *Thanh-vị-đm* gia Tri-mẫu 2 đồng Nhược bằng vị hỏa nóng quá lăm ăn buong miệng lại đói, uống buong mồm lại khát, hoặc là da thịt nóng, đại, tiểu-tiên táo kết cũng dùng bài *Thanh-vị-đm* gia Đại hoàng 3 đồng.

Một thứ tửu thấp thương tý sinh ra đờm rãi, nôn mửa, đi rửa mãi không khỏi phải nên trừ thấp lợi thủy dùng thang *Cát-hoa-giải-tĩnh* hoặc *Ngũ-linh-tán*, *Vị-linh-thang*

Một thứ tửu nhiệt thương âm hóa ra phiền táo dùng thang *Hoàng-cầm-thực-dược*, thang *Thanh-hóa*, bài *Tỷ-lân-đm*.

Một thứ ăn những vị nóng thành ra hỏa chứng dùng bài *Lục-dậu-đm* hoặc thang *Hoàng-cầm-thực-dược*.

各 味 消 食

Các vị tiêu thực

山查炒黑 麥芽炒黑 神曲姜炒 沙仁炒
厚樸姜炒 蘿蔔炒 蒼朮製 枳寔炒 陳皮炒

Sơn-tra, Mạch-nha, Thảo-khúc, Sa-nhân Hậu-phác, La-bặc Xương-truật, Chỉ-thực, Trần-bì.

列 方

Liệt các bài thuốc

感應丸

Cảm - ứng hoàn

木香 丁香 肉豆蔻煨 百草霜 (各三リ)

杏仁三十粒 乾姜二リ炒 巴豆十五粒去油

Mộc-hương, Đinh-hương, Nhục-dậu-khẩu, Bách-thảo-xương (đều 3 đồng), Hạnh nhân 30 hột, Can-khương 2 đồng, Ba-dậu 15 hột.

Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu. Mỗi bận uống 3 viên.

備急丸

Bị - cấp hoàn

巴豆去油 大黃煨 乾姜炒 (各三リ)

Ba-dậu, Đại-hoàng, Can-khương (đều 3 đồng).

Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu. Mỗi bận uống 2 viên.

神香散

Thần - hương tán

白豆蔻炒 砂仁炒 丁香 (各五リ)

Bạch-dậu khẩu, Sa-nhân, Đinh-hương, (đều 5 đồng).

Táo bột, mỗi bận uống 5 phân, hòa nước sôi.

和胃飲

Hòa - vị ẩm

厚樸 四リ姜炒 陳皮二リ炒 乾姜二リ炒

炙草一リ半

Hậu-phác 4 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng, Chỉch-thảo 1 đồng rưỡi.

香砂六君湯

Hương-sa lục-quân thang

党参三リ 姜炒 白朮二リ 土炒 茯苓二リ
法夏二リ 陳皮二リ 藿香一リ 沙仁一リ 炒
炙草一リ

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Hoắc-hương 1 đồng, Sa-nhân 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng

五味異功散

Ngũ-vị dị-công tán

党参四リ 姜炒 白朮二リ 土炒 茯苓二リ
陳皮一リ 半炒 炙艸一リ

Đảng-sâm 4 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

胃苓湯

Vị-linh thang

蒼朮製 厚樸炒 陳皮炒 白朮土炒 豬苓
澤左炒 茯苓 (各二リ) 炙草一リ 肉桂一リ
Xương-truật, Hậu-phác Trần-bì, Bạch-truật, Chư-linh, Trạch-tả, Phục-linh (đều 2 đồng) Chích-thảo 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng.

黃芩芍藥湯

Hoàng-cầm thược-dược thang

黃芩二リ 炒 白芍五リ 炒 生艸一リ

Hoàng-cầm 2 đồng Bạch-thược 5 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

Ưu-phù-tiên ở số 7 THƯƠNG-THU.

Ngũ-linh tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Tiểu-thừa-khí ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Bài-khí-âm ở số 13 KHÍ-QUYẾT.

Cát hoa giải tỉnh ở số 16 TỬU QUYẾT.

Đại-hòa-trung âm ở số 18 THỰC QUYẾT.

Tứ quân-tử ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lý-trung-thang, Thanh hóa-thang Tỷ-tân-âm đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Thanh-vị-âm ở số 30 KHÁI-THẤU.

Trà-diệu-tán ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

脾 胃

47. — Tỷ - vị

Con tỷ vị là cái bễ chứa cơm nước sinh ra khí huyết, được mạnh khỏe cho nên người ta từ trẻ đến già đều nhờ công tỷ vị bồi dưỡng. Trong ngũ-tạng lục-phủ cũng đều được nhờ cả, thế thời con tỷ vị rất can hệ cho người ta lắm, đến khi có bệnh thời ăn uống kém ít và không tiêu hóa, chân tay mỗi mệt hoặc nôn mửa đi rửa và các bệnh khác sinh ra phải phân hư thực mà dùng thuốc.

Một thứ con vị hư ăn uống nhạt nhẽo không ngon miệng và không thấy đói, không muốn ăn dùng thang *Tứ-quân-tử* như trong bụng lạnh dùng thang *Ngũ-quân-tử*.

Một thứ tỷ dương hư mà ăn không vận Lúa được dùng thang *Gia-giảm-lục-quân* hay thang *Quy-tỷ*, bằng như hỏa hư ăn uống không tiêu thường hay đi rửa lỏng mà sợ lạnh dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu quy ẩm*.

Một thứ tỷ âm hư thời ăn uống đều hòa, trong bụng không lạnh và không thấy lợm nôn chua cồ, chỉ những lúc ăn cơm rồi, dần dần đầy tức, hoặc có hơi khát nước và đi rửa thời lạnh, hoặc hơi táo nên dùng bài *Bổ-tỷ-ẩm*.

Một thứ nhâu tích trệ mà khí hư hạ bầm, mỗi mệt hay nằm dùng thang *Bổ-trung-tích-khí*, hoặc tỷ âm hư mà đầy bụng dùng thang *Bổ-âm-tích-khí*.

Một thứ ăn nhiều vị nướng và rán cho nên vị khẩu khô ráo dùng thang *Bồi-thổ-cổ-trung*, nhược bằng trong con vị có lửa nóng thì ăn vào lại nôn ngay ra dùng bài *Thanh-vị-dm*. Nhược bằng con tỷ âm thấp mà đi rửa lỏng dùng bài *Vị-linh-thang*. Nhược bằng có thực tích bụng đầy mà đau dùng bài *Đại-hòa-trung*. Nhược bằng con vị hư hàn mà có nôn ọe dùng bài *Hương-sa-lục-quân*.

列 方

Liệt các bài thuốc

加 減 六 君 湯

Gia giảm lục-quân thang

党参三リ 姜炒 白朮二リ 土炒 陳皮一リ 炒

茯苓二リ 炙草一リ 熟地三リ 乾姜一リ 炒

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Trần-bì 1 đồng, Phục-linh 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Thục-dịa 3 đồng, Can-khương 1 đồng.

補 脾 陰 方

Bồ-tỳ-âm phương

党参三リ 姜炒 冬朮二リ 土炒 淮山三リ 炒

炙草一リ 熟地五リ 炙 當歸二リ

Đảng-sâm 3 đồng, Đông-truật 2 đồng, Hoài-sơn 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Thục-dịa 5 đồng, Đương-quy 2 đồng.

培 土 固 中 湯

Bồi-thổ-cổ-trung thang

熟地六リ 白朮一朮 土炒 乾姜二リ 炒

炙草一リ 半

Thục-dịa 6 đồng, Bạch-truật 1 lượng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

Tứ-quân-tử, Quy-tỳ-thang, Bát-vị-hoàn, Bỗ-trung-ích-khí, Bỗ-âm-ích-khí, Hữu-quỳ-âm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
 Ngũ-quân-tử, Đại-hòa-trung đều ở số 18 THỰC-QUYẾT.
 Thanh-vị-âm ở số 30 KHÁI-THẤU.
 Vị-linh-thang, Hương sa-lục-quân đều ở số 46 ÂM-THỰC.

胃 風

48. — Vị - phong

Chứng vị-phong bởi vì gió vào trong tràng vị cho nên đi rửa nguyên hột cơm không tiêu hóa dùng bài *Vị-phong-thang*. Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng: « gió vào trong dạ dày như là thuận gió giương buồm »; chẳng đợi vận hóa ăn vào ra ngay dùng *Quê-chi-thang*

胃 風 湯

Vị - phong thang

党参三リ 姜炒 白朮二リ 土炒 茯苓二リ
 白芍二リ 炒 當歸二リ 肉桂一リ 川芎一リ
 Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Xuyên-khuang 1 đồng.

桂 枝 湯

Quế - chi thang

桂枝二リ 白芍三リ 炙艸一リ 生姜一リ
 大棗二果
 Quế chi 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-khương 1 đồng, Đại-táo 2 quả

惡 心

49. — Ổ - tâm

Chứng ổ-tâm lợm nôn ở trong dạ-dầy dùn lên, muốn nôn mà không nôn ra được. Nhược bằng hàn, thấp, ngưng, trệ dùng bài *Ôn-vị-âm*, bài *Hòa-vị-nhi-trần*, hoặc như có ăn vị gì độc mà tanh hơi phải dùng *Thỗ-pháp* cho nôn ra. Nhược bằng hỏa thịnh phiền táo dùng thang *Trúc-diệp-thạch-cao*.

Thỗ-pháp (dùng *Trà-diệu-lân* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT).

和 味 二 陳 湯

Hòa vị nhi - trần thang

茯苓三リ 法夏二リ 陳皮二リ 炒 乾姜一リ 炮
砂仁一リ 炒 炙草一リ

Phục-linh 3 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-kương 1 đồng, Sa-nhân 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Trúc-diệp-thạch-cao thang ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

噯 氣

50. — Ái - khí

Ái khí là ợ hơi. Hơi ấy ở trong dạ-dầy ra những khi ăn no mà ợ thời không ngại gì, nhược bằng con vị hàn trệ thường có ợ dùng thang *Thập-vị-bảo-hóa*, bằng có thực tích dùng bài *Ôn-vị-âm* ở số 5 TRÚNG-HÀN. Nhược bằng tý thận hư hàn thỉnh thoảng ợ luôn, trong bụng tức đầy dùng bài *Lý-âm-tiến* ở số 28 ĐÀM-ÂM, bài *Bát-vị-hoàn* ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

十味保和湯

Thập vị bảo hòa thang

党参三リ 姜炒 白朮二リ 土炒 茯苓二リ
陳皮炒 法夏 砂仁炒 藿香 香附炒 (各一リ 半)
炙草七分 木香五分 加 生姜三片

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì Pháp-hạ, Sa-nhân, Hoắc-hương. Hương-phụ (đều 1 đồng rưỡi). Chích-thảo 7 phần, Mộc-hương 5 phần. Gia Sinh-khương 3 nhát.

吞酸

51. — Thôn-toan

Chứng thổ toan là nhờ ra chua, ăn uống vào trong dạ-dầy khí hư không vận hóa được, đình tích đã lâu, trong ấm thấp sinh ra nóng khi thấp nhiệt huân chưng cho nên thổ ra chua.

Chứng thôn toan cũng bởi cơm nước không tiêu mà ứ lên cổ thổ ra không được phải nuốt vào thời thấy chua cho nên gọi là *thôn-toan*.

Chứng này phải xét hư thực mà dùng thuốc

Một thứ người ít tuổi, khỏe mạnh, con tỳ vị chưa suy, hoặc nhân gió lạnh, phạm vào con vị hoặc là ăn uống đình tích mà hóa ra chua dùng bài *Hòa-vị-âm*, hoặc bài *Hoắc-hương-an-vị*. Nhược bằng thấp nhiệt quá dùng bài *Thủ-liên-hoàn*, hoặc là hàn thấp hơn dùng bài *Ngô-thù-du-hoàn*, thang *Nhị-trần-ngô-thù*

Một thứ người nhiều tuổi yếu đuối. tỳ vị khí hư ăn uống kém ít thường có chứng chua cổ phải ôn bổ tỳ vị dùng thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị-âm*, bài *Thận-truật*. Nhược bằng hạ tiêu hỏa suy dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Lý-âm-tiên*.

和胃飲

Hòa - vị âm

厚樸四リ 姜炒 陳皮二リ 炒 乾姜二リ 炒
炙草一リ

Hậu-phác 4 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

藿香安胃散

Hoắc - hương an - vị tán .

藿香二リ 党参五リ 姜炒 陳皮二リ 炒
丁香二リ 生姜十片

Hoắc-hương 2 đồng, Đảng-sâm 5 đồng, Trần-bì 2 đồng, Đinh-hương 2 đồng, Sinh-khương 10 nhát.

茱連丸

Thù - liên hoàn

川黃連一兩酒炒 黃芩土炒 陳皮炒 吳茱酒炒
蒼朮製 (各五リ) 加 茯苓五リ

Hoàng-liên 1 lượng, Hoàng-cầm, Trần-bì, Ngô thù, Xương-truật, (đều 5 đồng), Gia : Phục-linh 5 đồng.

Tán bột quấy hồ thần-khúc, viên, mỗi bận uống 2 đồng.

二陳吳茱湯

Nhị - trần ngô - thù thang

吳茱五リ酒炒 茯苓三リ 法夏二リ 陳皮二リ 炒
炙草一リ

Ngô-thù 5 đồng, Phục-linh 3 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

吳茱萸丸

Ngô - thù - du hoàn

吳茱一兩酒炒 麥牙炒黑 神曲 蒼朮製 陳皮炒
肉桂 (各五リ)

Ngô-thù 1 lượng Mạch-nha, Thần-khúc, Xương-truật, Trần-bì, Nhục-quế (đều 5 đồng).

Tán bột quấy hồ viên mỗi bận uống 2 đồng.

Lý trung thang, Bát-vị-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ôn-vị ấm ở số 5 TRUNG-HÀN.

Lý âm-tiên ở số 28 ĐAM-ÂM.

聖 朮 煎

Thánh - truật tiên

冬朮八リ土炒 乾姜二リ炒 陳皮二リ炒
肉桂一リ

Đông-truật 8 đồng, Can-khương 2 đồng, Trần-bì 2 đồng,
Nhục-quế 1 đồng.

饅 雜

52. — Tào - tạp

Chứng tào-tạp tưởng như trong bụng trống không như là không có vật gì, tựa hồ đói mà không đói; như là đau mà không phải đau; buồn bực không ra bệnh gì lúc phát lên chốc lại khỏi. Cổ phương có dùng những thuốc tiêu đàm giáng hỏa, tôi trộm nghĩ rằng: trong bụng không khoáng có dờm dàu mà tiêu; như đói như đau thực là tý hư nên bổ, chứng này bởi vì khí huyết tiêu hao tý vị hư tổn hóa ra thế nên dùng thang Quy-tỷ ở số 1 Nội-thương hoặc thang Bát-trân ở số 26 HÀN-NHIỆT, bằng có kiểm chứng gì nên xét xem mà chữa.

呃 逆 噦 氣 辨

Ách - nghịch uế - khí biện

Xét xem một chứng ách-nghịch đời xưa không có tên ấy, ở pho nội-kinh vua Hoàng-đế thời gọi là uế, xem phép chữa lấy cổ châm vào lỗ mũi thời biết là khác nhau, về sau các ông hiền-y nhân thấy ách ách liên tiếng mới gọi là chứng ách-nghịch. Nay tôi xem pho Phùng-thị bản chứng ách và chứng uế chia làm hai chứng; mà trị chứng ách thì dùng Đinh-hương thị-đế, trị chứng uế thời chế cổ phương dùng Đinh-hương thị-đế, mà không có bài khác để chữa. Pho Lãn-ông quyền Y-trung-quan-kiện cũng chia ách uế làm hai chứng mà dùng thuốc thời một thứ như nhau, khiến cho người học thuốc chẳng biết thế nào là ách, thế nào là uế, hình dáng hai bệnh ra làm sao, vậy nên tôi không được dùng, phải biện

bạch cho tường hoặc có rộng phép trông, phép nghe ở môn thuốc chẳng Xin biện rằng : nay ôi ! chứng ứ thời gọi là ọc phải há mồm ra tức là lợm động nôn khan đó, như đàn bà có nghén thời cũng ậm ọc hoặc khi ngủ phải mùi hôi tanh cũng hóa ra ọc. Đến như chứng ách thời gọi là nấc, dầu ngậm miệng lại cũng nghe thấy tiếng, không có sự chi nôn mửa cả, dầu ngủ phải hơi mắt lờm cũng không phát nấc được. Nay tôi kính biện đề mà dùng thuốc.

、 呃 逆

53. — Ách - nghịch

Ách-nghịch là bịnh nấc bởi hơi đưa ngược lên cũng có nhân hàn ngưng nhiệt uất, cũng có nhân thực trệ, khi trệ phải xét mà chữa. Nhược bằng ngẫu nhiên mà nấc, khi thuận xuống thời khỏi. Chỉ có bịnh nấc mãi không khỏi ắt là tý thặng nguyên khí hư tổn lắm hóa ra thể

Một thứ nhân khí lạnh mà nấc, hoặc nhân gió lạnh ở ngoài, hoặc nhân ăn lạnh ở trong dùng thang *Quất-bì*, bài *Tam-nhân-đinh-hương*, thang *Quất-bì-can-khương*. Nhược bằng lạnh lắm dùng bài *Tương-thủy-tán*, thang *Từ-nghịch-nhân-sâm*.

Một thứ vị hỏa xông lên nóng quá mà nấc, mạch thời hoạt thực, người khỏe mạnh, đại-tiện can táo dùng bài *An-vị-âm*.

Một thứ khí nghịch mà nấc, trên ngực chướng đầy dùng thang *Gia-dâm-nhĩ-trần*, gia Ô-dược 2 đồng, bài *Bảo-dâm-đinh-hương thị-đề*, hoặc bài *Khương-hoạt-phụ-tử*, hoặc *Thần-hương tán*.

Một thứ nhân ăn không tiêu mà nấc dùng bài *Đại-hóa-trung*, gia Can-khương 1 đồng Mộc-hương 5 phân, hoặc thang *Gia-dâm-nhĩ-trần*, thêm Sơn-trá Ô-dược (đều 2 đồng), Bạch-giới-tử 1 đồng.

Một thứ trung-tiêu tý vị hư hàn mà nấc, dùng thang *Lý-trung* gia *Đinh-hương*, hoặc *Ôn-vị-âm* gia *Đinh-hương*.

Một thứ hạ-tiêu cau thận hư hàn mà nấc, dùng bài *Quy-khí-âm*, hoặc *Lý-âm-tiên* gia *Đinh-hương* 5 phân.

Một thứ sau khi đại bịnh hoặc yếu đuối quá mà nấc, dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, hoặc bài *Bát-vị-hoàn* gia Ngũ vị 10 hột, Ngưu-tất 2 đồng. Nhược bằng đại bịnh đương khi muốn thoát, chân tay hơi lạnh dùng *Sâm-phụ-thang* gia Ngũ-vị 15 hột

Một thứ cổ-phương trị bệnh nấc, bệnh ở trên thời trong ngực chường đầy, dùng *Trà-diều-tán* cho nôn ra, bệnh ở dưới, tiền-tiền bất lợi, dùng bài *Tiểu phân-thanh Đại-phân thanh*. Đại-tiền bất thông dùng thang *Tiền-thừa-khi, Đại-thừa-khi*. Những phép ấy chữa bệnh nấc thực nhiệt thời lay, nhược bằng bệnh nấc hư hàn hẳn không dùng được.

列 方

Liệt các bài thuốc

橘皮湯

Quất - bì thang

陳皮一兩 炒 生姜二兩

Trần-bì 1 lượng, Sinh-khuông 2 lượng

Sắc nước uống.

三因丁香散

Tam nhân đinh - hương tán

丁香一兩 柿蒂 (男八七女八九个)

炙草五分 高良姜五分

Đinh-hương 1 đồng, Thi-dế: (dàn ông 7 cái đàn bà 9 cái).

Chích-thảo 5 phần, Cao-lương-khuông 5 phần.

Tán bột hòa nước sôi uống.

橘皮乾姜湯

Quất - bì can - khuông thang

洋參姜炒 乾姜炒 肉桂 (各一兩) 陳皮炒

木通 (各一兩半) 炙草五分

Dương-sâm, Can-khuông, Nhục-quế đều 1 đồng, Trần-bì

Mộc-thông đều 1 đồng rưỡi) Chích-thảo 5 phần

漿水散

Tương - thủy tán

法夏一升 製附 乾姜炒 肉桂 (各五リ)

高良姜三リ炒

Pháp-hạ 1 lượng, Chế-phụ, Can-khương, Nhục-quế (đều 5 đồng, Cao-lương-khương 3 đồng.

Tân bột hòa nước sôi, mỗi bậu uống 2 đồng

四逆人參湯

Tứ nghịch nhân - sâm thang

洋参五リ姜炒 乾姜三リ炒 製附二リ 炙草一リ半

Dương-sâm 5 đồng, Can-khương 3 đồng, Chế-phụ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

安胃飲

An - vị ẩm

陳皮炒 山查炒黑 麥牙炒黑 木通 澤左炒

黃芩炒 石斛 (各二リ)

Trần-bì, Sơn-tra, Mạch nha, Mộc-thông, Trạch-tả, Hoàng-cầm, Thạch-hộc (đều 2 đồng).

加減二陳湯

Gia giảm nhị trần thang

茯苓三リ 陳皮二リ炒 法夏二リ 炙炒一リ

丁香一リ 加 烏藥二リ

Phục-linh 3 đồng, Trần-bì 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Đinh-hương 1 đồng. Gia Ồ dược 2 đồng.

寶鑑丁香柿蒂散

Bảo giám đinh - hương thị - đế tán

丁香 柿蒂 青皮炒 陳皮炒 (各二リ) 生姜五片

Đinh-hương, Thị-đế, Thanh-bì, Trần-bì (đều 2 đồng, Sinh-khương 5 nhát.

姜活附子湯

Khương - hoạt phụ - tử thang

姜活 製附 乾姜 大茴 各一リ
木香五分 大棗 二枚

Khương - hoạt, Chế-phụ, Can-khương, Đại-hồi (đều 1 đồng)
Mộc-hương 5 phân Đại-táo 2 quả.

小 分 清

Tiểu - phân - thanh

茯苓 澤左炒 猪苓 (各三リ) 薏苡二リ炒
枳壳 一リ 炒 厚樸 二リ

Phục-linh, Trạch-tả, Chư-linh (đều 3 đồng), Ý dĩ 2 đồng,
Chi-xác 1 đồng, Hậu-phác 2 đồng

Đại-hòa-trung ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Ôn-vị-âm, Quy-khi-âm đều ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Lý-trung, Lý-âm-tiên đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đại bồ-nguyên ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thần-hương tán ở số 46 ÂM-THỰC.

Bát vị-hoàn, Đại phân-thanh đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Trà-diêu tán ở số 15 ĐÀM QUYẾT.

簡 易 方

Giản dị phương

Nước gừng 1 chén thêm nửa chén mật ong, đun sôi uống.

Hoặc dùng Lưu-hoàng (硫黃) Nhũ-hương (乳香) đều 3 đồng). Gia: Ngải-diệp 1 đồng. (艾葉一リ)

Tán bột sắc bằng rượu đề ngửi.

Hoặc dùng Hùng-hoàng 3 đồng. Cũng tán bột sắc bằng rượu đề ngửi.

"Hoặc dùng Thông-quín-tán thổi vào mũi cho hết hơi thời khô, bài này ở số 4 TRÚNG-PHONG.

嘔 吐

54. — Âu - thổ

Bệnh âu thổ là nôn mửa. Có tiếng có thực-vật gọi là âu, có thực vật mà không có tiếng gọi là thổ, có tiếng mà không có thực-vật gọi là uế tức là nôn khan. Chứng này có hư thực không giống nhau. Chứng thực như là cảm khi hàn lãnh, hoặc thương âm thực, hoặc vị hỏa bốc lên, hoặc can uất khi nghịch, hoặc dờm rãi tích tụ. Chứng hư là con vị vẫn yếu, hoặc nhân khi lạnh, sự khó nhọc, ăn uống chẳng điều, hóa ra nôn mửa, nhược bằng tý vị khỏe mạnh ăn uống tiêu ngay, không có bệnh gì nữa.

Một thứ nhân khi lạnh mà nôn mửa hoặc là hàn thấp ở ngoài, đồ sống lạnh ở trong, dùng thang *Lý-trung*, thang *Hương-sa-lục-quân*.

Một thứ nhân sự ăn uống mà hóa nôn hoặc là cơm thối chứa tiêu bụng đầy và đau dùng bài *Đại-hòa-trung*, bài *Thần-hương-lân*. Nhược bằng thực vật đã tiêu mà vẫn nôn mửa chưa khỏi dùng bài *Ôn-vị-âm*. Bằng như ăn uống phải vị độc mà nôn mửa phải xem thứ độc nóng lạnh mà giải đi, thứ nóng giải bằng *Lục đậu-âm* thứ lạnh dùng *Thần-hương-lân*.

Một thứ hỏa ở trung-tiêu mà nôn mửa thời hàn chân bàn tay đều nóng cả, hoặc có khát nước phiền táo người thời khỏe mà nôn cũng nhiều dùng bài *Trừ-tân-âm*, bài *Đại-phân-thanh*, bằng như nóng quá mà nôn không khỏi lại kiềm rức đầu dùng thang *Bạch hộc*, bài *Đại-thanh-âm*, bài *Ngọc-loàn-lân*.

Một thứ nhân dờm rãi lưu tích ở trong bụng mà hóa ra nôn mửa dùng bài *Hòa-vị-nhi-trần*, bài *Linh-truật-nhi-trần*.

Một thứ uất nộ thương can, khi đưa ngược lên mà nôn có vị chua, đẳng trước dùng *Thù-lên-hoàn*, lại uống bài *Tiểu-dao-lân*, khỏi rồi dùng bài *Lục-vị hoản* gia *Đương-quy*, *Bạch-thược* (đều 2 đồng).

Một thứ con vị hư hàn thường có nôn mửa phải dùng ôn bổ như thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị-âm*, bài *Thánh-truật-tiên*, bài *Hoàng-nha-hoàn*, nhược bằng con vị hàn lắm dùng thang *Phụ-tử-lý trung*, hoặc bài *Tứ-vị hồi-dương*.

Một thứ nôn mửa mãi không khỏi hoặc nhân đại-tiện bị kết dùng phép mật đạo thông khoan cho dưới thông thời trên không tắc.

Một thứ nôn mửa, trăm thứ thuốc đều không khỏi, hãy ngừng thấy thuốc lại nôn, phải lấy đất ở bụng ông đầu-rau bếp hòa nước gừng làm viên nút nút hai lỗ mũi rồi uống thuốc mới được.

Một thứ nôn mửa không uống được thuốc bởi có con giun ở trong bụng dùng Xuyên tiêu 20 hột sao, sắc cho uống hoặc là trong bài thuốc phải gia Xuyên-tiêu 1, 2 đồng. Ông Tôn-trần-Nhân nói rằng: «gừng sống trị nôn là thuốc thánh, Tiểu-biên giáng hỏa thực phương tiên».

列 方

Liệt các bài thuốc

加 味 逍 遙 散

Gia vị tiêu-dao tán

白朮土炒 茯苓 白芍炒 (各二リ)
 當歸三リ 柴胡一リ 炙草一リ 薄荷七分
 加 牡丹二リ炒 梔子二リ炒黑

Bạch-truật, Phục-linh, Bạch-thược (đều 2 đồng), Đương-quy 3 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Bạc-hà 7 phân.

Gia Mẫu-đơn 2 đồng, Chi-tử 2 đồng

黃 牙 丸

Hoàng-nha hoàn

洋參二兩姜炒 乾姜五リ炒

Dương-sâm 2 lượng, Can-khương 5 đồng.

Tán bột luyện mật viên, bỏ túi áo thính thoảng ngậm 1 viên bằng hột nhãn.

Lý-trung thang, Trừu tân ẩm, Bạch-hồ thang, Ngọc toàn-tán, đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Phụ-tử-lý-trung, Tứ-vị-hồi-dương, đều ở số 10 CHƯ-MƯ CHỨNG.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Đại hòa trung ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Linh-truật nhị-trần ở số 15 ĐAM-QUYẾT.

Đại-phân-thanh, Đại-thanh-âm, Lục vị-hoàn-dầu ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Hòa-vị-nhị-trần ở số 28 ĐAM-ÂM.

Hương sa-lục quân, Thần hương-tán dầu ở số 46 ÂM-THỰC.

Thù liên hoàn, Thánh-truật-tiên dầu ở số 51 THÔN-TOAN.

蜜 導 法

Mật - đạo pháp

Phép thông khoan, dùng 2 bát mật mía nấu cho đặc lại thành kẹo, nặn bằng ngón tay chấm dầu thông vào cốc-dạo hoặc dùng cái vật gì mềm cũng được, hoặc dùng bạch-lạp, sà-phòng cũng được.

嘔 吐 清 水

55. — Âu-thỏ-thanh-thủy

Chứng âu thổ thanh thủy là nôn ra nước trong. Phép dời xưa dùng thang Nhị-truật-nhị-trần, hoặc thang Lục-quân-tử. Ông Cảnh-nhạc nói rằng: «thận thủy hư mà nước ứa lên từ dưới rốn vọt ra như vòi rồng phun nước dùng bài Lý-âm-tiên cho uống khỏi ngay.

唾 津

Thóa-tân

Thóa-tân là nhổ nước bọt luôn mồm. Chứng nhổ nước bọt bởi vì trong mồm bọt rãi dùn ra luôn luôn không nuốt xuống, trong một giờ đồng-hồ, nhổ hơn một trăm bận. Ông Phó thanh Chủ bảo rằng: «chứng này là thổ ra bạch huyết, để phơi sương một đêm thời hóa ra đỏ, chữa bệnh này phải bỏ thận thủy hoặc bỏ tý thổ thời mới khỏi.

Một thứ nhân thận thủy hư, nước không chảy xuôi mà dùn ngược lên hóa ra nhễ nước bọt dùng bài *Thận-khí-hoàn* như kiêm hỏa hư dùng *Bát-vị-hoàn*, hoặc bài *Lý-âm-tiên* đều thêm Ngưu-tất 2 đồng, Ngũ-vị 15 hột.

Một thứ nhân con tý thấp trệ không áp chế được nước cho nên hay nhễ nước bọt dùng thang *Lục-quân-tử*. Như con tý hàn gia Phá-cổ 1 đồng, Can-khương 1 đồng, Hậu-phác 2 đồng. Như con tý nhiệt gia Hoàng cầm 1 đồng Chi tử 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng. Lũng Hoài-sơn thay Bạch-truật.

二朮二陳湯

Nhị - truật nhị - trần thang

蒼朮製 白朮土炒 陳皮炒 法夏 苓朮
(各二リ) 炙甘草一リ

Xương truật, Bạch-truật. Trần-bì, Pháp-hạ, Phục-linh (đều 2 đồng) Chích-thảo 1 đồng

Lục quân tử thang ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Lý-âm tiên ở số 26 HÀN-NHIỆT

Thận-khí hoàn là bài *Lục-vị* hoàn gia Phá-cổ 1, 2 đồng.

吐 蚘

56. — Thở - vưu

Chứng thở-vưu là nôn ra giun :

Một thứ nhân dạ-dầy nóng mà nôn ra giun, nôn vừa dùng bài *Trừu-tân-dâm*; nôn lắm dùng bài *Vạn-tạng-hoàn*.

Hai là nhân con vị hàn mà nôn ra giun dùng bài *Ô-ma-hoàn*.

Ba là con vị hư yếu dùng bài *Ôn-vị*, thang *Lý-trung*, bài *Thánh-truật* bằng như giun ra chẳng khỏi thêm Ô-mai 3 quả, (烏梅三葉) hoặc là rễ cây soan 3 đồng, (苦練根三リ) hoặc là Hoàng-liên 1 đồng (川黃連二リ)

萬應丸

Vạn - ứng hoàn

川大黃一兩半 檳榔一兩 苦楝根大リ
黑丑八リ炒 皂角二葉炒焦

Đại-hoàng 1 lạng rưỡi, Bình-lang 1 lạng, Khổ-luyện-căn 6 đồng,
Hắc-sửu 8 đồng, Táo-dác 2 quả

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

Ô-mai-hoàn ở số 20 HỒI-QUYẾT

Trừu-tân-âm, Lý-trung-thang đều ở số 26 HÀN-NHIỆT

Ôn-vị-âm ở số 5 TRUNG-HÀN.

Thánh-truật ở số 51 THÔN-TOAN.

噦氣

57. — Uế - khí

Chứng uế-khi là oẹ là nôn khan bởi hơi nóng xông lên dạ-dầy hóa ra oẹ. Chữa bệnh nôn khan phải cho lợi tiểu tiện làm chủ dùng bài *Ngũ-linh-tán*, hoặc bài *Thanh-kim đạo-khi*, nhược bằng trong dạ-dầy lạnh mà nôn oẹ dùng bài *Thần hương-tán*, bài *Hương-sa lục-quán*.

Một thứ nôn khan mãi không khỏi dùng 2 chén nước mía, nước gừng 1 chén đun nóng uống.

清金導氣湯

Thanh - kim đạo - khí thang

麥門四リ炒 澤左二リ炒 車前二リ炒
牛必二リ 赤苓三リ 肉桂一リ磨
五味十五粒炒 木香五分

Mạch-môn 4 đồng, Trạch-tả 2 đồng, Xa-tiền 2 đồng, Ngu-tất 2 đồng, Xích-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Ngũ-vị 15 hạt, Mộc-hương 5 phân.

Ngũ-linh tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Thần-hương-tán, Hương-sa-lục-quân đều ở số 46 ÂM-THỰC.

友 胃

58. — Phiên-vị

Chứng phiên-vị là dạ-dầy lật trái lại, hoặc là tối ăn, sớm mai nôn, hoặc là sớm ăn, tối nôn phải mửa cho hết mới thôi, ngày nào cũng như thế không có khác. Chứng này là con vị hư hàn hoặc hay ăn đồ sống lạnh hoặc hay uống rượu, hoặc nhân sự lo nghĩ, cho nên dạ-dầy hư quá, xét xem bệnh mới phải hay là đã lâu mà dùng thuốc.

Một thứ mới phải khi lạnh ở trung-tiêu dùng bài Ôn-vị-âm, bài Thánh-truật, thang Phụ-tử-lý-trung.

Một thứ bệnh đã lâu thời khi lạnh ở hạ-tiêu dùng thang Định-vị, bài Bát-vị-hoàn gia Phá-cổ 1 đồng, Ngũ-vị 10 hột, hoặc bài Hửu-quy-âm. Nhược bằng đại-tiêu táo kết các bài nên đều thêm Ngưu-tất, Thông-dong, Lộc-dao, Đương-quy đều 2 đồng.

定 胃 湯

Định-vị thang

熟地一兩 山茱五兩 酒炒 茯苓三兩 肉桂一兩 另磨
Thực địa 1 lượng, Sơn-thu 5 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng. (Sắc nước uống).

Ôn-vị-âm ở số 5 TRUNG-HÀN.

Phụ-tử-lý-trung, Hửu-quy-âm, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG.

Thánh-truật-tiên ở số 51 THÔN-TOAN.

簡 易 方

Giản-dị phương

Mật-ong 2 thìa, Nước gừng 1 thìa, hòa nước sôi uống.

Hoặc dùng nước mía 1 bát, nước gừng 1 chén, đun sôi uống dần.

噎膈

59. — Ê-cách

Chứng ế cách là bệnh nghẹn, bởi vị khẩu ứng tắc chẳng thông, ăn không xuống được. Chứng này có hai thứ phải chia ra mà chữa.

Một thứ nhân lo nghĩ nhiều phần, hoặc là say mê tửu sắc mà âm huyết hư tổn, nước bọt khô ráo, cho nên ăn cơm thời nghẹn lâu mới xuống được dùng bài *Sinh-khương trấp*, bài *Dại doanh-tiên*, bài *Lý âm*.

Một thứ nhân con tý vị hư yếu vận hóa không mạnh mà sinh ra đờm cho nên lúc ăn cơm, hoặc trước, hoặc sau ngợ chột có ngang trái thời đàm hỏa xung lên, ăn không xuống được, tất phải thổ ra, mà trong dạ-dầy dần dần đờm rãi vận lên lại phải thổ ra, bữa cơm ấy phải bỏ dùng bài *Ngũ-cách-khoan-trung*, bài *Nhị-trần* gia *Hậu-phác*, *Can-khương* đều 2 đồng, hoặc thang *Lục-quán-tử*.

Một thứ nghẹn mà đại-tiện táo kết dùng bài *Ngọc-trúc*, bài *Nhân-sâm-lợi-cách*.

列方

Liệt các bài thuốc

生姜汁煎

Sinh - khương trấp tiên

沙参五リ 姜炒 百合五リ 炒 生姜汁 蜂蜜
牛乳 (各一升)

Sa-sâm 5 đồng, Bách-hợp 5 đồng, Nước gừng, Mật-ong, Sữa-bò (đều 1 lượng). Hai vị khô sắc thang rồi hòa 3 vị nước

五膈寬中散

Ngũ cách khoan trung tán

青皮五リ 炒 陳皮五リ 炒 香附 厚樸炒

(各六リ) 炙艸 白豆蔻 砂仁炒 丁香
木香 (各一リ)

Thanh-bì 5 đồng, Trần bì 5 đồng, Hương-phụ, Hậu-phác,
(đều 6 đồng), Chích-thảo, Bạch-đậu-khẩu, Sa-nhân, Đinh-hương,
Mộc-hương (đều 1 đồng).

Tán bột, mỗi bần uống 1 thìa, thang bằng nước gừng.

玉燭散

Ngọc chúc tán

熟地三リ 當歸二リ 白芍二リ炒 川芎
生草 大黃 芒硝 (各一リ)

Thục-địa 3 đồng, Đương-quy 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng,
Xuyên-khung, Sinh-thảo, Đại-hoàng, Mang-tiên (đều 1 đồng)

人參利膈丸

Nhân-sâm lợi cách hoàn

党参一兩 姜炒 當歸一兩 木香七リ 檳榔七リ
枳實八リ炒 炙草八リ 厚樸二兩 姜炒
川大黃二兩

Dảng-sâm 1 lượng, Đương-quy 1 lượng, Mộc-hương 7 đồng
Binh lượng 7 đồng, Chi-thực 8 đồng, Chích-thảo 8 đồng, Hậu-
phác 2 lượng, Đại-hoàng 2 lượng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bần uống 3 đồng.

Đại-doanh-tiên ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lý-âm-tiên ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Nhị-trần thang ở số 28 ĐÀM-ÂM.

Lục-quân-tử thang, ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

驗方

Nghiệm phương

代赭旋覆湯

Đại giả toàn phú thang

党参三リ 姜炒 炙草三リ 法夏五リ 牛蒡五リ
旋覆花三リ 大棗三果 代赭石三リ 醋煨三次

Đảng-sâm 3 đồng, Chích-thảo 3 đồng, Pháp-hạ 5 đồng, Sinh-khương 5 đồng, Toàn-phủ-hoa 3 đồng, Đại-táo 3 quả, Đại-giã-thạch 3 đồng (nung đỏ tươi giã-mảnh 3 bận, tán bột bỏ vào sau.)

牛涎丸

Ngưu - duyên hoàn

Gạo nếp tán bột lấy rầy trâu luyện làm viên, bỏ chỗ đồ chín mà ăn, hoặc dùng rầy trâu hòa nước uống cũng được.

Phép lấy rầy trâu

Rửa mồm con trâu cho sạch, lấy muối xát vào thời chảy rầy ra.

又方最驗

Lại bài nghiệm nữa

鹿肚草 陳米炒 灶心土 (各三リ)

Lộc-dỗ-thảo, Trần-mễ, Táo-lâm, (đều 3 đồng.)

Sắc nước uống.

關 格

- 60. — Quan - cách

Chứng quan-cách là trong bụng ngăn cách, khí dương ngăn khí âm, khiến trên không được vào, cho nên ăn nóng phải nôn ra; khí âm ngăn khí dương, khiến dưới không được xuống cho nên đại tiểu-tiên đều bí, trong bụng như có ngăn cách, muốn lên không được, muốn xuống không xong, trên

dưới không thông ấy là Âm dương lý tuyệt, trong sách bảo rằng: «chứng quan-cách không được hết tuổi giới cho, thời sợ lắm.» Lại nói rằng: «phong lao cổ cách, tứ chứng nan y».

Những khi mới phải mà dần dần sinh ra bệnh quan cách dùng thang *Quy-tỷ*, bỏ Hoàng-kỳ, gia Chích-thực 3 đồng. Như thượng-tiêu có đờm ủng tắc mà ăn uống khó vào được dùng thang *Chí-súc-nhị-trần*, đề khai đờm ra.

Một thứ phần dương thịnh hơn mà chân tay mình mảy đều nóng dùng bài *Thận-khi-hoàn*, lại dần phục thang *Quy-tỷ*, bỏ Hoàng-kỳ gia Thực-dịa.

Một thứ phần Âm thịnh hơn mà chân tay mình mảy đều mát cả dùng bài *Thống-quan-dao-thái-thang*, cũng dần phục thang *Quy-tỷ*, bỏ Hoàng-kỳ đi. Nhược bằng tiểu-tiện bế sáp một ngày không đi mà bụng dưới tức đau dùng *Thần-mộng-phương*, hoặc *Chuyển-bảo-pháp*.

Bằng như đại-tiện táo kết năm sáu ngày không đi, trong bụng chướng đầy, như nhiệt kết dùng thang *Tiểu-thừa-khi*, nhược bằng hàn ngưng dùng bài *Bị-cấp-hoàn*, *Thiên-kim-phương*

列 方

Liệt các bài thuốc

歸脾湯

Quy - tỷ thang

党参二リ 姜炒 當歸一リ 半 冬 朮一リ 半 土 炒
茯苓 一リ 半 棗 仁 一リ 半 炒 黑 龍 眼 一リ 半
炙 草 五 分 遠 志 五 分 製 洗 香 二 分 磨 紅 棗 一 果
生 姜 三 分 (去 黃 芪) 加 熟 地 二 リ 酒 炙

Đảng sâm 2 đồng (tầm gừng sao) Đương-quy 1 đồng rượu, đông-truật 1 đồng rượu (tầm hoàng thổ sao), Phục-thần 1 đồng rượu, Táo-nhân 1 đồng rượu (sao đen), Long-abãn 1 đồng rượu Chích-thảo 5 phân, Viễn-chí 5 phân (chế), Trâm-hương 2 phân mài), Táo-dỏ 1 quả, Gừng sống 3 phân. Bỏ Hoàng-kỳ. Gia: Thực-dịa 2 đồng (tầm rượu nướng).

枳縮二陳湯

Chi-súc nhị-trần thang

枳壳一リ 炒 沙仁炒 茯苓 法夏 陳皮 蘇子
瓜蒌仁 厚樸炒 香附炒 (各七分) 炙草五分
木香二分 沉香二分

Chi-xác 1 đồng, Sa-nhân, Phục-linh, Pháp-hạ Trần-bì, Tô-tử, Qua-lâu-nhân, Hậu-phác, Hương-phụ (đều 7 phân), Chích-thảo 5 phân, Mộc-hương 2 phân, Trâm-hương 2 phân.

Dùng nước trúc-lich, mài mộc-hương, trâm-hương cho vào sau.

腎氣丸

Thận-khi hoàn

熟地四リ (浸洗香飯上蒸) 山茱一リ 酒炒
牡丹一リ 炒 淮山二リ 米炒 茯苓一リ
澤左六分 鹽炒 牛必六分 麥門一リ 炒
沉香二分 磨 破故五分 炒

Thục-dịa 4 đồng (lấy cái giũa, giũa 1 phân trâm-hương ra bột tằm thực địa hấp cơm), Sơn-thù 1 đồng (tằm rượu sao), Mẫu-dơn 1 đồng (sao), Hoài-sơn 2 đồng sao với gạo nếp, Phục-linh 1 đồng, Trạch-tả 6 phân tằm muối sao, Ngưu-tất 6 phân, Mạch-môn 1 đồng (sao), Phá-cổ 5 phân (sao), Trâm-hương 2 phân (mài riêng ra sắc thuốc xong rồi mảy cho vào sau).

通關交泰湯

Thông-quan-giao-thái thang

熟地三リ (浸沉香飯上蒸) 山茱九分 九厘酒炒
淮山一リ 八分 糯米炒 茯苓五分 牡丹九分 酒炒
澤左六分 鹽炒 麥門一リ 炒 牛必六分
製附二分 肉桂三分 磨 沉香二分 磨

Thực-dịa 3 đồng (tầm trăm-hương hấp cơm), Sơn-thù 9 phân 9 ly (tầm rượu sao), Hoài-sơn 1 đồng 8 phân (sao gạo nếp), Phục-linh 5 phân, mẫu-dơn 9 phân (tầm rượu sao), Trạch-tả 6 phân (tầm muối sao), Mạch-môn 1 đồng (sao vàng), Ngưu-tất 6 phân, Chế-phụ 2 phân, Nhục-quế 3 phân (mài), Trầm hương 2 phân (mài).

Quan dã khai rồi, ăn không nôn bỏ Quế-Phụ đi. Gia :
Hỗ-dào 8 phân, Phá-cổ 8 phân (sao).

Uống luôn 10 thang.

神 夢 方

Thần - mộng phương

Lấy con dế có hai tay, độ 3, 4 con sao cháy, tán bột hòa rượu uống. Đi tiểu ngay lập tức.

轉 胞 法

Chuyển - bào pháp

Dùng Cam-loại 3 đồng (甘遂三リ)

Tán bột hòa nước đắp vào bên dưới rốn.

Lại dùng Thảo-tiết 3 đồng (草節三リ) Sắc nước uống. Uống rồi một chốc hơi thuốc đến dưới rốn, hai vị ấy phản nhau, cái bọc chuyển ngay, nước tiểu ra như suối thực là phép cứu cấp rất hay lắm.

小 承 氣 湯

Tiểu - thừa - khí thang

厚樸六リ 姜炒 川大黃三リ 煨 枳實二リ 炒

Hậu-phác 6 đồng Đại-hoàng 3 đồng, Chi-thực 2 đồng.

備 急 丸

Bị cấp hoàn

巴豆去油 大黃煨 乾姜炒 木香 (各二リ)

Ba-dậu, Đại-hoàng, Can-khương, Mộc-hương (đều 2 đồng).

Tán bột luyện mật, viên bằng hạt đậu nhón, mỗi bữa uống 2 viên hòa nước

千金方

Thiên kim phương

猪脂 姜汁 (各二升)

Nước mỡ lợn, nước gừng đều 2 chén, đun nấu cạn non nửa thêm 1 chén rượu hòa vào chia ra làm 3, 4 bữa mà uống

痞 滿

61. — Bĩ - mãn

Chứng bĩ-mãn là bụng tức đầy, trong bụng tức mà ngoài da không phình gọi là bĩ. Trong bụng đầy mà ngoài da phình gọi là mãn. Chứng này có hư thực, hai thứ không giống nhau.

Một thứ nhân sự ăn uống mà bụng đau tức đầy dùng bài *Đại-hòa-trung*, gia *Thần-khúc* 1 đồng; đau lăm dùng bài *Thần hương-lân*.

Một thứ chứng thực trệ phải xét xem lại ở đâu hóa ra tức đầy, bằng như âm thấp nhiều thì khi trệ dùng bài *Bình-vị-lân*, thang *Lương-phương-hậu-phác*, hoặc bài *Ngũ-linh-lân*. Nhược bằng hàn trệ mà tức đầy đau dớn dùng thang *Hậu-phác-ôn-trung*, bài *Hòa-vị-âm*. Nhược bằng dận dừ mà hóa ra tức đầy dùng bài *Giải-can-tiến*. Nhược bằng đại-tiện bất thông mà tức đầy dùng thang *Hà-gian-hậu-phác*.

Một thứ chứng bĩ mãn thuộc về hư hàn, hoặc là truyện lo nghĩ, việc nhọc mệt, hoặc nhiều khi ăn uống thất thường hoặc uống nhầm thuốc công phạt hóa ra chứng hư bĩ hư mẫu dùng thang *Tứ-quân-tứ*, thang *Lý-trung*, thang *Q y-tý*, bài *Thánh-truật*. Nhược bằng tý thận hư hàn, hạ tiêu thường lạnh dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Lý-âm-liên*, lại còn một thứ âm hư huyết ít mà bụng cũng tức đầy lấy thuốc bổ huyết chữa bệnh đầy dùng thang *Tứ-vật*, bài *Thánh-thanh-giáng-trọc*.

良方厚樸湯

Lương-phương hậu-phác thang

厚樸八两 姜炒

Hậu-phác 8 đồng. (Sắc nước uống).

和胃飲

Hòa - vị ẩm

厚樸四リ姜炒 陳皮二リ炒 乾姜二リ炒
炙艸一リ

Hậu-phác 4 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng
Chích-thảo 1 đồng.

厚樸温中湯

Hậu-phác ôn-trung thang

橘紅 茯苓 乾姜炒 (各二リ) 厚樸三リ姜炒
炙艸一リ 白豆蔻一リ 木香五分

Quất-hồng, Phục-linh, Can-khương (đều 2 đồng), Hậu-phác
3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Bạch-dậu khấu 1 đồng, Mộc-
hương 5 phân.

鮮肝煎

Giải - can tiên

陳皮炒 法夏 茯苓 厚樸姜炒 (各二リ)
蘇葉一リ 白芍一リ炒 砂仁七分

Trần-bì, Pháp-hạ, Phục-linh, Hậu-phác (đều 2 đồng), Tô-
diệp 1 đồng, Bạch-thược 1 đồng, Sa-nhân 7 phân.

河間厚樸湯

Hà-gian hậu-phác thang

厚樸三リ姜炒 白朮二リ土炒 法夏二リ
陳皮二リ炒 枳壳一リ炒 生草七分
加 川大黃一リ

Hậu-phác 3 đồng Bạch-truật 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-
bì 2 đồng, Chỉ-xác 1 đồng, Sinh-thảo 7 phân

Gia Đại-hoàng 1 đồng.

升清降濁方

Thăng - thanh giáng - trọc phương

肉蓯蓉五リ製 党参三リ姜炒 茯苓二リ
白芍二リ炒 澤左一リ炒 桑葉八分酒炒
升麻一リ半 沉香三升磨 葛根一リ

Nhục-thong-dong 5 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Phục-linh 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Trạch-tả 1 đồng, Ngô-thù 8 phân Thăng-ma 1 đồng rưỡi, Trầm-hương 3 phân, Cát-cần 1 đồng.

Đại-hòa-trung, Bình-vị-tán đều ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Thần-hương tán ở số 46 ÂM-THỰC.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Nhị-trần-thang ở số 28 ĐAM-ÂM.

Tứ-quân-tử, Quy-tỳ. Bát vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lý-trung-thang, Lý-âm-tiên đều ở số 3 THƯƠNG HÀN.

Thánh-truật-tiên ở số 51 THÔN-TOAN.

Tứ-vật-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

積聚

62 — Tích-tụ

Tích-tụ là bệnh hờn. Trong pho Nạn-kinh nói rằng: «chứng ngũ tích ở ngũ tạng sinh ra, buồng gan gọi rằng phì khí ở dưới vạng sườn tay trái; quả tim gọi rằng: phục lương phát ở trên rốn; lá lách gọi rằng: bí khí ở chỗ vị oản; buồng phổi gọi rằng: bí tức ở dưới vạng sườn bên phải; bờ dục gọi rằng bốn đờn phát ở bụng dưới».

Chứng lục tụ ở trong lục phủ sinh ra Chứng tích là dần dà mới thành, rắn chắc mà không di dịch.

Bệnh tụ là tậm hợp hoặc tụ hoặc tán.

Chứng tích thuộc về huyết phận, có hình thời khó tiêu.

Bệnh tự thuộc về khí phan không hình thời dễ tan.

Chứng này bởi vì khí huyết đều hư, gió lạnh cảm ở ngoài, ăn uống tích trệ ở trong, đờm rãi ngưng kết lâu mà thành bệnh : chứng, hà, bí, tích bốn chứng.

Bệnh chứng là bụng có hòn, sờ thấy rắn như hình con trai ở trong thịt nguyên một chỗ không di dịch, thường khi trên ngực tức đầy, ăn uống không hạ lợm đọng nôn mửa.

Bệnh hà bụng cũng có hòn như là vật giả không thật, lúc có lúc không, trong ngực thường tức đầy mà đau dẫn xuống bụng dưới, hoặc lại đau xông lên quả tim không có sự lợm nôn gì.

Chứng bí là tức bụng hiện ra ở ngoài, da thời đầy, bụng, rốn thời to, thỉnh thoảng vẫn đau nhói nhói, mặt thời vàng người thì gầy.

Chứng tích là có tích kết tụ ẩn ở trong thường hay đi rửa luôn luôn tựa như đi lý mà không phải lý, như có giun quấy mà không phải giun, hoặc hạ máu tươi, trong bụng thường đau âm ỷ. Đại khái chữa bệnh này tích ở trong tràng vị thời dễ tiêu, tích ở ngoài mạng mỡ thời khó tan phép chữa chỉ có công, tiêu, bồ, tán 4 thứ mà thôi.

Một thứ bệnh hòn rắn chắc mà người khỏe, khí thực phải dùng còn : phật chữa cho chóng như bài : *Bí-phương-hóa trệ*, *Hóa-thiết-đan*, hai bài này là công phật nặng lắm. Còn như là bài *Tam-lăng-hoàn*, *Trợ-khí-hoàn* hai bài này là công phật vừa vừa.

Như người yếu đuối khí hư không dám công kích phải dùng ôn bồ, mà dân phục thuốc tiêu đạo như bài : *Hòa-trung-hoàn*, *Đại-hòa-trung-đm*. Các bài thuốc bồ như muốn bồ tỳ vị dùng bài *Ôn-vị-đm*, *Dưỡng-trung-tiến*.

Một thứ bồ can thận dùng bài *Lý-âm-tiên*, *Thận-khí-hoàn*.

Một thứ bệnh hòn khí tự không có hình p ải dùng tán mới khôi như phương *Bái-khí-đm*, *Thập-hương-hoàn*.

Một thứ bệnh hòn rắn chắc ở trong da thịt phải dùng nội âm ngoại đồ thời mới chóng khôi dùng *Hồ-phách-cao*, hoặc *Tam-thánh-cao*.

列 方

Liệt các bài thuốc

化 滯 丸

Hóa trệ hoàn

木香 丁香 青皮炒 橘紅 黃連 (各二リ半)
三棱五リ醋炒 莪朮五リ醋炒 法夏三リ (八味共研)
巴豆六リ醋炙炒 烏梅肉五リ焙乾

Mộc-hương, Đinh-hương, Thanh-bì, Quất-hồng, Hoàng-liên (đều 2 đồng rưỡi), Tam-lăng 5 đồng, Nga-truật 5 đồng, Pháp hạ 3 đồng, (tám vị cùng tán bột), Ba-dậu-nhân 6 đồng (tầm giấm-thanh đun cạn khô tán bột), Thịt Ô-mai 5 đồng.

Sao khô tán bột hòa giấm-thanh nấu thành cao cho tất cả thuốc bột vào, thêm hồ luyện làm viên bằng bột lú-bú; người khỏe uống 10 viên, người yếu, trẻ con uống 5 viên.

化 鉄 丹

Hóa thiết đan

烏梅八果 巴豆十六粒 川椒四十八粒 青皮炒
丁香 木香 (各五リ)

Ô-mai 8 quả, Ba-dậu 16 hạt, Xuyên-tiên 48 hạt, Thanh-bì, Đinh-hương, Mộc-hương (đều 5 đồng).

Cùng tán bột tầm giấm-thanh luyện hồ viên bằng bột gạo; người khỏe uống 5 phân, người yếu, trẻ con uống 3 phân.

三 棱 丸

Tam lăng hoàn

陳米一升 巴豆五粒

Trần-mễ 1 lượng, Ba-dậu 5 hạt cùng sao cháy bỏ ba-dậu đi, 陳皮炒 三棱醋炒 沙仁炒 麥芽炒 黑木香 (各二リ)
Trần-bì 1 tam-lăng, Sa-nhân, Mạch-nha Mộc-hương (đều 2 đồng).

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

助氣丸

Trợ - khí hoàn

三棱一兩醋炒 義朮一兩醋炒 青皮炒 橘紅
白朮土炒 (各五兩) 木香 檳榔 枳殼炒 (各三兩)

Tam-lăng 1 lượng, Nga-truật 1 lượng, Thanh bì, Quất-hồng,
Bạch-truật (đều 5 đồng), Mộc-hương, Bình-lang, Chi-xác
(đều 3 đồng).

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

和中丸

Hòa - trung hoàn

白朮二兩四兩土炒 厚樸二兩姜炒 陳皮一兩半炒
法夏一兩 兵榔五兩 枳實五兩炒 炙草四兩
木香三兩

Bạch-truật 2 lượng 4 đồng, Hậu phác 2 lượng, Trần-bì 1 lượng
rưỡi, Pháp-hạ 1 lượng, Bình-lang 5 đồng, Chi-thực 5 đồng,
Chích-thảo 4 đồng, Mộc-hương 3 đồng.

Tán bột quấy hồ nước gừng viên, mỗi bận uống 3 đồng.

Dại-hòa-trung-âm ở số 1 NỘI THƯƠNG.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Dưỡng-trung-tiên ở số 10 CHƯ HƯ-CHUNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Bài-khí-âm ở số 13 KHÍ-QUYẾT

腎氣丸

Thận - khí hoàn

即六味丸

加 破故二兩炒

Là bài Lục vị-hoàn gia Phá-cổ 2 đồng.

十香丸

Thập hương hoàn

木香 洗香 丁香 小茴 香附 陳皮炒 澤左炒
烏藥 皂莢燒 荔枝炒 (各五リ)

Mộc-hương Trầm-hương Đinh-hương, Tiểu-hồi, Hương-phụ, Trần-bì, Trạch-tả, Ô-dược, Lệ hạch (đều 5 đồng).

Tán bột quấy hồ bằng rượu, luyện làm viên, mỗi bận uống 2 đồng

琥珀膏

Hồ-phách cao

琥珀一兩 丁香 桂心 硃砂 木香 松香 (各五リ)
白芷 防風 當歸 木鱉 木通 (各一兩)
麻油二斤

Hồ-phách 1 lượng, Đinh-hương, Quế-tâm, Chu-sa, Mộc-hương, Tòng-hương, (đều 5 đồng), Bạch-chỉ, Phòng-phong, Đương-quy, Mộc-biết, Mộc-thông (đều 1 lượng), Dầu-vừng 2 cân.

Đem Hồ-phách, Chu-sa, Tòng-hương cùng tán bột để riêng ra. Còn tám vị kia thái nhỏ bỏ vào nồi đồng đun lẫn với dầu vừng, khi thuốc đen thì vớt bỏ ra, lấy vải lọc cho sạch bỏ hoàng-dơn độ hơn 10 lượng, lấy đũa sắt quấy vừa thời thời như đồng phải cho thêm hoàng-dơn lại cho 3 vị thuốc bột trước vào, quấy thành cao.

三聖膏

Tam-thánh cao

石灰二兩 肉桂二兩六リ 川大黃四リ 生用
Thạch-hôi 2 lượng, Nhục-quế 2 lượng 6 đồng, Đại-hoàng 4 đồng.

Trước đem thạch-hôi tán bột sao đỏ, cho giấm-thanh vào nấu thành cao. Đại-hoàng, nhục-quế tán bột rắc vào quấy cho đều mà gián, gián rồi lấy hòn lổc đốt nóng thỉnh thoảng chườm vào cho chóng tan.

水 腫

63. — Thù - sung

Chứng thủy-sung là bệnh phù nước, bệnh này thuộc âm, tính âm chậm chạp cho nên bệnh lên dần dần, thân thể chân tay đều sưng, mà sưng có phân địa giới, ấn vào thì như bùn mà lõm xuống bởi vì tỷ thổ hư không chế được thủy cho nên thận thủy đầy rẫy khắp cả tam-tiêu ứng tắc mạch máu, phế khí cũng hư nên nước tiểu ít mà vàng; bệnh này thuộc cả 3 kinh tỷ, phế, thận, phải xét hình thể người bệnh khỏe yếu thể nào mà dùng thuốc.

Một thứ bệnh phù hình thể khỏe mạnh và tuổi còn trẻ nên dùng tiêu đạo như bài *Ngũ-bì-tán*, *Vị-linh-thang* và bài *Triêm-hương-hồ-phách*, bằng có tức đau, đại-tiện táo kết phải cho thuốc hạ như dùng bài *Xích-kim-đậu*, *Bách-thuận-hoàn*.

Một thứ bệnh phù mà người yếu đuối và đã có tuổi nên lấy bổ làm tiêu dùng *Kim-quỷ-thận-khí* dân phục với thang *Quy-tỷ*, hoặc là thang *Bổ-trung* gia *Xích-linh*, *Hậu-phách*, *La-bắc*, *Chi-thực* (đều 2 đồng).

赤苓 厚樸 羅蔔 枳實 (各二り)

Một thứ người bản tạng nhiệt da hỏa mà phát ra bệnh phù thường vẫn khát nước muốn mát, mặt thời đỏ đại-tiện thì táo hoặc có ho thổ, hoặc đầu mặt đều sưng, mạch thời hoạt thực chạy khỏe là chứng thấp nhiệt dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bội *Phục-linh*, *Trạch-tả*, *Gia-Xa-tiên*, *Ngưu-tất*. Nhược bằng nóng lắm dùng bài *Gia-dâm-nhất-âm* cũng gia *Phục-linh*, *Trạch-tả*, *Xa-tiên*; nhược bằng bình sinh không ưa thực-địa lấy sinh-địa thay vào.

Một thứ người ít tuổi uống rượu nhiều quá hóa ra bệnh phù, mạch chạy có sức, nguyên khí còn vượng, chữa nên dùng bổ phải cho tiêu di dùng bài *Vũ-công-tán*, *Đạo-thủy-hoàn*, *Tuần-xuyên-lân*.

Một thứ bệnh phù bởi tại hai kinh: tỷ, phế hư tổn, ăn uống không ngon, đại-tiện không lành, tiểu-tiện không lợi, dùng thang *Tứ-quần-tứ*, thang *Bổ-trung*, thang *Quy-tỷ* gia những vị lợi tiểu như: *Chư-linh*, *Trạch-tả*, *Xa-tiên*, *Xích-linh*.

猪苓 澤左炒 車前炒 赤苓

Bệnh phù các chứng nguy :

• Minh nóng như lửa. Nóng lạnh như sốt rét, mồm môi đen sẫm, mỗ ác đầy phảng, rốn to lồi lên, gan bàn chân bàn tay đều phảng, đại-tiện đường tiết, ngọc-hành sung to, đầu gối to bằng cái đầu. Nam kỳ tức là mai bàn chân sưng, nữ kỳ mục ở dưới mắt ngọa tâm sưng ; trước khởi ở bụng sau chạy ra chân tay thời rẽ chữa, trước khởi sưng ở chân tay sau chạy vào bụng gọi rằng : tứ chi quy phúc thời khó chữa.

列 方

Liệt các bài thuốc

五 皮 散

Ngũ - bì tán

陳皮 炒 茯苓皮 大腹皮 炒 菱皮
桑白皮 炒 (各二リ)

Trần-bì, Phục-linh-bì, Đại-phúc-bì (là bẹ mèo cau), Khương-bì, Tang-bạch-bì (đều 2 đồng).

Vị-linh thang ở số 46 ÂM-THỰC.

Quy tỳ-thang, Lục-vị hoàn, Tứ-quân tử, Bồ trung-ích-khi, Gia-dâm-nhất-âm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

沈 香 琥 珀 丸

Trầm-hương hồ-phách hoàn

沉香 五リ 郁李仁 五リ 亭 麝 五リ 炒
橘紅 二リ半 防己 二リ半 琥珀 杏仁
紫蘇 赤苓 澤左 (各二リ)

Trầm-hương 5 đồng. Úc-lý-nhân 5 đồng, Đinh-lich 5 đồng, Quất-hồng 2 đồng rưỡi, Phòng-kỷ 2 đồng rưỡi, Hồ-phách, Hạnh-nhân, Tử tô, Xích-linh, Trạch-tả (đều 2 đồng).

Tán bột luyện mật viên, xạ-hương làm áo, mỗi bần uống 2 đồng, sắc dương-sâm làm thang.

赤金豆

Xích - kim - đậu

巴豆一リ半去油 生附子二リ 皂角二リ 炒焦
輕粉一リ 丁香 天竺黃 木香 (各三リ)

Ba-dậu 1 đồng rưỡi, Sinh-phụ-tử 3 đồng, Tào-dác 2 đồng, Khinh-phấn 1 đồng, Đinh-hương, Thiên-trúc-hoàng. Mộc-hương (đều 3 đồng).

Tán bột tằm giấm-thanh luyện hồ rồi viên bằng bột thóc.
Chu-sa 2 đồng (朱砂二リ)

Tán bột làm áo, mỗi bận uống 5 viên. Muốn chóng uống nhiều hơn, nhược bằng đi rửa không chỉ, phải uống 1 hậm nước lã thì chỉ.

百順丸

Bách - thuận hoàn

川大黃四リ煨 皂角四リ炒焦

Xuyên-dại-hoàng 4 đồng, Tào-dác 4 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

金匱腎氣丸

Kim - quĩ - thận - khí hoàn

熟地六リ 淮山四リ炒 赤苓四リ 牡丹一リ半炒

澤左三リ鹽炒 車前二リ炒 牛必二リ

肉桂一リ磨 嬰附五分

Thục địa 6 đồng, Hoài-sơn 4 đồng, Xích-linh 4 đồng, Mẫu-dơn 1 đồng rưỡi, Trạch-lả 3 đồng, Xa-tiên 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Nhục quế 1 đồng, Chế-phụ 5 phân. (bỏ sơn-thù đi).

禹功散

Yũ - công tán

黑丑二リ炒 小茴五リ炒 木香三リ

Hắc-sửu 2 lạng, Tiểu-hồi 5 đồng, Mộc-hương 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 3 đồng.

導水丸

Đạo-thủy hoàn

川大黃二兩煨

黃芩二兩酒炒

活石四兩

黑丑四兩

Đại-hoàng 2 lạng, Hoàng-cầm 2 lạng, Hoạt-thạch 4 lạng, Hắc-sửu 4 lạng.

Tán bột luyện hồ viên mỗi bận uống 3 đồng.

濟川散

Tuần-xuyên tán

甘遂二兩煨

郁李仁一兩

川大黃三兩煨

黑丑三兩炒

芒硝二兩

Cam-toại 2 đồng, Úc-lý-nhân 1 đồng, Đại-hoàng 3 đồng, Hắc-sửu 3 đồng, Mang-tiêu 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 1 đồng.

簡易方

Giản dị phương

Dùng thổ cầu là con dế có 2 tay độ 6, 7 con sao khô tán bột uống 1 đồng hòa với rượu. Hoặc dùng diên-loa là con ốc nhồi 1 rổ, dựng vào chậu đồ đầy nước thêm 1 chén dầu vừng thì ốc nhả nhiều rãi; vớt lấy rãi phơi khô tán bột hòa rượu uống 3 phân.

又方

Lại bài nữa

Nhái-xanh 2 con, con giế có hai tay 7 con vỏ quả bầu-khô 5 đồng. Đều sấy khô cùng tán bột. mỗi bận uống 2 đồng Thang bằng rượu.

氣 腫

64. — Khí - sưng

Chứng khí-sưng là bệnh phù hơi bệnh này thuộc dương, tính dương nhanh chóng vậy nên bệnh phát lên mau chân tay đều sưng, hoặc liền cả ngực sườn, hoặc suốt cả thân thể, hoặc đau vào trong tạng phủ, ấn vào da như bong-bóng, ấn xuống lại lên, bởi vì khí huyết chẳng hòa ăn uống ngưng trệ, ngoài thời mưa gió chẳng thuận, nóng lạnh trái tiết, cho nên hóa ra bệnh sưng, phải xét hư thực thể nào mà chữa; như tiểu-tiền vàng đỏ, đại-tiền táo kết, người mạnh khỏe, hoặc ít tuổi mạch thời hoạt, chạy có sức là nhiều phần thực. Như nước tiểu trong, đại-tiền lỏng, người thời yếu đã có tuổi mạch chạy chậm là nhiều phần hư.

Một thứ ăn uống tích trệ mà phù sưng dùng bài *Khuếch-thanh-đm*, như có đau bụng dùng phương *Bài-khí-đm*, *Thần hương-tán*, hoặc có tức đầy, bụng rắn mà đau dùng thang *Đại-thừa-khí*, *Bách-thuận-hoàn* cho hạ đi, bằng như khí tức ở trong mà ngoài cũng đầy, dùng củ-tỏi nướng qua, chấm muối thường ăn cơm thời khỏi. Nhược bằng khí chướng mà tiểu-tiền không lợi dùng bài *Ngũ-linh-tán*, lấy mấy củ-tỏi nướng qua luyện làm viên mà uống.

Một thứ con tỳ vị hư hàn, ăn uống chậm tiêu mà đầy bụng dùng *Lý-trung-thang*, *Ôn-vị-đm*, *Ngũ quân-tử*. Nhược bằng hạ-tiêu hư hàn không hay vận hóa dùng bài *Lý-đm-tiên*, bài *Kim-quỹ-thận-khí*.

Một thứ nhân ngoại cảm gió độc mà tự nhiên hóa bệnh sưng dùng bài *Chinh-sái-hỗ* bài *Bại-độc-tán*. Nhược bằng nhân gió mà lửa bốc lên trong ngoài đều nóng dùng bài *Thực-dược-thanh-can*, hoặc bài *Long-đảm-lả-can*.

Nhược bằng nóng chạy vào trong mà khát nước, uống nhiều dùng thang *Bạch-hồ*, bằng như tức đầy nóng quá không thấy lui dùng thang *Đại-thừa-khí*, bài *Bách-thuận-hoàn* cho hạ đi.

列 方

Liệt các bài thuốc

廓 清 飲

Khuếch - thanh âm

茯苓三リ 澤左三リ 炒 白芥子二リ 炒
腹皮二リ 枳壳二リ 炒 厚樸一リ 半
萸薊一リ 炒 陳皮一リ 炒

Phục-linh 3 đồng, Trạch-tả 3 đồng, Bạch-giới-tử 2 đồng,
Phúc-bì 2 đồng, Chi-xác 2 đồng, Hậu-phác 1 đồng rưỡi,
La-bặc 1 đồng, Trần-bì 1 đồng.

Bài-khi-âm ở số 13 KHÍ-QUYẾT

Thần-hương-tán ở số 46 ÂM-THỰC.

Đại-thừa-khi, Lý-âm-tiên, Lý-trung-thang Bạch-hồ-
thang đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRUNG-HÀN

Ngũ-quân-tử ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Kim-quỹ-thận-khi ở số 63 HỦY-SŨNG.

正 柴 胡 飲

Chính - sai - hồ âm

柴胡二リ 白芍三リ 防風一リ 陳皮一リ 炒
炙草一リ 生姜五片

Sai-hồ 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng,
Trần-bì 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-khương 5 nhát.

敗毒散

Bại - độc tán

党参姜炒 茯苓 川芎 柴胡 前胡 姜活
獨活 枳壳炒 桔梗 生草 (各三リ)

Đảng-sâm, Phục-linh, Xuyên-khung, Sài-hồ, Tiên-hồ, Khương-hoạt, Độc-hoạt, Chỉ-xác, Kết-cánh, Sinh-thảo (đều 3 đồng).

Tán bột, mỗi bận uống 2 đồng, thang bằng nước gừng.

芍藥清肝湯

Thược - dược thanh - can tán

白朮土炒 川芎 防風 姜活 桔梗 滑石
石羔煨 芒硝 (各六分) 黃芩炒 薄荷 荆芥
前胡 炙炒 白芍 (各三分) 川大黃八分煨
柴胡四分 知母四分 梔子四分炒黑

Bạch-truật, Xuyên-khung, Phòng-phong Khương-hoạt Kết-cánh, Hoạt-thạch Thạch - cao, Mang-tiêu (đều 6 phân), Hoàng-cầm, Bạc-hà, Kinh-giới, Tiên-hồ, Chỉch-thảo, Bạch-thược (đều 3 phân), Xuyên-dại-hoàng 8 phân, Sài-hồ 4 phân Tri-mẫu 4 phân, Chi-tử 4 phân.

七味龍膽瀉肝湯

Thất vị long - đản - tả - can thang

柴胡 澤左炒 車前炒 木通 龍胆
歸尾 生地 (各二リ)

Sài-hồ, Trạch-tả, Xa-tiên. Mộc-thông, Long-dảm, Quy-vĩ, Sinh-dịa (đều 2 đồng).

Bách-thuận-hoàn ở số 62 Tích-tự

Hựu giản phương

La-bặc 1 lạng tán nhỏ hòa nước, vắt lấy nước; lấy sa-nhân 1 lạng tẩm một đêm, rồi sao khô như thế 7 bận, rồi tán bột uống 1 đồng hòa nước cơm.

鼓 脹

65. — Cỗ - chương

Bệnh cỗ thời mặt, mũi, chân, tay không sưng, chỉ có bụng to như cái trống, bởi vì nguyên khí đại hư, tỳ vị tổn thương quá lắm, hoặc bệnh phù sưng không khỏi thu vào trong bụng. Pho nội-kinh nói rằng: «dất phẳng thành ruộng nương, bất cập thành hồ ao, thái quá thành gò đồng», người đời xưa nói: phong, lao, cổ, cách từ chứng nan y, thật là chứng ấy rất khó chữa, trị bệnh này nên bồi bổ khí huyết, điều hòa tỳ vị làm chủ, nhược bằng dùng thuốc công phạt mà không giữ lấy nguyên khí thời không cứu được.

Một thứ tỳ âm huyết hư thời ít ngủ mà đại tiện táo dùng phương *Bồ-tỳ-âm*, gián phục bài *Bát-vị-hoàn*.

Một thứ vị dương khí kém ít thời ăn uống không tiêu mà đại-tiên đường tiết dùng thang *Gia-dảm-lục-quân*, gián phục với thang *Quy-tỳ*.

補 脾 陰 方

Bồ-tỳ-âm phương

熟地八两 冬朮一斤土炒 洋参四两姜炒 乾姜二两炒
Thục-dịa 8 lượng, Đông-truật 1 cân Dương-sâm 4 lượng, Can-khương 2 lượng.

Thái nhỏ bỏ vào nồi sắc 3 nước cách thủy đúc thành cao mỗi bữa uống 1, 2 thìa. Sắc hạt sen làm thang mỗi ngày uống 3 bữa

加 減 六 君 湯

Gia dảm lục-quân thang

洋参三片姜炒 冬朮二片土炒 茯苓三片
炙草 陳皮炒 厚樸炒 蘇梗 各一
白豆蔻一 大棗一枚 生姜五片

Dương-sâm 3 đồng, Đông truật 2 đồng, Phục-linh 3 đồng, Chích-thảo, Trần bì, Hậu-phá, Tô ngạnh (đều 1 đồng), Bạch-đậu-khẩu 1 đồng Đại-táo 1 quả Sinh-khương 5 nhát.

簡易方

Giản dị phương

Kê-thỉ-lễ là cửt gà trắng khô 1 lễ sao vàng đựng vào túi, lấy rượu sắc uống 3 chén.

又傳方

Hựu truyền phương

Vỏ quả bầu mới mà khô thái nhỏ, 1 lễ là 3 bát nước sắc uống, thêm nửa chén rượu. Uống luôn 7 ngày,

氣鼓方

Khí - cồ phương

La-bặc-tử 5 đồng dâm nhỏ hòa nước, vắt lấy nước, dùng Sa-nhân 1 lạng tằm 1 đêm sao khô như thố 7 bận, tán bột mỗi bận uống 1 đồng, thang bằng nước cơm.

水鼓方

Thủy - cồ phương

Nhái-xanh 2 con, thỏ-cầu là con để có 2 tay lấy 7 con, vỏ quả bầu khô mới, sấy khô 5 đồng, cùng tán bột, mỗi bận uống 2 đồng thang bằng rượu.

Quy-tỷ-thang, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG.

黃疸

66. — Hoàng - đàn

Chứng hoàng-dân là da vàng, bủng như thị dục. Trong sách có chia làm 5 thứ :

Một thứ là suốt người cả trong con mắt cũng vàng như nghệ, nước tiểu cũng vàng gọi là hoàng-dân.

Một thứ bờ-hôi vàng thẫm ra áo như ruộm nghệ gọi là hãn-dân.

Một thứ ăn uống thương tý mà vàng gọi là cốc-dân.

Một thứ uống rượu thương thấp mà vàng gọi là tửu-dẫn ;
 Một thứ dầm dục thương âm mà vàng gọi là sắc-dẫn.

Gồm 5 thứ dẫn ấy chẳng qua âm dương, biểu, tà, táng, dâm
 bốn chứng mà thôi phải chia ra mà dùng thuốc.

Một thứ chứng dương dẫn bởi nhân thấp nhiệt thời mình
 nóng, khát nước, ăn nhiều dôi luôn, nước tiểu ít mà đỏ,
 đại-liện táo kết, mạch thời hồng xác có sức, nhiệt vừa dùng
 bài Nhân-trần-âm, Đại-phân-thanh, Chi-lư-nghiệt-bì, nóng lắm
 thời dùng bài Nhân-trần-hạo, bài Chi-lư-dại-hoàng.

Một thứ chứng âm dẫn bởi vì khí huyết hư, hoặc có sự
 thất tình thương ngũ tạng, hoặc có việc khó nhọc thương
 hình thể mạch thời trăn tri, chạy yếu phải dùng thuốc bổ tỳ
 thận, bổ khí huyết. Khí huyết sung túc thời sắc vàng nhạt
 dần mà khỏi, như tỳ hư dùng thang Ngũ-quân-tử, bài Thọ-
 tỳ-tiên, bài Ôn-vị-âm, như thận hư dùng Thận-khí-hoàn, Bát-
 vị-hoàn, Lý-âm-tiên, Hữu-quy-âm, Lục-vị hồi-dương. Nhược
 bằng có kèm hàn thấp dùng bài Ngũ-linh-tán, bài Nhân-
 trần-ngũ-linh-tán, để dần phục các bài ôn bổ.

Một thứ chứng thương hàn phát hoàng mà nóng sốt chưa
 khỏi, dùng thang Sài-linh, bài Quế-chi-gia-hoàng-kỳ, bài Nhân-
 trần-ngũ-linh. Nhược bằng trong bụng nóng lắm dùng bài
 Nhất-sái-hồ, hoặc bài Sài-cầm-tiến.

Một thứ kinh khủng phát hoàng ắt là sợ hãi mất mật thời
 quả tim trái cật đều bị tương phải dùng thuốc đại bổ như
 bài Đại-bổ-nguyên, Thất-phúc-âm, Lục-vị-hồi-dương, lại thêm
 những vị an thần là Chu-sa 5 phân. Thần-sa 5 phân, liễm
 khi dùng Phá-cổ 1 đồng, Ngũ-vị 15 hột, lại phải khai đạo
 những sự lợi hại để cho giải những việc nghi hoặc, ngờ vực.

列 方

Liệt các bài thuốc

Nhân-trần-âm, Ngũ-linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số
 8 THƯƠNG-THẤP.

Đại-bổ-nguyên, Ngũ-quân-tử, Thất-phúc-âm, Bát-vị-
 hoàn, Hữu-quy-âm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Nhất-sái-hồ, Lý-âm-tiên, Lục-vị-hồi-dương đều ở số 3
 THƯƠNG HÀN.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRUNG-HÀN.

Thận-khí-hoàn ở số 62 TÍCH-TU.

梔子萼皮湯

Chi-tử nghiệt-bì thang

梔子五リ炒黒

黄伯二月炙

生草一両

Chi-tử 5 đồng.

Hoàng-bá 2 lạng,

Sinh-thảo 1 lạng.

茵陳蒿湯

Nhân-trần-hao thang

茵陳九リ

川大黃三リ煨

梔子二リ炒黒

Nhân-trần 9 đồng

Đại-hoàng 3 đồng,

Chi-tử 2 đồng.

梔子大黃湯

Chi-tử đại-hoàng thang

梔子五リ炒黒

川大黃五リ煨

枳寔二リ炒

豆豉五リ炒

Chi-tử 5 đồng, Đại-hoàng 5 đồng, Chi-thực 2 đồng, Đậu-xi 5 đồng.

壽脾煎

Thọ-tỳ tiên

党参三リ姜炒

白朮土炒

當歸

淮山炒

續仁炒黒 (各二リ)

乾姜一リ炒

炙草一リ

遠志一リ製

蓮肉十粒炒

大棗二枚

生姜五片

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật, Đường-quy, Hoài-sơn, Tào-nhân (đều 2 đồng), Can-khương 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Viễn-chí 1 đồng, Liên-nhục 10 hạt, Đại-lão 2 quả, Sinh-khương 5 nhát.

茵陳五苓散

Nhân-trần ngũ-linh tán

茵陳一両散末

五苓散五リ

Nhân-trần 1 lạng (tán bột), bài Ngũ-linh-tán 5 đồng.

Hòa lẫn uống 2 đồng.

桂枝加黃芪湯

Quế-chi gia hoàng-kỳ thang.

桂枝二リ 白芍二リ 黃芪二リ炙 炙甘草一リ
生姜一リ 大棗二枚

Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng,
Chích-thảo 1 đồng, Sinh-kương 1 đồng Đại-lão 2 quả.

柴苓飲

Sài - linh âm

澤左三リ炒 柴胡 猪苓 茯苓 白朮土炒
(各二リ) 肉桂一リ磨

Trạch-tả 3 đồng, Sài-hồ, Chư-linh Phục-linh, Bạch truật
(đều 2 đồng), Nhục quế 1 đồng.

柴苓煎

Sài - cãm tiên

柴胡 黃苓炒 澤左炒 白朮土炒 梔子炒黑
(各二リ) 枳壳一リ炒

Sài-hồ, Hoàng-cãm, Trạch-tả Bạch truật. Chi-tử (đều 2 đồng),
Chỉ xác 1 đồng.

驗方

Nghiệm phương

Trị chứng âm-dẫn dùng giấy rơm lấy quánhúttoquần 3 lần, làm cái ống dài 3 tấc một đầu bịt kín, lấy sáp nguyên nấu cho chảy ra, phết vào chung quanh cái ống, khiến người bệnh nằm ngửa đem cái ống úp vào rốn lại lấy bột hòa nước luyện cho giềo nặn làm cái khuyên, để giữ lấy chân ống cho khỏi đổ và cho khỏi hở hơi ra, châm lửa đốt dầu ống, cháy đến gần hết thời bỏ ra lại thay đốt ống khác xem trong rốn có nước vàng sẽ lấy giấy mà thấm đi, bệnh nhẹ lấy 7, 8 ống, bệnh nặng đốt vài chục ống, ngày đốt hai lần, lấy hết nước vàng trong rốn mới thôi, 3 ngày thì khỏi thực là tiên phương.

Trị chứng dương-dẫn dùng Mãn thiên-tĩnh 1 năm cả rễ, lá thời nhỏ mà bóng hay mọc ở chấu cây hoặc dưới thềm nhà. là cây cóc-mắn, đem rửa sạch giã nhỏ nấu canh thịt lợn độ 2 lạng mà ăn, ăn hai ba bận thời khỏi, rất là thần hiệu lắm

眩 暈

67 — Huyền-vượng

Chứng huyền-vượng là sấm tối mặt quay chuyển. Pho nội-kinh nói: khi trên không đủ, mắt hóa ra mờ, tai hóa ra ù, đầu hóa ra nghiêng. người ta khi đứng ngồi tự nhiên sấm tối mặt mà quay chuyển bởi vì gió hay quạt lửa, lửa động sinh dờm thực là bệnh âm hư huyết thiếu. Trị bệnh này tâm can huyết hư dùng bài *Nhân-sâm-dưỡng-vinh*, thang *Quy-lý*, *Đại-doanh-tiên*, *Tiểu-doanh-tiên*. Thận thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoàn* *Tá-quy-âm*. Nhược bằng chân hỏa hư dùng bài *Bát-vị-hoàn*, *Hữu-quy-âm* đều là phép vương-dạo trị chứng huyền vượng đó vậy.

Một thứ huyền-vượng nặng quá không ngồi lên được, dùng Đại-hoàng 1, 2 đồng tằm rượu sao, tán bột hòa nước sôi uống thời khỏi ngay.

人 参 養 榮 湯

Nhân - sâm - dưỡng - vinh thang

熟地六リ	党参三リ姜炒	黄底二リ炙
當歸二リ	白朮二リ土炒	白芍二リ炒
茯苓二リ	陳皮一リ炒	炙草一リ
桂心一リ	遠志一リ製	五味十粒炒

Thực-dia 6 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Quế-lâm 1 đồng, Viễn-chí 1 đồng, Ngũ-vị 10 bột.

Còn bày bài nữa đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

虛 煩

68. — Hur-phiên

Chứng hư phiền là trong bụng bồn chồn, tâm thần chẳng yên như có công việc rối rít, bởi vì tân-dịch khô ráo, hoặc là bệnh mới khỏi mà âm huyết chưa sung túc, trong bụng nóng mà sinh phiền muộn, phải dùng thuốc thanh nhiệt an tâm, tư âm bổ huyết, ninh tâm dùng *Viễn-chí-thang*, thanh nhiệt dùng *Nhị-âm-tiến*, bổ huyết dùng *Tam-âm-tiến*.

遼 志 湯

Viễn - chí thang

遼志一リ製 生草七分 當歸 黃芪炙
石斛 聚仁炒黑 沙參姜炒 茯苓
麥門炒 (各二リ)

熱多加: 知母二リ 竹葉廿片

Viễn-chí 1 đồng, Sinh-thảo 7 phân, Đương-quy, Hoàng-kỳ, Thạch-hộc, Tảo-nhân, Sa-sâm, Phục-thần, Mạch-môn (đều 2 đồng).

Nóng lắm gia : Tri-mẫu 2 đồng, Trúc-diệp 20 lá.

Nhị-âm-tiến, *Tam-âm-tiến* đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

不 寐

69. — Bất-my

Chứng bất-my là không ngủ được, như mười hôm suốt đêm không ngủ, hoặc một tháng mỗi đêm chỉ ngủ 1, 2 giờ, hoặc là bệnh mới khỏi hình thể còn yếu, hoặc là nhiều tuổi âm hư đều thuộc chứng khuy tổn phải nên dùng thuốc bổ âm tĩnh tâm chủ, bằng như có bệnh khác đau đớn mà không ngủ được phải theo chứng ấy mà chữa, hoặc trong bụng có nghĩ ngợi việc gì và buổi tối uống chè lạ thường dẫn-dạo mà không ngủ đều thuộc sự ngẫu nhiên.

養心湯

Dưỡng-tâm thang

熟地五リ 党参三リ 姜炒 生地二リ 當歸二リ
麥門二リ炒 棗仁二リ炒 黒 茯神二リ
炙草一リ 川黄連五分 柏子仁五分去油
蓮肉十粒炒 燈心十根

Thục-dịa 5 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Sinh-dịa 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Mạch-môn 2 đồng, Táo-nhân 2 đồng, Phục-thần 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Hoàng-liên 5 phần, Bạch-tử-nhân 5 phần, Liên nhục 10 hột, Dưỡng-tâm 10 sợi.

安神復睡湯

An-thần phục-thụy thang

熟地六リ 淮山三リ炒 白芍二リ炒
當歸二リ 棗仁二リ炒 黒 龍眼二リ
川芎五分 益智五分 遠志五分製

Thục-dịa 6 đồng, Hoài-sơn 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Táo-nhân 2 đồng, Long-nhãn 2 đồng, Xuyên-khung 5 phần, Ích-tri 5 phần, Viễn chí 5 phần

秘傳棗仁湯

Bí truyền táo-nhân thang

棗仁炒黒 茯神 党参姜炒 黄莖炙
當歸 (各二リ) 茯苓一リ 炙草一リ
陳皮五分炒 遠志五分製 蓮肉十粒炒

Táo-nhân, Phục-thần, Đảng-sâm, Hoàng-kỳ, Đương-quy (đều 2 đồng) Phục-linh 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Trần-bì 5 phần, Viễn-chí 5 phần, Liên-nhục 10 hột.

Quy-tỳ-thang ở số 10 Chư-hư-chung. (Bỏ vị mộc-hương di, gia thục-dịa 5 đồng).

健忘

70. — Kiện - vong

Chứng kiện-vong là vụt chốc quên mất, nghĩ mãi cũng không ra, thực là nói trước quên sau, bởi vì trong lòng hay lo nghĩ lắm cho nên thương tổn tâm tỳ, âm hư huyết ráo mà kém sự thông minh; trong Nội-kinh nói: quả tim biết việc về sau, trái cật còn ghi truyện trước. Chứng kiện-vong này phải trách ở tâm thận dùng thuốc an thần bổ huyết như thang Quy-tỳ, bài Thiên-vương bổ-tâm, lại phải dùng thuốc an thần bổ huyết như bài Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm khiến âm tĩnh trên phụng dưỡng tâm quân thời trong lòng sáng suốt mà chẳng có quên sự gì cả

Lục vị-hoàn Tả-quy-âm, Quy tỳ-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Thiên-vương bổ-tâm ở số 1 NỘI THƯƠNG.

簡易方

Giản dị phương

孔聖枕中湯

Không-thánh chẩm-trung thang

龜板醋炙 遠志製 龍骨煨 石菖蒲 (各五リ)

Quy-bản, Viễn-chí, Long-cốt, Thạch-xương-bổ (đều 5 đồng).

Tán bột hòa rượu uống 1 đồng, 1 ngày uống 3 bận; (sáng, trưa, tối).

開心散

Khai-tâm tán

石菖蒲一升

茯神一升

沙參五リ姜炒

遠志三リ製

Thạch xương-bổ 1 lượng, Phục-thần 1 lượng, Sa-sâm 5 đồng, Viễn-chí 3 đồng.

Tán bột hòa nước gạo, rang cháy mỗi bận uống 1 đồng.

怔 忡

71. — Chình - sung

Chứng chình-sung là hoảng hốt bệnh tại quả tim cho nên hay thấy đánh trống ngực trong lòng sợ hãi chẳng lúc nào yên, hư vừa động ít hư lắm động nhiều; bởi vì âm huyết khô ráo phải dùng thuốc bổ tinh huyết, nhược bằng bảo tại đàm hỏa mà dùng thuốc công phạt thời sinh ra các bệnh khác.

Một thứ tâm huyết hư dùng bài *Đại-doanh-tiên*, bài *Lý-âm-tiên* nhược bằng tâm thần chẳng yên dùng bài *Ninh-chí-cao*, *Viễn-chí-hoàn*

Một thứ thận thủy hư mà hoảng-hốt không khỏi dùng bài *Lự-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-đm*, nhược bằng mệnh-môn hỏa suy dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-đm*. Bằng như phiền uất lo quá, báo thương tâm huyết mà hoảng-hốt không khỏi dùng bài *Tiểu-dao-tán*, bài *Ich-doanh-thang*.

寧 志 膏

Ninh - chí cao

沙 参 五 リ 炒 棗 仁 五 リ 炒 黑 硃 砂 五 リ
乳 香 一 リ

Sa-sâm 5 đồng, Tảo-ubán 5 đồng, Chu-sa 5 đồng, Nhũ-hương 1 đồng.

Tán bột luyện mật ong viên bằng hột nhãn, mỗi bận uống 2 viên, thang bằng bắc với hột sen sắc nước

益 營 煎

Ich - doanh tiên

沙 参 姜 炒 當 歸 黃 芪 炙 茯 神 (各 二 リ)
棗 仁 炒 黑 紫 石 英 煨 白 芍 炒 栝 子 仁 去 油
(各 一 リ) 遠 志 製 木 香 炙 草 (各 五 分)

Sa-sâm, Đương-quy, Hoàng-kỳ. Phục-tiễn (đều 2 đồng), Tảo-nhân, Tử-thạch-anh, Bạch-thược. Bạch-lử-nhân (đều 1 đồng), Viễn-chí. Mộc-hương, Chỉch-thảo (đều 5 phân).

Lục-vị-hoàn, Tá-quy-âm, Bát vị-hoàn, Hữu quy-âm,
Đại-doanh-tiên đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tiêu-dao-tán ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Viễn chí-hoàn ở số 22 TÀ-TÝ.

驚 悸

72 — Kinh - quý

Chứng kinh-quý là khiếp sợ bởi can huyết hư không chứa được thần hồn, vậy nên khi ngủ hay có bóng đè, nhân sự sợ hãi mà thành bệnh như là có người đến bắt mình, run sợ chẳng yên phải dùng thuốc bổ huyết an thần, bằng như có đờm cũng phải tiêu đi mới kỏi.

Một thứ sợ lắm thần hồn mê mẩn dùng bài *Thất-phúc-âm*, bài *Đại-bồ-nguyên*, bằng như hỏa tịnh phiền táo chẳng yên dùng bài *Nhị-âm-tiên*, bài *Ga-dâm-nhất-âm*. Nhược bằng huyết nhiệt mà hay sợ dùng bài *Chu-sa-an-thần*.

Một thứ đờm mê lấp quả tim lóa ra sợ dùng thang *Ôn-dâm*, hoặc bài *Phục-linh âm-tứ*, như đờm nhiều quá dùng bài *Chu-sa-liêu-dâm*.

列 方

Liệt các bài thuốc

溫 胆 湯

Ôn - dâm thang

枳實三リ炒 竹茹三リ 茯苓三リ 陳皮四リ炒
法夏二リ 炙草一リ

Chỉ-thực 3 đồng, Trúc-nhự 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Trần-bì 4 đồng, Pháp-bạ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

茯 苓 飲 子

Phục - linh - ẩm - tử

陳皮炒 法夏 茯苓 茯神 麥門炒 (各一リ半)

生草三分 洗香一分磨

Trần-bì, Pháp-hạ, Phục-linh, Phục-thần, Mạch-môn (đều 1 đồng rưỡi), Sinh-thảo 3 phần, Trầm-hương 1 phần.

硃 砂 消 痰 飲

Chu - sa tiêu đàm ẩm

胆星五リ 朱砂一リ半 射香二分

Đảm-tinh 5 đồng, Chu-sa 1 đồng rưỡi, Xạ-hương 2 phần.

Tán bột mỗi bận uống 1 đồng, thang bằng gừng.

Thất-phúc-ẩm, Đại-bổ-nguyên, Nhị-âm-tiên đều ở số 1 Nội-thương.

Gia-dảm nhất-âm ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Chu-sa an-thần ở số 23 TÀ-TÝ

Những chứng hư-phần, bát-mỹ, kiện-vong, chinh-sung, kinh quý. 5 chứng ấy tên khác nhau mà bệnh giống nhau đều bởi tâm, tỷ, can, thận 4 kinh hiện ra chứng nặng nhẹ thời phép chữa phải tham dùng các bài thuốc

Chỉ có thang Quy-tý gồm trị cả năm chứng.

消 渴

73. — Tiêu - khát

Chứng tiêu-khát là bực tam-tiêu bị bệnh.

Thượng-tiêu bệnh ở buồng phổi; miệng thời khát nước, đi tiểu luôn luôn đêm ngày không có chừng gọi là chứng tiêu-khát.

Trung-tiêu bệnh ở dạ-dầy; ăn nhiều đói luôn, tân dịch khô ráo mà sinh khát nước gọi là chứng tiêu-trung.

Hạ-tiểu bịnh ở bờ-dục thời đi tiểu luôn luôn, nước dục như hồ, nóng khát uống nhiều, mặt thời đen, tai thời khô, gọi là chứng thận-tiểu.

Ba chứng ấy đều bởi tại sự tửu sắc quá độ, hoặc hay ăn gói, chả nướng, hoặc hay uống đan-sa cho nên thận thủy khô kiệt, tâm hỏa bùng lên mà hóa ra khát nước lợi tiểu quá. Chữa bịnh này xem thực nóng phải tả hỏa mới yên, nhược bằng chân thủy hư phải bổ thận mới khỏi.

Một thứ chứng thượng-tiểu thời hay khát nước lắm dùng nước thơm cho uống hoặc là sắc kén lấy nước cho uống rất là thần hiệu, hoặc dùng bài *Ngọc-toàn-hoàn*, thang *Nhân-sâm-thạch-cao*. Nhược bằng khát nước mà nóng lắm dùng thang *Bạch-hồ* gia *Sa-sâm* 5 đồng, nhược bằng hỏa thịnh mà kèm thủy khuy dùng *Ngọc-nữ-tiên*, hoặc *Gia-dâm-nhất-âm*.

Một thứ bịnh trung-tiểu thì ăn nhiều dãi luôn lại hay khát, dùng bài *Trừu-tân-âm*, bài *Mạch-dòng-âm-tử* nhược bằng đại-tiện táo kết dùng thang *Điều-vị-thừa-khi*. Nhược bằng đại-tiện táo thuộc hư chứng dùng bài *Nhân sâm-cổ-bản*.

Một thứ chứng hạ-tiểu thì khát nước mà đi tiểu dục, phải chia ra hàn, nhiệt mà chữa, như thận thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-âm*, thận hỏa hư dùng *Bát-vị hoàn Hữu-quy-âm*, bằng như hỏa nhiệt thịnh dùng bài *Tư-âm-bát-vị-tiên*

列 方

Liệt các bài thuốc

玉 泉 丸

Ngọc - toàn hoàn

麥門 沙參 茯苓 黃蘗 烏梅

生草 (各一兩) 花粉八リ 葛根八リ

Mạch-môn, Sa-sâm, Phục linh, Hoàng-ký Ô-mai, Sinh thảo (đều 1 lượng) Hoa phấn 8 đồng Cát căn 8 đồng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột nhãn ngâm 2 viên.

人參石羔湯

Nhân - sâm thạch - cao thang

沙參五リ 石羔一兩煨 生草二リ 知母三リ
黃芩二リ 杏仁廿粒搗 粳米二撮炒

Sa-sâm 5 đồng, Thạch-cao 1 lượng, Sinh-thảo 2 đồng, Tri-mẫu 3 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Hạnh-nhân 20 hạt, Cánh-mễ 2 dùm.

麥冬飲子

Mạch - đông - ẩm - tử

麥門 生地 沙參炒 茯神 葛根 花粉
知母 生艸 (各一リ) 五味七粒 竹葉十四片

Mạch-môn, Sinh-dịa, Sa-sâm, Phục-thần, Cát-căn, Hoa-phấn, Tri-mẫu, Sinh-cam thảo đều 1 đồng, Ngũ-vị 7 hạt, Trúc-diệp 14 lá.

調胃承氣湯

Điều - vị thừa - khí thang

川大黃三リ 芒硝二リ 生艸一リ

Đại-hoàng 3 đồng, Mang tiêu 2 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

人參固本丸

Nhân - sâm cố - bản hoàn

洋參姜炒 天門炒 麥門炒 熟地 生地
(各三リ)

Dương-sâm, Thiên-môn, Mạch-môn, Thục-dịa, Sinh-dịa đều 3 đồng).

Bạch-hổ-thang, Ngọc nữ-tiên. Trừu-tân-âm, Tư-âm-bất-vị-tiên đều ở số 3 THƯỢNG-HÀN

Gia-dâm-nhất-âm, Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm, Bát-vị-hoàn, Hữu-quy-âm. đều ở số 10 CHƯ HƯ-CHUNG.

鬱 病

74. — Uất - bệnh

Chứng ngũ-uất là thuộc về ngũ tạng : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Chứng lục-uất là : khí, huyết, đàm, thấp, nhiệt, thực; những chứng uất ấy kết tụ lại mà không được phát tán ra. Muốn lên không được lên, muốn xuống không được xuống mà sinh ra bệnh uất; xét xem các bệnh uất chỉ có can uất là nhiều hơn, tâm tỳ uất thời ít.

Một thứ uất dạn dữ thương can mà thành uất dùng bài *Giải-can-tiên*, *Việt-cúc-hoàn*, *Lục-uất-thang*, *Hóa-can-tiên*.

Một thứ uất lo nghĩ thương tởn lâm tỳ dùng bài *Tiên-dao-án*, *Trâm-hương-giáng-khi*, *Đại-doanh-tiên*, *Quy-tỳ-thang*.

鮮 肝 煎

Giải-can tiên

鮮皮炒 法夏 厚樸炒 茯苓 (各一リ半)
蘇葉 一リ 白芍 一リ 炒 砂仁七分

Trần bì, Pháp-hạ, Hậu-phác, Phục-linh (đều 1 đồng rưỡi), Tô-diệp 1 đồng, Bạch-thược 1 đồng Sa-nhân 7 phần.

越 鞠 丸

Việt-cúc hoàn

蒼朮製 香附炒 川芎 神曲炒 梔子炒黑
(各二リ)

Xương-truật, Hương-phụ, Xuyên-khung, Thần-khúc, Chi-tử (đều 2 đồng).

六 鬱 湯

Lục - uất thang

香附炒 蒼朮製 神曲炒 梔子炒黑 連翹
川芎 陳皮炒 法夏 枳壳炒 茯苓
生朮 蘇梗 (各一リ)

Hương-phụ, Xương-truật, Thần-khúc, Chi-tử, Liên-kiêu, Xuyên-khung, Trần-bì Pháp-hạ, Chi-xác, Phục-linh, Sinh-thảo, Tô-ngạnh (đều 1 đồng).

沈香降氣散

Trầm - hương giáng - khí tán

沉香一リ半 沙仁一升 香附六升炒 炙草五升
Trầm-hương 1 đồng ruỡi, Sa-nhân 1 lạng, Hương-phụ 6 lạng, Chích-thảo 5 đồng.

Tán bột uống 1 thìa, hòa nước sôi.

Tiêu-dao-tán ở số 1 Nội-thương.

Hóa-can-tiên ở số 26 Hàn-nhiệt.

Quy-tỳ-thang, Đại-doanh-tiên đều ở số 10 Chư-hư-chứng

六鬱症

Lục - uất chứng

Khí uất thời ngực đau tức đầy dùng Mộc-hương-điều-khí-tán.

Một thứ huyết uất thời thổ huyết tiện huyết, đau mãi một chỗ dùng thang Đương-quý-hoạt-huyết.

Một thứ thực uất thời lợm động chua cở, ngực bụng tức đầy dùng Hương-sa-bình-vị-tán.

Một thứ đàm uất phát suyễn, tức ngực, ho xát dờm dùng thang Qua-lâu-chỉ-xác.

Một thứ nhiệt uất mồm đắng lưỡi khô, tiểu-tiên đỏ mà ít dùng Hỏa-uất-thang.

Một thứ thấp uất thời hay rức xương, ngò ẩm thấp, khi giới mưa thời lại rức dùng thang Thăng-dương-trừ-thấp.

木香調氣散

Mộc - hương điều - khí tán

木香五分 沙仁五分炒 炙草三分 肉桂三分
烏藥 香附炒 枳壳炒 青皮炒 陳皮炒
川芎 厚樸炒 蒼朮製 (各一リ)

Mộc-hương 5 phân, Sa-nhân 5 phân, Chích-thảo 3 phân, Nhục-quế 3 phân, Ô-dược, Hương-phụ Chỉ-xác, Thanh-bì, Trần-bì, Xuyên-khung, Hậu-phác, Xương-truật (đều 1 đồng).

當歸滑血湯

Đương-quy hoạt-huyết thang

當歸三リ 白芍二リ炒 牡丹二リ炒
香附二リ炒 烏藥二リ 川芎一リ
桃仁一リ 枳壳五分炒 紅花五分
青皮炒 肉桂 乾姜炒 炙草 (各三分)

Đương quy 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Mẫu-đơn 2 đồng, Hương-phụ 2 đồng, Ô dược 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Đào-nhân 1 đồng, Chỉ-xác 5 phân, Hồng-hoa 5 phân, Thanh-bì, Nhục-quế, Can-khương, Chích-thảo (đều 3 phân).

香砂平胃散

Hương-sa bình-vị tán .

蒼朮二リ製 厚樸二リ姜炒 陳皮炒 香附炒
山查炒黑 麥芽炒黑 神曲 (各一リ)
砂仁炒 木香 乾姜炒 炙草 (各五分)
枳壳三分炒 羅蔔三分炒

Xương-truật 2 đồng, Hậu-phác 2 đồng, Trần-bì, Hương-phụ, Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc (đều 1 đồng), Sa-nhân, Mộc-hương, Can-khương, Chích-thảo (đều 5 phân), Chỉ-xác 3 phân, La-bặc 3 phân.

瓜萸枳壳湯

Qua-lâu chỉ-xác thang

瓜萸仁一リ 木香五分 沙仁五分炒
陳皮炒 枳實炒 桔梗 川芎 蒼朮製
香附炒 杏仁 黃芩炒 貝母姜炒 (各一リ)

Qua-lâu-nhân 1 đồng, Mộc-hương 5 phân, Sa-nhân 5 phân, Trần-bì, Chỉ-thực, Kết-cánh, Xuyên-khung, Xương-truật, Hương-phụ, Hạnh-nhân, Hoàng-cầm, Bối-mẫu (đều 1 đồng).

火 鬱 湯

Hỏa - uất - thang

梔子炒黑 柴胡 葛根 川芎 白芍
連翹 地骨皮 (各一リ) 生草五分

Chi-tử, Sài-hồ, Cát-căn, Xuyên-khung, Bạch-thược, Liên-kiêu,
Địa-cốt-bì (đều 1 đồng), Sinh-thảo 5 phân

升 陽 除 濕 湯

Thăng - dương trừ - thấp thang

蒼朮二リ製 升麻 柴胡 防風 陳皮炒
澤左炒 豬苓 神曲 麥牙炒黑 (各一リ)
炙草五分

Xương-truật 2 đồng, Thăng-ma, Sài-hồ, Phòng-phong Trần-bì, Trạch-lã, Chư-linh, Thần-khúc, Mạch-nha (đều 1 đồng), Chích-thảo 5 phân.

癩 狂

75. — Diên-cường

Bệnh diên-cường là đồ-dại, có âm, dương hư thực 2 thứ:
Chứng diên thuộc âm gần gần như say rượu sạch bần
không biết như là thẹn thò, khi bất khi khóc ăn nói thất
thường, liếc mắt trông trộm như là thấy ma

Chứng cuồng thuộc dương lấy mình tôn trọng, nhưng
nháo, nói càn chẳng cứ gì ai trèo cao, hát, cười, vút áo mà
chạy. Bệnh cuồng là hỏa thịnh lắm, phải dùng thuốc hạ
mới khỏi. Bệnh diên là tru sâu lắm, phải khai uất mới khỏi.

Một thứ chứng diên bởi ước ao không được thỏa lòng,
lo nghĩ nát kết nên trước dùng bài *Tiểu-dao-tán*, thang
Lục-uất, rồi cho uống thang *Quy-tỷ* gian phục với bài *Hỏa-*
cận-tư-thận.

Một thứ chứng cuồng bởi vì hỏa thịnh nóng này qua,
trước phải dùng bài *Triều-tán-âm* bài *Hoàng-liên-gải-độc*,
nhược bằng đại tiện táo kết dùng thang *Dại-thừa-khi*. Nhược
bằng thủy khuỷ hỏa thăng tâm thận lưỡng hư dùng bài

Chu-sa-an-thần, bài Phục-man-tiên, bài Vhị-âm-tiên, nhược bằng vị hởi thịnh, khát nước nhiều dùng thang Bạch-hồ, Ngoc-toán-tán, như có đờm nhiều dùng Cồn-đâm-hoàn Thanh-cách-âm, Bão-long-hoàn. Bằng như tâm tý nhiệt quá, kêu gào luôn luôn dùng bài Sinh-thiết-lạc-âm, Thanh-tâm-thang, Lương-cách tán hoặc bài Đương-quy-long-hội-hoàn.

列 方

Liệt các bài thuốc

服 蠶 煎

Phục-man-tiên

生地 麥門炒 白芍 昌蒲 石斛 牡丹
茯苓 (各二リ) 知母一リ半 木通一リ半
陳皮一リ炒

Sinh-địa, Mạch-môn, Bạch-thược Xương-bồ, Thạch học, Mẫu-dơn. Phục-thần (đều 2 đồng), Tri-mẫu 1 đồng rưỡi, Mộc-thông 1 đồng rưỡi, Trần-bì 1 đồng.

生 鉄 落 飲

Sinh-thiết-lạc-ẩm

鉄落六斗

Thiết-lạc vẩy sắt ở lò-rèn) 6 đấu đun lấy nước dể sắc thuốc :

石羔六リ煨 竜齒三リ煨 茯苓三リ
防風 玄參 秦艽 (各二リ)

Thạch-cao 6 đồng, Long-xỉ 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Phòng-phong, Huyền-sâm, Tần-dao (đều 2 đồng).

清 心 湯

Thanh-tâm-thang

黃連 黃芩 梔子炒黑 連翹 薄荷
生朮 芒硝 大黃 (各二リ)

Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Chi-tử, Liên-kiều, Bạc-hà, Sinh-thảo, Mang-tiêu, Đại-hoàng (đều 2 đồng).

凉膈散

Lương - cách tán

大黃ニリ 樸硝ニリ 石膏ニリ 煨 連翹一リ半
梔子一リ 炒黒 黃芩一リ 生朮五分 薄荷五分
Đại-hoàng 2 đồng, Phác-tiêu 2 đồng, Thạch-cao 2 đồng, Liên-
kiêu 1 đồng rưỡi, Chi-tử 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Sinh-
thảo 5 phân, Bạc-hà 5 phân.

當歸龍薈丸

Đương - quy long - hội hoàn

當歸 龍胆草 梔子炒黒 黃連 黃柏炙
黃芩炒 (各一リ) 蘆薈五リ 大黃五リ 煨
青黛五リ 木香ニリ半 射香一分

Đương-quy, Long-dâm-thảo, Chi-tử Hoàng-liên, Hoàng-bá,
Hoàng-cầm (đều 1 đồng), Lô-hội 5 đồng, Đại-hoàng 5 đồng,
Thanh-dại 5 đồng, Mộc-hương 2 đồng rưỡi, Xạ-hương 1 phân.
Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 3 đồng.

Tiểu-dao-tán, Nhị âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Bạch hử-thang, Ngọc-toàn-tán, Đại-thừa-khí, Trừu
tân-âm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Quy-tỳ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

Hoàng-liên-giải-độc ở số 10 HỎA-CHUNG.

Thanh-cách-âm ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Cồn-dâm-hoàn, Bào-long-hoàn (ở hiệu khách đều có bán).

Hòa-can-tư-thận là bài (Lục-vị-quy-thực) ở số 27

KINH-BỊNH.

癡 獸

76. — Xi - ngai

Xi-ngai là chứng xi ngốc, tâm-tính u-mê, nói-năng nhằm
lẩn, hết đứng lại ngồi, ngằn - ngơ, ngơ-ngằn, bởi vì có sự

gì trái ý, hoặc có việc gì kinh hoảng, hoặc nhân truyện gì ngờ vực mà hóa ra ngáy ngô, phải xét xem hình thể còn khỏe, mạch chạy đều hòa dùng bài *Phục-man-tiên*, nếu đã hôn mê như người mất vía, phải dùng bài *Đại-bồ-nguyên*, bài *Thất-phúc-âm*. Bệnh này tham với bệnh điên mà chữa thuốc.

Phục man tiên ở số 75 ĐIÊN-CUÔNG.

Thất-phúc-âm Đại bồ-nguyên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

癇 症

77. — Dãn - chứng

Dãn chứng là bệnh động kinh hoặc gọi là kinh-dãn, hoặc gọi là điên dãn bởi vì khí nghịch đàm trệ, lấp tia quả tim, cho nên hơi thấy gió ngồn ngọt thời ngã ra, chân tay co kéo, lưng thời cứng, mắt thời trợn, hoặc có nhấm nháy miệng đùn bọt rãi, hoặc có kêu như tiếng dê, lợn một chốc lại tỉnh, chứng này mới phải thì còn dễ chữa, nếu mà đã lâu thời thành cố tật. Khi tỉnh rồi phải dùng *Qua-đề-tán*, cho thổ hết đờm ra lại dùng *Cồn-dàm-hoàn*, cho tiêu đờm đi rồi uống bài *Long-não-an-thần-hoàn*, *Ngũ-dãn-hoàn*, *Uất-kim-dan* để trừ bệnh đi.

Qua-đề-tán ở số 3 THƯƠNG-HÀN

Cồn-dàm-hoàn ở hiệu khách có bán.

龍 腦 安 神 丸

Long - não an - thần hoàn

党参姜炒	地骨皮	生草	麥門炒
犀角磨	硃砂	(各二り)	
茯神三り	桑白皮二り蜜炒	牛黄五分	
龍腦三分	馬牙硝三分	射香二分	

Đẳng-sâm, Địa-cốt-bì, Sinh-thảo Mạch-môn, Tê-dác, Chu-sa (đều 2 đồng), Phục thần 3 đồng, Tang-bạch-bì 2 đồng, Ngưu-hoàng 5 phần Long-não 3 phần Mã-nha-tiêu 3 phần, Xạ-hương 2 phần.

Tán bột luyện hồ viên bằng bột đậu. Lá vàng bạc 6, 7 tờ làm áo uống 10 viên.

五 癰 丸

Ngũ - giản hoàn

烏蛇肉一兩炙

白礬冠一兩

南星一兩製

姜蚕一兩半炒

全蝎二兩炒

雄黃一兩半

蜈蚣半條炙焦

辰砂二兩半

白附五兩煨

皂角二兩炒焦

法夏一兩

射香三分

Ô-sà-nhục 1 lượng, Bạch phàn 1 lượng, Nam-tinh 1 lượng, Khương-tằm 1 lượng rưỡi, Toàn-yết 2 đồng, Hùng-boàng 1 đồng rưỡi, Ngô công nửa con, Thần sa 2 đồng rưỡi, Bạch-phụ 5 đồng, Tào dác 2 lượng sao cháy), Pháp-hạ 1 lượng, Xạ-hương 3 phần

Tán bột lấy nước gừng quấy hồ viên bằng hột đậu uống 10 viên.

釀 金 丹

Uất - kim đan

川芎 防風 釀金炒 皂角炒焦 白附煨 (各一兩)

蜈蚣 - 條炙焦

Xuyên khung, Phòng-phong, Uất-kim, Tào-dác, Bạch-phụ đều 1 lượng, Ngô-công 1 con,

Tán bột luyện hồ viên bằng hột đậu, mỗi bữa uống 10 viên

驗 方

Nghiệm phương

Đùng quả chanh 10 cân bỏ vào nồi đun rừ, bỏ hột đi nấu lại 3 nước hể lấy bã nhặt thời thời, bỏ bã nấu thành cao, gia phen-phi 8 đồng hòa đều, mỗi ngày sớm, tối lấy 3 đồng cao hòa nước sôi uống. Uống 1 tể thời khỏi.

Trị giản thần phương

Bồ-kết 1 cân, hột lú-bù 1 cân, cùng bỏ vào nồi đồ đầy nước đun cho cạn, bỏ bồ-kết đi
Phục-linh 8 lạng, Long-não 2 lạng, (2 vị này sao lã, cho não thấm vào linh).

Bạch-phần 4 lạng (sao khô), Thanh-mộc-hương 1 lạng, Chu sa 1 lạng.

Hợp cả 6 vị lại cùng tán bột, quấy hồ nước gừng luyện làm viên bằng hạt đậu mỗi ngày sáng chiều uống 50 viên một bữa, ước chừng nặng 3 đồng cân Uống 1 tháng thời khỏi rút.

頭 痛

78. — Đầu-thống

Đầu-thống là rức đầu thực đau ở trong óc có rức ở giữa đầu, có rức ở hai bên, có rức ở hai bên thái-dương, rức nhẹ thời như người đâm, rức nặng thời như dùi xiên, như búa bổ khở sở khó chịu bởi vì gió lạnh cảm ở ngoài hư hỏa bốc nóng ở trong, hoặc có âm hư dương hư mà hóa ra rức đầu. Phép chữa bệnh này phải tán phong hàn thanh nội nhiệt, dương hư thời bổ khí, âm hư thời bổ huyết, lại còn chứng rức đầu kinh niên phải dùng thuốc bổ thủy hỏa thời mới khỏi được

Một thứ nhân gió lạnh mà rức đầu thời mũi nẹt tiếng nặng phải theo chứng tương hàn các bài thuốc gia Bạch-chỉ, Tề-tân, Mạn-kinh, Xuyên-khung 4 vị này tị rức đầu.

Một thứ nhân lửa nóng mà rức đầu phải có khát nước dùng Bạch-hồ-thang gia Sinh-dịa, Mộc-thông (đều 2 đồng). Bằng như lửa nóng quá, rức đầu như búa bổ gia Đại-hoàng 2 đồng (tầm rượu sao),

Nhược bằng hỏa vượng rức đầu mà không khát nước dùng bài Gia-dâm-nhật-âm, bài Tư-âm bát-vị.

Một thứ âm hư mà rức đầu hoặc tiểu-tiện đỏ, đại-tiện táo thời phải bổ huyết dùng bài Tam-âm, bài Nhật-âm tuyền.

Một thứ dương hư mà rức dầu, hoặc có sợ lạnh, ăn uống không ngon, thời phải bỏ khi dùng bài *Tứ-quân-tử*, thang *Lý-trung*.

Một thứ rức dầu kinh niên, bởi vì thủy hỏa hư ; chứng thủy suy thời đại-liên thường tao, trong mình thường nóng mùa hạ thời rức hơn dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-âm*, như hỏa hư thời hay sợ lạnh, mùa đông rức hơn dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-âm* đều gia Ngưu-tất 2 đồng, Ngũ-vị 10 hột.

Gia-dảm-nhất âm, Nhất-âm-tiên, Tứ-quân-tử, Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm, Bát-vị hoàn Hữu quy-âm đều ở số 10
CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lý-trung thang, Tam-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Bạch-hồ-thang, Tư-âm-bát-vị đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

簡 易 方

Giản dị phương

硝石三分 人中白三分 冰片三厘

Tiêu-thạch 3 phần, Nhân-trung-bạch 3 phần, Băng phiến 3 ly.

Tán bột thổi vào hai lỗ mũi

Hoặc dùng nước củ cải nấu ngửa giò vào hai lỗ mũi.

Hựu phương

硫黃一り 川椒三分

Lưu-hoàng 1 đồng, Xuyên-tiêu 3 phần

Tán bột luyện hồ viên, dút nút lỗ mũi ; rức bên tả, nút bên tả, rức bên hữu nút bên hữu, rức giữa dầu nút hai bên.

Hựu phương

Dùng lá lốt vò ra mà ngửi ; rức bên tả ngửi bên tả rức bên hữu ngửi bên hữu, rức giữa dầu ngửi cả hai bên, trước ngậm 1 hùm nước lã, ngửi 15 phút đồng-hồ nhỏ nước đi thời khỏi

頭 風

79. — Đầu-phong

Chứng đầu-phong là trong óc có tiếng ù ù như sấm, hoặc có kết hạch trên đầu, bởi vì phong nhiệt nóng quá phải dùng *phép-thở*, *phép-hạ*, hoặc có người tạng hàn không dùng hạ được thời dùng bài *Thanh-chấn-thang*, nhược bằng dầu ù tại về đàm hỏa dùng *Đàm hỏa phương*.

Thở-pháp dùng Trà điều-tán ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Hạ-pháp dùng Thần-khung-hoàn

神 弓 丸

Thần - khung hoàn

大黃一兩煨 黃芩一兩炒 黑丑二兩炒 活石二兩
Đại-hoàng 1 lượng, Hoàng cầm 1 lượng, Hắc-sửu 2 lượng, Hoạt-thạch 2 lượng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu, mỗi bậu uống 20 viên.

清 震 湯

Thanh chấn thang

升麻 蒼朮製 薄荷 (各一兩)

Thăng-ma, Xương-truật, Bạc-hà (đều 1 lượng).

Tán bột uống 3 đồng, dùng lá sen khô tán nhỏ hòa với thuốc điều nước sôi.

痰 火 方

Đàm - hỏa phương

姜蚕五リ炒 生艸二リ 法夏一兩 陳皮五リ炒
黃芩七リ炒 連翹五リ 白芷二リ 大黃二兩煨
桔梗五リ 天麻五リ 薄荷二リ 青礞石二リ煨

Khương-lâm 5 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, Pháp-hạ 1 lạng, Trần-bì 5 đồng, Hoàn-g-cầm 7 đồng, Liên-kiêu 5 đồng, Bạch-chỉ 2 đồng, Đại-hoàng 2 lạng, Kết-cánh 5 đồng, Thiên-ma 5 đồng, Bạc-hà 2 đồng, Thanh-môn-g-thạch 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên bằng hột đậu, mỗi bận uống 2 đồng.

須 髮

80. — Tu-phát

Tóc gọi là huyết dư thuộc về phần máu. Xem như phần máu ít thì tóc khô phần máu nhiều thì tóc mỡ, tinh huyết hư tổn thì tóc hay rụng cho nên những người bệnh hậu, sản-hậu tóc hay rụng nhiều. Song mà râu thuộc thận, thận thủy suy thì râu bạc sớm; tóc thuộc tâm, tâm huyết hư thì tóc sớm bạc, tuy rằng thuộc thời khác nhau, muốn cho tóc xanh râu đen phải bổ tinh huyết mới được, dùng bài Đại-bồ-nguyên, Đại-doanh, Tiểu-doanh, Tam-âm, Lục-vị, gia Đổ-trọng Khử-tử, Lộc-nhung, Lộc dao, sữa người, sữa bò.

Đại-bồ-nguyên, Tam-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tiểu-doanh-tiên, Đại-doanh tiên, Lục-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

治 髮 落 方

Trị phát lạc phương

Dùng cành cây vừng, cành cây liễu hai thứ bằng nhau, nấu nước gội đầu.

Hoặc dùng lá nhọ-nổi ngâm lấy nước soa vào đầu.

Hoặc cành táo non một bó dài 1 thước cắm vào lọ đựng cắm sát đến đáy, châm lửa đốt dầu trên để cho dầu dưới chảy nước ra, trước dùng nước nóng gội đầu sau đem nước táo soa vào đầu.

Lại bài trị tóc rụng như trút

樗子三果 胡桃二果 側柏葉一朊炒

Phi-tử 3 quả, Hồ-dao 2 quả, Trắc bách-diệp 1 lạng sao.

Đám nhỏ ngâm nước thấm lược chải dầu.

Lại bài trị tuổi trẻ bạc tóc

Phải nhổ tóc bạc di lấy mật ong bôi vào, bằng như tóc trắng nhiều quá dùng Hồng-tàu 3 lạng, Khởi-tử 3 lạng.

Đám làm viên, mỗi ngày uống 6 đồng.

Hoặc dùng Hà-thủ-ô 3 lạng (chế), Thục-dịa 1 lạng.

Sắc nước uống, uống nhiều mới hay.

Hoặc dùng bài *Thảo-linh-dan* :

草 靈 丹

Thảo - linh đan

川椒一朊炒 杞子二朊 小茴三リ 扶神三朊

川烏三リ煨 炙草一朊 熟地八朊 淮山四朊炒

蒼朮五リ製 鹿茸一朊酥炙

Xuyên tiêu 1 lạng, Khởi-tử 2 lạng, Tiểu-hồi 3 đồng, Phục-tiễn 3 lạng, Xuyên-ô 3 đồng, Chích-thảo 1 lạng, Thục-dịa 8 lạng, Hoài-sơn 4 lạng, Xương-truật 5 đồng, Lộc-phung 1 lạng.

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng ngày ba lần.

面 病

81. — Diện - bệnh

Diện bệnh là mặt có bệnh. Mặt người ta là tinh hoa ở trong ngũ tạng hiện ra, các dương khí họp lại thực là cái bộ vị rất trong sạch, hoặc khi ở trong dạ-dầy có phong nhiệt mà mặt mũi đỏ, hoặc có hơi nặng sì sì ra, hoặc có mọc mụn, hoặc có trướng cá, hoặc sinh nóng mặt và hoặc sinh ra lạnh mặt phải tùy bệnh mà chữa.

Một thứ mặt nặng sì sì phải cho lợi tiểu-tiện dùng bài *Tứ-linh-tán*, bài *Đạ-phân-thanh*.

Một thứ mặt mọc mụn là thượng tiêu lửa nóng dùng bài *Thanh-thượng-phòng-phong*.

Một thứ mặt đỏ tía là trong dạ-dầy có bệnh dùng thang *Thăng-ma bạch-chỉ*

Một thứ mặt mọc trứng cá là bởi buồng phổi có lửa nóng dùng *Thanh-phế-thang*.

Một thứ mặt nóng là dạ dày có phong nhiệt dùng thang *Thăng-ma-hoàng-liên*.

Một thứ mặt thường hay lạnh là bởi dạ-dầy hư hàn dùng thang *Thăng-ma-phụ-tử*.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tứ linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯỢNG-THẤP.

清 上 防 風 湯

Thanh thượng phòng-phong thang

風防二リ 連 翹 白 芷 桔 梗 (各一リ半)
梔子炒黒 荆 芥 黃 芩 炒 黃 連 (各一リ)
枳 壳 炒 川 芎 薄 荷 (各七分) 生 草 五 分
Phòng-phong 2 đồng, Liên-kiêu, Bạch-chỉ, Kết-cánh đều 1 đồng
rươi, Chi-tử, Kinh-giới, Hoàng-cầm, Hoàng-liên đều 1 đồng,
Chi-xác, Xuyên-khung, Bạc-hà, đều 7 phân, Sinh-thảo 5 phân.

升 麻 白 止 湯

Thăng-ma bạch-chỉ thang

升 麻 二 リ 白 芷 二 リ 葛 根 一 リ 半
防 風 沙 參 炒 黃 芪 炙 白 芍 炒 (各一リ)
生 草 五 分 蒼 朮 三 分 製

Thăng-ma 2 đồng, Bạch chỉ 2 đồng, Cát-căn 1 đồng rươi,
Phòng-phong, Sa-sâm, Hoàng kỳ, Bạch-thược, đều 1 đồng,
Sinh-thảo 5 phân, Xương-truật 3 phân.

清肺湯

Thanh phế thang

梔子炒黑	草生	川芎	白止	黃連
桑皮蜜炒	黃芩炒	苦參	荊芥	蓮翹
貝母姜炒	(各一リ)			

Chi-tử, Sinh-thảo, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Hoàng-liên, Tang-bi, Hoàng-cầm, Khô-sâm, Kinh-giới, Liên-kiều, Bối mẫu (đều 1 đồng).

升麻黃連湯

Thăng - ma hoàng - liên thang

白芍一リ炒	犀角五分磨	生艸五分	葛根二リ
黃芩八分炒	黃連五分	升麻二リ	白止一リ
蒼朮一リ製	川芎五分	薄荷五分	荊芥五分

Bạch-thược 1 đồng, Tê-dác 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Cát-căn 2 đồng, Hoàng-cầm 8 phân, Hoàng-liên 5 phân, Thăng-ma 2 đồng, Bạch-chỉ 1 đồng, Xương-truật 1 đồng, Xuyên-khung 5 phân, Bạc-hà 5 phân, Kinh-giới 5 phân.

升麻附子湯

Thăng - ma phụ - tử thang

黃芪一リ炙	葛根一リ	白止一リ	益智五分
白豆蔻五分	升麻一リ	製附五分	炙艸五分
党參三リ	姜炒		

Hoàng-kỳ 1 đồng, Cát-căn 1 đồng, Bạch-chỉ 1 đồng, Ích chí 5 phân, Bạch-dậu-khẩu 5 phân, Thăng-ma 1 đồng, Chế phụ 5 phân, Chích thảo 5 phân, Bàng-sâm 3 đồng.

簡 易 方

Giải - dị phương

Mặt mộc mụn dùng Liên-bách tán :

連 栢 散

Liên - bách tán

胡粉 黃柏炙 黃連 (各 一 斤)

Hồ-phấn, Hoàng-bà, Hoàng-liên (đều 1 đồng).

Tán bột hòa mỡ lợn bôi.

Hoặc dùng ốc, sên, 2, 3, con dăm nhỏ phiết giấy dán vào.

Hoặc dùng sừng hươu đốt cháy tán bột hòa mỡ lợn bôi vào.

Mặt mộc trứng cá dùng Đại-hoàng 1 đồng, Lưu-hoàng 1 đồng.

Tán bột hòa nước bôi.

目 痛

82. — Mục - thông

Mục thông là đau mắt. Hai con mắt là cái báu ngọc ở trong thân thể người, ví như mặt trời, mặt giếng hoặc khi nhân gió mây u ám, hóa ra đau mắt gọi là ngoại-chương, hoặc có tinh huyết hư tổn mà đau mắt gọi là nội-chương, trong con mắt có chia làm 5 thứ thuộc vào ngũ tạng : lòng trắng thuộc buồng phổi; lòng đen thuộc buồng gan, hai khoé mắt thuộc quả tim, mí trên, dưới thuộc lá-lách, con ngươi thuộc bờ-dục gọi là ngũ luân, nhưng mà chủ ở can thận 2 kinh; pho Nội-kinh nói : con mắt có âm huyết thời mới trông được, lại nói : khi thoát mắt thời mắt cũng không sáng, cho nên đau, mắt đỏ là thủy suy, đau mắt trắng là hỏa hư ví như đèn lửa to soi mới sáng, dầu cạn, bốc ra than.

Một thứ nhân gió mà đau mắt thời có rức dầu ngạt mũi, hoặc có ghê sốt, ghê rét, hoặc chảy nước mắt nhiều, hoặc có đau mình đau xương dùng bài *Khung-tán-tán*, bài *Minh-mục-lễ-lân*.

Một thứ nhân nóng mà đau mắt nên thanh hỏa không nên tán như vị Phòng-phong, Tế-tân, Kinh-giới, Thăng-ma, Bạch-chỉ, Xuyên-khung, Bạc-hà. Khương-hoạt những vị này không nên dùng phải uống bài *Thước-dược-thanh-can-tán*, bài *Dương-quy-long-đâm*, bài *Thuyền-hoa-tán* để thanh hỏa đi.

Một thứ mắt đỏ đau dữ thuộc can hỏa, hoặc sưng mà không mở được chói mắt sợ sáng, nóng lắm dùng bài *Long-đâm-lá-can*, bài *Trừu-tán-âm*, nóng vừa dùng bài *Tỉ-lân-âm*, bài *Hoàng-cầm Hoàng-liên*. Nhược bằng bệnh lâu không khỏi thường đau luôn mà phần nóng nhiều dùng bài *Hoàng-liên-dương-can Cờ-bản-hoàn-tĩnh*.

Một thứ âm hư không có hỏa chứng nóng này, mắt trông không sáng, hoặc mờ khó trông dùng bài *Tê-âm-địa-hoàng*, *Tả-quy-hoàn*. Nhược bằng âm hư hỏa thịnh dùng bài *Gia-dâm-nhất-âm*, bài *Tư-âm-địa-hoàng*. Nhược bằng âm hư hỏa ít dùng bài *Minh-mục-địa-hoàng*, bài *Cờ-bản hoàn-tĩnh*.

Một thứ đau mắt trắng như người không đau là chứng hỏa hư, trông khôn thấy sáng phải dùng thuốc tuần bổ thời mới sáng được như bài *Đại-bồ-nguyên*, *Hữu-quy-hoàn*, *Thập-toàn-đại-bồ*, đều gia lộc-nhung, khởi-tử, sữa bò đều 2 đồng.

Một thứ nhân lạnh mà đau mắt thời buốt như kim châm. Sáu bộ mạch chạy chậm, mình mẩy chân tay hơi mát là chứng dương hư phải dùng thuốc nóng không dùng thuốc mát được. Dùng thang *Phụ-tử-tỷ-trung* hoặc bài *Tứ-vị-hồi-dương* thời mới khỏi.

Một thứ đau mắt có màng không nên quá dùng vị thuốc lạnh sợ màng khó tiêu dùng bài *Thuyền-hoa-tán*, bài *Bát-vị-hoàn-tĩnh*.

Một thứ màng dày phải dùng thuốc mềm mà đánh màng đi, trong uống thuốc tiêu màng đi như vị :

石决明煨 夜明沙 草决明 蒺藜 木贼
青箱子 蜜蒙花

Thạch-quyết-minh, Dạ-minh-sa, Thảo quyết-minh, Tật-lê, Mộc-tặc, Thanh-trương-tử, Mật-móng-hoa.

Nhược bằng đồng-tử lờ to và đồng-tử nổi thịt con người hóa trắng màng trắng chum kín thời không chữa được.

列 方

Liệt các bài thuốc

芎 辛 散

Khung - tân tán

白止一リ 半 防風二リ 川芎一リ 細辛五分
蔓荊一リ 半 生草七分

Bạch-chỉ 1 đồng rưỡi, Phòng-phong 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Mạn-kinh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 7 phân

明 目 細 辛 湯

Minh - mục tế - tân thang

生地三リ 歸尾二リ 茯苓二リ 防風一リ
藥本一リ 蔓荊一リ 川芎一リ 細辛五分
姜活五分 荆芥五分 薄荷五分 花椒十五粒

Sinh-dịa 3 đồng, Quy-vĩ 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Cảo-bản 1 đồng, Mạn-kinh 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Khương-hoạt 5 phân, Kinh-giới 5 phân, Bạc-hà 5 phân, Hoa-tiêu 15 hạt.

芍 藥 清 肝 散

Thược - dược thanh - can tán

梔子一リ 炒黑 石羔一リ 儼 白芍三リ 桔更二リ
黃芩一リ 炒 大黃五分 煨 前胡一リ 柴胡一リ
滑石一リ 生草一リ 芒硝三分 薄荷五分
荆芥五分

Chi-tử 1 đồng, Thạch-cao 1 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Kết-cánh 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Đại-hoàng 5 phân, Tiền-hồ 1 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Hoạt-thạch 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Mang-tiêu 3 phân, Bạc-hà 5 phân, Kinh-giới 5 phân.

當歸龍胆湯

Đương-quy long-dảm thang

龍胆 一リ半 黃芪 一リ半 當歸 二リ 生草 五分
 石羔 一リ煨 黃芩 一リ炒 黃連 一リ 防風 七分
 黃伯 一リ炙 白芍 二リ炒 柴胡 七分 升麻 七分
 姜 活 七分

Long-dảm 1 đồng rươi, Hoàng-kỳ 1 đồng rươi, Đương-quy 2 đồng, Sinh-thảo 5 phân Thạch-cao 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng Phòng-phong 7 phân, Hoàng-bá 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Sài-hồ 7 phân, Thăng-ma 7 phân, Khương-hoạt 7 phân.

蟬花散

Thuyền-hoa tán

荆芥 木賊 防風 川芎 梔子炒黑 蜜蒙花
 蒺藜 蟬蛻 菊花 穀星 黃芩炒 枳朮明
 姜活 生草 蔓荊 (各一リ)

Kinh-giới, Mộc-tặc, Phòng-phong, Xuyên-khung, Chi-tử, Mật-mông-hoa, Tật-lê, Thuyền-thuế, Cúc-hoa, Cốc-tinh, Hoàng-cầm, Thảo-quyết-minh, Khương-hoạt, Sinh-thảo, Mạn-kinh đều 1 đồng).

Tán bột uống một thìa.

龍膽瀉肝湯

Long-dảm tả-can thang

黃芩 二リ炒 天門 一リ半炒 黃連 一リ半
 龍胆 一リ半 沙參 一リ半炒 柴胡 二リ
 知母 一リ半 麥門 一リ半炒 生草 一リ
 梔子 一リ半炒黑

Hoàng-cầm 2 đồng, Thiên-môn 1 đồng rươi, Hoàng-liên 1 đồng rươi, Long-dảm 1 đồng rươi, Sa sâm 1 đồng rươi, Sài-hồ 2 đồng, Tri-mẫu 1 đồng rươi, Mạch-môn 1 đồng rươi, Sinh-thảo 1 đồng, Chi-tử 1 đồng rươi.

黃 芩 黃 連 湯

Hoàng - cầm hoàng - liên thang

黃 芩 炒 黃 連 竜 胆 生 地 (各二リ)

Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Long-dảm, Sinh-dịa (đều 2 đồng).

黃 連 羊 肝 丸

Hoàng - liên dương - can hoàn

黃 連 一 兩 羊 肝 一 具

Hoàng-liên 1 lượng, Gan dê 1 buồng.

Sấy khô cùng tán bột luyện mật viên mỗi bện uống 2 đồng.

固 本 還 睛 丸

Cổ - bản hoàn - tình hoàn

羚羊角一リ半磨	麥 門 五リ炒	熟 地 五リ
青 柏 子 一リ半	天 門 五リ炒	杞 子 五リ
淮 山 五リ炒	草 決 明 三リ	茯 苓 五リ
疾 黎 一リ半	川 芎 一リ半	五 味 一リ
防 風 一リ半	甘 艸 一リ半	生 地 五リ
犀 角 一リ半磨	沙 參 五リ炒	牛 必 三リ
黃 連 一リ半	兜 絲 三リ	石 斛 三リ
菊 花 三リ		

Linh-dương-dắc 1 đồng rưỡi, Mạch môn 5 đồng, Thục-dịa 5 đồng, Thanh-tương-tử 1 đồng rưỡi, Thiên môn 5 đồng, Khôi-tử 5 đồng, Hoài-sơn 5 đồng, Thảo-quyết-minh 3 đồng, Phục-linh 5 đồng, Tật-lê 1 đồng rưỡi, Xuyên-khung 1 đồng rưỡi, Ngũ-vị 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng rưỡi, Cam-thảo 1 đồng rưỡi, Sinh-dịa 5 đồng, Tê-dắc 1 đồng rưỡi, Sa-sâm 5 đồng, Ngưu-tất 3 đồng, Hoàng-liên 1 đồng rưỡi, Thổ-ti 3 đồng, Thạch-hộc 3 đồng, Cúc-hoa 3 đồng

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng.

濟陰地黃丸

Tễ-âm địa-hoàng hoàn

淮山四リ炒 五味十粒炒 杞子二リ 巴戟二リ
山茱一リ酒炒 麥門二リ炒 熟地八リ 當歸二リ
茯苓二リ製 菊花一リ

Hoài-sơn 4 đồng, Ngũ-vị 10 hạt, Khôi-tử 2 đồng, Ba-kịch 2 đồng, Sơn-thù 1 đồng, Mạch-môn 2 đồng, Thục-dịa 8 đồng, Đương-quy 2 đồng, Thông-dong 2 đồng, Cúc-hoa 1 đồng.

滋陰地黃丸

Tư-âm địa-hoàng hoàn

沙參三リ姜炒 黃芩二リ炒 當歸二リ 柴胡一リ
枳壳一リ炒 生地三リ 熟地五リ 地骨二リ
天門二リ炒 黃連一リ 生朮一リ

Sa-sâm 3 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Chi-xác 1 đồng, Sinh-dịa 3 đồng, Thục-dịa 5 đồng, Địa-cốt 2 đồng, Thiên môn 2 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

明目地黃丸

Minh-mục địa-hoàng hoàn

生地五リ 熟地五リ 牛必二リ 杏仁二リ
防風二リ 石斛二リ 枳壳一リ炒

Sinh-dịa 5 đồng, Thục-dịa 5 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Hạnh-nhân 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Thạch-hộc 2 đồng, Chi-xác 1 đồng.

八味還睛散

Bát-vị hoàn-tĩnh tán

朮決明一兩 疾黎七リ 防風七リ 木賊七リ
梔子七リ炒黑 生草五リ 蟬蛻二リ 青箱子三リ

Thảo-quyết-minh 1 lạng, Tật-lê 7 đồng, Phòng-phong 7 đồng,
Mộc-tặc 7 đồng, Chi-tử 7 đồng, Sinh thảo 5 đồng, Thuyền-
thuế 2 đồng, Thanh-tương-tử 3 đồng.

Tán bột hòa nước sôi uống 1 thìa.

點 眼 方

Điểm-nhãn phương

金 露 散

Kim-lộ tán

麝甘石二リ 梅花片一分 硃砂五分 硼砂五分
海螵蛸一リ 人中白五分 珍珠二分 天竺黃一リ

Lô-cam-thạch 2 đồng, (nung đỏ tui đồng liện 7 bận, Mai-
hoa-phiến 1 phân, Chu-sa 5 phân, Bãng-sa 5 phân, Hải-
phiêu-tiên 1 đồng, Nhân-chung-bạch 5 phân, Chân-châu 2
phân, Thiên-chúc-hoàng 1 đồng.

Tán bột phúc cho nhỏ chấm vào mắt.

螞 蟥 酒

Tê-tào tửu

螞蟥三子 川黃連三リ 丁香三丁

Sâu-dầu 3 con, Hoàng liện 3 đồng, Đinh-hương 3 cái.

Sắc 3 nước bỏ bã đi, thêm nước mía 1 chén, lại dúc cho
cạn hòa 5 chén rượu ngon.

加 梅花五厘 熊胆三厘

Gia : Mai-hoa 5 li, Mật-gấu 3 li

Hòa cho đều giỏ vào mắt luôn luôn, một giờ thì bớt.

Các bài thuốc đánh màng

焰硝一兩 紅丹二分 梅花二分

Liễm-liêu 1 lạng, Hồng-dan 2 phân, Mai hoa 2 phân.

Lấy cái bát bằng đồng nấu cho tan quấy đều bỏ lọ nút chặt, mỗi bên chấm một tí.

Hoặc dùng muối trắng đun sôi lọc cho sạch để một năm, chấm đánh màng.

Phép dứt nút tai

射香一升 梅花二分

Xạ-hương 1 phân, Mai-hoa 2 phân.

Trộn lẫn dùng lụa bọc dứt nút tai, mắt bên nào đau nút tai bên ấy.

Phép dịt móng tay

Để cây Xích-hoa-xà (hoặc gọi Nhạn-lai-hồng) giã nhỏ dịt chân móng tay cái chỗ giáp thịt, bên mắt nào có màng dịt bên ấy.

Hai mắt quáng gà

蒼朮一リ製 石決明二リ 火煙童便淨 疾黎二リ

Xương-truật 1 đồng, Thạch-quyết-minh 2 đồng (bung dỏ), Tật-lê 2 đồng.

Tán bột dùng 1 buồng gan dê khía ra cho thuốc vào buộc lại, bỏ chỗ đồ chia làm 3, 4 bên ăn

Hựu phương

黃蠟一リ 蛤粉一リ

Sáp-nguyên 1 đồng, Cáp-phấn 1 đồng.

Nấu sáp hòa đều, gan-dê 2 lạng, khía ra cho thuốc vào buộc lại bỏ chỗ đồ cho chín lấy ra xông mắt một nhát rồi ăn, ngày làm 2 bên.

Mắt có lông cặm

Nhân hột gấc 1 cái nghiền nhỏ bọc lụa nút lỗ mũi. Mắt bên nào nút bên ấy, hai mắt nút cả hai. Nút 3 đêm mới khỏi.

Hựu phương

Ngũ-bội-tử tán bột hòa mật ong bôi trên mi mắt thời lông đâm ra.

Hựu phương

Mùa đông ở trên vách, lấy con nhặng khô tán bột để vào lỗ mũi hít thời lông dăm ra lập tức.

Mắt trông thấy sao bay

棗仁一朊 青相花一朊 玄明粉一朊

Tảo-nhân 1 lạng, Thanh-tương hoa 1 lạng, Huyền minh-phấn 1 lạng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước chè.

Mỵ mắt đỏ toét

蛤粉二リ 黃連二リ 防風二リ 荆芥二リ
苦參三リ 銅錄三分

Cáp-phấn 2 đồng, Hoàng-liên 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Kinh-giới 2 đồng, Khổ-sâm 3 đồng, Đồng-lục 3 phần.

Tán bột sắc nước bạc-bà làm viên bằng hột nhãn, khi dùng nghiền 1 viên hòa nước nóng rửa mắt ngày 3 bận.

Hựu phương

Lá đào non dăm nhỏ, tối ngủ để cách lần giấy bản đắp vào mắt ba bận thời khỏi.

Bụi vào mắt

Dùng nước ngô-sen rửa vào ra ngay, hoặc dùng con sâu dầu sát vào mắt cũng ra ngay. Hoặc dùng mực tàu kinh niên mài ra lấy bút chấm vào kẽ mắt bên trong cũng được.

Gia-dâm-nhất-âm ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Đại-bồ-nguyên-tiên, Thập-toàn đại-bồ, Tả quy-hoàn, Hữu quy-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Trừu tán-ẩm, Tỷ-tán-ẩm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

眉 病

83. — Mỵ - bệnh

Mỵ bệnh là bệnh đau lông mày.

Lông mày người ta là quan báo thọ lâm văn loa cho mặt

mũi người ta; không có lông mày thời mặt không đẹp cho nên từ 40 tuổi gỡ lên lông mày dài thời được sống lâu, bộ vị ấy thuộc về hai kinh can, thận, hoặc có bệnh gì phải cứ kinh ấy mà dùng thuốc.

Một thứ xương; lông mày đau là can huyết uất dùng bài **Tiểu-dao** ở số 1 **Nội-thương** gián phục bài **Lục vị hoàn** ở số 10 **Chư-hư-chứng-biện**.

Một thứ lông mày rụng, bởi có lở nát dùng lá trắc bách-diệp phơi khô tán bột luyện mật viên, sớm tối đều uống 1 đồng cân, đến khỏi thời thôi. Lại dùng **Thổ-ti** nghiền bột hòa dầu vừng bôi. Hoặc dùng rơm rạ cũ lợp mái nhà đốt ra than hòa dầu vừng bôi.

Trên lông mày mọc ghẻ lở dùng **Bồ-kếp** 5 phần sao cháy, **Phèn-khô** 5 phần.

Tán bột hòa dầu vừng bôi.

Lông mày không mọc dùng hoa cây vừng phơi khô tán bột hòa dầu vừng bôi. Hoặc dùng lá dâu vỏ nát ngày ngày xát vào. Hoặc dùng:

旋覆花 天麻 防風 (各一升)

Toàn-phủ hoa, Thiên-ma Phòng phong (đều 1 đồng.)

Tán bột hòa dầu vừng bôi.

Hoặc dùng hồng hoàng tán bột hòa giấm-thanh bôi.

Hoặc dùng lá nhọ-nổi giã nhỏ dặt vào 3 ngày thời mọc.

耳 病

84. — Nhĩ - bệnh

Nhĩ bệnh là đau tai.

Tai là quan thám thính, chủ ở kinh thận mà thông vào óc, hợp cả nam bắc hai phương để giữ quyền thông minh hoặc khi nhân gió và lửa nóng ngăn lấp mà hóa ra ù tai, hoặc có sưng đau chảy mủ, phép chữa bệnh này phải xét trong ngoài hư thực thể nào mà dùng thuốc.

Một thứ nhân lửa nóng mà ù tai phải xét lửa nóng nhiều ít và tình thể người mạnh yếu. Lửa nóng lắm dùng bài **Triều-tân**, bài **Đại-phân-thanh** uống vừa dùng bài **Tỷ-tán-đm**, bằng như có kiết âm hư dùng bài **Gia-dim nhứt-âm**, bài **Thanh hóa đm**.

Một thứ khí sung ngược lên mà tai ù bởi có dận dữ lo nghĩ dùng bài **Thông-khi tán**, bài **Giải-can-tiến** nhược bằng

khí sung lại kiêm lửa nóng gia Mậu-dơn 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Long-dâm 2 đồng, Hoa phấn 2 đồng

Một thứ nhân cảm gió lạnh mà ù, tai điếc tai át có phát sốt rức đầu, nên xem mục Thương-hàn mà dùng thuốc.

Một thứ nhân khí huyết hư tổn mà tai ù, tai điếc hoặc là bệnh mới khỏi, hoặc là nhiều tuổi già yếu, hoặc làm khó nhọc cùng sự tửu sắc quá độ đến nỗi âm tinh kiệt hết phải dùng đại bổ mới được nhưng mà bệnh mới điếc thời dễ chữa, điếc đã lâu thời khó chữa lắm, như nguyên khí hư tổn dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, bài *Nhục-thong-dong-hoàn*, thận hư thời dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Bát-vị-hoàn* gia 五味

十粒、牛必二リ Ngũ-vị 10 bột Ngưu-tất 2 đồng,

Tâm, thận bại kinh cùng hư dùng bài *Cổ - bán-nhi-thông*, bằng như khí hư dùng thang *Bổ - chủng - ích - khí*, khí huyết lưỡng hư dùng thang *Bát-chân*, thang *Thập-toàn*.
~ Một thứ lỗ tai lấp mà điếc, hoặc nhân ngoáy tai, hoặc nhân tiếng sấm, tiếng sừng, hoặc nhân sưng đau chảy mủ nên dùng phép *Khai-thông*.

列 方

Liệt các bài thuốc

Lục-vị-hoàn, *Bổ-trung-ích-khí*, *Gia-dâm-nhất-âm*, *Bát-vị-hoàn* đều ở số 10 CHƯ HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Đại bổ nguyên, *Bát-chân* thang *Thập-toàn-đại-bổ*, đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tỷ-tân-âm, *Trừu tân-âm* đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đại phân-thanh, *Thanh-hóa-âm* đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Giải-can tiên ở số 74 UẤT BÌNH.

通 氣 散

Thông khí tán

穿山甲二リ炒 玄胡索二リ 昌蒲三リ 川芎三リ
党参五リ姜炒 陳皮二リ炒 蟬蛻三リ 小茴二リ
炙草一リ半 姜活一リ 木香一リ 姜蚕二リ
Xuyên-sơn-giáp 2 đồng, *Huyền-hồ-sách* 2 đồng, *Xương-bồ* 3 đồng, *Xuyên-khung* 3 đồng, *Đảng-sâm* 5 đồng, *Trần-bì* 2 đồng, *Thuyền-thuế* 3 đồng, *Tiêu hồi* 2 đồng, *Chích-thảo* 1 đồng rưỡi, *Khương-hoạt* 1 đồng, *Mộc-hương* 1 đồng, *Khương-giâm* 2 đồng, (Tân bột uống 2 đồng hòa nước sôi.)

肉蓯蓉丸

Nhục - thông - dong hoàn

山茱五 ^リ 酒炒	姜活ニ ^リ 半	茯苓五 ^リ
党参一 ^月 姜炒	黄蓯五 ^リ 炙	防风五 ^リ
澤左二 ^リ 半炒	白芍五 ^リ 炒	熟地二 ^月
兒絲五 ^リ 製	饅附一 ^リ	肉桂一 ^リ 磨
肉蓯蓉五 ^リ 製	羊腎一 ^對	

Sơn thù 5 đồng, Khương hoạt 2 đồng rưỡi, Phục-linh 5 đồng, Đảng-sâm 1 lượng, Hoàng kỳ 5 đồng, Phòng-phóng 5 đồng, Trạch tả 2 đồng rưỡi, Bạch-thược 5 đồng, Thục-dịa 2 lượng, Thỏ-li 5 đồng, Chế-phụ 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Nhục-thông dong 5 đồng, Bồ-dục-dê 1 đôi.

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng.

固本耳聰丸

Cố bản nhĩ thông hoàn

党参二 ^月 姜炒	淮山二 ^月 炒	熟地四 ^月
茯神一 ^月 半	五朮二 ^リ 炒	昌蒲五 ^リ
遠志五 ^リ 製	栢子仁五 ^リ 去油	

Đảng sâm 2 lượng, Hoài sơn 2 lượng, Thục-dịa 4 lượng, Phục-thần 1 lượng rưỡi, Bạch-lữ nhân 5 đồng, Sương-bồ 5 đồng, Viễn-chí 5 đồng, Ngũ-vị 2 đồng

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng.

Phép khai thông

Phương thận hư tai điếc

全 蜀 四 十 九 子 生 姜 四 十 九 片

Toàn-yết 49 con, Sinh-kương 49 miếng, (nhơn bằng Toàn-yết)

Cùng sao khô tán bột hòa rượu uống một bần cho hết ; say lắm mới thôi. Sáng ngày mai trong tai nghe như có tiếng dàu sáo. Dù điếc mười năm uống hai bần phải khỏi.

Phương điếc đã lâu

Dùng 1 nhánh tỏi khoét 1 lỗ cho 1 nhân ba đậu hơi nóng nhét vào trong củ tỏi lấy lụa bọc nút lỗ tai ba bận thời khỏi. (Phải chọc thủng cho thông hơi)

Hoặc dùng 1 nhân ba đậu, Ban-miêu 1 con cùng đâm nhỏ bọc sáp nút tai hai bận thời khỏi hẳn (Cũng chọc thủng cho thông hơi)

Hoặc dùng 1 nhân ba-đậu bóc bỏ màng lấy sáp bọc ngoài lấy kim dùi thủng 1 lỗ cho suốt nút vào tai chờ quay ngang.

Hoặc dùng đá nam-châm 1 cục bọc lụa nút bên tai điếc lại dùng sắt vụn bọc lụa nút bên tai sáng tự nhiên thông hơi sang thời khỏi điếc.

Hoặc dùng đá nam-châm một nửa, vẩy lê-tê sao cháy 1 nửa cùng tán bột bọc lụa nút tai, trong mồm ngậm 1 cục sắt mới thời trong tai nghe ù - ù như mưa thời khỏi.

Hoặc dùng Cốt-toái-hồ gọt như đầu dũa hơi nóng nút tai.

Các bài phải làm 10 hôm mới được.

Phương tai ù

Xạ-hương 2 phân, Hùng-hoàng 2 phân.

Tán bột bọc lụa nút tai thời khỏi ù.

Phương tai bẽ tắc

Bạch-giới-tử 3 phân, đâm nhỏ hòa sữa người bọc lụa nút tai ngày thay dăm bận thời khỏi tắc.

Ngoáy tai hóa đau

Dùng con dế sao cháy nghiền nhỏ thổi vào trong tai thời khỏi.

Một thứ trong tai đau lắm dùng nước mài dao rỏ vào rất là thần hiệu; nếu có sưng dùng mật gấu hòa nước rỏ vào.

Một thứ trong tai như là có sâu chạy đau lắm dùng xác rắn sao cháy tán bột lấy lòng ngỗng thổi vào.

Hoặc dùng củ nghệ đâm vắt lấy nước rỏ vào trong tai, rồi nghiêng cho nước chảy ra thời khỏi.

Hoặc dùng nước cây chuối rỏ vào.

Hoặc mài nhân bột đào rỏ vào.

Một thứ trong tai chảy mủ dùng :

紅丹 一リ半 枯礬 一リ 龍骨 一リ 射香 三厘
粉 胭脂 七分

Hồng-dơn 1 đồng rưỡi, Phèn-cho 1 đồng, Long-cốt 1 đồng,
Xạ-hương 3 li, Phấn-yên chi 7 phần.

Tán bột, trước lấy giấy ngoáy vào trong tai để cho sạch
mủ lại dùng giấy chấm thuốc ngoáy vào.

Hoặc dùng khô phèn, phấn yên-chi, xạ-hương 3 vị thối,
phép rửa chấm như bài trên.

Hoặc dùng quả cà muối ép lấy nước rửa vào trong tai rất
hay lắm.

Hoặc dùng nhân hồ đào ép lấy dầu hòa 1 tí băng-phấn
rửa vào tai rất hay.

Hoặc dùng thạch-xương-bồ tươi đâm lấy nước rửa vào
Như trong tai có mủ phải lấy giấy ngoáy cho sạch mủ rồi
mới rửa thuốc.

Một thứ trong tai sưng đau gọi là lèn đặng-dần; lấy lá
hệ đâm lấy nước rửa vào, hoặc rửa mặt gấu hòa nước rất là
thần hiệu.

Hoặc dùng lá hoa kim-ngân đã nhỏ dẹt bên trên rốn, thấy
khỏi đau phải bỏ ngay đi lập tức nếu để lâu lại đau.

Một thứ ngoài vành tai ghẻ lở dùng hoàng-bá tán bột đâm
rau sam lấy nước hòa bôi.

Hoặc vỏ lá hồ-nhĩ lấy nước bôi, hoặc đâm lá lồm dẹt vào

Các thứ sâu vào trong tai

Lấy dầu-vừng rửa vào trùng ra ngay, hoặc dùng nước dãi
mèo rửa vào trùng cũng ra ngay rất thần hiệu.

Dùng gừng sống xát vào mũi mèo thời nó dãi; lấy lá
khoai hoặc lá sen hứng lấy.

鼻 病

85. — Ty-bệnh

Ty-bệnh là mũi có bệnh. cái Mũi là quan thẩm biện thuộc
về buồng phổi thở hơi ra hít hơi vào, kẻ phần mạch máu
thời thuộc về dạ-dày mà mạch đốc liền với kinh thái-dương

lại thông lên óc chớ nên thanh khí hòa bình thời lỗ mũi thông mà ngửi biết thơm tho, nhược bằng có cảm gió lạnh, hoặc nhân lửa nóng mà hóa ra hắt hơi, ngạt mũi hoặc chảy nước trong, hoặc sinh mũi đỏ, hoặc sinh tức nhức, hoặc đỏ máu cam, phép chữa bệnh này phải chia hai thứ trong ngoài mà dùng thuốc.

Một thứ nhân gió lạnh mà mũi ngạt thời bắt hơi nhiều hoặc chảy nước trong dùng *Xuyên-khung-tán*, bài *Thần-dũ-tán*.

Một thứ nhân lửa nóng bốc lên mà mũi ngạt có nhiều nước đặc phải thanh hỏa. Lửa nóng lắm có kèm rức đầu dùng thang *Trúc-diệp-thạch-cao*, bài *Lương cách-tán*. Bằng như lửa nóng vừa dùng bài *Thanh-hóa-âm*, thang *Hoàng-cầm-chi-mẫu*. Nhược bằng ngoài gió lạnh kèm trong lửa nóng dùng bài *Phòng-phong-thông-thánh-tán*.

Một thứ ngoại cảm đã khỏi mà mũi không biết mùi gì bởi vì chính khí thụ thương dùng thang *Tứ-quân-tứ*, thang *Quy-tỳ* đều gia Ích-chí 1 đồng, Phá-cổ 1 đồng.

Hoặc dùng bài *Lục-vị-hoàn* cũng gia Ích-chí, Phá-cổ.

Một thứ trong mình lửa nóng đã khỏi mà mũi vẫn chảy nước dùng bài *Xương-nhĩ-tán*, hoặc bài *Phòng-phong-tán*, nhược bằng đã lâu không khỏi là dương khí hư dùng thang *Bổ-trung-ích-khí*, hoặc thang *Thập-toàn-đại-bổ*. Nhược bằng thấp nhiệt xông lên mà mũi chảy nước thối dùng bài *Não-lậu-bi-phương*, hoặc dùng *Phòng-phong-thông-thánh-tán* 1 lạng gia Bạc-hà 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, hoặc dùng bài *Tán-di-tán*.

列 方

Liệt các bài thuốc

川 芎 散

Xuyên-khung tán

川芎 藁本 姜活 細辛 白芷 炙草 (各五リ)

蒼朮 一兩 製 加 蘇葉 三リ

Xuyên-khung, Cảo bản, Khương-hoạt, Tế-lân, Bạch-chí, Chích-thảo (đều 5 đồng), Xương-truật 1 lạng. Gia :

Tô-diệp 3 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.

神愈散

Thần dũ tán

防風 細辛 白芷 姜活 當歸 法夏
陳皮 茯苓 川芎 桔梗 (各二リ)

Phòng-phong, Tế tân, Bạch-chỉ, Khương-hoạt, Đương-quy, Pháp-hạ, Trần-bì, Phục-linh, Xuyên-khung, Kết-cánh, (đều 2 đồng).

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng gừng.

黃芩知母湯

Hoàng - cầm tri - mẫu thang

梔子炒黑 花粉 杏仁 知母 黃芩 桑皮炒
貝母姜炒 桔梗 生草 (各一リ)

Chi tử, Hoa-phấn, Hạnh nhân, Tri-mẫu. Hoàng-cầm, Tang-bì, Bối-mẫu, Kết-cánh, Chích thảo (đều 1 đồng).

防風通聖散

Phòng - phong thông thánh tán

梔子二リ炒黑 石膏六リ煨 桔梗二リ 當歸三リ
黃芩五リ炒 川芎三リ 防風三リ 蓮翹三リ
白芍三リ炒 生草一リ 荆芥一リ

Chi tử 2 đồng, Thạch-cao 6 đồng, Kết cánh 2 đồng, Đương-quy 3 đồng, Hoàng cầm 5 đồng, Xuyên-khung 3 đồng, Phòng-phong 3 đồng, Liên-kiêu 3 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Kinh-giới 1 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.

蒼耳散

Xương - nhĩ tán

蒼耳子三リ炒焦 羊夷五リ 薄荷五リ 白芷一リ

Xương-nhĩ tử 3 đồng, Tân di 5 đồng, Bạc-hà 5 đồng, Bạch-chỉ 1 lượng.

Tán bột uống 2 đồng thang bằng gừng.

防風散

Phòng - phong tán

沙參三リ 姜炒 麥門三リ 炒 川芎二リ 防風五リ
黃芩二リ 炒 炙 炒 一リ

Sa-sâm 3 đồng, Mạch-môn 3 đồng, Xuyên-khung 2 đồng,
Phòng-phong 5 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

辛夷散

Tân - di tán

沙參二リ 姜炒 白芍一リ 炒 當歸一リ 辛夷二リ
黃芪一リ 炙 黃芩一リ 炒 白芷一リ 川芎五分
細辛五分 生 炒 五分

Sa sâm 2 đồng, Bạch thược 1 đồng, Đương-quy 1 đồng, Tân-di 2 đồng, Hoàng-kỳ 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Bạch-chi 1 đồng, Xuyên-khung 5 phân, Tế tân 5 phân, Sinh-thảo 5 phân.

腦漏秘方

Não - lậu bí - phương

Dùng đây rượu 3 thước đến tận gốc, sao cháy tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

Trúc điệp thạch-cao ở số 7 THƯƠNG-THỦ.

Lương cách-tán ở số 75 ĐIÊN-CUÔNG

Tứ-quân-tử, Quy-tỳ-thang, Lục-vị-hoàn, Bỗ-trung ích-khi, đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG.

Thập-toàn-đại-bổ ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thanh-hóa-âm ở số 26 HÂN-NHIỆT

Bệnh rượu mũi đỏ

四物芩伯湯

Tứ - vật cầm - bá thang

黃伯二リ 炙 黃芩二リ 炒 川芎一リ 當歸二リ

白芍三リ 炒 生地五リ

Hoàng bá 2 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng,
Đương quy 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Sinh-dịa 5 đồng.

Hoặc dùng hai Lục vị-hoàn gia:

苦参三リ 當歸二リ

Khô-sâm 3 đồng, Đương quy 2 đồng.

荊芥散

Kinh-giới tán

荊芥八リ 防風二リ 杏仁二リ 姜蚕二リ
茯苓二リ 生草二リ

Kinh-giới 8 đồng, Phòng phong 2 đồng, Hạnh-nhân 2 đồng,
Khương-tâm 2 đồng, Tật-lê 2 đồng, Sinh-thảo 2 đồng,

Tán bột uống 2 đồng hòa nước chè.

Phương phế phong mũi đỏ

桑皮三リ 蜜炒 連翹四リ 枇杷葉八リ
梔子八リ 炒黑 玄参四リ

Tang-bì 3 đồng, Liên-kiêu 4 đồng, Tỳ-bà-diệp 8 đồng, Chi-lử
8 đồng, Huyền-sâm 4 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, thang cam-thảo.

Hựu phương

苦参四リ 當歸二リ

Khô-sâm 4 lạng, Đương-quy 2 lạng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Hựu phương

白礬 硫黄 乳香炒 (各二リ)

Bạch-phân, Lưu-loàng, Nhũ-hương (đều 2 đồng).

Tán bột đun quả cà lấy nước hòa bôi

Hựu phương

硫黄一リ 輕粉一リ 杏仁五分

Lưu-hoàng 1 đồng, Khinh-phấn 1 đồng, Hạnh-nhân 5 phân.

Tán bột hòa rượu với mật, đêm bôi sáng rửa đi.

Hựu phương

雄黃五分 枯礬 一リ 法夏 二リ 硫黃 二リ
射香 一分

Hùng-hoàng 5 phân, Khô-phèn 1 đồng, Pháp-hạ 2 đồng,
Lưu-hoàng 1 đồng, Xạ-hương 1 phân.

Tán bột hòa nước đêm bôi sáng rửa.

Trong mũi mọc thịt

黃白散

Hoàng - bạch tán

雄黃 枯礬 細辛 瓜蒂 (各五分)

Hùng-hoàng, Khô-phèn, Tế-lân, Qua-đế (đều 5 phân).

Tán bột, hòa với nước mật con chó dục luyện làm viên
nút lỗ mũi.

細辛散

Tế - tân tán

細辛 一リ 灰蒂 一リ

Tế tân 1 đồng, Qua-đế 1 đồng.

Tán bột bọc lụa nút lỗ mũi.

雄黃散

Hùng - hoàng tán

雄黃五分 灰蒂 二个 綠礬 一リ 射香 三厘

Hùng-hoàng 5 phân, Qua-đế 2 cái, Lục-phèn 1 đồng, Xạ-hương 3 ly.

Cùng tán bột thổi vào trong mũi.

簡易方

Giản dị phương

Khô-phèn tán bột hòa mỡ lợn bọc lụa nút lỗ mũi 3 ngày
thịt rụng ra. Hoặc dùng mẩu ngó-sen tươi liền cả rễ, sấy
khô tán bột thổi vào trong mũi. Nhược bằng thịt thò ra
ngoài lấy băng-phiến hòa nước lã bôi.

Trong mũi mọc mụn

Dùng lá đào non đâm nhỏ lấy lựa bọc nút lỗ mũi, không có lá dùng vỏ đào cũng được. Hoặc dùng huyền-sâm già nhỏ bọc lựa nút lỗ mũi.

Trong mũi sinh trùng

Dùng bột bẹ đốt khói người trùng ra ngay. Hoặc dùng hồng-hoàng tán bột, thỉnh-thoảng người luôn.

Trĩ ăn trong mũi

輕粉 一リ 枯礬 二リ 杏仁 四粒
Khinh-phấn 1 đồng, Khô-phèn 2 đồng, Hạnh-nhân 4 hạt.

Đập bỏ dầu, cùng tán bột thổi vào trong mũi trĩ hóa ra nước.

Hoặc dùng:

螺壳五分 燒灰 草烏五分 燒灰 枯礬 五分
甘遂 一リ 煨 瓜蒂 四リ

Vỏ ốc 5 phần (đốt ra gio), Thảo ô 5 phần (đốt ra gio), Khô-phèn 5 phần, Cam-loại 1 đồng, Qua-dẻ 4 đồng.

Tán bột hòa dầu vừng làm viên nút lỗ mũi, ngày thay 1 bận, trĩ hóa ra nước. Lại dùng Ý-dĩ sao vàng, Bì-đao sắc nước thay chè uống rất hay.

Mũi chảy nước thối

Lấy vỏ quả bầu khô mới, tán bột bọc lựa thỉnh thoảng lại người hoặc Lửa vào chảo ăn càng hay.

Mũi chảy nước không khỏi

Bỏ lạc sống vào nồi rang, người có bệnh phải cho cát vào rang lấy vài 3 bận, người mới khỏi.

腦漏神方

Não lậu thần phương

Lông chim bồ-câu trắng 3 đồng, vãi vụn sơn sống một mảnh, cùng đốt ra than tán bột thêm một tí bân-phiến khiến người bệnh nằm ngửa lấy quăn-bút chấm thuốc thổi vào lỗ mũi 3, 4 bận thời khỏi.

Mũi ngọt tắc không khỏi

Lấy nửa nhân ba-dậu tán nhỏ dùng một miếng gừng sống bằng đốt ngón tay, khoét thủng cho ba-dậu vào trong, tiêm thủng cho thông khí, nút lỗ mũi để 1 đêm thời khỏi.

Lấy giấy quấn gừng kéo cay lỗ mũi.

口 舌

86. — Khẩu - thiết

Khẩu thiết là miệng, lưỡi. — Lưỡi là mầm quả-tim sinh ra nhờ nói khôn ngoan. Miệng là cửa dạ-dầy ăn uống thêm phần khỏe mạnh, đến khi có bệnh nhân ngoại cảm mà lưỡi mọc rêu, miệng khô, hoặc lưỡi vàng miệng đắng, lửa nóng mà lưỡi đen, miệng nứt thục bởi tại trong ruột gan thụ bệnh mà vạ lây đến miệng lưỡi.

Bệnh này tại phần nóng nhiều mà phần lạnh thời ít phải xem mạch và các chứng gì biện cho thực dịch hàn, nhiệt mà dùng thuốc

Một thứ miệng đắng bởi vì nhân có ngoại cảm phát sốt. Miệng chua là huồng gan nóng mà dạ dày lạnh; miệng ngọt là tý hư nhiệt; miệng mặn là thận hư nhiệt; miệng nhạt là thuộc chứng hư hoặc mới ốm khỏi. Miệng khát là có lửa nóng, miệng khô là âm hư, khát mà muốn uống nước nóng là hỏa hư

Một thứ trong mồm khô như là mọc mụn dùng: Hoàng-liên 5 phân, Hoàng-bá 5 phân.

Tán bột hòa mật ong mà ngậm

Hoặc dùng Huyền-sâm thái miếng mà ngậm

Một thứ ngoài mép sinh ghẻ, lở bởi vì vị hỏa nóng quá dùng Thanh-vị-thang, hoặc bài Trúc-diệp-thạch-cao. Nhược bằng lâu mà không khỏi phải dùng bài Lý-âm, thang Lý-trung.

清 胃 湯

Thanh - vị thang

生地三リ 升麻一リ 黃連一リ 當歸二リ
牡丹二リ 炒

Sinh-địa 3 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Đương-quy 2 đồng, Mẫu-dơn 2 đồng Sắc nước uống.

Trúc-diệp-thạch-cao ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Lý-trung-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thuốc bôi chóc mếp

陰 陽 散

Âm dương tán

黃連三リ 乾姜一リ 炒焦

Hoàng-liên 3 đồng, Can-khương 1 đồng.

Tán bột bôi

綠 雲 散

Lục-vân tán

黃柏二リ 青黛二リ

Hoàng-bá 2 đồng, Thanh-dại 2 đồng.

Tán bột đề bôi.

Hựu phương

黃柏二リ 細辛二リ

Hoàng-bá 2 đồng, Tế-tân 2 đồng. Tán bột bôi

Hựu phương

黃柏二リ 姜蚕二リ

Hoàng-bá 2 đồng, Khương-tằm 2 đồng. Tán bột đề bôi.

Hựu phương

檳榔炒焦

加 輕粉少許

Bình-lang sao cháy,

Gia 輕-phấn 1 tí. Tán bột bôi.

Hựu phương

砂仁炒焦

Sa-nhân sao cháy. Tán bột bôi.

Các bài thuốc bột đề bôi lỗ, như chồ lỗ ướt thời rắc thuốc bột hoặc hòa nước bột mà bôi, nhưng bằng nốt chồ khô hòa dầu vừng bôi.

Một thứ mồm thối phải phân hàn, nhiệt, thối mà cay là nhiệt, thối mà chua như cơm thiêu là hàn. Như nhiệt thì dùng Liên-kiều tán bột, mỗi hạt uống 2 đồng, hòa nước chè, hoặc dùng hương-nhu sắc nước mà ngậm rất hay, hoặc dùng hắc-sửu tán bột xát răng, súc miệng, hoặc dùng Ô-mai ngậm. Như hàn thì dùng Ích-tri 1 lượng, Sinh-thảo 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, nuốt khô.

Hoặc dùng mật sà-lăng tán bột hòa giấm thành súc miệng. Hoặc dùng đại-lời thỉnh thoảng nhấm một tí.

Một thứ miệng chảy nước rãi ấy là tý hàn, dùng:

白朮五分炒焦 法夏一リ 青皮五分炒 丁香一リ
乾姜五分炒 木香一リ

Bạch-truật 5 phân, Pháp-hạ 1 đồng, Thanh-bì 5 phân, Đinh-hương 1 đồng, Can-khương 5 phân, Mộc-hương 1 đồng.

Tán bột luyện hồ viên bằng bột gạo. Trẻ con 2 tuổi uống 5 viên, người lớn uống 1 đồng.

Nhược bằng không kiến hiệu là tý nhiệt, dùng:

白朮一リ炒焦 滑石一リ 茯苓六分 石斛六分
扁豆六分炒 黃連四分 生朮四分 葛根五分

Bạch-truật 1 đồng, Hoạt-thạch 1 đồng, Phục-linh 6 phân, Thạch-hộc 6 phân, Biền-dậu 6 phân, Hoàng-liên 4 phân, Sinh thảo 4 phân, Cát-căn 5 phân.

Tán bột, trẻ con uống 1 đồng, người lớn uống 2 đồng, sắc bắc làm thang.

Một thứ trong miệng trên hàm mọc giọt dùng muối sao đỏ, phèn sao khô, 2 vị bằng nhau tán bột chấm vào.

Một thứ trong mồm mọc thọt như cái nấm dùng Xạ-hương 1 phân. Tán bột chấm vào. Hoặc đốt tóc tán bột cho uống.

Một thứ lưỡi trắng không rêu cả mồm, mỗi đều trắng là tý vị hư hàn dùng thang *Lý-trung*, lạnh lắm gia Phụ-tử 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng.

Một thứ đầu lưỡi đỏ hoặc có gai là tâm hỏa nóng dùng bài *Nhị-âm-tiên*, bài *Thanh-tâm-liên-tử*.

Một thứ giữa lưỡi mọc rêu vàng là vị nhiệt dùng bài *Trúc-diệp-thạch-caq* gia Hoàng-cầm, Thạch-hộc, Tri-mẫu, Hoa-phấn đều 1 đồng.

Một thứ cả lưỡi đỏ tía mà không có rêu, hoặc dưới lưỡi cũng đỏ gọi là giáng-thiệt thuộc thận hư, dùng bài *Luc-vị-hoàn* gia Sinh-dịa 2 đồng, Mạch-môn 2 đồng.

Một thứ lưởi đỏ sẫm và đen, hoặc mọc nhiều gai lại khát nước là trong bụng nóng lắm dùng bài *Lương-cách-tán*, bài *Tế-dác-địa-hoàng*, nhược bằng lưởi đỏ đen mà mềm ướt không phải là nhiệt bởi là tại hỏa hư, dùng bài *Lý-âm-tiên*, thang *Lý-trung*.

Một thứ lưởi tự nhiên chảy máu gọi là thiệt-nục, bởi tâm hỏa nóng dùng bài *Kim-hoa-tán*, *Thánh-kim-tán*, *Hoàng-nguyệt-tán*, hoặc bài *Thiên-kim-khẩu-sú*.

Một thứ chùng thiệt là dưới lưởi mọc lưởi con; mọc thiệt là lưởi dẫu như gỗ bởi vì huyết nhiệt phải lấy kim châm cho chảy máu ra trong uống thuốc thanh vị giáng hỏa như những vị này :

生地 石羔 黃芩 石斛 知母 麥門
花粉 梔子 生草

Sinh-địa, Thạch-cao, Hoàng cầm, Thạch-hộc. Tri-mẫu. Mạch-môn, Hoa-phấn, Chi-tử, Sinh-thảo. Ngoài dùng nhọ-nồi bôi vào hoặc dùng Bồ-hoàng sắc nước ngâm rất hay.

Một thứ lưởi tự nhiên sưng to đầy miệng là chứng nguy quá phải xem chỗ nào sưng hơn lấy kim châm cho chảy máu ra, dùng nhọ-nồi hòa giấm-thanh bôi cho đầy, nhược bằng lưởi sưng không hơn lắm chỉ dùng nhọ-nồi hòa giấm-thanh đắp cả trên, dưới lưởi lại dùng nhọ-nồi 2 đồng tán bột hòa nước với rượu cho uống.

Hoặc dùng phèn-den 3 đồng, để trên hòn ngói nung đỏ tán bột lấy cái thìa cạy mồm ra, hoặc dùng Ô mai xát chán răn làm cho há mồm ra, lấy thuốc bột bôi trên lưởi thì khỏi, lại dùng nhọ-nồi tán bột 2 đồng, hòa nước với rượu uống.

Hoặc dùng máu mào-gà sống xát vào trên lưởi nuốt vào khỏi ngay.

Hoặc dùng Mai-hoa, Băng-phiến, tán bột bôi vào thời tiêu ngay

Hoặc dùng dầu bạc-hà thật bôi vào trên lưởi. Hoặc dùng Hoàn-liên 3 đồng, sắc nước cho uống.

Một thứ dầu lưởi vỡ nát dùng Ngô-thù 4 đồng, tán bột hòa giấm-thanh dịt 2 gan bàn chân buộc chặt 1 giờ lại thay.

Một thứ lưởi khô quắt nhỏ dùng phân khô người đốt ra than hòa mật ong bôi vào.

Một thứ lưởi rứt liểng ngọng dùng rau răm 7 ngọn, đàn bà 9 ngọn, nghiền nhỏ hòa 1 cái lòng trắng trứng-gà và mật ong đồ vào cho uống.

列 方

Liệt các bài thuốc

Lý-trung-thang, Nhị-âm tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Trúc-diệp-thạch-cao thang ở số 7 THƯƠNG-THỦ

Lục-vị-hoàn ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỪNG.

Lương-cách-tán ở số 75 ĐIỀN-CUÔNG.

Tê-dác địa-hoàng ở số 21 THI QUYẾT.

清 心 蓮 子 飲

Thanh - tâm - liên-tử ẩm

麥門二リ 炒 石蓮肉二リ 柴胡五分 茯苓一リ 半
黃芩一リ 半 黃芪一リ 炙 地骨一リ 車前一リ 炒
生草 一リ 沙参三リ 姜炒

Mạch-môn 2 đồng, Thạch-liên-nhục 2 đồng, Sài-hồ 5 phân, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Hoàng-kỳ 1 đồng, Địa-cốt 1 đồng, Xa-tiên 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Sa-sâm 3 đồng.

金 花 散

Kim - hoa tán

黃伯三リ 炙 黃連一リ 梔子二リ 炒黑

Hoàng-bá 3 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Chi-tử 2 đồng.

Cùng tán bột, uống 1 thìa

聖 金 散

Thánh - kim tán

黃伯一リ 炙 青黛二リ

Hoàng bá 1 lượng, Thanh-dại 2 đồng.

Cùng tán bột, uống 1 thìa.

黃蘗散

Hoàng - nghiệt tán

Hoàng-bá tằm mật nướng cháy tán bột uống 2 đồng.

千金口臭方

Thiên - kim - khẩu - sú phương

Hương-nhu một nắm sắc nước ngâm rồi nuốt di.

唇病

87. — Thân - bịnh

Thân bịnh là đau môi. — Môi là cánh cửa ngoài mồm dễ che cho hàm răng thịt dày mỏng hiện ra đó, chủ ở hai kinh tý vị cho nên khí huyết vượng thời môi tươi hơn hơn, tý vị hàn thời môi trắng nhợt, hoặc môi thâm sì; trong bụng nóng thời môi khô, bụng có trùng thời môi đỏ, nóng quá thời môi nề, bằng như có tích độc thời mọc đinh-râu phải xét xem lạnh nóng các thứ mà dùng thuốc.

Một thứ môi đỏ là có trùng tích, cam tích phải xem môn ấy mà dùng thuốc.

Một thứ môi xanh trắng nhợt, hoặc có nhân mất máu phải nên bổ huyết, dùng bài *Ngũ-vật*, bài *Tam-âm tiên*, bài *Đại-doanh*

Một thứ môi sẫm đen là tý vị hư hàn ắt có nôn mửa đầy bụng đi rửa, dùng thang *Lý-trung*, bài *Hương-sa-lục-quân*.

Một thứ môi khô, môi nề bội vì trung-tiên lửa nóng dùng bài *Đại-thanh-âm*, *Ngọc-nữ-tiên*, *Tỷ-lân-âm*.

Một thứ nhân-trung sưng to dùng :

蒲黃 二リ

黃連 一リ

冰片 一リ

Bồ-hoàng 2 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Băng-phiến 1 đồng.

Tán bột hòa dầu vừng bôi

Một thứ mùa đông môi nề chảy máu lấy nhân bột đào nghiễn nhỏ hòa lẫn mỡ lợn bôi

Một thứ môi sưng đau ngứa khó chịu lấy 4 đồng tiền đồng cũ, rót mỡ lợn vào hơ đá, mài tiền lấy nước đặc bôi

Một thứ chung quanh môi sinh ghê, lở dùng Toàn-phú hoa sao cháy tán bột hòa dầu vừng bôi.

Một thứ môi, mồm chồm nhỏ lại không ăn uống được lấy vải trắng mấy cuộn bằng ngón tay chấm lửa đề trên lưỡi dao, hễ chảy nhựa chấm lấy bôi vào môi, lại dùng vải chàm cũ đốt ra gio nghiền nhỏ hòa rượu uống.

Hoặc dùng :

椰子一リ 五倍一リ

Kha-tử 1 đồng, Ngũ-bội 1 đồng.

Tán bột hòa dầu vừng bôi,

Hoặc dùng :

五倍二リ 蜜陀僧二リ 生甘草二分

Ngũ-bội 2 đồng, Mật-sà-tăng 2 đồng, Sinh-cam-thảo 2 phân

Cùng tán bột, lại lấy 1 miếng Hoàng bá đem thuốc bột hòa nước bôi vào miếng Hoàng-bá nướng than clo khô lại bôi thuốc rồi lại nướng cho hết bột thuốc; lấy dao cạo miếng Hoàng-bá ra bột rồi hòa dầu vừng bôi.

Một thứ môi mọc dinh-râu, dùng :

紫花地丁一兩

白果什个

桔 更三リ

金銀花一兩

知母三リ

生草三リ

Lá Tử-hoa-dịa đinh 1 lạng Ngẫu-hạnh 20 quả, Kết-cánh 3 đồng, Hoa kim-ngân 1 lạng, Tri-mẫu 3 đồng, Sinh-thảo 3 đồng.

Sắc nước uống, vị đắng nặng lắm uống đến 3 thang thời khỏi.

Hoặc dùng máu mào-gà sống bôi vào, hoặc dùng gan-cóc đâm nhỏ hòa Bàng sa, Đinh-hương dặt vào, hoặc dùng cánh hoa-lồng vò nát hòa mắm-tôm bôi vào.

疔瘡神方

Đinh-sang thần phương

Không cứ mọc ở đâu, gần chết cũng khỏi dùng hoa kim-cúc trắng lấy cả lá già nhỏ vắt lấy một chén nước, hòa thêm rượu đun nóng uống. Bã hoa dặt vào đinh; nhược bằng không có cúc tươi dùng hoa cúc trắng khô 4 lạng, Sinh-thảo 4 đồng, sắc nước hòa rượu uống. Hoặc dùng :

Hồng-nha-dại-kích (紅牙大戟) Lấy nước chè nóng rửa sạch bỏ lõi nhai nhỏ dặt vào, nhai xong phải súc miệng ngay chớ có nuốt nước.

列 方

Liệt các bài thuốc

五 物 煎

Ngũ - vật tiên

白芍三リ 西砂 當歸三リ 川芎二リ 肉桂一リ
熟地六リ

Bạch-thược 3 đồng, Đương-quy 3 đồng, Xuyên-khung 2 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Thục-địa 6 đồng.

Lý-trung-thang, Tam-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngọc-nữ-tiên, Tỷ-tân-âm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đại-doanh-tiên, ở số 10 CHỦ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Đại-thanh-âm ở số 26 HÀ-NHIỆT.

Hương-sa-lục-quân ở số 46 ẨM-THỰC.

齒 痛

88. — Xi-thông

Xi thông là đau răng. — Răng cũng là xương thuộc về thận thủy mà cái lợi thuộc về vị thổ, nhược bằng thận hư vị nhiệt thời răng đau mà lung lay, nói đại khái: răng ví như cây, lợi như đất. Đất nước hòa bình thời gốc vững bền, đất khô thời cây héo mà hoặc sinh ra mọt. Trị bệnh này phải thanh hỏa, bổ thủy, sát trùng ba thứ mà thôi.

Một thứ trong dạ-dầy nóng mà đau răng, sưng lợi dùng bài Thanh-vị-lân, nhược bằng lửa nóng dùng bài Triều-lân-âm, bài Đại-thanh-âm. bài Ngọc-toàn-lân, nhược bằng thận hư kiêm cả vị hỏa mà nóng khát sưng đau dùng bài Ngọc-nữ-tiên.

Một thứ nhân phong nhiệt mà chân răng sưng đau dùng bài Định-thống-khương-hoạt.

Một thứ đau răng quá rức cả lên óc, muốn mát sợ nóng, mạch thời hồng xác dùng Lương-cách-tân, bài Thạch cao-thang.

Một thứ răng đau dữ quá sợ lạnh yêu nóng dùng hài *Lý-âm-tiên*, bài *Bát-vị hoàn*.

Một thứ nguyên khí vốn hư nhân sự khó nhọc mà đau răng, phần dương hư dùng bài *Bồ-trung-ich-khi*, phần âm hư dùng bài *Bồ-âm-ich-khi*.

Một thứ răng lung lay mà đau âm ý là trong âm phận mà dương hư dùng bài *An-thận hoàn*.

Một thứ thận hư mà răng lung lay nổi lên, thủy hư dùng bài *Lục-vị-hoàn*, *Tá-quy hoàn*; hỏa hư dùng *Bát-vị-hoàn*, *Hữu-quy-hoàn* đều gia Cốt-toái 2 đồng.

列 方

Liệt các bài thuốc

清 胃 散

Thanh-vị tán

青皮六分炒 牡丹二リ炒 生地三リ 防風一リ
石羔二リ煨 荊芥一リ 生艸五分

Thanh-bì 6 phần, Mẫu đơn 2 đồng, Sinh-dịa 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Thạch-cao 2 đồng, Kinh-giới 1 đồng, Sinh-thảo 5 phần

Bốn răng cửa hàm trên thuộc tâm, gia :

黃連八分 麥門一リ半炒

Hoàng-liên 8 phần, Mạch-môn 1 đồng rưỡi

Bốn răng cửa hàm dưới thuộc thận, gia :

知母一リ 黃伯八分炙

Tri-mẫu 1 đồng, Hoàng-bá 8 phần.

Hai bên răng nanh hàm trên thuộc về dạ dày, gia :

川芎八分 白芷八分

Xuyên-khung 8 phần, Bạch-chỉ 8 phần

Hai bên răng nanh hàm dưới thuộc về ruột non, gia :

白芍一リ半炒 白朮八分土炒

Bạch-thược 1 đồng rưỡi, Bạch-truật 8 phần.

Ba cái răng nhọn hàm trên tay phải thuộc về ruột già, gia :
川大黃一リ煨 枳壳五分炒
Đại-hoàng 1 đồng, Chỉ-xác 5 phần.

Ba cái răng nhọn hàm dưới tay phải thuộc về buồng phổi,
gia : 黃芩一リ炒 桔梗一リ
Hoàng-cầm 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng.

Ba cái răng nhọn hàm trên tay trái thuộc về chái mật, gia :
姜活一リ 龍胆八分
Khương-hoạt 1 đồng, Long-dâm 8 phần.

Ba cái răng nhọn hàm dưới tay trái thuộc về buồng gan,
gia : 柴胡一リ 梔子一リ炒黑
Sài-lồ 1 đồng, Chi-tử 1 đồng.

定痛姜活湯

Định-thống khương - hoạt thang

石羔二リ煨 荊芥七分 落荷七分 獨活七分
升麻一リ半 細辛五分 生草五分 生地三リ
防風一リ 姜活一リ 川芎一リ

Thạch-cao 2 đồng, Kinh-giới 7 phần, Bạc-hà 7 phần, Độc-hoạt 7 phần, Thăng-ma 1 đồng rưỡi, Tế-tân 5 phần, Sinh-thảo 5 phần, Sinh-dịa 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng.

石羔湯

Thạch - cao thang

梔子八分炒黑 薄荷八分 淡荅八分 蓮薈八分
川大黃二リ煨 升麻一リ 知母一リ 樸硝六分
石羔二リ煨 生梓五分

Chi tử 8 phần, Bạc-hà 8 phần, Phục-linh 8 phần, Liên-kiều 8 phần, Đại-hoàng 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Tri-mẫu 1 đồng, Phác-tiêu 6 phần, Thạch-cao 2 đồng, Sinh-thảo 5 phần.

安 腎 丸

An - thận hoàn

肉苁蓉二月製 石斛一月 茯苓一月 破故一月
杜仲一月 鹽炒 兎絲一月 巴戟一月 青蘆一月
白蒺藜二月 淮山一月炒

Nhục-thong-dong 2 lạng, Thạch-hộc 1 lạng, Phục-linh 1 lạng, Phá-cổ 1 lạng, Đổ-trọng 1 lạng, Thỏ-ty 1 lạng, Bả-kích 1 lạng, Thanh-diêm 1 lạng, Bạch-tật-lê 2 lạng, Hoài-sơn 1 lạng.

Tán bột, luyện mật viên. mỗi bận uống 2 đồng.

Trừu-tân-âm, Ngọc-toàn-tán, Lý-âm-tiên đều ở số 3
THƯƠNG HÀN.

Bồ âm ích khí, Tả-quỳ-hoàn, Hữu-quỳ hoàn đều ở
số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lục vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Bồ-trung-ích-khí đều ở
số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lương-cách-tán ở số 75 ĐIÊN-CƯỜNG.

Giản - dị phương

Thạch-cao 1 lạng, Tế-tán 3 đồng sắc nước ngâm.

Hoặc dùng: Hương-phụ, Ngải-diệp sắc nước ngâm.

Hoặc dùng: Ngải-diệp, Thổ-ong sắc giấm-thanh ngâm.

Hoặc dùng: Đinh-hương 5 phân, Xuyên-tiêu 5 phân,
Băng-phiến 1 phân tán bột chấm vào.

Hoặc dùng: rễ giấy lá-lốt dăm nhỏ dặt vào.

Hoặc dùng: Thăng-ma, Thạch-cao, Đại-hoàng, Tri-mẫu
đều 1 đồng sắc nước ngâm.

Hoặc dùng: Thanh-diêm, Tế-tán, Tật-bát, Xuyên-tiêu
tán bột chấm vào.

Hoặc dùng: Thổ-kén 2 đồng (đốt ra than), Ngũ-bội, Phèn-phi,
Hoàng-bá đều 1 đồng tán bột chấm vào rất là thần hiệu.

Hoặc dùng 2 nhánh tỏi, Kinh-phấn 1 đồng dăm lần dặt
vào huyết kinh-cử lấy cái hén để úp lên trên rồi buộc lại,
huyết ấy ở chân ngón tay cái, n ón tay chỗ chỗ khỉu sau
mạch bộ thốn, giai tay trái phải tay phải; một chốc thấy
dau, cạy ra bỏ đi; thấy mọc lên một cái bông nước, nhẹ
chảy nước ra, khỏi đau lập tức.

Răng có sâu

Dùng Ngũ-bội 3 đồng, sắc nước ngâm sâu chết ngay.

Hoặc dùng hột hẹ 3 đồng sắc nước ngâm.

Hoặc dùng Ba-đậu 1 nhân Xuyên-tiêu 5 hột, tán bột luyện cơm viên, nhét vào chỗ đau.

Hoặc dùng con nhái lột da chỉ lấy 1 miếng thịt dùi, bỏ xương đi, giã cho mềm dẽ vào chỗ đau, một chốc con sâu ra ăn lấy ra thả vào nước mà xem, vài bận thời khỏi.

Hoặc dùng dầu, cánh gà đốt ra than chấm vào chỗ sâu, một chốc súc miệng có sâu ra.

Cổ-xỉ pháp

Thường khi răng hơi có ý lồi lên thời sẽ cần cho chặt thỉnh thoảng lại cần luôn, những khi đi tiểu thời trước cần cho chặt hàm răng lại, rồi sau mới phóng giải.

Trẻ con cam răng

青黛一リ 硃砂五分 生草五分 人中白一リ

硼砂一リ 雄黄一リ 冰片一リ

Thanh-dại 1 đồng, Chu sa 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Nhân-trung-bạch 1 đồng, Bồng-sa 1 đồng, Hùng-hoàng 1 đồng, Băng-phiến 1 đồng.

Tán bột chấm vào.

Cam tàu-mã

人中白 五倍 黄連 青黛 胆礬 黄伯
柑 硃 葉 (各一リ)

Nhân trung-bạch, Ngũ bội, Hoàng-liên, Thanh-dại, Đản-phèn, Hoàng-bá, Lá cam-xanh (đều 1 đồng).

Tán bột chấm vào

Chứng cam tàu-mã phải dùng đậu-xanh cho ăn luôn luôn.

Hoặc dùng lông đuôi trâu trắng, hoàng-bá, 2 vị đốt ra than, tán bột hòa mật-ong chấm vào; nếu không khỏi lấy thân-khương thay hoàng-bá.

賴 車

89. — Giáp-xa

Bệnh giáp-xa là sưng quai-hàm, đau một bên gọi là sưng hàm trầu, sưng cả hai bên gọi là lên quai-bị. Bệnh này có ba thứ phải chia ra mà dùng thuốc

Một thứ nhân thương-giêu, hoành-cách nóng mà sưng hàm dùng bài *Lương-cách-tán* gia Kết-cánh, Phòng-phong.

Một thứ nhân gió lạnh vào kinh Thiếu-âm mà gâu xương đau, dùng bài *Khương-hoạt-thắng-thấp* gia Hoàng-cầm, Kết-cánh.

Một thứ nhân thận thủy hư mà sưng hàm, dùng bài *Lục-vị* gia Huyền sâm, Ngưu-tất.

Lương-cách-tán ở số 75 ĐIỀN-CƯỜNG

Lục-vị-hoàn ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỪNG.

姜 活 勝 濕 湯

Khương-hoạt-thắng-thấp thang

藥本一リ半 獨活二リ 姜活二リ 蔓荊五分
防風一リ半 川芎五分 生草五分
加 黃芩一リ炒 桔梗一リ

Cảo-bản 1 đồng rưỡi Độc-hoạt 2 đồng, Khương-hoạt 2 đồng, Mạn kinh 5 phân, Phòng-phong 1 đồng rưỡi, Xuyên khung 5 phân, Sinh-thảo 5 phân.

Gia: Hoàng-cầm 1 đồng. Kết-cánh 1 đồng.

Thuốc bôi ngoài

1-) Xích-tiểu-dậu 5 đồng tán bột hòa lòng trắng trứng gà bôi, hoặc hòa giấm-thanh

2-) Hạnh-nhân 5 đồng đâm nhỏ như cao đắp vào.

3-) Tế-tân 3 đồng, Thảo-ô 3 đồng tán bột hòa mỡ lợn bôi, lại dùng quả Ô-mai dề vào trong hàm chảy rãi ra thì khỏi sưng

4) Sưng hàm-trâu dùng xương hàm con trâu đốt ra than tán bột hòa nước bôi.

5) Lén quai-bị lấy cái quai-bị cũ của ăn-mày đốt ra than hòa nước bôi vào.

咽 喉

90. — Yết-hầu

Yết-hầu là đan trong cổ. — Hầu là cuống-họng hơi thuộc buồng phổi, ở ngoài làm cái ống hút vào thở ra. Yết là cuống-họng cơm thuộc dạ-dầy, ở trong làm cái cửa ăn uống. Quả hội-áp là cái nút ở giữa, chủ việc đóng mở để cho ăn uống vào ống cơm mà không lẫn, vậy nên đức thánh Khổng-tử khi ăn không nói sợ ống hơi mở ra mà rơi cơm nước vào. Cái yết-hầu là chốn ách-yếu trong mình người ta lại làm cái cửa cho các tặc phủ như có bệnh gì ngăn trở thì tinh mệnh người ta quan hệ lắm. Cổ-phương có chia làm 18 chứng như mà chỉ tại đàm hỏa sinh ra, hoặc sưng sũng, hoặc tê đau, ăn uống không được thực là sợ lắm. Trị bệnh này phải xét âm, dương lạnh nóng thể nào và chứng hầu-phong; chứng hầu-tý; chứng hầu-nga các bệnh mà chữa.

Một thứ hỏa chứng hầu tý trong cổ tê đau là lửa tam-tiêu bốc lên kết ở trong cổ, nóng ra dầu mắt dùng bài *Tỷ-tân-đm* nóng lắm dùng bài *Trừu-tân-đm* nhược bằng can hỏa thịnh thời mắt đỏ phải gia Chi-tử, Long đả-thảo. Bạch-thược làm chủ, nhược bằng kinh dương-minh dạ-dầy lửa nóng thời có rức đầu khát nước phải gia thạch-cao làm chủ. Nhược bằng đại-tiện táo kết phải gia Đại-hoàng 2 đồng, Mang-tiêu 2 đồng.

Một thứ âm hư hầu tý trong cổ đau, miệng khát, cổ khô, môi hồng, mắt đỏ, đờm rãi nhiều, mạch thời phù xác mà không khô; hoặc nhân từ sắc hóa ra âm hư dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, bài *Gia-dâm-nhất-âm*, nhược bằng lửa nóng ít, đi tiểu không nóng cũng không nướn mát, dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiến*, hoặc là có lo nghĩ động đến tâm hỏa dùng bài *Nhị-âm*.

Một thứ cách dương hầu tý đau trong cổ là lửa vô căn bốc lên trên cổ thời trên nóng dưới lạnh, mạch thời vĩ

nhược là hỏa bất quy nguyên bởi nhân sắc dục tồn tinh, hoặc nhân tiết tả thương thận, hoặc quả dùng thuốc lạnh, cho nên dương khí hư, dùng bài *Chấn âm tiên*, bài *Bát-vị-hoàn*, hoặc dùng phụ-tử làm mật nường mà ngậm, hoặc dùng *Khuông-quế-thang*.

◊ Một thứ dương hư hầu-tý nhân tại dương hư vì uống nhiều thuốc công phạt hóa ra ầu uống kém ít hình thể gầy yếu, mà tóa dương hư, dùng *Độc-sâm-thang*, cho uống luôn. Hoặc có đờm gia Trúc-lich, Khương trấp.

Một thứ chứng tảo-hầu-phong. Người ta bảo rằng : cổ đau không ăn uống được gọi là tảo-hầu-phong thực là chứng hầu tý. Nhược bằng thật đích chứng tảo-hầu phong thời người ấy không có bệnh gì chỉ tự nhiên cổ nhỏ bé lại mà thở không được. Không có đau sưng gì mà đến nổi hơi như sợi chỉ, tiếng như muỗi kêu kíp dùng *Tạo-dắc-phương*, hoặc dùng *Đồi-g-du-phương*, cho thỏ đờm ra, rồi lại dùng *Bộc-sâm-thang* cho uống hoặc là có cừu được chẳng.

Trẻ con tảo - hầu - phong

Dùng lá phù dung dầm vắt lấy nước độ nửa chén hòa với một cái trứng-gà nấu lên ; một nửa dịt lên trên thóp, một nửa dịt vào rốn thời khỏi.

Những khi mới phải chứng hầu tý thời nuốt đau ở trong cổ dùng *Cam kết-thang*, hoặc nước đậu-xanh, nước quả lê, hoặc nước củ cải không củ dùng bột dầm hòa lấy nước ; đều gia Huyền-minh-phấn quấy đều cho uống. Nhược bằng trong cổ đau lắm uống một tí nước ăn một tí cơm không thể nuốt được dùng Sơn-đậu-củ và lá Khô-mộc nhai nhỏ nuốt nước thời khỏi ; hoặc dùng nhân bột-chám khô vài ba mươi nhân nghiền nhỏ hòa mật-ong nuốt dần dần vào rất là thần hiệu.

Một thứ trong cổ sinh nhũ-nga, mọc ở hai bên gọi là song nga, mọc một bên gọi là đơn-nga, hình nó thời tròn như hạt trai cũng là loài ung dột. Nhược bằng dột còn ít sưng còn nhỏ chưa có mủ thời dùng thuốc khoắng vào, hoặc thổi vào cũng tiêu đi được. Nhược bằng sưng to nguy quá phải chích cho chảy mủ ra mới khỏi được. Nhược bằng chứng tảo-hầu-phong thời sưng cả mảng mà không có mủ ; không dùng châm thích phải dùng thuốc giáng hỏa thời mới khỏi sưng.

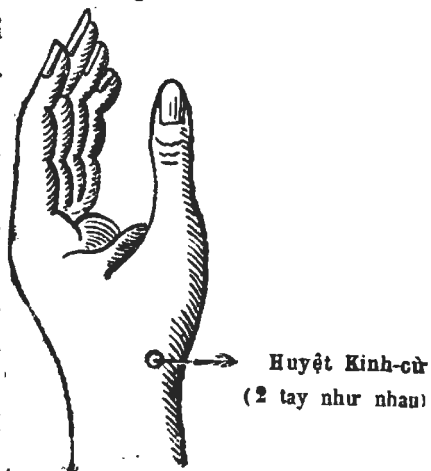
針 刺 法

Phép châm-thích

Dùng cái dũa chẻ một tí dề cái kim vào vừa rồi thò mũi kim ra độ hai li; lấy chỉ buộc chặt ngoài lại; dùng giấy bọc kín không cho người bệnh biết, nói dối rằng chấm thuốc, xem trúng giữa cái nốt mà thích vào.

Một thứ hầu-nga đã thành, dần ờng thời từ giữa sống mũi tìm lên đến đỉnh đầu, dần bà thời từ giữa sau gáy tìm lên đến đỉnh đầu, trẻ con thời xem lỗ-khẩu 2 tay như có bọc nước dô dùng kim khêu vỡ ra thời trong cổ hầu-nga cũng vỡ.

Hoặc dùng 2 nhánh tỏi già nhỏ dẹt vào huyết Kinh-cử. Huyết ấy ở cổ-tay, chân ngón tay cái, ngón tay chỏ, chỗ khủy tay hơi trũng xuống bên sau mạch Bộ-thốn, giai tay trái, gãi tay phải, lấy cái vỏ hến úp lên trên rồi buộc chặt, một chốc nầy ra thấy mọc lên cái bọc nước; lấy kim khêu chầy nước ra thời khỏi, rồi lại dùng Cam-kết-thang cho uống.



Một thứ yết-hầu sưng đầy tắc cổ xem thể nguy quá, đem 2 tay người bệnh tuốt xuống 20 cái dề cho máu tụ xuống ngón tay cái, lấy chỉ buộc chặt lại rồi lấy kim đâm vào huyết thiếu-thương đâm cả 2 tay thời trong cổ khai ra được. Huyết thiếu-thương có vẽ ở số 4 TRÚNG-PHONG.

Hạ phương

Nhân ba-dậu độ 10 nhân đâm nhỏ thêm một tí tế-tân tán bột lấy giấy quấn lại cắt dôi ra nút vào lỗ mũi, trong cổ sưng bên tả nút bên hữu, sưng bên hữu nút bên tả, sưng hai bên nút cả hai, thay đổi nút luôn thời cổ khai ra được.

Một thứ trong cổ sưng lấp hàm răng cắn chặt nói không ra tiếng dùng:

雄黃一ノ 巴豆二粒 鬱金五分

Hùng-hoàng 1 đồng, Ba-dậu 2 nhân, Uất-kim 5 phân.

Tán bột hòa nước lấy quần bút thodi nước vào trong lỗ mũi, nước chảy xuống cổ thời người bệnh nơn ọc, thời hàm răng há ra trong cổ thông được.

Một thứ trong cỏ sùng quả-châu, ông Đan-Kê bảo rằng : « chứng này không phải hầu-nga, cho nên các thứ thuốc không khỏi, ấy là trong mũi sinh ra một sợi chỉ đỏ treo một cái bọc đen, nhưn bằng quả-châu đủ xuống đến giữa cổ, nhược bằng châm kim thời chết, kíp dùng rễ cây thồ-ngru-tất là cỏ-sước đâm lấy nước bòa giấm-thanh 5, 3 giọt rỏ vào trong mũi 3 bận thời sợi chỉ đứt quả-châu vỡ thò ra máu độc thời khỏi, lại dùng phép thích huyết thiếu-thương cả hai tay bỏ máu độc đi càng hay.

列 方

Liệt các bài thuốc

甘 桔 湯

Cam - kết thang

金銀二リ 生艸二リ 黒丑一リ半 桔梗一リ
Kim ngân 2 đồng Sinh-thảo 2 đồng, Hắc-sửu 1 đồng rưỡi.
Kết-cánh 1 đồng. Sắc nước uống.

姜 桂 湯

Khương - quế thang

乾姜炒 炙草 肉桂磨 (各一リ)

Can-khương, Chích-thảo. Nhục-quế đều 1 đồng. Sắc uống.

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Gia-dâm nhất-âm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Nhị-âm-tiên ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tỷ-tân-âm. Trừu tân âm. Tư-âm-bát vị đều ở số 3

THƯƠNG-HÀN.

Độc-sâm-thang ở số 4 TRÚNG-PHONG

Chấn âm tiên ở số 17 SẮC-QUYẾT

掃 吹 諸 方

Tào suy chư phương

皂角方

Tạo - dác phương

Nha-tạo-dác 5 đồng sao cháy tán bột hòa giấm-thanh cho uống 7 phân, hoặc dùng lông cánh ngỗng chấm thuốc hòa giấm-thanh khoảng trong cổ, lại lấy thuốc bôi ngoài cổ, khó lại bôi, một chốc thổ đờm ra thì khỏi. Bài này trị hầu-phong thần hiệu thứ nhất.

桐油方

Đồng - du phương

Dùng nửa bát nước sôi gia đồng-du 2 thìa, lấy lông cánh ngỗng chấm dầu khoảng vào trong cổ ba bốn bận cho nôn đờm ra, lại chấm lại khoảng đến khỏi thì thôi, sau sắc nước cam-thảo uống cho giải độc.

Hựu phương

Đảm-phèn 5 phân, Mộc-hương 3 phân, tán bột, lấy nửa nhân hột gấc mài với nước hòa Mộc-hương, Đảm-phèn, thêm 3 ly mật gấu lấy lông cánh gà chấm thuốc khoảng trong cổ.

Hựu phương

鷄內金一分半炒	枯礬一分半	胆礬二分
百炒霜三分	朋砂三分	

Kê-nội-kim 1 phân rưỡi, Khô-phèn 1 phân rưỡi, Đảm-phèn 2 phân, Bạch-thảo xương 3 phân, Bã sa 3 phân.

Cùng tán bột hòa giấm-thanh thêm một tí mật-gấu lấy lông gà chấm thuốc khoảng trong cổ.

Hựu phương

Dùng một thứ nhân hột-gấc mài với giấm-thanh, lấy lông gà chấm khoảng trong cổ.

Năm bài thuốc này dùng lông-gà khoảng trong cổ, bảo người bệnh phải đẳng-bằng ho khạc ra không nên nuốt vào, rồi sau lại dùng các bài thuốc thôi.

士 寶 散

Thất - bảo tán

牙皂角一葉 姜蚕十丁 全蝎十个 硼砂一リ
雄黄一リ 枯礬一リ 胆礬五分

Nha-tạo-dác 1 quả, Khương-tâm 10 con, Toàn-yết 10 con,
Băng-sa 1 đồng, Hùng-hoàng 1 đồng. Khô-phèn 1 đồng,
Đảm-phèn 5 phân.

Cùng tán bột lấy quần bút chấm thuốc bảo người bệnh
há mồm dễ gần vào trong cổ mà thôi.

Hựu phương

硼砂五分 雄黄二分 芽硝一リ半
冰片二厘 姜蚕二分

Băng-sa 5 phân, Hùng-hoàng 2 phân, Nha-tiêu 1 đồng rưỡi,
Băng-phiến 2 ly, Khương-tâm 2 phân.

Tán bột thổi vào trong cổ.

Hựu phương

Dùng móng-tay người sao cháy tán bột thổi vào trong cổ
thời hầu-nga vỡ.

Hựu phương

Dùng móng tay người, 10 sợi bắc cùng sao cháy thêm 10
con rệp sao cho khô cùng tán bột thổi vào trong cổ, thổ
huyết ra thời khỏi.

梅 核

91. — Mai - hạch

Chứng mai-hạch khi như có cái bột mơ ở trong cổ, khạc
không ra mà nuốt không xuống bởi vì nhân thất tình uất
kết, hoặc khi đương ăn uống mà có phạm những sự
phiền não, truyện dạn dữ gì đó. Chứng này chỉ dãn hà
hay có nhiều. Phép chữa thời phải khai uất thuận khí tiêu
dàm thời khỏi.

Một thứ mai-hạch thuộc hàn thời có tức đầy lợm nôn dùng *Gia-vị-tứ-thất-thang*.

Một thứ mai-hạch thuộc nhiệt phải thanh đàm giáng hỏa dùng *Đàm-khí-hạch-phương*.

加味四七湯

Gia vị tứ thất thang

厚樸 蘇梗 法夏 橘紅 沙仁 南星
神曲 檳榔 (各一リ)

白豆蔻五分 枳實五分 益智五分 茯苓二リ
青皮五分炒 生姜五片

Hậu-phác, Tô-ngạnh, Pháp hạ, Quất-hồng, Sa-nhân, Nam-tinh, Thần-khúc, Bình-lang (đều 1 đồng),

Bạch-dậu-khẩu 5 phần, Chỉ thực 5 phần, Ích-chí 5 phần, Phục-linh 2 đồng, Thanh-bì 3 phần, Sinh-kương 5 nhát.
Sắc uống.

痰氣核方

Đàm khí hạch phương

黃芩 一リ半炒 蓮喬 一リ半 海帶 七分
白芥子 八分炒 蘇子 一リ炒 桔梗 七分
貝母 一リ姜炒 枳實 五分炒 生草 五分
香附 七分炒

Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Liên-kiều 1 đồng rưỡi, Hải-dải 7 phần, Bạch-giới tử 8 phần, Tô tử 1 đồng, Kết-cánh 7 phần, Bối mẫu 1 đồng, Chỉ-thực 5 phần, Sinh-thảo 5 phần, Hương-phụ 7 phần. Sắc uống.

含化丸

Thuốc ngậm

山豆根一兩 硼砂二リ 龍腦三厘 射香三厘
Sơn-dậu-căn 1 lạng, Bồng-sa 2 đồng, Long-não 3 ly, Xạ-hương 3 ly.

Tán bột luyện với mật cá-trắm viên bằng hột đậu-xanh, mỗi bên ngậm 3 viên, hoặc dùng Ô-mai, Châm-khó để ngậm.

咽 硬

92. — Yết - ngạnh

Yết-ngạnh là bịnh hóc. — Những khi ăn uống không xét, nhai xương không kỹ, hoặc vội vàng nuốt ngay, xương đâm ngang trong cổ, nuốt không xuống được phải dùng thuốc gì thuộc vào vật ấy thời mới chóng khỏi, hóc thời xương cắm vào là nghịch dùng phép thổ thời xương ra theo là thuận.

Một thứ hóc xương cá dùng mỏ chim cốc mài uống. Hoặc treo chân con vịt lấy rũi cho uống. Hoặc dùng bàn tay con rái-cá cào ngoài cổ, cào ngược thời ra, cào xuôi thời vào. Hoặc dùng hột chàm mài cho đặc hòa nước sôi cho uống.

Một thứ hóc xương loài thú dùng móng tay con gấu cào ngoài cổ, cào ngược thời ra, cào xuôi thời vào. Hoặc dùng ngà voi mài đặc cho uống.

Một thứ hóc xương cầm thú, treo chân con chó hừng lấy rũi cho uống. Hoặc dùng đầu con lươn chấm rũi chó khoắc vào trong cổ.

治 硬 諸 方

Các bài thuốc chữa hóc

勝 金 方

Thắng - kim phương

Mùa đông lấy mật cá rô, treo mái danh cho khô. Mỗi bần dùng một cái sắc nước uống, một chốc nôn ra dờm. xương cũng theo ra, nhược bần chữa nôn cho uống thêm rượu nóng, hoặc cũng không nôn lại sắc cái nữa cho uống

Hựu phương

Sa-nhân, Thảo-quả, Uy-linh tiên đều đồng, đường trắng 1 lạng, sắc cho uống luôn 2 bát xương tan mất

Hựu phương

Lấy một cục băng-sa ngâm nuốt nước vào thời khỏi

Hợp phương

Một-tắc tán bột độ 1 đồng hòa lòng trắng trứng-gà cho uống khỏi ngay.

Hoặc dùng móng tay người đốt ra than tán bột thổi vào trong cổ.

Hoặc dùng rau hẹ luộc qua gần chín đến, nuốt vào một miếng to.

Hoặc dùng một cục kẹo mạch-nha nuốt xuống.

Hoặc dùng củ tỏi nút kín hai lỗ mũi không cho thở hơi ra, hóc xương phải xuống.

Hoặc dùng vẩy lưng cá chép, sao khô tán bột hòa nước cho uống.

Hoặc dùng cao sơn-tra ngâm.

Hoặc dùng sơn-tra 8 đồng sắc nước cho uống nhấm-nhấp.

Hoặc dùng 1 cục hàn-the ngâm nuốt nước, xương tiêu xuống.

Phép đọc chú chữa hóc

Lấy một chén nước đựng ngoảnh vào vách để chén nước trước miệng đọc một hơi rằng : « gần thì ra, xa thì vào, » không cử mấy lượt hết hơi tươi thoi ; lại bả vào chén nước cho uống thời khỏi

Các thứ hóc

1.) Hóc vỏ ốc dùng rơm vùi cho uống.

2.) Hóc trấu, thóc dùng rơm ngổng.

3.) Hóc lá tre dùng rơm trâu.

4.) Hóc cái tóc dùng lược cũ đốt ra than tán nhỏ hòa nước uống

5.) Hóc tre, gỗ dùng sơn-murp đốt ra than hòa rượu uống

6.) Hóc kim, chặt đầu con cóc treo lên hứng lấy máu cho uống.

Nuốt nhằm phải các thứ

1.) Nuốt phải sắt, lấy vỏ than tán bột hòa cháo cho ăn

2.) Nuốt phải tiền đồng, ăn vị bột-tẻ cho nhiều thời tan.

3.) Nuốt phải vàng, bạc, đồng, sắt, chì, kẽm, lấy xương đùi chân trước con dê chỗ khốu đốt khô tán bột hòa nước cơm uống 3 đồng.

Hoặc dùng hạt chàm đốt ra than tán bột hòa nước uống.

4.) Nuốt phải cái danh, dùng từ-lhạch (dã nam-châm) 1 đồng, Phác-tiêu 2 đồng, tán bột hòa mỡ lợn thêm mật-ong cho uống (Bài này của ông Cảnh-Nhạc).

5.) Nuốt phải cái kim, dùng đậu-lầm nấu với rau họ mà ăn; kim theo đại-liện ra, không đậu-lầm dùng trứng muối.

Hoặc lấy một đôi mắt con cóc xống đều nhau nuốt vào thời kim sọc vào hai mắt cóc mà ra.

頸 項

93. — Cảnh-hạng

Cảnh-hạng là đau ngoài cổ. — Cổ là tóm các gân, vốn nhờ âm huyết nuôi nấng thuộc về hai kinh: can, thận, hoặc khi ngoài nhân gió lạnh, trong mình nhân huyết ráo mà hóa ra gân cứng đau không ngoảnh di ngoảnh lại được.

Chữa bệnh này phải tư âm bổ huyết và thêm vị khư phong thì gân được nhuận hoạt mà không đau nữa.

Một thứ can huyết hư tổn mà gân cổ cứng đau dùng thang *Gia-vị-tứ-vật*.

Một thứ thận thủy suy, mà đau cả sau gáy dùng bài *Lục-vị-gia-dâm*. Như có đàm hỏa dùng thang *Gia-vị-nhị-trần*.

加 味 四 物 湯

Gia vị tứ-vật thang

川芎一リ半 紅花一リ半 獨活二リ 赤芍二リ
桃仁十五粒 防風二リ 當歸三リ 生地五リ

Xuyên-không 1 đồng rưỡi, Hồng-hoa 1 đồng rưỡi, Độc-hoạt 2 đồng, Xích-thược 2 đồng, Đào-nhân 15 hạt, Phòng-phong 2 đồng, Đương-quy 3 đồng, Sinh-dịa 5 đồng.

六 味 加 減

Lục-vị gia-dâm

澤左一リ 塩炒 牡丹三リ 炒 茯苓三リ 熟地八リ
杜仲二リ 鹽炒 淮山四リ 炒 當歸三リ 秦艽二リ

續斷二リ 炒 赤芍二リ 牛必二リ

Trạch-tả 1 đồng, Mẫu-dơn 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Thục-địa 8 đồng, Đổ-trọng 2 đồng, Hoài-sơn 4 đồng, Đương-quy 3 đồng, Tần-giao 2 đồng, Tục-doạn 2 đồng, Xích-thược 2 đồng, ngưu-tất 2 đồng.

加味二陳湯

Gia vị nhị-trần thang

陳皮一リ 半炒 茯苓三リ 生草一リ 法夏一リ 半
黃芩一リ 炒 紅花一リ 姜活一リ

Trần-bì 1 đồng rưỡi, Phục-linh 3 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Pháp-hạ 1 đồng rưỡi, Hoàng-cầm 1 đồng, Hồng-hoa 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng.

Hoặc dùng lá bẹ dấm nhỏ, cho tí muối sào nóng, lấy vải bọc mà chườm cho dần dần.

結核

94. — Kết-hạch

Kết-hạch là bệnh mọc hạch, kết lại rắn chắc như là cái hạt ở trong quả hoặc mọc ở sau tai, hoặc sinh bên cổ, hoặc ở dưới hàm, hoặc ở trong nách, hoặc sinh dưới bẹn, bởi vì đàm hỏa tụ lại chẳng dò chẳng sung, hoặc cũng có phát sốt mà đau. Phàm những chứng hạch sinh ở trên là bệnh nặng, mọc ở dưới là bệnh nhẹ. Chữa bệnh này phải cho hoạt huyết, tiêu đàm để tan khí lỏng, thì hạch tự nhiên tiêu đi.

列方

Liệt các bài thuốc

鮮毒滑血湯

Giải-độc hoạt-huyết thang

厚樸二リ 炒 生地五リ 當歸二リ 赤芍三リ
連翹三リ 葛根二リ 紅花一リ 柴胡一リ
生朮一リ 桃仁廿粒

Hậu-phác 2 đồng, Sinh-dịa 5 đồng, Đương-quy 2 đồng, Xích-thược 3 đồng, Liên-kiều 3 đồng, Cát-cần 2 đồng, Hồng-hoa 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Đào-nhân 20 hột.

消核方

Tiêu - hạch phương

大黃一リ煨 黃芩八分炒 法夏七分 玄參七分
梔子八分炒焦 牡蠣七分煨 花粉七分 桔梗七分
瓜蒌仁七分 姜蚕五分炒 橘紅一リ 赤苓一リ
連翹一リ 生草四分

Đại-hoàng 1 đồng, Hoàng-cầm 8 phân, Pháp-hạ 7 phân, Huyền-sâm 7 phân, Chi-tử 8 phân, Mẫu-lệ 7 phân, Hoa-phấn 7 phân, Kết-cánh 7 phân, Qua-lâu-nhân 7 phân, Khương-tâm 5 phân, Quất-hồng 1 đồng, Xích-linh 1 đồng, Liên-kiều 1 đồng, Sinh-thảo 4 phân.

治核傳方

Trị hạch truyền phương

黃芪 生草 桔梗 党參姜炒 川芎 桂枝
厚樸炒 防風 白芷 歸尾 (各二リ)

加 金銀四リ

Hoàng-kỳ, Sinh-thảo, Kết-cánh, Đảng-sâm, Xuyên-khung, Quế-chi, Hậu-phác, Phòng-phong, Bạch-chỉ, Quy-vĩ (đều 2 đồng).

Gia Kim-ngân 4 đồng.

Có câu ca rằng: « Hoàng-kỳ, cam, kết, sâm, khung, quế; Hậu-phác, phòng-phong, bạch-chỉ, quy; gia kim-ngân tứ tiền ».

內托白蘗散

Nội-thác - bạch - liễm tán

乳香七分炒 花粉七分 川芎五分 茯苓五分
黃芩五分炒 柴胡五分 白芷八分 白蘗八分
瓜蒌仁八分 防風五分 桔梗五分 當歸一リ
甘草節四分 連翹一リ 赤芍一リ

Nhũ-hương 7 phân, Hoa-phấn 7 phân, Xuyên-khung 5 phân, Tật-lê 5 phân, Hoàng-cầm 5 phân, Sài-hồ 5 phân, Bạch-chỉ 8 phân, Bạch-liễm 8 phân, Qua-lâu-nhân 8 phân, Phòng-phong 5 phân, Kết-cánh 5 phân, Đương-quy 1 đồng, Cam-thảo-tiết 4 phân, Liên-kiều 1 đồng, Xích-thược 1 đồng.

Tán bột, mỗi bần uống 2 đồng

治核內消散

Trị-hạch - nội - tiêu tán

歸尾	蓮翹	赤芍	(各五 分)
獨活	白芷	防風	川芎 (各二 分半)
桂枝	荆芥	藁本	生草 細辛
薄荷	(各一 分半)		

Quy-vĩ, Liên-kiều, Xích-thược (đều 5 đồng); Độc-hoạt, Bạch-chỉ, Phòng-phong, Xuyên-khung (đều 2 đồng rưỡi); Quế-chi, Kinh-giới, Cảo-bản, Sinh-thảo, Tế-tân Bạch-hà (đều 1 đồng rưỡi).

Tán bột, mỗi bần uống 2 đồng.

Hạch mọc dưới cằm dùng con rận nhón độ 5, 3 con đâm nhỏ sắc bằng rượu lọc bỏ bã; đi ngủ thì uống.

Các bài dịt hạch

Dùng mật gấu bằng bột đậu xanh hòa rượu vừa uống, vừa bôi.

Hoặc dùng : Hoài-sơn sống 2 đồng, bột dầu-dầu tía 20 bột, cùng đâm nhỏ dịt vào.

Hoặc dùng lá rau sam đâm nhỏ vắt lấy nước uống một nửa, còn dịt vào chỗ đau

Hoặc dùng cà-độc-dược 1 quả (không có quả dùng 2 đồng bột, bột dầu tía 10 bột, phác-tiêu, long-não đều 1 đồng, cùng đâm nhỏ hòa giấm-thanh dịt vào

Hoặc dùng lá bồ-công-anh 1 nắm, long-não 1 phân, bột-gấc 1 nhân, đâm nhỏ dịt vào

聲 瘖

95. — Thanh - âm

Thanh-âm là tiếng nói khàn, tiếng nói thời chủ ở quả tim, phát ra ở buồng phổi, mà gốc ở bờ-dục, hoặc có ngoại nhân gió lạnh, trong nhân khí hư tổn cho nên lóa ra nói khàn; bệnh nặng thời nói không nghe tiếng Buồng phổi ví như cái chuông đặc thời cũng không kêu, vỡ thời mất tiếng, phong hỏa ngoại tà, bế tắc là chứng thực tình huyết trong minh suy bại là chứng hư. Phép chữa phải phân hư thực và mới, hay lâu mà dùng thuốc.

Một thứ gió lạnh cảm ở ngoại, khí nóng uất ở trong, ống còi bế tắc, ho hắng nhiều lắm mà tiếng khàn dùng bài *Sâm-tô-âm*, bài *Tiểu-thanh-long*.

Một thứ hỏa tà sâm vào buồng phổi, thượng-tiên nóng lấp, mà tiếng khàn dùng bài *Tứ-âm-tiên*, bài *Mạch-môn-đông*. Nhược bằng tâm hỏa nóng quá dùng bài *Nhị-âm-tiên*. Vị hỏa nóng quá dùng bài *Trúc-diệp-thạch-cao*. Can hỏa nóng quá dùng bài *Tiểu-giáng-khí*. Nhược bằng chứng ho lao hiệp hỏa mà tiếng khàn dùng bài *Trúc-y-mạch-đông-thang*.

Một thứ nhân sắc dục kiệt âm mà nói khàn dùng bài *Tur-kim-tráng-thủy*, bài *Đại-bồ-nguyên*.

Một thứ nhân sự sợ hãi quá mà mất tiếng dùng bài *Thất-phúc-âm*, thang *Quy-tý* khứ mộc-hương, gia Thục-địa 3 đồng.

Một thứ ho lâu mà mất tiếng, bởi vì nguyên khí đại hư, phế, thận 2 kinh đều bị bệnh dùng bài *Tam-tái-hoàn*, bài *Lao-khái-tư-cao*, *Thông-âm-tiên*.

Một thứ nhân gió mà cấm khẩu không nói được, dùng đồng-tiện 1 chén, lấy củ xạ-can mài, lại lấy một nắm lá tre vò nát tằm vào nước tiểu, hâm nóng uống, một chốc thời nói được. Bằng như có co gân lấy lá bẹ dâm nhỏ sào nóng mà chườm.

Một thứ cấm khẩu, cấm đã lâu dùng Thạch-xương-bồ sắc nước với nước dãi rửa rửa mới khai t anh được. Lấy kính soi vào con rửa-rửa thời nó dãi, hoặc dùng lông gáy lợn xỏ vào lỗ mũi con rửa-rửa thời nó dãi, lấy lá khoai, lá sen, hứng cho uống.

列 方

Liệt các bài thuốc

Sâm-tô-âm ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Tứ-âm-tiên, Nhị-âm-tiên, Đại-bồ-nguyên, Thất-phúc-âm, Tam-tài-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thông-âm-tiên ở số 30 KHÁI-THẤU.

Lao-khái-tư-cao ở số 33 LAO-SÁI.

Quy-tỷ-thang ở số 60 QUAN-CÁCH.

小青龍湯

Tiểu-thanh-long thang

細辛三分 白芍二リ 桔梗二リ 陳皮五分 炒
生草一リ 防風一リ 桂枝五分

Tế-tân 3 phân, Bạch-thược 2 đồng, Kết-cánh 2 đồng, Trần-bì 5 phân, Sinh-thảo 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Quế-chi 5 phân.

麥門冬湯

Mạch-môn-đông thang

麥門二リ 炒 天門二リ 炒 生地三リ 紫苑一リ
桑皮一リ 炒 桔梗一リ 半 生草七分 竹葉十片
五味七粒 炒 土貝母一リ 姜 炒

Mạch-môn 2 đồng, Thiên-môn 2 đồng, Sinh-dịa 3 đồng, Tử-viên 1 đồng, Tang-bì 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 7 phân, Trúc-diệp 10 lá, Ngũ-vị 7 hột, Bối-mẫu 1 đồng.

竹葉石膏湯

Trúc-diệp-thạch-cao thang

竹葉廿片 石膏五リ 煨 薄荷五分 桔梗二リ
木通一リ 生朮一リ

Trúc-diệp 20 lá, Thạch-cao 5 đồng, Bạc-hà 5 phân, Kết-cánh 2 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

小降氣湯

Tiểu-giáng-khí thang

紫蘇三リ 烏藥三リ 陳皮一リ 炒
白芍三リ 生朮一リ

Tử-tô 3 đồng, Ô-dược 3 đồng, Trần-bì 1 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Sinh-thảo 1 đồng. Sắc uống.

竹衣麥冬湯

Trúc-y-mạch-dông thang

竹衣一リ 竹茹一リ 竹瀝一盃 竹葉十四片
杏仁七粒 橘紅五分 生朮五分 麥門二リ 炒
茯苓一リ 桔梗一リ

Trúc-y 1 đồng (màng trắng trong cây tre), Trúc-nhự 1 đồng (bì xanh tre, Trúc-lich 1 chén, Trúc-diệp 14 lá, Hạnh-nhân 7 hột, Quất-bông 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Mạch-môn 2 đồng, Phục-linh 1 đồng, Kê-thực 1 đồng.

滋金壯水方

Tư-kim-tráng-thủy phương

là bài Lục-vị-hoàn gia :

麥門三リ 炒 牛必二リ

Mạch-môn 3 đồng (sao), Ngưu-tất 2 đồng. (bỏ sơn-thu

簡易方

Giản-dị-phương

Trị bệnh mới phải mất tiếng. Đam củ-cải vắt lấy 1 chén nước, thêm 10 giọt nước gừng cho uống.

Hoặc dùng củ-cải 3 củ, bồ-kếp 1 quả, bỏ hột đốt ra than sắc cho uống.

Hoặc dùng hạnh-nhân 2 lạng, quế tốt 1 đồng đem làm viên bằng hột nhãn mà n.ậm.

Hoặc dùng mật sả-tăng tán bột độ 5 phân, hòa nước chè uống.

肩 背

96. — Kiên bồi

Kiên, bồi thông là đau vai lưng, bởi ngoài nhân gió lạnh, hoặc trong nhân khí huyết hư, hoặc có đàm thấp khí trệ, hoặc khiêng vác khó nhọc mà hóa đau vai lưng, hoặc đau cả xương sống, hoặc đau không ngoảnh lại được, hoặc đau cả gân cổ. Trị bệnh này phải khu phong tiêu đàm, trừ thấp bổ hư lại kiện bách khí, hoạt huyết thời mới khỏi.

Một thứ nhân phong thấp đau vai lưng không ngoảnh lại được dùng bài *Khương-hoạt-thăng-thấp*.

Một thứ nhân phong nhiệt vào phổi mà vai, lưng cứng thẳng đau đớn dùng bài *Đề-kiên-thang*. *Thông khí-phòng-phong-thang*.

Một thứ đàm khí ngưng tụ mà vai, lưng đau dùng *Tam-hợp-thang*, *Khoát-dâm-thang*.

Một thứ nhân thấp nhiệt mà vai lưng đau, kịp đến cả chân tay dùng *Đương-quy-niêm-thống*.

Một thứ nhân tam tiêu khí ủng, ngũ tạng bất hòa, mà vai lưng đau dùng bài *Lưu-khi-âm*.

Một thứ ghình vác khó nhọc và ngồi lâu cúi xem, dương khí hư mà vai lưng đau dùng *thang Bò-trung-tch-khi*.

Một thứ thận thủy hư, âm hỏa bốc lên mà vai, lưng đau dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, bài *Gia-dâm-nhất-âm*.

列 方

Liệt các bài thuốc

姜 活 勝 濕 湯

Khương-hoạt-thăng-thấp-thang

藥本一リ 防風一リ 姜活一リ 川芎一リ

獨活二リ 蔓荊六分 甘草六分 如 薺靈仙一リ

Cảo-bản 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Độc-hoạt 2 đồng, Mạn-kính 6 phân, Cam-thảo 6 phân, Gia-uy-linh-tiên 1 đồng.

提 肩 湯

Đề - kiên thang

黃芩五分炒 生朮四分 川黃連五分
防風 姜活 藁朮 川芎 白芍 (各七分)

加 威靈仙一リ

Hoàng cầm 5 phân, Sinh-thảo 4 phân, Hoàng-liên 5 phân, Phòng-phong, Khương-hoạt, Cảo-bản, Xuyên-khung, Bạch-thược (đều 7 phân).

Gia Uy-linh-tiên 1 đồng. Sắc nước uống.

通 氣 防 風 湯

Thông - khí - phòng - phong thang

沙参三リ姜炒 白豆蔻二分 藁朮一リ 防風一リ
黃芪一リ半炙 黃芩一リ炒 升麻五分 柴胡五分
青皮二分炒 陳皮五分 姜活五分

Sa sâm 3 đồng, Bạch-dậu-khẩu 2 phân, Cảo-bản 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Hoàng kỳ 1 đồng rưỡi Hoàng-cầm 1 đồng, Thăng-ma 5 phân, Sài-hồ 5 phân, Thanh bì 2 phân, Trần-bì 5 phân, Khương-hoạt 5 phân. Sắc uống.

三 合 湯

Tam - hợp thang

陳皮炒 枳壳炒 法夏 炙草 茯苓 烏藥
乾姜炒 香附炒 姜蚕 川芎 白芷 麻黃
蒼朮製 姜活 桔梗 紫蘇 (各五分)

Trần-bì, Chỉ-xác, Pháp-hạ, Chích-thảo, Phục-linh, Ô dược, Can-khuong, Hương-phụ, Khương-tâm, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Ma-hoàng, Xương truật, Khương-hoạt, Kết-cách, Tử tô, (đều 5 phân). Sắc uống

豁痰湯

Khoát - đàm thang

梔子炒黑 法夏 桔梗 赤芍 生草 陳皮炒
 枳壳炒 茯苓 香附 川芎 姜黃 海桐皮
 蒼朮製 (各一リ)

Chi-tử, Pháp-hạ, Kết-cánh, Xích-thược, Sinh-thảo, Trần-bì,
 Chỉ-xác, Phục-linh, Hương-phụ, Xuyên-khung, Khương-
 hoàng, Hải-dồng-bì, Xương-truật (đều 1 đồng). Sắc uống.

當歸拈痛湯

Đương-quy-niêm-thống thang

党参三リ 姜炒 當歸二リ 知母一リ 猪苓一リ
 白朮一リ 土炒 苦参一リ 防風一リ 葛根一リ
 蒼朮五分製 姜活五分 炙草五分 茵陳一リ
 黃芩五分炒 澤左一リ炒

Đảng-sâm 3 đồng, Đương-quy 2 đồng, Tri-mẫu 1 đồng, Chư-
 linh 1 đồng, Bạch-truật 1 đồng, Khổ-sâm 1 đồng, Phòng-
 phong 1 đồng, Cát căn 1 đồng, Xương-truật 5 phân, Khương-
 hoạt 5 phân, Chích-thảo 5 phân, Nhân-trần 1 đồng, Hoàng-
 cầm 5 phân, Trạch-tả 1 đồng. Sắc uống

流氣飲子

Lưu-khí-âm-tử

青皮炒 木香 其榔 烏藥 腹皮 枳壳炒
 只寔炒 茯苓 紫蘇 桔梗 防風 黃芩
 陳皮炒 當歸 川芎 白芍 生草 法夏
 (各三分)

Thanh-bì, Mộc-hương, Bình-lang, Ô-dược, Phúc-bì, Chỉ-xác,
 Chỉ thực, Phục-linh, Tử-tô, Kết-cánh, Phòng-phong, Hoàng-
 kỳ, Trần-bì, Đương-quy, Xuyên-khung, Bạch-thược, Sinh-
 thảo, Pháp-hạ, (đều 3 phân). Sắc uống.

Bổ-trung-ích khí, Gia-dảm-nhất-âm đều ở số 10 CHƯ-
 HƯ-CHỨNG.

Tư âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Nghiệm phương

背痛方

Bối thông phương

白朮一リ半七炒 姜黃六リ 姜活一リ半
生艸一リ半

Bạch-truật 1 đồng rưỡi, Khương-hoàng 6 đồng, Khương-hoạt 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng rưỡi. Sắc uống.

肩痛方

Kiên thông phương

白朮二リ七炒 香附二リ炒 茯苓二リ
黃芩二リ炒 陳皮一リ炒 法夏一リ
蒼朮一リ製 威靈仙八リ 生艸一リ

Bạch-truật 2 đồng, Hương-phụ 2 đồng, Phục linh 2 đồng, Hoàng cầm 2 đồng, Trần bì 1 đồng, Pháp-hạ 1 đồng, Xương-truật 1 đồng, Uy-linh-tiên 8 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

舒筋湯

Thư-cân thang

(Trị cả vai lưng)

白朮二リ七炒 姜活一リ 生艸一リ 洗香三分麻
海同皮二リ 當歸三リ 姜黃五リ

Bạch-truật 2 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Trần-hương 3 phân, Hải-dồng-bì 2 đồng, Đương quy 3 đồng, Khương hoàng 5 đồng. Sắc uống.

外 搽 方

Bài thuốc bóp

風姜三リ 血色三リ 蒼朮三リ 桂枝二リ
大茴二リ 丁香一リ

Phong khuong 3 đồng, Huyết-dác 3 đồng, Xương-truật 3 đồng, Quế-chi 2 đồng, Đại-Lôi 2 đồng, Đinh-hương 1 đồng
Đầm nhỏ sào với rượu mà bóp

臂 痛

97. — Tý - thông

Tý thông là đau cánh tay, hoặc có nhân phong thấp, hoặc có mang xách nặng thương gân. Đau mà có sưng thời bệnh ở thịt, đau mà không sưng thời bệnh ở gân, xương, đều bởi huyết chẳng dưỡng cân mà hóa ra đau. Phép chữa thời phải khư phong tán thấp, bổ huyết thư cân, chỉ có vị Khương-hoàng hay vào cánh tay và vị Tòng-tiệt, vị Quế-chi hay dẫn ra hai cánh tay, ba vị này không có thiếu được.

Một thứ nhân phong hàn mà cánh tay đau dùng thang *Quế-chi* gia dương-quy 2 đồng, hoặc bài *Ngũ-tích* gia khương-hoàng 1 đồng.

Một thứ nhân phong thấp mà cánh tay đau dùng thang *Quyên-tý* gia xương-truật 1 đồng, hoặc dùng bài *Khương-hoàng-thắng-thập*.

Một thứ cánh tay đau không cất lên được, dùng *Thư-cán-thang*, hoặc *Tứ-vật-thang* gia Tần-dao, Khương-hoàng đều 2 đồng.

Một thứ cánh tay đau như dao chém, đêm ngày kêu khóc dùng bài *Dương-huyết-khư-phong*.

Một thứ huyết khô, khi trệ mà cánh tay đau là thuộc tý hư không mấy người biết dùng thang *Quy-tý* gia Quế-chi 1 đồng.

Những chân tay đau người ta bảo rằng: tý kinh chủ chân tay mà không biết cân mệch tắc thổ hóa ra chân tay đau, dùng bài *Tiên-dao-tán* gia Mẫu-đơn, Chi-tử, Bạch-giới đều 2 đồng.

列 方

Liệt các bài thuốc

桂 枝 湯

Quế-chi thang

桂枝ニリ	白芍ニリ	生姜ニリ	生草一リ
大枣二枚		加 當 歸ニリ	

Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Sinh-kương 2 đồng,
Sinh-thảo 1 đồng, Đại-lão 2 quả, Gia Đương-quy 2 đồng.

蠲痺湯

Quyên - tỹ thang

姜活 當歸 赤芍 黃芪炙 姜黃 (各二リ)
生草七分 加 蒼朮一リ製

Khương-hoạt, Đương-quy, Xích-thược Hoàng-kỳ, Khương-
hoàng (đều 2 đồng), Sinh-thảo 7 phân. Gia Xương-truật
1 đồng Sắc uống.

舒筋湯

Thư - căn thang

當歸 玄胡索 桂心 (各五リ)

Đương-quy, Huyền-hồ-sách, Quế-tâm (đều 5 đồng.)

Tán bột lấy 2 đồng hòa rượu uống.

養血祛風方

Dưỡng huyết-khư-phong phương

杜仲二リ 鹽炒 金銀一リ 桂枝一リ 松節一リ
續斷二リ 炒 秦艽二リ 牛必二リ 當歸三リ
白芍三リ 炒 熟地一リ

Đỗ-trọng 2 đồng, Kim-ngân 1 đồng, Quế-chi 1 đồng, Tùng-
tiết 1 đồng, Tục-doạn 2 đồng Tần-giao 2 đồng, Ngưu-lất 2
đồng, Đương-quy 3 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Thục-địa 1 lượng.

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Khương hoạt-thắng-thấp ở số 96 KIÊN-BỒI.

Tứ-vật-thang, Tiêu-dao-tán đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Quy-tỹ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Giản dị phương

Cành cây dâu 3 lượng bẻ nhỏ sao vàng, sắc nước uống
thời khỏi rức.

Như sưng đau dùng hột dầu-dầu tía, đâm nhỏ dặt vào một đêm thời khỏi, hoặc dùng lá cây kê đâm nhỏ dặt, hoặc dùng lá phèn-đen, lá soan, lá cà độc-độc 3 thứ đâm lẫn dặt vào thời khỏi sưng.

腋 臭

98. — Dịch - sú

Dịch-sú là bệnh hôi-nách, hoặc gọi là hồ-sú, gọi là thể-khí bởi vì hơi ở trong thịt theo chân lông phát ra không phải truyền nhiễm ở ngoài lấy vào, bệnh hôi vừa thời rửa xát chân lông cũng khỏi, nếu mà hơi hôi lắm phải dùng thuốc cho hạ đi thời mới chột căn được.

Một thứ chứng nẹ hơi vừa dùng cái bánh-chưng nóng cắt làm hai, lấy mật-sà-lăng tán bột rắc vào, mỗi bên một đồng; đương nóng ấp vào nách cả hai bên nằm ngủ qua một chốc lạnh thời bỏ đi.

Hoặc dùng con rện nhơn 2 con, lấy đất bọc lại, đốt cháy thêm khinh phần 1 đồng tán bột, ngày xát 3 bận, 2, 3 hôm thời khỏi.

Hoặc dùng:

白止 枯礬 黃丹 (各一リ) 花椒五分
Bạch-chỉ, Khô-phèn, Hoàng-đơn (đều 1 đồng), Hoa-tiêu 5 phần.

Tán bột xát vào.

Hoặc dùng:

蜜陀僧二リ 龍腦二リ 枯礬一リ 輕粉一分半
Mật sà-lăng 2 đồng, Long-não 2 đồng, Khô-phèn 1 đồng, Khinh-phần 1 phần rưỡi.

Tán bột xát vào.

Một thứ chứng nặng hơi lắm, dùng thịt lợn nạc 2 miếng to lấy cam-toại 2 đồng tán bột rắc trên miếng thịt ấp vào 2 nách lại dùng cam-thảo 5 đồng sắc nước uống, 1, 2 giờ thời hạ nể vãi, phải đào đất lấp đi, sợ người khác ngửi thấy thời rức dầu. Dùng 3 bận như thế thời chột căn.

Hoặc dùng xạ-hương 1 phần, đàm phèn 2 phần, nhân ba-đầu 3 phần, tán nhỏ, lấy ốc-nhồi 2, 3 con cây miệng ra cho thuốc vào lấy giấy buộc lại dựng vào cái bát để một đêm hóa ra nước, dùng nước ấy xát vào hai nách luôn luôn, xát mãi thấy muốn đi đại tiện thời thôi. Đi đại-tiện

phải lấy đất lấp đi. Nhược bằng hơi hói chưa hết lại dùng chồ-phên, cấp-phấn đều 3 đồng, long-não 1 đồng, tán bột ại xát vào.

Những khi xát thuốc thời trước phải rửa mặt cho sạch lã, để khô rồi sau mới xát thuốc vào.

胸 脇

99. — Hung hiệp

Hung là ngực, hiệp là sườn. Ở trên ngực là địa phận tim, phổi, như có khí đục vận lên hóa ra tức đầy, phải dùng thuốc thuận khí tiêu đàm. Hai bên sườn thuộc mạch lạc buồng gan cho nên gió rung, cây động, thừa cơ lấn vào, nên dùng thuốc hóa huyết, khai uất, dẫn rãng ngực với sườn bộ thuộc thời khác nhau, nhưng mà xương thịt cùng liền. Phép chữa cũng thông trị được cả.

Một thứ nhân ngoại tả phát ra lạnh nóng, trong ngực tức đầy, đau đớn dùng bài *Sâm-tô-âm*, *Tứ-sái-hồ-âm*. Nhược bằng đau hai bên sườn dùng *Tam-sái-hồ-âm*, hoặc *Hà-gian-xát-căn-than*.

Một thứ nhân khí nghịch, khí trệ mà ngực đau dùng bài *Phân-khí-tứ-tô-âm*, hoặc *Trầm-hương-giáng-khí*. Nhược bằng hai sườn đau dùng bài *Mộc-hương-thuận-khí*, *Sái-hồ-sơ-can-tán*.

Một thứ nhân thực tích mà ngực sườn tức đầy, dùng bài *Dại-hỏa-trung*, hoặc bài *Bảo-hòa-hoàn*.

Một thứ nhân đàm rã ngưng tụ mà ngực, sườn chướng đầy, dùng *Đạo-dâm-thang* gia bạch-giới-tử 1 đồng, hoặc bài *Hóa-dâm-hoàn*, hoặc *Cồn-dâm-hoàn*.

Một thứ nhân huyết ứ, huyết trệ mà hai bên sườn đau dùng bài *Đạo-nhân-hóa-trệ*. Nhược bằng dân-bà dùng bài *Quyết tân tiên*, *Thược-độc-tán*.

Một thứ trong mình hóa uất, đại, tiểu-tiện chẳng thông mà ngực, sườn đau dùng bài *Đương-quy-long-thối*.

Một thứ chứng nội thương khí huyết hư hoặc đàm đục thương thận mà ngực sườn đau âm ỷ dùng bài *Tiểu-doanh-tiên*, bài *Dại-bổ-nguyên*.

Một thứ đau bên sườn mà đau cả ngang lưng không nghiêng mình được dùng bài *Lục-vị-hoàn*, hoặc bài *Bát-vị-hoàn*, đều gia:

Đỗ-trọng 3 đồng, Tục-doan 2 đồng, Tiểu hồi 1 đồng.

杜仲三リ 鹽炒 續斷ニリ 炒 小茴一リ 炒

列 方

Liệt các bài thuốc

四 柴 胡 飲

Tứ - sài - hồ ẩm

當歸 三リ 柴胡 二リ 炙草 一リ 党参 五リ 姜炒
生姜 五片

Đương-quy 3 đồng, Sài-hồ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Đảng-sâm 5 đồng, Sinh-khương 5 nhát.

三 柴 胡 飲

Tam - sài - hồ ẩm

白芍 三リ 炒 當歸 三リ 柴胡 二リ 炙草 一リ
陳皮 一リ 半炒

Bạch-thược 3 đồng, Đương-quy 3 đồng, Sài-hồ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Trần-bì 1 đồng rưỡi.

河 間 葛 根 湯

Hà - dan - cát - căn thang

白芍 二リ 炒 葛根 二リ 桂枝 一リ 防風 一リ
枳壳 五分 炒 細辛 五分 炙草 五分 川芎 一リ
党参 三リ 姜炒

Bạch-thược 2 đồng, Cát-căn 2 đồng, Quế-chí 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Chi-xác 5 phân, Tế-tân 5 phân, Chích-thảo 5 phân, Xuyên-khung 1 đồng, Đảng-sâm 3 đồng.

分 氣 紫 蘇 飲

Phân - khí - tử - tô ẩm

桑皮 炒 紫蘇 桔梗 草果 茯苓
陳皮 炒 腹皮 炙草 (各一リ半)

Tang-bì, Tử-tô, Kết-cánh, Thảo quả, Phục-linh, Trần-bì, Phúc-bì, Chích-thảo (đều 1 đồng rưỡi). Sắc uống.

Sâm-tô-âm ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Đại-bồ-nguyên ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tiêu-doanh-tiên, Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn đều ở số 10

CHƯ-HƯ-CHỨNG

Đại-hòa-trung-âm ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Trâm hương-giáng khí ở số 74 UẤT-BÌNH

Đương quy-long-hội ở số 75 ĐIỀN-CƯỜNG.

柴胡疎肝散

Sài-hồ-sơ-can tán

香附一リ 半炒

柴胡二リ

陳皮二リ 炒

枳壳一リ 半炒

炙甘草一リ

白芍二リ 炒

川芎一リ 半

Hương-phụ 1 đồng rưỡi Sài-hồ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Chỉ-xác 1 đồng rưỡi, Chích-thảo 1 đồng Bạch-thuộc 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng rưỡi. Sắc uống.

木香順氣散

Mộc-hương-thuận-khí tán

香附炒 青皮炒 疎皮炒 枳壳炒 炙草 木香

砂仁炒 厚樸炒 蒼朮製 檳榔 (各一リ)

Hương-phụ, Thanh-bì, Trần-bì, Chỉ-xác, Chích-thảo, Mộc-hương, Sa-nhân, Hậu-phác, Xương-truật, Bình-lang (đều 1 đồng). Sắc uống.

保和丸

Bảo-hoà hoàn

山楂三リ 炒黒 神曲一リ 炙 茯苓一リ 法夏一リ

陳皮一リ 炒 羅蔔五リ 炒 蓮薏五リ

Sơn-tra 3 lạng, Thần-khúc 1 lạng, Phục-linh 1 lạng, Pháp-hạ 1 lạng, Trần-bì 1 lạng, La-bặc 5 đồng, Liên-kiều 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, uống 2 đồng

導痰湯

Đạo - đàm thang

白芥子一リ炒 陳皮炒 枳壳炒 法夏 茯苓 炙草
土貝母姜炒 (各一リ半) 生姜五片

Bạch-giới-lử 1 đồng. Trần-bì, Chỉ-xác, Pháp-hạ, Phục-linh,
Chích-thảo, Thồ-bối-mẫu (dền 1 đồng rưỡi), Sinh-khương 5
nhát. Sắc uống.

化痰丸

Hóa - đàm hoàn

天門一兩炒 海粉一兩 橘紅一兩 連翹五リ
黃芩一兩炒 桔梗五リ 青黛三リ 芒硝三リ
灰蘼仁一兩 香附五リ炒

Thiên-môn 1 lượng, Hải-phấn 1 lượng, Quất-hồng 1 lượng, Liên-
kiêu 5 đồng, Hoàng-cầm 1 lượng, Kê-cánh 5 đồng, Thanh-
đại 3 đồng, Mang-tiêu 3 đồng, Qua-lâu-nhân 1 lượng, Hương-
phụ 5 đồng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột nhãn, ngậm 1, 2 viên.

滾痰丸

Cồn - đàm hoàn

青礞石一兩煨 黃芩三兩炒 沉香五リ
川大黃三兩煨

Thanh-mông-thạch 1 lượng, Hoàng-cầm 3 lượng, Trầm-hương
5 đồng, Đại-hoàng 3 lượng.

Tán bột luyện hồ viên Dùng Thần-sa 2 đồng làm áo.

Mỗi bần uống 1 đồng.

桃仁化滯湯

Đào-nhân-hóa-trệ thang

白芍二リ炒 香附二リ炒 紅花一リ 川芎一リ
青皮一リ炒 桃仁十五粒 柴胡一リ 歸尾三リ

Bạch-thược 2 đồng Hương-phụ 2 đồng, Hồng-hoa 1 đồng,
Xuyên-khung 1 đồng, Thanh bì 1 đồng, Đào-nhân 15 hột,
Sài-hồ 1 đồng, Quy-vĩ 3 đồng Sắc uống.

决 津 煎

Quyết-tân-tiên

熟地六リ	葛 藟 三リ	澤 左一リ半 盪 炒
牛 必二リ	肉 桂 二リ	烏 藥 二リ

Thục-dịa 6 đồng, Đường-quy 3 đồng, Trạch-lả 1 đồng rưỡi, Ngưu-tất 2 đồng, Nhục-quế 2 đồng, Ô-dược 2 đồng. Sắc uống.

芍 藥 散

Thược-dược-tán

白 芍 一 月 玄 胡 索 一 月 肉 桂 一 月 香 附 二 月 炒

Bạch-thược 1 lượng, Huyền-hồ-sách 1 lượng, Nhục-quế 1 lượng, Hương-phụ 2 lượng

Tán bột, uống 2 đồng hòa nước sôi.

Giản-dị-phương

吳 茱 三 リ 炒

Ngô-thù 3 đồng (sao). Tán bột hòa giấm thanh đắp vào.

Hoặc dùng :

Là họ dâm nhô, sào nóng chườm vào ngực, sườn.

Hoặc dùng :

Gừng sống giã nhỏ quấy hồ, phiết giấy gián vào chỗ nào đau.

Hoặc dùng :

白 芥 子 三 リ 炒

Bạch-giới-tử 3 đồng Tán bột quấy hồ phiết giấy dán vào.

Hoặc: Bạch-giới-tử 2 đồng, tán bột hòa nước sôi uống.

Hoặc dùng :

石 呂 蒲 高 良 姜 香 附 (各 一 リ)

Thạch-lương-bồ, Cao-lương-khuông, Hương-phụ đều 1 đồng.

Tán bột uống, thang bằng gừng, muối.

Hoặc dùng

小 茴 一 月 炒 只 壳 五 リ 炒

Tiểu-hồi 1 lượng, Chỉ-xác 5 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng gừng, rượu.

Đau sườn, huyết ráo dùng :

灰 蘗 仁 一 个 生 草 二 リ 紅 花 七 分

Qua-lâu-nhân 1 cái, Sinh-thảo 2 đồng, Hồng-hoa 7 phân.

Sắc nước uống.

心 痛

100. — Tâm - thông

Tâm thông là bệnh đau tim. Quả tim là ngôi vua chúa ở trong cung, có màng bọc ở ngoài, hộ-vệ gọi là lâm-bào-lạc. Nhưng bệnh đau tim thật là đau bào-lạc trong mỡ-ác, hoặc nhân đàm hỏa khí trệ mà sinh đau đờn, phải xét xem nóng lạnh thể nào mà dùng thuốc

Một thứ khí trệ mà đau dùng bài *Tứ-ma-âm*, hoặc bài *Mộc-hương-thuận-khí*, hoặc thang *Bài-khí-âm*.

Một thứ đờm rãi ứng tắc có kèm ho hắng dùng *Côn-dâm-hoàn*, *Hóa-dâm-hoàn*, hoặc bài *Tô-từ-giáng-khí*.

Một thứ tả hỏa nất kết mà chột cái đau ngay dùng *Tả-tâm-thang* bài *Tam-hoàng-hoàn*, hoặc bài *Trừu-tân-âm*.

Một thứ khí lạnh xung vào tim mà đau như xiên vào, dùng bài *Đại-trâm-hương hoàn*, *Đinh-hương-chỉ-thông-tân*, hoặc bài *Thăng-kim-tân*, hoặc dùng *Thảo-độn-khẩu* nhai nhỏ mà ăn.

Một thứ mỡ-ác đau như xiên vào nhân đàm trệ dùng thuốc bành tán mà không khỏi nên dùng *Thở-pháp* cho nổi ra.

Một thứ tâm thông liên miên, hoặc đau, hoặc không, mà lâu không khỏi dùng bài *Thất-tiểu-tân*, hoặc bài *Thủ-niệm-tân*.

Một thứ thật quả tim đau móng chân, tay xanh xám, mồ-hôi toát ra, lưỡi cứng không nói được, bốn chân tay lạnh dùng mật-gấu bằng bột đậu hòa rượu cho uống, hoặc dùng quế tốt 2 đồng mài cho uống, họ là muốn phần có được một tí chẳng !

列 方

Liệt các bài thuốc

Tứ-ma-âm. Bài khí âm đều ở số 13 KUI-QUYẾT
Côn-dâm-hoàn, *Hóa-dâm-hoàn*. *Mộc-hương-thuận khí*
đều ở số 9 HUNG-MIỆP

Trừu-tân-âm ở số 3 THƯƠNG-NHÂN.

Thở-pháp dùng *Trà-diệu-tân* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

蘇子降氣湯

Tô - tử giáng - khí thang

貝母 姜炒 蘇子炒 前胡 薑歸 厚樸炒 (各一リ)
陳皮炒 桂心 炙草 (各五分)

Bối-mẫu, Tô-tử, Tiên-hồ, Đương-quy, Hậu-phác (đều 1 đồng).
Trần-bì, Quế-tâm, Chích-thảo (đều 5 phân) Sắc uống.

瀉心湯

Tả - tâm thang

川黃連一リ

Xuyên-hoàng-liên 1 đồng; tán bột hòa nước sôi uống.

三黃丸

Tam - hoàng hoàn

川黃連 黃芩炒 川大黃煨 (各五リ)

Xuyên-hoàng-liên, Hoàng-cầm, Xuyên-dại-hoàng (đều 5 đồng).
Tán bột, luyện hồ viên uống 2 đồng.

大洸香丸

Đại - trầm - hương hoàn

乾姜五リ炒 沉香五リ 姜黃五リ 桂心五リ
香附四リ炒 栝香五リ 甘松二リ 白芷二リ
白豆蔻六リ 烏藥二リ 炙草二リ

Can khương 5 đồng, Trầm-hương 5 đồng, Khương-hoàng 5 đồng, Quế-tâm 5 đồng, Hương-phụ 4 đồng, Đàn-hương 5 đồng, Cam-tòng 2 đồng, Bạch-chỉ 2 đồng, Bạch đậu-khẩu 6 đồng, Ô-dược 2 đồng, Chích-thảo 2 đồng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột nhãn, uống 2 viên.

丁香止痛散

Đinh - hương chỉ - thống tán

高良姜二リ 小茴一リ半 丁香五リ 炙草一リ半
Cao-lương-khương 2 lượng, Tiểu-hồi 1 lượng rưỡi, Đinh-hương

5 đồng, Chích-thảo 1 lạng rượu.

Tán bột hòa nước sôi, uống 2 đồng.

勝金散

Thắng - kim tán

桂枝 玄胡索 當歸 五靈脂 (各五リ)

Quế-chi, Huyền-hồ-sách, Đương-quy, Ngũ-linh-chi (đều 5 đồng).

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng thang bằng nước gạo rang.

失笑散

Thất - tiểu tán

五靈脂五リ 蒲黃五リ炒

Ngũ-linh-chi 5 đồng, Bồ-hoàng 5 đồng.

Tán bột lấy 2 đồng hòa giấm thanh nấu thành cao, cho 1 chén nước hòa ra mà uống.

手拈散

Thủ - niêm tán

草果 玄胡索 沒藥 五靈脂 (各三リ)

Thảo-quả, Huyền-hồ-sách, Mốt-dược, Ngũ-linh-chi (đều 3 đồng).

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu.

簡易方

Giản dị phương

荔枝五リ炒焦 木香二リ

Lê-hạch 5 đồng, Mộc-hương 2 đồng.

Tán bột hòa nước sôi uống 1 đồng. Uống mãi chiet căn.

Hoặc dùng Bồ-kếp đốt ra than, tán bột hòa rượu uống 5 phân.

Đau kinh niên dùng củ-tỏi nhỏ sắc bằng giấm-thanh cho chín mà ăn thời khỏi hẳn.

獨步散

Độc - bộ tán

香附一兩醋炒

高良姜二リ酒炒

製附二リ

乾姜二リ炒

Hương-phụ 1 lượng (tầm giấm-thanh sao), Cao-lương-khương 2 đồng (tầm rượu sao, Chế-phụ 2 đồng, Can-khương 2 đồng.

Cùng tán bột nống 2 đồng, thang bằng gừng, muối. Uống bảy tám bận thì triệt căn.

腰 痛

101. — Yếu-thống

Bệnh yếu thống là đau ngang thắt-lưng. Lưng là cung phủ kinh thận, chống đỡ ở trên, chuyển bát ở dưới, làm một cái rất khỏe ở trong mình người ta, hoặc nhân tửu sắc thương tinh, sự khó nhọc tổn huyết, hoặc nhân khí lạnh, hoặc nhân thấp nhiệt mà hóa ra đau lưng, phải xét bệnh trong ngoài và hư thực thể nào chia ra mà chữa, nhưng mà phần hư tổn thời nhiều nên trọng dụng ôn bổ làm chủ.

Một thứ nhân gió lạnh ngoại cảm, hoặc khó nhọc khí trệ mà đau lưng, như kiêu dương hư dùng thang *Bổ-trung-ích-khi*. Bằng kiêu âm hư dùng bài *Bổ-âm-ích-khi*.

Một thứ nhân trong mình tinh huyết khuỷu tổn, hoặc là tửu sắc, hoặc nhân lo nghĩ cho nên thận hư mà đau lưng, dùng bài *Dương-quy-địa-hoàn*, hoặc *Tả-quy-hoàn*, *Hữu-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị-hoàn*. Nhược bằng bệnh nhẹ đau vừa, dùng *Thanh nga-hoàn*, *Ỗi-thận-tán*, *Bổ-tỳ-dan*, *Nhị-chí hoản*.

Một thứ nhân thấp mà đau lưng, hoặc phải nước mưa, hoặc nằm ngồi chỗ ướt dùng bài *Dục-hoạt-kỳ-sinh*. Nhược bằng thấp trệ di tiểu không lợi dùng bài *Ngũ-linh*, tuang *Vị-linh* đều gia xương-truật 1 đồng. Nhược bằng thấp mà kiêu nhiệt dùng bài *Dương-quy-niêm-thống*, bằng thấp mà kiêu hàn, dùng bài *Tê-sinh-truật-phụ*, bài *Ngũ-ích tán*, ngoài đốt hòn lóc mà chườm mấy ngải-cứu, hoặc dùng đậu-den sao với muối cho vào ruột-tượng mà thắt lưng.

Một thứ âm hư hỏa động mà đau lưng dùng bài *Tu-âm-bát-vị*, hoặc thang *Tứ-vật* gia:

黃 伯 一 分

知 母 二 分

梔 子 二 分 炒 黑

黃 芩 一 分 炒

Hoàng bá 1 đồng, Tri mẫu 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Hoàng cầm 1 đồng.

Nhược hằng hỏa tả chưa kết lại, đau quá mà khát nước lắm, đại, tiểu-tiên bế kết dùng bài *Đại-phân-thanh* gia :

黃伯 一リ 炙 龍胆 一リ

Hoàng-bá 1 đồng, Long-dâm 1 đồng

Hoặc dùng bài *Ngọc-loàn-tán*.

Một thứ bị ngã hay bị đánh mà đau lưng, dùng bài *Tứ-vật* gia :

桃仁 十五粒 紅花 一リ 乳香 一リ 炒

沒藥 一リ 炒 牛必 二リ 肉桂 五分

Đào-nhân 15 hạt, Hồng-hoa 1 đồng, Nhũ-hương 1 đồng,

Một dược 1 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Nhục quế 5 phân.

列 方

Liệt các bài thuốc

當歸地黃飲

Đương-quy-địa-hoàng âm

山茱 二リ 酒炒 淮山 三リ 炒 熟地 六リ 當歸 三リ

杜仲 二リ 鹽炒 牛必 二リ 炙草 一リ

Sơn-thù 2 đồng, Hoài-sơn 3 đồng, Thục-địa 6 đồng, Đương-quy 3 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

青娥丸

Thanh-nga hoàn

胡桃 五片 杜仲 四片 鹽炒 破故 二片 炒

Hồ-dào 5 lạng, Đỗ-trọng 4 lạng, Phá-cổ 2 lạng.

Tán bột luyện mật viên, uống 3 đồng.

煨腎散

Ỗi-thận tán

洋參 姜炒 菴蓉 製 破故 炒 當歸 巴戟

杜仲 鹽炒 鹿茸 歸 秋石 煨 (各 一リ)

Dương-sâm Thông-dong, Phá-cổ, Đương-quy, Ba-kích, Đổ-trọng, Lộc-dác-xương, Thu-thạch (đều 1 đồng).

Cùng tán bột, dùng quả bồ-dục lợn, thái nhỏ, trộn một nửa thuốc bột bỏ vào cái liễn nhỏ thêm 1 chén rượu, nấu cách thủy cho chín mà ăn, uống thêm vài chén rượu nữa.

補 髓 丹

Bồ tủy đan

杜仲五兩 鹽炒

破故五兩 炒

鹿茸二兩 酥炙

Đổ-trọng 5 lượng,

Phá-cổ 5 lượng,

Lộc nhung 2 lượng.

Cùng tán bột.

胡桃十五个

Hồ-đào 15 quả dầm nhỏ cùng luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

二 至 丸

Nhị-chí hoàn

杜仲二兩 鹽炒 破故二兩 炒 嬰附五兩 桂心五兩

鹿角霜五兩 鹿茸五兩 炙 青鹽三兩

Đổ-trọng 2 lượng, Phá-cổ 2 lượng, Chế-phụ 5 đồng, Quế-tâm 5 đồng, Lộc-dác-xương 5 đồng, Lộc-nhung 5 đồng, Thanh-diêm 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, uống 2 đồng.

獨 活 寄 生 湯

Độc-hoạt ký-sinh thang

党参二兩 姜炒 熟地三兩 當歸二兩 茯苓二兩

杜仲二兩 鹽炒 獨活一兩 川芎一兩 牛膝一兩

桑寄生一兩 防風一兩 秦艽一兩 炙草五分

白芍二兩 炒 細辛五分 桂心五分

Đảng-sâm 2 đồng, Thục-dịa 3 đồng, Đương-quy 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Đổ-trọng 2 đồng, Độc-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Ngưu-tất 1 đồng, Tang-ký-sinh 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Tàn-giao 1 đồng, Chích-thảo 5 phân, Bạch-thược 2 đồng, Tế-tân 5 phân, Quế-tâm 5 phân. Sắc uống.

濟生朮附湯

Tế sinh truật phụ thang

白朮三リ土炒 杜仲二リ盞炒 製附一リ

Bạch-truật 3 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Chế-phụ 1 đồng.

Bổ trung-ích-khi, Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Bổ-âm ích-khi, Tả-quy-hoàn, Hữu-quy-hoàn, Tứ-vật-thang đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG

Ngọc-toàn-tán, Tư-âm-bát-vị đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngũ-linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Vị-linh-thang ở số 46 ÂM-THỰC.

Đương-quỳ-niêm-thống ở số 96 KIẾN-BỒI.

簡易方

Giản dị phương

Xuyên-ô 3 củ để sống giã nhỏ thêm tí muối, phiết giấy dán vào lưng.

Hoặc dùng :

Bồ-dục 1 quả, Tiêu-hồi 2 đồng, tán bột. Bỏ dôi bồ-dục cho thuốc vào bọc giấy nướng cho chín, bỏ thuốc bột đi rồi ăn.

Hoặc dùng :

Uy-linh-tiên là thuốc thánh trị đau gân xương, lấy 2 đồng tán bột, dùng 1 quả bồ-dục cho thuốc vào quần giấy ướt, lúi vào gio bóng cho chín mà ăn cả thuốc

Những chứng yếu-thống ai cũng bảo là thận hư, mà không biết tỷ thấp cũng đau lưng như đeo đá nặng, dùng :

白朮五リ土炒 蒼朮三リ製 薤白一リ半炒

Bạch-truật 5 đồng, Xương-truật 3 đồng, Ý-dĩ 1 lạng rưỡi.

Sắc nước uống

腹痛

102. — Phúc - thông

Phúc-thông là đau bụng Bụng vốn là đất trung-châu bốn phương hợp tập, muôn vật chứa đầy, chủ ở hai kinh tỳ, vị, hoặc nhân sự gì mà trong bụng chẳng yên, hoặc có thực tích, hoặc có trùng tích, hoặc nhân nhiệt uất, hàn ngưng mà hóa ra trong bụng tức đầy, hoặc nôn mửa, hoặc đi ngoài. Phép chữa bệnh này phải phân hư thực và lạnh nóng thế nào mà dùng thuốc, bụng đau rồi rồi là thực nhiệt đau âm ý là hư hàn, ấn vào thì tức là thực, ấn vào dễ chịu là hư, ăn nó mà khó chịu là thực, ăn nó dễ chịu là hư, đau ở trong ruột là thực, đau ran ra lưng là hư. Đời xưa có nói: đau bụng mà hạ được thì bớt, lại nói: thông lợi được thì không đau ấy là nói về bụng thực nhiệt, nếu mà chứng hư hàn thì sự thông lợi càng không nên dùng lắm.

Một thứ nhân thực tích mà đau bụng thì có tức đầy, nên tiêu đi dùng bài *Hòa-vị-đm*, bài *Đại-hóa-trung*.

Một thứ nhân trùng tích mà đau bụng, thời lúc đau lúc khỏi, mặt trắng môi đỏ dùng bài *Táo-trùng-tiên*, hoặc *Tiểu-mai-thang*, bài *Hóa-trùng-tán*. Nhược bằng trùng tích kiên cố dùng bài *Lạp-trùng-hoàn*, *Bách-thuận-hoàn*.

Một thứ hàn trệ mà đau bụng, có ăn uống vật sống lạnh phải dùng *Thỏ-pháp* cho nôn ra bằng như thực vật đã tiêu mà khí lạnh ấy còn, hoặc là ngoài nhân mưa gió lạnh mà tâm phúc đau như thắt ruột lại, hoặc thổ, hoặc tả dùng bài *Hoắc-hương-chính-khi*, bài *Hương-sa-lục-quần*. Nhược bằng trên không nôn được, dưới không hạ được, bụng đau rồi rồi, gọi là chứng can hoắc loạn xem đau ở thượng-tiêu thì dùng *Phép-thở*, lấy khô-phên và muối đều 5, 7 phân hòa nước uống một vài lạng, lấy tay móc cổ cho nôn ra, bằng như đau ở trung-tiêu, hoặc ở hạ-tiêu dùng thang *Bài-khí-đm*, *Thập-hương-hoàn*, nhược bằng khí lạnh đau lắm mà giá cả chân tay dùng bài *Phụ-tử-lý-trung*.

Một thứ nhân hỏa tả nhiệt uất mà đau bụng, như lửa nóng ở thượng-tiêu phải có khát nước, muốn cho mát dùng bài *Lục-nhất-tán*, bài *Trừu-tán-đm*, bài *Tỷ-tán-đm*, ngoài dùng đồng, sắt, vật lạnh chườm vào, hoặc chườm nước đá. Nhược bằng lửa nóng ở hạ-tiêu nước tiểu ít mà đỏ dùng bài *Đại-phân-thanh*, bài *Nhân-trần-đm*. Nhược bằng đại-tiện táo kết dùng bài *Đại, tiểu-thừa-khí*.

Một thứ nhân trong mình khi huyết hư hàn không ôn dưỡng được tâm tỳ mà đau bụng, hoặc có sự phạm khí lạnh, hoặc ăn uống không được điều hòa, hóa ra chứng hư-thống liền miên mãi chẳng khỏi, dùng bài *Đại-doanh-tiên*, *Lý-âm-tiên* lại phải trọng dụng dương-sâm để bổ khí, gia quế, phụ đề trợ dương khi chớ có cầu nệ các bệnh đau không dùng thuốc bổ.

Một thứ âm hư can phúc thống lúc đau lúc khỏi. Đau bụng kinh niên dùng *Bát-vị-hoàn* gia tiêu-hồi 1, 2 đồng, trầm-hương 5, 3 phân.

Một thứ âm hàn phúc thống, nhân khi âm dục lại cảm khí lạnh mà bụng đau quá lắm kịp dùng gừng với hành đốt hòn lóc chườm vào rốn, lại dùng bài *Lý-âm-tiên*, thang *Lý-trung* sắc cho uống.

Một thứ khí thống xung ngược lên đau lắm, hoặc thở hơi lạnh, bỏ hơi lạnh dùng :

烏藥 小茴炒 青皮炒 高良姜 (各三升)

Ô dược, Tiêu-nổi, Thanh-bì, Cao-lương-khương (đều 3 đồng).

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu hay đồng-tiên mà uống. Hoặc dùng chế-phụ 3 đồng sắc nước, mùi trầm-hương 5 phân hòa cho uống.

Một thứ huyết thống như là ứ huyết, không thông hành được mà đau bụng, và đàn-bà huyết trệ, huyết tích mà đau bụng dùng bài *Thống-đ-tiên*, hoặc thang *Tứ-vật* gia đào-nhân, hồng-hoa, xích-thược đều 2 đồng. Hoặc dùng nước lá-hệ hòa rượu cho uống, nhược bằng đau đơn quá mà đại-tiên bí kết dùng bài *Ngọc-trúc-tán*, bài *Đào-nhân-thừa khí*, bài *Bách-thuận-hoàn*.

Một thứ tâm phúc đều tức đầy, đau đơn nguy quá dùng nhục-quế 2, 3 đồng mài tí nước lã, không có quế dùng can-kương 1 lạng sắc nước uống.

Một thứ ngực, bụng đau như thắt, và chứng can hoặc-loạn đau quá gần nguy, thuốc nước không vào miệng được phải dùng phép *Quất-xa* thì mới khỏi.

括痧法 Quất - xa pháp

Dùng 1 bát nước nóng cho vài thia dầu vừng vào, chọn 1 cái bát nhỏ miệng cho nhẵn dúng vào nước nóng, dùng 2 tay cầm bát úp vào trên giữa lưng người bệnh, sè-sè cạo xuống, dần dần mạnh tay, chèn lạnh hoặc khô lại tẩm vào nước nóng lại cạo một chốc lâu lâu thấy trong bụng bớt đau như có hạ xuống được thời khỏi.

列 方

Liệt các bài thuốc

掃 虫 煎

Tảo-trùng tiên

青皮一リ炒 小茴一リ炒 吳茱一リ炒
共榔一リ半 烏藥一リ半 梔子肉三リ
烏梅二葉 炙草八分

Thanh-bì 1 đồng, Tiêu-hồi 1 đồng, Ngô-thù 1 đồng, Bình-lang 1 đồng, rưỡi, Ô-dược 1 đồng, rưỡi, Phỉ-tử-nhục 3 đồng, Ô-mai 2 quả, Chích-thảo 8 phân.

硃砂五分 雄黃五分

Chu-sa 5 phân Hùng-hoàng 5 phân.

Hai vị này tán bột, sắc thuốc xong rồi cho vào mà uống.

椒 梅 湯

Tiêu-mai thang

川椒炒 枳實炒 砂仁炒 烏梅 棋榔 木香
香附炒 厚樸炒 乾姜炒 川蓀 肉桂 炙草
(各一リ) 生薑三片

Xuyên-tiểu, Chỉ-thực, Sa-nhân, Ô-mai, Bình-lang, Mộc-hương, Hương-phụ, Hậu-phác, Can-khương, Xuyên-luyện, Nhục-quế, Chích-thảo (đều 1 đồng), Sinh-khương 3 nhát. Sắc uống.

化 虫 散

Hóa-trùng tán

雷丸二个 棋榔二个 鶴虱一リ 使君七个
輕粉三厘

Lôi-hoàn 2 hột, Bình-lang 2 hột, Hạc-xắt 1 đồng, Xử-quân 7 quả, Khinh-phấn 3 ly.

Cùng tán bột chia làm 2 lần, dùng thịt lợn nạc 1 lạng, thái nhỏ trộn thuốc, nướng chả ăn, phải nhịn bữa cơm sáng, 13 giờ mới ăn cơm.

獾 虫 丸

Lạp trùng hoàn

乾 漆 燒 灰 蕪 荑 雷 丸 桃 仁 雄 黃
皂 角 炒 焦 錫 灰 棋 榔 使 君 (各 一 分)
細 樅 肉 三 分 輕 粉 一 分

Can-tát, Vu-di, Lôi-hoàn, Đào-nhân, Hùng-hoàng, Tào-dác,
Tích-hối, Bình-lang, Xử-quân (đều 1 đồng), Tế-phỉ-nhục 3
đồng, Kinh-phấn 1 phần.

Cùng tán bột, luyện hồ viên, uống 5 phân.

百 順 丸

Bách - thuận hoàn

川 大 黃 二 兩 煨 牙 皂 每 三 分 炒 焦
Xuyên đại hoàng 2 lạng, Nha-tạo dác 3 đồng.
Tán bột, luyện mật viên, uống 2 đồng.

藿 香 正 氣 湯

Hoắc - hương - chính - khí thang

腹 皮 炒 藿 香 紫 蘇 桔 梗 白 芷 (各 一 分)
陳 皮 炒 法 夏 茯 苓 炙 草 白 朮 土 炒
厚 樸 炒 (各 八 分) 大 棗 一 枚 生 姜 三 片

Phúc-bì, Hoắc-hương, Tử tô, Kết cánh, Bạch-chỉ (đều 1 đồng),
Trần-bì, Pháp hạ, Phục-linh, Chích-thảo, Bạch-truật, Hậu-
phác (đều 8 phân), Đại-táo 1 quả, Sinh-khương 3 nhát.

Sắc uống.

十 香 丸

Thập - hương hoàn

荔 核 炒 焦 陳 皮 炒 小 茴 丁 香 烏 藥 洗 香
皂 角 炒 焦 香 附 炒 木 香 (各 三 分)

Lê-hạch, Trần-bì, Tiêu-hối, Đinh-hương, Ô-dược, Trâm-
hương, Tào-dác, Hương-phụ, Mộc-hương (đều 3 đồng).

Cùng tán bột, luyện hồ viên bằng bột nhão, mài rượu
uống 3 viên.

六一散

Lục - nhất tán

滑石一兩二リ

生草二リ

Hoạt-thạch 1 lượng 2 đồng, Sinh-thảo 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.

通瘀煎

Thông - ú tiên

香附二リ炒

紅花二リ

烏藥二リ

青皮七分炒

歸尾五リ

木香七分

山楂二リ炒黑

澤左一リ半盞炒

Hương-phụ 2 đồng, Hồng-hoa 2 đồng, Ô-dược 2 đồng, Thanh-bì 7 phân, Quy-vĩ 5 đồng, Mộc-hương 7 phân, Sơn-tra 2 đồng, Trạch-tử 1 đồng rưỡi.

玉燭散

Ngọc - trúc tán

生艸

川芎

生地

當歸

白芍炒

芒硝

川大黃煨

(各二リ)

Sinh-thảo, Xuyên-khung, Sinh-địa, Đương-quy, Bạch-thược, Mang-tiêu, Xuyên-dại-hoàng đều 2 đồng, Sắc uống.

Hòa vị-ấm, Hương-sa-lục-quân thang đều ở số 46 Âm-THỰC.

Đại-hòa trung-ấm ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Bài-khi-ấm ở số 13 KHÍ-QUYẾT.

Phụ tử-lý-trung-thang, Đại-doanh-tiên, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG

Tỷ-tân-ấm, Trừu-tân-ấm, Đại-phân-thanh-ấm đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Nhân-trần-ấm ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Tiểu thừa-khi, Lý-ấm tiên, Đào-nhân-thừa-khi đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Lý trung thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Glán-dị phương

Hồ-tiêu, Can-khương (sao), Đinh-hương đều 3 đồng.

Tán bột uống 7 phân, thang bằng nước muối.

Hoặc dùng: Ngải-cứu 3 đồng, vỏ-dừa 5 đồng, sắc nước uống.

Hoặc dùng: Cao-lương-khương, Bình-lang (đều 5 đồng).

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước gạo rang

Hoặc dùng: Ô-duyệt mài cho đặc, độ 1 chén hâm nóng uống.

Hoặc dùng: Hương-phụ 1 lạng (sao), Ô-duyệt 5 đồng, Chích-thảo 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước muối.

Hoặc dùng: Tô-lử, Cao-lương-khương, Thanh-bì (đều 4 đồng). Tán bột uống 2 đồng, thang bằng rượu.

Hoặc dùng: Cáp-phấn, Hương-phụ (sao) đều 1 lạng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi

Hoặc dùng: Mẫu-lệ (nung đỏ), tán bột hòa với rượu, uống 2 đồng.

腹 鳴

403. — Phúc - minh

Phúc-minh là sôi bụng.

Một thứ nhân lửa nóng quanh trong ruột mà sôi bụng dùng bài *Nhị-trần* gia:

黃芩五分 炒 黃連五分 梔子一升 炒黑

Hoàng-cầm 5 phân, Hoàng-liên 5 phân, Chi-tử 1 đồng

Bằng có kiểm uất trệ dùng *Tiểu-dao tán*.

Một thứ nhân trong ruột trống không mà sôi bụng dùng *Ngũ-vị-dị-công-tán*, *Lục-quân-tử*.

Một thứ hạ-tiêu hư hàn có tiếng nước róc rách dùng bài *Bát-vị-hoàn*, *Hữu-quy-âm*.

Nhị-trần-thang ở số 3 *THƯƠNG-HÀN*.

Tiểu-dao-tán ở số 1 *NỘI-THƯƠNG*.

Ngũ-vị-dị công ở số 46 *ÂM-THỰC*.

Lục-quân-tử ở số 15 *ĐÀM-QUYẾT*.

Bát-vị-hoàn, *Hữu-quy-âm* đều ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHƯƠNG*

腹 狹

104. — Phức-hiệp

Phức-hiệp là bụng hẹp nhỏ — Những khi trong bụng hẹp nhỏ như quắt lại, bởi lo nghĩ, buồn rầu cho nên âm huyết khuy tổn, nên dùng thuốc nhuận bõ cho khoan khoái. Nhược bằng có đàm thấp khí không thăng giáng mà bụng bé nhỏ, phải dùng tiên đàm hành khí cho thông lợi mới khỏi.

Một thứ người gầy âm huyết hư tổn mà lo nghĩ tưởng trong bụng khô nhỏ dùng *Tứ-vật-thang* hoặc bài *Lục-vị-hoàn*.

Một thứ người dầy nhân có đàm thấp, khí trệ mà trong bụng hẹp nhỏ dùng *Nhị-trần-thang* gia xương-truật 1 đồng (chế), Hương-phụ 1 đồng (sao). Nhược bằng tỷ hư tức đầy dùng *Lục-quần-lử-thang*.

Tứ-vật-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lục-vị-hoàn ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Nhị-trần-thang ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Lục-quần-lử-thang ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

吐 瀉

105. — Thở-tả

Thở tả là miệng nôn, trôn tháo, bởi đau hoặc-loạn trong bụng đau như quấy loạn, rối rít chẳng yên, trên nôn, dưới tả bởi vì ngoài nhân gió lạnh, trong có thương thực, hoặc nhân mưa nắng thương tỷ mà đau, hoặc nhân trúng độc sa khí mà hóa ra thể; tóm lại xem chỉ là khí lạnh cảm vào trong tạng phủ mà thôi. Chữa bệnh này phải dùng ôn hòa tỷ vị làm chủ, dầu có khát nước cũng cấm dụng thuốc hàn lương. ㄅ

Một thứ đau hoặc-loạn thở tả mới phải dương khi âm dương rối rít, tả chính chứa phân, trước dùng *Thông-quan-lân*: Bỏ-kép đốt cháy bỏ hạt, Tế-tán cùng tán bột thổi vào mũi cho hắt hơi, rồi cho uống *Đạm-riêm-thang*: lấy một rúm muối để vào lưỡi dao đốt cho đỏ hòa với âm dương thủy (là nước nửa nóng nửa lạnh 1 chén cho uống dần dần

lại dùng thang *Hoắc-hương-chính-khi*, cấm không được cho ăn cơm, cháo, sợ tà khí tụ lại, nhược bằng nôn chưa khỏi dùng *Hòa-vị-âm*, *Thần-hương-tán*. Nhược bằng đi tả chưa khỏi dùng bài *Ngũ-linh-tán*, *Vị-linh-thang*, *Linh-truật-nhị-trần-tiên*.

Một thứ thổ-tả mà bụng không chướng đầy chỉ nôn mửa mãi không khỏi ấy là tý, vị hư hàn dùng bài *Hương-sa-lục-quân* bài *Ôn-vị-đm*. Nhược bằng âm-phận hư hàn nhân đi tả mà nôn mửa không khỏi, ngực bụng chướng đầy dùng bài *Lý-âm-tiên*, khứ dương-quy, gia dương-sâm 3 đồng.

Một thứ thổ tả gân bị chuột rút, phải lấy vị mộc-quả làm chủ, bởi nhân vị khí thương mà can huyết ráo hóa ra co gân. Nhược bằng tả trệ chưa khỏi dùng bài *Hòa-vị-đm* gia mộc-quả 5 đồng, nhục-quế 1 đồng. Nhược bằng khí hư dùng thang *Tứ-quân-tứ* gia mộc-quả 5 đồng, dương-quy 2 đồng, nhục-quế 1 đồng, hậu-phác 2 đồng. Nhược bằng âm hư huyết ít dùng bài *Lý-âm-tiên* gia mộc-quả 5 đồng, nhục-quế 1 đồng, hoặc bài *Đại-doanh* gia mộc-quả 5 đồng.

Phép chữa co gân chuột rút

Đàn-ông lấy tay nắm dương-vật mà kéo, đàn-bà thời lấy hai tay nắm vú mà kéo thật là phép hay lắm.

列方

Liệt các bài thuốc

Hoắc hương-chính-khi ở số 102 *PHÚC-THỐNG*.

Hòa-vị-âm, *Thần-hương-tán*, *Vị-linh-thang*, *Hương sa lục-quân*, đều ở số 46 *ÂM-THỰC*.

Ngũ-linh-tán ở số 8 *THƯƠNG-THẤP*.

Linh-truật-nhị-trần ở số 15 *ĐÀM-QUYẾT*.

Ôn-vị-âm ở số 5 *TRÚNG-HÀN*.

Đại-doanh-tiên ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHỪNG*.

理陰煎

Lý-âm tiên

乾姜二リ 炒

熟地五リ

炙草一リ

加 洋参三リ 姜 炒 (去 舊 歸)

Can-khương 2 đồng, Thục-dịa 5 đồng, Chích-thảo 1 đồng,
Gia : Dương-sâm 3 đồng, bổ Đương-quy đi

和 胃 飲

Hòa - vị ẩm

陳皮二リ 炒 厚樸三リ 姜 炒 炙草一リ
乾姜二リ 炒 加 肉桂一リ 木灰五リ

Trần-bì 2 đồng, Hậu-phác 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Can-khương 2 đồng. Gia : Nhục-quế 1 đồng, Mộc-quả 5 đồng.

四 君 子 湯

Tứ - quân - tử thang

党参四リ 姜 炒 白朮二リ 土 炒 茯苓三リ 炙草一リ
加 木灰五リ 當歸二リ 厚樸二リ 炒 肉桂一リ
Đảng sâm 4 đồng, Bạch truật 2 đồng, Phục linh 3 đồng, Chích thảo 1 đồng.

Gia : Mộc-quả 5 đồng, Đương-quy 2 đồng, Hậu-phác 2 đồng, Nhục quế 1 đồng.

Giải dị phương

藿香五リ 陳皮五リ 炒

Hoắc-hương 5 đồng, Trần-bì 5 đồng, lấy 2 lạng hoàng-thô dâm nhỏ hòa nước để lắng trong lấy nước sắc thuốc.

Dùng muối để vào rốn cho đầy lấy lá ngải-cửu vè bằng hột nhãn để trên muối mà đốt, đốt mười lăm bận thấy khỏi đau thời thôi.

Hoặc dùng :

Củ-tỏi nhỏ dâm nhỏ dặt hai gan bàn chân

Hoặc dùng :

藿香三リ 蘇 梗 三リ

Hoắc-hương 3 đồng, Tô-ngạnh 3 đồng sắc nước uống.

Hoặc dùng:

胡椒 綠豆 燈心 (各七寸)

Hồ tiêu, Lục-dậu, Đăng tâm (đều 7 cái), đàn-bà 9 cái, sắc nước, thêm một nửa nước lã rồi uống.

Bằng như có khát nước dùng:

葛根五リ 生草二リ

Cát căn 5 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, sắc nước uống.

Lại xem kỹ trên lưng người bệnh như có nốt chấm đen lấy kim nhều cho hết, chảy máu ra thời khỏi.

家傳治吐瀉法

Gia truyền trị thổ tả pháp

Một thứ dương chứng thổ nhiều, tả nhiều đòi uống nước lã, uống rồi lại nôn, nôn như vòi rồng, thuốc thang không chịu, miệng thời khát nước uống nhiều, dưới thời đi tả luôn luôn, chân tay lạnh giá, mạch thời trầm vi, trong bụng nóng ráo, nằm ngồi dần dọc chẳng yên dùng:

熟地三リ炙乾 洋参一リ姜炒 麥門一リ炒黃
牛必五分

Thục-dịa 3 đồng (tâm gừng rượu nướng khô), Dương-sâm 1 đồng (tâm gừng sao khô), Mạch-môn 1 đồng (sao vàng), Ngưu-tất 5 phân, cùng sắc nước cho uống Mỗi bận uống 5, 7 giọt để cho ướt cổ, một chốc lại rõ luôn luôn phải khuyên bảo người bệnh cố nhịn đừng uống nước, độ 1 giờ đồng-hồ thời khát cũng bớt mà tả cũng khỏi, lại uống thêm 1 thang hoặc 2 thang nữa, bớt dần dần thêm nhiều lên, cho uống cũng thêm nhiều lên. Nhược bằng tả chưa bớt gia: hoài-sơn 3 đồng; bằng có chuột rút gân, gia: mộc-quả 2 đồng

Một thứ âm chứng thượng thổ, hạ tả vừa vừa không mạnh lắm; chỉ có khát nước, muốn uống nước nóng uống nước lạnh lại nôn ra, bốn chân tay lạnh, sáu bộ mạch tịt mất, nôn mửa lợm dọng, phiền táo chẳng yên dùng:

洋参二リ姜炒 生姜五片 或加 胡椒一粒研
Dương-sâm 2 đồng (tâm gừng sao khô), sinh-khương 5 nhát. Hoặc gia: Hồ tiêu 1 hạt, sắc nước uống. Dùng 1, 2 thang thấy bớt lại dùng:

洋參一リ姜炒 淮山二リ炒 茯苓一リ
杜仲一リ鹽炒 乾姜三分炒 五味五粒炒
炙熟三リ

Dương-sâm 1 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Phục-linh 1 đồng, Đỗ-trọng 1 đồng, Can-khương 3 phân, Ngũ-vị 5 hột, Chích-thực 3 đồng.

Như vị hàn, đạ-dầy lạnh gia: Chế-phụ 2 phân.

Như bụng dưới đau gia: Khởi-tử 1 đồng. Sắc nước uống.

Hai phép ở bên trên này đều dùng thang thuốc nhỏ ít, bởi vì sự nôn mạnh quá vậy nên phải dùng 5, 7 giọt thuốc để trót cổ khiến cho khỏi khát mà không nôn được, nếu mà uống 1 chén thời lại nôn ra hết không có ích gì.

Như thấy khát đã bớt nôn cũng yên mà tả cũng chỉ, lại xem trong mình được ôn hòa, mạch dần hiện ra thời mới là khỏi. Nhược bằng mạch hiện ra mau quá mà chưa mạnh có sức, hơi thở thời to, ấy là khỏi giả chưa khỏi thực; lại định hai phương để cứu như sau này:

Như phần âm hư bỏn dùng bài *Tư-âm liễm dương*.

Như phần dương hư bỏn dùng bài *Tàng-dương nạp âm*.
Bột rồi dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, *Quy-tỳ-hang*, bài *Ngũ-phúc ẩm*

滋陰欽陽方

Tư-âm liễm-dương phương

洋參一リ姜炒 麥門一リ炒 炙熟三リ
淮山二リ炒 山茱五分炒 牛必五分
五味五粒炒 炙草三分

Dương-sâm 1 đồng, Mạch-môn 1 đồng, Chích-thực 3 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Sơn-thu 5 phân, Ngưu-tất 5 phân, Ngũ-vị 5 hột, Chích-thảo 3 phân.

藏陽納陰方

Tàng-dương nạp-âm phương

洋參二リ姜炒 淮山二リ炒 炙熟三リ
杜仲一リ鹽炒 麥門一リ炒 牛必五分
五味七粒炒 乾姜三分炒 製附二分

Dương-sâm 2 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Chích-thực 3 đồng, Đỗ-trọng 1 đồng, Mạch-môn 1 đồng, Ngưu-tất 5 phân, Ngũ-vị 7 hột, Can-khương 3 phân, Chế-phụ 2 phân.

Đại-bồ-nguyên, Ngũ-phúc-âm đều ở số 1 NỘI THƯƠNG.
Quy-tỷ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG.

霍亂

106. — Hoắc-loạn

Chứng can hoắc-loạn rất là nguy quá, trên muốn thở mà không ra, dưới muốn hạ mà không đi được, trong bụng đau như loạn-xạ rồi-rỉl, bởi trong bụng có ăn uống tích tụ, ngoài nhân gió lạnh ngấn lấp phải dùng ngay nước muối nhạt thêm khô phen cho uống lấy tay móc cho thở ra thời thanh khí được lên, trọc âm cũng xuống, lại dùng thang *Bài-khi-âm*, hoặc dùng thang *Thần-hương-tán*, hoặc dùng bài *Cục-phương-thất-khí*. Nhược bằng kháng-cự uống không vào mà thể nguy quá, phải dùng phép *Quát-xa* thời mới khỏi được.

Bài-khi-âm ở số 13 KHÍ QUYẾT.

Thần-hương-tán ở số 46 ẨM-THỰC.

Quát-xa-pháp ở số 102 PHỨC-THỐNG.

局方七氣湯

Cuộc-phương-thất-khí thang

党参 姜炒 厚朴 炒 白芍 炒 法夏 茯苓 (各二リ)

肉桂 橘紅 紫蘇 (各一リ)

Đảng-sâm, Hậu-phác, Bạch-thược, Pháp-hạ, Phục-linh (đều 2 đồng), Nhục-quế Quất-hồng, Tử-tô (đều 1 đồng).

膝腫

107. — Tất-sưng

Tất-sưng là sưng đầu-gối, bởi vì trong nhân huyết ráo, ngoài nhân phong thấp mà hóa ra sưng đau, phần gió nhiều hơn thời cái đau nó chạy đi chạy lại, hoặc chạy lên chạy

xuống, phần lạnh nhiều hơn thời đau như xiên vào, phần thấp nhiều hơn thời sưng to, bệnh ở gân thời không co duỗi được. Bệnh ở xương thời không động cựa được. Nhược bằng lâu mãi không khỏi thời ngày ngày to lên, mà dài trên dài dưới ngày dần bé đi, chỉ có sưng đau mà sắc không biến thì thành ra chứng lạc-lất.

Chữa bệnh này phải tán phong hàn, tiên thấp nhiệt mà phải dùng dưỡng khí huyết, bổ gân xương làm chủ.

Một thứ mới sưng dùng *Thông uất-pháp* cho tiêu đi, hoặc dùng bài *Cam-tiểu-cẩn* dịt vào.

Một thứ phần gió nhiều mà cái đau nó chạy dùng bài *Đại-phong-phong*, bài *Ngũ-tích tán*. Nhược bằng phần lạnh hơn thời đau như búa bổ, dài xiên dùng bài *Tam-khi-âm*. Nhược bằng phần thấp nhiều hơn thời sưng đỏ dùng bài *Ngũ-linh-tán*, thang *Lý-trung*, như phần nóng nhiều hơn dùng bài *Bảo-âm-tiên*, thang *Đại-tân-giao*. Nhược bằng dương khí hư mà đau bại chân tay dùng *Bát-vị-hoàn*, *Hữu quy-hoàn* gia:

杜仲 鹽炒 續斷 炒 秦艽 木瓜 牛必 (各二升)

Đỗ-trọng, Tục-đoạn, Tần-dao, Mộc-quạ, Ngưu-tất (dền 2 đồng).

Một thứ tý, vị hư tổn mà ăn uống kém ít dùng bài *Bổ-trung-tích-khi*.

列 方

Liệt các bài thuốc

葱熨法

Thông - uất pháp

Dùng hành khô băm nhỏ thêm 4 muối để vào khăn vải dốt hòn lóc để lên trên tổn rồi chườm.

甘 蕉 根 方

Cam - tiêu - căn phương

Dùng củ-chuối 1 nắm, hành-khô 1 củ, tỏi-khô 2 nhánh, gừng 10 nhát, băm nhỏ cho giấm-thanh 1 chén sào lên cho nóng mà dịt vào ngoài lấy lá bọc lại.

大 防 風 湯

Đại-phòng phong thang

白朮土炒 杜仲鹽炒 防風 姜活 各二リ
白芍炒 黃芪炙 川芎 牛必 (各一リ)
肉桂 製附 炙炒 (各五分)
黨參三リ 姜炒 熟地五リ 加 當歸二リ

Bạch-truật, Đỗ-trọng, Phòng-phong, Khương-hoạt đều 2 đồng),
Bạch-thược, Hoàng-kỳ, Xuyên-khung, Ngưu-tất (đều 1 đồng),
Nhục-quế, Chế-phụ, Chích-thảo (đều 5 phân), Đảng-sâm 3
đồng, Thục-dịa 5 đồng, Gia: Đường-quy 2 đồng.

三 氣 飲

Tam - khí ẩm

杜仲二リ鹽炒 熟地六リ 當歸二リ 杞子二リ
白芍一リ半炒 白芷一リ 細辛一リ 肉桂一リ
牛必一リ半 茯苓一リ半 炙草一リ 製附五分

Đỗ-trọng 2 đồng, Thục địa 6 đồng, Đường-quy 2 đồng, Khôi-tử 2 đồng, Bạch-thược 1 đồng rưỡi, Bạch-chí 1 đồng, Tế-tân 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Ngưu-tất 1 đồng rưỡi, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Chích-thảo 1 đồng, Chế-phụ 5 phân.

保 陰 煎

Bảo âm tiên

黃伯一リ半炙 白芍二リ炒 生地三リ
續斷一リ半炒 淮山二リ炒 熟地三リ
黃芩一リ半炒 生朮一リ

Hoàng-bá 1 đồng rưỡi, Bạch-thược 2 đồng, Sinh-dịa 3 đồng,
Tục-doạn 1 đồng rưỡi, Hoài-sơn 2 đồng, Thục-dịa 3 đồng,
Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng.

大 秦 茱 湯

Đại-tân-giao thang

秦茱一リ 石羔一リ煨 細辛五分

白芍炒 生地 熟地 當歸 川芎 茯苓
 黃芩炒 白芷 炙草 防風 姜活 獨活
 白朮土炒 (各七分)

Tân-giao 1 đồng, Thạch-cao 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Bạch-thược, Sinh-dịa, Thục-dịa, Đương-quy, Xuyên-khung, Phục-linh, Hoàng-cầm, Bạch-chỉ, Chích-thảo, Phòng-phong, Độc-hoạt, Khương-hoạt, Bạch-truật, (đều 7 phân).

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Lý-trung, Hữu-quy-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẮP.

Bát-vị-hoàn, Bô trung-ích khí-thang đều ở số 10 CHỦ-HƯ CHỨNG.

鶴 膝 驗 方

Hạc-tất nghiệm - phương

土茯苓六リ炒 南參三リ炒 防己三リ 血角三リ
 白粉根三リ炒 蒼朮三リ製 千年健三リ 生草二リ
 骨氣五リ炒 車前四リ炒

Thỏ-phục-linh 6 đồng, Nam-sâm 3 đồng, Phòng-kỷ 3 đồng, Huyết-dác 3 đồng, Bạch-phấn-căn 3 đồng (là củ Thìa-vôi), Xương-truật 3 đồng, Thiên-niên-kiện 3 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, Cốt-khí 5 đồng, Xa-tiên 4 đồng.

Cùng cho vào lọ sành đổ hai chai rượu nấu cách thủy chặt ra một nửa trên nước trong gia :

熟地一兩 大棗十葉

Thục-dịa 1 lượng, Đại-táo 10 quả.

Ngâm vào mà uống còn nửa rượu dưới dục soa bóp chỗ đau.

脚 氣

408. — Cước - khí

Cước-khí là bệnh đau chân, hoặc sưng chân đau đến đau gối hoặc rất gân, hoặc co gân, đau như búa bở, hoặ

phát sốt, phát rét, hoặc có khi sung ngược lên trên mỗ-ác gọi là cước-khi sung-tâm, nhược bằng đau mà không sung gọi là can cước-khi thời tê lạnh, mỗi ngày thụt dần dần gầy đi mà không bỏ chân lại đều bởi vì ngoài nhân hàn thấp, trong nhân uống rượu, hoặc ăn vị độc hóa ra đau chân, có bờ-hôi mà sung đau, chạy lên, chạy xuống là phần phong nhiều, bằng không có bờ-hôi, co gân cứng gân là phần hàn nhiều, sung sưng là thấp, khô nóng là nhiệt. Chữa bệnh này phải phân hàn, nhiệt, phong, thấp, nhưng mà phải tuần bổ can huyết làm chủ.

Một thứ sưng chân khi mới phải sung đau nặng nề nên phân lợi tiểu-tiên dùng bài *Tiểu-phân-thanh*, *Trừ-thấp-thang*, bằng có kiêm hàn dùng *Ngũ-linh-tán*, như có kiêm nhiệt dùng bài *Đại-phân-thanh-âm*.

Một thứ nhân hàn thấp, hoặc mưa ướt mà sưng chân, đau khó chịu lắm dùng bài *Kê-minh-tán*, nhược bằng hàn thấp chạy vào trong hóa ra phù sưng hoặc cứng rắn, đau đớn không động cựa được dùng bài *Độc-hoạt-thang*, nhược bằng hàn thấp ngưng tụ, mạch máu chẳng hòa, mà gân xương mềm yếu, hoặc co quắp đau đớn dùng bài *Tam-khi-âm*, bài *Tứ-u-tâm-ngưu-tất*. Nhược bằng hàn thấp ủng sưng, khi trệ chẳng thông dùng bài *Lập-hiệu-tán*, bài *Hoạt-lạc-âm*.

Một thứ nhân rượu chè ăn uống chẳng có tiết độ hóa ra sưng chân không khỏi dùng bài *Phong-kỷ*, hoặc *Nhị-diệu-tán*, *Gia-vi-nhị-diệu-hoán* Nhược bằng khí thấp nhiệt sung ngược lên trên ngực, bụng phiền muộn khát nước, rức đầu miệng khô dùng bài *Hoạt-nhân-tê-dác*, nhược bằng khí thấp-nhiệt chạy khắp kinh lạc, mạch chạy mau mà chân tay mình mẩy đau đớn sưng nóng dùng thang *Đương-quý-niêm-thống*. Nhược bằng can, thận âm hư huyết nhiệt, hai chân gầy mòn đau đớn, đi lại nan nan dùng bài *Tục-đạon-hoán*.

Một thứ cước-khi sung tâm rất là bệnh nguy, khí sung ngược lên không thở được, hoặc có nôn mửa dùng bài *Bình-lang*, bài *Tứ-ma-âm*. Nhược bằng khí lạnh vào bụng bất tỉnh nhân sự, dùng thang *Thủ-du-mộc-quả*, hoặc *Cửu-dương-thang*, thời mới khỏi được. Bệnh đã lui phải dùng bài *Bát-vị-hoán*, *Toàn-chân-thang*, gia *Đỗ-trọng* 3 đồng.

Một thứ sưng chân có thực tà hoặc chương đầy bế kết dùng thang *Khương-hoạt-đạo-trệ-ỉn-ng*, *Chỉ-thực-dại-hoàng*,

列 方

Liệt các bài thuốc

Tiểu phân thanh, Ngũ-linh-tán, Đại phân thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẮP.

Tam-khí-âm ở số 107 TẮT-SÙNG

Đương-quy-niêm-thống, ở số 96 KIÊN-BỒI.

Tứ-ma-âm, ở số 13 KHÍ-QUYẾT.

Bát-vị-hoàn, ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG BIỆN.

除 濕 湯

Trừ-thấp thang

陳皮一リ半炒 厚樸二リ炒 法夏二リ 茯苓二リ
霍香一リ半 蒼朮二リ製 炙草一リ

Trần-bì 1 đồng rưỡi, Hậu-phác 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Hoắc-hương 1 đồng rưỡi, Xương-truật 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng,

鷄 鳴 散

Kê-minh tán

吳茱三リ炒 檳榔七枚 橘紅一兩 木灰一兩
蘇葉三リ 桔梗五リ 生姜五リ

Ngô-thù 3 đồng, Bình-lang 7 hột, Quất-hồng 1 lạng, Mộc-qua 1 lạng, Tô-diệp 3 đồng, Kết-cánh 5 đồng, Sinh-khương 5 đồng,

Sắc hai nước đổ lẫn vào cái bát để dầu giềng, chia làm 3, 4 hộc độ 3 giờ sáng uống nguội, uống không hết để đến hôm sau lại uống.

獨 活 湯

Độc-hoạt thang

完參姜炒 黃芩炭 牛必 川芎 獨活 麻黃
白朮土炒 乾姜炒 肉桂 茯苓 當歸 木香
杜仲盤炒 白芍炒 炙草 製附 (各五分)

Đảng-sâm, Hoàng-ký, Ngưu-tất, Xuyên-khung, Độc-hoạt, Ma-hoàng, Bạch-truật, Can-khương, Nhục-quế, Phục-linh, Đương-quy, Mộc-hương, Đỗ-trọng, Bạch-thược, Chích-thảo, Chế-phụ (đều 5 phân)

酒浸牛必丸

Tửu - tẩm ngưu - tất hoàn

牛必三升 川椒五升 虎骨五升 附子一枚
Ngưu-tất 3 lượng, Xuyên-tiểu 5 đồng, Hồ-cốt 5 đồng, Phụ-tử 1 củ,

Cùng nấu rượu cách thủy mà uống còn bã dầm ra làm thuốc viên lại uống.

立效散

Lập - hiệu tán

陳皮炒 吳茱炒 紫蘇 木瓜 (各一升)
檳榔七粒 生姜二升

Trần-bì, Ngô-thù, Tử-tô, Mộc-quả (đều 1 lượng), Bình-lang 7 hột, Sinh-khương 2 lượng.

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu

滑絡飲

Hoạt - lạc ẩm

炙草一升 當歸 川芎 姜活 獨活
白朮土炒 (各一升半)

Chích-thảo 1 đồng, Đương-quy, Xuyên-khung, Khương-hoạt, Độc-hoạt, Bạch-truật, (đều 1 đồng rưỡi).

防已飲

Phòng - kỷ ẩm

甘草炙 黃柏炙 犀角 生地 川芎 防已
白朮土炒 蒼朮製 檳榔 木通 (各一升)

Cam-thảo, Hoàng-bá, Tê-dác, Sinh-địa, Xuyên-khung, Phòng-kỷ, Bạch-truật, Xương-truật, Bình-lang, Mộc-thông, (đều 1 đồng).

二 妙 散

Nhị-diệu tán

蒼朮 製一兩

黃伯炙一兩

Xương-truật 1 lượng, Hoàng-bá 1 lượng.

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước gừng.

加 味 二 妙 丸

Gia-vị-nhị-diệu hoàn

蒼朮四兩製

當歸一兩

牛必一兩

黃伯二兩炙

葶藶一兩炒

龜板一兩

防已一兩

Xương-truật 4 lượng, Dương quy 1 lượng, Ngưu-tất 1 lượng,

Hoàng-bá 2 lượng, Tỳ-dải 1 lượng, Quy-bản 1 lượng, Phòng-kỷ

1 lượng, Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

活 人 犀 角 散

Hoạt-nhân-tê-dác tán

犀角七分磨

沉香七分

兵榔一兩

枳壳七分炒

麥門一兩炒

赤苓一兩

紫蘇一兩

生石膏二兩

木香五分

防風五分

Tê-dác 7 phân, Trầm-hương 7 phân, Bình-laog 1 đồng, Chi-

sắc 7 phân, Mạch-môn 1 đồng, Xích-linh 1 đồng, Tử-tô 1

đồng, Sinh-thạch cao 2 đồng, Mộc-hương 5 phân, phòng-

phong 5 phân, điều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng

續 斷 丸

Tục - đoạn - hoàn

防風

薏苡

五加皮

姜活

續斷炒

牛必

(各一兩半)

生地二兩半

仲杜二兩半鹽炒

木灰四兩

葶藶二兩

Phòng-phong, Ý-dĩ, Ngũ-gia-bì, Khương-hoạt, Tục-doạn,

Ngưu-tất (đều 1 lượng rưỡi) Sinh-dịa 2 lượng rưỡi, Đổ-trọng

2 lượng rưỡi, Mộc qua 4 lượng, Tỳ-dải 2 lượng.

Rượu ngon 2 bát nấu với Thanh-diêm 1 lượng rưỡi (青盞

一兩半) thành cao, các vị trên đều tán bột, luyện cao

đâm viên uống 2 đồng.

棋榔湯

Bình-lang thang

陳皮炒 兵榔 蘇葉 木灰 炙草 香附炒
五加皮 (各一リ)

Trần-bì, Bình-lang, Tô-diệp, Mộc-quả, Chích-thảo, Hương-phụ, Ngũ-gia-bì, (đều 1 đồng)

吳茱木瓜湯

Ngô-thù mộc-quả thang

吳茱二リ炒 木灰四リ 棋榔四リ 生姜五片
Ngô-thù 2 đồng, Mộc-quả 4 đồng, Bình-lang 4 đồng, Sinh-khương 5 nhát.

救陽湯

Cứu-dương thang

洋参五リ姜炒 乾姜二リ炒 炙草一リ
白朮四リ土炒 五味三分炒
Dương-sâm 5 đồng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Bạch-truật 4 đồng, Ngũ-vị 3 phần.

全真湯

Toàn-chân thang

白朮三リ土炒 熟地一兩 牛必二リ 麥門三リ炒
洋参四リ姜炒 五味七粒 製附五分
Bạch-truật 3 đồng, Thục địa 1 lượng, Ngưu-tất 2 đồng, Mạch-môn 3 đồng, Dương-sâm 4 đồng, Ngũ-vị 7 hạt, Chế-phụ 5 phần.

姜活導滯湯

Khương-hoạt đạo-trệ thang

姜活一リ半 獨活一リ半 防己一リ 當歸二リ
枳實七分炒 川大黃一リ煨
Kương-hoạt 1 đồng rưỡi, Độc-hoạt 1 đồng rưỡi, Phòng-kỷ 1 đồng, Đương-quy 2 đồng, Chi-thực 7 phần, Xuyên-dại-hoàng 1 đồng.

枳實大黃湯

Chỉ-thực đại-hoàng thang

姜活一リ半

薑婦二リ

枳寔五升

川大黃二リ煨

Khương-hoạt 1 đồng rưỡi, Đường-quy 2 đồng, Chỉ-thực 5 phân, Xuyên-dại-hoàng 2 đồng.

驗方

Nghiệm phương

1° Cam-tiều-cẩn-phương ở số 107 TẮT-SƯNG.

2° Hai chai rượu thuốc thấp đổ vào chậu đồng hâm nóng ngâm chân người thì hâm lại, 1 ngày thì khỏi.

Một thứ cước khí xung tâm thở gấp sắp nguy dùng:

松節二リ 桑皮二リ 紫蘇二リ 兵榔一リ
生草一リ 燈心廿根 生姜三片

Tòng-tiết 2 đồng Tang-bì 2 đồng, Tử-tô 2 đồng, Binh-lang 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng Đẳng-tám 20 sợi, Sinh-kương 3 nhát.

Sắc nước uống thêm 1 chén đồng-tiện, lại dùng 3 con gà sống lấy dao mổ dể lưng ấp ngay vào ngực để hút khí độc ra; một chốc lại đổi con khác, ước chừng 2 giờ đổi luôn 3 con thì khỏi, gà ấy phải vứt đi chớ có ăn kéo độc lắm.

Một thứ cước khí sung ngực lên tức đầy lắm, bên sườn mọc một cục rắn như đá, mé mắt không biết gì sắp nguy dùng: Tòng-tiết 1 lạng, Lá-quít 12 lá, Binh-lang 2 hột, sắc nước uống thêm 1 chén đồng-tiện.

Một thứ cước khí sung tâm bất tỉnh nhân sự dùng Binh-lang 3 phân, Lá-quít 2 phân sắc nước uống thêm Xạ-hương 3 li, đồng-tiện 1 chén hòa lẫn uống.

風 痺

109. — Phong - tý

Phong-tý là bệnh tê hoặc gọi là Thống-phong bởi vì phong hàn, thấp ba khi bế lại mà mạch máu không lưu thông, hóa ra tê; bệnh tê có năm thứ:

1 là bì-tê, gãi vào da không biết, lấy quế-chi, sinh-khuông giã nhỏ hòa rượu soa.

2 là nhục-tê, như kiến cắn trong thịt.

3 là mạch-tê, các mạch máu không thông được.

4 là cân-tê thời gân lỏng lẻo không bám xương được.

5 là cốt-tê thời xương rúc như gà mỡ không động cựa được.

Chữa bệnh này phải phân hàn, nhiệt dùng thuốc bỏ khí dưỡng huyết, nhược bằng quả dùng thuốc phong, thấp thời sợ hao huyết mà bệnh lâu khỏi.

Một thứ chứng tê phần gió nhiều hơn dùng bài *Bại-độc-tán*, *Ô-dược-thuận-khí-tán*; nhược bằng gió kèm lửa nóng dùng *Đại-lần-giao-thung*. *Cửu vị-khuông-hoạt-thang*, nhưng mà gió hay quật lửa, lại hay rảo chỗ ướt nên gia:

生地五リ 當歸三リ 黃芩一リ 炒

Sinh-địa 5 đồng, Đương-quy 3 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng.

Một thứ bệnh tê phần lạnh nhiều hơn dùng *Ngũ-tích-tán*, *Tiểu-tục-mệnh-thang*; nhược bằng lạnh lắm dùng *Cam-thảo-phụ-tử-thang*, *tam-nhân-phụ-tử-thang*; nhưng mà khí lạnh thì động lại mà không tan phải gia Quế-chi 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng.

Một thứ tê phần thấp nhiều hơn nên cho lợi tiểu-tiên dùng *Ngũ-linh-tán*, bằng có đàm thấp dùng *Lục-quân-tử-thang* như có phong thấp dùng *Khuông-hoạt-thắng-thấp-thang*. Như hàn thấp dùng *Chân-vũ-thang*. Muốn cho hành khí tiểu thấp dùng *Điều-khí-bình-vị-tán*, nhưng mà phần thấp có chia lạnh, nóng hai thứ: như chứng thấp nhiệt dùng *Đương-quy-niêm-thống-thung*, hoặc *Nhị-diệu-tán* *Gia-vị-nhị-diệu hoàn*.

Những các chứng tê nên dùng thuốc bỏ, có đau như hùm cắn cho nên có tên rằng: Bạch hổ lịch tiết phong thống dùng *Tam-khí-đâm*, *Đại-phong-phong-thang* thời mới chóng khỏi.

列方

Liệt các bài thuốc

敗毒散

Bại - độc tán

党参 姜炒 茯苓 姜活 獨活 柴胡 前胡
枳壳 炒 川芎 桔梗 甘艸 (各一り)

Đảng-sâm, Phục-linh, Khương-hoạt, Độc-hoạt Sài-hồ Tiên-hồ, Chỉ-xác, Xuyên-khung, Kết-cánh, Cam-thảo (đều 1 đồng).

烏藥順氣散

Ô - dược thuận - khí tán

枳壳 分五 炒 烏藥一り 川芎一り 橘紅一り
姜蚕 五分 炒 白芷一り 桔梗一り 生草五分
乾姜 五分 炒 麻黃五分

Chỉ-sắc 5 phân, Ô-dược 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Quất-hồng 1 đồng, Khương-tâm 5 phân, Bạch-chỉ 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Can-kương 6 phân, Ma-hoàng 5 phân.

甘草附子湯

Cam - thảo phụ - tử thang

甘草二り 製附二り 桂枝三り 白朮三り 土炒
Cam-thảo 2 đồng, Phụ-tử chế 2 đồng, Quế chi 3 đồng, Bạch-truật 3 đồng.

三因附子湯

Tam - nhân phụ - tử thang

党参 姜炒 白朮炒 生草 製附 茯苓
白朮土炒 乾姜炒 桂心 (各一り)

Đảng-sâm, Bạch-thuộc, Sinh-thảo, Phụ-tử-chế, Phục-linh, Bạch-truật, Can-kương, Quế-tâm (đều 1 đồng).

真武湯

Chân - vũ thang

白芍三リ炒 茯苓三リ 生姜三リ 饔附一リ
白朮二リ土炒

Bạch-thược 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Sinh-khương 3 đồng,
Chế-phụ 1 đồng, Bạch-truật 2 đồng.

調氣平胃散

Điều - khí bình - vị tán

厚樸一リ炒 陳皮一リ炒 木香一リ 烏藥一リ
白豆蔻一リ 白桮香一リ 炙草七分 藿香一リ半
砂仁一リ炒 蒼朮一リ半製

Hậu-phác 1 đồng, Trần-bì 1 đồng, Mộc-hương 1 đồng, Ô-
duộc 1 đồng, Bạch-đậu-khẩu 1 đồng, Bạch-đàn-hương 1 đồng,
Chích-thảo 7 phân, Hắc hương 1 đồng rưỡi, Sa-nhân 1 đồng,
Xương-truật 1 đồng rưỡi.

Đại-tân-dao-thang, Tam-khí-âm, Đại-phòng-phong đều
ở số 107 TẤT-SŨNG.

Cửu-vị-khương-hoạt, Ngũ-tích-tán, đều ở số 2 THƯƠNG-
PHONG

Tiểu-tục-mệnh-thang, ở số 4 TRÚNG-PHONG.

Ngũ-linh-tán, ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Lục-quân-tử-thang, ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Khương-hoạt-thắng thấp, Đương-j-quy-niêm-thống đều
ở số 96 KIÊN BỒI.

Nhị-diệu-tán, Gia-vị-nhị-diệu-hoàn, đều ở số 108
CƯỚC-KHÍ.

風濕酒

Phong - thấp tửu

當歸四リ	千年健	牛必	續斷	獨活
杜仲盪炒	威靈仙	木瓜	防風	(各二リ)
蒼朮炒	五加皮	川芎	白止	姜活
桑寄生	細辛	桂枝	秦瓦	(各一リ)

Đương-quy 4 đồng, Thiên-niên-kiện, Ngưu-tất, Tục-doạn, Độc-hoạt, Đổ-trọng, Uy-linh-tiên, Mộc-quả, Phòng-phong (đều 2 đồng) Xương-truật, Ngũ-gia-bì, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Khương-hoạt Tang-ký-sinh, Tể-tân, Quế-chi, Tần-dao, (đều 1 đồng).

Không có Tang-ký-sinh dùng cành dâu 2 đồng. Ngâm rượu nấu cách thủy để 10 hôm vừa uống vừa soa.

神傳酒

Thần-truyền tửu

Triều nhà Lê niên hiệu *Chính-hòa* nhà vua phải bệnh tê thấp có người dâng phương thuốc ngâm rượu uống khỏi vua thưởng 50 lạng bạc truyền cho thiên-hạ biết bài thuốc này:

Vương-tôn là rễ-gấm 6 đồng.

Ngũ gia-bì là cây chân-chim 5 đồng.

Nam-dăng là giấy lung-lúc 4 đồng.

Hoàng-chỉ-dăng 4 đồng.

Nam-đương-quy là quy-bàn 3 đồng.

Kim-anh đằng là chiêng-chiêng 3 đồng.

Ô-dược 2 đồng.

Nam-ngưu-tất là rễ cỏ-sước.

Bạch-dồng-nam là rễ bần-trắng

Xích-dồng-nữ là rễ bần-đỏ

Cát bối-cần là rễ bươi-bung.

Tang-ký-sinh là tầm-gủi cây giầu.

Hồ-diệp-cần là rễ bướm-bướm

Tỳ-giải là củ kim-cương.

Mã-tiên-thảo là cỏ-roi-ngựa

Tiền-hồ là cây-chỉ-thiên (đều 2 đồng).

两手麻痺方

Lưỡng-thủ ma-tí phương

香乳三ツ炒	玄参三ツ	天麻二ツ	鉤藤二ツ
葳靈仙三ツ	昌蒲二ツ	防風二ツ	丹参二ツ
何首烏一ツ	荆芥一ツ	苦参一ツ	杞子一ツ
白菊花一ツ			

Nhũ-hương 3 đồng, Huyền-sâm 3 đồng, Thiên-ma 2 đồng, Câu-dăng 2 đồng, Uy-linh-tiên 3 đồng, Xương-bồ 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Đan-sâm 2 đồng, Hà-thủ-ô 1 đồng, Kinh-giới 1 đồng, Khổ-sâm 1 đồng, Khởi-tử 1 đồng, Bạch-cúc-hoa 1 đồng,

Sắc nước uống 3 thang thời khỏi.

足 痿

140. — Túc - nuy

Túc-nuy là chân héo rũ bởi bệnh tê nặng mà hai chân mềm yếu không di được; ngón chân cũng không cựa được hoặc cả hai tay không cầm được bởi vì khí, huyết hư tổn cho nên mưa lạnh cảm vào. Những người dân-bà mới sinh nở, khi ra vào gặp phải mưa gió hay có bệnh tê đến khi đã mắc phải thời nửa năm hoặc 1 năm, nằm ngồi liệt ở giường không phải năm mười hôm mà chữa khỏi ngay được.

Trị bệnh này phải phân hàn, nhiệt mà dùng thuốc, lại nên dùng rượu thuốc trong uống ngoài xoa thời mới chóng khỏi được. Chứng nuy cùng với bệnh tê dùng thuốc cũng thông trị được cả.

Một thứ hàn thấp mà chân tê đại thời mạch chạy chậm yếu dùng bài *Khởi-nuy-đan*, bài *Hữu-quy-đm* gia *Đương-quy* 3 đồng, *Ngưu-tất*, *Mộc qua* (đều 2 đồng).

Một thứ thấp nhiệt mà chân tê đại thời mạch chạy hồng hoạt trong bụng nóng nầy dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, bài *Đan-khê-bồ-âm-hoàn*.

Một thứ chứng nuy bởi can thận âm huyết hư tổn dùng bài *Tả-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn* đều gia *Đỗ-trọng*, *Khởi-tử*, *Mộc-qua*, *Ngưu-tất* (đều 2 đồng) phải gián phục với thang *Bồ-trung* và thang *Quy-tỷ* thời mới chóng khỏi.

Một thứ phép chườm túc - nuy

Dùng một hòn gạch mới nung đỏ tưới rấm thanh vào, lấy vải bọc chườm vào chân nguội thời nung lại.

Một thứ phép xông chân tê

Đào một cái hố sâu 1 thước, rộng 1 thước để vừa hai chân lấy củi giầu đốt trong hố cho đỏ, dùng giấm-thanh hoặc nước tiểu tưới xuống hố lại lấy lá soan rải xuống hố rồi bỏ hai chân lên trên lá soan mà xông thấy ngộp thời thôi, làm ba bận thể mới khỏi.

列 方

Liệt các bài thuốc

起 痿 丹

Khởi - nuy đan

兜 絲 二 月 桂 枝 八 月 沙 宛 茯 藜 萆 薢
杜 仲 盞 炒 肉 蓯 蓉 製 牛 必 防 風 杞 子
破 故 炒 胡 蘆 巴 (各 一 月)

Thỏ-ty 2 lạng, Quế-chi 8 đồng, Sa-uyên, Tật-lê, Tỳ-giải, Đỗ-trọng, Nhục-thong-dong, Ngưu-tất, Phòng-phong, Khởi-tử, Phá-cổ, Hồ-lô-ba, đều 1 lạng)

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng.

丹 溪 補 陰 丸

Đan - khê bổ - âm hoàn

白 芍 二 月 炒 當 歸 二 月 牛 必 二 月 熟 地 四 月
陳 皮 一 月 炒 瑣 陽 一 月 知 母 一 月 龜 板 四 月
黃 伯 一 月 炙 虎 骨 一 月

Bạch-thược 2 lạng, Đương-quy 2 lạng, Ngưu-tất 2 lạng, Thục-dịa 4 lạng, Trần-bì 1 lạng, Tỏa-dương 1 lạng, Tri-mẫu 1 lạng, Quy-bản 4 lạng, Hoàng-bà 1 lạng, Hồ cốt 1 lạng.

Tán bột, lại dùng 4 lạng thịt dê băm nhỏ, hòa rượu làm viên, uống 2 đồng.

Hữu-quy-âm, Lục-vị-hoàn, Quy-tỳ-thang, Bổ trung-ích-khi-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG-BIỆN.

Tư âm bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tả-quy-hoàn ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

手足自搖方

Thủ-túc tự-dao phương

(là bệnh gân tê, chân, tay rung động)

鹿茸 四リ炙	胡麻仁 三リ	丹参 三リ
桑寄生 三ソ	威靈仙 三リ	茯苓 三リ
乳香 二リ炒	天麻 一リ半	續斷 三リ
虎骨 一リ半	肉桂 一リ半	茯神 二リ
川烏 一リ半	牛必 一リ半	木瓜 二リ
獨活 一リ半	沒藥 二リ	

Lộc-nhung 4 đồng, Hồ-ma-nhân 3 đồng, Đan sâm 3 đồng, Tang-ký-sinh 3 đồng, Uy-linh tiên 3 đồng, Tật-lê 3 đồng, Nhũ-hương 2 đồng, Thiên-ma 1 đồng rưỡi, Tục-doan 3 đồng, Hồ-cốt 1 đồng rưỡi, Nhục quế 1 đồng rưỡi, Phục-thần 2 đồng, Xuyên-ô 1 đồng rưỡi, Ngưu-lất 1 đồng rưỡi, Mộc-quạ 2 đồng, Độc-hoạt 1 đồng rưỡi, Một-duộc 2 đồng.

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng. Nhược bằng âm hư bỏ Nhục-quế, Xuyên-ô; gia: Đương-quy 3 đồng, Ngũ-gia-bì, Xuyên-khung đều 2 đồng.

陽痿

111. — Dương - nuy

Dương-nuy là bệnh luyệt dương những người con giai ngọc-hành héo dũ bởi vì cung-mệnh môn-hỏa suy, tinh khí hư lạnh, hoặc nhân sự thất tinh nhọc mệt hóa ra bệnh luyệt dương.

Ông Khải Huyền-Tử nói rằng: Không có dương khí thời âm huyết không sinh được; không có âm huyết thời dương khí không hóa được, xem như thể thời sức dương cường phải nhờ âm huyết làm lạng; phép chữa bệnh này trong phương Cháng-dương-bổ-khi phải thêm vị bổ huyết từ âm mới thực là rất phải.

Một thứ nhân hỏa hư mà luyệt dương dùng bài Hưu-quy-hoàn, Tân-dục-đan, nhược bằng hỏa chữa suy lắm mà chỉ vì khí huyết bạc nhược dùng Tân-quy-hoàn, Ban-long-hoàn.

Một thứ nhân lo nghĩ sợ hãi, hóa ra lý thận tổn thương mà luyệt dương dùng bài Thất-phúc-đâm, Quy-tỳ-thang.

Nhược bằng lo sợ quá thời phải bỏ hỏa dùng *Thật-phúc-âm* gia :

杞子二升 肉桂五分 製附五分

Khởi-tử 2 đồng, Nhục-quế 5 phân, Chế-phụ 5 phân.

Một thứ can thận thấp nhiệt cho nên lỏng gân hóa ra huyết dương phải xem mạch và chứng bệnh thực là nóng dùng bài *Tư-âm-bát-vị-hoàn*, *Đan-khê-bổ-âm-hoàn* Nhược bằng can kinh thấp nhiệt dùng thang *Long-dã-m-tá-can*.

列 方

Liệt các bài thuốc

贊育丹

Tân - dục đan

冬朮四兩土炒 熟地四兩 當歸三兩 韭子二兩炒
杜仲二兩鹽炒 巴戟二兩 杞子三兩 淫羊藿二兩
肉苁蓉二兩製 仙茅二兩 肉桂五升 蛇床一兩炒
山茱一兩酒炒 製附五升

Đông-truật 4 lượng, Thục-dịa 4 lượng, Đương-quy 3 lượng, Cửu-tử 2 lượng, Đỗ-trọng 2 lượng, Ba-kích 2 lượng, Khởi-tử 3 lượng, Dâm-dương-hoắc 2 lượng, Nhục-thông-dong 2 lượng, Tiên-mao 2 lượng, Nhục-quế 5 đồng, Sà-sàng 1 lượng, Sơn-thù 1 lượng, Chế-phụ 5 đồng.

Tân bột luyện mật viên uống 3 đồng.

斑龍丸

Ban - long hoàn

鹿膠二兩炒 破故一兩炒 兒絲二兩 熟地二兩
鹿角霜二兩 茯苓一兩 柏子仁二兩去油

Lộc-giao 2 lượng, Phá-cổ 1 lượng, Thỏ-ty 2 lượng, Thục-dịa 2 lượng, Lộc-dắc-xương 2 lượng, Phục-linh 1 lượng, Bách-tử-nhân 2 lượng

Táo bột luyện mật viên uống 2 đồng.

Hữu quy-hoàn, Tả-quy hoàn, Thất phúc âm đều ở số 1
NỘI-THƯƠNG.

Quy-tỳ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

Tư-âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Dan-khê-bồ-âm ở số 110 TỨC-NUY.

Long-đâm-tả-can ở số 82 MỤC-THỐNG.

簡 易 方

Giản dị phương

兒絲四兩 蛇床二兩炒 五味七リ

Thỏ-ty 4 lạng, Sà-sàng 2 lạng, Ngũ-vị 7 đồng.

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng thang bằng rượu.

Thịt chim sẻ nấu ăn rất hay

Hoặc Tồ-ong đốt cháy tán bột uống 2 đồng, trong uống
ngoài bôi mới hay.

Hoặc dùng : Con gái 1 lạng bỏ dầu, chân, cánh sao khô
tán bột luyện mật làm viên bằng bột đậu xanh, đi ngủ
uống 1 viên ; nhược bằng cường quá phải dùng thạch-
xương-bồ ngâm rượu uống 1 chén thời không cường nữa.

Hựu phương

高麗参 或花棋参 五リ 姜炒 乾荔枝七枚

淫羊霍三リ 熟地五リ 杞子五リ 丁香三リ

Cao-ly-sâm hoặc Hoa-kỳ-sâm 5 đồng, Vải-khô 7 quả, -Đâm-
đương-hoắc 3 đồng, Thục-địa 5 đồng, Khôi-tử 5 đồng, Đinh-
hương 3 đồng.

Dùng rượu ngon 1 chai ngâm ba ngày rồi nấu cách thủy
độ 2 giờ lấy ra ngâm nước một ngày, uống 1 chén chia
làm vài mươi hăm dần dần tí một rất thần hiệu.

陽 疆

112. — Dương - cường

Dương cường bất đảo là ngọc hành cứng mãi không ngã,
bởi vì tướng hóa vọng động phải nên đi mới được dùng;

黃伯炎 龍骨煨 生地 知母 川大黃煨
枳炒 (各一リ半)

Hoàng-bá, Long-cốt, Sinh-dịa, Chi-mẫu, Xuyên-dại-hoàng,
Chỉ-xác (đều 1 đồng rưỡi).

Sắc nước uống.

Nhược bằng tỷ vị hư, ăn uống kém ít thời dùng;

黃伯炎 砂仁炒 炙草 (各一リ)

Hoàng-bá, Sa-nhân, Chích-thảo (đều 1 đồng)

Sắc nước uống.

疝 氣

113. — Sán-khí

Sán-khí là đau âm-nang hoặc gọi hạ-nang có sưng sưng mà đau cả hai hòn và dẫn vào trong bụng dưới

Chứng này có bảy thứ :

1 là Hàn-sán thời âm-nang lạnh rắn như đá, ngoi hành không cất được, hai hòn đều đau.

2 là Thủy-sán thời hạ-nang trong như thủy-tinh, ngứa gãi mà chảy ra nước vàng.

3 là Cấn-sán thời gân co lại hoặc buông chể ra, nước tiểu trắng đục.

4 là Khi-sán thời âm-nang sưng đau, khí xung ngược lên đau cả hai quả bồ-đục.

5 là Huyết-sán hình như quả chuối ở bên bụng dưới, sưng sần mà không tiêu, kết làm cái nốt.

6 là Hồ-sán hình như hòn ngói ở trong âm-nang, nằm thời chạy vào trong bụng, đứng lên lại ra.

7 là Đồi-sán âm-nang sưng to bằng cái dậu, chẳng ngứa mà cũng chẳng đau mà khó chữa cho nhỏ lại được.

Bởi vì nhân sự tửu, sắc, hoặc nhân dạn dữ, nhân việc khó nhọc hoặc nhân phong thấp, hàn nhiệt mà phát ra. Phép chữa phải xem tại cái gì mà dùng thuốc thời mới khỏi.

Một thứ khí-sán, khí nghịch lên mà đau, nhức bằng **đau** dữ quá dùng bài *Lệ-hương-tán*, khi thực trệ nhiều dùng bài *Bảo-dâm-xuyên-luyện-tán*, hoặc *Thiên-thai-ô-độc-tán*. Nhức bằng khí hư kiêm hàn dùng bài *Noãn-cau-tiên*. Như khí nghịch đau quá, không chịu được dùng bài *Ngũ-tích-tán* gia :

生姜五片 吳茱一リ盞炒 小茴一リ炒
葱白一頭

Sinh-kương 5 nhát, Ngô-thủ 1 đồng (tầm mười sao), Tiểu-hồi 1 đồng (sao), Hành 1 củ.

Một thứ hàn-sán rất hay đau, nhân cảm khí lạnh hoặc ăn vật lạnh; yếu nóng sợ lạnh, đại, tiểu tiện bình thường dùng bài *Thần-ứng-tán* hoặc *Thận-khi-hoàn*. Nhức bằng lạnh lắm dùng bài *Hồ lô-ba hoàn*, bài *Trầm-hương-quế-phụ hoàn*.

Một thứ nhiệt sán cũng hay đau lắm, nhân hỏa tà mà đau thời khát nước muốn lạnh, đại-tiểu bí, tiểu-tiểu đỏ; hoặc có tức đầy dùng bài *Đại-phân-thanh-đm*, bài *Nhân-trần-đm* đều gia :

小茴一リ 川練一リ

Tiểu-hồi 1 đồng, Xuyên-luyện 1 đồng

Hoặc dùng bài *Gia-vị-thống-tâm-đm*, bài *Quy-tử-thang* Nhức bằng can kinh thấp nhiệt, ngọc-hành sưng đau gân cơ quắp, hạ-nang sưng, nước tiểu đục là chứng Cán-sán dùng bài *Long-đm-lá-can-thang*.

Một thứ thấp-sán hay sa nặng sưng to như có đau thời theo chứng hàn-sán, nhiệt-sán mà chữa.

Nhức bằng không đau mà hạ-nang to nhón là chứng đỗi-sán dùng *Gia-vị-ngũ-linh-tán*, *Xương-truật-tán*, *Tam-tăng-hồi-hương-hoàn*, lại phải kiêng sự tửu sắc mới khỏi được.

Một thứ bình sán khí ngộ uống rượu mà phát là tại thấp nhiệt dùng bài *Đại-phân-thanh-đm* gia :

小茴一リ 川練一リ

Tiểu hồi 1 đồng, Xuyên-luyện 1 đồng.

Nhức bằng hàn thấp dùng bài *Ngũ-linh-tán* hoặc *Cát-hoa-giải-tĩnh* thang.

Một thứ sán-khi ngộ sắc đục mà phát là chứng âm hư. Nhức bằng âm hư hỏa động dùng bài *Lục-vị-hoàn* gia :

知母、黄柏炙、梔子炒黑、小茴、川練 (各一リ)

Tri-mẫu, Hoàng-bá, Chi-tử, Tiểu-hồi, Xuyên-luyện, (đều 1 đồng).

Nhược bằng âm hư vô hỏa mà đau lạnh dùng *Lý-âm-tiên*, *Bát-vị-hoàn* gia :

小茴 杞子 (各一リ)
Tiêu-hồi Khiết-tử (đều 1 đồng)

Hoặc dùng bài *Noãn-can-tiên*.

Một thứ huyết - sản là máu kết ở bụng dưới rắn mà có hình, đại-tiện táo mà đen, tiểu thủy thông lợi, hẳn là chứng huyết tích dùng bài *Ngọc-trúc-tán*

Một thứ bịnh sản-khi đã lâu tất nhiên thuộc hư phải lấy mạch chứng mà xét, như âm hư dùng bài *Lý âm tiên*, bài *Noãn-can tiên*, bài *Bổ-âm-tch khi thang*

Nhược bằng dương hư dùng bài *Ôn-vị âm*, bài *Bổ-trung-tch-khí-thang*. Nhược bằng dương hư lắm dùng bài *Lục-vị-hồi-dương-âm* gia : Nhục-quế 1 đồng.

Một thứ chứng đồi-sản cao hoàn nhơn nhỏ, thiên-trụy đau lắm dùng thang *Hòa-can ôn-thận*.

列 方

Liệt các bài thuốc

荔 香 散

Lệ - hương tán

荔核 五リ 炒焦 小茴 炒五リ

Lệ-hạch 5 đồng, (sao hơi cháy) Tiêu-hồi 5 đồng (sao).

Tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

川 練 散

Xuyên - luyện tán

木香 一両 小茴 一両 川煉 一両

Mộc-hương 1 lượng, Tiêu hồi, 1 lượng (sao với muối,) Xuyên-luyện 1 lượng, sao với 15 bột ba-dậu đập rập sao vàng bỏ ba-dậu đi.

Tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

烏藥散

Ô - dược tán

小茴炒 烏藥 木香 良姜 青皮炒 (各五リ)

檳榔二枚 川練十果

Tiêu hồi, Ô-dược, Mộc-hương, Lương-khương, Thanh-bì, (đều 5 đồng) Bình-lang 2 hột, Xuyên-luyện 10 quả

Ba-dậu 70 hột đập rập sao lẫn với Xuyên-luyện thêm ít bột sao đen bỏ ba-dậu với bột di.

Cùng tán bột hòa rượu uống 1 đồng.

神應散

Thần - ứng tán

玄胡索 胡椒 小回炒 (各五リ)

Huyền-hồ-sách, Hồ-tiêu, Tiêu-hồi (sao) (đều 5 đồng).

Cùng tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

腎氣丸

Thận - khí hoàn

小茴五リ炒 破故五リ炒 吳茱五リ炒

胡蘆巴八リ 木香三リ

Tiêu-hồi 5 đồng, Phá-cố 5 đồng, Ngô-thù 5 đồng, Hồ-lô-ba 8 đồng, Mộc-hương 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng, thang bằng nước muối.

胡蘆巴丸

Hồ - lô - ba hoàn

胡蘆巴 一兩半 大戟五リ 川烏五リ

小茴二兩炒 吳茱一兩炒 川練二兩

Hồ-lô-ba 1 lượng rưỡi, Đại-kích 5 đồng, Xuyên-ô 5 đồng, Tiêu-hồi 2 lượng, Ngô-thù 1 lượng, Xuyên-luyện 2 lượng.

Cùng tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng thang bằng rượu.

沈香桂附丸

Trầm - hương quế phụ hoàn

乾姜炒 良姜炒 沉香 製附 肉桂
小茴炒 吳茱炒 川烏 (各一リ)

Can-khương, Lương-khương, Trầm-hương, Chế-phụ, Nhục-quế, Tiêu-hồi, Ngô-thù, Xuyên-ô (đều 1 đồng).

Tán bột, quấy hồ bằng giấm-thanh luyện làm viên uống 2 đồng.

加味通心飲

Gia - vị thông - tâm ẩm

梔子炒黑 黃芩炒 木通 連翹 川練
瞿麥炒黑 枳殼炒 生草 (各一リ)

Chi-tử, Hoàng-cầm, Mộc-thông, Liên-kiêu, Xuyên luyện, Cồ-mạch, Chi-xác, Sinh-thảo, (đều 1 đồng).

葵子湯

Quỳ - tử thang

生草五分 葵子炒 只實炒 猪苓 赤苓 木通
瞿麥炒黑 黃芩炒 車前炒 滑石 (各一リ)

Sinh-thảo 5 phân, Quỳ-tử, Chỉ-thực, Chư-linh, Xích-linh, Mộc-thông, Cồ-mạch, Hoàng-cầm, Xa-tiên, Hoạt-thạch, (đều 1 đồng).

加味五苓散

Gia - vị ngũ - linh tán

澤左五リ炒 猪苓三リ 茯苓三リ 肉桂一リ
白朮三リ土炒 加 姜活二リ

Trạch-tả 5 đồng, Chư-linh 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Bạch-truật 3 đồng. Gia: Khương-hoạt 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng.

蒼朮散

Xương - truật - tán

Xương-truật 1 cân (蒼朮一斤)

Thái dày ngâm nước gạo 3 ngày mỗi ngày một lần thay nước, phơi khô rồi chia ra làm sáu phần : 1 phần sao mảy gạo; 1 phần tẩm rượu sao; 1 phần tẩm muối sao. 1 phần tẩm nước quả giầu sao; 1 phần sao với đại-hồi; 1 phần sao với tiền-hồi; cùng tán bột uống 2 đồng chiêu-hạ rượu.

三層茴香丸

Tam - tầng - hồi - hương hoàn

Đại-hồi 1 lượng rượu (大茴一升半) lấy 5 đồng muối cùng sao vàng cháy cân lấy một lượng cả muối lẫn hồi và

川練 党参姜炒 木香 (各一升)

Xuyên-luyện, Đảng-sâm, Mộc hương (đều 1 lượng), tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng mỗi ngày 2 lần thang bằng rượu.

Nhược bằng chưa khỏi lại dùng liều thứ hai cũng như bài trước thêm :

藜蘆一升 兵榔五升

Tất-bát 1 lượng, Bình-lang 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên phép uống như bài trước.

Nhược bằng chưa khỏi lại dùng liều thứ ba như bài thứ hai lại thêm :

茯苓四升 製附五升

Phục-linh 4 lượng, Chế-phụ 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, phép uống cũng như bài trước hoặc thêm lên 1 ít, bệnh lâu lắm cũng khỏi, rất là thần hiệu.

和肝溫腎

Hòa - can ôn - thận

白朮一升土炒 白芍二升炒 當歸二升 柴胡一升
梔子一升炒黑 牡丹一升炒 獨活一升 川芎七分
吳茱七分炒 小茴五分炒 橘核七分 烏藥五分

Bạch-truật 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Chi tử 1 đồng, Mẫu-dơn 1 đồng, Độc-hoại 1 đồng, Xuyên-khung 7 phân, Ngô-thù 7 phân, Tiểu-hồi 5 phân, Quất-hạch 7 phân, Ô-dược 5 phân.

Noãn-can-liên ở số 62 TỊCH-TỰ

Ngũ-lích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Đại-phân-thanh, Nhân-trần-đm, Ngũ-linh-tán đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Long-đảm-tả-can ở số 82 MỤC-THỐNG.

Cát-hoa-giải-lĩnh ở số 16 TỬU-QUYẾT.

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Bồ-trung-ích-khi đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngọc trúc-lân ở số 59 Ế-CÁCH.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRUNG-HÀN.

Bồ âm-ích-khi ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lục-vị-hồi-dương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

簡 易 方

Giản dị phương

Muối trắng sào nóng bọc vải mà chườm.

Củ-hành dấm nhỏ sào nóng bọc vải mà chườm.

Sán khí co gân, khí xung lên ngực hơi tắc gần chết, dùng:

荔枝七枚炒焦 陳皮二リ炒 硫黃一リ製

Lê-hạch 7 hột, Trần-bì 2 đồng, Lưu-hoàng 1 đồng.

Tán bột, nước muối quấy hồ luyện làm viên bằng hột đậu xanh, uống chín viên thang bằng rượu, uống 3 bận thời khô.

Sán-khi hạ nang sưng và thiên chùy dùng:

荔枝一リ炒焦 小茴一リ炒 檳榔五リ 益智七リ

梔子一リ炒黑 青皮五リ炒 橘核一リ醋炒

Lê-hạch 1 lạng (sao cháy), Tiểu-hồi 1 lạng (tầm muối sao), Bình-lang 5 đồng, Ích-trí 7 đồng, Chi-tử 1 lạng (sao đen), Thanh-bì 5 đồng (sao), Quất-hạch 1 lạng (tầm giấm-thanh sao).

Tán bột uống 2 đồng thang bằng rượu, muối.

Hựu phương

小茴炒 青皮炒 荔枝炒焦 (各五リ)

Tiêu-hồi, Thanh-bì, Lệ-hạch đều 5 đồng.

Tán bột lấy 1 đồng hòa rượu uống.

Chứng Sán-khí đau quanh rốn xung lên ngực, lấy xơ-mướp sao cháy tán bột uống 2 đồng thang bằng rượu.

Chứng Sán-khí đau rồi lên chạy vào thận-kinh, bỏ-dục, dùng Đại-hồi đâm nhỏ sao nóng, chia làm 2 bọc thay đổi mà chườm.

Sán-khí thiên-chuyết co gán chạy vào bụng, dùng giấy tơ-hồng, vỏ cây xoan 2 thứ bằng nhau đâm nhỏ cho một tí long-mão dịt vào.

Sán-khí thiên chuyết đau ở ngoài dẫn vào trong bụng dùng Đại-hồi 1 lạng, Tiêu-hồi 1 lạng.

Tán bột lấy 1 cái bong-bóng lợn dục dễ vậy cả nước cho thuốc bột vào buộc chặt lại, nấu bằng rượu cho chín rồi đâm nhỏ luyện làm viên bằng hạt đậu, uống 30 viên thang bằng nước sôi, rất hay.

Hạ nang sưng đau dùng lá phù dung tươi hoàng-bá đều 3 đồng, hạt gấc 1 nhân cùng đâm nhỏ hòa giấm-thanh dịt vào.

Hựu phương

馬鞭草 (馬鞭炒)

Đâm nhỏ hòa giấm-thanh sao nóng bọc vải mà chườm.

Hựu phương

Lá nhọ - nổi 5 đồng sắc bằng rượu uống.

Hoặc dùng : Hùng-hoàng 5 phân (雄黃五分)

Tán bột hòa nước gừng uống.

Hoặc dùng : Thuyền thuế 5 đồng (蟬蛻五リ)

Sắc nước rửa.

Hoặc dùng : Bàng-sa 5 đồng (硼砂五リ)

Sắc nước rửa.

Chứng dồi-sán nhón bằng cái dẩu dùng :

Ý-dĩ 4 lạng, (意苡四两炒) lấy đất vách cũ sao lẫn, rồi bỏ đất đi nấu dừ như cao uống luôn thời khỏi.

Nhược bằng âm-nang to đau lằm dùng :

雄黄二两 白礬二两 生草一两

Hùng-hoàng 2 lạng, Bạch-phèn 2 lạng, Sinh-thảo 1 lạng.

Sắc nước ngâm rửa luôn luôn.

Âm-nang, ngọc-hành cả giang-môn, ngựa gãi không nhin được, dùng vỏ quả bầu cũ sao cháy tán bột xát vào thời khỏi ; hoặc dùng vỏ ốc đốt ra than 1 lạng, hột chám đốt ra than 2 đồng, Hàn-thủy-thạch 2 đồng 寒水石二两

Cùng tán bột, bỏ lọ nút chặt, khi dùng lấy 2 đồng hòa 1 phân bằng-phiếu với dầu-vừng bôi vào.

房 室

114. — Phòng - thất

Phòng-thất là bịnh phạm-phòng bởi vì đàn-ông, đàn-bà có bịnh chưa thật khỏi, khi huyết chưa bằng cũ mà đi lại với nhau, dục hỏa động lên hóa ra phạm-phòng. Nhược bằng bịnh phát rữ lằm thời dầu nặng, hoặc cấm khẩu, chân tay co quắp bụng dưới tức đầy mà nóng, hoặc mình cũng nóng, bí tiểu-tiên mê mầu không tỉnh. Như bịnh phát chậm thời hơi thở ngắn, sức yếu, da vàng, bụng to. ăn ít phải dùng thuốc chữa ngay cho khỏi sinh ra chứng khác.

Một thứ phạm phòng phát rữ lấy một nắm lá chàm, cắt chuột dực 21 hột, (2 đầu nhọn là chuột dực) sao cháy, sắc nước uống, đồ mồ-hôi ra thời khỏi.

Hựu phương

Hoặc rẽ rau họ 1 nắm, phân chuột-dực 14 hột sao cháy, sắc nước uống đồ mồ-hôi thời khỏi, nếu chưa đồ mồ-hôi lại uống thang nữa.

Một thứ chứng phòng-thất bụng dưới tức đau, thận-nang rút lại, mồ-hôi lạnh, chân tay đều lạnh dùng thang Phụ-tử-lý-trung lại dùng hành củ giã nhỏ sao nóng, lấy 2 cái khăn vải thay đổi bọc hành mà chườm ; lại dùng 21 củ hành giã nhỏ sắc bằng rượu uống.

Một thứ bệnh phòng-thất âm - nang sưng đau, bụng dưới tức đầy, lấy năm củ hành đằm nhỏ hòa giấm-thanh cho uống 1 chén. Hoặc dùng hột cải nghiền nhỏ hòa nước đắp vào rốn.

Một thứ bệnh phòng-thất phát rữ sắp nguy dùng:

梔子 一ツ 炒 黒

葛根 一ツ

生草 五分

南参 一ツ 姜 炒

韭子 五分

Chi-tử 1 đồng, Cát-căn 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Nam-sâm 1 đồng, Hột-hẹ 5 phân. phân chuột dực (2 đầu nhọn là chuột dực) 10 hột sao cháy sắc nước uống hễ đỡ bờ-hồi thời khỏi.

Hoặc dùng lá hẹ Chi-tử, phân chuột dực 3 vị cũng hay.

Một thứ chứng phòng chậm phát dùng *Bình-vị-lân*; khí hư dùng *Tứ-quần-tử-thang*; huyết hư dùng *Tứ-vật-thang* đều gia:

五靈脂 二ツ 炒

茵陳 二ツ

Ngũ linh-chi 2 đồng, Nhân-trần 2 đồng.

Hựu phương

Lá cối-say 1 lạng sao vàng. bẹ mè cau 5 đồng sao vàng, cùng sắc nước uống.

Phụ-tử-lý-trung ở số 4 TRÚNG-PHONG

Bình-vị-tán ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tứ-quần-tử ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Tứ-vật-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

遺 精

145. — Di-tinh

Di-tinh là bệnh chảy tinh khí ra, lúc ngủ mà chảy ra là mộng-di, lúc thức mà chảy ra gọi là tự-di. Chứng thời không giống nhau mà tổn hại cũng thế bởi vì tư tưởng mà di-tinh, hoặc nhân khó nhọc lo nghĩ mà di-tinh, những người ít tuổi khỏe mạnh thời cũng không sợ, bằng như người yếu đuối mảnh mót mà di tinh thật là tổn thọ.

Chữa bệnh này, tâm hỏa thịnh phải thanh đàng, tương hỏa viêm thời phải bổ thủy, khí hư phải thăng đề, tinh hoạt phải cố sáp mà lại phải dùng bổ ích làm chủ, không nên dùng vị hâu lương thời bại thận nên phải dẫn đó.

Một thứ mộng - di, tự - di bởi tại tinh hoạt dùng *Linh-truật-thỏ-ty-hoàn* và *Tiểu-thỏ-ty-hoàn*.

Một thứ tâm hỏa thịnh mà di-tinh dùng *Nhị-âm-tiên* hoặc *Thiên-vương-bổ-tâm-đan*.

Một thứ tương hỏa động mà di-tinh bởi can thận đa nhiệt dùng *Cổ-tinh-hoàn*, *Tứ-âm-bát-vị hoàn*.

Một thứ lo nghĩ hoặc khó nhọc mà di-tinh dùng *Quy-tý-thang* khứ Mộc-hương, gia Ngũ-vị 7 hột Hoặc dùng bài *Bí-nguyên-tiên*.

Một thứ tiên thiên bất túc bẩm sinh yếu đuối nguyên dương bất cố, thường nhiều di-tinh dùng *Tả-quy-hoàn*, *Hữu-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị-hoàn* đều gia Phá-cổ 1 đồng.

Một thứ nhân thấp nhiệt có phục hỏa mà di-tinh dùng *Tứ-linh-tán*, *Tiểu-phần-thanh-đm*; nóng nhiều dùng *Đại-phần-thanh*

Một thứ uống nhiều thuốc lạnh cho nên dương khí bất cố mà di-tinh dùng *Ngũ-quán-tử-tiên*, *Gia-cửu-tử hoàn*.

列 方

Liệt các bài thuốc

苓朮鬼絲丸

Linh-truật thỏ-ty hoàn

白水二两土炒	蓮肉二两炒	茯苓二两
淮山一两半炒	五味二两炒	炙草三钱
杜仲一两半鹽炒	鬼絲五两製	

Bạch-truật 2 lạng, Liên-nhục 2 lạng Phục linh 2 lạng, Hoài-sơn 1 lạng rưỡi, Ngũ-vị 2 đồng, Chích-thảo 3 đồng Đỗ-trọng 1 lạng rưỡi, Thỏ-ty 5 lạng

Cùng tán bột quấy hồ hoài sơn luyện làm viên uống 3 đồng thang bằng nước chè

小 兜 絲 丸

Tiểu thỏ - ty hoàn

兜絲五月製

石蓮肉二月炒

茯苓三月

淮山三月炒

Thỏ-ty 5 lạng chế, Thạch-liên-nhục 2 lạng, Phục-linh 3 lạng, Hoài-sơn 3 lạng

Tán bột quấy hồ hoài-sơn luyện làm viên uống 2 đồng thang nước chè.

固 精 丸

Cố - tinh hoàn

牡蠣假 龍骨煨 蓮須 芡寔炒 山茱炒 蓮志製

茯苓 (各三リ) 知母一月 黃柏一月炙

Mẫu-lệ, Long-cốt, Liên-tu, Khiếm-thực, Sơn-thù, Viễn-chí, Phục-linh (đều 3 đồng), Tri mẫu 1 lạng, Hoàng-bá 1 lạng.

Tán bột, quấy hồ hoài-sơn luyện làm viên uống 2 đồng.

秘 元 煎

Bí - nguyên tiên

党参三リ姜炒

淮山二リ炒

芡實二リ炒

棗仁二リ炒黑

茯苓一リ半

蓮志五分製

白水一リ半土炒

五味十粒炒

炙草一リ

金櫻二リ

Đảng sâm 3 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Khiếm-thực 2 đồng, Táo nhân 2 đồng, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Viễn-chí 5 phân, Bạch-truật 1 đồng rưỡi, Ngũ-vị 10 hạt, Chích thảo 1 đồng, Kim-anh 2 đồng. Sắc uống.

家 韭 子 丸

Gia cửu - tử hoàn

韭子三月炒

鹿茸一月炙

巴戟二月

肉蓯蓉二月製

兜絲三月製

熟地六月

杜仲二兩 鹽炒 續斷一兩 炒 當歸二兩
桂心五兩 乾姜五兩 炒

Cửu tử 3 lượng, Lộc-nhung 1 lượng, Ba kích 2 lượng, Nhục-thong-dong 2 lượng, Thổ-tý 3 lượng, Thục-dịa 6 lượng, Đỗ-trọng 2 lượng, Tục-doạn 1 lượng, Đương-quý 2 lượng, Quế-tâm 5 đồng, Can-khương 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Nhị-âm-tiên, Thiên-vương-bổ-tâm đan, Tả-quý-hoàn, Ngũ-quân-tử, Hữu-quý-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tư-âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Quy-tỳ-thang, Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Tứ-linh-tán, Tiểu-phân-thanh, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

驗 方

Nghiệm phương

加 減 地 黃 丸

Gia - giảm địa - hoàng hoàn

淮山四兩 炒 山茱二兩 炒 熟地八兩 連須一兩
牡丹二兩 炒 茯苓二兩 炒 魚鱉四兩 茯苓二兩
Hoài-sơn 4 lượng, Sơn-thù 2 lượng, Thục-dịa 8 lượng, Liên-tu 1 lượng, Mẫu-dơn 2 lượng, Khiếm thực 2 lượng, Ngự phiêu 4 lượng, Phục-linh 2 lượng.

Tán bột luyện mật viên uống 3 đồng.

益 腎 湯

Ích - thận thang

白芍二兩 炒 熟地一兩 茯苓二兩 生棗仁五兩
山茱二兩 炒 當歸二兩 茯神二兩 五味三分 炒
白芥子一兩 炒 肉桂三分 黃連三分 白朮五兩 土炒

Bạch-thược 2 đồng, Thục-dịa 1 lạng, Phục-linh 2 đồng.
Tảo-nhân sống 5 đồng, Sơn-thù 2 đồng, Đương-quy 2 đồng,
Phục-thần 2 đồng, Ngũ-vị 3 phân, Bạch-giới-tử 1 đồng, Nhục-
quế 3 phân, Hoàng-liên 3 phân, Bạch-truật 5 đồng.

Uống 1 thang thời chỉ. Uống 10 thang thời triệt căn.

保 精 湯

Bảo - tinh thang

棗仁二リ炒黒 芡寔一月炒 淮山一月炒
党参一リ姜炒 蓮肉五リ炒 茯神二リ

Tảo-nhân 2 đồng, Khiếm thực 1 lạng, Hoài-sơn 1 lạng, Đảng-
sâm 1 đồng, Liên-nhục 5 đồng, Phục-thần 2 đồng.

Sắc 1 nước uống rồi thêm đường trắng 5 đồng nấu ăn cả
bã. Mỗi ngày một thang, 10 ngày thật khỏi hẳn.

白 濁

416. — Bạch - trọc

Chứng bạch-trọc là nước tiểu như hồ loãng, hoặc như
nước cơm, ở tinh cung khi quân theo lẫn với nước tiểu
mà ra, như có dải-buyết hơi đỏ gọi là Xích-trọc. Xích-trọc
ở tâm kinh mà ra, bởi có sự lo nghĩ. Bạch-trọc ở thận
kinh mà ra bởi tại sự dâm-dục, như mà trọc cũng là tinh
không có đặc lắm. Trị chứng bạch-trọc nên tham với chứng
di-tinh mà dùng thuốc.

Một thứ bạch-trọc đi tiểu không đau; trong thùng tiểu
lắng xuống như keo dùng bài *Bí-nguyên-tiên*, bài *Thổ-tỳ-
tiên*, hoặc như khí hàn ngưng trệ mà không khỏi dùng
bài *Tỳ-giải-phân-thanh-đm*.

Một thứ xích-trọc đi tiểu có đau ắt nhân Lỏa động dùng
bài *Đại-phân-thanh đm*, hoặc bài *Trừu-lân đm* gia:

Xuyên-hoàng-liên 1 đồng (川 黄 連 一 分) Khử Hoàng-
bà (去 黄 伯)

兔絲煎

Thỏ - ty tiên

菟仁 一リ半 炒黑

兎絲 四リ製

依山 二リ炒

兎參 三リ姜炒

當歸 一リ半

茯苓 一リ半

建志 四分炒

灰草 一リ

Táo-nhân 1 đồng rưỡi, Thỏ ty 4 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Đương-quy 1 đồng rưỡi, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Viễn-chi 4 phân, Chích-thảo 1 đồng.

Sắc nước uống, mỗi bận uống thêm Lộc-dác-xương tán bột 2 thìa.

萆薢分清飲

Tỳ - giải phân - thanh ẩm

川萆薢

益志仁

石菖蒲

烏藥

(各二リ)

Xuyên-tỳ-giải, Ích-tri-nhân, Thạch-xương-bồ, Ô-duộc (đều 2 đồng).

Bí nguyên-tiên ở số 115 DI-TINH.

Đại-phân-thanh ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Trừu-tân-ẩm ở số 3 THƯƠNG-HÀN

溺白

117. — Niệu - bạch

(là nước tiểu trắng)

Một thứ nước tiểu trắng như vôi ở bàng-quang niệu-quản mà ra hoặc có đau buốt là bệnh nhiệt thời phải có hỏa chứng, hỏa mạch mới thực là nhiệt; nhược bằng đi tiểu xong rồi mới phóng ra một tí phần trắng không đau đớn gì là chứng hư hàn phải dùng thuốc nóng.

. Một thứ nước tiểu đỏ như nước nâu đi ít mà đau phải có nhiệt chứng, nhiệt mạch mới thực là nhiệt. Nhược bằng đương có bệnh mà thấy nước tiểu đỏ ít như không đau đớn, xét xem không có nhiệt chứng, nhiệt mạch là bệnh hư hàn phải dùng thuốc ôn bổ.

Một thứ tiểu-tiên hoặc đỏ hoặc trắng nhân chứng nhiệt dùng bài *Lục-đậu-âm* rất hay ; hoặc bài *Lục-nhất-tán*, bài *Đạo-xích-tán*, bài *Đại-phân-thanh-âm*.

Một thứ nước tiểu hoặc trắng hoặc đỏ nhân bệnh hàn dùng bài *Ngũ-linh-tán* hoặc bài *Kim-quỹ-thận-khi-hoàn*.

綠豆飲

Lục - đậu âm

Nấu đậu-xanh mà ăn.

導赤散

Đạo - xích tán

麥門三リ炒 生地三リ 木通一リ 車前一リ半炒
赤苓一リ半 生草五分 竹葉十片

Mạch-môn 3 đồng, Sinh-dịa 3 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Xa-tiên 1 đồng rưỡi, Xích-linh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 5 phân, Trúc-diệp 10 lá

Lục-nhất-tán ở số 102 PHÚC-THƯỜNG.

Đại-phân-thanh, Ngũ-linh-tán đều ở số 8 THƯƠNG-TRẠX.

Kim-quỹ-thận-khi ở số 63 THỦY-SÙNG.

淋 病

118. — Lâm - bệnh

Lâm bệnh là đi tiểu buốt, một điềm một giọt, rỉ - rỉ không dứt, đau khổ khó chịu, muốn đi không đi, muốn thôi không thôi. Chứng này có năm thứ :

1^o Khí - lâm đi tiểu ít mà đau đi rồi lại còn sót vài giọt

2^o Huyết-lâm ngọ nóng thời phát nước tiểu có giọt máu, tia máu, đau lắm thời ra nhiều máu, xem thấy hiện sắc vàng ở đầu mũi thời biết đi tiểu khó.

3^o Xa-lâm thời nước tiểu có cát hoặc có đá. Nghe ở trong mình cung mình-môn có lửa phun xuống bàng quang nước tiểu khó lại hóa ra đá

4^o Cao-lâm nước tiểu như dầu như mỡ.

50) Lão-lâm như có lao lực hoặc phòng sự thời phát đau dẫn vào bụng dưới, nước tiểu trắng như vôi. Những các chứng ấy bởi vì tích nhiệt hoặc ăn những vị nóng, uống rượu; nhập phòng uất kết thành bệnh. Phép chữa chứng này khi mới phải đều thuộc nhiệt, bằng đã lâu thời hoặc có hàn phải xem mạch cùng chứng mà chữa mới khỏi nhầm.

Một thứ bệnh lâm mới phải bởi vì tích nhiệt dùng bài *Bát-chính-tán* hoặc bài *Đại-phân-thanh* gia *Hồ-phách*, *Đảng-tâm*.

Một thứ bởi can-kinh thấp nhiệt ngọc-bánh, âm nang đau gần dùng *Long-dâm-tả-can-thang*. Nhược bằng tý phế táo nhiệt hoặc có ho đờm mà đi tiểu đau dùng *Hoàng-cầm-thanh-phế-thang*. Nhược bằng lao lực mà đi tiểu đau là thuộc tý hư dùng *Hồ-trung-tch-khí-thang* gia *Hoài-sơn* 3 đồng, *Ngũ-vị* 7 hột.

- Nhược bằng bàng-quang kết nhiệt uống thuốc bỏ lại đau hơn dùng bài *Ngũ-lâm tán*. Nhược bằng thận hư âm nuy lại kèm đau lưng dùng bài *Tư-thận-hoàn* hoặc bài *Lục-vị-hoàn* gia *Xa-tiền*, *Ngưu-tất* (đều 2 đồng).

Nhược bằng thận kinh dương hư mà sợ lạnh dùng bài *Lý-âm-tiên*, bài *Hữu quy âm* hoặc bài *Kim quy-thận-khí-hoàn*.

列 方

Liệt các bài thuốc

黄 芩 清 肺 湯

Hoàng-cầm thanh phế thang

梔子 二リ 炒 黒

黄 芩 一リ 炒

Chi-tử 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng.

Nhược bằng chưa được khoan khoái gia đậu xị muối 20 hột.

滋 腎 酒

Tư-thận hoàn

黄 伯 一 两 炙

知 母 一 两

肉 桂 一 リ

Hoàng-bá 1 lượng, Tri-mẫu 1 lượng, Nhục-quế 1 đồng.

Tân bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Bát-chính-tán, Ngũ-lâm-tán đều ở số 40 NIỆU-HUYẾT

Dại-phân-thanh ở số 8 THƯƠNG-THẤP

Long đâm tả-can-thang ở số 82 MỤC-THỐNG.

Bồ-trung ích-khí, Lục vị-hoàn, Hưu-quy-âm đều ở số 10

CHƯ-HƯ-CHỪNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯỢNG HÀN.

Kim-quy-thận-khí ở số 63 THUY-SÙNG.

驗 方

Nghiệm phương

Chứng Lao-lâm dùng bài :

玉鎖丹

Ngọc tỏa đan

五倍八兩 茯苓二兩 龍骨一兩煨

Ngũ-bội 8 lượng, Phục-linh 2 lượng, Long-cốt 1 lượng

Tán bột luyện hồ viên thang bằng nước muối uống 2 đồng

牛必湯

Ngưu tất thang

牛必一兩 乳香一兩炒

Ngưu tất 1 lượng, Nhũ-hương 1 đồng

Sắc nước uống thêm chén rượu trị cả bệnh huyết lỵ.

Chứng Khi-lâm dùng: ngọn cây mía sắc nước uống thêm chén rượu

Chứng Nhiệt-lâm dùng bài :

Lục nhất-tán ở số 102 PHƯỚC-THỐNG.

Chứng Huyết-lâm dùng :

Đạm đậu-xị 5 đồng. (淡豆豉五兩)

Sắc nước uống rất hay.

Hoặc dùng tóc rối đốt ra than hòa với nước ngó-sen uống.
Hoặc dùng bột bình-lang nhện dầu sắc nước hòa mật ong uống.

Chứng Thạch-lâm dùng :

Ngân-tiên 1 lạng (銀硝 一 兩)

Bỏ vào nồi rang lót giấy dưới sao cháy giấy mới được
tán bột dùng 2 đồng. Gia :

Hoạt thạch 2 đồng (滑石 二 兩) hòa nước sôi uống rất hay.

五 淋 通 治

Ngũ lâm thông trị

Ngân-tiên 1 đồng (銀硝 一 兩)

Sao, tán bột thang Mộc-thông.

Hoặc dùng Thiên-môn, dấm lấy nước nửa chén uống khỏi
ngay

遺 溺

119. — Di-niệu

Di-niệu là vĩ dái. Khi dái ra mà không biết, trách tại
quả tim u-mê. Dái ra mà không nhận được, trách tại thận
kinh bất cố, khi ngủ mà dái rầm, trẻ con thường nhiều.

Năng đi mà ít là nhiệt, đi luôn mà nhiều là hàn.

Chữa bệnh này phải xét các tạng mà dùng thuốc chỉ chủ
ở phế, thận 2 kinh.

Một thứ dái mà không biết dùng bài Cổ-phao-hoàn, trách
ở tâm kinh vì bằng người ấy có bệnh phải theo bệnh ấy mà
chữa, kiêm dùng thuốc trị tâm kinh như là các vị này :

棗仁 遠志 菖蒲 黃連

Tảo-nhân, viễn chí, Xương-bồ, Hoàng-liên.

Một thứ vĩ dái không giữ được hoặc di nhiều quá phải
trách ở thận kinh dùng bài Lục vị-hoàn (khử Trạch-tả gia :

益志 一 兩 破故 一 兩 炒 五味 十 粒 炒

ích chí 1 đồng, Phá-cổ 1 đồng, Ngũ-vị 10 hạt

Như hỏa hư sợ lạnh gia :

肉桂五分 附子 嬰五分

Nhục quế 5 phân, Phụ tử chế 5 phân.

Hoặc dùng bài *Gia cứu-tử-hoàn*, bài *Củng đề-hoàn*.

Một thứ dương ngũ vĩ dài là hạ tiêu hư hàn, khí không cầm ngăn được dùng bài *Ngũ-tử-hoàn*, bài *Súc-toàn-hoàn*

Một thứ nhân khiếp sợ mà vĩ dài là tâm khí bất túc liên cấp can thận dùng bài *Đại-bổ-nguyên-tiên*, bài *Thật-phúc-dâm*.

Một thứ tý phế khí hư không nhện được mà vĩ dài dùng bài *Bổ-trung-ích-khí-thang* Gia :

淮山三リ炒 五味十粒炒

Hoài-sơn 3 đồng, Ngũ-vị 10 hột.

列方

Liệt các bài thuốc

固脬丸

Cố - phao hoàn

兒絲三リ製

小回五リ炒

嬰附五リ

桑螵蛸五リ

戎蓋一リ

Thỏ-ty 3 lạng, Tiểu-hồi 5 đồng, Chế-phụ 5 đồng, Tang-phieu-tieu 5 đồng, Nhung-diêm 1 đồng.

Tán bột quấy hồ bằng rượu luyện làm viên uống 1 đồng.

鞏隄丸

Củng - đề hoàn

白朮二リ土炒

熟地四リ

益智一リ

兒絲二リ製

茯苓一リ

嬰附三リ

破故一リ炒

韭子一リ炒

五味二リ

Bạc - truat 2 lạng, Thục-dịa 4 lạng, Ích-trí 1 lạng, Thỏ-ty 2 lạng, Phục-linh 1 lạng, Chế-phụ 3 đồng, Phá-cổ 1 lạng, Cửu-tử 1 lạng, Ngũ-vị 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

五子丸

Ngũ - tử hoàn

兒絲二兩製

韭子五兩炒

益智五兩

蛇床五兩炒

小茴五兩炒

Thỏ-tý 2 lạng, Cửu-tử 5 đồng, ích-tri 5 đồng, Sả-sàng 5 đồng, Tiên-hồi 5 đồng, .

Tán bột luyện hồ viên uống 1 đồng thang bằng nước muối

縮泉丸

Súc - toàn hoàn

烏藥二兩

益智一兩

Ô-dược 2 lạng, Ích-tri 1 lạng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Gia cửu-tử hoàn ở số 115 Di-tinh.

Lục-vị-hoàn, Bồ-trung-ích khí đều ở số 10 Chư-hư-chứng

Đại bồ-nguyên, Thất phúc-âm đều ở số 1 Nội-thương.

簡易方

Giản dị phương

益智廿四粒

Ích-tri 24 hạt. Sắc nước uống thêm tí muối.

Hoặc dùng :

萆薢四兩

Tỳ-giải 4 lạng, Sắc nước uống thay chè.

Hoặc dùng :

胡桃三个

Hồ-dào 3 quả, lúc đi ngủ sẽ ăn.

Hoặc dùng :

萆薢二兩

Tỳ-giải 2 lạng, sao với muối, bỏ muối đi rồi tán bột uống 2 đồng.

Hoặc dùng :

Bong-bóng dẻ, hoặc bong-bóng lợn, luộc chín mà ăn.

閉 塞

120. — Long-bế

Long-bế là bí tiểu-tiện, hoặc nhân lửa nóng kết tụ mà không thông, hoặc nhân tinh huyết ủng tắc mà không thông, hoặc nhân khí thực, hoặc khí hư. Chữa bệnh này phải phân các thứ mà dùng thuốc thời mới chóng khỏi.

Một thứ nhiệt kết bàng-quang, hoặc tinh huyết ngán lấp mà tiểu thủy không thông, phải xét có hỏa chứng, hỏa mạch hoặc ngọc-hành đau buốt mới thực là nhiệt, dùng bài *Lục-dậu-đm*, bài *Ngọc-toàn-tán*, bài *Lục-nhất-tán*, hoặc bài *Đại-phân-thanh-đm*.

Một thứ khí thực mà ngán lấp tiểu-tiện không thông. Nhược bằng dần dần uất kết, can kinh, khí nghịch nên hành khí, phá khí, dùng bài *Tứ-linh-tán* gia :

番附一リ炒 枳壳一リ炒 烏藥一リ 洗香三分
Hương-phụ 1 đồng, Chi-xác 1 đồng, Ô-dược 1 đồng, Trâm-hương 3 phân.

Nhược bằng khí hãm ở dưới mà bí tiểu-tiện dùng bài *Bồ-trung-tích-khí* như lực thuốc chưa đến phải móc tay vào cổ cho thò ra đem khí lên thời nước mới xuống được. Nhược bằng khí bế, khí nghịch dùng bài *Đại-phân-thanh*, uống rồi móc cổ cho thò ra, nhược bằng huyết hư dùng thang *Tứ-vật*, uống rồi lại móc cổ cho thò ra, nhược bằng đàm khí trệ nghịch dùng thang *Nhị-trán*, uống rồi móc cổ cho thò ra. Như thế là có thắng thời mới giáng, trên thông thời dưới cũng thoát là lẽ thế vậy.

Một thứ khí hư mà tiểu-tiện bế bởi vì nhiều sự chác táng hoặc già yếu, khí kiệt mà không hóa được rất là chứng nguy, như thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tá-quy-đm*, đều gia :

車前二リ炒 牛必二リ

Xa-tiên 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng.

Như hỏa hư dùng bài *Kim-quy-thận-khí-hoàn*, hoặc bài *Hữu-quy-đm* gia :

車前二リ炒 牛必二リ

Xa-tiên 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng.

Vì bằng bầm sinh trong tạng phủ nóng không ưa thuốc ôn

bồ, thủy suy thời dùng bài *Hóa-âm-tiên*, hỏa hư dùng bài *Tư-thận-hoàn*.

Phạm chứng đại, tiểu đều bị cả trước phải thông đại-tiểu rồi tiểu-tiên cũng thông, dùng bài *Bát-chính-tán*.

Một thứ đản-bà có mang vì thai khí dè xuống mà tiểu-tiên không thông, dùng thang *Bồ-trung* để nưng lên.

列 方

Liệt các bài thuốc

Lục đậu-ấm ở số 117 NIỆU DẠCH.

Ngọc toàn-tán ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Lục nhất tán ở số 102 PHÚC-THỐNG

Đại phân-thanh, Tứ-linh-tán đều ở số 8 THƯƠNG-THẮP

Bồ trung-ích khí, Lục vị-hoàn, Tả-quy-ấm, Hữu-quy-ấm đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG-BIỆN.

Kim quỳ-thận-khí ở số 63 THỦY-SỐNG

Tư-thận-hoàn ở số 118 LÂM BỊNH.

Bát-chính-tán ở số 40 NIỆU-HUYẾT.

Nhị trần thang ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

化 陰 煎

Hóa-âm tiên

生地ニリ 熟地ニリ 澤左ニリ炒 黃伯ニリ炙
牛必ニリ 猪苓ニリ 龍胆一リ半 車前一リ炒
知母ニリ 縹豆三リ

Sinh-dịa 2 đồng, Thục-dịa 2 đồng, Trạch-tả 2 đồng, Hoàng-bá 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chư-linh 2 đồng, Long-dảm 1 đồng, Xa-tiên 1 đồng, Tri-mẫu 2 đồng, Lục-dậu 3 đồng

Thông niệu bế pháp

Dùng bong-bóng lợn bỏ nước di, lấy xe điều thổi phồng lên, buộc lại, dùng cuống lòng-ngỗng 1 đầu cắm vào cái bong-bóng, 1 đầu cắm vào chỗ đi tiểu rồi cỡi buộc ra lấy tay bóp cho hơi thông vào thời tiểu-tiên thông ngay.

(Đàn-ông dùng cuống lòng-ngỗng, Đản-bà dùng ống-sậy).

Một thứ phép thông, tinh huyết kết lại, ngải. lấp đường di tiểu, bảo người bệnh nằm ngửa dùng cuống lòng-ngỗng cắm vào mã-khẩu, lấy thủy-ngân 1, 2 đồng dần dần giọt vào lấy tay vuốt xuống thời chỗ ngải lấp phải thông, nước tiểu ra được, thủy-ngân cũng theo ra.

Một thứ phép ngâm rửa thông tiểu-tiên dùng Tạo-dác (bồ-kếp), Thông-bạch (hành-khô), Vương-bất-lưu-hành đều 3 lượng.

Sắc 1 nồi đồ ra chậu lớn, khiến người bệnh ngồi vào mà ngâm và lấy tay rửa, một chốc thời tiểu-tiên thông. Nhược bằng đàn-bà lấy mấy củ-bàn-lạp lấp âm-hộ lại rồi ngâm rửa càng chóng thông.

Lấy tía-tô sắc 1 nồi ngồi lên trên mà xông. Lại lấy muối sao ấp vào rốn buộc chặt lại.

Một thứ bí tiểu tiện các thứ thuốc không khỏi dùng rễ cây cúc trắng đâm nhỏ hòa rượu lọc bỏ bã rồi uống 1 chén. Nhược bằng không có rễ cây cúc nhỏ trắng dùng rễ cúc nào cũng được.

Hựu phương

Cam-loại 1 đồng. (甘遂 一 斤)

Tán bột hòa nước bôi dưới rốn 1 tấc, lại lấy cam-thảo 3 đồng sắc nước uống. Một chốc 2 thứ thuốc gặp nhau thời tiểu tiện thông.

Hựu phương

(Thần mộng)

Bắt con giế 3, 4 con sao cháy tán bột hòa rượu uống

Hựu phương

La Xa-tiên đâm vắt lấy 1 chén nước hòa tể mật-ong uống hoặc thêm nước bí đao, nước lá dâu đều là hay cả.

秘 結

121. — Bí - kết

Bí kết là đại-tiện không thông bí kết lại, hoặc nhân lửa nóng mà tân-dịch khô kiệt, hoặc nhân tửu sắc mà tinh huyết khô ráo, hoặc nhân ẩu uống vị nóng, hoặc nhân thời tiết táo hỏa; chứng này dấu rằng nhiệt kết, nhưng mà cũng có hàn ngưng. Phép chữa phải phân âm dương hư thực mà dùng thuốc.

Một thứ dương kết là bạo bệnh bí kết hoặc nhân lửa nóng, những người mạnh khỏe phải có nhiệt chứng nhiệt mạch mới thực là bệnh dương kết. Lửa nóng lắm dùng: *Đại-thừa-khí-thang* hoặc bài *Bách-thuận-hoàn*; bằng như kết ít nóng vừa dùng bài *Thanh-lương âm-tử*, bài *Nguyên-nhung-tử-vật-thang*. Nhược bằng hỏa thịnh quá không giải ra được dùng bài *Lương-cách-tán* bài *Đại-hoàng tiêu-thạch-thang*.

Bằng như hỏa thịnh thủy suy âm hư mà đại-tiện táo dùng bài *Tư-âm-bát-vị-hoàn*, bài *Đan-khê-bổ-âm-hoàn*.

Một thứ chứng âm kết, là dần dần bí kết, là chứng thuộc hư, hoặc là yếu đuối, yếu nóng sợ lạnh, lại xét không có hỏa chứng, hỏa mạch mới thực là âm kết phải phân làm hai mà chữa.

Một là âm thủy suy thời tinh huyết khô ráo mà bế kết dùng bài *Lục-vị hoàn*, bài *Tả-quy-âm* đều gia: *Thong-dong* 2 đồng, *Ngưu-tất* 2 đồng.

Một là âm trung dương hư, thì dương khí không hành, không truyền tống lực, hỏa ra ngưng kết dùng bài *Hữu-quy-âm*, bài *Bát-vị-hoàn* đều gia: *Thong-dong* *Ngưu-tất*.

Một thứ đại tiện không táo kết mà ba bốn hôm không đi hoặc có đi mà ít cũng không khô rắn ấy là xấp tràng không có thông hoạt bởi vì nhân sự thất tình nhọc mệt hóa ra thể xem tý hư dùng bài *Lý-trung-thang*, bài *Quy-tỳ-thang*, thận hư dùng bài *Lý âm-tiên*, bài *Đại-bổ-nguyên-tiên*.

Một thứ người già mà đại tiện táo kết nhiều, về phần âm hư, huyết ráo dùng bài *Đạo-trệ-thông-u-thang* bài *Chỉ-cao* rất thần hiệu.

Một thứ những người yếu đuối, nguyên khí hư nhược, hoặc mới ốm khỏi, dấu 10 hôm không đi ngoài cũng không sao, bằng như có tức tối khó chịu dùng bài *Lễ-xuyên-tiên* mới được.

列 方

Liệt các bài thuốc

清 凉 飲 子

Thanh - lương - ẩm - tử

川大黃煨 當歸 白芍炒 甘艸 (各一リ半)

Xuyên-dại-hoàng, Đương-quy, Bạch-thược, Cam-thảo (đều 1 đồng rưỡi)

元 戎 四 物 湯

Nguyên nhung tứ-vật thang

熟地 川大黃煨 川芎 白芍炒 當歸

桃仁 (各一リ半)

Thục-dịa, Xuyên-dại-hoàng, Xuyên-khung, Bạch-thược, Đương-quy, Đào-nhân, (đều 1 đồng rưỡi).

大 黃 硝 石 湯

Dại - hoàng tiêu - thạch thang

川大黃三リ煨 芒硝三リ 黃伯三リ炙

梔子二リ炒黑

Xuyên-dại-hoàng 3 đồng, Mang-tiên 3 đồng, Hoàng-bá 3 đồng, Chi-tử 2 đồng.

導 滯 通 幽 湯

Đạo trệ thông u thang

熟地五リ 當歸三リ 生地二リ 升麻一リ

炙草五分 紅花五分 桃仁十五粒

Thục-dịa 5 đồng, Đương-quy 3 đồng, Sinh-dịa 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Chích-thảo 5 phân, Hồng-hoa 5 phân, Đào-nhân 15 hạt.

濟川煎

Tề-xuyên tiên

澤左一リ炒	當歸五リ	茯苓三リ
枳壳七分炒	牛必二リ	升麻一リ

Trạch-tả 1 đồng, Đương-quy 5 đồng, Thông dong 3 đồng,
Chỉ-xác 7 phân Ngưu-tất 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng. Sắc uống

Đại-thừa-khi, Tư-âm bát-vị-hoàn Lý-âm-tiên đều ở số 3
THƯƠNG-HÀN.

Bách-thuận-hoàn ở số 102 PHÚC-THỐNG.

Đan-khê-bồ-âm ở số 110 Túc NUY.

*Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm, Bát-vị hoàn, Hưu-quy-âm, Quy
tỳ-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỪNG-BIỆN.*

Đại bồ nguyên Lý-trung-thang đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Chỉ-cai ở số 9 TÁO-CHỪNG

簡易方

Giản dị phương

Tô-tử, (蘇子) Chi-ma (芝麻) đều nửa lẻ nghiền nhỏ,
cho nước vào lại nghiền lại rồi lọc lấy 1 chén nước đặc
nấu cháo ăn.

Hạu phương

苦練子八分 穿山甲八分炙 小茴八分炒
黑丑一リ半炒

Khô luyện-tử 8 phân, Xuyên-sơn-giáp 8 phân, Tiểu-hồi 8
phân, Hắc-sửu 1 đồng rưỡi.

Sao với muối. Cùng sắc nước uống.

Phép thông đại-tiên: lấy 1 cái mật-lợn hòa ít giấm thanh
cho vào trong cốc-đạo.

Hoặc dùng bồ-kếp đốt cháy tán bột hòa dầu vừng dùng cái
vật mềm chấm dầu thông vào cốc-đạo.

Lại có một chứng đại-tiên bế, các thứ thuốc không hiện dùng thông khoan cũng chẳng hiệu, uống thuốc hạ thời bụng dục lên, phải dùng Thủy-ngân 1 lạng hoặc 5 đồng cho uống ẩm ngồi lên thời thông ngay được cũng giống như phép thông tiểu-tiên thực là diệu lắm.

泄 瀉

122. — Tiệt - tả

(là bệnh đi tả)

Nội-kinh gọi là san-tiệt, nhu-tiệt.

Các sách có chia làm 8 chứng: gọi là thấp, đàm, hàn hỏa, khí uất, thực-tích, tý-tiệt, thận-tiệt. Nhưng mà ngoài nhân mửa nằng, trong nhân ăn uống vật sống lạnh, hóa ra đi tả thì nhiều hơn, bởi vì tý hư, không vận hóa được, ruột-non không lắng ra trong, dục mà nước dồn về đại-tràng. Chữa bệnh này xét xem hàn, nhiệt thể nào mà phải cho lợi tiểu-tiên làm chủ.

Một thứ nhân lạnh mà đau bụng đi tả, hẳn có ăn uống vật sống lạnh hoặc nhân mửa ướt, mạch thời trầm tế chạy không khô, uoi năng tiếng nhỏ, mỗi một tiếng lười, yên nóng, ghét lạnh thực là chứng hàn dùng bài Ngũ-linh-tán, bài Vị-linh-thang, như có đau bụng đều phải gia các vị này:

砂仁 炒 霍香 木香 白豆蔻 香附 炒
乾姜 炒 (各 一 兩)

Xa nhân, Hoắc-hương, Mộc-hương, Bạch-dậu-khẩu, Hương-phụ, Can-khương (đều 1 đồng).

Nhược bằng hàn trệ mà đau bụng lắm dùng bài Ưc-phà-tiên, bài Ôn-vị-đm.

Một thứ nhân nóng mà đi tả hoặc có đau bụng từng cơn, đau như xiên vào, hẳn trong có uất hỏa hoặc có khí nghịch, thực trệ, mạch thời cường vượng, tiếng nói khỏe mạnh, muốn lạnh ghét nóng, thực là chứng nhiệt tả dùng bài Đại-phán-thanh-đm, bài Tứ-linh-tán, như có khát nước dùng bài Ích-nguyên-tán, bài Nhân-trần-đm, hoặc như đi tả như giót nước, khí xung ngược lên dùng thang Bài-khí-đm.

Một thứ tý hư tiết tả bệnh ở trung-tiêu, tý khí hư nhược vận hóa không mạnh, như không kiêng khem hóa ra tiết tả hoặc lâu không khỏi dùng bài *Ôn-vị-đâm* (khử Đương-quy), hoặc dùng bài *Đương-trung-tiên*, bài *Ngũ-quản-tử*. Nhược bằng tý khí hư hàn lâm dùng bài *Truật-phụ-thang* bài *Tứ-vị-hồi-dương*.

Một thứ thận hư mà tiết tả, bệnh ở hạ - tiêu, bởi là âm hư; dưới rốn thường đau âm ỷ hoặc sớm ngày đi tả vài bận, hoặc ăn không tiêu, hay nôn mửa, thường có mấy tháng hoặc một năm không khỏi dùng bài *Vị-quan-tiên*, bài *Cửu-khí-dan*. Nhược bằng mệnh môn hỏa suy lâu mãi chẳng khỏi dùng bài *Bát-vị-hoàn*.

Một thứ đại tả, nhiều như gội nước, nguyên khí gần thoát, chân tay hơi lạnh kịp dùng bài *Tứ vị-hồi-dương-âm* hoặc bài *Cửu-thoát-phương*.

Một thứ bệnh rươi mà hay đi tả phải phân hàn nhiệt 2 thứ: nhiệt thời dùng bài *Đại-phân-thanh-đâm* bài *Tứ-chung-hoàng-liên-hoàn*; hàn thời dùng bài *Lục-quản-tử-thang*, bài *Lý-trung-thang* đều phải gia:

葛花 二升 枳椇 二升

Cát hoa 2 đồng Chi-cụ 2 đồng, để giải tửu độc.

列 方

Liệt các bài thuốc

Ngũ-linh-tán, *Đại-phân-thanh* *Tứ-linh-tán*, *Nhân-trần-đâm* đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Vị-linh-thang ở số 46 ẦM-THỰC

Ức-phủ-liên, *Vị quan-tiên*, *Cửu-khí-dan* đều ở số 7 THƯƠNG-THẤP

Ôn-vị-đâm ở số 5 TRƯNG-HÀN

Bài-khí-đâm ở số 13 KHÍ QUYẾT.

Ngũ-quản-tử, *Lý-trung-thang* đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Đương-trung-tiên, *Tứ-vị-hồi-dương*, *Bát-vị-hoàn* đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỪNG.

Ich-nguyên-tán là bài (*Lục-nhất-tán*) ở số 102 PHỤC THƯƠNG.

Cửu-thoát-phương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

Lục-quản-tử ở số 15 DÂM QUYẾT.

酒 蒸 黃 連 丸

Tửu chưng hoàng-liên hoàn

Hoàng-liên 8 lạng tán bột, Rượu ngon 2 bát tầm vào chỗ dễ cho chín, phơi khô tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

朮 附 湯

Truật - phụ thang

白朮五リ土炒 製附二リ 炙草一リ

Bạch truật 5 đồng, Chế-phụ 2 đồng, Chích thảo 1 đồng.

簡 易 方

Giản dị phương

Ngải-cứu sào với rượu nặn làm bánh dẹt vào rốn buộc lại.

Hoặc dùng: 2 củ tỏi đâm nhỏ dẹt hai gan bàn chân buộc lại.

Hoặc dùng: nửa nhân hột gấc, 4 hột đinh-hương, 1 tí xạ-hương cùng tán bột hòa nước bột làm viên dẹt vào rốn ngoài dùng thuốc cao dán dè lên; chữa cả bệnh lý.

Hoặc dùng:

白朮一升土炒 車前五リ炒

Bạch-truật 1 lạng, Xa-tiên 5 đồng.

Sắc nước uống khỏi ngay.

Hoặc dùng: hồ-tiêu tán bột luyện cơm làm bánh dán vào rốn.

Hoặc dùng: muối sao nóng áp vào rốn lấy thắt-lưng buộc lại.

痢 疾

123. — Lý-tật

Bệnh đi lý là trong bụng quặn đau, giàng-môn bắt rắn đi ra những máu mủ, trắng đỏ lẫn lộn; nội kinh gọi là tràng-tích bởi vì ngoài nhân thấp nhiệt, trong nhân thực tích hóa ra đi lý. Phép chữa phải pban hàn nhiệt mà dùng thuốc. Bãg không chữa khỏi ngay hóa ra ngũ-sắc lý; hư-

tức lý; khẩu-cấm lý, trong bụng sôi như sấm và hạ những máu cục thời khó chữa khỏi.

Những bệnh lý phải kiêng, cấm không được ăn các thứ cá; các thứ thịt chim, muông và các thứ thanh bông hoa quả

Bằng như xấp trệ rặn lắm cấm dùng Thục địa, Hoài-sơn, Bạch-truật, Liên-nhục, Khiếm-thực.

Nhược bằng hoạt thoát đi tuần tuột cấm dùng Sinh-địa, Dương-quy, Bình-lang, Chỉ xác, Ngưu-tất, Đại-hoàng, Ba-dận.

Một thứ cấp - lý là thực nhiệt thời đi luôn luôn không có chướng, ngày 3, 4 mươi bận đi ra đỏ nhiều; mạch thời hoạt xác người thời nóng dùng bài *Tiêu-trệ-bí-phương*, bài *Thược-dược-thang*, bài *Hương-liên-hoàn*.

Một thứ hoãn - lý là hư hàn, mỗi ngày chỉ đi 2, 3 bận đi ra nhiều trắng mạch thời hoãn nhược, thân thể thì mát dùng bài *Bổ-trung-tch khí-thang*, bài *Ngũ quân tề-tiền*, bài *Lục-quân-tề-thang*. Như có thực tích ăn sống lạnh dùng bài *Ức-phủ-tiền*, bài *Dại-hòa-rung ẩm*. Nhược bằng lạnh lắm bụng đau âm ỷ dùng bài *Vị-quan-tiền*, bài *Ôn-rị ẩm*, bài *Lục-vị hồi-dương-ẩm*.

列 方

Liệt các bài thuốc

消 滯 秘 方

Tiêu - trệ - bí phương

黄芩一リ炒	厚樗一リ炒	黄連一リ	槟榔一リ
白芍二リ炒	枳壳二リ炒	當歸二リ	地榆一リ
青皮六分炒	南木香二リ	紅花八分	木香六分
生草一リ	桃仁一リ	山查三リ炒黑	

Hoàng-cầm 1 đồng, Hậu-phác 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Bình-lang 1 đồng, Bạch-thực 2 đồng, Chỉ xác 2 đồng, Dương-quy 2 đồng, Địa-du 1 đồng, Thanh-bì 6 phân, Nam-mộc-hương 2 đồng, Hồng-hoa 8 phân, Mộc-hương 6 phân, Sinh-thảo 1 đồng, Đào-nhân 1 đồng, Sơn-tra 3 đồng.

Đàn-bà có mang, bỏ Đào-nhân, Hồng-hoa đi, không uống được.

芍藥湯

Thược - dược thang

當歸 二リ	黃芩 一リ	白芍 五リ炒
檳榔 二リ	生草 一リ	川黃連 一リ半
肉桂 五分	木香 五分	大黃 五分

Đương-quy 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Bạch-thược 5 đồng, Bình-lang 2 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Xuyên-hoàng-liên 1 đồng rưỡi, Nhục-quế 5 phân, Mộc-hương 5 phân, Đại-hoàng 5 phân.

香連丸

Hương - liên hoàn

木香 二リ半 川黃連 一リ

Mộc-hương 2 đồng rưỡi, Xuyên-hoàng-liên 1 lượng thái bằng hạt đậu sao lẫn với Ngô-thù 5 đồng, rồi bỏ ngô-thù đi.

Cùng tán bột luyện hồ viên uống một đồng thang bằng nước chè với.

Bồ-trung Ich-khí-thang ở số 10 CHƯ-NỮ-CHUNG-BIỆN.

Ngũ quân-tử-liên, Đại hòa-trung-đm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Ức phù-liên, Vị-quan-liên đều ở số 7 THƯƠNG-THỬ

Ôn-vị-đm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Lục-vị-hồi-dương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

驗方

Nghiệm phương

Một thứ trị cấp-ly dùng :

蘿蔔子 二リ炒 白芍 五リ炒 當歸 五リ 檳榔 一リ
枳壳 一リ炒 車前一リ炒 生草 一リ

La-bặc-lử 2 đồng, Bạch-thược 5 đồng, Đương-quy 5 đồng, Bình-lang 1 đồng, Chỉ-xác 1 đồng, Xa-tiên 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

Một thứ trị hoạt - lý dùng bài *Tứ-quần-tứ thang* ở số 10
CHƯ-NH-CHƯNG gia:

赤石脂 二リ 醋 煨 瑪餘糧 二リ 醋 煨

Nich-thạch-chi 2 đồng, Vũ-dư-lương 2 đồng

Một thứ trị lý tật kiện thủy tả đản bà có mang không
uống được

杏仁 廿四粒 蒼朮 二 男 饗 姜 活 一 升

大黃 三リ 炒 帥 烏 三リ 炒

Hạnh-nhân 24 hạt, Xương-truật 2 lạng, Khương-hoạt 1 lạng,
Đại-hoàng 3 đồng, Thảo-ô 3 đồng.

Cùng tán bột bỏ lọ nút chặt.

3, 4 tuổi uống 1 phân

8, 9 tuổi uống 1 phân rượu,

15, 16 tuổi uống 2 phân.

20, 30 tuổi uống 3 phân.

40, 50 tuổi uống 2 phân rượu,

60, 70 tuổi uống 1 phân rượu.

Thang bằng nước gừng

Hựu phương

巴豆 一粒 綠豆 三粒 胡椒 三粒

Ba-dậu 1 nhân, Đậu-xanh 3 hạt, Hồ-tiên 3 hạt

Bọc vải đập nhỏ dùng Hồng-tảo 2 quả (紅棗 二枚)
đam làm viên dẹt vào rốn

Hựu phương

胎糞 三分 雄黃 一分 梅花片 二厘

Cắt chỗ con mới đẻ (sấy khô) 3 phân, Hùng-hoàng 1 phân,
Mai-hoa-phiến 2 li.

Cùng nghiền cho thật nhỏ hòa nước lấy cái bút mới chấm
thuốc diêm vào 2 đầu con mắt dầu nguy cũng khỏi.

Hựu phương

生附子 一 兩

Thái từng miếng dầm vào trên vỏ-cần-Lôa, dội nóng, lấy
đám vào rốn lạnh lại đổi miếng khác 9 lần thì khỏi.

Phép lấy vỏ-cần-hỏa dùng một cục vôi lớn để lên trên
nước lạnh thời có khí nóng bốc lên.

Hựu phương

雄黃三分 硃砂三分 巴豆十粒 葶藶子十粒
Hùng-hoàng 3 phần, Chu sa 3 phần tán bột, Ba-dậu 10 hạt, Ty-ma-tử 10 hạt

Đâm làm viên nặn làm bánh bằng đồng su, dân vào huyết ắn-dưỡng, huyết ấy ở trên xống mũi khoảng giữa, lòng mày hai bên. Dùng một tí xạ-hương hòa nước sôi vào trước rồi mới dịt, ngoài dùng thuốc cao dân chùm lên, không cứ cao gì, dân hồ cũng được. Chừng 1 giờ đồng-hồ thì trong bụng sôi, biết dới muốn ắn.

Hựu phương

細辛一リ 皂角一リ 炒焦 葱白一頭
酒麴半升 田螺一子

Tế-tân 1 đồng, Bồ-kếp 1 đồng, Hành-khô 1 củ, Men-rượu nửa bánh, Ốc-nhồi 1 con.

Cùng đâm nhỏ dịt vào rốn.

Hựu phương

Ngô-thù 3 đồng (吳茱三リ酒炒)

Tán bột hòa giấm-thanh dịt 2 gan bầu chân lấy vải buộc lại.

至聖丹

Chí-thánh đan

Nha-dâm-tử (鴉胆子)

Bỏ vỏ lấy nhân, nhân nào đập vỡ không dùng, khô cũng không lấy. Dùng long-nhân bọc lấy, người nhón mỗi bọc 7 nhân, ly nặng nuốt 7 bọc, ly nhẹ nuốt 5 bọc; trẻ con mỗi bọc 5 nhân, ly nặng uống 5 bọc, ly nhẹ uống 3 bọc. Khi uống thì nuốt chừng chờ có nhai, uống rồi ắn cơm, hoặc ắn cháo dè lên, chỉ uống một lần thì khỏi

Một thứ trị ngũ sắc ly dùng ;

乳香一リ 炒研 金銀花三リ 川黃連二リ
木香五分 炒研 白芍五リ 炒 當歸五リ

Nhũ-hương 1 đồng, Kim-ngân-hoa 3 đồng Xuyên-hoàng-liên 2 đồng, Mộc-hương 5 phần, Bạch-thược 5 đồng, Đường-quy 5 đồng
Sắc nước uống

Một thứ trị khẩu cảm lý (không ăn được cơm) dùng:

洋參 三リ 菱 炒 川黄連 二リ

Dương-sâm 3 đồng, Xuyên-hoàng-liên 2 đồng.

Xuyên-hoàng-liên sao lẫu với ngô-thù rồi bỏ ngô-thù đi; nhu-mễ 2 dùm, cùng sắc nước uống thêm mười giọt nước gừng

Một thứ trị hưu tức lý (lâu năm không khỏi) dùng một con lợn mổ bỏ ruột, xắt khúc để lên trên hòn ngói đốt ra than lấy 2 đồng cân tán bột hòa với đường-cát uống thang bằng rượu.

Một thứ trị thủy lý (đi ra nước nâu) Thủy-ly thì sắc đỏ. Thủy-tả thì sắc vàng dùng lá kim-ngân sắc nước uống.

腸 風

124. — Tràng - phong

Chứng tràng-phong là đi ra máu tươi, bởi tà khí cảm vào mạch máu trong bụng không đau mà mạch thời phù phải dùng thuốc khứ phong chỉ huyết. Nhược bằng nhân nhiệt thì phải thanh hỏa. Chứng tạng-dộc thì đi ra huyết đen bởi vì tửu sắc hoặc nhân khó nhọc hoặc đi xa xôi, bệnh đã lâu ngày, khi nóng tích lại thành ra xáo huyết cho nên máu tím đen trong bụng có đau mà mạch thời trầm, phải dùng thuốc thanh nhiệt lương huyết

Một thứ tràng-phong thời máu đỏ tươi dùng bài Ước-doanh-tiên gia: Hoàng-liên, Chi-tử (đều 1 đồng)

Nhược bằng lửa nóng lắm dùng bài Trừu-tán-âm.

Một thứ tạng-dộc thời huyết tím đen dùng bài Cử-nguyên-tiên gia Địa-du 2 đồng.

Nhược bằng khí hư dùng bài Bỗ-trung-tch-khi thang gia Tục-doạn, Địa-du (đều 2 đồng).

Hoặc hư hàn gia Ngũ-vị 10 hạt, Tiêu-khương 1 đồng.

Nhược bằng lâu ngày âm hư dùng Bô-âm-tch-khi thang Nhược bằng hạ tiêu cau thận hư tổn dùng bài Vị quan-tiên

列 方

Liệt các bài thuốc

Ước-doanh-tiên, Cù-nguyên-tiên đều ở số 11 *TIỆN-HUYẾT*.
Trừu-tân-âm ở số 3 *THƯƠNG-HÀN*.
Bồ-trung-ich-khi ở số 10 *CHƯ-NHƯ-CHUNG*.
Bồ-âm-ich-khi ở số 1 *NỘI-THƯƠNG*.
Vị-quan-tiên ở số 7 *THƯƠNG-THỦ*.

驗 方

Nghiệm phương

Trị chứng tràng-phong dùng bài.

黃連散

Hoàng-liên tán

川黃連 烏梅 雞冠花 貫眾 大黃 煨
(各六リ) 炙草三リ

Xuyên-hoàng-liên, Ô-mai, kê-quan-hoa, Quán-chúng, Đại-hoàng (đều 6 đồng, Chích-thảo 3 đồng.

Cùng tán bột, uống 2 đồng thang bằng nước gạo rang.

Hựu phương

檮皮一升 党参一升 姜炒

Hu-bì 1 lượng, Đảng-sâm 1 lượng.

Tán bột uống 2 đồng thang nước gạo-rang.

Trị chứng tạng-dộc dùng: Xa-tiên cả lá, cạo, rửa một nắm, gừng sống 7 nhát cùng dấm nhỏ thêm nước vào lọc bỏ bã lấy nước hâm nóng uống.

Hựu phương

Hoàng-liên 2 lượng thái nhỏ tẩm rượu 3 ngày rồi phơi khô, tán bột. Ô-mai 3 lượng, dấm, luyệu làm viên bằng bột gạo uống 20 viên.

交 腸

125. — Giao - tràng

Chứng giao-tràng là đại, tiểu-tiên đổi chỗ mà phóng ra: tiểu ra đàng đại; đại ra đàng tiểu, bởi vì có sự dạn dũ quá, hoặc khi nó say quá, cho nên trong ruột lẫn lộn chẳng theo lối thường.

Phép chữa phải dùng *Thở pháp* cho thông khí hoặc dùng bài *Bồ-trung* để đem khí lên, hoặc dùng bài *Ngũ-linh-tán* cho thông lối bàng-quang hoặc dùng bài *Nguyên-nhung-từ-vật* cho thông đường cốc-dạo.

Thở-pháp ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Bồ-trung-ích-khi ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG THẮP.

Nguyên-nhung-từ-vật ở số 121 BÍ-KẾT.

脱 肛

126. — Thoát - giang

Chứng thoát-giang là lòi tử, hoặc nhân tả lý, thương tý, khí hư, hạ hãm mà thoát ra, hoặc nhân tửu sắc tồn tinh, thận hư bất cố, thoát ra, hoặc nhân trung khí hư hàn mà thoát ra, hoặc nhân hạ-tiểu thấp nhiệt mà thoát ra, hoặc nhân đại-tiên táo kết dẫn mõi mà thoát ra. Phép chữa phải xét tại cái gì mà dùng thuốc phải kiêm lấy thăng dể làm chủ.

Một thứ tý dương hư, hạ hãm mà thoát ra dùng *Bồ-trung-ích-khi-thang* bội *Thăng-ma*, hoặc dùng *Cử-nguyên-tiên*.

Nhược băng tý âm hư dùng *Bồ-âm-ích-khi-thang*.

Một thứ trung khí hư hàn mà thoát ra dùng bài *Ngũ-quân-tử*, bài *Ôa-vị-âm* gia *Thăng-ma* 2 đồng, *Ngũ-vị* 15 hột.

Một thứ hạ-tiểu can, thận hư hàn mà thoát ra dùng bài *Đại-bồ-nguyên-tiên* bài *Lý âm-tiên*.

Một thứ thấp nhiệt xa xuống mà đau dùng bài *Trừu-lân-âm*, bài *Đại-phân-thanh-âm*

Bồ-trung-fch-khí ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Cử-nguyên-tiên ở số 41 TIÊN-HUYẾT.

Bồ-âm-fch-khí thang, Ngũ - quân-tử, Đại bồ-nguyên
đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Ôn vị-âm ở số 5 THÚNG-HÀN.

Lý-âm-tiên, Trừu-tân-âm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đại-phân-thanh ở số 8 THƯƠNG THẤP.

簡易方

Giản dị phương

五倍三炒

枯礬二炒

1o) Ngũ-bội 3 đồng, Phèn-phi 2 đồng sắc nước nóng rửa thời thu ngay.

2o) Lá giầu, lá đào sắc nước cho ít phèn phi vào; ngâm rửa thời kéo ngay lên

3o) Hột dầu-dầu tía 15 bệt dầm nhỏ dặt trên đỉnh dầu thì kéo lên.

4o) Con ốc sên sấy khô tán bột hòa mỡ-lợn bôi vào.

5o) Con ốc-nhồi bỏ 1 phân băng-phiến vào miệng nó để chảy nước ra lấy nước mà bôi.

6o) Con rận nhơn bỏ dầu chân di, sấy khô tán bột hòa dầu-vừng bôi vào.

7o) Thuyền-thuế tán bột hòa dầu - vừng bôi rất hay lắm.

8o) Mộc-tặc sao cháy tán bột rắc vào ấn lên thời khỏi.

9o) Vôi bột sao nóng lấy vải bọc ngồi gác lên trên, nguoti thời sao lại.

10o) Dầu cá-riếc sấy khô tán bột hòa dầu-vừng bôi, lấy giấy nưng lên diệu lắm.

11o) Hai cân sắt, sắc nước nóng mỗi ngày rửa vài, ba bận, kinh ni ên cũng khỏi.

12o) Nhược bằng giải hai ba tấc dùng Xích-thạch-chi nung đỏ tui giấm-thanh ba bận, tán bột rắc vào, lấy giấy dầu nưng lên.

13o) Hành sống nửa cân sắc nước để trong thùng ngồi lên trên mà xông.

14o) Ngũ-bội tán bột rắc vào giấy cuốn lại, chắm lửa đốt bỏ vào thùng ngồi trên mà hơ.

15o) Cây vôi-vôi phơi khô tẩm giấm thanh để trên lò than đốt khói quạt vào.

Âm hư thoát giang

熟地 一兩 烏梅 三升

Thực-dịa 1 lạng (nướng khô nỏ), Ô-mai 3 đồng (sao khô nỏ),

Cùng nghiền cho nhỏ lại dùng Phòng-phong, Thăng-ma đều 3 đồng, sắc nước đặc hòa thuốc bột bôi vào lập tức thu lên.

虫 病

127. — Trùng-bệnh

Trùng bệnh là trong người có sâu, như ngủi phải khi độc hoặc bệnh lao truyền thời trùng vào trong phổi hóa ra ho lao ; bằng như ngủi hoa, hoặc vật dã mục nát như là Lộc-nhung thời trùng vào trong óc hóa ra chỉ mũi, lại khi ăn uống sinh trùng, như ăn tiết-canh, ăn gỏi sống, ăn thịt tái ; trùng sinh ở trong dạ dày hóa run hóa sán, như mà những người lì vị khỏe mạnh ăn thì tiêu ngay. Những người lì vị yếu ăn uống chậm tiêu thời dễ sinh trùng cho nên yếu trẻ con phải giữ gìn việc ăn uống mới khỏi cam.

Một thứ lao-trùng và chỉ-mũi tìm ở mục Lao-sái và Ty-bệnh mà chữa.

Một thứ chứng trùng tích hay đau bụng ăn uống kém ít, gầy gò hoặc hay nôn mửa, hoặc đau mà đứng ngồi không yên, mặt xanh trắng nhợt, nhưng mà môi đỏ mới thực là bệnh trùng tích

Phàm những bệnh trùng phải ôn dưỡng tỷ vị khiến cho tạng khí cường thịnh, trùng không ở được cũng không sinh ra được dùng bài Ôn-tạng-hoàn.

Một thứ trùng-tích, khi đưa ngược lên, tâm phúc đau lắm dùng bài Tảo-trùng-tiên. Nhược bằng trùng tích kiên cố lắm dùng bài Lạp-trùng hoàn, bài Ngộ-tiên-đan, bài Mộc-hương-bình-lang hoàn, bài Bách thuận hoàn. Nhược bằng trùng tích thể hoãn mà người yếu dùng bài Vu-gi tán, bài Hóa-trùng-tán.

Những khi uống thuốc trị trùng phải nhịn bữa cơm chiều cho trùng đói sáng hôm sau, hoặc lấy vị thơm, hoặc nướng chả ăn một chút để kéo trùng lên rồi sau bác chứng gà hòa với thuốc uống một cốc lại nong thêm thang nước hành hoặc uống nước lá đề tổng thuốc xuống, độ hơn 1 giờ đồng-hồ thời ăn cháo đậu-xanh để giải đi rồi sau mới ăn cơm.

Xét xem trong một tháng có ba tuần : thượng tuần đầu trùng hướng lên, trung tuần đầu trùng quay ngang, hạ tuần đầu trùng cúi xuống thử nghiệm như trâu, bò dễ thượng tuần con đi trước mẹ; trung tuần con đi ngang mẹ; hạ tuần con đi sau mẹ; như thế thời dùng thuốc trị trùng phải uống chừng mồng ba mồng bốn tháng âm-lịch :

Một thứ virus-trùng là hổi-trùng như con giun, các thứ trùng thời virus nhiều hơn dùng thuốc sát trùng rồi mà nó lại sinh ra không phải phép hay chỉ có ôn dưỡng tỷ vị như bài *Ôn-vị-dâm*, bài *Ngũ-quần-tứ*, bài *Lý-trung-thang*, *Lý-âm-tiến* gia những vị sát trùng như :

使君 兵榔 川椒 烏梅

Sử-quân, Binh-lang. Xuyên-tiểu, Ô-mai

thời tỷ vị khỏe, trùng không sinh ra được nữa hoặc dùng bài *Ôn-tạng-hoàn* càng diệu lắm. Chứng này phải tham khán với mục *Hồi-quyết* số 20.

Ông Ngoại-dài dùng *Khô-luyện-thang* trị virus-trùng thần phương thứ nhất.

Một thứ bạch thốn trùng dài 1 tấc là con xán; mẹ dễ, con dễ ra lâu thời dài 1, 2 trượng dùng *Phỉ-lũ-tiên* hoặc dùng :

錫灰 蕪荑 兵榔

Tích-hối, Vu-gi, Binh-lang.

Tán bột sắc thang rễ lựu; uống 2 đồng hoặc dùng Hồng-dãng-cẩn ngâm nước 3 ngày rồi uống.

Một thứ cam trùng trẻ-con hay ăn cá thịt hóa ra cam-tích thời mình nóng bụng to, mặt vàng, my mắt đỏ, lỗ mũi đỏ, lợi chảy máu, hơi mồm hôi, môi đỏ dùng bài *Cửu-vi-lô-hội-hoàn*, bài *Truy-trùng-hoàn*, bài *Tứ-vị-phỉ-nhi-hoàn*, bài *Thất-vị-phỉ-nhi-hoàn*.

Một thứ ứng-thanh trùng người bệnh nói gì thì trong bụng con trùng cũng nói theo như thế. Có vị đạo sĩ bảo lấy pho Bản-thảo đọc tên các vị thuốc, vị nào mà trùng không nói theo thời dùng mà uống, người bệnh đọc đến vị *Lối-hoàn* trùng nói mất bèn lấy vị ấy uống rồi khỏi.

九 類 虫

Cửu - loại trùng

10) Phục trùng dài 4 phân dùng dầu các thứ trứng.

20) Virus-trùng dài 1 thước hình như con giun.

80) Bạch-trùng là con xán dài 1 tấc ; con cháu đẻ ra, mẹ dài 4, 5 trượng

40) Can-trùng hình như quả mận nát khiến người ta phiền đầy.

50) Phế-trùng dáng như con tằm thời người hay ho

60) Vị-trùng dáng như con nhái khiến người hay nôn oẹ.

70) Nhược-trùng bình như hạt dưa khiến người hay nhổ vật.

80) Xích-trùng hình như miếng thịt khiến người hay sôi bụng.

90) Nghiêu trùng nhỏ bé li ti ở trong ruột-già.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tảo trùng-tiên. Lạp trùng-hoàn, Bách-thuận-hoàn, Hoá trùng-tán đều ở số 102 PHÚC THỐNG.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN

Ngũ quân-tử, Lý-trung-thang đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

溫 臟 丸

Ôn - tạng hoàn

党参 三 两 姜 炒

當歸 二 两

白 芍 一 两 炒

白 朮 二 两 土 炒

茯 苓 一 两

細 樞 肉 一 两

使 君 子 一 两

枳 櫛 一 两

吳 茱 五 分 炒

川 椒 一 两

乾 姜 五 分

Dảng-sân 3 lạng, Đường quy 2 lạng, Bạch-thược 1 lạng, Bạch-truật 2 lạng, Phục-linh 1 lạng, Tế phi nhục 1 lạng, Sủ quẩu-tử 1 lạng, Bình-lang 1 lạng, Ngô thù 5 đồng, Xuyên-tiên 1 lạng Can-khương 5 đồng

Tấu bột, quấy hồ thần-khúc, luyện làm viên, uống 2 đồng

遇 僊 丹

Ngộ - tiên đan

三 棱 五 分 醋 炒

木 香 三 分

川 大 黃 一 分

義 朮 五 分 醋 炒

黑 丑 二 分

枳 櫛 二 分

Tam-lăng 5 đồng, Mộc-hương 3 đồng, Xuyên-dại-hoàng 1 đồng, Nga-truật 5 đồng, Hắc-sửu 2 đồng, Bình-lang 2 đồng.
Tán bột, sắc nước bồ-kếp quấy hồ luyện làm viên uống 1 đồng.

木香檳榔丸

Mộc-hương bình-lang hoàn

檳榔 一升 木香 五リ 鶴虱 五リ 貫衆 五リ
錫灰 五リ 使君 五リ 輕粉 一リ 雷丸 二リ
巴豆 二リ 乾漆 五リ 燒

Bình-lang 1 lượng, Mộc-hương 5 đồng, Hạc-sắt 5 đồng, Quán-chúng 5 đồng, Tích-hồi 5 đồng, Sủ-quân 5 đồng, Khinh-phẩu 1 đồng, Lôi-hoàn 2 đồng, Ba-dậu 2 đồng, Can-tất 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên bằng bột vừng mỗi bận uống 20 viên thang bằng rễ lựu Trước ăn chả nướng để dẫn trùng lên rồi sau uống thuốc.

蕪荑散

Vu-di tán

檳榔 二リ 蕪荑 二リ 木香 一リ

Bình-lang 2 đồng, Vu-di 2 đồng, Mộc hương 1 đồng.

Tán bột uống cả một bận thang bằng rễ lựu, trước uống nước thịt để kéo dầu trùng lên rồi sau uống thuốc.

苦練湯

Khô-luyện thang

Lấy rễ cây soan cạo vỏ bỏ đi; dùng vỏ trắng 2 lượng, sắc nước, trước ăn thịt nướng chả để kéo dầu trùng lên rồi mới uống thuốc.

榧子煎

Phỉ-tử tiên

Tế-phỉ-tử 49 hột (細榧子四十九粒)

dùng nửa chén nước đường, nấu cạn mà ăn, mỗi ngày ăn 7 hột, chín ngày sán bóa ra nước

Hựu phương

Dùng Tế-phỉ tử 100 hột ăn hết cả thời tốt bằng không ăn hết chỉ ăn 50 hột cách một đêm thời sán tiêu hết.

九味蘆薈丸

Cửu-vị lô-hội hoàn

川黃連 蘆薈 撫夷 木香 白朮丸
胡黃連 龍胆 鱗虱 (各五リ)

Xuyên-hoàng-liên, Lô-hội, Vu-di, Mộc-hương, Bạch-lôi-hoàn (đập ra thấy trong đỏ thì không dùng), Hồ-hoàng-liên, Long-dâm, Hạc-sắt, (đều 5 đồng).

Tán bột luyện hồ bauh-chung làm viên bằng hột vừng, mỗi bận uống 1 đồng. Ông Lập-Trai lấy long-dâm thay thanh-bì hỏ xạ-hương mới hay).

追重丸

Truy-trùng hoàn

黒丑八リ 兵榔八リ 膏丸一リ 木香一リ
Hắc-sửu 8 đồng, Bình-lang 8 đồng, Lôi-hoàn 1 đồng, Mộc-hương 1 đồng, cùng tán bột, lại dùng:

苦練根一リ 茵陳二リ 皂角一リ 炒焦
Khô-luyện-căn (Vỏ rễ-soan) 1 lượng, Nhân-trần 2 lượng, Tạo-dác (Bồ-kếp) 1 lượng, sắc nước đặc.

Luyện làm viên; người nhớn uống 2 đồng; trẻ con uống 1 đồng thang bằng nước đường

四味肥兒丸

Tứ-vị phì-nhi hoàn

麥芽炒黒 撫夷 黃連 神曲炒 (各一リ)
Mạch-nha, Vu di, Hoàng-liên Thần-khúc đều 1 lượng)

Cùng tán bột lấy nước mật-lợn, luyện làm viên bằng hột gạo uống 20 viên, sắc mộc-hương làm thang.

七味肥兒丸

Thất-vị phì-nhi hoàn

肉豆蔻一リ煨 川黃連七リ 木香七リ 檳榔十粒
麥芽二リ炒焦 神曲七リ炒 使君 一リ
Nhục-dậu-khẩu 1 lượng Xuyên-hoàng-liên 7 đồng Mộc-hương 7 đồng, Bình-lang 10 hạt, Mạch-nha 2 lượng Thần-khúc 7 đồng, Sỉ-quần 2 lượng.

Cùng tán bột luyện hồ viên bằng hột vừng uống 30, 40 viên thang bằng nước gạo rang

詐 病

128. — Trá - bệnh

Trá bệnh, giả cách ốm để cho người ta sợ bởi vì hoặc nhân sự danh lợi, hoặc nhân việc kiện cáo đánh nhau và truyên vợ cả, vợ lẽ ghen tuông mà giả làm bệnh tật. Nhược bằng thầy thuốc không xét kỹ thời mắc người ta nói dối; chỉ có cái mưu dối lại dối giả lại người bệnh thời tình thực lộ ngay ra mà bệnh giả cách tự nhiên khỏi.

Ông Trọng-Cảnh có nói: người bệnh nằm ngoảnh mặt vào vách nghe thầy thuốc đến không rõ dậy mà lại liếc mắt nhìn. Nói một câu thì nghỉ ba bận, khi xem mạch thời nuốt nước giải, lại hay nhờ ra, hoặc có ngáp, đều là không bệnh.

Một phép trông hai mắt dầu ti-bí nhưng có tinh thần; hai là phép nghe tiếng thở, dầu có rền-rĩ rồi sau nghe có ý rộng rãi khoan hòa; ba là phép xem mạch, sờn bộ điều hòa thật là không bệnh.

Thầy thuốc phải bảo rằng: bệnh này cảm nặng lắm, ta khi đã vào sâu phải dùng: trong uống thuốc hạ ngoài phải châm cứu 20, 30 huyết thời mới khỏi, nay tôi mới chế một thứ thuốc viên (cho thuốc gì cũng được) hãy thử uống xem bằng như không khỏi rồi uống thuốc hạ và dùng phép châm cứu.

反 畏

129. — Phản - úy

Những vị này kỵ nhau :

Nhân-sâm, Huyền-sâm, Sa-sâm, Khổ-sâm, Đan-sâm, Tử-sâm, Tế-tân, Thổ-ực-độc Tám vị này kiêng không được dùng với vị Lê-lư.

Bạch-cập, Bán-hạ, Bạch-liễm Qua-lâu, Thổ bối-mẫu Xuyên-bối-mẫu Năm vị này không được dùng chung với hai vị : Ô-dầu và Ô-chủ.

Đại-kích Nguyên-hoa, Hải-tảo, Cam-toại. Bốn vị này không được uống chung với vị Cam-thảo.

Mật-ong, Sáp-vàng, Sáp-trắng. Ba vị này kiêng không được dùng lẫn với củ Hành.

Lưu-hoàng kỵ Phác-tiêu.

Thủy-niên kỵ Phê sương.

Lang-độc kỵ Mật-xà-tăng.

Ba-dậu kỵ Khiên-ngư.

Đinh-hương kỵ Uất-kim (củ-nghe).

Nha tiêu kỵ Tam-lăng.

Xuyên-ô, Thảo ô kỵ Tê dác.

Nhân-sâm kỵ Ngũ linh-chi.

Quan-quế kỵ Thạch-chi

Ca cấm kỵ

Có thai cấm những vị nào :

Ngưu-tất, Quế Phụ, Nhân-dào. Can-khương.

Mang-tiêu, Ba-dậu, Xạ-hương,
Mạch-nha, Thông-thảo cùng phường Hòe-hoa.

Tam-lăng, Đại-giã, Bàng-sa,
Bìm-bìm, Bồ-kếp vốn là trụy thai.

Mẫu-dơn, Bán-bạ chó nai,
Sân tàu, Ý-dĩ một loài như nhau.

藥 性

130. — Dược - tính

炮 製 法

Phép bào chế

Những các vị thuốc trước phải rửa sạch; như vị Đỗ-trọng có vỏ dày phải cạo đi. Như vị Tri-mẫu, Hương-phụ có lông phải nhổ đi hoặc đốt đi, như vị gì rắn phải ngâm cho mềm, có lõi phải bỏ đi. Các vị đều thái nhỏ phơi khô để dùng. Như vị gì lông tóc; thời phải đốt ra than hoặc sao cháy, vị gì da có vẩy thời phải nướng, vị xương sừng phải mài; các thứ đá phải nung; nhân thì phải dã; hột thì phải nghiền.

Một thứ tẩm rượu sao để cho hành huyết, cho dẫn lên và cho dầm tinh lạnh đi như:

黃芩 黃連 大黃 白芍 赤芍 牡丹
吳茱 生地 車前 五味 川芎 續斷

Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Đại-hoàng, Bạch-thược, Xích-thược, Mẫu-dơn, Ngô-thú, Sinh-dịa, Xa-tiên, Ngũ-vị, Xuyên-khung, Tục-doạn.

Một thứ tẩm gừng sao để cho tiêu dờm như:

參 葛 麗 党參 砂參 參花 棋 洋參
布政參 南參 厚樸 貝母 神曲

Sâm-cao ly, Đảng-sâm, Sa-sâm, Sâm-hoa-kỳ, Dương-sâm, Bồ chính sâm, Nam-sâm, Hậu phác, Bối-mẫu, Thần-khúc.

Một thứ tẩm muối sao để cho nhập thận như:

杜仲 澤左 巴戟

Đỗ-trọng, Trạch-tả Ba-kịch.

Một thứ tẩm đồng-tiên sao để cho đáng hỏa như:

梔子 乾姜 白芍

Chi-lử, Can-khương, Bạch-thược.

Một thứ tẩm giấm thanh sao để cho thu liễm lại như:

常山 地榆 三棱 義朮 荊芥 鱉甲 雷丸 白芍

Thường-sơn, Địa-du, Tam-lăng, Nga-truật, Kinh-giới. Biết-dáp Lôi-hoàn Bạch-thược.

Một thứ tẩm mật-ong nướng hoặc sao như:

黃芪 甘艸 桑皮 骨碎 黃柏

Hoàng-kỳ, Cam thảo, Tang-bì, Cốt-toái, Hoàng-bá.

Một thứ sao với gạo nếp để cho nhập tỷ như :

淮山

麥門

Hoài-sơn

Mạch-môn.

Như các thứ sâm trước tẩm gừng sau sao với gạo.

Một thứ sao với bột, hoặc bột lộc-dắc-xương, để cho khô dính như :

阿膠

鹿膠

A-dao,

Lộc-dao.

Một thứ sao đen như :

荔枝 棗仁 山查 麥牙 炭姜 梔子 皂莢 乾漆
Lê-hạch (Hột-vải) Táo-nhân, Sơn-tra, Mạch-nha, Thán-khương,
Chi-tử, Táo-dác (Bồ-kếp), Can-tất (Sơn-khô).

Một thứ sao vàng như :

薏苡 扁豆 陳皮 青皮 乾姜 淮山 麥門
Y-dĩ, Biền-dậu, Trần-bì, Thanh-bì Can-khương, Hoài-sơn,
Mạch-môn.

Một thứ sao khô như :

天門 百合 砂仁 破故 枳壳 枳實 五味 車前
Thiên-môn, Bạch-hợp Sa-nhân, Phá-cổ, Chi-xác, Chi-thực,
Ngũ-vị, Sa-tiền

Một thứ nung đỏ như :

代赭石 (火煨醋淬七次) 瑤餘糧 (火煨醋淬七次)
赤石脂 (火煨醋淬三次) 石信 (爲末和蜆糞煨)
石羔 牡蠣 石決明 龍骨 青礞石 石甘藍 (火煨
童便九次)

Đại-dả-thạch, nung đỏ tui giấm-thanh 7 lần.

Vũ-dư-lương nung đỏ tui giấm-thanh 7 lần.

Xích-thạch-chi, nung đỏ tui giấm-thanh 3 bận.

Thạch-tín tán bột luyện với đất cắt-dun nung cho hết khói đen.

Thạch-cao, Mẫu lệ, Thạch quyết-minh, Long-cốt, Thanh-móng-thạch, Thạch-cam-lồ, nung đỏ tui đồng-tiện 9 lần.

Một thứ mài với nước như :

沉香 肉桂 木香 犀角 虎骨 象牙 羚羊角
Trâm-hương. Nhục-quế, Mộc hương, Tê-dác, Hồ-cốt, Tượng-nha (ngà-voi), Linh-duương-dác.

Một thứ nấu với rượu như :

山茱

肉蓯蓉

Sơn-thù,

Nhục-thong-dong.

Một thứ học giấy đập bỏ dầu như :

栝子仁¹⁰ 巴豆 肉豆蔻

Bách-tử-nhân, Ba-dậu Nhục đậu-khẩu.

Một thứ học giấy ướt lùi bếp do như :

川大黃 肉豆蔻

Xuyên-dại hoàng, Nhục-dậu-khẩu.

製蒼朮

Chế xương - truật

Thái dày ngâm nước gạo năm ngày mỗi ngày một lần thay nước, phơi khô sao vàng.

製白朮

Chế bạch - truật

Ngâm nước gạo 2 ngày, thái mỏng tằm hoàng-thỏ phơi khô sao vàng.

製乳香 并没藥

Chế nhũ-hương và một-dược

Thái nhỏ sao với bắc thời mới khô, tán bột.

製建志

Chế viễn - chí

Dùng đậu-den cam-thảo sắc lấy nước bỏ viễn-tri vào đun cho cạn ; bỏ lõi phơi khô, tằm gừng sao vàng.

製附子

Chế phụ - tử

Thái dày, lấy nước nóng rửa qua đề khô, dùng nước đậu-den, cam-thảo bỏ vào nấu cho cạn, phơi khô.

製香附

Chế hương - phụ

Trước tằm đồng-tiện sao khô lại tằm giấm-thanh sao khô, lại tằm nước muối sao khô lại tằm rượu sao khô.

製何首烏

Chế hà - thủ - ô

Sắc đỏ là giống dục, sắc hơi trắng là giống cái, phải hợp hai thứ mới hay, ngâm nước gạo 3, 4 ngày, lại đồ cho mềm thái mỏng, phơi khô lấy nước đậu-den cùng nấu cho cạn rồi phơi khô đề dùng.

製肉從蓉

Chế nhục - thông - dong

Tắm rượu, cạo bỏ vỏ, bỏ lõi trắng đun với rượu phơi khô để dùng :

製熟地

Chế thực - địa

Chọn sinh-địa nhỏ da mà mềm rửa sạch đất để khô tắm rượu bỏ vào đồ để vào trong chỗ, dưới đồ để chậu hứng tiết, bắc chỗ lên trên miệng nồi, chát kín cho khói phì hơi, trên dây nắp kín, vai nồi phải khoan 1 lỗ để xem nước và giót nước cho khỏi cạn. Đem nấu ngày phơi đủ chín ngày mới chín.

製半夏

Chế bán - hạ

Thái dày dùng nước sôi, ngâm rửa sạch bỏ nhựa đi đem phơi khô, hôm sau lại rửa lại phơi; 9 ngày phơi rửa, mới hết nhựa độc: tán bột luyện hồ viên bằng quả ổi, lấy rơm, rạ đặt mồi ủ 6, 7 ngày, mồi lóng ra phơi khô tắm gừng và nước trúc-lich sao khô Bán-hạ chế rồi gọi là pháp-hạ sau lại tắm sữa bò gọi là tó-bạ.

製胆星

Chế đản - tinh

Dùng nam-tinh tán bột, hòa với mật bò, gói giấy dầy đan phen ép 2 mặt, treo mái dành cho khô tán bột bỏ lọ đựng.

製玄明粉

Chế huyền - minh - phấn

Mùa đông lấy phác-tiên 1 cân, củ-cải 1 cân bỏ vào nồi đun rừ lấy ra lọc bỏ bã, phơi sương một đêm, kết thành băng.

制神曲

Chế thần - khúc

Mồng sáu tháng sáu, hoặc trong tam phục ngày dần:

寥草三月 青蒿六月 蒼耳六月

Lục-thảo (nghê dăm 3 lạng, Thanh-hao 6 lạng, Xương-nhĩ (quả Ké 6 lạng; cùn dăm nhỏ vắt lấy nước lại lấy:

杏仁 一升 白麵 二斤 赤小豆 一鉢

Hạnh-hàn 1 lượng dăm nhỏ, Bột-mỳ 2 cân, Xích-tiểu đậu 1 bát nấu chín bỏ vỏ dăm nhỏ

Hợp tất cả lại, luyện thành bánh nặn từng miếng bằng nửa cái bao diêm, lấy rơm rạ đặt mốc ủ 5, 6 ngày mọc rêu trắng phơi khô để dùng.

饔 硫 黃

Chế lưu - hoàng

Lưu-hoàng 1 cân tán bột, đậu-đen 1 cân, bỏ nổi cho nước, đun cho rừ lấy ra dãi cho sạch đậu; lại dùng củ cải 2 cân thái nhỏ cùng nấu thấy lưu-hoàng đen đỏ ra dãi sạch củ-cải đi. Nấu với đậu 2 lần, nấu với củ cải cũng hai lần. Lại dùng bèo-tía sống 3 cân dăm vắt lấy nước bỏ lưu-hoàng vào lại nấu cho cạn đem rửa sạch, như lưu-hoàng có đóng lại, phải đem tán bột lại dùng đậu-xanh 2 cân bỏ nổi cùng nấu cho rừ, lại dãi sạch đậu đi; lại dùng thạch-xương-bồ 1 cân thái nhỏ bỏ nổi cùng nấu lại dãi xương-bồ đi, lại dùng lá thông, lá trắc-bách-diệp đều 1 cân bỏ nổi cùng nấu, lại dãi lá thông và lá trắc-bách-diệp đi, lại dùng ngô-sen 2 cân thái nhỏ cùn nấu cho rừ rồi lại bỏ ngô-sen đi, rửa sạch tán bột bỏ vào ruột-già lợn buộc lại nấu cho rừ rồi lấy ra rửa sạch để ầm can đứng phơi nắng rồi để mà dùng.

饔 人 中 黃

Chế nhân - trung - hoàng

Tháng một, tháng chạp lấy ống-tre đem cưa để một mẩu, tước hết cật tre ngoài đi cho một khúc cam-thảo vào trong ống-tre nút cho chặt lại đem để dưới đáy thùng sia ngâm 1 tháng lấy ra treo mái dạnh.

燒 燈 心 炭

Phép đốt than bắc

Dùng ống-tre tươi cho bắc vào tong cho chặt, lấy mẩu tre nút lại rấm trâu 1 đêm thời thành ra than.

性 藥

Tính được

人參 Nhân-sâm như hình người tính nóng khi thơm vị ngọt và đắng đại bổ dương khí, bổ cả ngũ tạng, yên hỷ vi, khô khát nước trị băng huyết. Tầm gừng sao khô kỹ phơi nắng. Chỉ có chứng niệu-huyết, đau bụng nhiệt và trẻ con lên sỏi không nống được sâm.

高麗參 Sâm-cao ly thời trong trẻo sáng suốt như thịt khô giáp cuống có hoành-văn mới thực là tốt.

花旗參 Sâm-hoa-kỳ phải có nhiều hoành-văn, cắt ra có mát ngóng thịt đỏ thì ngọt, nếu thịt trắng thì chua.

洋參 Dương-sâm tức là sâm hoa-kỳ.

須參 Sâm-tu là rễ sâm-cao-ly.

二紅參 Sâm-nhi-hồng là rễ dương-sâm.

防黨參 Sâm-phòng-dảng chủ giải cảm, khu phong và kiêm bổ huyết.

明黨參 Sâm-minh-dảng thời bình bổ tỳ vị, phải như gần hươu mới tốt.

布政參 Sâm-bổ-chính ở Nghệ an khi thời thơm vị thì nhạt phải thêm hoàng-kỳ mới hay.

南參 Sâm-nam thời khi vị đều nhạt phải bội dụng mới được.

Các thứ sâm đều phải tầm gừng sao Sâm cao-ly hơi lửa thời mềm, sâm hoa-kỳ phải hấp cơm mới mềm.

Bằng như trị bệnh băng huyết và chứng vong dương chân tay lạnh giá phải dùng sâm cao-ly hoặc sâm hoa-kỳ đều 1 lạng hay là tằm dùng sâm bổ-chính 3 lạng thêm hoàng-kỳ 1 lạng, cũng được.

黃芪 Hoàng-kỳ tính ôn, bổ khí liễm mồ-hôi, trị ung nhọt, sinh ra thịt nhưng mà tính trệ ; ăn ít cơm chớ dùng ; tầm mật ong nướng cho chín.

茯苓 Phục-linh tính bình, vị nhạt, thẩm thấp, tiêu đàm lợi tiểu-tiện.

赤茯苓 Xích-phục-linh thời phá khí, lợi tiểu-tiện hơn, vô phục linh càng lợi tiểu-tiện lắm.

白朮 Bạch-truật tính ôn và táo sắc, đại bổ tỳ vị, ăn được nhiều cơm, trừ thấp, tiêu đàm, an thai, cố thai tằm hoàng-thỏ sào mà dùng; chỉ có chứng ngoại cảm và đại-tiện táo với bệnh lý không dùng bạch-truật được.

甘草 Cam-thảo vị ngọt, tính ôn, điều hòa các vị thuốc, nướng thời bổ tỳ, dễ sống thời tả hỏa giải độc.

當歸 Đương-quy tính ôn, vị cay, ngọt, đại bổ can huyết. Quy-vỹ chực ứ huyết; chứng tiết-tả chớ dùng đương-quy.

白芍 Bạch-thược vị hàn, tính hay thu liễm, dễ sống thì bình can, sao đen thời bổ huyết; sao vàng thì bổ tâm.

赤芍 Xích-thược lạnh vừa, phá huyết tích, trị đau bụng, dân-bà sản hậu chớ dùng.

生地 Sinh-dịa tính lạnh, vị ngọt, bổ âm huyết, nhuận đại-tráng, trừ nóng này; bệnh tiết-tả chớ dùng.

熟地 Thục-dịa tính ôn, vị ngọt, đại bổ thận thủy, trợ âm huyết, bổ tinh khí, nhuận da thịt, ích gân xương; bằng như nhiều dầm phải tằm gừng rượu nướng khô; nhưng mà tính trệ, bệnh lý chớ dùng.

川芎 Xuyên-khung tính ôn vị cay, hành trệ khí, tiêu ứ huyết, tính dẫn, đưa lên trên khỏi rức dầu và trị bệnh tê thấp.

麥門 Mạch-môn tính bình, vị ngọt, bổ phế, khôi ho, thanh tâm khỏi khát, rút bỏ lõi sao vàng.

天門 Thiên-môn tính lạnh, vị ngọt, tiêu đàm trị chứng phế ung và chứng nhiệt suyễn, bỏ lõi sao khô.

黃連 Hoàng-liên vị đắng tính lạnh, tả tâm hỏa, trừ thượng tiêu nóng, trị bệnh đau mắt đỏ và bệnh di lý, trẻ con bệnh cam tằm rượu sao.

黃芩 Hoàng-cầm vị đắng tính lạnh, tả phế hỏa, tiêu đàm, trừ dạ-dầy nóng và ngoài da thịt nóng, cả dưới bàng quang nóng, tằm rượu sao.

黃柏 Hoàng-bá vị đắng, tính lạnh, tả thận hỏa trừ hạ tiêu thấp nhiệt, giải cả ngũ tạng nóng này, tằm mật nướng.

梔子 Chi-tử vị đắng, tính mát, tả phế hỏa, giải phiền uất, đáng hóa thông tiểu-tiện, tâm đồng-tiện sao đen.

石膏 Thạch-cao lạnh lắm, tả vị hỏa, giải nóng khát, khỏi rức đầu lưỡi nứt, răng đau và trúng thử di tiêu đau buốt.

滑石 Hoạt-thạch lạnh vừa, giải nóng khát, thông hoạt cả tạng phủ, lợi tiểu-tiện bể và đàn-bà khó sinh.

知母 Tri-mẫu đắng, lạnh, bổ huyết mẫu, tả thận hỏa, nhuận phế, tiêu đàm, khỏi ho, trừ nóng nầy, đốt bỏ lông.

貝母 Bối-mẫu vị đắng, đáng hỏa, tiêu đàm, thanh phế nhiệt khỏi ho hắng, giải phiền uất.

土貝母 Thổ-bối-mẫu lạnh vừa.

川貝母 Xuyên-bối-mẫu lạnh hơn tầm gừng sao khô

大黃 Đại-hoàng tính lạnh lắm, trừ trong dạ-dầy nóng, phá tích tụ, tiêu ứ huyết, bụng phát trướng, thông đại-tiện.

芒硝 Mang-tiêu tính lạnh lắm, trong bụng nóng quá, phát trướng kết hung, hạ đại-tiện rất mạnh.

柴胡 Sài-hồ tính mát, tả can hỏa, trị chứng thương-hàn, ra được mồ hôi, trị bệnh sốt rét và ghê sốt ghê rét.

前胡 Tiền-hồ tính mát, dẹp khí xuống, tiêu đàm khỏi ho, trừ trong ngực tức đầy và rức đầu hoặc ghê sốt ghê rét.

升麻 Thăng-ma tính lạnh vừa, mát trong dạ - dày, giải khí độc, trị chứng thương hàn phát sốt, chứng dương hư hãm ở dưới, không thăng lên được và trị bệnh đau răng.

桔梗 Kết-cánh vị đắng ít, trừ phế nhiệt và trong cổ sưng đau, đem các vị thuốc thăng lên, khai thông dờm tắc ở trên ngực

蘇葉 Tô-diệp là lá tía-tô vị cay, dễ mồ-hôi, khỏi phát sốt.

蘇梗 Tô-ngạnh là cành tía-tô, dẹp khí xuống, thông trên ngực.

蘇子 Tô tử là hạt tía-tô tiêu đàm khỏi thở.

麻黃 Ma-hoàng tính ôn, trị bệnh trúng phong thành tê, bệnh kéo hen nhân cảm hàn, chứng thương hàn sốt nặng ra được mồ hôi, nhưng mà nhiều quá như mưa ra mãi năm sáu ngày, áo quần ướt như ướt, gây mất cả thịt cho nên cụ Lãn - Ông không dùng.

麻黃根 Ma-hoàng-căn (Rễ ma-hoàng) thời hay liễm được mồ-hôi lại.

葛根 Cát-căn vị ngọt, tính bình, trị chứng ngoại cảm ra được mồ-hôi khỏi sốt, lại hay khỏi khát nước.

Cát-hoa rễ men rượu, giải tửu độc.

薄荷 Bạc-hà vị cay, trừ gió lạnh, ra mồ-hôi, mát trên đầu khỏi đau bụng.

防風 Phòng-phong tính ôn, trị các thứ gió, phát sốt, rức đầu, đau mình trừ bệnh thấp, liễm mồ-hôi, giải các vị độc.

荊芥 Kinh-giới tính ôn trị các chứng nhọt, ghẻ ngoài da ngứa gãi, trừ gió lạnh, ra mồ-hôi, sao đen thời chỉ huyết, bệnh khát nước không nên dùng,

細辛 Tế-tân tính ôn, trị chứng thương hàn, rức đầu, trừ bệnh phong thấp, thông lỗ mũi, hắt hơi.

姜活 Khương-hoạt tính ôn, trừ chứng thương phong rức đầu, trị bệnh tê thấp, mình mẩy gân xương đau rức.

獨活 Độc-hoạt vị đắng, ngọt, trừ chứng phong hàn tê thấp, gân cổ cứng đau và trị ai chân không đi được.

白芷 Bạch-chỉ tính ôn, trị phong tà khỏi rức đầu, ngoài da ngứa gãi, các thứ ung nhọt, hay hút mủ, mọc thịt khỏi đau.

藁本 Cảo-bản tính ôn, trừ rức trên đỉnh đầu, kiêm trị cả chứng phong hàn thấp.

香附 Hương-phụ tính ôn, tán hàn, giải uất, khoan khoái, tiêu cơm, điều-kinh huyết.

烏藥 Ô-dược tính ôn, trừ đau bụng lạnh, dẹp hơi xuống lợi tiền-tiền.

枳實 Chi-thực vị hàn, tính mãnh liệt, tiêu đàm, phá tích mạnh như bắn súng.

枳殼 Chi-xác tính mát, trên ngực khoan khoái, tiêu đàm, lợi thủy, trừ bụng trướng đầy.

青皮 Thanh-bì vị đắng, phá khí trệ, tiêu thực tích, bình can khí, trị bụng dưới đau sán.

陳皮 Trần-bì vị ôn tiêu đàm hành trệ, khoan khoái trong bụng, khỏi nôn mửa, chỉ tiết-tả.

蒼朮 Xương-truật tính ôn, kiện tỳ thẩm thấp, trên bụng trướng đầy, tiêu đàm, trừ lam sơn trướng khí và ôn dịch.

厚樗 Hưu-phác tính ôn, trừ bụng tức đầy, hạ đàm, đáng khí, khỏi đau bụng, trị chứng tả-ly.

南星 Nam-tinh tính nhiệt, trị bệnh trúng phong, nhiều dờm, và trẻ con kinh phong hàm răng cắn chặt

半夏 Bán-hạ tính ôn, trừ bệnh đàm thấp trảng kiện tỷ vị, trị chứng đàm-quyết rức đầu và bệnh ho hắng nòn mưa.

霍香 Hoắc-hương tính ôn, tán khí lạnh, khỏi nôn mưa, trị đau bụng hoắc-loạn

檳榔 Bình-lang tính ôn, phá khí trệ, sát trùng, trị bệnh lý,

大腹皮 Đại-phúc-bì vị ôn, hạ khí trong ngực, yên tỷ vị, lợi tiểu-tiện, tiêu chứng phù sưng.

香薷 Hương-nhu vị ôn, thanh phế hỏa, giải nóng ngực, lợi tiểu, trị mồm thối, khỏi đau bụng.

扁豆 Biền-đậu tính bình, bổ tỷ vị, giải khí giới năng, rã men rượu độc, trị chứng hoắc-loạn.

猪苓 Chư-linh tính bình, lợi tiểu-tiện, tiêu bệnh phù sưng, trừ chứng thấp-nhiệt.

澤瀉 Trạch-tả tính mát, thông tiểu-tiện và nước động ở tam-tiêu, trừ bệnh phù sưng

木通 Mộc-thông tính hàn, tả tâm hỏa, trị phiền nhiệt, thông tiểu-tiện bế.

通艸 Thông-thảo tính bình, lợi tiểu-tiện, thông hành các kinh ra nhiều nước, sữa.

車前 Xa-tiền tính hàn, lợi tiểu-tiện, trị tiết-tả, trừ can phong, trị đau mắt đỏ.

地骨皮 Địa-cốt-bì tính hàn, bổ âm, trừ xương thịt nóng, quả chưa bấp sốt.

木廐 Mộc qua tính ôn, bổ gân xương, trừ bệnh thấp, gối mỏi, chân sưng, trị chứng đau bụng hoắc-loạn.

葳靈仙 Uy-linh-tiên tính ôn, trị chứng tê thấp, đau các gân xương, chân tê không di được.

牡丹 Mẫu-dơn vị hàn, bổ tinh thần, dưỡng khí huyết, tả âm hỏa, thông ứ huyết.

玄參 Huyền-sâm vị hàn, tả hư hỏa, tiêu hạch trên cổ, tan hòn trong bụng lại kiêm bổ thận.

沙參 Sa-sâm tính mát, trừ ngoài da nóng, buồng phổi nóng, trị ung nhọt, ghẻ lở.

丹參 Đan-sâm tính lạnh, bổ huyết điều kinh, tiêu ung nhọt sang độc.

苦參 Khổ-sâm tính lạnh, trị ung nhọt, ghẻ lở nóng nảy sưng đau và chứng tiện-huyết.

龍胆 Long-dãm tính lạnh, giải buồng gan nóng, trị đau mắt đỏ, giải hạ tiêu nóng và sát trùng.

五加皮 Ngũ-gia-bì tính bình, trị bệnh tê thấp, lưng đau gối mỏi, chân không đi được và trị chứng âm sang, lở ngứa.

防已 Phòng-kỷ tính bình, trị chứng phong thấp, sưng chân, dưới bàn quang kết nóng, tiểu tiện không thông.

地榆 Địa-du tính lạnh vừa, trị các chứng huyết, tiện huyết, băng huyết, thổ huyết, nục huyết.

茯神 Phục-thần tính bình, bổ tâm thần, yên hồn vía, khỏi sợ hãi, tỉnh hay quên và lợi tiểu-tiện; (trong ruột có nhiều xơ ngang dọc như sợi tơ mới thật phục-thần).

遠志 Viễn-trí tính ôn, bổ tâm hỏa, an thần, khỏi sợ hãi, nhớ lâu không quên.

棗仁 Tảo-nhân tính bình, liễm bổ-hồi vào, bổ tâm can, yên giấc ngủ; ngủ nhiều dễ sống, ít ngủ sao đen.

石菖蒲 Thạch-xương-bồ tính ôn, khai tâm khiếu, trừ bệnh cảm có thể nói ra tiếng, trừ gió lạnh tê thấp.

柏子仁 Bách-tử-nhân tính bình, bổ tâm, chỉ huyết, khỏi sợ hãi, tráng dương khí; (bọc giấy đập bỏ dầu)

益智 Ích-trí tính ôn, an thần bổ khí, khỏi nôn mửa, cổ tỉnh khí, khỏi vãi dãi.

甘松 Cam-tông mùi thơm, trị chứng đau bụng, lại trừ uế khí, tẩm gội thơm tho.

小茴 Tiểu-hồi tính ôn, làm cho nóng trong dạ-dầy trị đau bụng, đau lưng và trừ sản-khi, cước khí, dưới bàn-quang âm-nang sưng đau.

大茴 Đại-hồi (tám cánh tinh ôn, mùi hắc lăm, chuyên trị chứng đau lưng nặng, lại trừ bệnh đời-sán to bằng cái đầu.

乾姜 Cau-kương tính nóng dễ sống tán phong hàn, sao vàng ôn lý vị, sao đen chỉ huyết.

附子 Phụ-tử nóng lăm trừ hàn thấp, trị chứng đau bụng lạnh, trị chứng vong dương chân tay lạnh giá.

烏頭 Ô-đầu nóng lăm trừ gió vào xương, bán thân bất toại, trị bệnh hàn thấp tê đau và phá tích tụ, hòn cục.

木香 Mộc-hương vị ôn, tan khí trệ, hòa lý vị, khỏi đau bụng, trị sáu-khi và hạ đàm.

沉香 Trầm-hương tính ôn, dâng khí bổ dương, trị đau bụng, thổ tả, tiêu khí trệ khắp trong mình người.

丁香 Đinh-hương tính nóng, trừ dạ-dầy lạnh, khỏi nôn mửa, và trị chứng đau bụng lạnh, lại khỏi bệnh nấc.

沙仁 Sa-nhân tính ôn, làm cho nóng dạ-dầy, tiêu ăn uống trừ đau bụng khỏi thổ tả, lại khai uất và an thai.

肉桂 Nhục-quế tính nóng mùi thơm, vị ngọt, bổ mệnh môn-hỏa, thông các mạch máu, trị đau bụng lạnh, kiêm trừ bách bệnh. Quế ở Thanh-hóa ở Trịnh-vạn là bậc nhất; quế ở Yên-lư, ở Quý-châu là bậc nhì còn như quế xứ khác, hơi như bột tuyết, mùi cay xé không dùng được. Dùng quế mới phải gọt lấy dầu thái nhỏ giót nước sôi lấy giấy thấm bọt bỏ đi, thời mới uống được.

桂心 Quế-tám trị tâm thống, trừng sáu-khi chỉ có chứng ong dương chân tay lạnh giá không uống được.

桂枝 Quế-chí tính nóng, giải tan gió lạnh, dẫn lên cánh tay, trị bệnh tê thấp lại liễm bồ-hôi vào.

吳茱 Ngô-thù tính ôn, trong bụng đau lạnh nuốt chua nhò chua, ôn hạ tiêu trừ sáu-khi.

玄胡索 Huyền hồ-sách tính ôn trị tâm khí thống, hoạt huyết diên kinh nguyệt.

白豆蔻 Bạch-đậu-khẩu tính ôn, trừ khí lạnh trên ngực; làm cho nóng trong dạ-dầy, khỏi nôn mửa và trị đau bụng.

肉豆蔻 Nhục-đậu-khẩu tính ôn, tiêu đàm dãn khí, trừ đau bụng hoắc-loạn và chứng tiết-tả.

草豆蔻 Thảo-đậu-khẩu tính ôn, trừ dạ - dày đau lạnh, khỏi nôn mửa và ăn được ngon cơm.

蓮肉 Liên-nhục tính bình, bổ tỳ vị, trị tiết-tả.

蓮須 Liên-tu sáp tính khí.

石蓮肉 Thạch-liên-nhục tính lạnh, thanh tâm an thần,

薏苡 Ý-dĩ tính bình, trừ bịnh thấp, gân xương đau nhức, bổ khí, ăn ngon cơm, trừ chứng phế ung.

淮山 Hoài-sơn tính ôn bình, bổ tỳ, khỏi đi tả, bổ tuận, chỉ đi-tĩnh bổ cả ngũ tạng.

山茱 Sơn-thù tính ôn, bổ can, ích thận cố tinh khí tại ù lưng đau đều khỏi; bịnh ngoại cảm chớ dùng.

何首烏 Hà-thủ-ô tính bình bổ tinh khí đen râu tóc khỏe gân xương thêm tuổi thọ.

黃精 Hoàng-tinh tính bình đại bổ, thanh tâm phế, hòa tỳ vị, ăn luôn mười năm thì sống lâu.

杞子 Khôi-tử tính ôn, đại bổ tinh khí, sáng tai mắt, khỏe gân xương hưng dương đạo; uống lâu nhẹ mình thêm tuổi thọ.

杜仲 Đỗ-trung tính ôn, mạnh gân, khỏe xương, lưng đau, gối mỏi, trị đi-tĩnh còn sót lại.

兒絲 Thử-tý tính bình trị thận hư, chỉ đi-tĩnh nhuận tâm phế, bổ tỳ vị.

牛膝 Ngưu-tất tính bình, bổ thận, khỏe gân xương, giáng hỏa, lợi tiểu, bịnh đi-tĩnh cấm dùng.

肉蓯蓉 Nhục-thong-dong tính ôn, bổ mệnh-môn-tỏa, đại bổ tinh huyết, trị chứng âm-nuy đại tiện táo kết.

續斷 Tục-đoạn tính ôn, chỉ huyết khỏi đi-tĩnh, an thai, nối xương tiếp gân, (ngã què đánh gãy).

破故 Phá-cố tính ôn, bổ thận hưng dương, lưng đau, gối mỏi, cố sáp tính khí.

巴戟 Ba-kích tính ôn đại bổ dương khí cứng mạnh gân xương, khỏi chứng đi-tĩnh.

鹿茸 Lộc nhung tính nóng, đại bổ tinh huyết, ích khí, tráng dương, những người yếu đuối và người già nên dùng, chứng tiệt-huyết cấm dụng.

鹿膠 Lộc đao là cao ban-long tính ôn, bình bổ tinh huyết những người yếu đuối, những bệnh thất huyết nên thường dùng.

鹿角霜 Lộc-dắc-xương chỉ bệnh di-tinh.

阿膠 A-dao tính ôn đại bổ phế khí, trị bệnh ho-lao và ho ra máu an thai, cổ thai trị bệnh kéo hen

鳳朒膈 Ôt nột-tê, là rai chó bề bề tỷ thận tráng dương khí, trừ ma quỷ, trị bệnh ho lao truyền thi.

芡寢 Khiếm thực tính bình, bổ tỷ vị ích tinh khí trị chứng tê thấp, lưng mỗi châu đau.

竜眼 Long-nhãn tính ôn, bổ tỷ, an tâm thần, thêm khôn ngoan, uống nhiều càng thông minh.

人乳 Nôa-nhũ là sữa người tính bình, bổ âm huyết, ích tinh khí, nhuận da thịt, người gầy gò nên dùng.

牛乳 Ngưu-nhũ là sữa bò tính nóng, bổ ích cũng như sữa người.

大棗 Đại-tảo là táo tàu tính bình, điều hòa các vị thuốc, bổ tỷ vị, hòa tâm phế.

生姜 Sinh-khương là gừng sống tính ôn, trừ gió lạnh, ôn tỷ vị, khỏi đau bụng, trị nôn nữa khỏi ngáy.

訶子 Kha-tử tính ôn tiêu đàm, khỏi ho, đáng hỏa, khỏi thở và chỉ tả-ly.

枳果 Thao-quả tính ôn, trừ hàn thấp, khỏi sốt rét, giải ôn dịch, chống khí.

常山 Thường-sơn tính hơi lạnh, trị bệnh sốt rét, tiêu đàm trừ chứng thủy sưng.

高良姜 Cao-lương-khương tính ôn, trị nôn mửa, tiết tả, tiêu thực tích, rã men rượu.

山查 Sơn-tra tính bình, tiêu các thứ thịt, trừ bụng đầy, chỉ bệnh lý, dần-bà đau dạ-con.

神曲 Thần-khúc tính ôn, hoà tỷ vị, ăn nhiều cơm, tiêu dờm rã, khỏi đau bụng đi rửa.

麥牙 Mạch-nha tính bình, tiêu cơm khoan khoái trong bụng, trụy thai và cạn sữa, đàn-bà có thai phải kiêng.

白芥子 Bạch-dôi-tử tính ôn, tiêu đờm ở trên ngực và đờm ở trong da thịt, trị chứng nôn mửa.

甘遂 Cam-toại tính hàn có độc, tiêu bịnh phù trừ bịnh hòn trong bụng, trị chứng kết bung.

大戟 Đại-kích tính hàn có độc, tiêu cả mười hai chứng phù sưng, phá bịnh hòn, đuổi ứ huyết, trừ ôn dịch.

芫花 Nguyên-hoa tính hàn có độc, tiêu phù sưng, trị ho hắng trừ đờm rãi, phá bịnh hòn.

海榛 Hải-lảo tính hàn, lợi tiểu tiện, tiêu phù sưng trừ chứng mọc hạch, phá bịnh hòn.

牽牛 Khiên-ngưu là hạt bím bím lợi tiểu-tiện, tiêu phù sưng hạ khí xuống, trừ ruột già nóng.

亭歷 Đình-lịch tính lạnh vừa, tả buồng phổi nóng, khỏi ho thở tiêu đàm và tiêu bịnh phù.

五靈脂 Ngũ-linh-chi tính ôn, trị ngực bụng đau như xiên, dễ sống thời hành khí, sao cháy thời chỉ huyết.

瞿麥 Cồ-mạch tính lạnh trị chứng bế tiểu-tiện và phá huyết tích thông kinh nguyệt, trụy thai, đàn-bà có mang phải kiêng.

三棱 Tam-lăng tính bình, phá ứ huyết, tiêu bịnh hòn trong bụng, trị chứng khí trệ, bụng đau tức đầy.

莪朮 Nga-truật tính ôn, tiêu máu đọng, phá bịnh hòn thông kinh nguyệt tán khí trệ.

乾漆 Can-tất là sơn-sống khô tính ôn, trừ máu đọng đã lâu năm, sát trùng mạnh lắm, kiêng trừ tích, thông kinh-nguyệt.

蒲黃 Bồ-hoàng là cỏ nền tính bình, tiêu máu đọng thì dễ sống, bỏ huyết, chỉ huyết thời phải sao khô.

蘇木 Tô-mộc là gỗ vang tính bình, trị chứng xản-hậu, máu đọng, thông kinh-huyết và trị chứng bị ngã, bị đòn.

桃仁 Đào-nhân tính lạnh, nhuận đại-tràng, thông kinh nguyệt, phá máu cục.

紅花 Hồng-hoa tính ôn, tiêu máu nóng dùng nhiều thì thông huyết, dùng ít thời hoạt huyết, trẻ con thổi tai hòa nước dỏ vào.

姜黃 Khương-hoàng tính lạnh, phá huyết tiêu ung nhọt bụng đau nổi cục, hạ khí mạnh lắm.

鬱金 Uất-kim là củ-nghệ tính hàn, phá huyết tụ, mọc da thịt, trừ bệnh uất và đi tiêu ra máu.

金銀花 Kim-ngân hoa tính bình, trị ung nhọt, ghẻ lở hay thứ nhất, là nó trị bệnh lý.

漏蘆 Lậu-lư tính ôn, trừ nhọt, ghẻ, bứt mủ mọc da thịt.

白蒺藜 Bạch-tật-lê tính mát, trừ ghẻ lở, sưng ngứa, trẻ con chốc đầu, đau mắt có màng.

白芨 Bạch-cập tính bình, thu miệng nhọt lại và chỉ huyết bị ngã bị đòn, ngoài da nứt nẻ vị này chỉ dùng để bôi bên ngoài.

蛇床子 Sà-sàng-tử tính ôn trừ ghẻ lở, trị âm nang đau lạnh và chứng âm-nuy, dùng bôi ngoài.

天麻 Thiên-ma tính ôn, trừ các chứng phong, chân tay tê dại, gối mỏi, lưng đau, co gân.

白附 Bạch-phụ tính ôn, trị đầu, mặt hắc-lão, chân tay tê lạnh và đau bụng lạnh.

全蝎 Tuyền-yết tính bình, trị trúng phong, dờm lấp cổ, trẻ con kinh phong, lại trừ thằn lết tai diếc.

蝉蜕 Thuyền-thuế là xác con ve sầu tính mát, trị đầu ù, mắt có màng, ngoài da gãi ngứa, trẻ con khóc dạ-dề.

姜蚕 Khương-tằm là tằm khô, trị chứng trúng phong dờm lấp cổ, chứng hầu-tí và tiêu-nhi kinh phong.

蜈蚣 Ngô công là con rết có độc, giải các chứng sang độc, trẻ con lở mồm, đốt cháy hòa dầu-vừng bôi.

木鱉 Mộc-biết là bọ gấu tính ôn, trừ nhọt độc tiêu sưng sưng, rửa hậu-môn, bệnh trĩ sưng đau.

蜂房 Phong-phòng là tổ ong trị đau răng và tràng-ung, nhũ-ung, trị bệnh tràng-nhạc đẽo vỡ đốt cháy, hòa mỡ-lợn bôi.

白花蛇 Bạch-hoa-sà là rắn hổ-mang-hoa tính ôn, trị bệnh trúng phong, bán thân bất toại và bệnh tê thấp, trị bệnh hủi.

蛇退 Sà-thoái là xác rắn không độc, trị trẻ-con các thứ sài, trị chứng ghẻ lở và bệnh trĩ, đốt cháy tán bột rắc vào

槐花 Hoè-hoa tính bình, thanh phế, nhuận tràng, da thối ghẻ ngứa, đại tiện có huyết.

牛蒡 Ngưu-bàng tính ôn, tiêu đờm rãi, trừ ghẻ ngứa lở khắp mình mẩy, và giải đậu độc trẻ con.

茵陳 Nhân-trần tính lạnh, trừ chứng da vàng bủng, liêu thấp nhiệt, lợi tiểu-tiện, phải kiêng sao lửa.

蔓荊子 Mạn-kinh-tử tính mát, trừ rức đầu, khỏi đau mắt và nhiều nước mắt trị chứng tê thấp cơ gân.

馬兜零 Mã-dầu-linh tính lạnh, trừ buồng phổi nóng, khỏi ho thở, tiêu đờm rãi và đốt khói hun bệnh trĩ.

百合 Bách-hợp tính bình, thanh phế nhiệt, an tâm thần trừ bụng đầy, lợi tiểu-tiện, tiêu phù sưng và trị ung nhọt.

五味 Ngũ-vị tính ôn, liễm phế khí, khỏi ho thở, bổ thận giải khát; chứng ngoại cảm chớ dùng.

紫苑 Tử-viên tính ôn, bổ phế, khỏi ho thở, tiêu đờm rãi và trị chứng phế ung nhỡ ra máu mũi.

款冬花 Khoản-dòng-hoa tính ôn, nhuận tâm phế trị chứng ho-lao, tiêu đàm giải khát.

旋覆花 Toàn-phú-hoa tính hàn, tiêu đàm chỉ nôn mửa, lợi tiểu tiện, tiêu phù sưng.

桑白皮 Tang-bạch-bì tính mát, thanh phế nhiệt, khỏi ho hắng, tiêu đờm và ho đờm có máu.

杏仁 Hạnh-nhân tính ôn, nhuận phế, khỏi ho khản tiếng trị chứng thương phong dễ được bỏ-hỏi ra thông lợi đại tiện.

烏梅 Ô mai tính bình liễm phế khí, chỉ khát khỏi ho, tiêu đờm, trị chứng đau bụng nôn ra giun và chỉ tả lỵ.

花粉 Hoa-phấn tính hàn, trừ nóng giải khát, thông kinh huyết nhiều sữa và trị chứng ung nhọt.

叭雷仁 Qua-lâu-nhân tính lạnh, nhuận phế, giải khát, tiêu đàm, khỏi ho hắng, khoan khoái trong bụng.

蜜蒙花 Mật-mòng-hoa tính bình trị đau mắt và nhiều nước mắt hoặc mắt có màng và trẻ con cam mắt.

菊花 Cúc-hoa tính ôn, trừ phong, trị trộm mặt, trị đau mắt đỏ và nhiều nước mắt.

木賊 Mộc-tặc tính bình, đồ bỏ hơi rất mau, trị mắt có màng, trị chứng tiện-huyết và lậu huyết.

草決明 Thảo quyết minh tính bình, trị rừc dầu và đau mắt đỏ, tiêu màng mắt và khối đỏ màu cam.

秦艽 Tần-giảo tính bình, trị phong hàn tê thấp, gân xương đau đớn; bổ huyết dân gân.

犀角 Tê-dắc tính lạnh, trị nóng nẩy phát cuồng, trị rừc dầu và thổ huyết, giải các thứ độc, trị ung dột, hóa mủ ra nước và trị trẻ con đậu độc.

羚羊角 Linh-dương-dắc tính lạnh, trị chứng thời khí nóng ở ngoài da, thanh phế nhiệt, chỉ huyết ly. trừ khi ngủ bồng dè.

龟板 Quy-bản tính lạnh, đại bổ âm huyết khỏe mạnh gân xương, trị bệnh đau lưng, và trẻ con không kín thóp.

鳖甲 Biết-giáp là mai ba-ba tính bình, trị xương nóng gầy gò chỉ bệnh sốt rét, phá bệnh hòn tiêu máu đọng.

海螵蛸 Hải-phiên-tiên hoặc gọi **烏賊骨** Ô-tặc-cốt là mai măm mực, tính bình, trị tai điếc mắt có màng và dột ghẻ không có mủ tán bột rắc vào.

桑寄生 Tang ký-sinh là tâm-gửi cây giầu tính bình, trị chứng phong thấp rừc xương, chỉ băng huyết, an thai và nhiều sữa.

火麻仁 Hỏa-ma-nhân tính bình nhuận đại-tràng táo kết, thông tiện-tiền phá huyết tích dễ dễ ra nhiều sữa

山豆根 Sơn-dậu-căn tính mát, trong cổ sưng đau dùng mà nhai rồi nuốt nước, trên đầu có vẩy trắng mài nước bôi vào.

益母草 Ích-mẫu-thảo tính ôn tiêu huyết đọng, sinh huyết mới, đàn bà có thai và sản hậu uống vào rất hay.

紫草 Tử-thảo tính mát, thông các tia lỗ suốt trong lục phủ, tiêu bụng chướng đầy và lợi tiện-tiền trị trẻ con đầu không mọc được.

澤蘭 Trạch-lan là mần tưới tính ôn tiêu phủ sưng, lợi tiện trừ huyết cũ sinh huyết mới, trị các bệnh đàn-bà.

皂角 Tào-dắc là quả bồ-kếp tính ôn, sao cháy tán bột thổi lỗ mũi dễ hắt hơi, hòa nước bôi khỏi sưng đau và cho thổ đàm ra rất mau

蕪荑 Vu-di tính bình, sát trùng, tiêu tích, trị đau bụng sỏi bụng, trẻ-con cam tích ngoài búi ghẻ lở

雷龙 Lôi-hoàn tính lạnh, sát trùng mạnh lắm, trị trẻ-con cam tích, nhiệt tích, phải tắm nước cam-thảo một ngày rồi đun với rượu, sấy khô để mà dùng.

胡麻仁 Hồ-ma-nhân tính bình, bổ cả ngũ tạng, cứng gân khỏe xương, yên thần, bổ khí.

落耳子 Sương-nhĩ-tử là quả kê, tính ôn, trừ chứng phong thấp, trị bệnh ghẻ ngứa, (sao cháy, dằm bở gai, mề dúng)

青箱子 Thanh-trương tử là hạt máo gà đại, tính mát trừ buồn gan nóng, trị đau mắt đỏ, tiêu màng mòng

殺星草 Cốc-tinh-thảo tính bình, trị đau răng, màng mắt và chứng hầu-ty.

青蒿 Thanh-bao tính mát, trị xương nóng và chứng tả lỵ trị đồ bỏ-hôi trộm rất hay.

茅根 Mao-căn tính bình, chỉ các chứng huyết trừ trong ruột nóng và lợi tiêu-tiên.

大薊 Đại-kế **小薊** Tiểu-kế tính bình, trị các bệnh huyết, tiêu huyết cũ, sinh huyết mới.

枇杷葉 Ty-bà-diệp tính bình, thanh buồng phổi, trị chứng ho lâu gần thành lao và chứng nôn mửa mãi không khỏi

胡桐淚 Hồ-dồng lệ đại hàn, trị đau răng và trong ngực bụng nóng nẩy.

射干 Sạ-can là củ lười-dòng hoặc gọi cây rế quạt tính lạnh; tiêu vị ấm nóng, phá huyết, khỏi sưng đau, trừ mọc hạch và trị trong cổ đau ăn uống không được.

夏枯草 Hạ-khô-thảo là cây cải-rừng tính lạnh, trị chứng tràng-nhục, chứng anh-lục, mọc thịt; phá bình hờn trong bụng, trị đau chân tê-thấp.

馬鞭草 Mã-tiên-thảo là cỏ roi-ngựa, tính mát, phá huyết thông kinh, trừ bệnh hờn, chứng mọc hạch đau và chứng âm sưng, dằm nhỏ dịt vào).

鶴虱 Hạc-sắt tính bình, trừ khi trẻ và trẻ-con có bệnh giun cần bụng đau, tán bột hòa nước thịt cho uống.

白頭翁 Bạch-đầu-ông tính ôn, chỉ đỏ máu-cam và đi lý ra máu, trị bệnh sốt rét và chứng sản-khi, trị các đau xương đau đòn.

旱蓮草 Hận-liên thảo hoặc gọi **鯉腸草** Ly-tràng-thảo là lá nhỏ-nổi tính bình, chỉ chứng huyết lý và đau đàm chảy máu vết nước bôi dần cho tóc đen.

山慈姑 Sơn-tử cò có độc ít, trị chứng ung nhọt, bệnh tràng nhạc, trong uống ngoài bôi và da mặt đen sạm.

鉤藤 Câu-dăng tính mát, trị trẻ con mười hai thứ sải-kính và khi nóng sốt rất mình.

薺草 Hy-thiên-thảo là lá chó đẻ tính lạnh, trị chứng phong thấp chân tê, mạnh gân khỏe xương, đau-bã dùng hay lắm

辛夷 Tân-di là búp da-lông trị đau rức mắt sưng, trị da mặt đen, thông lỗ mũi hay ngạt.

側柏葉 Trắc bách-diệp tính ôn, chỉ các chứng huyết đau không mọc tóc tán bột hòa dầu - vừng bôi.

椶桐子 Tung-lư-tử là hạt cây mọc tính bình, chỉ các thứ bệnh huyết và trị đi tả.

淫羊藿 Dâm-dươn -hoặc tính bình, bổ thận, trị chứng âm-nuy huyết dương, cứng gân mạnh xương và thêm sức khỏe.

覆盆子 Phủ-hồn-tử tính ôn, chỉ tiểu-tiện đi nhiều, bổ thận ích tinh, trị chứng đau mắt có màng.

合歡 Hợp-hoan tính bình, vui vẻ lòng người, yên trong ngũ tạng, sáng con mắt, bớt lo nghĩ.

金櫻子 Kim anh-tử tính bình bổ thận, trị chứng di-tinh, trị bệnh tả lý

蜜陀僧 Mật-sà-tăng tính bình trị ghẻ lở và bệnh trĩ bệnh hôi nách, tán bột bôi vào.

灰龍肝 Phục-long-can là đất bụng dàu-dau tính ôn, trị chứng đau bụng nôn mửa và chỉ huyết; khi thiên thời đàn bà thai không yên

石灰 Thạch-hôi là vôi-bột tính ôn, bôi nhọt độc và đau đàm chảy máu, hòa nước lấy nước trong rửa chứng thoát-sang và chứng âm-sưng; giải cả các thứ độc.

穿山甲 Xuyên-sơn-giáp trị các chứng ung dột, trong uồng ngoài tán bột bôi và trị tà ma yêu quái.

虬 蚓 Khâu-dân hoặc gọi là :

土 龍 Thổ-long là con giun tính mát, trừ nóng nẩy, trị chứng ngã-nước ; cắt giun bới mụn nhọt sưng nóng.

蜘蛛 Chi-thù là con rện tính mát, trị các chứng ung nhọt và chứng lòi tỵ, bịnh hời-nách, (đốt ra than tán bột bôi vào).

蟪 蛄 Thiềm-thừ hoặc gọi là :

蛄 蟪 Lại hà-mò là con cóc tính mát, trị chứng ung thư nhọt độc mọc đặng lưng và trị trẻ-con bịnh cam. Gan cóc dấm nhỏ dịt dinh-rầu rất hay.

刺 蝟 皮 Thích-vị-bì là da con rím tính bình, chỉ chườg nòn mửa, tiêu bụng đầy ; khoan khoai trong bụng, trị chứng trĩ lậu chứng âm-sưng và kiềm chỉ huyết.

蛤 蚧 Cáp-giới là con cạp-kê tính bình, đại bổ phế khí, trị chứng ho-lao ; khối kéo hen và thông huyết mạch lợi tiểu-tiện.

蟻 蛄 Lâu-cô là con dế có hai tay bơi, trị chứng phù-sưng lợi tiểu-tiện và mũi gai dâm ở trong thịt, (dã nhỏ dịt vào thì gai ra).

蜗牛 Oa-ngưu là con ốc-sên, trị chứng thoát-giang, đốt cháy hòa mỡ lợn bôi và lấy nước bôi chỗ con rết cắn

田 螺 Điền-loa là con ốc-nhồi tính lạnh, trị chứng đau mắt đỏ, trừ trong bụng nóng nẩy lợi cả đại, tiểu-tiện.

水 蛭 Thủy-diệt hoặc gọi là :

螭 蟬 Mã-hoàng là con dĩa dễ hút ung nhọt. Lấy quần bút dưng vào rồi dể trên miệng nhọt phải dùng dĩa-dôi thì hút mới mạnh.

海 粉 Hải-phấn là bột bề tính mát, trị buồng phổi nóng tiêu dờm đặc ; khối ho thở (Chim yển ngâm lên làm tở gọi là yển sào không phải là rã con chim yển dậu).

海 石 Hải-thạch là đá bọt, trị chứng ho dờm nóng. Tán bột hòa mật-ong ngâm.

青 礞 石 Thanh-mông thạch tiêu dờm nóng và tiêu thực tích rất thần hiệu, (nung lửa nửa ngày dể dùng).

礞石 Từ-thạch là đá nam-châm tính lạnh, chuyên hút sắt; trị bệnh tai điếc, bỏ thận trắng dương, (nung lửa mà dùng).

花 藍 石 Hoa-nhi thạch tính lạnh, trị dao đâm chảy máu; tán bột rắc vào, chỉ huyết rất hay và trị chứng sản-hậu huyết vừng.

代 赭 石 Đại-giả-thạch tính lạnh, trị các chứng huyết; trấn bình kinh trẻ-con và bệnh cam; đàn-bà có thai chớ dùng.

骨 碎 補 Cốt-toại-bồ tính ôn, hay phá huyết lại hay chỉ huyết, trị chứng rập gãy; bỏ thận, khỏi ù tai, đau răng.

茜 根 Thuyếu-căn tính lạnh, mát quả tim, buồng phổi, chỉ các bệnh huyết, trừ da vàng bủng, trị chứng tê thấp.

萆 麻 子 Tỳ-ma-tử là hạt dầu đầu tia, hay hút khí độc rút ngòi đinh nhọt. Bệnh thoát giang dật trên đỉnh đầu thời thu lèn, đàn-bà đẻ rau chậm ra dật gan bàn chân thời ra.

藜 攪 Tật-bát là lá lốt tính ôn, hạ khí, tiêu đàm, trị chứng đau bụng đi tả; nút lỗ-mũi khỏi rức dầu.

百 部 Bách-bộ tính bình, trừ buồng phổi nóng và xương nóng, khỏi ho hắng, sát trùng gỏi đầu thì klóng có chảy nữa.

京 墨 Kinh-mặc là mực-tầu, chỉ các bệnh huyết và trị bệnh đau tim và sưng lưỡi.

女 貞 子 Nữ-trinh-tử tính bình, bổ âm huyết yên ngũ tạng, trừ gió máy khỏi các bệnh.

仄 帝 Qua-đế là cuống quả dưa tính hàn hay nòn mửa, trị bệnh động-kinh, chứng hầu-tỷ và đàm-tích, thực-tích ở trong ngực phải dùng để cho thổ ra.

瞿 粟 壳 Cồ-túc-xác là vỏ quả thuốc-phiện tính ôn, trị chứng ho lâu và bệnh tả-lỵ đã lâu lại trị bệnh di-tĩnh;

巴 豆 Ba-dậu tính nóng, mùi cay thông lợi đại-tiện, trừ trong dạ-dầy lạnh và tức đầy, phá bệnh hòn, thông kinh nguyệt (bọc giấy đập bỏ dầu mà dùng).

班 描 Ban-miêu là con sâu cây đậu-xanh có độc; phá huyết thông kinh, trị các sang độc, bệnh tràng-nhạc, trị lâm-bệnh di tiểu đau buốt.

胡 黃 連 Hồ hoàng-liên tính bình, bỏ can, sáng mắt, trừ xương nóng, trị trẻ-con cam lỵ.

使君子 Sứ-quân tử là quả-dun tính ôn, sát trùng, trị trẻ con bệnh cam ; chỉ đi tả và tiêu - tiện trắng đục.

赤石脂 Xích-thạch-chỉ tính ôn, sáp tràng, chỉ đi lý và trị chứng di-tĩnh, trị dọt vỡ, hút mủ, mọc thịt.

青黛 Thanh-dại tính mát, giải buồnggan nóng, tiêu cơm, giải các thứ độc, trị trẻ-con bệnh cam.

白礬 Bạch-phân là phèn-chua, tính lạnh, giải nóng tiêu đàm và trị răng đau, thối tai, trong mũi mọc thịt.

五倍 Ngũ-bội tính bình, trị ghê lở, trẻ con cam răng, cam mũi, mắt đỏ, lở mồm trong uống ngoài bôi.

玄明粉 Huyền-minh-phấn tính lạnh phá kết, tiêu đàm, khoan khoái trong ngực, tiêu rờ bần trong ruột.

石斛 Thạch-hộc tính mát, trừ trong bụng nóng ngoài da nóng, trị hai chân tê-thấp.

牡蠣 Mẫu-lệ là vỏ con hàu tính mát, liễm bờ-hỏi lại chỉ bệnh di-tĩnh và đàn-bà bệnh xích, bạch-dái.

川練子 Xuyên-luyện-tử tính mát, trị chứng thương hàn sốt rừ ; trong bụng đau rừ và trị chứng sản-khí, lợi tiện, sát trùng.

華蘼 Tỳ giải là củ kim-cương tính bình, trị bỏ-đục lạnh, chứng dương-nuy đi tiểu nhiều và trị chứng tê-thấp

龍骨 Long cốt tính bình, trị chứng tràng-ung, các dọt vỡ không thu miệng, trị bệnh di-tĩnh và chỉ huyết, chỉ hãn lại an hồn vía khỏi chiêm bao mơ màng.

血餘 Huyết-dư là tóc, chỉ các chứng huyết, đàn-bà sản hậu, chứng huyết vưng, trẻ con thai kinh nóng sốt.

佩香 Phong-hương tính bình, trị chứng ung dọt, ghê ngứa và trị đau răng.

檀香 Đàn-hương là trầm-bạch tính ôn, hòa tỳ vị, ăn ngon cơm khỏi đau bụng, trừ mùi hôi tanh.

安息香 An-tức hương tính bình, trừ tả sát quỷ, chỉ bệnh di-tĩnh, chiêm bao mơ màng.

蘇合香 Tô-hợp-hương tính ôn, trị bệnh trúng phong, chứng khí-quyết, đàm-quyết, trừ ma quỷ nằm ngủ bóng đè

熊胆 Hùng-dâm là mật-gấu tính lạnh, thông kinh tán huyết, trừ màng mắt, hồi dột độc ; khỏi chứng da vàng, trị trẻ-con kinh phong, và khi ngã đánh máu tụ lại.

硼砂 Băng-sa tính nóng, phá huyết, tiêu đàm, trừ các ung dột, thối thịt ; hóc xương ngậm nuốt thời khỏi.

硃砂 Chu-sa tính mát, thanh quả tim nhuận buồng phổi, yên thần hồn, trừ tà khí giải lên đầu độc.

硫黃 Lưu-hoàng tính nóng có độc sát dột ghẻ có trùng, bỏ thận hỏa, tráng dương khí, trừ lãnh khí.

龍腦 Long-não tính ôn, trị đau mắt và chứng hầu-tỷ trừ phong, tiêu đàm.

盧會 Lô-hội gọi là mật-voi tính lạnh, trị trẻ-con bịnh cam và chứng kinh-dẫn yả trị sâu răng ngứa mũi.

天竺黃 Thiên-chúc-hoàng là phấn-nửa tính bình, trị chứng phong nhiệt, mát quả tim, sáng con mắt, trị trẻ con sài kinh.

射干 Sạ-hương tính ôn, sát trùng, trừ khí độc, thông các tia lỗ vào trong xương tỷ, thôi sinh trục thai rất mạnh.

乳香 Nhũ-hương tính ôn, trị các chứng ung dột, khỏi sưng đau, trị chứng đau bụng ; sao với bắc nghiền nhỏ dùng.

沒藥 Mọt-dược tính bình, trị các chứng ung nhọt, tán huyết khỏi đau và trị khi bị ngã bị đánh hay dao đâm, sao với bắc nghiền nhỏ dùng.

阿魏 A-uy tính ôn, sát trùng tiêu cơm thịt, phá bịnh hồn, trừ ma quỷ.

水銀 Thủy-ngân tính lạnh, trị ghẻ ngứa, sát trùng và trị bịnh tiêm-la.

輕粉 Kinh-phấn tính lạnh, có độc sát trùng, ghẻ lở, ngứa nhỏ bôi vào, lại bôi bịnh tràng-nhạc và bịnh mũi đỏ.

靈砂 Linh-sa hoặc gọi là **靈丹** Linh-dan tính ôn, trị trong ngũ tạng lạnh lẽo, yên thần hồn, thông mạch máu thêm sức khỏe.

砒霜 Phê-sương là thạch-tín hoặc gọi là nhân ngón rất độc lắm trị ung nhọt độc, tràng-nhạc, bòa thuốc đề bôi. Luyện cửt giun nung đỏ cho hết khói, trị chứng kéo hen và mọc nhiều dọt.

雄黃 Hùng hoàng tính bình trừ tà giải độc, trị ghẻ lở sát trùng.

珍珠 Trân-câu tính mát, trị đau mắt có màng, nút lỗ tai khỏi điếc, trị trẻ-con sài kinh, nóng sốt.

牛黃 Ngưu-luân tính mát trị chứng trúng phong đờm tắc cổ và trị trẻ-con ho đờm sốt nóng.

琥珀 Hồ phách tính bình, yên hồn vía trừ trôn bụng tích tụ ; thông lợi tiểu-tiện rất mạnh.

血竭 Huyết-kiệt tính bình, trị chứng ung dọt, thu miệng lại, mọc thịt ra, trị ngã đánh tán huyết khỏi đau trị đàn-bà chứng bạch-dái.

石鍾乳 Thạch-trung-nhũ tính ôn, bổ phế, khỏi ho và bổ thận ra nhiều sữa

陽起石 Dương-khởi thạch tính ôn, trị đàn-ông chứng âm nuy, luyệt dương rất hay ; Đàn bà ấm áp trong dạ-con.

蒲公英 Bồ-công-anh tính bình trị vú mọc dọt và lên đinh sưng đau ; trị mũi gai đâm vào ở trong thịt, vắt nước bôi vào.

扁蓄 Biền-súc là thái lái, trị ghẻ mủ bệnh trĩ, trẻ-con giun cắn trong bụng ; đàn-bà chứng âm sang.

鷄內金 Kê-nội-kim là da vàng trong mề-gà tính mát, trị chứng di-tĩnh và vãi dái, chỉ chứng băng-lậu, trừ uóng nầy, chỉ di lý.

蓮藕 Liên-ngẫu là ngô-sen tính mát, trừ nóng giải khát, chỉ thổ huyết, ho ra huyết ; vắt lấy nước uống, nấu chín bỏ tỳ tiêu cơm.

乾柿 Can-thị là hồng-tầu tính bình, nhuận tim, mát phổi khỏi ho, tiêu đờm, bỏ tỳ vị.

石橘皮 Thạch-lựu-bì là vỏ quả lựu tính bình, xấp tràng chỉ bình lý và chỉ lậu tính lại trị gân cơ chân đau.

陳米 Trần-mễ là gạo dễ lâu năm tính bình, hòa tỳ vị chống tiêu hóa, giải nóng khỏi khát, chỉ tả lý; (sao cháy dùng).

羅蔔子 La-bặc-tử là hạt củ-bu tính ôn, thổ phong đàm khỏi ho thở, trừ tức đầy, lợi đại tiểu-tiện.

萊菔根 La-bặc-căn là củ cải tính bình, hoan-khoái trong bụng, nhuận buồng phổi, hóa đàm, tiêu cơm, chỉ ho ra máu.

蔞油 Ma-du hoặc gọi là **香油** Hương du tính mát, giải nóng trừ độc, trừ đau cổ thông lợi đại - tràng.

白果 Bạch-quả tức là vị **銀杏** Ngân-hạnh tính lạnh, mát buồng phổi tiêu đờm khỏi ho, yên thổ kéo hen.

胡桃 Hồ-đào tính ôn, bổ phế khỏi ho hắng, bổ thận, khỏi đau lưng, đen râu tóc.

樨子 Phi tử tính bình, trừ các bệnh trĩ, trị bụng có sạn hóa ra nước và tiêu cơm ăa được nhiều

竹茹 Trúc nhự là tinh tre tính mát, chỉ nôn mửa và chỉ bệnh huyết, yên buồn bã, không ngủ được.

竹葉 Trúc-diệp tính bình, trừ nóng giải khát, khỏi ho, tiêu đàm lợi tiểu-tiện.

竹瀝 Trúc-lich là nước măng-vòi tính mát, bổ âm khỏi khát giải nóng, tiêu đàm trị trẻ con nóng sốt nhiều đờm.

燈心 Đăng-tâm là bắc tính lạnh, mát quả tim. lợi tiểu-tiện, nhai nhỏ dặt dứt tay, đốt ra than thổi chữa đau cổ.

艾葉 Ngải-diệp là lá ngải-cứu tính nóng trị trong bụng đau lạnh, đau hoắc-loạn, chỉ băng huyết, lậu huyết, an thai, ấa dạ-con.

緣荳 Lục-dậu là đậu-xanh tính mát, giải các thứ độc, trừ nóng, khỏi khát, nghiền sống hòa nước uống, trị đau bụng nhiệt, lợi tiểu-tiện.

川椒 Xuyên-tiêu là hạt dăng-cay, tính nóng, trị đau răng đau mắt, trong bụng đau lạnh, trị trẻ-con bụng có giun.

胡椒 Hồ-tiêu tính nóng, trừ dạ-dầy lạnh ngực bụng đau lạnh nóng trong ngũ tạng tiêu cơm hóa đờm, chớ nên ăn nhiều.

蜂蜜 Phong-mật là mật-ong tính bình, bổ tỳ nhuận phế, trừ nóng, khỏi khát, trị các bệnh trong mồm lưỡi giải các thứ độc, nhuận đại-tràng, trị bỏng nước bỏng lửa.

馬齒莧 Mã-si-nghiễn là rau-sam tính lạnh, giải khát lợi tiểu, dịt chứng ung dột.

葱白 Thông-bạch là củ hành tính bình, trị chứng thương phong rức dầu phát sốt, ra được mồ-hôi, dịt dột sưng đau.

胡荽 Hồ-tuy là hột-mùi tính ôn, khỏi rức dầu, tiêu cơm rượu, nhai nhỏ phun trẻ-con cho mọc đậu được tốt.

韭菜 Cửu-thái là lá họ tính nóng, ấm trong bụng, trừ đau bụng lạnh, vắt nước uống tiêu máu đọng.

韭子 Cửu-tử là hột-hẹ, trị bệnh di-tinh.

大蒜 Đại-toán là củ-tỏi tính ôn, tiêu ung dột, giải bệnh trúng thử, tiêu ăn cá thịt, chỉ chứng hoắc loạn, trừ sơn lam chương khí.

食鹽 Thực-diêm là muối tính bình, hay nôn đờm ra hay mềm chỗ sưng rắn, bền răng sáng mắt.

茶茗 Trà-dinh là chè.

烏龍 Ô-loung tính bình.

蓮心 Liên-tâm tính lạnh, điều hay mát quả tim, tỉnh con mắt, nhuận buồng phổi tiêu đàm lợi tiểu-tiện.

松圓 Tông-viên là chè-hột tính bình Lá chè tươi tính mát.

漫後 Mạn-hậu là chè mạn-hảo tính ôn, tiêu cơm, trừ đầy bụng ráo huyết, chỉ tả.

酒 Tửu là rượu tính hay bốc nóng, có độc, hành khí, tán huyết, uống ít tiêu cơm, uống nhiều sinh bệnh.

醋 Thổ là giấm-thanh tiêu sưng sưng, phá bệnh bòn cục đàn bà sản-hậu, chứng huyết vừng, tưới vào than lửa xông lấy khói.

淡荳蔻 Đạm-dậu-sị tính mát trị chứng thương-hàn rức dầu phát sốt, trị trong lòng phiền não. Bã đậu dịt ung dột sưng đau.

童便 Đồng-tiên là nước tiểu trẻ con tính lạnh, giáng hỏa rất mau, trị chứng thổ-huyết, nục-huyết, và trị ngã đánh, trị đản-bà sản hậu hay tiêu ứ huyết.

枳椇子 Chi-cụ-tử tính bình vị ngọt, giải độc rượu, (các nhà nấu rượu, vườn có cây ấy, thì rượu nhạt).

三七 Củ-tam-thất khí lạnh, vị đắng, tán huyết hóa ra nước, gỏi dễ thì uống, đánh đâm chảy máu thì bôi dặt.

虎骨 Hồ-cốt tính ôn, trừ chứng phong thấp thần hiệu và mạnh gân khỏe xương.

白前 Bạch-tiên tính bình, bổ phế, trị ho lâu, tiêu đàm khỏi thở.

葛花 Cát-hoa và **豆花** Đậu-hoa hai vị liền lẫn uống một thìa bao nhiêu rượu cũng không say.

蟪蛄 Tề-tào là con sâu-giấu, dựa nó chấm khỏi màng mắt mũi gai đâm mắc ở trong thịt, đâm nó dặt vào thì hút ra được.

椰菜 Gia-quả là quả dừa, nước dừa giải khát, cùi dừa bỏ tỳ, dầu dừa bôi tóc.

萱花 Huyền-hoa là hoa-hiên vị ngọt, nhẹ mình sáng mắt vui vẻ khỏi phiền, mát mẻ khỏi nóng

蚕蛾 Tằm-nga con ngài, trị bệnh di-tinh, nón quả bồ-đục, tráng dương thần hiệu.

活鹿草 Hoạt-lộc-thảo là cây xương-xông xát ghê trừ độc, hột nó trừ giun cần trong bụng.

蘆甘石 Lô-cam-thạch trị các thứ đau mắt, (nuag đồ tui đồng-tiên bầy bạn tán bột dùng).

飴糖 Gi đường là kẹo mạch-nha tính ôn, bổ phế khí, hòa tỳ-vị tiêu đàm khỏi ho.

甘蔗 Cam-giá là cây mía tính bình, nhuận phế tiêu đàm, điều hòa lý vị.

冬瓜 Đông-quả là quả bí-đào tính mát trừ nóng nẩy lợi tiểu-tiên, người nào ốm đã lâu chớ dùng.

竹筴 Trúc-duẩn là mang-tre, lợi tiểu-tiện mang-khò thời trẻ tỳ, trong bụng có bịnh hòn và chứng đau chân không nên ăn.

荔枝 Lệ-chi là quả vải tính bình sinh tân-dịch kiện tỳ vị hột vải trị bịnh sản - khi

栗子 Lật-tử là hột dẻ tính ôn, bổ thận trị đau lưng đầu gối mỏi, cứng gân khỏe xương.

橄欖 Cầm-lãm là quả chám tiêu cơm đã rượu khỏi hóc xương cá, nhà -chám bôi môi nẻ.

菱角 Lăng-dác là củ ấu tính mát không bổ ích gì, tổn dương hại âm bụng đầy hỏa lý.

栲櫟 Quân-tiên là quả hồng đỏ tính mát đã rượu và khỏi khát.

梨果 Lệ-quả tính mát đã rượu khỏi khát, tiêu đàm khỏi ho, lại trừ nóng này.

猪肉 Chư nhục là thịt lợn tính bình, bổ móng-giò rất bổ, ruột-lợn lâu tiêu, thủ-lợn có độc.

水牛肉 Thủy-ngưu-nhục là thịt trâu tính mát, bổ tỳ lợi tiểu.

黃牛肉 Hoang-ngưu-nhục là thịt bò tính nóng, ôn tỳ vị, những người tính nóng bịnh nóng chớ dùng.

羊肉 Dương-nhục thịt dê nóng lắm, đại bổ dương khi mạnh gân khỏe xương những người yếu đuối nên dùng.

狗肉 Cẩu-nhục là thịt chó có độc, tính nóng bổ dương, những người âm hư và dân-bà có mang phải kiêng.

熊掌 Hùng-chưởng là bàn-tay con gấu rút là vị ngon, không sợ gió máy, mật-gấu tàn huyết bị ngã bị đòn uống thực hay.

鹿肉 Lộc-nhục là thịt hươu tính nóng, bổ các bịnh hư, tiết hươu trị chứng phế-ung và trị bịnh âm-nuy dương luyệt.

蛇肉 Thố-nhục là thịt rắn tính bình, nhạt nhẽo chẳng bổ ích gì, bại dương tổn khí, hóa vàng da hại tinh thần.

香狸 Hương-ly là cây-hương thịt ấu ngon lắm, dưới rắn thịt thơm gọi là xạ-nam.

狐肉 Hồ-nhục là thịt cáo, bỏ các bệnh hư, những chừn hay quên và sợ hãi, bệnh ghê lở; thịt ăn rứt ngon khỏi cả các bệnh

鷄肉 Kê nhục là thịt gà tính ôn, bỏ khí, những bệnh nóng phải kiêng. thịt gà già rất độc.

鷄卵 Kê-noãn là trứng-gà tính ôn, lòng-dỏ bỏ khí huyết lòng trắng thì mát, hay tiêu nóng nầy.

鶩肉 Nga-nhục là thịt ngỗng tính mát, nóng nầy nên ăn, ngỗng trắng ngỗng xanh đều có độc cả; người yếu phải kiêng.

鴨肉 Áp-nhục là thịt vịt tính lạnh bình, bỏ lợi tiểu chứng hàn thấp không nên ăn, trứng - vịt thời lạnh

斑鳩 Ban-cưu là chim gáy, bỏ âm bỏ dương, những người gầy gò yếu đuối nên ăn.

白鵠 Bạch-cáp là chim bồ câu trắng tính bình, bỏ tính khí, giải các thứ độc, bệnh ghê lở nên dùng.

竹雞 Trúc-kê là gà-ác, thịt lạnh không độc, bỏ các bệnh hư hàn-bà nên dùng.

雀肉 Tước-nhục là thịt chim sẻ tính ôn, đại bỏ dương khí, cắt chim sẻ gọi là bạch-dinh-hương; trị mắt có mẩu trị chứng ung dọt

鯉魚 Lý ngư là cá chép tính bình. an thai tiêu sưng, những chứng ho thở bịnh dọt ghê không nên ăn.

鱧魚 Lễ ngư là cá chuối có độc, người có bệnh phải kiêng, mặt nó trị chứng hầu-tý đau cổ.

鯽魚 Túc-ngư là cá riếc bỏ tỷ; (nhồi phen vào bụng nó đốt ra than trị chứng tiện-huyết).

鯖魚 Thanh-ngư là cá chắm tính bình, ngon lành không độc, bỏ tâm trừ thấp tạng nóng nên dùng.

鱣魚 Liên-ngư là cá mè tính bình bỏ tỷ vị hòa khí huyết; cá tươi thực ngon.

鰻魚 Quý-ngư là cá rô rất lạnh không độc, có phần bỏ ich cho người yếu đuối, mặt cá rô trị bệnh hóc xương; nấu rượu cho uống nòn ra khỏi ngay.

鮎魚 Niêm-ngư là cá nheo tính lạnh không độc, lợi tiểu-tiền.

魴魚 Phương-ngư là cá vền, tính lạnh không độc, hòa tỳ vị, tiêu cơm.

條魚 Diêu-ngư là cá đầu tính bình không độc.

比目魚 Ty-mục-ngư là cá lờn-bơn tính lạnh, bình, bổ.

鱠魚 Tề-ngư là cá lạnh-canh, tuy rằng sạch sẽ không bổ ích gì.

鰕 Hà là con tôm có độc ít chứng phong thấp, bệnh ho phải kiêng.

田雞 Điền-kê là con ếch, hoặc gọi gà-dồng, nấu ăn rất ngon; người có bệnh phải kiêng.

善鴨 Thiện minh là con chấu tính mát mà lạnh, và giải nhiệt.

田蟹 Điền-hải là cua đồng, giải uất kết thông mạch máu (gạch cua hòa vào sơn sống hóa ra nước).

海蟹 Hải-hải là cua bể tính lạnh, hay động thấp khi người máu lạnh phải kiêng.

黃鱔 Hoàng-thiện là con lươn tính lạnh, bổ Âm, người tạng hàn chớ dùng.

蚌蛤 Bạng-cáp là con trai tính mát, trừ phiền tiểu nóng.

蚶氏 Cam-ngôa là con sò tính ôn, bổ khí huyết, kiện tỳ vị tiêu cơm.

臟腑要藥

134. — Tạng-phủ-yếu-dược

心 部

Tâm - bộ

補 心

Bổ tâm

通仁 遠志 丹參 竜眼 菖蒲 茯神 麥門 五味
Táo-nhân, Viễn-chí, Đan-sâm, Long-nhãn, Dương-quy, Phục-thần, Mạch-môn, Ngũ vị.

瀉 心

Tả tâm

黃連 苦參 木通 犀角 昌蒲 梔子 車前 連翹
Hoàng-liên, Khổ-sâm, Mộc-thông, Tế-dác, Sương-bồ, Chi-tử, Xa-tiền, Liên-kiêu

溫 心

Ôn tâm

肉桂 吳茱 藿香 蘇子

Nhục-quế, Ngô-thú, Hoắc-hương, Tô-tử.

涼 心

Lương tâm

生地 白芍 燈心 牛黃 竹葉 通草 蓮子心 竹捲心
Sinh-dịa, Bạch-thược, Đăng-tâm, Ngưu-hoàng, Trúc-diệp, Thông-thảo, Liên-tử-tâm, Trúc-quyên-tâm

肝 部

Can - bộ

補 肝

Bổ can

當歸 生地 山茱 辰 杞子 五味 烏梅
兎絲 白芍 川芎 鱉甲 龍骨 何首烏

Đương-quy, Sinh-dịa, Sơn-thù, Mộc-quạ, Khởi-tử, Ngũ-vị,
Ô-mai, Thổ-ty, Bạch-thược, Xuyên-khung, Biết-giáp, Long-
cốt Hà-thủ-ô.

瀉 肝

Tả can

青皮 白芍 柴胡 前胡 青黛 礞金 川楝子 白蒺藜
桃仁 莪朮 沉香 梔子 赤芍 鉤藤 玄胡索

Thanh bì, Bạch-thược, Sài-hồ, Tiên-hồ, Thanh-dại, Uất-
kim, Xuyên-luyện tử, Bạch tật-lê, Đào-nhân, Nga-truật, Trầm-
hương, Chi-tử, Xích-thược, Câu-dăng, Huyền-hồ-sách.

溫 肝

Ôn can

木香 肉桂 陳皮 檳榔 吳茱 蘼荑 肉豆蔻
細辛 胡椒 艾葉 香附 骨碎 小茴

Mộc-hương, Nhục-quế, Trần-bì, inh-lang Ngô-thù Tất-bát,
Nhục-dậu khấu, Tế-tân, Hồ-tiên Ngải-diệp Hương-phụ, Cốt-
toái Tiểu hồi.

涼 肝

Lương can

胡黃連 龍胆 菊花 夏枯草 石決明
艸決明 青蒿 車前

Hồ-hoàng liên, Long-dâm, Cúc-hoa Hạ-khô-thảo, Thạch-
quyết minh, Thảo-quyết minh, Thanh-hạo, Xa-tiền.

脾 部

Tỳ - bộ

補 脾

Bồ tỳ

白朮 黃精 淮山 扁豆 薏苡 大棗
甘草 茯苓 人參 黃芪 茯苓 蓮肉

Bạch-truật Hoàng tinh Hoài-sơn, Biều-dậu, Ý-dĩ, Đại-tào,
Cam-thảo, Khiếm-thực, Nhân-sâm Hoàng-kỳ, Phục-linh, Liên-
nhục.

溫 脾
Tả tỳ

大黃 枳實 羅蔔 山楂 麥芽 枳殼
腹皮 使君 白芷 陳皮 檳榔

Đại-hoàng, Chỉ thực, La-bặc, Sơn-tra, Mạch-nha, Chỉ-xác,
Phúc-bì, Sủ-quần, Bạch-chí, Trần-bì, Bình-lang.

溫 脾
Ôn tỳ

製附 乾姜 青蘘 蒼朮 胡椒 木香 煨姜 白豆蔻
藿香 益智 砂仁 川椒 薤白 神曲 厚樸

Chế-phụ, Can-khương, Thảo quả, Xương-truật, Hồ-tiên, Mộc-
hương, Ôi-khương, Bạch-dậu-khẩu, Hoắc-hương, Ích-tri, Sa-
nhân, Xuyên-tiên, Vu-đi, Thần-khúc, Hậu-phác.

涼 脾
Lương tỳ

黃芩 黃柏 梔子 知母 金銀 蓮翹 白芍 滑石
Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Chi-tử, Tri-mẫu, Kim-ngân, Liên-
kiêu, Bạch-thược, Hoạt-thạch.

肺 部
Phế hộ

補 肺
Bổ phế

沙參 百合 黃芪 阿膠 麥門 五味 訶子 蛤蚧
Sa-sâm, Bạch hợp, Hoàng-kỳ, A-đao, Mạch môn, Ngũ-vị,
Kha-tử, Cáp dơi.

瀉 肺
Tả phế

亭藳 桔梗 蘇子 牛蒡 杏仁 前胡
升麻 貝母 竹茹 桑皮 白芥子

Đinh-lịch, Kết-cánh, Tô-tử, Ngưu-bàng, Hạnh-nhân, Tiền-hồ,
Thăng-ma, Bối-mẫu, Trúc-nhự, Tang-bì, Bạch-giới-tử.

溫 肺

Ôn phế

蘇 梗 生 姜 乾 姜 肉 桂 白 豆 蔻 款 冬 花

Tò-ngạnh, Sinh khương, Can-khương, Nhục-quế, Bạch-đậu-khẩu, Khoăn-dòng-hoa.

涼 肺

Lương phế

石 羔 黃 芩 竹 瀝 知 母 花 粉 天 門
玄 參 梔 子 苳 苳 海 石 地 骨 皮

Thạch-cao, Hoàng-cầm, Trúc-lich, Tri-mẫu, Hoa-phấn, Thiên-môn, Huyền-sâm, Chi-tử, Bạc hà, Hải-thạch, Địa-cốt-bì.

腎 部

Thận - bộ

補 腎

Bồ thận

熟 地 杞 子 巴 戟 杜 仲 龜 板 女 貞 海 參 何 首 烏
鹿 茸 麋 茸 鹿 膠 牛 必 續 斷 虎 骨 藥 膠 骨 碎 補

Thục-dịa, Khởi-tử, Ba-kịch, Đỗ-trọng, Quy bản, Nữ-trình, Hải-sâm, Hà-thủ-ô, Lộc nhung, Mi-nhung, Lộc dao, Ngu-tất Tục đoạn, Hồ-cốt, Mi-dao, Cốt-toái-bồ.

瀉 腎

Tả thận

猪 苓 澤 左 知 母 黃 伯 白 苓 赤 苓

Chư-linh, Trạch-tả, Tri-mẫu, Hoang-bá, Bạch-linh, Xích-linh.

溫 腎

Ôn thận

破 故 兎 絲 小 茴 艾 葉 洗 香 製 附 肉 桂 烏 藥

Phá-cổ, Thỏ-ty, Tiểu-hồi, Ngải-diệp, Trầm-hương, Chế-phụ, Nhục-quế, Ô-dược.

涼 腎

Lương thận

樸硝 苦參 生地 牡丹 地骨 玄參 知母 玄明粉

Phác-tiêu, Khổ-sâm, Sinh địa, Mẫu-don, Địa-cốt Huyền-sâm, Tri-mẫu, Huyền-minh phấn

胃 部

Vị - bộ

補 胃

Bổ vị

人參 白朮 黃芪 紅棗 大棗 扁豆 淮山 炙草

龍眼 芡實 蓮肉 山楂 麥芽 神曲 百合 陳皮

Nhân-sâm, Bạch-truật, Hoàng-kỳ Hồng-táo, Đại-táo, Biều-dậu, Hoài-sơn, Chích thảo Long-nhãn, Khiếm-thực, Liên-nhục, Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc, Bạch-bột, Trần-bì

瀉 胃

Tả vị

大黃 芒硝 巴豆 枳實 枳殼 白芥子 羅蔔子 蘇梗

Đại-hoàng, Mang-tiêu, Ba-dậu Chích-thực, Chích-xác, Bạch-dối-tử La-bặc-tử, Tô-ngạnh.

溫 胃

Ôn vị

丁香 豆蔻 香附 煨姜 木香 藿香 厚樸 益智

吳茱 乾姜 柿果 胡椒 川椒 良姜 砂仁 烏藥

Đinh-hương, Đậu khấu, Hương-phụ Ôi-khương, Mộc-hương, Hoắc-hương, Hậu-phác, Ích-tri Ngô-thù, Can-khương, Thảo-quả Hồ-tiêu, Xuyên-tiêu, Lương-khương, Sa-nhân, Ô-dược.

涼 胃

Lương vị

石膏 葛根 犀角 石斛 連翹 萹薢 花粉

知母 竹葉 滑石 黃芩 梔子 茅根 升麻

Thạch-cao, Cát-căn, Tê-dác, Thạch-hộc, Liên-kiêu Tỷ-dải, Hoa-phấn, Tri-mẫu, Trúc-diệp, Hoạt-thạch, Hoàng-cầm, Chi-tử, Mao-căn, Thũng-ma.

胆 部

Đảm - bộ

補 胆

Bồ đảm

烏梅 棗仁 龍胆 木通 胡黃連
Ô-mai, Táo-nhân, Long-dảm, Mộc-thông, Hồ-hoàng-liên

瀉 胆

Tả đảm

青皮 香附 柴胡 秦艽 桔梗 川芎
Thanh-bì, Hương-phụ, Sài-hồ, Tần-dao, Kết-cánh, Xuyên-khung.

溫 胆

Ôn đảm

陳皮 生薑 肉桂 山茱 細辛 川芎
Trần-bì, Sinh-khương, Nhục-quế Sơn-thù, Tế-tân, Xuyên-khung.

涼 胆

Lương đảm

竹茹 黃連 青蒿 槐實
Trúc-nhự, Hoàng-liên, Thanh-hao, Hòe-thực.

心 胞 絡

Tâm - bào - lạc

補 胞 絡

Bồ bào-lạc

人參 黃芪 肉桂 菴蓉 兕絲 破故 沉香
Nhân sâm, Hoàng-kỳ, Nhục quế, Thông dong, Thỏ-tý, Phá-cổ, Trầm-hương.

瀉 胞 絡

Tả bào-lạc

大黃 芒硝 只壳 梔子 黃伯 烏藥
Đại-hoàng, Mang-tiêu, Chỉ xác, Chi-tử, Hoàng-bá, Ô-dược

溫胞絡
Ôn bào-lạc

製附 乾菱 川芎 益智 豆蔻 小茴
Chế phụ, Can-khương, Xuyên khung, Ích-trí, Đậu-khẩu, Tiểu-hồi.

涼胞絡
Lương bào-lạc

黃芩 知母 黃連 梔子 石羔 滑石
Hoàng-cầm, Tri-mẫu, Hoàng-liên, Chi-tử, Thạch-cao, Hoạt-thạch.

命門
Mạnh-môn

補命門
Bổ mạnh-môn

肉桂 製附 沉香 硫黃 從蓉 黃芪 胡蘆巴
Nhục-quế, Chế-phụ, Trầm-hương, Lưu-hoàng, Thông-dong, Hoàng-kỳ, Hồ-lô-ba.

瀉命門
Tả mạnh-môn

知母 黃柏 大黃 只亮
Tri-mẫu, Hoàng-bá, Đại-hoàng, Chỉ-xác.

溫命門
Ôn mạnh-môn

川芎 破故 臘朮
Xuyên-khung, Phá-cổ, Ớt-nội-tử.

涼命門
Lương mạnh-môn

黃連 梔子 黃柏 石羔
Hoàng-liên, Chi-tử, Hoàng-bá, Thạch-cao.

三焦
Tam-tiêu

補三焦
Bổ tam-tiêu

淫羊藿 藟 藟 藟 藟 藟 藟 藟 藟 藟
Dâm dương-hoắc, Hoàng-kỳ.

瀉三焦

Tả tam-tiêu

青皮 木香 柴胡 香附

Thanh-bì, Mộc-hương, Sài-hồ, Hương-phụ.

溫三焦

Ôn tam-tiêu

烏藥 胡桃 白豆蔻 肉豆蔻

Ô-dược, Hồ-dào, Bạch-dậu-khẩu, Nhục-dậu-khẩu.

涼三焦

Lương tam-tiêu

梔子 麥門 黃芩 地骨 青蒿 連翹

Chi-tử, Mạch-môn, Hoàng-bá, Địa-cốt, Thanh-hao, Liên-kiêu.

小腸

Tiểu-tràng

補小腸

Bổ tiểu-tràng

沉香 肉桂 生地 牡蠣 石斛 草梢

Trầm-hương, Nhục-quế Sinh-dịa Mẫu-lệ, Thạch-hộc, Thảo-sao.

瀉小腸

Tả tiểu-tràng

木通 荔枝 川練 赤芍 燈心 蘇葉 赤苓

Mộc-thông, Lệ-hạch, Xuyên-luyện, Xích-thược, Đăng-tâm, Tô-diệp, Xích-linh.

溫小腸

Ôn tiểu-tràng

巴戟 烏藥 大茴 小茴

Ba-kích, Ô-dược, Đại-hồi, Tiểu-hồi.

涼小腸

Lương tiểu-tràng

通草 花粉 黃芩 茅根

Thông-thảo, Hoa-phấn, Hoàng-cầm, Mao căn.

膀胱

Bàng-quang

補膀胱

Bổ bàng-quang

益智 橘核 菖蒲 龍骨 續斷

Ích-trí, Quất-hạch, Sương-bồ, Long-cốt, Tục-doạn.

瀉 勝 胱

Tả bàng-quang

防已 木通 猪苓 澤左 姜活 防風 亭瀝 蒲黃
Phòng-kỷ, Mộc-thông, Chư-linh, Trạch tả, Khương-hoạt,
Phòng-phong, Đinh-lịch, Bồ-hoàng.

溫 勝 胱

Ôn bàng-quang

吳茱 小回 洸香 肉桂 烏藥 製附
Ngô thù, Tiểu-hồi, Trầm-hương, Nhục-quế, Ô-dược, Chế-phụ.

涼 勝 胱

Lương bàng-quang

黃伯 梔子 車前 炒稍 茵陳 竜胆
Hoàng-bá, Chi-tử, Xa-tiên, Thảo sao, Nhân-trần, Long-dảm,

大 腸

Đại - tràng

補 大 腸

Bổ đại - tràng

粟壳 訶子 百合 五倍 蓮肉 荳蔻
Túc-xác, Kha-tử, Bạch hợp, Ngũ bội, Liên-nhục, Đậu-khẩu

瀉 大 腸

Tả đại-tràng

大黃 芒硝 巴豆 桃仁 石斛 黑丑
枳壳 腹皮 檳榔 白芷

Đại-hoàng, Mang-tiêu, Ba-dậu, Đào-nhân, Thạch-hộc, Hắc-sửu, Chi-xác, Phúc-bì, Bình-lang, Bạch-chí

溫 大 腸

Ôn đại-tràng

胡椒 吳茱 破故 乾姜 杞子 肉桂 當歸 木香
Hồ-tiêu, Ngô thù, Phá-cổ, Can-khương, Khôi-tử, Nhục-quế,
Đương-quý, Mộc-hương

涼 大 腸

Lương đại-tràng

黃芩 玄參 黃伯 地榆 槐花 知母 花粉 連翹
Hoàng-cầm, Huyền-sâm, Hoàng-bá, Địa-du, Hòe-hoa, Tri-mẫu, Hoa-phấn, Liên-kiêu.

南 藥

132. — Nam dược

烏白木 Ô-cửu-mộc là cây sồi.

旱蓮 Hận-liên, 麗腸艸 Lý tràng-thảo cùng là lá
nhỏ nổi

南烏藥 Nam-ô dược là cây tầm-xọng.

南木香 Nam-mộc hương là vỏ - rụt

夏枯草 Hạ-khô-thảo là cây cải rừng

截路草 Tiệt lộ-thảo là giấy sột-sạt.

鷄腸草 Kê-tràng-thảo, 鳳凰腸 Phượng-hoàng-tràng
đều là giấy ruột-gà.

鳳凰巢 Phượng-hoàng-xào là vỏ trứng-gà ấp.

鳳凰衣 Phượng-hoàng-y là mạng vỏ trứng-gà ấp

紫棕竹 Tử-tông-trúc là cây buyết dụn.

游龍菜 Du-long-thái là rau dừa mọc dưới nước

南牛膝 Nam-ngưu-tất là rễ cỏ xước.

南生地 Nam-sinh-dịa là củ mồng-tơi

鳳仙花 Phượng-tiên-hoa là hoa móng-nước

急性子 Cấp-tính-tử là hạt móng-nước.

地菰 Địa-tùng, 天名精 Thiên-danh-tinh 活鹿草
Hoạt-lộc-thảo đều là cây xương-xống.

石胡荽 Thạch-hồ-tuy là lá cóc-mần.

南柴胡 Nam-sài-hồ là rễ cúc-tần.

白童男 Bạch-dồng-nam là cây mần-trắng.

赤童女 Xích-dồng-nữ là cây mần đỏ.

胡荽 Hô-tuy là rau mùi.

小茴 Tiều-hồi là hột thì-là.

三柰 Tam nại là củ địa-liễn.

木鱉子 Mộc-biết-lử là hột - gấu.

兒絲 Thử-tý là giây tơ - hồng.

防已 Phòng-kỷ là rễ-gấc.

棕竹 Tông-trúc là cây lụi.

椶櫚子 Tông-lư-tử là hột cây móc.

蒲黃 Bô-hoàng là cỏ-nến.

山茨根 Sơn-phục-căn là củ dây-sơn-thực

千年健 Thiên-niên-kiện là rễ củ sơn-thực.

白粉藤 Bạch-phấn-dăng là dây thia-vôi.

蒼耳子 Xương-nhĩ-tử là quả ké

王不留行 Vương-bất-lưu-hành là cây ké.

地梧桐 Địa-ngô-dồng 臭梧桐 Sù-ngô-dồng, 木

芙蓉 Mộc-phù-dung cùng là cây phù-dung.

菰蔞草 Hy-thiêm-thảo là lá chó-dẻ.

酸漿 Toan-tương là chua me đất

忍冬藤 Nhẫn-đông-dăng là da kim ngân

西河柳 Tây-hà-liễu, 水楊 Thủy-dương đều là cây-
và hoặc cây gạo-nước.

草決明 Thảo-quyết-minh là hột muồng-muồng

石決明 Thạch-quyết minh là vỏ trai cừu-không.

芸薹菜 Vân-dải thái là cây dầu dầu tía,

葶麻子 Tỳ-ma-tử là hột dầu dầu tía,

鮫鯉甲 Giao-lý-giáp, 穿山甲 Xuyên-sơn-giáp đều
là vảy té-té.

天將軍 Thiên-tướng-quân là con ong-bụt.

地將軍 Địa-tướng-quân, 螻蛄 Khương-lang đều là
con bọ-lung

蜜 望 Mật-vọng là quả muỗm,

夭 桃 Yên đào là quả soài

菴 羅 Am-la là quả thị.

大 柰 Đại nại là quả mít.

栗 Lại là hột dẻ to bốn của tây.

桂 林 椎 Quế-lâm-chùy là hột-dẻ An-nam nhỏ bé.

萊 Lai là lá sả

黃 蜡 Hoàng thổ 黃 占 Hoàng chiêm 黃 蠟 Hoàng-lạp
đều là sáp ong vàng.

血 餘 Huyết dư 亂 髮 Loạn-phát đều là tóc người

廣 茂 卽 莪 朮 Quảng-mậu là Nga-truật.

管 仲 卽 貫 眾 Quán-trọng là Quán chúng.

棠 毳 郎 山 查 Đường-câu là Sơn-tra bồ quân)

茺 蔚 卽 益 母 Sung-uy là Ích-mẫu

木 律 卽 胡 桐 淚 Mộc-luật là Hồ-dồng-lệ.

阿 梨 勒 卽 訶 子 A-lê-lặc là Kha-tử

辛 夷 Tâu-di là búp da lòng.

魚 腥 菜 Ngư-tinh thái là lá rấp.

莧 Nghiễn là rau dền.

馬 齒 莧 Mã-sĩ-nghiễn là rau sam.

梔 子 Chi-tử là quả giảnh.

葛 根 Cát căn là củ sắn.

王 灰 Vương-quá là quả rom.

扁 蓄 Biền-súc là thái-lài

車 前 Sa-tiên là cây má đề.

甘 蕉 根 Cam-tiêu căn là củ chuối.

射 干 Xạ-can là củ lười - dòng hoặc cây rẻ - quạt.

使 君 Sứ-quân là quả dun.

大 腹 皮 Đại-phúc-bì là bọ mèo cau.

薯蕷 Thự-dự là củ-mài.

燈心草 Đăng tâm-thảo là bắc.

亭蘆 Đình-lịch là rau đay.

蜻蛚 Tề-tào là sâu-giâu.

蜚蠊 Phi-liêm là con rán.

田鷄 Điền-kê, 水鷄 Thủy kê đều là gà-dồng, (con ếch).

厓虫 Giá trùng là con rán đất.

海鰓 鰓 Hải-phiên-tiên, 鰓 魚 Tắc ngư đều là con
mắm mực.

烏賊骨 Ô-lặc-cốt là mai mắm-mực

班蝥 Ban-mâu 斑猫 Ban miêu đều là con sâu-dậu.

蜗牛 Oa-ngư là con ốc-sên.

蟻 蟻 Hà-mô là con Ỉnh-ương

天牛 Thiên-ngư là con xén-tóc.

天龍 Thiên-long, 蚣 蜈 Ngô-công đều là con rết.

蛄 蝦 蟆 Lại-hà-mô, 蟾 蜍 Thiềm-thừ đều là con cóc.

蛙 蛤 Oa-cáp là con ếch

蠅 蠅 Lâu-quắc, 善 鴿 Thiện-minh đều là con chấu-
chuộc.

田螺 Điền-loa là con ốc-nhồi.

螃 蟹 Bạng-hải là con cua.

蚌 Bạng là con trai.

蚶 Cam là con sò.

蜆 Nghiễn là cái hến.

馬 刀 Mã-dao là con trùng-trục.

蝦 蟇 Hà là con tôm.

土 蟻 Thổ-hà, 火 虱 Hỏa-trùng đều là con rươi.

製桂論

醫藥首重大味八味補水火之二神劑也。就中惟肉桂最難求。誤用者反旌病。司命之職豈甘束手乎。此製桂之不可不論也。夫人生有智愚之不同。草木有良毒之各異。城市之人多清鑒。村野之人常鄙猥。飭之以羅綺者。郁艷粧。服之以麻葛者。醜陋。教之以詩書者。皆聰明。習之以耕耨者。盡魯鈍。草木之類亦然。且觀夫肉桂產於清化者。紋理細膩。味甘而馨香。出於雜山者。體質粗頑。味辛而臭惡。書云。天生人。人成天。又云。習與性成。聖賢同歸。則愚蠢者。教訓之可以進乎明敏。醜陋者。粧點之可以壯其容儀。人生能變化其氣質。而況於肉桂可無製煉乎。去辛臭以反其甘香。除惡毒而轉爲良善。所謂盜賊化爲君子。信然矣。海上懶先生有製桂法。徒使歛降而未殺其毒。譬猶收醜陋之輩。飭之羅綺。而不教以詩書。則愚蠢性存。何堪應用。從事斯道者。當熟思之。

